

Tác Giả và Tác Phẩm

Trần Doãn Nho

Tiểu sử

Tên thật: Trần Hữu Thục. Sinh ngày 25.7.1945 tại Huế.
Hiện ngụ cư tại Boston, Hoa Kỳ

Tác phẩm

Vết xước đầu đời, Căn phòng thao thức, Viết và đọc, Dặm trường.



Mục Lục

Một chút Việt Nam – 2

Đàm thoại với nhà văn Trần Doãn Nho - Lương Thu Trung – 15

Tàn mạn về văn Mai Thảo – 25

Trần Doãn Nho – Nguyễn Thị Thanh Bình – 36

Cái thú của tôi - 38

Đọc “Dặm trường” của Trần Doãn Nho - Phạm Xuân Đài - 41

Về - 46

Thử đọc lại vài trang sách của Trần Doãn Nho - Lương Thu Trung – 51

Vài kỷ niệm về Trần Phong Giao - 58

Trần Doãn Nho người dẫn dắt đi chơi - Nguyễn Lệ Uyên – 60

Phụ đính I :

Ngút ngàn - Đi cho hết đêm - Một đêm - Quán tính - Phở núi

Không phải chỗ của bọn mình – Một chút – Di lụy

Dáng buồn mệnh phụ - Không có ai, không có gì cả

Phụ đính II :

Viết/chữ - Hơi chữ

Tính “văn học” trong văn học miền Nam

Trò chuyện cùng trần hoài thư về thư án quán & thư quán bản thảo

Trò chuyện với nhà văn Phạm Phú Minh

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Một chút Việt Nam

1.

Đêm rồi, Hưng ngủ muộn, vì cố gắng làm xong mấy bài homework cho tuần sau. Anh muốn có một chủ nhật hoàn toàn không bận bịu. Nửa đêm, có cơn mưa nhỏ bên ngoài. Gió tạt vào những hạt mưa qua khoảng hở của cánh cửa sổ quên kéo xuống. Anh lười biếng nằm im, để vậy, lắng nghe tiếng mưa tạt, tiếng cửa gương lay động lách tách.

Trong giấc ngủ chờn vờn, trí tưởng anh bay về những vùng trời xa xôi, nửa thực nửa hư. Mưa sa, bão táp, lụt lội, ghe đò bập bênh sóng nước bên hiên nhà. Chợ búa bồi hồi mùa nước lũ. Đám con trai, con gái xắn quần cao lội nước. Thời gian không đầu không đuôi, như kéo dài ra vô tận. Cứ thế, anh nằm, anh đứng, anh ngồi, anh chơi. Chậm chạp và lười biếng. Và những mộng tưởng xa vời. Mộng cứ là mộng, chẳng cần phải thành sự thực. Cứ thế ...

Và thức dậy sớm. Làm vệ sinh xong, Hưng đứng tựa cửa sổ nhìn ra. Chứa nhật đã ở bên ngoài với bãi đậu xe ngân hàng trần trụi, phơi ra những ô, những lằn vạch, những mũi tên vô hồn. Đường phố nằm yên, y như đang ngủ giấc ngủ ngày. Chứa nhật, thời gian dụi đi, hiền lành, đáng yêu. Như con mèo nhỏ gối đầu trên chiếc dép ở góc phòng, lim dim ngủ. Anh mặc tình sờ mó, vuốt ve, sờ hũu.

Suốt tuần, nó giục anh chạy, nó ném anh vào dòng sống phiêu linh không bến không bờ. Nó chiếm lấy anh, sử dụng anh như một tên nô lệ. Bây giờ, ở đây, lúc này, anh có cảm giác cảm được nó và thả ra từng chút, từng chút. Rất tùy nghi.

Định pha một cốc cà phê, rồi chuẩn bị một tô mì ăn liền với đầy đủ gia vị, thịt thà (mà ngày thường không kịp làm), nhưng thấy bình cà phê sạch nhẵn, anh tự nhủ thôi tới tiệm Mỹ nhâm nhi một cốc cho khỏe. Anh thay áo quần, rồi "lốc" cửa, ra đi. Khác với khu ngân hàng ở bên kia đường, khu chung cư anh ở, ngày chứa nhật ồn ào hơn thường. Đám trẻ con đen, trắng, nâu, vàng chạy nhảy, la hét. Các cánh cửa phòng vốn đóng im ỉm giờ mở toang.

Đi qua các căn phòng dân Nam Mỹ, chàng nghe phảng phất cái mùi đặc biệt mà dân Việt Nam ở đây vẫn gọi là mùi "xì" với vẻ mỉa mai. Chữ "xì" bắt nguồn từ chữ "Spanish", dân nói tiếng Tây Ban Nha. Người Việt xem những ai không phải mỹ chính gốc đều là "xì" và xem thường, thậm chí khinh bỉ họ. Kể ra thì khinh bỉ sắc dân khác cũng là một cách thể tự vệ trong một xứ đa chủng như thế này. Anh nghiệm như thế.

Đúng lúc anh bấm nút "close" để đóng cửa thang máy, thì một cô gái chạy bổ vào, giọng Mỹ sôi:
- Xin lỗi, cho tôi vào với, tôi có chuyện gấp.

Anh đưa tay chặn cánh cửa tự động. Cô gái lách vào qua một khoảng nhỏ còn lại vừa đủ cho thân hình nhỏ nhắn của cô. Nàng thở gấp, nhìn anh:

- Cám ơn, cám ơn.

Vừa nói theo quán tính "không có gì", anh vừa nhìn kỹ nàng và ngạc nhiên thấy cô ta là một người châu Á. Nàng nói tiếng Anh hay thật. Nếu không nhìn nàng mà chỉ nghe, chắc anh vẫn cho nàng là dân Mỹ thứ thiệt. Nàng mặc cái jupe xòe dài màu hồng nhạt, điểm những bông hoa tím nhỏ, áo T-shirt màu đỏ tươi, trước ngực có hàng chữ "*Take back the night*" nằm trong một ô tròn màu đen. Thắt lưng to bản. Tóc bới cao kiểu đuôi ngựa. Phần tóc phía trán được đánh thành hai tua nhỏ kiểu con nít, thả xuống hai bên má, trông thật ngô nghĩnh, y như kiểu tóc của loại dân Nam Mỹ nào đó. Nàng còn trẻ lắm. Việt Nam, Tàu, Singapore, Nhật hay Lào?

Cô gái đứng yên, nhưng lộ vẻ bồn chồn. Khi thang máy dừng hẳn, nàng phóng ra trước, chạy đi. Anh nhìn theo, tự hỏi cô ta từ đâu đến, đến thăm ai hay mới đến thuê ở. Anh nhìn theo đến khi bóng nàng khuất sau góc phố.

Anh đi uống cà phê, đi giặt, đi chợ. Khi trở về, vừa đậu xe xong, anh chợt thấy bóng chiếc áo đồ thấp thoáng trong lối đi chính vào khu chung cư. Như có một sức hút, anh rảo bước theo với hy

vọng sẽ gặp cô ta. Quả không bỏ công, anh đến đúng lúc thang máy vừa xuống. Cửa mở. Cô gái nhìn anh cười và ra dấu cho anh vào trước. Anh lịch sự nhường lại.

Khi thang máy từ từ chạy lên, anh định hỏi nàng, thì nàng lại bắt chuyện trước:

- Ông ở đây?

- Vâng.

- Tầng mấy?

- Tầng năm. Còn cô, cô đến thăm ai?

- Không, tôi cũng ở đây, tầng bảy.

- Tôi không hề gặp cô lần nào ở đây. Chắc cô mới đến.

- Vâng. Chừng hai tháng.

Hai tháng. Cũng khá lâu, sao anh không hề gặp?

Cuộc đối thoại chấm dứt khi thang máy dừng ở tầng năm. Khi anh chào từ giã đi ra cửa thì cô gái cũng bước ra. Anh dừng lại nhìn nàng:

- Cô không đi tiếp?

- Không, tôi muốn hỏi ông một việc. Ông người Tàu hay người Nhật?

- Cô đoán thử.

- Chắc là người Hồng Kông?

- Sai, Việt Nam.

Cô gái ồ lên một tiếng, tia mắt rực sáng. Nàng đột ngột dang hai tay ra như muốn ôm lấy anh, nhưng kịp buống xuống. Nàng thấp giọng, nói bằng tiếng Việt:

- Tôi cũng là người Việt.

Anh cười:

- Thế thì tôi đoán không sai. Tôi cũng ngờ ngờ cô là người Việt từ khi gặp cô hồi sáng. - Ngờ ngờ? Tôi không hiểu.

- Ngờ ngờ là phỏng chừng, đoán chừng, là guess.

Nàng cười:

- Tôi kém tiếng Việt lắm.

- Cô nói sành đấy chứ, à ... nói giỏi đấy chứ.

Nàng đứng ngẫm nghĩ một lát, rồi nói, giọng ngập ngừng:

Gặp được anh là người Việt, tôi ... vui lắm. tôi muốn nhờ ... Xin lỗi, nói thế này có hơi, hơi ... bất ngờ, anh thông cảm. Có thể nào, tôi ghé thăm anh được không? Không phải bây giờ mà ... mà một lúc nào đó ... khi anh không bận ...

Anh ngạc nhiên:

- Đến thăm tôi, ờ, ờ ... tất nhiên là được. Nhưng ... có việc gì không cô?

- Cũng chẳng có việc gì, tôi chỉ muốn có bạn ... cho vui.

- Nhưng ... nhưng khi nào cô đến?

- Tôi không biết. Khi nào đến, tôi sẽ gọi điện thoại báo cho anh. Mà ... mà anh không có gì phiền chứ? Lúc nào thì anh có nhà?

- Chúa nhật, còn ngày thường, tôi chỉ rảnh một chút buổi trưa và sau tám giờ tối.

Cô gái vội vã quay đi. Chợt nhớ ra điều gì, cô dừng lại:

- Vội quá, tôi quên hỏi. Anh có thể cho tôi số điện thoại và số phòng anh không?

Anh ghi số điện thoại và số phòng trên một mảnh giấy nhỏ đưa cho nàng. Nàng vừa quay gót, anh gọi giật:

- Này, cô, tôi chưa có số điện thoại cô.

Nàng quay lại, đến gần anh, nói nhỏ:

- Tôi xin lỗi. Điện thoại tôi gọi ra thì được, nhưng không gọi vào được. Anh thông cảm. Cảm ơn anh.

Nàng đi bộ lên lầu.

Hưng trở về phòng, lòng ngờ ngờ vục vục, không yên. Gặp bất ngờ. Quen bất ngờ. Thêm một cái hẹn bất ngờ. Đã thế, lại hẹn gặp ngay tại phòng mình. Cô ta là ai? Điểm? Dân bụi đời, băng đảng? Gái bất mãn gia đình, trốn nhà ra đi? Nhưng nhớ lại dáng dấp, cử chỉ của cô gái, không có

về gì bất thường. Thậm chí, rất là gái nhà lành. Nghĩ thế, anh cảm thấy yên tâm. Và vui. Một niềm vui thật mới.

Từ ngày qua Mỹ, sống tách khỏi gia đình, tự lập, anh sống như kẻ chạy đua với thời gian. Cái gì cũng mới lạ, đòi hỏi sự phấn đấu. Không buồn. Chẳng vui. Luôn luôn bận rộn. Bây giờ, tự dưng quen một cô gái. Tự dưng lại được hẹn hò. Anh phấn chấn. Nổi hưng phấn rất thanh niên bấy lâu bị dồn nén bỗng tràn ra, dạt dào. Bùng bùng. Sôi sục.

Suốt cả tuần, hễ xong việc là anh về nhà. Hễ nghe điện thoại reo là có bận việc gì, anh cũng chạy vội đến bốc máy ngay. Nhưng không có điện thoại của cô gái. Sốt ruột, anh lên tầng bảy, đi dọc theo hành lang, mong được tình cờ gặp nàng đâu đó. Chẳng có ai. Hành lang lúc nào cũng vắng tanh. Các cửa phòng đóng im ỉm. Anh có cảm giác như thế giới không có mặt ở đây trong suốt những ngày làm việc. Cô ta ở phòng nào?

Nổi đợi chờ vu vơ khiến nhịp sống bình thường anh bị chao đảo. Anh cố ý kéo dài những giây phút thư giãn, cố ý giảm bớt những bận bịu, cố ý về sớm và tìm cách đi muộn. Thời gian giãn ra, chậm chạp, bứt rứt và buồn nản. Anh bần thần.

2.

Mãi đến tối thứ bảy, cô gái mới điện thoại cho anh. Nàng nói một hơi:

- May quá, anh có ở nhà. Hôm trước, muốn ghé anh, nhưng tìm không ra mảnh giấy anh cho hôm trước. Tôi mới tìm lại được hồi trưa nay trong đồng sách vở. Tôi tên Miên Tâm. Gặp được người Việt Nam ở đây tôi rất vui. Tôi rất ít khi có dịp đi ra ngoài. Chắc anh bận lắm phải không? Chiều mai, anh có rảnh không, tôi sẽ ghé xuống anh, khoảng hai giờ đến ba giờ. Anh cứ để cửa vậy, tôi vào, khỏi ra đón. À, số phòng anh là 508 phải không ... Tôi sẽ xuống. Nhớ để cửa, đừng đóng. Từ hai đến ba giờ chiều mai.

Nói xong, không đợi anh trả lời, nàng đã cúp máy. Anh gác điện thoại, thở phào nhẹ nhõm. Thế là anh đã có một hẹn hò. Ngày chúa nhật sẽ được lấp đầy. Anh sẽ được bận bịu. Anh sẽ có thêm những điều mới mẻ. Thế giới chán ngắt của anh với những màu sắc vụn rời, chấp vá sẽ được điểm xuyết thêm màu tím hay màu hồng của một bông hoa nhỏ.

Anh cảm thấy hân hoan, phơi phới. Đầu óc anh đột nhiên đầy những ấn tượng về nàng. Đôi môi đỏ chót, nốt ruồi chên chếch bên cánh mũi, đôi bông tai to tròn đu đưa, ngực thấp nhỏ, nụ cười thân thiện, dáng đi hấp tấp, giọng nói tiếng Việt chen lẫn tiếng Anh với những âm nhàn rất Mỹ. À, mà lạ thật, cô gái này đâu có gì đặc biệt, sao lại làm anh xao xuyến như thế! Anh đã từng có bạn gái. Anh đã từng yêu, từng hò hẹn. Thế thì tại sao anh lại bâng khuâng như thế này!

Đã khuya. Anh nằm xuống sàn nhà, chập chờn trôi vào giấc ngủ. Chiếc áo đồ tràn vào giấc mơ. Từ một giờ, Hưng đã bồn chồn nghe ngóng, lòng thấp thỏm không yên.

Cô gái đến thật. Quá hai giờ một chút, Hưng nghe tiếng bước chân ngoài hành lang. Tiếng gõ cửa thật nhẹ. Cánh cửa nhẹ nhàng di động. Cô gái đưa đầu vào, nhìn quanh. Thấy anh, nàng cười, nhanh nhẹn lách vào, khép cửa lại. Anh đứng dậy chào nàng, mời nàng ngồi. Cô gái nhìn anh nói:

- Phòng hơi hẹp, anh há.

Anh cười:

- Sinh viên nghèo mà cô.

Nàng bước lui, bước tới ngắm nghía mấy bức tranh, xem mấy cuốn sách anh học. Anh đứng vòng tay nhìn nàng và cố hình dung nàng thuộc loại người nào. Hôm nay, nàng mặc một bộ đồ lụa, may theo kiểu Việt Nam, màu vàng nhạt, có thêu những nhánh hoa hồng ở hai tà trước. Cổ đeo dây chuyền vàng, tóc xõa xuống hai vai. Trông nàng không khác gì những cô gái buôn bán đồ xa xỉ ở chợ Bến Thành. Nàng ngồi xuống, nhìn anh, giọng trở nên thân mật:

- Em tên Miên Tâm. Còn anh?

- Hưng.

- Gia đình anh cũng ở đây?

- Vùng này, nhưng "town" khác.

- Vượt biên hay bảo lãnh?

- H.O.

Nàng cười:

- H.O. qua nhiều thật. Đi đâu em cũng gặp H.O.

- Cô đi đâu mà nhiều thế?

- Em ở nhiều bang lắm. Ở miền Nam có, ở vùng giữa có, giờ lại lên miền Bắc. Em "move" lung tung.

- Để làm gì?

- Đi chơi, đi làm ăn. Mỹ mà, tự do. Còn anh, có đi đâu chưa?

Hưng cười:

- Tôi mới qua, lu bu đủ thứ, đâu có điều kiện để đi. Phải vừa đi học, vừa đi làm.

- Anh học gì?

- Computer.

Cô gái nhìn ra ngoài, qua khung cửa sổ:

- Nghe nói vùng này, mùa đông lạnh lắm. Sao anh không về các bang miền Nam nắng ấm, ở gì đây mà chịu tuyết suốt mùa đông.

Anh cười:

- Lúc mới qua cũng ngán. Nhưng hai mùa tuyết rồi, đâu có sao. Cô uống cà phê nhé?

Nàng nhìn lên:

- Em không thích cà phê. Anh có bia không?

Anh hỏi, giọng ngạc nhiên:

- Cô uống bia được à?

- Sao lại không! Một hai chai thôi. Anh ngồi đi, em tự lấy cũng được.

Cô gái đứng dậy, đến tủ lạnh, mở cửa. Nàng nói:

- Budweiser. Không có Heineken. Em khoái Heineken. Nhưng Budweiser cũng OK.

Nàng lấy một lon đến ngồi ở bàn, khui uống. Nàng uống bia tự nhiên, thành thật, ngon lành. Nhìn cung cách nàng, anh hãi. Nàng hỏi:

- Anh không uống?

- Tôi ít khi uống bia ban ngày. Uống vào mặt đỏ gay, kỳ lắm. Chỉ thỉnh thoảng uống một lon trước khi đi ngủ. Cô vẫn uống thường như thế à?

- Không thường lắm. Nhưng giờ này, ngồi ở đây, tự nhiên em thích một chút gì đắng đắng. Uống nước ngọt hoài, chán lắm.

Nàng gác chân lên chiếc ghế thấp đặt kế bàn học. Anh thoải mái ngắm nàng. Những móng chân sơn đỏ chói, cắt tỉa cẩn thận. Đôi bàn tay nhỏ nhắn, móng để dài, cũng sơn đỏ. Bộ đồ lụa trơn láng, mỏng mảnh, thêu hoa cầu kỳ khiến anh nghĩ đến những bà chủ tiệm vàng hay tiệm mỹ phẩm anh thường thấy ở các đường phố bên Việt Nam. Chỉ thiếu cái nét phương phi, bệ vệ.

Dáng nàng mảnh khảnh, khuôn mặt nhỏ, đôi lông mày hơi xếch, trông ngổ ngáo khi ngược nhìn lên. Im lặng trầm ngâm, khuôn mặt nàng như tối hẳn đi. Nhưng lúc cười, nàng trở nên đôn hậu, chơn chất. Anh có cảm giác như khi cười và khi im lặng, nàng có hai khuôn mặt hoàn toàn khác nhau. Hẳn nàng có một cuộc sống thoải mái, anh nghĩ. Ít ra thì nàng cũng không phải lao động vất vả trong các hãng xưởng như anh.

Anh hỏi:

- Cô không đi làm?

- Có, nhưng thỉnh thoảng.

- Part-time à?

- Không hẳn thế.

Nàng trả lời ngắn gọn, bằng một thứ tiếng Việt khá chuẩn xác. Tiếng Anh hay, tiếng Việt nàng cũng khá. Anh hỏi:

- Cô sang Mỹ lâu chưa?

- Từ khi em tám tuổi.

- Hèn gì!

- Cô gái ngược mắt lên:

- "Hèn gì"?

Anh giải thích:

- Hèn gì cô nói tiếng Anh như ... Mỹ. Lớn tuổi như tôi học chậm lắm.

- Anh mà lớn gì! Trẻ măng à, trẻ hơn cả ... Garcia ... à quên, anh trẻ, ... trẻ lắm.

Không để ý đến lời khen, anh hỏi:

- Cô vượt biên à?

- Vâng.

- Với gia đình?

- Không, một mình em.

Anh sửng sốt:

- Tám tuổi sao cô đi một mình?

Cô gái trầm ngâm một chút rồi trả lời:

- Cha mẹ em gửi em cho một người quen.

À, ra thế! Trước đây, anh không hình dung nổi tại sao người ta có thể gửi đứa con mới mấy tuổi đầu của mình trên những chuyến vượt biên vô cùng nguy hiểm như thế. Có khác gì bỏ con. Dần dà về sau, anh hiểu. Người ta không bỏ con, mà không còn chọn lựa nào khác. Cuộc sống lúc đó đen tối quá, chỉ còn một cách: đánh cuộc với định mệnh. Một đánh cuộc đau đớn. Hơn thế nữa, một đầu tư.

3.

Miên Tâm cúi xuống bàn xoay xoay lon bia, khuôn mặt chùng xuống. Về già dặn toát ra không dấu kín được hết đường nét ngây thơ loáng thoáng đầu đó. Cái vui lẫn quất trong cái buồn. Nàng còn trẻ. Trẻ và nhỏ. Tự nhiên, anh cảm thấy ngậm ngùi với hình ảnh một cô bé còn măng sữa, trải qua hết tuổi thơ của mình trong một hoàn cảnh lạc loài, cô đơn, xa lạ. Nàng phải trả giá cho một ước mơ lớn của hai đấng sinh thành. Họ có tạ tội nguyện không? Anh nhìn nàng, hỏi:

- Ba mẹ cô vẫn còn sống?

- Vâng.

- Vẫn ở Việt Nam?

- Vâng.

- Cô không bảo lãnh qua à?

Nàng thở dài:

- Qua làm gì cho thêm khổ.

Lại kêu khổ, lạ thật! Chẳng khác gì cách nói của cha mẹ anh. Cày ngày cày đêm. Con hư. Mỹ đều. Tình người không có. Vân vân và vân vân.

Cô gái đứng dậy, đi quanh phòng. Nàng ngắm nghía, sờ mó mọi thứ. Đến ngăn có sách báo Việt Nam, nàng lôi ra một tờ tạp chí, mang đến bàn, lật từng trang xem. Hưng chăm chú nhìn. Anh hỏi:

- Cô thích đọc báo Việt Nam không?

Nàng ngẩng nhìn lên:

- Thích. Nhưng ... nhưng mà, em không biết đọc tiếng Việt.

Cô gái nhìn đồng hồ trong lúc vẫn lật tới lật lui tờ báo tiếng Việt. Anh hỏi:

- Ai dạy cô nói tiếng Việt?

Nàng nhìn anh:

- Không ai dạy cả. Chỉ bắt chước. Bắt chước người này người nọ. Nhưng nhiều nhất là bắt chước phim bộ.

- Hèn gì!

Anh trầm ngâm nghĩ ngợi, chợt nhớ đến những lần anh than phiền với ba mẹ anh về việc mấy đứa em nhỏ của anh xem riết phim Hồng Kông, chẳng mấy khi chịu xem phim Mỹ. Anh bảo cứ xem phim nói tiếng Việt mãi thì bao giờ chúng biết tiếng Anh để theo kịp người ta. Anh chợt bật cười. Cô gái hỏi:

- Anh cười em?

- Không, tôi cười tôi. Nghe cô nói, tôi chợt thấy mình sai. Tôi vẫn cho xem phim bộ Hồng Kông là hư, không ngờ chính nó lại giúp người ta trau dồi tiếng Việt một cách hữu hiệu.

- Hữu hiệu?

- Là tốt, hay, là good.

Cô gái lại xem đồng hồ. Nàng có vẻ bồn chồn. Nàng uống cạn bia, tay cầm cái lon không bóp lên bóp xuống. Nàng nhìn anh, ngập ngừng:

- Em phải về. Em muốn nhờ anh một chuyện.

Chắc bắt đầu ra chiều đây, anh nhủ thầm. Để thử xem.

Giọng nàng thành khẩn:

- Em muốn học tiếng Việt. Anh có thể giúp em được không?

Anh chưng hửng. Anh không thể nghĩ ra một loại đề nghị như vậy. Anh cười:

- Tôi vẫn tưởng cô cần tôi việc gì ghê gớm lắm.

Không đoán được lời nói đùa của anh, cô gái tiếp:

- Thú thật với anh, điều làm em đau khổ nhất là em không đọc được thư nhà và cũng không viết được thư về nhà. Lời thú nhận bất ngờ giúp anh chợt hiểu một cách sâu sắc nỗi buồn của cô gái. Những giới hạn về ngôn ngữ khiến cô bị cắt lìa khỏi nguồn cội. Nàng có thể nói tiếng Việt, cũng như anh có thể nói tiếng Anh, nhưng thiếu hẳn sự gắn bó giữa những âm, những chữ với cuộc đời. Nàng đầy những kỷ niệm Mỹ, nhưng không cảm thấy mình là người Mỹ. Nàng muốn mình là người Việt Nam, nhưng thiếu hẳn một quá khứ Việt Nam. Tự dưng, anh nhìn Miên Tâm khác đi.

Anh hỏi:

- Cô còn nhớ gì về Việt Nam không?

- Không. Lúc đi, em còn nhỏ.

- Quê cô ở đâu?

- Kien Hoa hay Kien Phong, em không nhớ rõ.

- Cô về thăm ba mẹ chưa?

- Chưa. Em định sẽ về, nhưng chỉ khi nào em đọc và viết được tiếng Việt.

Cô gái lại xem đồng hồ. Nàng nhấp nhòm trên ghế ngồi.

- Đến lúc em phải về. Em có việc bận. Anh liệu có thể giúp em được không? Yes hay No.

Anh phân vân:

- Giúp thì dễ dàng. Có điều, thì giờ tôi eo hẹp lắm. Như cô biết, tôi vừa đi học, vừa đi làm ...

- Em biết. Anh suy nghĩ, em sẽ gọi lại anh tối nay. Dù thế nào, anh cũng rán giúp em. Hy vọng là anh sẽ nói Yes.

Nàng đứng dậy:

- Em về.

Nói xong, nàng rời phòng ngay, dáng hấp tấp. Anh đóng cửa lại, im lặng cảm nhận chút hơi hướm của cô gái như còn thoang thoảng đâu đây.

4.

Hưng đồng ý dạy tiếng Việt cho Miên Tâm. Dù đối lúc anh hoài nghi ý định thực sự của cô gái, nhưng trong thâm tâm, anh tin rằng nàng thực tình đối với anh. Anh rút bớt những giờ nghỉ ngơi và đi chơi với bạn bè để chỉ dẫn cho cô gái. Chỉ phiền một nỗi: giờ giấc nàng rất tùy tiện. Khi anh rảnh thì nàng không xuống. Khi đang bận thì nàng đòi xuống. Đôi lúc, đang học nửa chừng, nàng đột ngột bỏ về. Anh bực. Biết thế, nàng năn nỉ anh thông cảm cho hoàn cảnh đặc biệt của nàng. Nàng nhắc đi nhắc lại nhiều lần: *my special circumstance!*

Hoàn cảnh đặc biệt! Bây giờ thì dù không hoàn cảnh đặc biệt đi nữa, anh cũng chiều theo ý nàng. Làm sao mà từ chối cho được. Anh bị nàng hớp hồn rồi! Thời khóa biểu không cần nữa. Lúc nàng muốn đến, nàng gọi. Anh rảnh, anh dạy. Không thì thôi. Lúc nào nàng muốn đến anh cũng cố thu vén bài vở, công việc để dạy nàng. Điều duy nhất làm anh khó hiểu là điện thoại nàng không gọi vào được. Hỏi tại sao nàng làm vậy, nàng chỉ nói gọn lỏn: "*Em thích thế.*" Đã thế, nàng còn yêu cầu anh đừng bao giờ tìm nàng, dù chỗ nàng ở hay bất cứ ở đâu. Có lần, nghe

nàng nhắc mãi lời yêu cầu đó, anh bực mình nói: *"Em cần anh, em tìm. Còn anh, anh có việc gì mà phải tìm em nào?"* Nàng bịt miệng anh lại: *"Đừng nói nữa."*

Nàng cư xử tự nhiên như một người tình lâu ngày. Thỉnh thoảng, anh cầm tay nàng. Thỉnh thoảng, anh thờ vào tai nàng. Thỉnh thoảng, nàng vịn vai anh. Có lúc nàng mệt mỗi nằm vật xuống chiếc giường đơn nhỏ bé của anh. Có điều, mọi cử chỉ của nàng đối với anh dường như luôn luôn vừa đủ, để không quá xa cách, mà cũng không quá thân mật.

Riêng anh, anh vừa dạy nàng học, tỉ mỉ, kiên nhẫn, đầy thiện chí, lại vừa vật vã tranh đấu với bản thân anh. Đôi trai gái trẻ trong một căn phòng nhỏ ẩm cúng, thân tình, mời gọi, thế mà cái biên giới mỏng mảnh nằm giữa vẫn còn. Chỉ cần anh cúi sát thêm vào đôi vai nàng. Chỉ cần vòng tay anh khép lại thêm. Chỉ cần nàng ngả đầu thêm vào vai anh. Chỉ cần nàng nằm yên trên giường thêm. Thêm một tí nữa, một tí nữa thôi, tất cả sẽ bị phá vỡ. Ban đêm nằm ngủ, trần trọc với mùi hương hoa phảng phất, với những ý nghĩ vẩn vơ, với sự thúc dục của một cơ thể đang hồi sung mãn, anh định vượt qua mọi giới hạn ngày hôm sau. Nhưng lạ thật, anh yếu bóng vía, vẫn không làm được, vẫn đứng yên bên này lẫn ranh.

Có lần, tập đánh vần xong một đoạn báo, nàng nằm xuống giường nhắm mắt, áo quần hở hênh, để lộ khoảng bụng trắng ngần. Tự nhủ đó là một tín hiệu mời gọi tích cực, anh lân la đến ngồi xuống gần bên, tay anh bóp cánh tay nàng lần lên phía vai, đầu cúi xuống chiếc ngực phập phồng. Anh cúi xuống, cúi xuống, trái tim anh đập thình thịch trong lồng ngực như muốn vỡ tung. Đúng lúc đó, nàng mở mắt, tay đỡ nhẹ đầu anh, rồi ngồi dậy mỉm cười, bước đến bàn tiếp tục đánh vần.

Nàng ít đề cập đến đời sống của nàng hiện tại. Anh có hỏi han chuyện này, chuyện nọ, nàng chỉ cười buồn, khuôn mặt như chùng xuống, tối đi. Gần nàng, thay vì hiểu rõ nàng, thì anh lại thấy nàng bí ẩn và khó hiểu thêm. Càng ngày nàng càng thu mình vào trong cái vỏ bọc. Càng ngày càng tự nhiên nhưng nghiêm trang, đứng đắn hơn. Anh sốt ruột muốn chấm dứt kiểu thầy trò bất đắc dĩ này.

Các buổi học dần dần đâm ra đơn điệu, lạnh lùng. Hưng thấy chán nản. Những ý tưởng háo hức ban đầu cơ hồ như tan biến. Một hôm, nàng điện thoại báo nàng sẽ xuống, anh lạnh lùng:

- Anh mệt.
- Anh đau à?
- Không, mệt.

Anh gác máy đột ngột. Một lát, anh nghe tiếng gõ cửa. Anh uể oải đứng dậy mở cửa. Miên Tâm xuất hiện trong cái "rộp" ngủ, bên ngoài thêm chiếc áo khoác. Nàng nhìn anh chăm chú:

- Anh đau hay giận em?

Anh trả lời hờ hững:

- Anh nói rồi. Mệt!
- Anh không muốn em vào à?
- Anh muốn nằm nghỉ một lát.

Khuôn mặt nàng đột nhiên tối lại, đôi mắt nhìn xuống, tay vân vê tà áo khoác. Nàng bước đến gần anh, đưa tay đặt lên vai anh, cười buồn:

- Thì thôi, em về.

Nàng quay ra, khép nhẹ cửa phòng. Anh nhìn theo, muốn gọi nàng một tiếng, nhưng lại thôi.

5.

Lần học kế, Miên Tâm không đến. Anh tự nhủ thôi thế là xong. Chấm dứt là vừa. Anh cũng đã có lòng với nàng lắm rồi. Và lại, anh bận bịu quá. Thì giờ anh dành cho nàng, thực ra là cắt xén từ cuộc sống tất bật của anh. Để đổi lấy được gì? Chẳng có gì.

Nhưng hai ba ngày sau, đột nhiên anh thấy trống rỗng. Anh ngờ rằng mình mệt thật. Không phải. Ngẫm nghĩ một hồi, anh mới chợt nhận ra một cách sâu sắc rằng, tất cả chỉ vì thiếu tiếng gọi của

Miên Tâm, thiếu bóng của nàng. Những giờ rảnh rỗi chợt vô duyên lạ lùng. Có nàng: hơi thở, nụ cười, bước chân, tiếng mở cửa, tiếng đánh vắn, dáng nằm dài trên nệm, mùi hương phấn ... Có nàng, anh quá bận bịu. Vắng nàng, anh thấy giờ giấc thừa ra, dằng dặc. Anh đã khước từ, đã đuổi nàng, đã mệt mỏi, chán nản. Anh tham lam, ích kỷ. Thiện chí lúc đầu của anh đã biến thành một thứ ham muốn khác. Anh muốn ôm nàng, hôn nàng, anh muốn, anh muốn ...

Nhiều lần, anh ngồi bật dậy, mở cửa, leo lên tầng bảy, bước dọc theo hành lang. Các cửa phòng đóng kín. Anh chẳng biết nàng ở đâu. Anh quá tệ thật. Nàng lâu bảy, anh lâu năm. Chỉ có mấy phút đi bộ. Thế mà chẳng biết tìm nàng ở đâu, khi cần. Chán nản, anh vào thang máy, xuống tầng một, vẫn vợ đứng nhìn con đường, bãi đậu xe, khu ngân hàng tấp nập. Mùa thu, lá rụng đầy. Gió thổi rào rào, dồn những đám lá vàng lại từng chòm rồi đẩy chúng tung ra khắp nơi. Anh buồn bã trở về phòng nằm xuống, băng khuâng nhớ tiếc bồi hồi. Anh mong tiếng reo điện thoại. Anh mong nàng đến.

Chừng một tuần sau. Miên Tâm gọi:

- Thế nào, hết giận chưa anh?

Anh hấp tấp:

- Có giận gì đâu. Em xuống liền chứ?

Giọng nàng ngập ngừng:

- Chưa được ...

- Giờ anh đang rảnh. Em xuống nhé?

- Không ... Mà này, anh nghĩ làm một bữa được không?

- Để làm gì?

- Anh đưa em đi chơi, được không?

Anh ngạc nhiên:

- Đi chơi?

- Thì đi chơi. Đi ra ngoài chơi cho vui. OK?

- Ở ... ờ, tất nhiên là OK. Em xuống đây rồi đi hay sao?

- Hiện em không ở nhà. Anh đến đón em ở góc đường Queen và King, Family Health Hospital.

Lúc hai giờ. OK? Em mặc áo màu đỏ. Như lần đầu gặp nhau.

- OK.

Anh mừng quýnh.

Anh đến chỗ hẹn đúng hai giờ. Một lát sau, anh thấy chiếc áo đỏ xuất hiện trong sân Family Health Hospital. Đúng là Miên Tâm. Anh ngạc nhiên khi nhìn thấy nàng đẩy chiếc xe chở trẻ con. Đến bên xe, nàng cười chào rồi lảng lạng mở cửa sau, xếp gọn chiếc xe lại, mang xe và một đứa bé nằm trong đó lên xe anh. Anh tắt máy, quay lui nhìn. Đứa bé khoảng một, hai tuổi, tóc hoe, lấm quăn, da nâu phơn phớt. Không đợi hỏi, Miên Tâm nói ngay:

- Con em.

Anh giật thót mình, sững sờ nhìn chăm nàng, không chớp mắt. Nàng cúi xuống đắp chiếc chăn nhỏ lên ngực, lấy bình sữa đút nuốm vào miệng đứa bé. Ấu yếm và thành thạo. Đứa bé vừa bú vừa cựa quậy, mắt nhìn láo liêng. Anh có cảm giác ngộp thở, muốn hỏi một câu, nhưng không thốt lên được. Phải vài ba phút sau, anh mới lên tiếng, giọng run run:

- Con em! Em không đùa chứ. Trai hay gái vậy?

- Gái.

- Mấy tuổi rồi?

- Mười bốn tháng.

Anh im lặng. Nàng cũng im lặng. Một lát, nàng gài seat-belt cho đứa bé, giục:

- Thôi đi, anh.

Anh nhìn nàng, bối rối không biết phải xử sự thế nào.

- Đi đâu? Anh hỏi, giọng khô khốc.

Nàng nhìn ra ngoài cửa xe:

- Một nơi nào ngoài thành phố. Em muốn tâm sự đôi điều với anh.
- Anh muốn từ chối, đi về. Nhưng nghĩ lui nghĩ tới thấy không ổn, anh gài số, lái xe đi. Anh chạy vòng vèo bất định, đầu óc lang bang với những ý nghĩ không đâu. Cảm giác muộn phiền, tấm tức cấu xé trong lòng. Miên Tâm ngồi bất động, mặt nhìn thẳng phía trước. Ra khỏi thành phố, anh hỏi:
- Đi đâu?
- Tùy anh, em chẳng biết chỗ nào ở vùng này cả.

6.

Anh lái về hướng Green Hill. Đó là một công viên lớn ở ngoại ô, nằm kế bìa rừng. Chung quanh là những ngọn đồi nhỏ và khu rừng thưa. Mùa thu, các thứ lá đổi màu khiến tất cả trở thành một rừng màu sắc trông như hoa nở mùa xuân. Lá tím, lá vàng, lá đỏ, lá nâu, lá hồng ... Mỗi lá là một bông hoa. Gió từ phương Bắc ào về từng đợt, len lỏi qua các khu rừng, khuấy động không gian bằng một thứ âm thanh rào rào bất tận, dấy lên trong lòng người cảm giác u hoài, mênh mang khó tả. Lá rụng từng đợt. Lá phủ kín bãi cỏ, mặt đất. Thỉnh thoảng, gió thổi tới, rồi như chạm phải một bức tường cản đầu đó, xoay ngược trở lại cuốn thốc từng khối lá trên mặt đất bay tung tóe lên các cành cây rồi la đà rơi xuống.

Anh đậu xe, mở cửa đứng nhìn sững các khu rừng. Gió phơn phớt lạnh. Bầu trời thấp hẳn, tưởng chừng như chạm phải các ngọn cây qua một lớp mây màu tro nhạt phủ kín. Anh chợt nhớ câu thơ của Nguyễn Du: "*Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.*" "Màu quan san" là màu gì anh không hiểu, nhưng âm thanh của nó gợi lên một cái gì băng khuâng, man mác. Anh chợt thâm cảm hết ý nghĩa của chữ "rừng". Rừng là nhiều, nhiều quá, bất tận.

Mùa thu đậm nét bởi rừng cây đổi màu. Không, rừng lá. Đúng ra, phải nói là rừng hoa muôn màu muôn vẻ. Tháng sau, có thể là vài tuần sau, lá sẽ rụng. Rụng sạch. Biến mất. Y như thể chưa bao giờ có lá, để lại những cành cây trơ trụi, chờ vợ húng chịu mùa đông tuyết giá.

Miên Tâm đung khẽ vào vai anh. Anh quay lại, thấy nàng run rẩy sau chiếc áo khoác. Anh nói băng quơ:

- Gió nhiều quá.
- Anh nhìn vào xe. Đứa bé đã ngủ say, hồn nhiên. Con nàng đó sao! Nhìn nó, anh thấy khó chịu.
- Ngủ rồi à? Nhanh thế.
- Vâng. Nó dễ tính lắm.
- Không ấm theo sao?
- Sao mà ấm được. Gió lạnh thế này mà. Nó vẫn quen ngủ thế, hai ba tiếng đồng hồ mới thức dậy. Để nó đó, ta đi chơi một lát đi anh. À, sao anh không mặc áo khoác. Một lát lạnh, cảm chết!
- Anh có mang theo không?
- Không.
- Thôi được, khoác chung với em.

Nàng mở rộng áo, khoác một nửa lên vai anh, cầm tay, giục:

- Thôi đi.

Anh im lặng, thọc hai tay vào túi quần, bước đi. Hai người đi qua một bãi cỏ rộng có những cụm hoa hồng trồng cách quãng đều đặn. Lá từ trong rừng bay ra, vùn vùn quanh hai người, đuổi nhau trên những ngọn cỏ. Đi ngang bức tượng đặt chính giữa khu công viên, nàng hỏi:

- Em thấy có hai chữ Việt Nam, phải không anh?
- Ừ, đài kỷ niệm các chiến binh Mỹ trong tiểu bang đã chết ở Việt Nam.

Miên Tâm bùi ngùi:

- Ở đây yên lành thế, lại sang Việt Nam mà chết!

Anh bật cười:

- Còn mình đang ở Việt Nam thì lại tới đây mà sống.

7.

Đến một cái hồ nằm gần chính giữa khu công viên, anh dẫn nàng lên chiếc cầu nhỏ nối với cụm kiến trúc ở giữa hồ. Chính giữa là ngôi nhà có mái ngói cong cong, chung quanh là các tảng đá lớn, vài khóm hoa, một tượng phụ nữ khỏa thân. Loáng thoáng có đôi ba nét đồng phương ẩn khuất đâu đó. Hồ rộng, bờ nước tiếp giáp với các ngọn đồi và rừng ở xa xa. Nước trong vắt, lặng lẽ. Anh và Miên Tâm ngồi ở chiếc ghế khuất sau một tảng đá lớn, tránh gió. Anh gỡ áo khoác ra, nhìn nàng, đổi cách xưng hô:

- Cô kể chuyện đi.

Nàng choàng áo trùm kín hai vai, hai tay thu vào lớp áo trước ngực, ngược nhìn anh:

- Em xin lỗi đã không nói trước với anh là em đã có chồng.

Đã biết từ nãy giờ, nhưng khi nghe nàng nói hai chữ "có chồng", anh cảm thấy khó chịu. Anh hỏi, không giấu vẻ mỉa mai:

- Lại là chồng ngoại quốc. Mỹ hay "xì" vậy?

- Anh ấy người Jamaica.

- Vẫn còn ở với cô chứ?

- Vâng, tụi em vẫn ở với nhau.

- Nghĩa là thời gian vừa qua, khi cô xuống gọi là học với tôi, anh ta ở đó với cô, tăng bảy.

- Vâng.

- Trời!

Chữ "vâng" của nàng làm anh ngọt thờ. Nghĩ lại những lần hai người ở chung trong phòng, anh rùng mình. Anh nhìn nàng, gằn giọng:

- Cô liệu lĩnh thật. Cô muốn hại tôi. Lỡ ra anh ta biết thì có phải là họa cho tôi không?

Miên Tâm cúi đầu:

- Em biết. Nhưng em với anh đâu có làm gì không tốt.

- Ừ, thì đúng là không có gì! Nhưng ai mà tin được. Nếu thằng chồng cô mà biết thì ... thì ... tốt hay không tốt, anh ta cũng ...

Anh ngừng lại, không dám nói tiếp. Miên Tâm im lặng, nét mặt bần thần. Một lát, nàng phân bua:

- Không phải em liều. Em chỉ xuống anh khi nào anh ấy đi làm. Nhưng ... nhưng mà, nghĩ lại, đúng là liều thật. Nhưng biết làm sao được. Em thích học tiếng Việt. Em thích chơi người Việt. Em thích ...

Anh nhìn thẳng vào mắt nàng:

- Thiếu gì người Việt ở Mỹ. Vậy trước đây hai người ở đâu?

- Thú thật với anh, anh ấy không muốn cho em tiếp xúc với người Việt. Anh ấy sợ ... sợ ... mất em.

Anh hỏi:

- Ghen à?

- Vâng, anh ấy ghen với người Việt, vì cho rằng nếu em quan hệ nhiều với người Việt Nam, em sẽ bỏ anh ấy.

Anh gục gặc đầu tỏ ý hiểu. Nàng tiếp:

- Mấy năm rồi, từ khi lấy nhau, anh ấy cứ đem em đi loanh quanh, hết bang này đến bang khác, vừa để tìm việc làm, vừa để em không có cơ hội quen biết thân mật với người Việt.

Nhớ đến những lúc Miên Tâm nói vòng vo khi trả lời những câu hỏi của anh, anh ngớ ra, chép miệng:

- À, ra thế. Đúng là special circumstance! Hoàn cảnh đặc biệt.

Nàng cúi đầu, rút tay ra khỏi ngực, vắn vỏi tà áo. Một cử chỉ rất là Việt Nam, anh nghĩ. Nàng vẫn thường ăn nói, cử động tự nhiên như con gái Mỹ, nhưng giờ này, nàng có hơi khác. Ngượng nghịu, e ấp như một buổi hẹn hò đầu đời. Anh hỏi:

- Cô yêu anh ta?

- Không, em không yêu.

- Không yêu sao lại lấy nhau, lại có con. Bị cưỡng ép?

- Không.

Nàng chột thỏn thức:

- Em nói rồi, em cô đơn. Hồi đó, chẳng có ai ngoài anh ấy đến với em ...

Nàng lấy giấy chậm đôi mắt, đứng dậy, bước quanh, rồi trở lại. Nàng nhìn anh, khuôn mặt bình tĩnh lại:

- Em sang đây lúc mới tám tuổi, như anh biết. Lúc đầu, em ở chung với gia đình mà cha mẹ em gửi em theo, rồi sau ở chung với một người bà con xa. Không ai tử tế với em cả. Họ chỉ muốn lợi dụng em. Họ ăn bớt tiền trợ cấp. Họ dọa nạt em. Họ bắt em làm việc. Nhiều lần, em trốn đi nhưng không biết ở đâu, đành phải về lại với những người mà em hết sức căm ghét.

Nàng ngừng nói, đôi mắt nhìn xa như cố hình dung lại những gì trong quá khứ. Một lát, nàng tiếp:

- Ở trong trường, em không có bạn. Em là người Á châu duy nhất. Bọn học sinh trong trường chẳng cần biết em là ai, chúng chỉ gọi em là Asian và khinh ghét em ra mặt. Chỉ có Garcia là đến với em, giúp đỡ em.

- Garcia?

- Vâng, Garcia là chồng em.

Nàng gỡ mấy ngọn lá rơi vương trên tóc, ném ra xa. Anh hỏi:

- Anh ta yêu cô lắm?

Miên Tâm cười gượng:

- Hình như thế.

Anh có cảm giác bực tức:

- Hình như? Đến giờ mà cô vẫn ỡm ờ với tôi. Hai người yêu nhau, lấy nhau, có con với nhau.

Anh ta đi đâu, cô theo đó. Vậy cô tìm đến tôi để làm gì? Chỉ có một câu trả lời: cô muốn hại tôi.

Miên Tâm bối rối nhìn anh, nét mặt tràn đầy ân hận. Nàng cầm tay anh, bấm nhẹ vào lòng bàn tay, nói:

- Em biết anh giận. Nhưng em nói thật, anh có quyền tin hay không tin. Em muốn yêu một người Việt Nam, nhưng em lại chẳng quen một người Việt Nam nào cả.

Khuôn mặt nàng trở nên u ám:

- Em đã trải qua tuổi thơ, mà người ta cho là đẹp nhất đời, không cha, không mẹ, không bà con, không bạn trai, không bạn gái. Em không biết yêu. Có ai đâu để em yêu!

Anh hỏi:

- Garcia yêu cô thế, sao cô bảo không có ai?

Nàng nhìn vào mắt anh:

- Vâng, Garcia yêu. Nhưng nói anh đừng cười, Garcia rất kém tiếng Anh. Tụi em trò chuyện với nhau rất ít, vì Garcia không hiểu hết những gì em nói. Tụi em chỉ trao đổi vài ba câu thông thường trong đời sống hàng ngày, chứ chẳng có tâm sự gì được với nhau. Em nghĩ gì, thích gì, Garcia chẳng hề biết. Tụi em ở với nhau như hai con thú ...

Anh ngạc nhiên với cách dùng chữ khác thường của Miên Tâm:

- Hai con thú. Tôi không hiểu.

- Vâng, hai con thú. Chỉ có ăn, ngủ, nói chuyện trời mưa trời nắng vu vơ. Còn cái kiểu yêu của Garcia, em muốn nói, cái kiểu make love của Garcia ... ghê quá!

- Ghê quá?

Nàng quay mặt đi. Hưng nhắc lại câu hỏi. Nàng áp ứng:

- Ghê quá là dữ dội ... là ... Garcia đêm nào, ngày nào cũng bắt em xem phim sex, rồi thì là ... dày vò em, bắt em chiều ... đủ kiểu. Em sợ ...

Nàng ôm mặt. Đột nhiên, anh thấy Miên Tâm nhỏ bé, tội nghiệp quá. Anh hỏi, giọng nhẹ nhàng:

- Sao cô không bỏ đi?

- Đâu có dễ. Anh ấy ghen dữ dội. Nhiều lần, anh ấy dọa giết em nếu em bỏ anh ấy. Anh ấy khóa số điện thoại, không muốn cho ai gọi vào với em. Em như người tù.

Anh rùng mình. Anh nhớ lại cảnh Miên Tâm và anh ở với nhau trong căn phòng chỉ cách chỗ anh ta có hai tầng lầu. Nếu anh ta biết được, chắc cả hai không khỏi bị anh ta cho ăn đạn. Nghĩ đến đó, anh nổi da gà. Anh đứng dậy, lồng ngực ngột ngạt. Anh vươn vai, cố hít một hơi dài, nhìn

quanh. Nếu anh ta đột nhiên xuất hiện đâu đây, anh chạy đâu cho thoát. Miên Tâm đứng dậy theo, bước đến bên anh. Anh tránh xa, nghiêm nét mặt:

- Đủ rồi. Tôi đưa mẹ con cô về.

Nàng ngược mắt nhìn anh:

- Còn sớm mà.

Anh gằn giọng:

- Cô còn muốn đẩy tôi vào tình cảnh kỳ quặc, nguy hiểm như thế này à?

- Cái gì nguy hiểm?

- Chồng cô chứ ai vào đây nữa.

Nàng chột hiệu nỗi sợ hãi của Hưng. Nàng nói:

- Anh ấy đi New Hampshire rồi.

- Ai mà biết anh ta ở đâu. Vấn đề là tôi đã chờ vợ anh ta đi chơi.

- Em biết chắc. Anh ấy đang ở New Hampshire.

Anh quay đi, không nói gì. Miên Tâm im lặng bước theo, cô nắm tay anh:

- Gió lạnh, Hưng à.

Nàng gọi tên anh, dầm thắm lạ lùng. Anh muốn rút tay ra, nhưng cuối cùng để yên. Anh rùng mình. Cơn gió tốc mạnh về phía anh. Miên Tâm xoay chiếc áo về một hướng, che kín hai người. Lá đổ rào rào chung quanh. Dưới tấm áo, nàng ôm vai anh, nép vào ngực anh. Hưng nghe hơi thở nàng ấm áp một bên. Hai người im lặng bước đi. Công viên chiều vắng ngắt. Mọi người có lẽ ở đâu trong các nhà máy, công sở. Chỉ đôi ba kẻ vô công rồi nghề, bỏ học như anh, hoặc bỏ chồng như nàng lang thang ở đây.

Đến xe, mở cửa, anh thấy đứa bé vẫn còn nằm yên, ngủ ngon lành. Giờ nhìn nó, anh thấy tội nghiệp. Chẳng biết lớn lên, nó sẽ phải qua những nỗi bất hạnh nào.

Trên đường về, cả hai đều im lặng, mỗi người theo đuổi những ý nghĩ riêng. Trả hai mẹ con trước cổng Family Health Center, anh phóng xe rời xa như chạy trốn.

Như để bù lại số thì giờ đã phung phí một cách vô ích với Miên Tâm, Hưng lao đầu vào việc học và việc làm. Anh không ân hận, không phiền trách, nhưng cảm thấy như có cái gì hụt hẫng, có cái gì như chột máy đi, mất hẳn. Nàng có lẽ vẫn còn ở tầng bảy, có lẽ hàng ngày vẫn đi vào thang máy, vẫn thảnh thơi mặc chiếc áo đỏ, nhưng anh có cảm tưởng như nàng đã đi xa, đã rời bỏ nơi này. Anh mở cửa phòng, bước vào thang máy, chẳng hề ngoái nhìn lui. Nàng chỉ còn là một kỷ niệm nhỏ trong đời anh, một vết mực chột vương trên tờ giấy trắng. Thảnh thơi anh tự hỏi có thể nào nàng còn gọi điện thoại cho anh? Mấy chữ Việt Nam anh dạy nàng có còn nhớ? Một tuần, hai tuần, ba tuần trôi qua kể từ ngày anh chờ mẹ con nàng đi Green Hill.

8.

Một hôm, nàng chột gọi. Lúc ấy, đã khuya. Đang thiu thiu gần ngủ, anh ngồi bật dậy bắt điện thoại. Tiếng nàng hấp tấp:

- Anh vẫn còn đó. Em xuống bây giờ được không?

Anh cương quyết:

- Không. Xin để cho tôi yên. Đừng quấy phá tôi nữa.

Giọng nàng gấp rút qua tiếng thở hổn hển:

- Anh ấy đi rồi. Em muốn gặp anh một lần, trước khi ... trước khi ...

Anh hỏi vội:

- Trước khi gì?

- Trước khi em đi.

Anh giật mình:

- Đi? Đi luôn?

- Vâng, anh Hưng à. Không còn thì giờ nữa, em xuống nhé?

Nàng gác máy. Anh bâng khuâng giữ chiếc điện thoại trên tay, chẳng biết có nên mở cửa cho nàng vào hay không. Một lát, anh bỏ điện thoại xuống, đứng dậy, bật đèn. Tiếng chân nàng đã

nghe loáng thoáng. Anh bước đến cầm nắm cửa, lòng trù trừ không dứt khoát. Nàng gõ cửa. Anh vặn chốt cửa, lòng hồi hộp. Nàng lách vào, nhìn anh cười buồn:

- Tưởng anh không mở.

Nàng bước đến ngồi trên giường anh. Anh gài cửa cẩn thận, ngồi cạnh bàn, nhìn nàng. Nàng mặc "róp" ngủ màu xanh, hờ hênh, tóc dài xõa đầy hai vai và một phần khuôn mặt nhỏ nhắn. Hai tay nàng vòng trước ngực, bất động, buồn bã. Anh muốn nói một câu trách móc, than phiền nào đó, nhưng không được. Một lát, nàng ngẩng lên nhìn anh:

- Em đi, trong vài giờ nữa. Chẳng biết có còn gặp lại anh nữa không ...

Anh hỏi:

- Chồng em đâu?

Nàng bật cười, nụ cười khô, gương gạo:

- Anh đừng lo, anh ấy không có mặt ở đây. Anh đến hăng lo thu xếp một số công việc gì đó. Em chẳng muốn đem thêm rắc rối đến cho anh đâu. Nhưng ...

Giọng nàng nghe khác đi:

- Nhưng ... em buồn quá. Em sắp xa anh.

Nàng nhìn anh chơi vơi:

- Anh đến với em đi ...

Hai tay nàng dang ra, nước mắt long lanh. Anh bản thân đứng dậy, im lặng bước đến bên nàng. Nàng vúi cổ anh xuống, ôm chặt lấy anh, đầu gục vào ngực anh, nức nở. Nước mắt thấm vào da anh, lành lạnh. Nàng ngẩng đầu lên, tay níu hai vai anh:

- Hôn em đi.

Anh chưa kịp phản ứng gì thì nàng đã vật anh xuống giường, hôn tới tấp. Nàng cắn. Nàng liếm. Nàng rờ rẫm. Hơi thở nàng nóng hổi. Anh nghe mùi tóc, mùi nước hoa, mùi da thịt nàng tràn trề trên người. Những nụ hôn và những ngón tay. Nàng thành thạo. Dữ dội. Cuồng nhiệt. Đắm đuối. Anh đờ đẫn, run rẩy, bàng hoàng, không biết phải làm gì. Tóc nàng rối tung. Cái áo ngủ gần như tuột hẳn xuống. Nàng thực quá quắc, anh nghĩ.

Một lát, chừng như thấy anh thụ động quá, nàng ngừng lại, hỏi anh qua hơi thở gấp:

- Anh không thích em?

Anh không trả lời, xoay người ôm chặt lấy nàng. Nàng đưa hai tay giữ lấy đầu anh, thì thào:

- Hưng, em muốn một kỷ niệm Việt Nam. Đừng trách em, tội nghiệp. Em muốn ... em muốn ... một chút mùi ... mùi Việt Nam. Em muốn ... enjoy a little taste of Vietnamese ... Một chút hương ... Việt Nam, một chút ... một chút ...

Hưng không để cho nàng nói nữa. Anh chồm lên người nàng. Như một con thú hoang. Không còn là một Hưng e dè, thận trọng nữa. Không còn Miên Tâm. Không còn Garcia. Không còn trời. Không còn đất. Hai sức trẻ quần vào nhau như chưa từng. Một lần. Chỉ một lần thôi. Căn phòng rung rinh. Chao đảo. Từng hồi.

Và rồi tất cả lắng xuống. Hai người nằm lặng lẽ nghe hơi thở của nhau.

Chợt nhìn đồng hồ, Miên Tâm ngồi dậy. Nàng mặc vội áo quần, kéo anh dậy, hôn nhẹ lên má anh, nói:

- Cảm ơn anh. Em phải về. Bye bye.

Nàng bước đi, dứt khoát. Khi đến cửa, nàng dừng lại, nhìn lui:

- Em không có gì đáng trách chứ?

Nàng mở cửa bước ra. Tiếng chân nàng xa dần.

Hưng nhìn xuống thân thể mình, ngẩn ngơ. Và chợt nhớ ra, anh chưa kịp nói gì với Miên Tâm cả.

(1995)

Đàm thoại với nhà văn Trần Doãn Nho Lương Thu Trung

LTT:

Anh Trần Doãn Nho thân mến,
Nhớ lần đầu gặp anh cách nay 13 năm, như tôi đi dự buổi ra mắt thi tập *Thơ Tuyển* của thi sĩ Tô Thùy Yên tổ chức tại Boston (Massachusetts), năm 1998, lúc bấy giờ nhà văn Trần Hoài Thư giới thiệu anh, trước năm 1975 có viết trên tạp chí *Văn* ở Sài Gòn. Vậy xin anh có thể chia sẻ một chút là anh có bài đăng trên *Văn* từ lúc nào và ngoài tạp chí *Văn*, lúc bấy giờ anh còn cộng tác thêm với tạp chí văn học nào nữa không, thưa anh?

TDN:

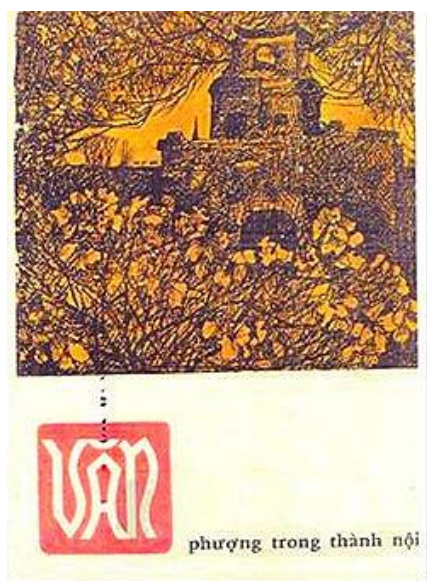
*Mến chào anh Lương Thu Trung,
Bài đầu tiên đăng trên Văn là một bài thơ, vào mùa hè năm 1967, trong một số chuyên về thơ, đặc biệt giới thiệu nhà thơ Nga Eugène Evtouchenko. Truyện ngắn đầu tiên đăng trên Văn là vào đầu năm 1969 và sau đó thêm vài truyện nữa. Ngoài truyện, tôi cũng có viết tiểu luận văn chương và điểm sách cho Văn và Tân Văn (cũng do Trần Phong Giao chủ trương). Ngoài ra, tôi có truyện in trên Văn Đề (Mai Thảo chủ bút), Bách Khoa, tiểu luận và thơ trên Khởi Hành (Viên Linh chủ bút) và một số bài thơ và truyện trên Đối Diện.*

LTT:

Thưa anh,

Tôi có đọc truyện ngắn *Con mắt thủy tinh* trên Văn số 132 ngày 15-6-1969 có chủ đề "*Phượng trong thành nội*" với nhân vật chính là Trang với đoạn văn mở đầu: "*Khi lật đến bản nhạc "Tình Khúc Thứ Nhất", Trang bỗng đột ngột nhớ đến Quyên, cô nữ y tá Tổng-Y-Viện Cộng Hoà. Đáng cô bé nhỏ nhắn như quả lông lẻo đằng sau cái "blouse" rộng thùng thình. Trang gọi đùa cô bé là con mèo. Cô bé cười, mắt nhấp nháy nửa muốn cười nửa trông thật buồn...*"; để rồi anh kết sau hơn 12 trang báo in với những dòng cuối quả là buồn: "*Trang hoảng hốt. Chưa bao giờ Trang thấy khuôn mặt mình quá đần như vậy. Đột nhiên, Trang có cảm tưởng nó không phải của mình, nó xa lạ, kỳ dị. Trang hấp tấp gắn mảnh thủy tinh vào lỗ hổng con mắt, rồi đi nằm. Suốt đêm, Trang bị ám ảnh bởi khuôn mặt của mình, không ngủ được.*"

Thưa anh, anh có còn nhớ anh viết truyện này trong hoàn cảnh nào không?



(VĂN số 132, ngày 15-6-1969 do nhà văn Trần Hoài Thư sưu tầm và Thư Quán Bản Thảo in lại, không bán, dành để tặng thân hữu)

TDN:

Thân gửi anh Trung,

Nhân vật trong truyện là một người ở chung phòng trọ hồi tôi vào học ở Sài Gòn. Anh ấy là một thương binh, được giải ngũ. Trong hoàn cảnh chiến tranh vào thời kỳ cao điểm (1968, 1969), trở thành thương binh, được giải ngũ và được lãnh tiền lương hàng tháng, trong điều kiện toàn thân lành lặn, chỉ có mất một con mắt, anh ấy, theo tôi, là quá may mắn. Tuy nhiên, theo như lời anh ta tâm sự, anh không cảm thấy may mắn như tôi nghĩ. Đó là bối cảnh của câu truyện. Anh bạn này, sau khi đọc xong truyện, kết luận một câu (mà tôi còn nhớ mãi): mấy nhà văn thường hay khai thác nỗi đau khổ của người khác để nổi tiếng!

LTT:

Thưa anh,

Là một tác giả viết văn lâu năm, anh nghĩ sao về lời kết luận của anh bạn này? Có phải nhà văn muốn khai thác nỗi đau của người khác hay chỉ vì cảm thông với nỗi đau của người khác mà viết nên những dòng chữ chan chứa nỗi đau?

TDN:

Anh LTT,

Anh hỏi, mà thực ra là anh đã trả lời thay cho người viết. "Nỗi đau" riêng của người khác, cũng như nỗi đau của chính mình, nói cho cùng, đều là là chất liệu, là kinh nghiệm nhân sinh mà người viết cần có để chế biến thành tác phẩm. Sáng tác, hiểu theo một nghĩa nào đó, là một nỗ lực biến nỗi đau riêng thành nỗi đau chung.

Nói cho cùng, nếu không có những nỗi đau, có lẽ cũng không có văn chương.

Tuy nhiên, riêng tôi, tôi cảm thông được tâm trạng của anh bạn chung phòng. "Con mắt thủy tinh", dù chỉ sử dụng một số chi tiết điển hình từ anh ấy, cũng chạm đến nỗi đau riêng của anh. Chạm đến nỗi đau riêng đôi khi tạo ra một nỗi đau khác.

LTT:

Thưa anh,

Như anh viết : "Chạm đến nỗi đau riêng đôi khi tạo ra một nỗi đau khác", anh làm tôi nhớ tới phần tiểu thuyết tâm lý với tiểu thuyết gia Marivaux (1688-1763) thuộc thế kỷ XVIII, qua hai tác phẩm *La vie de Marianne* và *Le Paysan parvenu*, mặc dù ông không thoát được ảnh hưởng các tiểu thuyết gia thế kỷ trước, nhưng ông đã đưa ra được khía cạnh mới là đi sâu vào việc tìm hiểu tâm lý nhân vật với các khía cạnh phức tạp trong tâm tình của mỗi nhân vật ấy; tất cả nó có liên đới với nhau giống như khi người ta ném một hòn đá xuống một hồ nước, gây nên những gợn nước làm thành vô số vòng tròn đồng tâm, và tâm lý nhân vật khi gặp một sự thể nào đó thì nó cũng phản ứng liên tục vào tâm trạng của họ như vậy. Anh có thể nói thêm một chút về "những nỗi đau khác" ấy được không, thưa anh?

TDN:

Anh Trung,

Nỗi đau khác đây không phải ở nhân vật tiểu thuyết. Tôi đề cập đến tâm lý thông thường của người đời. Tựa tựa như "khơi lại vết thương lòng". Khơi lại một nỗi đau có thể không làm người ta đau lại cùng một nỗi đau, nhưng tạo nên một nỗi đau mới, "nỗi đau của nỗi đau". Cách hiểu của tôi có lẽ không khác lắm với hiệu ứng vòng tròn đồng tâm trên mặt nước khi có một vật thể chạm vào, của Marivaux.

Trở lại với trường hợp người bạn chung phòng. Anh ta tên Trang và tôi đã sử dụng tên thật của anh trong truyện. Anh ta có hỏi tôi, giọng tỏ ra bức bối: Sao không dùng một tên khác mà lại dùng ngay tên tôi? Tôi đáp cho qua chuyện: tôi thích tên Trang. Thực ra, dùng ngay chính tên của anh giúp tôi dễ tưởng tượng hơn. Nghĩa là tạo ra một liên hệ giữa nhân vật thực và nhân vật ảo. Đây là một kinh nghiệm riêng: khi sử dụng chất liệu của một ai đó ngoài đời, nếu ta dùng ngay tên

người đó, tôi cảm thấy dễ viết hơn. Có lẽ do ta có một "cái gì đó" để bám víu trong khi đầu óc mình đang phiêu diêu vào cõi hư cấu chăng?

LTT:

Thưa anh,

Đó là chuyện văn, bây giờ thử đề cập đến chuyện thơ. Tình cờ tôi đọc được bài thơ "Lịch sử" của anh trên tạp chí Đối Diện (1968) với hai đoạn cuối, anh viết:

.....

*nhưng lỡ tim em bị thủng
em hãy cố mở mắt ra nhìn ánh mặt trời
hay nhìn một vì sao
hãy nhớ đến vài người thân yêu nhất
hãy nhớ nụ cười thần thánh của tình nhân
nếu còn sức thì nhớ thêm vài thằng bạn
rồi nhắm mắt ngủ yên như cỏ như cây
em cứ yên trí đi
vì những người còn lại sẽ ghi lên giấy
em là một anh hùng
một anh hùng vô danh trong những anh hùng vô danh
của lịch sử đó em".*

(Đối Diện, 1968)

Và một bài nữa, cũng trên Đối Diện cùng năm, "Những đứa con của Chúa" mà anh dùng ba câu mở đầu bài thơ làm ba câu kết bài thơ:

*lạy Chúa, nếu quả thật có Chúa trên trần gian
xin Chúa hãy ban cho loài người một nụ cười
và đừng bao giờ thêm một lời phán xét*

.....

*lạy Chúa, nếu quả thật có Chúa trên trần gian
xin Chúa hãy ban cho loài người một nụ cười
và đừng bao giờ phán xét.*

(Đối Diện, 1968)

Nhưng có lẽ bài thơ "Cuồng ngâm" (ký tên Trần Hữu Thục) trên tạp chí Văn năm 1967, kỷ niệm Đệ Tứ Chu Niên xin ghi lại dưới đây; ở đó có chút gì khơi gợi lại lớp thanh niên trai trẻ nơi thành thị lúc bấy giờ luôn băn khoăn trăn trở về thân phận của chính họ giữa những mùa chinh chiến ngập tràn:

Cuồng ngâm

*Có một lần ta nhìn sao rụng xuống
Ta ngỡ ngàng nghe thân thể vỡ tan
Ta cúi xuống và không tìm ra ta nữa
Không có ta không có ta cả đến nghìn năm
Ôi lịch sử, ta đã là lịch sử
lịch sử trên tay ta lịch sử trên tóc ta
nghìn năm sau và một nghìn năm trước
có ta rồi và cũng chẳng có ta
cho ta làm tất cả những người đã chết
cho ta làm bóng tối cho ta làm cây xanh
cho ta chết để không bao giờ chết nữa
chỉ có ta một mình chỉ có ta một mình
cho đập vỡ muôn ngàn ngôi cỏ mộ
đập vỡ đền đài đập vỡ cả trời mây*

để ta nghe một mình con đế mèn ca hát
 một mình con chim đập cánh tung bay
 có một lần nhìn trời sao ta khóc
 ta thần thờ đi tìm một khoảng không gian
 một khoảng không gian không buồn không tủi
 không đau thương không giận không hờn
 cho ta đừng bao giờ còn bộ óc
 đừng giận đừng vui đừng khóc đừng cười
 cho ta ngủ yên dù ở một nơi nào trên mặt đất
 ta ru cây cỏ ta ru loài người
 đừng nhắc ta về một dòng sông sâu thăm
 đừng nhắc ta một lần lập quốc một thuở xâm lăng
 đừng nhắc ta một lần thua một lần chiến thắng
 gì là nhục nhã gì là oai hùng!
 lịch sử ơi lịch sử buồn như bóng tối
 nào có gì để bớt có gì để thêm
 lịch sử ơi ta đã là lịch sử
 lịch sử buồn ôi lịch sử không tim.
 (VĂN, 1967)

Vào những năm tháng ấy, dường như học sinh, sinh viên phần lớn đều có đọc cuốn “Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ và Triết Học” của Phạm Công Thiện, cũng như quyển “Tự Do Đầu Tiên và Cuối Cùng” của Krishnamurti do Phạm Công Thiện dịch mà nội dung cuốn sách thứ hai này bao gồm nhiều vấn đề liên quan đến kiến thức, nỗi cô đơn, nỗi đau khổ, về chiến tranh, về tín ngưỡng nơi Thượng Đế, về Thượng Đế, về tình yêu, về thời gian, về sự chết và nhiều lắm những chủ đề có liên quan đến con người cùng hoàn cảnh chung quanh vây bọc lấy con người... Xin anh vui lòng cho hỏi thêm một chút là các bài thơ vừa trích của anh được anh sáng tác trong hoàn cảnh nào? Và anh có chịu ảnh hưởng phần nào bởi các tác phẩm vừa nêu của Phạm Công Thiện, của Krishnamurti hoặc của các triết gia nào khác vào những năm 1960-1970 không, thưa anh?

TDN:

Chắc chắn là có anh Trung à. Nhưng không phải chỉ Phạm Công Thiện hay Krishnamurti, mà của nhiều luồng tư tưởng khác nhau: hiện sinh, thiền, phân tâm, tính dục... Không những đọc sách báo ở ngoài mà còn được học qua trong trường. Lúc đó, tôi đang học triết. Nhưng tác động lớn nhất là hiện thực chiến tranh. Anh biết, năm 1967 là năm cao điểm của cuộc chiến Việt Nam với sự hiện diện của gần nửa triệu quân Mỹ. Nhiều và rất nhiều trận đánh ác liệt diễn ra trên khắp miền đất nước để rồi đầu năm 1968, chiến tranh diễn ra ngay ở thành phố với trận Mậu Thân. Suốt 26 ngày ở Huế đầu năm Mậu Thân, tôi sống trong và sống với chiến tranh. Bom đạn và chết chóc diễn ra ngay trước mắt, ở quanh nhà, trên đường phố... Nếu không may mắn, có lẽ tôi cũng đã trở thành nạn nhân chiến tranh. Tuy được hoãn dịch (học vấn) nhưng chung quanh tôi, bạn bè, bà con, hàng xóm láng giềng đều lần lượt đi vào quân đội. Cuộc tử sinh không còn là vấn nạn triết lý và là vấn nạn của đời sống. Nếu “Cuồng ngâm” chứa đựng một thứ tuyệt vọng siêu hình (và có vẻ làm dáng) thì hai bài kia làm sau Mậu Thân, là tâm trạng thẳng thốt thực sự. Mọi lạc quan về một đất nước hòa bình gần như đổ vỡ. Không chỉ thơ mà hầu hết các truyện ngắn tôi viết trong thời gian này đều đó trên các tạp chí đều phảng phất tâm trạng đó. Và không phải chỉ mình tôi, mà hầu hết sáng tác của “những cây bút trẻ” (cụm từ mà tờ Văn gọi những người viết mới chúng tôi) đều như thế. Nhất là những cây bút vừa cầm súng vừa viết như Y Uyên, Trần Hoài Thư, Lê Bá Lăng, Lê Văn Thiện... Khác với tôi là dân thành phố nhìn chiến tranh với cái nhìn (y như) của một kẻ đứng ngoài, truyện của họ hừng hực khói lửa, đầy máu và nước mắt. Họ viết về hiện thực và chẳng cần bắt cứ một triết lý nào, anh Trung à. Đọc lại thơ và

truyện sáng tác thời đó (qua mấy tập thơ, văn miền Nam do Thư Ân Quán tái bản gần đây), ta thấy rõ điều này.

Theo tôi, đó thực sự là một nền văn học chiến tranh với tất cả những hiện thực sống động của nó. Bi thảm nhưng tràn đầy nhân bản. Hoàn toàn khác hẳn với nền văn học tuyên truyền của miền Bắc.

LTT:

Thưa anh Trần Doãn Nho,

Với nhà thơ Âu Thị Phục An, trong bài trò chuyện vừa qua trên Da Màu chị cho biết, chị có truyện đăng trên Văn lần đầu nhưng sau này chị lại làm thơ nhiều; còn anh thì ngược lại, có thơ đăng lần đầu trên Văn nhưng sau này anh lại chuyên viết truyện. Theo anh, đây chỉ vì sở thích hay cái nghiệp của mỗi người ?

TDN:

Nói “nghiệp” nghe nặng nề quá. Viết lách nói chung, theo tôi, chỉ là một cái thú, thú bịa chuyện. Viết văn thì có nhiều điều để bịa hơn thơ. Thành thử, tôi thích viết văn hơn làm thơ. Nói thiệt với anh, tôi đã gửi năm, ba truyện ngắn cho Văn trước đó, nhưng không được chọn đăng. Không những ở Văn, tôi còn gửi cho vài ba tạp chí văn học khác như Văn Học hay Nghệ Thuật nhưng cũng đều bị từ chối. Chán nản quá, tôi gửi thử bài thơ. Và được chọn đăng. Một thời gian sau đó, ước ao của tôi mới được thỏa: truyện ngắn “Ngày tháng cần” được đăng ở Văn số 121, kỷ niệm Đệ Ngũ Chu Niên. Cũng phải trải qua đôi chút “gian nan”, như tôi đã có dịp ghi lại trong “Một chút Trần Phong Giao” trên Da Màu. Mà nghĩ cũng lạ, hồi đó, chỉ khi nào có bài được in ở Văn, thì mới cảm thấy mình là...nhà văn! Nhân tiện, tôi cũng khoe với anh, trước khi có bài in ở Văn, tôi đã từng có một bài thơ (lục bát của gái) được đăng ở... Phụ Nữ Diễn Đàn và hai truyện ngắn và vài bài thơ được đăng ở tạp chí Xây Dựng do Trung Tâm Huấn Luyện Cảnh Sát Quốc Gia Vũng Tàu, vào khoảng những năm 1960, 1961, với một bút hiệu nghe rất học trò: Hạnh Bằng.

LTT:

Mà sao lại là “Hạnh Bằng” thưa anh? Anh có còn nhớ bài thơ ấy không?

TDN:

Hạnh là một cô bé tên Hạnh. Còn Bằng là ...Bằng.

Bài thơ có 18 hay 20 câu có tựa đề là “Nhớ mong”, nói về một cô gái học lớp Đệ Lục (bây giờ là lớp 7), ngày nào cũng đạp xe đi học ngang qua nhà tôi (tôi học Đệ Tứ). Sáng nào, tôi cũng đứng ở góc vườn đợi nhìn cô đạp xe đi ngang trước khi đi học. Có lúc cũng đạp theo sau lưng cô, nhưng vừa đạp vừa run. Tôi còn nhớ bài thơ được đăng ở một góc nhỏ xíu, bên cạnh một ô quảng cáo dầu Nhị Thiên Đường chiếm gần cả trang. Lâu quá, tôi chỉ nhớ lờ mờ ít câu, xin ghi lại cho vui:

Em đi xe đạp ngang nhà

Góc vườn tôi đứng trông ra bồi hồi

Buổi chiều nhìn áng mây trôi

Nhớ em tôi viết mấy lời vu vơ

... Sáng nay không thấy em qua

Góc vườn tôi đứng rất là nhớ mong

Trời ơi, mới đó mà 50 chục năm đã trôi qua rồi, anh Trung à.

LTT:

Kính chào anh Trần Doãn Nho,

Thời gian lúc nào cũng vậy, thưa anh, có dừng lại bao giờ! Mới đó mà cũng đã năm mươi năm rồi những “nhớ mong” ngày nào! Hơn những ngày đầu năm âm lịch, anh có thể chia sẻ một chút về việc tác giả giải thích về tác phẩm của mình, nó có mang một giá trị nào về mặt xác định tính chất hay hoặc dở của tác phẩm không, thưa anh?

TDN:

Mến chào anh Lương Thư Trung,
Như tôi có trình bày trong bài viết về cái gọi là “tác giả” (chắc anh cũng đã đọc qua trên Da Màu hay ở Hộp Lưu, bài “Tác giả, cuộc thăng trầm”), một khi tác phẩm đã ra đời rồi, ý kiến của tác giả giải thích về tác phẩm của mình cũng chỉ là ý kiến như bao ý kiến khác, không có một ưu tiên nào và không chắc đã đúng và có giá trị. Trước đây, ta thường cho rằng tác phẩm chính là tác giả, hay nếu không thì tác phẩm cũng mang nặng dấu ấn của tác giả. Hiểu được ý tác giả nói gì qua tác phẩm là xem như xong. Thực ra, sau này, người ta cho rằng không chỉ có tác giả, mà độc giả cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành ý nghĩa của tác phẩm. Ý nghĩa của tác phẩm là một liên kết tác giả-tác phẩm-độc giả. Ý nghĩa mà tác giả muốn gửi gắm là một chuyện; ý nghĩa mà độc giả tìm ra khi đọc là một chuyện khác, có khi hoàn toàn khác. Chẳng lạ gì, có trường hợp, trong lúc tác giả tự cho rằng mình đã mang hết tinh túy của đời sống trải ra trên trang giấy thì độc giả lại không tìm thấy gì trên đó cả. Thậm chí, ngược lại. Dở và hay, theo tôi, không nằm trong thẩm quyền của tác giả.

LTT:

Thưa anh Trần Doãn Nho,

Như anh biết, khuynh hướng tả chân cổ điển diễn tả sự thật đúng như thật, nó luôn luôn chú trọng đến những phần xấu xa và hèn kém của con người. Nhỡn nhắc đến khuynh hướng tả chân, tôi còn nhớ dường như người ta cần nhận định rõ là nên tả chân đến giới hạn nào? Chú trọng đến hạng người nào trong xã hội và cần nói lên những điều gì và bỏ qua những điểm nào không nên nói; rồi hướng về đâu trong kết cấu câu truyện và cách giải quyết câu truyện như thế nào... Từ những phân chia ra các khác biệt như vậy mà khuynh hướng tả chân ngày xưa thường được phân chia ra cá thảy chín, hoặc mười loại khác nhau ...

Dường như trong các tác phẩm của anh mà tôi đã đọc như “Vết xước đầu đời”, “Căn phòng thao thức” và truyện dài “Dặm trường”, chúng nặng về tả chân, mà nhất là tả chân theo khuynh hướng cổ điển vừa nêu. Anh nghĩ sao về nhận xét này, thưa anh?

TDN:

Thú thật với anh, khi viết là viết, chứ tôi không hề tự buộc mình một khuynh hướng nào hết. Tuy nhiên, ám ảnh lớn nhất của tôi là phản ảnh được một phần nào đó diện mạo của hiện thực, của những gì mình đã từng trải nghiệm trong cuộc sống. Thì là tả chân đó thôi. Thú thật, tôi không rạch ròi chọn cách tả chân nào trong số những loại mà anh đã đề cập. Khác với một số truyện ngắn, dù là tả chân, nhưng chỉ là những nét chấm phá, trong “Dặm trường”, tôi đẩy tả chân đến độ đậm đặc. Thay vì khái quát hóa, tôi sự- kiện- hóa, chi tiết hóa hiện thực. Trong một lá thư gửi riêng, ông Võ Phiến bảo là “Dặm trường” “chật ních” sự kiện.

Chọn cách viết này một phần nào là do cách nhìn của tôi về diện mạo của cái xã hội lạ lùng sau khi Cộng Sản chiếm miền Nam. Theo tôi, đó là xã hội của những sự kiện. Sự kiện tiếp nối sự kiện và bản thân con người cũng trở thành sự kiện. Nhìn quanh cuộc sống, ta chỉ thấy toàn là nhu cầu và những nhu cầu. Không có siêu hình, không triết lý, không lãng mạn... (Anh đọc lại một trích đoạn từ “Dặm trường” có tựa đề “Quen” đã đi trên Da Màu vào dịp 30/4/2010). Chỉ có con người và nhu cầu, con người và sự vật. Mọi người chấp nhận mọi thứ chỉ để được tồn tại. Giành giật, láo lùng, phản bội. Mọi giá trị lộn tung phèo. Những nhân vật trong “Dặm trường” sống trong một thế giới của sự kiện. Cách hay nhất là để cho sự kiện tự chúng nói lên ý nghĩa (facts speak for themselves). Do đó, thay vì đưa vào những cảm nghĩ và lý luận hay quan điểm (qua miệng của nhân vật hay ý nghĩ), tôi diễn tả sự kiện, dùng cử chỉ và những đối thoại thông thường. Nhân vật của tôi thường rất ít triết lý mà chỉ “hành động”. Thay vì bày tỏ trực tiếp một thái độ, một nhận định, tôi đi lòng vòng quanh các sự kiện, mô tả chúng, vừa để dẫn người đọc hòa nhập được vào tình huống và tự tìm ra một “điều gì đó” trong cái mờ bẽ bộn các sự kiện.

LTT:

Thưa anh TDN,

Về cái nét trong các nhân vật của anh, như trong bài viết “*Thử đọc lại vài trang sách của Trần Doãn Nho*” trên Da Màu, tôi có ghi nhận là nhân vật của anh dù nam hay nữ, dù hèn hay sang, họ có chung cái nét là khá thông minh. Thông minh trong ý tưởng, trong suy nghĩ, trong đối đáp và nhất là thông minh trong cách giải quyết những khúc quanh của cuộc đời. Họ không buông xuôi theo một định mệnh mang tính tắc trách nào. Họ lao vào đời và chấp nhận thân phận mình bằng tất cả trách nhiệm của một người trong cuộc. Phải chăng đó là tính cách đáng trân quý của những nhân vật tiểu thuyết hay là của những con người có thật trong dòng đời với biết bao biến thiên dâu bể một thời kỳ mà đất nước và con người bị xô đẩy vào con đường không còn một tia sáng le lói nào ! Xin anh chia sẻ thêm một chút về cách tạo nhân vật cùng tính cách của các nhân vật ấy trong các truyện của anh được không, thưa anh?

TDN:

Anh LTT mến,

Anh cho rằng các nhân vật của tôi “Thông minh trong ý tưởng, trong suy nghĩ, trong đối đáp và nhất là thông minh trong cách giải quyết những khúc quanh của cuộc đời. Họ không buông xuôi theo một định mệnh mang tính tắc trách nào. Họ lao vào đời và chấp nhận thân phận mình bằng tất cả trách nhiệm của một người trong cuộc.”

*Thực ra, nhân vật của tôi hầu hết đều là những nhân vật “lai”, anh Trung ạ. Tôi không hề có ý định tạo ra những nhân vật “chính diện” – hiểu như là cái gì đối nghịch với “phản diện”, với cái “không tà”. Nhân vật của tôi thường chên vênh, tiêu cực, nửa chính nửa tà, luôn luôn tưởng mình làm chủ được các hành động của mình và các biến cố, trong lúc thực ra, họ bị cuộc sống lôi kéo đi... ngoài ý muốn. Đó là những con người thất bại, không những trong cuộc sống mà ngay trong chính ý định của mình mà không biết, vẫn cứ tưởng mình vẫn là mình, thậm chí vẫn tưởng mình ..thành công. Trong các hành động của họ và ngay trong tâm tưởng của họ, biên giới giữa cái đúng và cái sai rất nhập nhòa, mờ nhạt . Đó là ý tưởng chủ đạo khi xây dựng nên các nhân vật trong các truyện ngắn, và đặc biệt là nhân vật Hạnh trong “*Dặm trường*”.*

LTT:

Thưa anh,

Về “*tình dục*” trong truyện anh là một hiển nhiên. Cũng như trong các trang sách của Lâm Chương, trong văn anh lác đác những cảnh mật thiết giữa hai nhân vật nam và nữ là một cái gì đó nếu mà thiếu nó thì Trần Doãn Nho và Lâm Chương sẽ là hai nhà tu, không còn là hai nhà văn nữa rồi. Tôi thấy trong *Dặm trường*, cảnh hai nhân vật nam và nữ, họ gặp nhau sau những tháng ngày xa cách giữa cảnh rừng trầm mặc và những chiếc lá rụng thành một lớp dày rung chuyển dưới thân thể nóng bỏng của hai người đã làm cho *Dặm trường* mang đầy cái hương liệu tiểu thuyết của nó...

TDN:

Anh LTT thân mến,

Như anh nhận xét, yếu tố tình dục trong các sáng tác của tôi khá đậm.

*Tình dục trong văn chương không phải là điều gì mới mẻ. Nó đã có mặt trong nhiều tác phẩm văn chương cổ điển Trung Hoa. Ở Việt Nam, truyện Kiều cũng phải phát tình dục. Thơ Hồ Xuân Hương cũng thế. Ở miền Nam trước 1975, tình dục cũng đã có mặt trong văn chương, dù không được phổ biến. Chẳng hạn như “*Tình cao thượng*” của Nguyễn Mạnh Côn, một vài truyện ngắn khác của Võ Phiến hay trong truyện của Thế Uyên, Túy Hồng hay Nguyễn Thị Thụy Vũ... Nhưng nói chung trong một hoàn cảnh xã hội như xã hội miền Nam thời đó, tình dục trong văn chương vẫn còn là thứ tình dục “áp úng”, chưa nhà văn nào can đảm khai thác đến nơi đến chốn. Sau 1975, ra nước ngoài, với một môi trường mới mẻ, cởi mở và được tiếp cận với văn chương thế giới, nơi mà chuyện tình dục chỉ là “*chuyện thường ngày ở huyện*”, tình dục trong văn chương Việt Nam Hải Ngoại dần dần cũng đã trở thành “*chuyện thường ngày ở huyện*.” Ở trong nước cũng thế. Không những trong văn mà còn ở trong thơ. Thực tình mà nói, đối với người sáng tác, tình dục là cuộc sống, là một chất liệu như các chất liệu khác cho sáng tác văn chương. Dẫu vậy,*

do nhiều nguyên nhân tâm lý cũng như xã hội, sử dụng yếu tố tình dục đòi hỏi sự đắn đo, thận trọng.

Với tôi, tình dục trong sáng tác cần phải có. Nó như một thứ gia vị, hay nói như anh, "một thứ hương liệu tiểu thuyết". Văn chương, ngoài cái thơ mộng, dí dỏm, nhân bản... cũng phải có thêm cái gì đặng đặng, cay cay, mằn mằn, bùi bùi... để có thể vượt qua. Nói hơi quá, theo tôi, khước từ (hay lên án) đưa tình dục vào văn chương cũng là một... sự kỳ thị, kỳ thị với cuộc sống (cuộc sống vốn đâu có tội tình gì!), anh Trung à. Riêng cá nhân tôi, đưa tình dục vào một số sáng tác cũng có phần "méo mó nghề nghiệp". Trước 1975, tôi có dịp nghiên cứu ít nhiều về phân tâm học, nên chịu ảnh hưởng. Với phân tâm học, như anh biết, tình dục đóng một vai trò khá quan trọng trong việc hình thành cá tính, quan điểm sống cũng như quan hệ với xã hội. Nó là một sức mạnh vô thức, phần nào chi phối các hành vi, cử chỉ và thái độ của con người.

LTT:

Thưa anh,

Như anh vừa nêu: "Với phân tâm học, tình dục đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành cá tính, quan điểm sống cũng như quan hệ với xã hội". Xin anh nói rõ thêm một chút về quan điểm này và có gì làm bằng chứng cụ thể không, thưa anh ?

TDN:

Phân tâm học là một lý thuyết tâm lý đưa đến nhiều thay đổi về tư tưởng trong thế kỷ 20, khó có thể giải thích qua chỉ vài giòng hay một bài viết ngắn, anh Trung à. Như tôi đã nói, tôi bị "méo mó nghề nghiệp", nghĩa là bị ảnh hưởng, nên tìm cách xây dựng nhân vật dựa trên một vài quan điểm mà thực sự đến nay vẫn còn là đề tài tranh cãi. Thành thử nếu anh hỏi bằng chứng thì tôi ...đành chịu.

LTT:

Theo ý tôi, khi sáng tác, có thể người ta dựa trên sự thật, có thể hoàn toàn là hư cấu; nhưng hư cấu hay sự thật, cả hai đều không quan trọng bằng những tiếng động, những lời thì thầm, những gì đã xảy ra có hợp với tâm trạng và cảnh ngộ của hai nhân vật vào một khoảnh khắc ngàn vàng đó hay không mới là điều quan trọng. Và sự việc xảy ra mà không làm trực trặc dòng suy nghĩ của người đọc, không phải đặt lại những câu hỏi tại sao họ gặp nhau ở giữa rừng và tại sao họ lại hiến thân cho nhau, vân... vân và vân ... vân.... Điều đó cho thấy dù là hư cấu hay có thật, tác giả đã làm xong phần viết truyện của mình một cách hoàn bị rồi. Còn truyện có được khen hay chê, nhân vật có còn được ai nhớ và nhắc hay không, lại là phần khác, không phải do nơi tác giả nữa. Anh nghĩ sao về nhận xét thiển cận này?

TDN:

Chắc là anh đề cập đến đoạn cuối của "Dặm trường", là đoạn mô tả cảnh gặp gỡ bất ngờ giữa rừng trong trại cải tạo giữa nhân vật chồng và nhân vật vợ, hai người ân ái với nhau sau đó mới nhận ra nhau. Phải không anh Trung?

LTT:

Phải, anh Nho à.

TDN:

Cũng như anh, nhiều độc giả thắc mắc, không phải vì cảnh ân ái, mà cảnh vợ chồng gặp nhau mà không nhận ra nhau. Cảnh đó hoàn toàn phi lý và nói như anh, có gì "trục trặc". Vâng, không những trục trặc mà hoàn toàn trục trặc. Thực ra, đó là một trục trặc cố ý. Thay vì để cho độc giả khép sách lại và ...đi chơi, tôi muốn để lại trong đầu độc giả một dấu hỏi, nghĩa là một trục trặc. Kể ra như thế là có phần "gian".

Thông thường thì dù là chấp nhận hư cấu, người ta thích mọi sự đều diễn ra hợp tình, hợp lý và không quá xa sự thật. Kết thúc của "Dặm trường", nếu có thể gọi là một "kết thúc", đều nằm ngoài cả ba cái đó. Tôi chọn kiểu kết thúc này như một giả thiết. Anh để ý mà xem, trong suốt truyện, tôi đã đưa vào bao nhiêu điều vô lý tưởng chừng như không thể nào có trong cuộc sống, ấy thế mà

chúng lại là sự thật, chẳng hạn như cả chuyến tàu đều bị tuôn hết hàng hóa, hoặc chuyện đổi tiền năm 1985 hay chuyện “xây dựng xã hội chủ nghĩa”...Hay gần đây hơn, biển số 11/9 ở Hoa Kỳ. Thực mà như ảo và còn hơn cả ảo. Ảo mà lại như thực. Biên giới giữa thực và ảo không lúc nào mỏng manh như lúc này. Có điều, nếu độc giả lưu ý cách đối thoại và khung cảnh mà tôi cố ý tạo ra, thì đó một cảnh giả. Tất cả chỉ là do lòng “tơ tưởng” đi đến độ hoang tưởng của anh chàng tù nhân Lục vắng đàn bà lâu ngày mà sinh ra. (cảnh trong rừng này là cảnh tôi đã kinh qua vô số lần khi ở trong trại tù khi đi tìm bồi, giang, lồ ô...). Khi viết chương này, tôi nghĩ đến cái thời hồng hoang, thời của Adam và Eva. Tôi cũng nghĩ đến Hạnh như một bóng ma, có thể lúc đó đang bị chìm tàu trong một chuyến vượt biên nào đó ngoài khơi Thái Bình Dương. Tóm lại, là giả thiết. Bằng cách bắt chước cái gọi là “hiện thực thần kỳ”, từ chỗ rất hiện thực, tôi đột ngột đẩy tất cả vào hoang đường. Từ thực, tôi đẩy đến ảo. Như là một lối thoát ra khỏi không khí chất chứa toàn là sự kiện trong suốt truyện.

Nhà văn Phạm Xuân Đài (trong bài “Đọc Dặm trường”, thế Kỷ 21, số 150, tháng 10/2001) phần nào chia sẻ tâm tư của tác giả, khi ông nhận xét: “chương cuối là một chương mang không khí siêu thực. Sự việc diễn ra như một tượng trưng, một cô kết thoát khỏi mọi thực tế tàn nhẫn của cả một bi kịch dài (...) Ngay đối thoại của họ sau đó cũng như những lời vang vọng từ đâu đó của hoang dã”.

Nhiều độc giả khác không chia sẻ cái nhìn đó.

Riêng anh, anh nhận xét: “Điều đó cho thấy dù là hư cấu hay có thật, tác giả đã làm xong phần viết truyện của mình một cách hoàn bị rồi. Còn truyện có được khen hay chê, nhân vật có còn được ai nhớ và nhắc hay không, lại là phần khác, không phải do nơi tác giả nữa.”

Đúng như thế, anh Trung à. Công việc của tác giả là: hoàn tất tác phẩm. Và chỉ như thế mà thôi. Theo tôi, thái độ hay nhất của tác giả là: đừng nên hoang tưởng về tác phẩm đã ra đời của mình.

Riêng tôi, khi viết xong mấy trăm trang chữ của “Dặm trường”, đọc đi đọc lại, sửa lên sửa xuống, thêm đoạn này bỏ đoạn kia, lòng phân vân không biết số phận nó như thế nào, tôi nghĩ đến người phụ nữ mang nặng đẻ đau, bèn viết ở trang cuối cùng: “Viết rồi, đọc lại, muốn viết lại từ đầu, nhưng quá muộn. Nó đã chào đời.” Và tôi quyết định cho nó ra đời, lòng bỗng dưng nhẹ nhõm. Hơn mười năm sau, đọc lại, cảm giác cũng không mấy khác. Vâng, với tôi, “Dặm trường” chứa đựng nhiều nhược điểm điển hình của một truyện dài đầu tay. Không những chỉ “Dặm trường”, mà đọc lại những gì mình viết, bao giờ tôi cũng có cảm giác thất vọng. Nếu xem mỗi tác phẩm là một đứa con thì đứa con nào dường như đều có khuyết tật. Thế mà lạ, tôi vẫn tiếp tục viết. Và rồi lại thất vọng. Tôi nhận ra một điều, anh Trung à: cái lạ của văn chương là không phải cứ thích viết hay là nó hay và thích... viết dở là nó dở. Văn chương cũng không hẳn là sở học. Không hẳn là tay nghề. Văn chương không phải là thứ người ta có thể cưỡng cầu. Văn chương hình như chỉ là...văn chương. Thích viết ư, mời cầm bút lên mà viết. Bằng tấm lòng. Hay ư, dở ư...

Nhưng tôi vẫn có cảm giác tự hào: sự có mặt. Đối với những gì tôi đã viết ra, tôi không “cưng” chúng, nhưng thành thật quý chúng. Văn chương, nghĩ cho cùng, là sự có mặt. Với tôi, viết là một cách thể hiện diện. Hơn thế, một thách thức với những thất vọng về chính mình. Trong một hy vọng vượt qua khỏi mình. Chừng đó là đã quá lớn cho một giấc mơ rồi, anh Trung à!

LTT:

Thưa anh TDN,

Lâu này, tôi thấy anh cũng viết lai rai, nhưng không đều đặn như thời gian đầu khi mới qua định cư. Lâu quá mới đọc được tùy bút “T(uy)ết trắng” của anh trên Da Màu vào ngày mừng một Tết Tân Mão này. Thời gian sau này, hình như cách viết của anh có khác. Anh có còn viết thêm truyện nào mang đậm chất tính dục nữa không? Và với anh như Tết này, ở khía cạnh viết lách, anh mê gì nhứt trong những ngày sắp tới, thưa anh ?

TDN:

Anh LTT mến,

Hiện nay, đề tài tính dục không còn (hay ít) ám ảnh tôi nữa. Sau một số thử nghiệm, tôi có cảm giác mình vượt qua được nó rồi. Có lẽ vì trong xã hội Mỹ (và xã hội VN hiện nay), yếu tố tính dục không còn bị hù y như xưa, nên vấn đề chuyển sang phía khác. Tôi lại bị ám ảnh bởi một yếu tố khác: chữ. Chữ/ nghĩa là động lực gây ra vô vàn điều xấu trên thế gian. Chữ và nghĩa, hai vấn nạn lớn của con người trong thời đại truyền thông. Chung quanh ta toàn là chữ và chữ. Số chữ thì giới hạn mà nghĩa thì vô cùng. Chúng ta bị chữ vây bủa và uốn nắn mà vẫn cứ tưởng mình làm chủ được mình. Tôi đang tìm hiểu về "Ký hiệu học" (Semiotics) là môn nghiên cứu về các ký hiệu (signs), đặc biệt là chữ và vấn đề ẩn dụ (cũng liên quan đến chữ) và dự định viết một tiểu luận về vấn đề này. Và cũng đang sáng tác một truyện ngắn liên quan đến "chữ". Ngoài ra, trong năm này, tôi sẽ in tiếp một tập truyện ngắn gồm có những truyện và tùy bút tôi đã viết trong thời gian trước đây.

LTT:

Ngoài ra, được biết anh còn ký bút hiệu Thế Quân trong mục "Tin Văn" trên tạp chí Văn Học ở California do nhà văn Nguyễn Mộng Giác làm chủ bút. Với công việc này chắc anh phải đọc báo văn học ngoại quốc nhiều, dĩ nhiên mất nhiều thì giờ. Anh có thể chia sẻ một chút về công việc đúc kết các trang tin văn này và những trở ngại cùng lợi ích của công việc đúc kết này trong sáng tác của anh có nhiều lắm không, thưa anh?

TDN:

Cám ơn anh nhắc đến Thế Quân. Vâng, với bút hiệu này, tôi đã phụ trách phần "Tin Văn" cho tờ Văn Học trong gần 4 năm, từ số 179 (tháng 3/2001) cho đến số 222 (tháng 11&12 /2004, khi Văn Học được chuyển giao cho nhà văn Cao Xuân Huy. Trong những lần ghé quận Cam (California), thăm anh Nguyễn Mộng Giác, chứng kiến anh một mình một chợ dành rất nhiều thời gian để chăm lo cho tờ Văn Học, với tấm lòng muốn duy trì tiếng nói văn chương của người Việt hải ngoại, thấy anh Giác gần như hy sinh công việc sáng tác, tôi nhận lời tiếp tay anh bằng cách phụ trách hẳn phần Tin Văn. Một mặt, để phổ biến tin tức và văn học thế giới đến độc giả Việt Nam, mặt khác, để lấp đầy một số trang, đỡ đi một phần nào nỗi lo lắng bài vở mà người chủ biên nào cũng đêm ngày lo lắng. Với trung bình khoảng 10 trang tin văn cho một số báo, tôi cũng khá bận bịu. Ngày nào cũng phải đọc nhiều tờ báo văn học khác nhau, tìm tin, lựa tin rồi tra cứu về tác giả và tác phẩm. Đọc và dịch. Với ý định để cho độc giả nắm vững ngọn nguồn, nói là tin, thực ra, không chỉ là đưa tin, bản tin nào tôi cũng cố gắng viết như một bài viết và có khi viết hẳn thành một tiểu luận.

Lúc đầu là do muốn đóng góp, đến khi quen, tôi đâm ra thích thú với công việc. Vì nhờ đó, mà tôi có dịp đi sâu vào sinh hoạt văn chương thế giới, có dịp tiếp cận được cái phong phú, cái đa dạng của văn chương nhiều nước. Càng biết, càng học hỏi mới càng thấy mình nhỏ bé và càng thấy cái cộng hòa văn chương Việt Nam mình còn chật chội, còn thiếu thốn, còn khiêm tốn quá.

Tôi xem thời gian phụ trách Tin Văn cho tờ Văn Học là thời gian nghiên cứu và học hỏi. Cuốn "Tác giả, tác phẩm và sự kiện" là thành quả của thời gian làm Tin Văn.

LTT:

Anh Trần Doãn Nho thân mến,

Xin chân thành cảm ơn anh đã chia sẻ vài chi tiết về cách viết truyện của anh, giúp tôi lãnh hội thêm phần nào tâm lý các nhân vật mà anh dựng nên với nhiều dụng ý. Nhớ dịp đầu năm mới Tân Mão, kính chúc anh và gia đình nhiều sức khỏe, vạn an. Và lúc nào tôi cũng hy vọng đọc được thêm nhiều các sáng tác mới của anh trong những ngày sắp tới.

TDN:

Anh Lương Thu Trung thân mến,

Vai hàng chia sẻ cùng anh. Như là một kỷ niệm.

Rất bạn bè và rất văn chương.

Cho tôi gửi lời thăm chị và các cháu cùng cháu ngoại và cháu nội.

Thân,
Trần Doãn Nho

LTT:
Anh Trần Doãn Nho,
Một lần nữa xin cảm ơn anh rất nhiều.
Trân trọng kính chào anh.

Houston, Ngày Mừng Sáu Tết Tân Mão, nhằm ngày 09-02-2011

Tản mạn về văn Mai Thảo

Mỗi nhà văn có một cách hành văn riêng mà ta thường gọi là văn phong. Tuy nhiên, nói thế không có nghĩa là nếu ta có một triệu nhà văn, ta sẽ có một triệu văn phong khác nhau và người tinh ý chỉ cần đọc văn là biết ngay ai viết. Y như ta nhìn mặt người là nhận ra ngay đó là ai. Đa phần nhà văn đều viết với giọng văn tiêu chuẩn, nên hao hao giống nhau. Thành thử muốn biết rõ họ là ai, ta phải đọc hết tác phẩm, để ngoài cách hành văn ra, còn làm quen với cách cấu tạo nhân vật, cách dựng truyện và các chi tiết đặc thù khác. Rất nhiều nhà văn nổi tiếng không phải vì cách họ viết mà vì tư tưởng, vì câu chuyện hay vì nhân vật. Trong lúc đó, có những nhà văn nổi tiếng vì chính văn phong của họ. Họ có một cách viết độc đáo đến nỗi văn của họ đọc lên là nghe khác hẳn với tất cả những người khác. Chẳng hạn như Nguyễn Tuân, Võ Phiến, Trần Th Ngh., Trần Vũ, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Đỗ Kh., Mai Thảo, vân vân. Một số nhà văn, ngay với tác phẩm đầu tiên, là đã gây sự chú ý chỉ vì cách hành văn khác thường, độc sáng và hấp dẫn của họ. Có tác giả làm cho ta say mê với cách viết đến nỗi quên cả cốt truyện và nhân vật.

Trước khi đi sâu hơn vào cách hành văn của Mai Thảo, mời độc giả cùng tôi đọc qua những đoạn văn sau:

- So với lần gặp trước ở dưới áp, lần gặp tuy đã nhạt nhòa, nhưng hình ảnh người chị họ còn phảng phất trong trí nhớ, bà phán Tuyên đã thay đổi nhiều. Một thay đổi héo hắt. Làm bằng lo âu, bệnh tật và phiền muộn. Bà không cười nữa. Trán đầy những nếp nhăn. Mái tóc, Nhị nhớ chài chuốt và đen ánh trong vành khăn nhung đã điểm sợi bạc. Mới tháng chín, heo may đầu mùa chỉ mới thả vào không khí một thoáng lạnh dịu dàng mà bà phán đã mặc một chiếc áo len dày, hàng khuy cài hết tới cổ. Cặp mắt bà mỗi một. Cái nhìn đầy đau buồn. Bà còn thúng thảng ho.

- Đường phố vắng, trời mờ sáng như trong một ngày mùa đông. Hai bên toàn những gian nhà tiều tụy của những người ít tiền phải ra vùng ngoại ô trú ngụ, mấy rặng bồ kết dai đã trụi lá còn trơ lại những chùm quả đen, héo quăn. Nhưng hôm nay Trương nhìn không thấy cảnh buồn như mọi lần, chàng thấy đời người ta dầu khốn khó đến đâu cũng có những thú vị riêng ở trong. Một cụ già ngồi cạnh cột đèn đương bán mấy quả táo cho cậu bé, Trương tự nhiên thấy vui thích khi nhìn bà hàng bỏ mấy đồng trinh vào túi và cậu bé nhăn mặt cắn sâu vào quả táo. Trong một căn nhà chật hẹp và bẩn thỉu, một thiếu phụ bé con nhìn ra, nét mặt thiếu thụ trong bóng tối, Trương đoán là đẹp và có duyên: cạnh giường vì nhà chật để mấy cái hòm cũ, một đôi gối và một cái chăn bông bọc vải đỏ lấm tẩm hoa. Trương đoán người thiếu phụ đợi chồng về và không hiểu sao Trương lại đoán chồng là một người thợ máy.

- Căn nhà là một căn bằng gỗ xây từ đầu đó đầu thế kỷ, cái gì cũng gỗ, kiểu nhà sàn với một hàng hiên mênh mông. Hàng hiên có lẽ chiếm đến nửa diện tích xây dựng, bập bênh giữa xanh thẳm vây quanh như những con tàu mắc cạn trên những cây cột. Căn nhà bé, nếu gọi đó là một biệt thự. Một phòng ăn, một phòng khách nhỏ, hai phòng ngủ và một cái phòng tắm có bồn nằm bằng sắt đúc. tất cả đều bằng gỗ, nhưng cửa sổ nếu muốn mở thì phải dùng gậy để chống lên.

- Buổi sáng hôm nay, mùa đông đột nhiên đến, không báo trước. Vừa mới ngày hôm qua giờ này còn nắng ấm và hanh, cái nắng về cuối tháng mười làm nứt nẻ đất ruộng, và làm ròn khô những chiếc lá rơi. Sơn và chị chơi cò gà ở ngoài cánh đồng còn thấy nóng bức, chảy mồ hôi. Thế mà qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi ra gió bắc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt. Sơn tung chăn tỉnh dậy, nhưng không bước xuống giường ngay như mọi khi, còn ngồi thu tay vào trong bọc, bên cạnh đưa em bé vẫn nắm tay ngủ kỹ. Chị Sơn và mẹ Sơn đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống. Sơn nhìn thấy mọi người đã mặc áo rét cả rồi. Nhìn ra ngoài sân, Sơn thấy đất khô trắng, luôn luôn cơn gió vi vu làm bốc lên những màn bụi nhỏ, thổi lẫn những cái lá khô lạo xạo. Trời không u ám, toàn một màu trắng đục. Những cây lan trông chầu, lá rung động và hình như sắc lại vì rét.

- *Vườn hoa nằm dài giữa con sông và một con đường. Bên kia đường, suốt một đoạn dài không thấy nhà cửa mà chỉ có một bờ tường cao cũ kỹ với cái quán duy nhất. Ông Tùng bỗng tò mò chú ý đến ngôi quán nhỏ, vừa mới cất, có lẽ chưa xong hẳn. Vách ván hãy còn mới tinh. Quán đang mở cửa: một người đàn ông lần lượt lật từng mảnh ván trên vách, hạ xuống. Như thế vừa là mở cửa lại vừa là bày bàn. Lối kiến trúc ngộ nghĩnh khiến ông chú ý theo dõi. Người chủ quán biết thế vẫn thông thả tiếp tục công việc của mình: mở cửa xong bày các lọ ớt lọ tương, ống tăm, tách trà lên các bàn, rồi mở nhạc từ một chiếc máy cát-xét nhỏ nhỏ chỗ quầy tính tiền*

Đọc những đoạn văn như trên thuộc các tác giả khác nhau và được viết ra ở những thời kỳ và hoàn cảnh khác nhau, nếu bỏ qua những chi tiết đặc thù thường có ở mỗi vùng hay mỗi thời kỳ, ta sẽ thấy chúng dường như trung tính. Có thể ai ai cũng có cùng một cách diễn tả như thế. Những câu văn đủ nghĩa, chuẩn. Chúng cho ta những thông tin cần thiết để theo dõi câu chuyện. Chúng dường như không có “cá tính”. Dẫu theo thói quen, một tác giả này có thể viết khác tác giả kia đôi chút. Những con chữ ở đây trông như những dụng cụ thông thường để người viết diễn tả những gì cần phải diễn tả.

Đọc giả thử đoán xem các đoạn văn trên thuộc về những ai trong số Võ Phiến, Đỗ Kh., Thạch Lam, Nhất Linh và Mai Thảo? Xin trả lời ngay, đoạn đầu là của Mai Thảo (Những tấm hình của chị Thời), đoạn thứ hai là của Nhất Linh (Bướm trắng); đoạn thứ ba là của Đỗ Kh. (Ouf of rừng cao su), đoạn thứ tư là của Thạch Lam (Gió lạnh đầu mùa) và đoạn cuối cùng là của Võ Phiến (Nguyên vẹn).

Bây giờ, hãy thử đọc đoạn văn này: *“Mỗi người có một cách biểu lộ sự hào hứng. Riêng cái cách của người chủ quán hôm ấy, trời ơi, trông mà mê. Hai tay ông ta thoăn thoắt: chặt khúc xương, xắt lát thịt, gắp mớ ớt, múc vá nước từ trong thùng đổ ra tô, xóc xóc mớ hủ tiếu vừa mới trụng qua nước sôi, rắc một tí tiêu bột v.v... Tất cả bấy nhiêu cử chỉ đều rập ràng, hơi có vẻ nhún nhẩy. Mỗi cái quơ tay, cái nhấc lên hạ xuống đều như có gì quá mức cần thiết một chút. Mỗi cử chỉ bao hàm bấy tám phần cần thiết, lại thêm vài ba phần thừa thãi, chỉ để cho đẹp mắt, để biểu diễn sự thích thú trong công việc. Động tác nghề nghiệp gần chuyển thành sự múa men.”*

Cách viết như thế thì ai vào đây nữa: Võ Phiến trong bài tùy bút “Rup rup”. Và đoạn văn sau đây: *“Vĩnh biệt những sân ga, những trạm hẹn. Vĩnh biệt những giấc mơ ngà ngọc của đôi rời. Vĩnh biệt những tuổi trẻ của tôi không được sống với nó đến cùng, những khát khao của tôi không bao giờ trở thành sự thật, những đợi chờ ở xa tầm tay với, một cái tôi khác biệt hoàn toàn với cái tôi của những xâu chuỗi tháng ngày lê thê. Con thuyền chưa lìa bến đã nằm im trong cái vũng đời có định. Cánh chim bằng chưa vạm bay đi, đã đậu xuống. Cánh mồi và hồn sấu.”* (Mười đêm ngà ngọc)

Đúng là văn Mai Thảo rồi!

Hãy tạm bỏ qua phần nội dung, chỉ để ý đến cách viết, những ai đã từng đọc các tác phẩm của Võ Phiến và Mai Thảo sẽ thấy là có sự khác nhau giữa hai nhà văn. Khác nhau rất rõ. Khác ra sao? Ta nhận thấy cách viết của Võ Phiến có vẻ tỉ mỉ, cụ thể hầu như đến từng chi tiết. Ông dùng chữ để nói ý. Trong đoạn văn trên, Võ Phiến đang tả cái cung cách rất riêng biệt của ông Tàu chặt thịt trong một tiệm ăn. Cách diễn tả của ông khiến ta hình dung ngay ra cái nhân vật lý thú đó mà ít nhiều trong cuộc sống ta đã từng gặp qua. Mai Thảo khác. Hãy để ý sự lặp lại rất cố ý những từ hay những cụm từ: “vĩnh biệt” chẳng hạn. Hãy để ý đến nhịp điệu. Sao không “tầm tay”

mà lại “tầm tay với”? Sao không là “cuộc đời” mà là “vũng đời”? Lại câu cuối: “Cánh mỗi và hồn sâu”. Hai thanh trắc nâng âm lên cao, hơi lỏ chỏi và rồi rơi xuống với hai âm bằng. Nghe như câu kết của một đoạn hay một bài thơ.

Hãy đọc thêm đoạn nữa của Võ Phiến: “*Hồi còn con gái bà Nghĩa luôn luôn bị cái hình thù xấu xí của chồng ám ảnh. Khi thì bà nghĩ đến cái trán thấp tẹt, khi nghĩ đến cặp chân mày sát mí mắt, khi trông thấy cái cằm khuyết của ông. Bà khổ sở đau đớn, cố xua đuổi những hình ảnh ấy đi. Mỗi lần thấy loáng thoáng trong trí một ý nghĩ về người chồng, bà Nghĩa vội vàng lảng sang chuyện khác. Ý thức tự vệ chống cái ám ảnh đó thấm nhuần mọi cử chỉ, ý tưởng, hành động của bà. Bất cứ lúc nào, trong trường hợp nào, nghe nhắc đến tên ông Nghĩa, động đến một điều có liên quan tới ông, tự nhiên bà nghe nhói lên trong lòng một cảm giác khó chịu, rồi tức khắc điều vừa được nhắc đến bị gạt ra khỏi trí óc.*” (Thương hoài ngàn năm)

Và của Mai Thảo: “*Khuôn mặt Châu đậm đìa. Nàng khóc hết tiếng, nước nỏ, không kèm giữ. Như chưa bao giờ nàng được khóc như thế. Như nàng còn khóc mãi không thôi. Như lát nữa và mãi mãi mắt tôi sẽ ráo hoảnh, hồn tôi sẽ giá băng. Tôi khóc lúc này là tôi sống lúc này. Tôi sẽ không khóc nữa đâu. Và tôi sẽ chết. Chết cho đến chết. Nước mắt là biển đầy và biển đầy tuôn đi và biển đầy cũng cạn.*” (Mười đêm ngà ngọc).

Đọc Võ Phiến, ta chú ý đến trạng thái tâm lý khác thường của nhân vật là bà Nghĩa, chú ý đến cảnh của một người vợ bị ám ảnh vì cái xấu xí của ông chồng. Võ Phiến tập trung phân tích các chi tiết liên quan đến sự kiện đặc thù đó. Người đọc cũng chỉ quan tâm đến chi tiết đó, đến nỗi không mấy để ý đến chữ dùng của ông. Đọc Mai Thảo, ta không tìm thấy một chi tiết đặc thù nào ngoài việc nhân vật đang “khóc”. Mà để tả cái khóc, thì chỉ cần ba câu đầu là đủ ý, đủ nghĩa. Mai Thảo không dừng lại ở đó mà đi tiếp. Phần đi tiếp này toàn là nói “chữ”. Ông lặp lại chữ “khóc” nhiều lần, sau đó đến chữ “tôi”, chữ “chết”. Chữ “biển đầy”, cũng được lặp lại nhiều lần. Rốt cuộc, tưởng chừng như ta chỉ nhìn thấy những con chữ nhảy múa hơn là tâm trạng bi thương của nhân vật.

Nhìn chung, thế giới của Mai Thảo là thế giới của chữ. Đọc ông, dường như ta bị rơi vào trong một vùng chữ. Chữ đưa lui, đẩy tới, chạy vòng vòng, nảy lên nảy xuống, chữ này chạm vào chữ kia, rồi ra rồi chạm tiếp vào chữ nọ, nhảy múa, uốn éo. Khi thì miên man trôi như giòng sông, dòng này nối dòng nọ. Khi thì đột ngột dừng lại. Như bị thắng gáp. Rồi lại triển nở ra ở một phía khác và chạy tiếp. Nghĩa của chữ hay của câu dường như bị lùi lại đằng sau, trở thành thứ yếu. Lúc thì chúng còn thấp thoáng đâu đó, lơ mơ chợt ần chợt hiện khiến ta còn dừng lại đôi chút để nghĩ ngợi nhưng có lúc nghĩa dường như bị chôn vùi, bị đánh bật hẳn ra ngoài, khiến ta chỉ chạy theo chữ mà không cần biết những dòng chữ đó nói lên cái gì. Y như thể chữ của Mai Thảo không đưa đến nghĩa. Hoặc không cần nghĩa. Mà chỉ gọi nên cảm giác và cảm xúc.

Tại sao? Vì khác với nhiều nhà văn khác, văn Mai Thảo là loại văn xuôi đầy nhịp điệu. Hễ có cơ hội là ông tận dụng ngay để tạo sự cân đối cho các câu văn hay các đoạn văn. Hãy thử đọc một trích đoạn: *Nhủ thâm như vậy vẫn không ổn thỏa chút nào. Thái độ bình tĩnh vẫn như một bằng chứng, một va chạm dữ dội, Châu như bưng tĩnh để đo lường lại một lần nữa, sau bao nhiêu lần đo lường như thế, về liên hệ tình cảm giữa nàng và chồng. Thì ra nàng đang sống một cuộc đời bất bình thường. Đó là những câu văn miêu tả bình thường. Nhưng tiếp sau đó, Mai Thảo chuyển ngay mạch văn: Tâm trạng nàng thường xuyên là một tâm trạng bất bình thường. Vui không cười được. Buồn chẳng thành buồn. Toàn thân Châu chột lạnh toát đi. Sống không ra sống chỉ là một hình thái của cái chết. Còn gì nữa. Đúng như thế. Từ bao nhiêu lâu rồi, nàng có sống đâu. Nàng đã chết. Từng phút từng giờ.*

Đoạn này đọc lên nghe khác ngay với đoạn trước. Nó nhịp nhàng, cân đối. Nhiều từ được lặp lại (bình thường, sống, chết). Nhiều từ có tính cách đối sánh (sống/chết; vui/buồn). Văn trắc văn bằng được sắp xếp phù hợp. *Vui không cười được/Buồn chẳng thành buồn* cân đối cả nghĩa lẫn âm. Cách viết như thế ta có thể tìm thấy nhiều và rất nhiều trên những trang văn Mai Thảo. Ngay cả trong những trang văn có tính cách lý luận.

Nếu đọc kỹ, ta sẽ thấy Mai Thảo rất lưu ý đến văn bằng, trắc, nhất là ở cuối câu. Chẳng hạn: *Ngày tháng là một dòng chảy. Và chàng là một con phao. Lênh đênh, nổi chìm, vô định. Rượu,*

đàn bà, đêm, những thú vui tàn rữa buồn rầu. Ta thấy chữ cuối của câu đầu là chảy (trắc); chữ cuối câu sau là phao (bằng); câu thứ ba là định (trắc); câu cuối là rầu (bằng). Riêng câu thứ ba cũng có nhịp cao, thấp qua các từ “đênh”, “chìm”, “định”. Nếu đọc lên bằng lời, nghe như đọc thơ. Chẳng thế mà Nguyễn Hưng Quốc cho là Mai Thảo đã sử dụng “biện pháp tăng cường đậm đặc chất thơ vào văn xuôi”, khiến cho ông tạo được một “phong cách văn xuôi độc đáo, diễm lệ và dài các lạ lùng”(1). Còn Bùi Vĩnh Phúc thì cho rằng “Ngữ pháp của Mai Thảo mang rất nhiều chất thơ” (2). Thêm một số thí dụ khác:

- *Một nền đêm khuya khoắt lâm chung...trên một nền thâm sâu tàn héo.* Nhịp điệu ở đây rơi vào các từ khuya khoắt/ thâm sâu; lâm chung/tàn héo.

- *Một vô cùng hung dữ và một thì rất đối hiền lành.* Hung dữ/hiền lành.

- *Nhưng say không chỉ là một cơn lốc. Mà say còn là một giọt lệ, một biển đau trong một rừng sâu.* Cơn lốc/giọt lệ; biển đau/rừng sâu

-...*thường làm tôi nghĩ đến một buổi sáng ở một cửa rừng vui nào với những hàng cây thưa, những thảm cỏ mượt, những tiếng chim ca ánh sáng trên đầu, cái buổi sáng bình yên trong ca dao, có cu gáy có bướm vàng của Huy Cận..* Buổi sáng/ rừng vui nào; cây thưa/cỏ mượt; ca dao/cu gáy; bướm vàng/Huy Cận. Những cụm từ “trên đầu” (ánh sáng trên đầu) hay “Huy Cận” (bướm vàng của Huy Cận), thực ra, không cần thiết lắm cho câu văn, nhưng ông bỏ thêm vào, theo tôi, chỉ nhằm mục đích gây nhịp điệu.

-...*những khoảng tối làm cho những mái tóc được kẻ liền, những bờ vai được tựa vào những bờ vai, những ngón tay bỗng đan thêm một vòng khăng khít.* khoảng tối/kẻ liền; bờ vai/bờ vai/khăng khít

- *khoảng sân sau rêu phong. Cái bể non bộ và những chậu cây cảnh. Người mẹ già, bàn thờ Phật. Hương trầm thơm và ánh nến lung linh.* Rêu phong/cây cảnh; già/Phật; hương trầm/ánh nến.

- *Những mùa xuân đã tới. Rồi qua. Hoa nở trong nội. Bướm bay trên đồng. Những chiếc xe hoa. Màu hồng của pháo cưới.* tới/qua; nội/đồng; xe hoa/pháo cưới

- *Riêng với Âu, Nhị đã có không biết bao nhiêu là kỷ niệm. Ngăn ký ức nào dựng cho đủ. Cặp học trò nào chất cho vừa.* kỷ ức/học trò; đủ/vừa.

-...*cái giọng Thóc sang sảng, thước kẻ trên tay, giờ địa dư vừa nói vừa chỉ bản đồ, không sai tên một dòng sông, không lầm tên một triền núi.*

- *Đầu ngã đầu, vai kề vai, tay trong tay nắm.* Tại sao lại không “Đầu ngã đầu, vai kề vai, tay trong tay”? Ông thêm chữ *nắm* vào để cho cân bằng nhịp điệu. Nếu để ý những câu văn Mai Thảo, ta sẽ thấy lối viết đó diễn ra rất nhiều lần

Ngoài việc sử dụng bằng, trắc, đặc biệt, Mai Thảo sử dụng thủ pháp lập lại từ, vừa gây cảm giác liên li, trôi chảy, vừa để tạo và kiểm soát nhịp điệu. Có lẽ không có loại văn nào mà số lượng từ ngữ được lập lại nhiều và quá nhiều như vậy. Có những đoạn, không phải chỉ một từ mà nhiều từ khác nhau được lập đi lập lại nhiều lần.

* Chữ của:

- *...đôi chân son hồng của Linh chạy mãi miết, cánh đồng mùa xuân chấp chới muôn ngàn màu sắc, của bướm, của sương đang tan, của nắng đang dấy, của suối róc rách thành sóng vỗ hiền hòa, của trời cao mênh mông.* (Khi mùa mưa tới)

- *...Nhớ những âm thanh mộc mạc nghìn đời của đất của đồng của hoa của cỏ.*

-...*cái điệp điệp trùng trùng của trường giang, cái mênh mông ngút mắt của bãi bờ, của cửa biển, của khơi xa, của núi rừng...* (Chuyến tàu trên sông Hồng)

- *Mùa Xuân của những ngã đường cỏ non, của những ngày khởi đầu nhung lụa, của những đợt khói hương thơm ngát trong đêm giao thừa, của buổi gặp lại, của ngày trở về...* (Tháng giêng cỏ non)

* Các chữ của, cái, tuổi nhỏ:

“Đứa nhỏ sống trong thứ thời gian rất thơ và rất xanh của bốn mùa, thứ không gian tình cò của mưa mưa nắng, nó sống trong cái thế giới của chuồng trâu bếp lửa, của khói rạ lượn lờ trên mái tranh, của hương hoàng lan thoang thoang trong cây, của hương bồ kết cay cay trong tóc. Nó

nhớ lại tuổi nhỏ như một con chuồn chuồn ngất ngư trong biển nắng, cái tuổi nhỏ như say rượu, cái tuổi nhỏ nằm tròn thành một giọt sương mai giữa đất trời, cái tuổi nhỏ ru nó bằng nhịp võng đưa, cái tuổi nhỏ thật nhỏ, cũng thật hiền, thật non và cũng thật xanh, cái tuổi nhỏ của cái mũ trắng nó đang đội, của cái quần trúc bầu sột soạt nó đang mặc, của tóc mới đâm cứng như rễ tre, của da mới vỡ đầy vết lang ben, của tiếng nói khao khao như tiếng gà trống..." (Chuyến tàu trên sông Hồng)

* Chữ nền:

Trên một nền đêm, một nền đêm khuya khoắt lâm chung, trên một nền chiều, trên một nền thăm sâu tàn héo (Sau khi bão tới)

* Chữ có:

- Đưa nhỏ trôi theo con tàu trên dòng trường giang hùng vĩ chọt nhỏ tới những con sông làng thôn mềm dãi lụa có trâu dầm từng đàn dưới bóng đĩa nghiêng, có những chiếc cầu đá dẫn tới một phiên chợ sớm đầu đình, có những cầu gạch mở vào những cái ngõ lang thang mát hút, có cỏ gà trên gò đống, cỏ ống trên mỏm, có những cầu tre tay vịn chòng chành, đêm đêm có ánh đom đóm lập lòe, có ánh trắng xanh mờ..."(Chuyến tàu trên sông Hồng)

* Chữ thấy:

Thấy mưa trong cảnh ngộ mình, trong tâm thế mình. Hiện giờ. Thấy những khoảng cách mịt mù. Thấy những không gian vô bờ. Thấy những thượng tầng lạnh buốt...(Sổ tay)

* Chữ tiếng:

Nhớ tiếng trống làng thùng thùng. Tiếng chuông chiều buổi tối. Tiếng mõ niệm buổi trưa. Tiếng gà gáy sớm. Tiếng chó sủa đêm. (...) Nhớ tiếng ếch nhái ão uộp dưới ao bèo Nhật Bản, tiếng ve ran ran, tiếng sáo diều vi vu bất tận của nền trời rộng, tiếng đòn gánh kéo kẹt rập rình, tiếng chân đi nặng nặng của đám tuần vắc mỡ canh đêm, là những tiếng động cũ kỹ, thuần túy..."

* Chữ Khoa, danh từ riêng:

Khoa, tiệm thuốc tây ngoài phố chính. Khoa những bó hoa, những chiếc bánh gửi mừng từng sinh nhật. Khoa của một tổ tình chưa đậm, nhưng một đỉnh hôn đã là. Khoa của một mái tóc cắt ngắn, khóa mạnh, mây râu nhẵn nhụi, trong khi đám bạn bè theo Khoa tới quán tóc dài trượt tới gáy, để râu từ lông tơ. Tôi nghĩ đến Khoa. Tách thoát. Rừng rưng." (Ôm đàn tới giữa đời)

* Chữ lúc:

...lúc bò núi sau lưng cái hình ảnh xót thương còn mang hình trái núi, lúc xuống đồng bằng trước mặt cái hình ảnh xót thương đã mang hình những ngọn lửa dài, lúc anh muốn chết, lúc anh muốn sống, lúc tuyệt vọng đen tối vực thẳm, khi tin yêu sáng chói mặt trời, lúc nhìn xa cái hình ảnh lớn theo ngút mắt, lúc tưởng gần cái hình ảnh lớn theo ngút mắt, lúc tưởng gần cái hình ảnh thu cũng nhỏ vào một góc trái tim như một tấm hình kỷ niệm" (Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời)

* Chữ cho:

Gặp lại cho Phạm. Cho Trương. Cho em. Cho chúng mình. Cho một cái gì đã mất. Cho cái thế giới thần tiên, cái thiên đường lộng lẫy. Cho những buổi chiều của chúng ta trên con đê xưa, những buổi sáng của chúng ta trong căn vườn cũ. Cho cái vốn kỷ niệm cần thiết của một đời người khi tới lúc không thể sống bằng kỷ niệm. Cho những ảo tưởng thực hơn nghìn lần sự thực. Cho những sự thực đã thành ảo tưởng. Cho sự chấm dứt của những năm tháng bình yên. Cho sự khởi đầu của những tháng năm đau đớn.(Luân)

* Chữ những:

. - Một đêm mùa thu Hà Nội, lá vàng lả tả bay trên những con đường không tiếng vang, những con đường phẳng phát sương mù và lẳng đọng rất nhiều bóng tối. Trên những con đường ấy là những bước chân rất êm của những người tình. Đầu ngả đầu, vai kề vai, tay trong tay nắm, thân trí mơ màng, tâm hồn phơi phới, trên những con đường lá vàng, những người tình dìu nhau bước đi. (Sau khi bão tới)

- Hà Nội thiên đò. Những bờ bãi ngút ngàn dọc theo hai bờ Hồng Hà. Những con đường của toàn quốc tiêu thổ chạy dài bất tận giữa những thị trấn và những xóm làng đã san bằng thành bình địa. Những đêm Sơn Tây sóng Đáy chậm dòng qua Phủ Quốc như một bài thơ Quang Dũng. Những

chiều Phú Thọ, bốn phía núi chập chùng. Những buổi trưa trung du, cái nắng lả lả trên những sườn đồi hoang vu. Những tinh sương Việt Bắc, con suối độc bốc hơi giữa ngút ngàn hoang dã. Những đêm ngủ dưới trời sao, lưng nằm trên cỏ rùng, đầu kê lên một phiến đá núi. Gió biên giới lồng lộng qua những mái nhà sàn, ở dưới là biển sương dày đặc. Những thị trấn mang những cái tên...(Mười năm, kỷ niệm và trí nhớ)

- Những khúc đường trồng dương liễu đẹp như tranh, như thơ. Những lòng đường lầy lội, và hai bên là những xóm làng hắt hiu buồn bã. Những tòa cao ốc lớn đang xây cất cho những thị trấn và những vùng kỹ nghệ ngày mai. Nhưng kế liền là những túp lều đồ nát, những rác rưởi chất đống. Những thửa ruộng vuông vức, những sông lạch hiền từ. Nhưng ở cạnh là những nông phu Tàu, áo to, nón lá, những hình bóng gầy guộc, âm thầm nhẫn nhục đẩy trâu đi” (Hồng Kông ở dưới chân)

Chao ôi, toàn là những, những và những. Văn của Mai Thảo là văn của vô vàn những chữ *những*. Tôi nghĩ ông khoái chữ *những*. Những chữ *những* vô tội vạ, được Mai Thảo vận dụng tới đa, tự do xài phí, không hề tiết kiệm, không cần bảo chứng. Thú thật, khi viết văn, tôi cũng dùng chữ *những*, chỉ vài chữ trong một đoạn là đã thấy rườm rà, thế mà văn Mai Thảo nghe hết những này đến những kia, có những chữ *những* dùng rất đặc địa nhưng không thiếu những chữ *những* thừa, thế mà đọc lên nghe vẫn trơn tru. Lạ thật!

*Chữ *một*:

Chữ *một* không nhiều bằng chữ *những*, nhưng xuất hiện khá thường xuyên. Và thường nằm rải rác đây đó không nhất định, chứ không tập trung nhiều như *những*. Cách sử dụng chữ *một* có lẽ là một trong những đặc điểm khiến cho văn Mai Thảo trở nên độc đáo, khác lạ, và trở nên...maithảo.

- Rồi thì một lạnh buồn vô tận đáy nhĩ? Rồi thì là một nhớ nhà vô chùng đáy nhĩ? Khi, giữa một đêm quê người, một đêm ở Mỹ như đêm qua...”

- Tiếng chuông vang lên, âm thanh mang hình ảnh một đường chỉ thẳng vút truyền đi, thật sâu và thật xa vào một phía bên trong thăm thẳm, ở đó là một im lặng lớn nằm giữa một lắng đọng đầy...”(Những tấm hình của chị Thời)

- ...Chính ôm lấy người đàn bà. Người đàn bà của một gặp gỡ ngắn. Một tình cờ ngắn. Một hạnh phúc ngắn” (Hồng Kông ở dưới chân)

- Thật là một khám phá. Một khám phá kinh ngạc” (Những tấm hình của chị Thời)

- Không có tiếng vang, không có một bùng cháy, một bất ngờ, một khuấy động nào nữa (Mười đêm ngà ngọc)

Sau chữ *một*, Mai Thảo sử dụng khi thì là tính từ khi thì là trạng từ, khi thì động từ. Nhưng nhiều nhất là tính từ và động từ. Với cách viết này, Mai Thảo loại bỏ hẳn một số từ khác thường đứng trước chúng. Thay vì “một cuộc lưu đày” thì là “một lưu đày”; thay vì “một nỗi nhớ nhà” thì “một nhớ nhà”; thay vì “một sự khuấy động” thì “một khuấy động”, vân vân. Ta gặp dài dài cách dùng đó trong văn Mai Thảo: *một tình cờ, một trao phó, một bùng cháy, một bất ngờ, một vượt thoát, một mê đắm, một yếu đuối*...Nhiều. Đã quen với cách viết đó, mà thú thật, đôi khi tôi cũng ngỡ ngàng khi gặp chữ *một* của Mai Thảo, nhất là khi ông thêm vào sau đó một tính từ nào đó (có khi là một cụm từ) có tính cách diễn tả: *một lưu đày dịu dàng vào cô đơn, một lạnh buồn vô tận, một gần gũi diễm lệ*...khiến cho câu văn đột nhiên mang một vóc dáng khác lạ.

Nhiều nhà văn khác cũng có lập lại chữ. Nhưng chỉ trong trường hợp cần thiết, trường hợp chẳng đáng dừng. Mai Thảo khác. Như đã đề cập, sự lập lại của Mai Thảo là một thủ pháp sáng tác. Một cách điều khiển chữ. Rất nhiều nơi, cái ấn tượng gây ra là chính những con chữ hơn là ý nghĩa mà chúng chứa đựng. Những nhà văn khác viết câu dài vì để nói cho hết ý. Mai Thảo viết câu dài với dụng ý viết...cho dài. Dài bao nhiêu cũng được. Lan man bất tận. Hãy nghe ông tả nỗi xúc động của một lần gặp gỡ:

Tôi nhìn cái khuôn mặt nửa muốn cười nửa muốn khóc của Luân mà sự kinh ngạc còn in lên gần như một niềm đau đớn. Tôi muốn nâng hai tay đỡ lấy khuôn mặt ấy, mười ngón tay tôi cười lấy hai gò má ấy, tôi muốn ôm chặt lấy Luân, ôm thật chặt cái thân thể yếu đuối, tôi muốn hôn vào đôi

mắt kính ngọc, tôi muốn nói với Luân một hơi, không ngừng, một câu nói thật dài, không bao giờ hết. Tôi muốn nói với Luân, đau xót và thành thật nói, câu nói tôi muốn gửi không riêng gì cho Luân mà cho tất cả những người thiếu nữ Việt Nam, qua hình ảnh Luân lúc đó. Những người thiếu nữ xấu số của một đất nước hiền hậu như họ không bao giờ thích hợp với một không khí chiến thời nào.

Tôi muốn bảo Luân, tôi muốn bảo Luân: Anh xót thương em những đêm dài trong núi, dưới mái nhà sàn cơ quan, trên những con đường hầm hố vết thương, những xóm làng hủy phá, trên những thềm nhà cỏ hoang phủ kín, trên những vì tường đổ gục, trên những thân cây chặt đứt, qua những chân cầu đổ nghiêng, trong hầm trú ẩn máy bay. Tôi muốn bảo Luân, anh xót thương em đêm giả từ Hà-nội ra đi nhìn về Hà-hội cái rừng lửa cháy, buổi chiều đứng trên con đê Hồng-Hà, buổi trưa về thăm lại Hưng-yên, buổi ra đi bãi ầy còn xanh biếc ngô non, buổi về chỉ thấy mênh mông phủ sa kín nhòa bãi cũ. Tôi muốn bảo Luân, anh xót thương em trên những đầu ngón chân anh đi, cái hình ảnh xót thương lẫn theo sỏi đá dọc đường, nằm trên từng cột cây số từng nền lũy tre xanh, chày theo mặt nước lúc xuống đò qua sông, khuôn theo lòng đường lúc xuống đò lên bộ, từng buổi sớm xuống suối rửa mặt, cái hình ảnh trong veo trên nền sỏi trắng, từng buổi chiều không biết đi đâu, cái hình ảnh xót thương bát ngát đầy chiều.

Tôi muốn bảo Luân, anh nhớ đến em trong tiếng súng ban đêm, những vết lửa dài cháy vào bóng tối, lúc bỏ núi sau lưng cái hình ảnh xót thương còn mang hình trái núi, lúc xuống đồng bằng trước mặt cái hình ảnh xót thương đã mang hình những ngọn lửa dài, lúc anh muốn chết, lúc anh muốn sống, lúc tuyệt vọng tối đen vực thẳm, khi tin yêu sáng chói mặt trời, lúc nhìn xa cái hình ảnh lớn theo ngút mắt, lúc tưởng gần cái hình ảnh thu cũng nhỏ vào một góc trái tim như một tấm hình kỷ niệm. (Luân, truyện ngắn)

Sự lặp lại những từ hay cụm từ như “tôi muốn”, “ôm chặt”..., khiến những con chữ không còn là những con chữ riêng biệt, không còn chứa đựng các ý nghĩa thông thường của chúng, mà là một dòng chảy. Chúng toát ra hơi, hãy tạm gọi là hơi văn. Hơi văn chuyển dịch từ câu trước đến câu sau, từ đoạn trước đến đoạn sau. Nó làm cho cả đoạn văn như kết dính vào nhau, chảy dài, chảy tràn. Tôi dám quả quyết rằng, khi đọc những đoạn văn như thế, người ta chỉ thấy chữ nối tiếp chữ, câu nối tiếp câu. Đó là những ký hiệu chuyển động hòa lẫn với cái mà Ferdinand de Saussure gọi là hình ảnh âm thanh (image acoustique), tạo nên âm điệu nhịp nhàng vang vang trong đầu óc. Những cụm từ có vẻ rất tượng hình như “cưỡi lấy hai gò má ấy”, “ôm chặt cái thân thể yêu dấu”, “những thềm nhà cỏ hoang phủ kín”, “từng buổi sớm xuống suối rửa mặt”, “thân cây chặt đứt”, “chân cầu đổ nghiêng” vân vân cũng như những “tối đen vực thẳm”, hay “sáng chói mặt trời”... tự thân chúng chẳng nói lên một cái gì cụ thể cả. Chúng không tiêu biểu cho một hiện thực nào hết cũng không chỉ định một ý nghĩa nào rõ rệt mà thuần túy là những con chữ kết cấu với nhau.

Ở đây, Mai Thảo đã sử dụng từ như người họa sĩ sử dụng màu sắc. Ông chấm phá, pha trộn, chồng chéo những con chữ, cái đậm cái nhạt, để tạo nên những ấn tượng và cảm xúc đa dạng. Những “phiền buồn”, “vùng xúc cảm sượng sần”, “mưa là một lưu đày trắng xóa”, hay những “một mù lòa đỏ sập”, trời lạnh đặc”, “rừng tóc lứt thướt chết đuối” hay “tiếng loài cây khóc lóc bay đầy trong buổi tối miền núi”, vân vân rõ ràng là một hình thức trộn chữ và trộn âm của Mai Thảo. Nếu ai hỏi tôi “phiền buồn” hay “trời lạnh đặc” là gì thì tôi còn có thể suy diễn ra được đôi điều (dù không chắc gì đúng), nhưng nếu hỏi “một lưu đày trắng xóa” hay “một mù lòa đỏ sập” thì xin chào thua. Sau này, ca từ Trịnh Công Sơn là một hình thức chế biến ngôn ngữ không khác gì mấy với ngôn ngữ Mai Thảo. Giải thích làm sao những cụm từ như “tuổi đá buồn” hay “bài ca dao trên còn đá” trong nhạc TCS?

Tôi tưởng tượng khi viết, với cảm hứng tràn đầy, Mai Thảo có lẽ không kịp suy nghĩ về những con chữ. Chúng tự động trào ra trên giấy. Chữ. Không có gì khác hơn. Chữ nhảy múa. Chữ va chạm. Chúng tạo ra hình ảnh. Chúng tạo thêm nghĩa. Bùi Vĩnh Phúc và Nguyễn Hưng Quốc đều cho rằng Mai Thảo là duy mỹ và duy cảm. Vâng, duy mỹ, duy cảm. Theo tôi, Mai Thảo đúng ra phải nên được gọi là *duy tự*. Ông mê chữ, khoái chữ. Ông tin tưởng ở hiệu lực của những con chữ, tin rằng nếu biết lợi dụng cấu trúc của chữ, sự kết nối các cụm từ, sự cân đối về mặt âm

thanh, khéo léo sử dụng các hình dung từ, tự chúng sẽ tạo ra ý nghĩa, một loại ý nghĩa riêng biệt, vượt hẳn ra ngoài những ý nghĩa thông thường mà mỗi con chữ có sẵn. Và chữ dường như cũng chịu ông qua không biết bao nhiêu trang văn. Nhiều câu văn và đoạn văn của Mai Thảo thật đẹp, thật độc đáo. Đọc lên nghe thật sướng. Chúng khiến cho ta thoát khỏi cái không khí khô khan của những đoạn văn đầy triết lý, suy tưởng hay những đoạn văn quá sần sùi, quá hiện thực. Chúng khiến cho ta nắm bắt được cái đẹp, cái ý vị của chữ. Chẳng hạn như đoạn văn vừa trích ở trên, một đoạn văn cho thấy phong cách đặc thù của Mai Thảo. Bằng cách dùng từ để tạo hình ảnh và ấn tượng, dùng hình ảnh và ấn tượng để tạo cảm xúc, Mai Thảo thành công khi nói lên được tâm cảnh phức tạp của một cuộc gặp gỡ khác thường để rồi ...vĩnh viễn chia xa.

Hay thì hay, tất nhiên. Nhưng đọc kỹ, ta thấy nó...cầu kỳ, nó văn vẻ, nó pha trộn nhiều thứ quá nên cái hay dường như bị giảm bớt đi nhiều. Trích đoạn sau đây còn đi xa hơn. Nó cho thấy tính cách duy tự của Mai Thảo được đẩy lên đến mức tột cùng:

Qua hàng mi dài vút của nàng, tầm mắt Linh đụng vào một hình thể yêu dấu ở gần. Tất cả bát ngát lớn lên. Đôi mắt Phủ cũng là đôi mắt nàng long lanh vô bờ. Khoảng trống bên sóng mũi cao của chàng như một thung lũng ngon chạy dọc theo một triển núi đẹp, miệng chàng mở hé, môi hồng sắc máu rung động. Linh thấy nở lên như một đài hoa hàm răng chàng óng ánh. Rồi tất cả bật đi và bị nuốt chửng. Linh không nhìn thấy gì nữa. Cái hôn bắt đầu và nàng đã nhắm mắt lại. Trong một khoảng khắc thần tiên, trời đất tối đen như đêm, nàng nồng nàn hôn trả Phủ, hai người nồng nàn hôn nhau, mọi lời nói mọi ý nghĩ bị ngăn chặn lại, và trong hòa hợp truyền thắm mê đắm, trong cái hôn trao gửi khí khai kỳ diệu, Linh sống một cảm giác tột đỉnh bàng hoàng. Những hoa sao nháy múa trong đầu nàng. Trong đầu nàng như có bóng Ngự Bình nghiêng xuống, giòng Hương Giang chảy qua, nó chảy trong một đêm ngà ngọc, kín kín, thăm thẳm, nó chảy trong cái thiên đường bé nhỏ kiêu hãnh, những lớp sóng đỡ nàng lênhên đên thành một vòng hoa, những lớp sóng bao trùm nàng cho cả một rừng tóc lướt thướt chết đuối, trong đầu nàng có sự im lặng thành kính say say lả lả, có tiếng chim hót vui như tiếng hót ánh sáng ở một cửa rừng, có sự thức tỉnh sáng suốt và trong vắt của cả một đời người mà cái hôn đầu là tấm gương lớn cho nàng soi ngắm hình thù của rung động, lại có sự mê thiếp sượng sĩnh tối tăm như nàng sắp ngã, đang ngất, nàng đang bị giết chết, giết chết bằng cái chết của men, của đường của mật nấu cất ngất ngự trong nắng.

(...) Cái hôn dẫn đi. Trên những cánh đồng cỏ mùa xuân, cỏ thơm nõn như chuốt lọc ánh sáng, cỏ mềm mại như nõn nà da thịt, cỏ cao bông tới ngực, tới đầu, đôi chân son hồng của Linh chạy mãi miết, cánh đồng mùa xuân chấp chới muôn ngàn màu sắc, của bướm, của sương đang tan của nắng đang dấy, của suối chảy róc rách thành sóng vỗ hiền hòa, của trời cao mệnh mông vớ đất dưới này được nối liền bằng thân thể nàng vươn lên thành chiếc cầu vồng bảy sắc kỳ diệu, cánh đồng mùa xuân là một hội vui vĩ đại hân hoan, Linh muốn tham lam ôm đầy tay, uống đầy hồn, nàng chỉ có một nhưng nàng muốn muôn nghìn, nàng đòi tình yêu cho nàng một đôi cánh, tình yêu cho nàng liền, nàng đòi tình yêu đi vào đôi chân cuống quýt của nàng đôi hài bảy dặm, tình yêu cũng cho nàng liền, thế là Linh bay đi, bay tới đâu cũng gặp nàng đang ra đời, đang lớn, đang yêu và đang sung sướng.

Trời! Đọc muốn đứt hơi. Hai đoạn trích trên chưa được một nửa của nguyên đoạn văn. Thực tình, ta chẳng thấy nụ hôn mà chỉ thấy chữ và chữ. Chẳng chịt chữ. Liên tục chữ. Mai Thảo tận dụng và lạm dụng chữ. Mà phải công nhận cái tài tận dụng và lạm dụng của ông. *Khoảng trống bên sóng mũi cao của chàng như một thung lũng ngon chạy dọc theo một triển núi đẹp; một đài hoa hàm răng chàng óng ánh.* Một cách diễn tả khá tài tình, chữ dùng vừa lạ vừa cầu kỳ: khoảng trống trên sóng mũi, thung lũng ngon, đài hoa hàm răng. Còn những cụm từ như “bóng Ngự Bình nghiêng xuống”, “giòng Hương Giang chảy qua”, “lớp sóng đỡ nàng lênhên đên”, “một rừng tóc lướt thướt chết đuối” hay “thân thể nàng vươn lên thành chiếc cầu vồng bảy sắc kỳ diệu” hoàn toàn không đóng vai trò gì trong nụ hôn. Cũng không đóng vai trò gì trong cái xúc động của người đàn bà được hôn. Mà thực tình chúng cũng chẳng tạo nên cảm giác đặc thù nào cho người đọc, nếu như chính tác giả muốn tạo nên. Tôi cho rằng tác giả không muốn tạo nên một cái gì cả. Ông chỉ viết. Viết cho đã. Viết cho sướng. Và ông khoái trá với chữ, khoái trá với cách điều khiển

chúng, với cách kết hợp chúng với nhau. Cả một câu dài như “... sự mê thiếp sượng sần tối tăm như nàng sắp ngã, đang ngất, nàng đang bị giết chết, giết chết bằng cái chết của men, của đường của mật nấu cất ngất ngư trong nắng” rõ ràng chỉ có tính cách biểu diễn chữ trên trang giấy. Ngay cả cái ấn tượng thực sự, tôi cũng chẳng thấy. Mà giả sử như có ấn tượng thì chỉ là một ấn tượng giả. Thực sự nó không gây nên một cảm xúc nào cả. Vì cảm xúc thật sự bao giờ cũng đi đôi với một sự kiện, một hiện thực, một chi tiết. Khi đẩy những con chữ đi quá xa, quá hoa hòe, quá khéo thì mọi cảm xúc sẽ bị tan biến đi. Cũng giống như khi chứng kiến một cảnh tượng thương tâm nào đó, một người mẹ có con bị chết thảm chẳng hạn, cảm xúc ta sẽ dâng cao khi nhìn thấy đôi mắt lạc thần, tiếng khóc bị kềm giữ, nét mặt bi thương và thậm chí sự im lặng của người mẹ. Nếu như người mẹ bắt đầu nói, rồi than van, kêu gào, kể lể dông dài, cảm xúc trong ta sẽ giảm dần, thậm chí tan biến.

Nói như Nguyễn Hưng Quốc, trong Văn Mai Thảo, có sự “lấp lánh” của chữ, có sự “óng ả” của câu. Lấp lánh, óng ả đã tạo nên một cõi văn chương Mai Thảo tài hoa, đa dạng. Nhưng lấp lánh quá, óng ả quá, đôi khi, lấy mất đi những cảm xúc chân thật.

Nếu ít lấp lánh, ít óng ả thì sao? Hãy thử đọc truyện ngắn “Những tấm hình chị Thời”. Truyện kể lại những kỷ niệm của một chú học trò từ quê lên tỉnh trọ học với chị Thời, một thiếu nữ lãng giềng lớn tuổi hơn và ế chồng. Trong lúc các bạn đồng trang đồng lứa lần lượt lên xe hoa thì chị vẫn ở vậy, lặng lẽ sống với những tấm hình nam tài tử xi nê dán khắp phòng. Về mặt kỹ thuật, đây là một truyện kể hoàn chỉnh. Một truyện ngắn hay và rất cảm động. Mai Thảo kể chuyện nhiều hơn là “chơi chữ”. Giọng văn điềm tĩnh, từ tốn, đi sát với hiện thực và tâm cảm nhân vật hơn là điều khiển những con chữ. Trong phần kết, Mai Thảo viết:

Nhớ đến chị Thời, Nhị lại nhớ đến ngôi nhà ngày xưa. Khoảng sân sau rêu phong. Cái bể non bộ và những chậu cây cảnh. Người mẹ già, bàn thờ Phật. Hương trầm thơm và ánh nến lung linh. Những buổi trưa mùa hè, bóng tối làm thành bóng mát, khuôn mặt dịu dàng của chị Thời ở đó, nghiêng xuống giấc ngủ thơ ngây của đứa nhỏ xa nhà. Và tiếng nói của chị, êm ái. Và những tấm hình của chị. “Chị chỉ còn những tấm hình ấy. Để sống. Lớn lên, sau này em sẽ hiểu.” Nhị đã lớn. Nhị đã hiểu. Những tấm hình tài tử ấy là tổng hợp cho một khuôn mặt đàn ông mơ tưởng không bao giờ trở thành sự thật cho đời chị. Nàng công chúa buồn vẫn ở trên cái tháp lạnh và cô đơn của tòa lâu đài kia. Những mùa xuân đã tới. Rồi qua. Hoa nở trong nội. Bướm bay trên đồng. Những chiếc xe hoa. Màu hồng của pháo cưới...

Vẫn là giọng văn Mai Thảo. Dầu vậy, phải thừa nhận rằng cái chất Mai Thảo không bộc lộ được hết ra vẫn như trong các truyện hay ký khác. Nghĩ cũng buồn cười. Đọc ông viết dài quá, tô vẽ quá, tôi ngộp. Đọc ông viết vừa đủ, gọn gàng, tôi lại thấy thiếu.

Rốt cuộc, với tôi, “Chuyến tàu trên sông Hồng” dường như cho ta một Mai Thảo lý tưởng. Bài ký chứa đựng tất cả phong cách Mai Thảo của một Mai Thảo chưa quá sa đà với những con chữ. Dài mà không dài dòng. Tận dụng nhưng không lạm dụng. Khéo nhưng không biểu diễn. Tâm tràn ra cảnh. Cảnh cô đọng trong tâm. Quá nhưng không thừa. Nó cho thấy những con chữ tự chúng có thể tạo ra vô số nghĩa và không những gây nên cảm xúc mà còn tạo ra những cảm xúc rất mới mẻ. “Hình dung thấy con tàu đó trên con sông đó. Con sông Hồng Hà. Như dòng máu đỏ tươi chảy băng băng khắp vùng trí nhớ băng khuâng. Con sông như một đời sống vĩ đại. Bên này bãi lở. Bên kia bãi bồi. Tiếng sóng giữa dòng trùng trùng ca hát. Tiếng sóng đập cái tiếng đập menh menh đầu gối nơi tả ngạn bị hủy xóa mãi miết, nước xô vào rách đầy lúi mãi những bãi dâu và những nương khoai vào những chân tre cù. Nơi tả ngạn, ngọn sóng hiền lành lăn tăn êm ả trên những bãi ngấm nổi hình mùa lũ này qua mùa lũ khác. Đứa nhỏ trôi theo con tàu trên dòng trường giang hùng vĩ chợt nhớ tới những con sông làng thon mem dải lụa có trâu đằm từng đàn dưới bóng đa nghiêng, có những chiếc cầu đá dẫn tới một phiên chợ sớm đầu đình, có những cầu gạch mở vào những cái ngõ lang thang mát hút, có cỏ gà trên gò đồng, cỏ ống trên mỏm, có những cầu tre tay vịn chòng chành, đêm đêm có ánh đom đóm lập lòe, có ánh trăng xanh muốt chờ tới những khoảng sân gạch bát tràng nồng ám hương lúa đầu mùa.” Dòng văn cứ thể mà dịch chuyển, miên man, sâu lắng. Nếu những trích đoạn vừa rồi văn Mai Thảo là dòng chảy, thì có những đoạn khác, ta thấy Mai Thảo cố tình chặn dòng văn lại. Bằng cách sử dụng

các dấu chấm câu, ông tách câu ra thành từng mảng, từng miếng, bố trí chữ vào trong những vị trí cô lập. Y như thể chúng không cần có nhau:

- *Nguyên thờ dài nảo nuột. Phút này, chàng chỉ muốn chàng đừng là Nguyên và người yêu của chàng đừng là Châu. Trái tim đừng biết đập. Đầu óc đừng biết nghĩ. Ngu dốt. Đần độn. Tâm thường sống và tâm thường chết. Như cỏ cây. Như phiến lá mục. Như cánh bèo trôi.* (Mười đêm ngà ngọc)

- *Nằm nghe mưa. Thấy mưa trong cảnh ngộ mình, trong tâm thế mình. Hiện giờ. Thấy những khoảng cách mịt mù. Thấy những không gian vô bờ. Thấy những thượng tầng lạnh buốt. Đất nước. Mưa đang ở phía ấy. Trên suốt ba miền đất nước hồng thủy* (Sổ tay Mai Thảo)

Ông bóc chữ khỏi câu, bóc câu khỏi đoạn. Chữ, khác với những đoạn văn dài dòng trên, y như thể bị tước bỏ. Bị câu thúc. Bị lấy mất chất kết dính. Y như thiếu. Thực ra, không thiếu. Chúng chỉ bị nén lại. Một chữ hay một cụm chữ bây giờ chứa đựng nhiều chữ khác. Cái ngắn tạo nên cảm giác bút rút, bòn chòn. Những dấu chấm và dấu phết bây giờ không mang giá trị của những ngắt quãng mà là những âm vang, những dồn nén. Chúng là những ý tưởng không nói ra. Chúng trở thành những con chữ dấu mặt. Ở đây, quy luật văn phạm chào thua. Không có. Không cần có. Chính cái không cần đó lại làm giàu thêm nội dung của con chữ.

Cách viết như đoạn sau đây thật tài tình và thật *maithảo*.

Thật lâu. Trong tối. Rồi khóc một mình, khóc ngời lên, khóc xuống giường, khóc chân đất đi ra (...) Nàng đưa chúng trở lại bàn. Kéo ghế. Ngồi xuống. Hai bàn tay trắng muốt của nàng, ngón út cong lên, khởi sự cuốn dần những cuốn bi tròn trĩnh. Xong. Nàng nhặt từng cuốn, nhúng vào nước chấm. Và bắt đầu ăn. Nàng ăn, đôi bụng, đẹp mắt, ngon lành, phúng phính, đầy miệng. Và vừa ăn vừa khóc tiếp (Một truyện rất ngắn)

Giọng văn khô, nghe hụt hẫng. Các chi tiết như một đoạn phim quay chậm, dừng dừng, vô cảm. Nhưng rất ấn tượng.

Bùi Vĩnh Phúc nhận xét: “Nhiều khi, nó tạo ra những phân cảnh. Không phải là những cảnh liên tục. Nhưng chỉ là những phân cảnh. Như của kỹ thuật làm phim. Nhiều khi, những câu văn của Mai Thảo là những *close-ups*, những *gros-plans*, những cận ảnh. Cận ảnh được phóng lớn nhờ vào những câu thiếu thành phần. Chỉ là một từ, một trạng từ, một tính từ hay một danh từ. Có khi chúng là những cụm trạng từ (*adverbial phrases*), hoặc là những nhóm từ bổ nghĩa kéo dài ra từ một câu hoàn chỉnh. Và được cho đứng một mình. Có khi chúng là những cụm từ tiếp nối ý cho một câu đi trước. Lại được cho đứng một mình. Để hình ảnh hoặc âm thanh của nó lan đầy ấn tượng trong ta. Kỹ thuật ấy, thơ thường sử dụng.”(3)

Thật chí lý!

Mai Thảo không những đem thơ vào văn xuôi, mà còn làm thơ. Cách viết ngắn đã đưa tới những thành công của ông trong những bài thơ độc đáo vào lúc cuối đời. Những bài thơ tứ tuyệt của ông như những ý nghĩa bị dồn chặt tới mức mỗi câu, thậm chí mỗi chữ đều là một năng lực. Nó cho ta thấy một Mai Thảo điệu nghệ trong việc sai khiến con chữ. Khi muốn dài, ông có thể kéo dài đến ...mấy chục tác phẩm, trong đó những đoạn văn “trang hoàng” chắc chắn là dài hơn ý định muốn chuyển tải của tác giả. Nhưng khi cần ngắn, Mai Thảo thu tóm được trong những câu thật cô đọng. Chữ nghĩa chọn lọc. Hình ảnh độc đáo. Rất cụ thể, rất hình tượng, rất gần gũi.

Nhưng ý nghĩa của chúng lan tỏa rất xa, rất sâu.

Biển một đường khơi xa thăm xa

Núi vươn trượng trượng tới mây nhòa

Thì treo cục đất tòng teng giữa

Cho cái vô cùng vẫn nở hoa

“Cục đất tòng teng giữa” và cái “vô cùng vẫn nở hoa” thật là một hình ảnh cực kỳ “đông phương”, một đối sánh tuyệt vời giữa cái vô hạn/hữu hạn. Cũng là một đối sánh giữa vô hạn/hữu hạn, nhưng dưới một hình ảnh khác:

*Em vừa đi khuất trên đầu phố
Anh đuổi theo sau bóng đã nhòa
Đứng sững. Mới hay lia cách đã
Sơn cùng thủy tận giữa đôi ta. (thủy tận)*

“Đứng sững. Mới hay lia cách đã”. Một dấu chấm rất rất vô ngôn mà lại cũng rất đầy ngôn. Một dấu chấm rất *maithảo*. Một cụm từ cũng *maithảo* không kém: lia cách đã. Và bài sau đây, theo tôi, là một bài thơ tình tình nghịch mà vô cùng thú vị.
*Đặt tay vào chỗ không thể đặt
Vây mà đặt được chẳng làm sao
Mười năm gặp lại trên hè phố
Cười tùm còn thương chỗ đặt nào (chỗ đặt)*

Bài thơ rõ ràng là cách vận dụng chữ “đặt”. Do cách kết hợp từ mà chữ “đặt” đâm ra có nhiều nghĩa khác nhau. Đọc xong chỉ biết cười. Cười tùm!
Bài viết này chỉ bàn về văn Mai Thảo chứ không bàn về thơ. Vậy xin được dừng ngang đó.
Theo những nhà ký hiệu học (semioticians), chúng ta sống trong một thế giới đầy cả ký hiệu (signs). Charles Sanders Peirce (1839-1914), được xem như là một trong hai cha đẻ ra môn học này (người kia là Ferdinand de Saussure), quả quyết: “Toàn thể vũ trụ tràn ngập những ký hiệu, nếu không muốn nói là bao gồm những ký hiệu” (4). Do đó, theo Pierce, khi suy nghĩ, chúng ta chỉ suy nghĩ bằng ký hiệu. Ký hiệu là gì? Ký hiệu là cái gì biểu trưng cho một cái gì khác hơn chính nó. Nhìn một vật hay nghe một âm thanh, bao giờ ta cũng nghĩ đến một cái gì khác hơn chính vật hay âm thanh đó. Đèn đỏ, chẳng hạn, ở ngã ba ngã tư biểu hiện cho sự dừng lại. Cái bàn, chẳng hạn, biểu trưng cho nơi làm việc hay là nơi để sách vở, tài liệu. Người cảnh sát, chẳng hạn, là biểu trưng cho luật pháp. Tiếng khóc, chẳng hạn, biểu hiện cho sự đau thương. Vân vân. Cái được biểu hiện chính là ý nghĩa.

Ngôn ngữ - hay nói cho gọn là chữ hay lời - là loại ký hiệu có vẻ “ký hiệu” nhất trong tất cả các loại ký hiệu, một thứ ký hiệu thuần túy. Nhìn một vật, ta có thể tưởng rằng nó không biểu trưng cho cái gì khác (tức là ý nghĩa) nhưng đọc một chữ, ta nghĩ ngay đến nghĩa của nó. Theo Jean Piaget (5), đối với trẻ con, giai đoạn quan trọng nhất của sự phát triển là khi chúng thay thế sự vật bởi các ký hiệu, trước hết là bằng cử chỉ và âm thanh và sau là ngôn ngữ. Chúng nhanh chóng khám phá ra rằng chữ là một quyền năng. Nghĩa là nó có thể dùng chữ để chỉ “cái gì đó” ngay khi “cái gì đó” không có mặt ở đó. Chữ trở thành năng lực. Khởi thủy, một chữ là để quy cho một sự vật nào đó. Nhưng trong quá trình phát triển, chữ dần dần trở thành những ý niệm trừu tượng hơn là các sự kiện vật lý. “Chữ không phải là sự vật” (the word is not the thing), theo Alfred Korzybski (6). Nói một cách khác, chức năng truyền đạt của ngôn ngữ đòi hỏi một lãnh vực quy chiếu nằm bên ngoài giới hạn của từng sự vật đặc thù. Nghĩa là giữa chữ và nghĩa có một tương quan không ổn định. Điều đó dẫn đến khả năng vô hạn của văn chương. Chữ trên trang văn không phải để bày biện, để trang hoàng, để nhìn ngắm và để chỉ những gì được xác định ở bên ngoài thế giới vật lý, mà để nói về một thế giới khác nằm ngoài nó, trên cao hay dưới thấp, trong lòng người hay ở một chỗ vô cùng nào đó. Chữ có khả năng tạo ra một loại “hiện thực” mới. Đọc những nhà văn khác, tôi bâng khuâng với câu chuyện, tôi thương cảm cho số phận của một nhân vật hay cảm khái vì một tình tiết nào đó. Đọc văn Mai Thảo, tôi tìm thấy một thế giới đầy chữ. Chữ ôm chữ. Chữ trượt chữ. Chữ vịn chữ. Mai Thảo đã tiêm vào chữ những mầm sống mới và qua đó, văn Mai Thảo mở cho ta những hiện thực khác, lạ lùng và kỳ thú. “Hiện thực”, nói như Chandler Daniel, “có tác giả” (reality has authors) (7). Nghĩa là có nhiều “hiện thực” hơn là thứ hiện thực duy nhất do những nhà khách quan chủ nghĩa ấn định.

Với chữ, văn Mai Thảo tạo ra hiện thực. Hiện thực chỉ riêng cho ông.
Tôi đọc ông. Và cảm thấy mình mới hẳn ra. Cũng từ chữ.

Ghi Chú:

(1) Nguyễn Hưng Quốc, *Thơ Mai Thảo, tiếng mưa thềm rơi trên Nam Hoa Kinh*, Hợp Lưu số 16, tháng 4&5, 1994.

(2) Bùi Vĩnh Phúc, *Văn chương Mai Thảo: biên địa của cảm xúc và cái đẹp*, Hợp Lưu, số đã dẫn.

(3) Bùi Vĩnh Phúc, Hợp Lưu, số và bài đã dẫn.

(4) The entire universe is perfused with signs if it is not composed entirely of signs (dẫn theo Jonathan Culler- *The Pursuit of Signs*, nxb Cornell, New York 2001, tr. 23)

Nguyễn thị Thanh Bình nhận định & thực hiện với Trần Doãn Nho



1. Sau hơn 20 năm dòng sông Bến Hải ngăn cách chia đôi, và người Việt chúng ta trải qua cuộc nội chiến bắn giết nhau huynh đệ tương tàn, bây giờ nhìn lại ngày 30/4/1975, anh còn nhớ tâm cảm và hình ảnh đậm đặc nào in sâu trong lòng mình nhất? Khi ở Miền Nam lúc ấy, thành phố bán động xé nát bởi những tiếng gầm rú của chiến xa, khói súng. Với Bắc Việt vẫn được tiếng là đội quân hiếu chiến, giỏi thói xiềng chân cố thủ, và quân đội rầm rầm hung hãn xe tăng thiết giáp, súng ống đậm sập cổng Dinh Độc Lập, nơi có vị Tổng Thống 48 giờ Dương Văn Minh và nội các đã chờ sẵn để “bàn giao lịch sử”, vì cố tránh cho Sài Gòn những cuộc đổ máu không cần thiết. Trong trường hợp xem ra hàng phục thay vì “trung lập” này, kẻ chiến thắng tha hồ hống hách nhìn kẻ chiến bại như chẳng có gì, còn gì để nói chuyện “bàn giao”, ngoài thái độ hả hê mở khóa 16 tấn vàng quốc gia để rồi mang đi cống nộp cho quốc tế C.S. Liên Xô lúc bấy giờ. Cũng từ phút giây ấy, Cộng quân “triệt hạ”, vứt bỏ trước tiên lá Cờ Vàng VNCH, vinh danh và dựng ngay lá Cờ Đỏ Phúc Kiến trên toàn bộ nóc nhà ủ dột của dân tộc VN. Và như thế, liệu khi dùng bạo lực vũ trang xâm chiếm Miền Nam với mục đích “đi cứu nước”, “giải phóng Nam Miền Nam”, và “thống nhất đất nước”, vào thời điểm ấy liệu lính Bắc Việt có thấy một và chỉ một người lính Mỹ nào còn lai vãng? Và sau 41 năm “Đánh cho Mỹ cút Ngụy nhào” và “Ta đánh đây là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung Quốc...” như Lê Duẩn thú nhận, anh thấy được bài học lịch sử gì ở đây và bản chất của công cuộc “giải phóng” này ra sao?

2. Mới đây ở ngoài nước, những người Việt tỵ nạn đã có thêm một cụm từ “Ngày Hành Trình Tìm Tự Do” để gọi Ngày 30 tháng 4, mặc dù có thể ba chữ “Ngày Quốc Hận” đã là một cách dùng, cách gọi quen thuộc. Theo nhà văn Trần Vũ thì đây là “Ngày Chiến Thắng của Cái Ác”, và như thế cũng không khác gì với tên gọi của Luật Sư đang bị cầm tù Nguyễn Văn Đài là “Ngày của Cái Ác đã Chiến Thắng”. Điều này làm chúng ta liên tưởng đến cụm từ vẫn không còn xa lạ gì với dân gian: “Ác với dân”, và 3 chữ “hèn với giặc” đi đầu, kể từ Ngày được gọi là Đại Thắng Mùa Xuân, Giải Phóng Miền Nam, Thống Nhất Đất Nước Về Một Mối, Nam Bắc Sum Hợp Một Nhà... Do đó, tên gọi có khi không quan trọng vì ai cũng đã thấy rõ sự giả dối, giả tạo, đánh tráo khái niệm của từng tên gọi, và không ai trong chúng ta là không tự hỏi cuộc chiến đã thực sự tàn chưa, hay những người con dân Việt vẫn phải đổi đầu từng ngày cho những cuộc chiến khác? Và thay vì phải loay hoay tranh cãi cho một tên gọi không thực tế, anh định sẽ làm gì trong ngày 30/4, như khui sâm banh cụng ly ăn mừng, khi lòng mở hội vì VN ta còn đánh thắng cả siêu

cường Mỹ (thì nhằm nhò gì anh hàng xóm xấu bụng to lớn, sao lại dờ dờ lẩn lút được?) hoặc nên làm gì như mặc áo đen hay áo trắng đồ xô ra đường, và đi lặng lẽ như một ngày để tang chung cho những anh linh tử sĩ, chiến sĩ, đồng bào vô tội đã đền nợ nước của cả hai bên?

3. Lễ nào anh chỉ thù người ra, vọng tưởng đôi chút và không làm gì cả như một ngày nghỉ lễ, hoặc may lắm là viết vội những cảm xúc... thơ tháng 4? Hay với những người con lưu lạc tự nạn xứ người, có gắn kết với biển cố, sự kiện lịch sử này, liệu 41 năm sau có còn thấy mình muốn sờ lại hoặc xoa dịu vết thương cũ, để biết rằng chỉ có mình là nên tự trách mình: “Tôi Làm Tôi Mất Nước” như một tựa sách của Lê văn Phúc chẳng. Và bây giờ với mốc điểm vẫn còn lăm tang thương của 30/4, anh nghĩ sao khi Đảng CSVN vẫn tiếp tục ăn mừng kỷ niệm chiến thắng, với những tổ chức rình rang như diễu binh, diễu hành, trưng bày triển lãm di sản chiến tranh, cờ quạt văn nghệ đàn đúm mời gọi đông đảo, cốt giương oai thành quả cách mạng, trong khi biết bao nỗi đau ngút ngàn khác vẫn chưa có cơ may hàn gắn được? Liệu có cách chi để lòng người bớt ly tán, khi nhà cầm quyền này hoàn toàn không thực tâm muốn hòa giải với trước hết là những người trong nước với nhau và giữa những mặc cảm của người Miền Nam cũ thua trận đang có những phân biệt đối xử?

4. Nhiều người cho rằng nhà nước của XHCN này là nhà nước của riêng 4 triệu đảng viên với “còn đảng còn mình” và cho gia đình họ, nên không thể và không phải là nhà nước của 90 triệu dân được quyền chọn lựa. Anh có nghĩ đây là lý do chính đáng khiến đa số những người VN nếu có cơ hội sẽ nhắc bổng đôi chân mình lên để tự bỏ-phiếu-chân cho những thăm dò không thể sống chung được với CS. Bấy lâu nay người ta vẫn thấy “nếu cột đèn biết đi cũng sẽ đi”, nhưng tại sao với cả những du học sinh tràn đầy chất xám cho nước nhà cũng “một đi không trở lại” hoặc chỉ 1, 2 người trong số 13, 14 người buộc trở về nước mà thôi? Nhất là cho đến thời điểm này, những người VN vẫn còn muốn tìm đường bỏ nước ra đi. Đó là chưa kể tình trạng rẻ rúng của những phụ nữ Việt Nam phải bán mình nô lệ tình dục khắp bốn phương, và thanh niên tìm cách đi lao động xứ người để kiếm sống, cùng dành dụm nuôi gia đình. Vậy thử hỏi với 2/3 dân số Việt Nam bây giờ là tuổi trẻ, là những người không hề có quá khứ, ký ức chiến tranh hận thù, nhưng sao họ vẫn không thể gây dựng nổi một tinh thần yêu nước như người Nhật để mang đất nước đi lên, hoặc phải biết noi gương cha ông mình. Hay lý do không còn ai buồn dạy dỗ, giáo dục, hâm nóng trong họ những bài học công dân lịch sử đáng nhớ, để còn thấy hãnh diện mình là người Việt Nam bất khuất chẳng.

Nói với họ điều gì đây trong dịp 30/4 này, khi ngoài kia Biển Đông đang dậy sóng từng ngày và nơi đây nước Việt đang có cuộc “xâm thực” cá chết và biển chết ở Miền Trung, mà thực sự không ai dám đứng lên hỏi cho ra lẽ một nhà nước chỉ biết hãnh tiến với ngoại quốc rằng: “VN chúng tôi tự hào đã đánh thắng tới ba đế quốc sừng sỏ”, khi chính Thủ Tướng Thái Lan đã phải buộc miệng với cố Thủ Tướng VN là Võ Văn Kiệt lúc ấy: “Chúng tôi tự hào đã không phải đánh nhau với đế quốc nào cả”. Lúc ấy là năm 1991, còn lúc này là năm 2016, thử hỏi tuổi trẻ và trí thức VN phải làm gì, để hòng đẩy lùi “Ngày 30/4 Oan Khiên” không còn trở về tra vấn những con người cùng một dòng máu Việt Nam?

Trả lời tổng quát của nhà văn Trần Doãn Nho:

Trước hết, xin được cảm ơn phỏng vấn viên, nhà văn Nguyễn Thị Thanh Bình. Bản thân những câu hỏi của cô không chỉ là những tra vấn mà là một nỗi dằn xé, ray rứt. Đọc những câu hỏi mà như đọc nỗi trần trở của chính mình. Hơn thế nữa, mỗi câu hỏi vừa là nỗi trần trở lại vừa chứa đựng câu trả lời.

Mà cũng không chỉ đến ngày 30 tháng 4 mới trăn trở. Với tôi, đó là một trăn trở hàng ngày. Chúng ta sống trong thân phận của những người thua cuộc 30 tháng Tư, đâu có khi nào nguôi ngoai. Ra đi, chúng ta sống một lần hai thế giới: một người Mỹ/Úc/Pháp/Canada... trong tâm thức một người Việt. Một hình thức nhị trùng nhân cách! Vừa hưởng thụ lại vừa đau đớn vì những gì đang có. Một đối chất nghiệt ngã! Những tranh cãi về tên gọi ngày 30 tháng Tư, thực tế, chỉ là phản ảnh những trăn trở không nguôi của người lưu vong. Nó trở thành một nỗi đau hàng ngày. Tranh cãi chữ nghĩa làm chúng ta đau thêm, nhưng biết làm sao được. Chấp nhận tự do có nghĩa là chấp nhận cả những gì tích cực lẫn những gì tiêu cực. Cứ xem những tranh cãi của các ứng cử viên tổng thống Mỹ hiện nay, ta sẽ thấy đâu chỉ có cộng đồng người Việt là “nhiều chuyện”. Một nước Mỹ hùng cường là thế, văn minh là thế, tiến bộ là thế, dân chủ là thế mà cũng đầy dẫy những vấn nạn, nói gì đến Việt Nam, nhất là Việt Nam của những người mang vết thương 30 tháng Tư!

Dẫu vậy, với tôi, hải ngoại lại chứa đựng mầm mống của tương lai. Hải ngoại là một Việt Nam khác. Một VNCH nối dài, nói như Tạ Chí Đại Trường. Hải ngoại có một nền văn học. Hải ngoại có những tổ chức cộng đồng. Hải ngoại có báo chí, có truyền thông. Hải ngoại bảo tồn truyền thống. Hải ngoại chuyển sức sống của mình vào trong nước. Tuy phân tán và tranh cãi lẫn nhau, nhưng hải ngoại là một thực thể, một thế lực và là một đối trọng đối với nhà cầm quyền Cộng Sản. Hơn thế nữa, một chỗ dựa vững chắc cho phong trào dân chủ trong nước. Tiếng nói của hải ngoại vẫn có một ảnh hưởng đáng kể vào trong nước. Nhiều người trong nước, khi bị đàn áp, vẫn tìm thấy một chỗ dựa ở hải ngoại. Có thể nói, hải ngoại là một hậu phương lớn, chứa đựng một không gian tích cực để gieo mầm mống của tương lai. Tôi cảm thấy tự hào với cái hải ngoại của mình. Và trong khả năng nhỏ bé của mình, tôi đã và đang đóng góp một chút công sức của mình vào đó. Bằng văn học.

Vả lại, đâu phải chỉ chúng ta mới đau nỗi đau 30 tháng Tư. Nỗi đau này hiện đang giằng xé cả những người đã từng nằm trong phe chiến thắng. Hãy vào trang Bầu Xít hay những blog của những bloggers hiện đang sống trong nước mà xem. Xu thế đòi dân chủ càng ngày càng lan rộng, từ những người tuổi đảng (CS) đầy mình cho đến giới trẻ lớn lên sau ngày 30 tháng Tư. Những giá trị VNCH âm thầm trở lại trong nhiều sinh hoạt xã hội. Và đôi khi, thâm nhập ngay trong guồng máy nhà nước.

41 năm dằng dặc! Đòi thì quá ngắn. Lịch sử lại quá dài và vô tình. Nhưng tôi tin rằng lịch sử luôn luôn chuyển động, hướng về cái văn minh, cái tiến bộ. Hãy góp phần mình trong chuyển động đó của lịch sử. Với những gì mình đang có.

Cái thú của tôi

Đọc văn, đọc thơ là cái thú tinh thần tao nhã. Xưa nay ai cũng nói thế.

Riêng tôi, nói các bạn đừng cười, trong những gì tôi đọc thì thích nhất vẫn là đọc tác phẩm của mình. Đó là một tật xấu, tôi biết. Biết mà không bỏ được.

Tôi không phải là người viết mới. Bài tôi viết đã được đăng nhiều lần trên nhiều báo khác nhau rồi. Thế mà hễ số báo nào biết là có bài mới viết sắp đăng, tôi vẫn cứ hồi hộp đợi. Ngày nào cũng hong hóng trông người đưa thư, lòng thấp thỏm không yên, y như đợi người tình thuở đầu đời mới biết yêu. Báo đến rồi, xé vội xé vàng xem thử bài mình đăng ở đâu. Có được đặt ở một vị trí tương đối có giá không, hay là bị đẩy đến một nơi không mấy người thèm để ý?

Đây rồi, tên mình đây rồi! Bài mình viết đây rồi! Bài nằm ở giữa, thôi thì cũng được. Thế là tôi bắt đầu lật tới lật lui tờ báo trong lúc mắt thì ngắm nghía cái tên mình, ngắm nghía cái tựa đề mình đặt. Sao mà nó dễ thương chi lạ! Nó lung linh, run rẩy, nhảy múa trước mắt mình như một vật trân quý. Ngắm chán, rồi bắt đầu đọc. Say sưa. Cảm động. Trời, bài mình viết đây sao? Hay tệ! Những con chữ và những chuỗi câu trôi đi, lướt qua trước mắt trên tờ giấy trắng tinh, mang theo con tim khối óc của mình. Càng đọc, càng say sưa, càng đắm mình trong cái thế giới nhỏ nhoi nhưng vĩ đại của mình. Càng đọc càng cảm thấy thương mình chi lạ. Thương cái tựa đề, thương cách dùng chữ. Thương câu này ngắn câu kia dài. Thương từ dấu chấm dấu phết cho đến cách xuống dòng. Thương cái ý, cái tình mình trải ra trên trang giấy. Rồi thương những lúc bỏ công ra ngồi cặm cụi viết, cặm cụi đánh máy, cặm cụi sửa. Đọc đến một đoạn nào ưng ý, gấp sách lại, nhắm mắt bồi hồi, tận hưởng cảm giác lâng lâng của một đứa trẻ con được thưởng quà.

Cuối bài, tần ngần ngắm lại tên tôi. Không chán. Vâng, tôi đó. Tôi sở hữu nó. Nó là tôi. Tôi là nó. Ngắm chán, tôi lật trở lên đầu bài, đọc tiếp. Lại bồi hồi, xao xuyến. Hết, đọc lại. Ngày hôm sau, dở ra, đọc tiếp. Đôi khi, suốt cả tuần, tôi chỉ còn một cái thú: đọc bài của mình với một nỗi tự hào bất tận. Tôi mê tôi đến thế thì thôi! Tôi mê văn mình đến nỗi chỉ thấy bài mình. Lật lui lật tới, vẫn chỉ thấy bài mình nằm chình ịch ra đó. Dường như cả tờ báo, chỉ có một mình bài của tôi. Chỉ có bài tôi mới đáng đọc. Còn các bài khác thì thôi. Quên. Quên luôn. Có khi quên hẳn chẳng bao giờ đọc tới.

Bạn đừng vội cho rằng tôi thuộc cái “tip” nác-xi-xít (narcissism), chỉ biết yêu mình. Đúng ra, có phải tôi yêu tôi đâu! Tôi chỉ yêu văn tôi thôi. Nghĩa là yêu cái sản phẩm mình làm ra. Yêu những hình ảnh, ý tưởng mình gầy dựng nên bằng con chữ. Yêu chính nỗ lực của mình. Nghĩa là yêu tình cảm của tôi. Nghĩa là yêu cuộc đời tôi. Nghĩa là yêu những nhân vật tôi bịa ra. Nghĩa là yêu những người tôi từng biết, từng gặp, từng ghét, từng thương. Yêu những ngõ ngách tâm hồn. Yêu những khuất tất không tỏ. Yêu những bất hạnh. Yêu những đờn đau. Yêu những xúc cảm.

Bạn đừng vội trách. Hãy tưởng tượng bạn có một đứa con mới sinh, kết quả của một mối tình mặn nồng. Bạn cư xử với nó như thế nào? Chắc chắn là bạn sẵn sàng hy sinh tất cả cho nó, phải không nào? Bạn bông ả, hôn hít, rờ rẹt, ngắm nghía suốt ngày suốt đêm, phải không nào? Bạn thấy cái gì của nó cũng đẹp, từ con mắt, lỗ tai, đầu tóc cho tới ngón tay ngón chân, phải không nào? Từ câu nói bập bẹ cho đến những bước đi chập chững, phải không nào? Ai chê con bạn xấu, bạn giận. Ai khen con bạn đẹp, bạn mừng. Nó thích gì bạn cũng cho. Nó đòi gì bạn cũng chiều. Khi nó đau, bạn đau theo. Khi nó khóc, bạn hốt hoảng. Con người hàng xóm có đẹp đến đâu, bạn nào có cảm giác. Làm sao mà bằng con bạn được, phải không? Sao vậy? Câu trả lời thật đơn giản: đó là con tôi.

Cũng vậy, tác phẩm của tôi, chính là con tôi. Mỗi một tác phẩm là một đứa con, vừa tinh thần, vừa vật chất. Nó là kết quả của một sự cọ xát giữa tôi và cuộc đời. Là một hôn phối. Một vật vã. Một tìm kiếm. Một trần trở. Nó cũng phải trải qua những tháng ngày thai nghén. Những đau đớn khai sinh. Khi ra đời, nó bắt đầu va chạm với thế giới và chịu đựng đủ thứ phản ứng: chê, khen, dè bĩu, thậm chí bị chửi rủa. Như đứa con, nghe ai khen thì vui. Nghe ai chê thì buồn, thì giận. Được khen, đôi khi sung sướng đến quên ăn bỏ ngủ. Bị chê, chán nản đến độ đau khổ không thua gì tình phụ. Bạn không tin tôi sao? Cứ thử ngồi trước mặt tôi mà chê tác phẩm của tôi đi! Bạn tưởng tôi lịch sự à? Bạn tưởng tôi rộng lượng à? Không đâu, bạn. Bạn có thể nợ tôi dăm ba trăm, quên không trả. Bạn có thể chê tôi không đẹp trai. Bạn có thể than phiền tôi đủ thứ này nọ. Nhưng coi chừng, đừng có mà chê văn tôi! Văn tôi là nhất.

Trên kia, tôi có nói không phải tôi yêu tôi mà là yêu văn tôi. Y như thể văn tôi khác tôi. Đúng ra, chỉ là một cách nói. Văn tôi là cái gì vậy? Chẳng là tôi hay sao? Nó là của tôi. Thuộc về tôi. Một

phần tôi. Là óc não tôi. Là da thịt tôi. Tóm lại, tác phẩm là một thành phần của bản thân tôi. Tôi xin nói rõ như thế này: một thành phần của tôi thì có nghĩa là tôi.

Có khi nào bạn tự hỏi: tôi là gì? Riêng tôi, tôi nhiều lần tự vấn mình bằng một câu hỏi ngây ngô như thế. Khi bạn nhìn tôi, bạn sẽ chỉ thấy tôi là một thân xác hay một vật thể di động: một sinh vật. Như con mèo, con ngựa, con chim. Không chỉ là như thế. Tôi là một hiện hữu, bạn ạ. Một hiện sinh, bạn ạ. Bản thân tôi, ngoài cái thể xác này, tôi còn có thể nở rộng tôi ra đến vô cùng. Trên thì tràn tới tận thiên đàng. Và dưới không chừng chạm đến địa ngục. Bởi tôi có thể nói: vợ tôi, con tôi, nhà tôi, bạn tôi, nước tôi, phe tôi, đảng tôi, thành phố tôi, thế giới tôi và ...văn tôi. Nói vợ tôi nghĩa là vợ của tôi/ bạn tôi = bạn của tôi/nước tôi = nước của tôi/ đảng tôi = đảng của tôi/ thế giới tôi = thế giới của tôi. Bạn lưu ý nhé: **của!** Cái chữ đơn giản gồm chỉ có ba chữ cái ấy quan trọng lắm đó nhé. Không chừng chỉ vì giành nhau chữ đó mà thế giới sinh ra chiến tranh triền miên không dứt, chứ không phải chuyện đùa đâu.

Thậm chí ngay cả khi một người nào đó chết đi, chỉ có thân xác ông/bà/hắn ta biến mất, chứ những cái của ông/bà/hắn ta vẫn còn tồn tại. Có những cái chết khiến cho “cái tôi” của họ lớn hơn thành phần bản thân của họ nhiều. Những người anh hùng hay vĩ nhân chẳng hạn. Rõ ràng là họ mang bản thân vượt xa thân xác họ, thân phận họ và đất nước họ rất nhiều. Người ta chả mệnh danh họ là những người “đi vào lịch sử” đó hay sao!

Tôi tầm thường, nhỏ nhoi, yếu đuối, không thể và không biết làm anh hùng nên chẳng dám so sánh với ai. Tôi chỉ tìm cách nở rộng tôi ra một chút bằng cách: viết. Vậy, vì văn tôi là... tôi, thì nếu tôi chỉ yêu văn tôi, có gì bạn phải ngạc nhiên?

Nhưng, những giờ phút ngát ngây đó không kéo dài mãi. Một hôm, tôi đau đớn nhận ra một điều khác thường: những gì mình viết ra không có gì hay. Tôi bàng hoàng tự hỏi: văn của tôi mà như thế đó sao?

Tôi không nói ngoa đâu! Thường thì một tác phẩm ra đời, có người khen hay, có người chê dở, tùy theo quan điểm văn chương hay trình độ hay cảm quan riêng, là sự thường. Riêng tôi, sự thể có khác. Trước đây, tôi thích nó vì nó là của tôi. Bây giờ, đột nhiên tôi khám phá ra cái của tôi đó dường như có nhiều điều trục trặc. Thế mới kỳ! Đọc đi đọc lại, tôi mất hết cảm giác hưng phấn của những ngày đầu khi bài viết mới được hoàn tất. Thoạt tiên, cái “không hay” chỉ là một ý chung chung. Dần dần, tôi tìm ra nhiều điều không hay khác. Câu chuyện, ý tưởng, hình ảnh lủng ca lủng củng, chẳng có một chút gì hấp dẫn. Câu kéo rời rạc, chỗ thì dài dòng, chỗ lại thiếu hụt, nhiều câu trùng ý và sai cả văn phạm. Lạ thật! Tôi ngờ rằng một ai đó đã viết chứ không phải mình. Tự hỏi: sao mà mình, lúc đó, lại có thể viết như thế này nhỉ?

Bởi vậy, hể đọc lại là muốn sửa: sửa câu, sửa chữ, sửa ý. Thậm chí muốn sửa hết cả tác phẩm của mình. Tôi cảm thấy dị ứng với những gì mình đã viết. Có khi nào bạn đọc lại những lá thư tình bạn viết cho người yêu mà mối tình đã đổ vỡ? Đấy, bạn sẽ thấy những lời lẽ triu mến, nồng nàn mà bạn đã từng say sưa viết ngày nào, lúc này bỗng trở thành vô duyên lạ lùng!

Chưa hết. Càng đọc những bài viết xa hơn trong quá khứ, tôi lại càng thấy chúng lạc loài hơn. Hơi vắn, ý tứ, hình ảnh... cũ càng, chuệch choạc. Tôi cảm thấy xa lạ với chính chữ nghĩa của mình. Y như một ngày nào đó, bạn khám phá ra rằng, đứa con mà bạn đã từng yêu quý như vàng như ngọc bây giờ khác hẳn. Nó không đẹp như người khác, không giỏi giang như người khác, không mềm mỏng như người khác... Nó độc lập. Nó có phận riêng của nó, chừng như bạn không thể nào can thiệp được. Nó không còn là của bạn nữa.

Những gì tôi viết cũng thế, đã có phận riêng của nó rồi. Lúc đầu, tôi vẫn tưởng tôi có quyền làm gì nó thì làm. Nghĩa là sửa, là xóa, là viết lại. Không đâu. Nó đã thành hình. Đã chào đời. Nó là của tôi nhưng không phải của tôi. Vậy tôi có quyền gì thay đổi số phận của nó chứ!?

Thôi thì để cho nó bình yên trôi vào quá khứ. Và tự nguyện sẽ viết một cái gì hay hơn. Tôi không có tính hiếu đại, muốn sáng tác ra một cái gì để đời, vĩnh viễn có giá trị. Hơn nữa, tôi vốn không tin tính “vĩnh viễn” của bất cứ cái gì trên đời này, nói gì đến văn chương là thứ mà bản chất là vô thường! Nhưng tôi muốn mình phải viết hay như người khác, như những ai mình đã từng tâm phục. Tôi muốn viết một tác phẩm lớn. Lớn, vang. Tôi muốn trở thành văn hào, thi hào hay một nhà phê bình được mọi người ngưỡng mộ. Vang, muốn lắm.

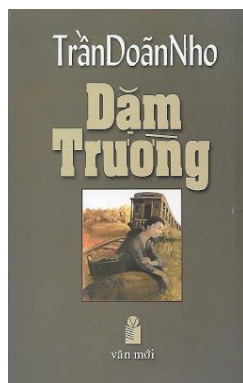
Nhưng làm sao bây giờ?

Để thành một nhà văn, nhà thơ, nhà biên khảo, nhà phê bình... thì không có gì khó. Cứ viết truyện thì thành nhà văn, cứ làm thơ thì thành nhà thơ, cứ viết biên khảo thì thành nhà phê bình. Dễ ợt, phải không bạn? Khổ nỗi, không có sách nào chỉ cho mình cách để trở thành văn hào hay thi hào cả. Mà dường như không ai trong số những người đã được phong tặng danh xưng đó nghĩ rằng mình viết để trở thành văn hay thi hào. Danh xưng là cái đến sau, chứ tôi độ chừng rằng trong khi viết thì có lẽ họ cũng làm một việc như bạn, như tôi: cắm cúi viết. Mà văn, thi hào thì để làm gì nhỉ?

Thành thử, tất cả điều tôi muốn bây giờ giản dị hơn nhiều: cố gắng viết hay hơn chính mình. Tôi muốn hơn chính tôi, bạn ạ. Muốn vượt qua tôi. Muốn thách đố với khả năng tôi. Muốn trở thành đối thủ của tôi. Hay ít nhất cũng tìm cách khác tôi. Tóm lại, cố gắng đừng lặp lại chính mình. Chính vì thế mà tôi thích viết, viết hoài.

Vậy bạn đừng ngạc nhiên, tại sao đến bây giờ, tôi vẫn còn viết. Cứ viết. Tôi muốn duy trì cái thú của tôi: thưởng thức bài viết của mình khi nó còn tinh khôi, chưa cọ xát với đời. Dẫu biết rằng những gì tôi viết hôm nay, sẽ là điều tôi không muốn đọc vào một lúc nào đó. Sau này.

Độc “Dặm trường” của Trần Doãn Nho Phạm Xuân Đài



Trần Doãn Nho là cây bút sắc sảo viết về đời sống ở Việt Nam sau năm 1975. Cuộc sống và xã hội ấy có rất nhiều điều đáng nói, đáng viết, vì sau chiến thắng của phe cộng sản, cả miền Nam phải thay đổi hẳn theo một thể chế chính trị mới lạ. Chế độ toàn trị của một đảng, mọi con người, mọi sinh hoạt phải theo một cây gậy chỉ huy duy nhất, khác hẳn nếp sống cổ hữu trước kia.

Nhưng đưa cả một xã hội loài người, nhất là một xã hội đã quen sống tự do và có ý thức về sự tự do ấy, vào một khuôn phép duy nhất quả là một chuyện không dễ. Dĩ nhiên phải sử dụng bạo lực khi muốn thực hiện một việc như thế, nhưng sự sống thực sự của con người - cũng như của muôn loài - vốn có một sức mạnh tiềm tàng mà người ta gọi là bản năng sống còn, lúc nào cũng ngo ngoậy, tìm đủ mọi khe hở để vươn ra mà sống, nên sự trấn áp phải thường trực và cùng khắp. Dặm Trường, 579 trang, là một cố gắng khá dài hơi để mô tả một trận chiến tranh thầm lặng, đơn giản là giữa đời sống và sức mạnh bóp nghẹt đời sống, được cụ thể hóa bằng số phận của một gia đình ở Huế sau 1975, trong đó người vợ vì sinh kế phải xông pha đi buôn bán để nuôi chồng, nuôi con.

Dĩ nhiên tất cả là một bi kịch lớn, chuyện của gia đình ấy, của người đàn bà ấy, hay là hình ảnh của cả xã hội miền Nam, miền Bắc trong bàn tay sắt của chế độ, tất cả là một bi kịch, nhưng có lẽ chúng ta không nên dán trước cho Dặm Trường một nhãn hiệu nào. Vì Dặm Trường phản ánh đời sống thực, và sự sống thực nào cũng có cái nét sinh động của nó, dù bản chất của nó là bi thảm đi nữa. Từ trang đầu cho đến trang cuối toàn là các hoạt cảnh nối tiếp nhau, cuộc sống liên tục phơi bày ra đầy đủ mọi sắc màu thực của nó, tác giả không làm công việc tô thêm màu của mình cho nó tươi sáng hơn hay đen tối hơn.

Thời đầu thập niên 80, sáu, bảy năm sau chiến thắng, đảng cộng sản bắt đầu siết chặt đời sống của dân chúng vào khuôn phép một nền kinh tế chỉ huy, trong đó việc phân phối hàng hóa phải là độc quyền của nhà nước. Dân chúng thì theo quán tính, phải tự cân bằng đời sống. Đây là giai đoạn mà người ta mô tả là “cả nước đi buôn.” Cơ thể của một xã hội cũng như cơ thể của một con người, có sự tuần hoàn của nó. Nếu trong thân thể chúng ta sự tuần hoàn được song suốt một cách tự nhiên — mà chúng ta thường gọi là “máu huyết lưu thông” — thì cơ thể khỏe mạnh, ngược lại bị nghẽn thì lập tức sinh ra bệnh tật. Trong xã hội sự tuần hoàn ấy là sự luân chuyển hàng hóa để cung cấp cho nhu cầu của con người, một xã hội lành mạnh hàng hóa lan tràn khắp hang cùng ngõ hẻm theo đúng sự cần dùng của người dân, giống như máu đi nuôi châu thân. Nhưng một đặc điểm của chế độ cộng sản là phủ nhận sự lưu thông tự do một cách tự nhiên theo nhu cầu, mà nhà nước phải nắm tất cả đầu mối, theo họ, để tạo ra sự công bằng bằng cách cả nước theo một kế hoạch duy nhất về sản xuất và phân phối. Họ ra sức ngăn chặn các mạch máu lưu thông, họ cấm đoán việc phân phối hàng hóa tự phát của dân chúng. Nói khác đi, họ cấm đoán việc buôn bán, vì đó là công việc hưởng lợi mà không sản xuất, theo họ, không lành mạnh. Đội ngũ công an, thuế vụ của họ là công cụ cấm đoán, ngăn chặn việc buôn bán, đội ngũ người đi buôn là đại diện cho sức sống đích thực của một cơ thể, cố tìm mọi cách cho dòng máu của xã hội được luân lưu.

Hạnh, nhân vật chính trong truyện, là một tế bào máu chạy trong các động mạch của xã hội Việt Nam vào đầu thập niên 80. Nàng thuộc một gia đình trung lưu trước 1975 ở Huế, gồm hai vợ chồng, ba đứa con. Vợ chồng còn trẻ, con còn nhỏ. Câu chuyện bắt đầu khi người vợ bắt đầu những chuyến đi buôn đường dài để kiếm tiền nuôi sống gia đình.

Hạnh đi buôn vì nhu cầu sống của gia đình. Lúc đầu nàng không ý thức được rằng đi buôn đường dài trong điều kiện thời đại nàng đang sống có nghĩa là dẫn thân vào một thế giới khác, nó sẽ biến nàng thành một người khác. Ít ra cũng khác hẳn với người đàn bà xứ Huế mà nàng đã là từ trước đến giờ: sống bình dị, hơi bảo thủ, yêu chồng, thương con, thân thiết với đám bạn bè quanh vùng cố đô ấy. Không giống như việc thương mại trong chế độ trước, đi buôn bây giờ là dẫn thân vào một việc bất hợp pháp với trùng trùng điệp điệp những khó khăn trở ngại cũng như sẽ khám phá ra hàng trăm hàng nghìn cách để thoát ra. Con người phải giương mọi khả năng cảnh giác ra để đánh hơi, phải vận dụng sự khôn khéo, lắt léo, quỷ quyệt để luồn lách thoát hiểm, và như trường hợp của Hạnh, phải dùng cả những cái ưu thế đàn bà của mình khi cần thiết.

Hạnh lao vào trò chơi hàng hóa và tiền bạc như một cơn mê, lúc nào cũng tưởng mình kiểm soát được mình, kỳ thực nàng bắt buộc phải thay đổi hàng ngày theo hoàn cảnh luôn đổi mới mà nàng không hề hay biết.

Chuyến buôn trầm đầu tiên vào Sài Gòn thành công đã đem lại một cái Tết đầy đủ phong lưu cho cả nhà mà những gia đình “ngụ” như gia đình nàng vào thời ấy khó lòng có được. Trầm là loại hàng quốc cấm, mang mấy ký từ Huế vào Sài Gòn trót lọt là có thể tạo nên cả một gia tài. Hạnh thành công vì đã may mắn gặp quới nơn là một tay tài xế xe tải hàng từ Hà Nội vào, cứu vớt khi đã suýt mất hết, nhưng rồi cũng phải “trả ơn” bằng chính thân xác mình ngay trên chiếc xe ấy, mặc dù dưới hình thức như là bị cưỡng bách. Cái viễn tượng mất hết vốn liếng trong một chuyến đi buôn nó kinh hoàng quá, khiến cho phải trả giá bằng thứ gì cũng coi là nhẹ, nhất là những thứ “lễ nghĩa” còn rớt lại từ xã hội xa vời cũ.

Trần Doãn Nho không lý luận gì về sự biến đổi trong xã hội, ông không phải là một nhà xã hội học. Nhưng ông có khả năng quan sát rất lớn các chuyển biến nơi từng con người, từng cảnh huống của cái xã hội lạ lùng trong đó các giá trị cũ đang phân rã, và con người đang vong thân. Bất cứ nơi đâu, từ cơ quan chính quyền cho đến đường phố, cũng là cái tinh thần chợ búa chụp giựt. Bất cứ lúc nào con người cũng đang vận dụng một khả năng đặc biệt nào đó để ứng phó với bất trắc, và dĩ nhiên, đem mối lợi về cho mình. Lời một người bạn ở Sài Gòn nói với Hạnh có thể minh họa tính chất “bấp bênh phận người” của thời ấy:

Thời buổi này, cận đâu xâu đấy, gặp đâu làm liền đó. Bà xem, không có thời buổi nào mà mọi sự xoay đổi xoay xoạch như bây giờ. Mới vợ chồng chồng đó, thoát cái, bỏ nhau. Mới mạ con đó, thoát cái, ở tù. Mới có mấy cây vàng đó, thoát cái, mất hết tron hết trọn. Có nghĩ, có lo cho lắm cũng chẳng thấu đâu, Hạnh à. Bà hiền quá, cứ ru rú với chồng con, lại ở ngoài cái xứ Huế cổ chẳng ra cổ kim không ra kim, nên chẳng hiểu chi sự đời.

Sự phân rã cũng bắt đầu từ trong gia đình. Chưa nói đến ảnh hưởng chính trị chung quanh, chỉ mỗi cái việc người vợ, người mẹ của gia đình phải rời nhà xông pha ra đời kiếm sống với tất cả cái bấp bênh may rủi của những chuyến đi dài ngày không thể định trước ngày về, nền tảng của mái ấm đã bắt đầu lung lay.

Lát sau, cả ba đứa đến vây quanh anh, mặt đứa nào cũng buồn thiu buồn thiu. Anh ôm ba đứa con, hôn lên những đầu tóc khét nắng. Chúng còn nhỏ quá, rất cần hơi mẹ, cần bàn tay chăm sóc của người mẹ, từ miếng ăn đến giấc ngủ. Là đàn ông, dù có giỏi giang đến đâu, so với bàn tay và tấm lòng của người mẹ, anh cũng không thể nào bằng. Chúng cần người để nép mình, để vùi vãnh, để làm nũng. Nói cho cùng, tình cảm của người mẹ bao giờ cũng tỏa ra chung quanh, chan hòa với con cái. Tình cảm đàn ông lúc nào cũng thu nén vào bên trong. Sâu sắc thật, nhưng dừng dừng. Đôi khi lạnh lùng, vô cảm. Ngay chính anh, lớn là thế, cũng cần cái dịu dàng của đàn bà, hướng gì con anh. Do sinh kế, Hạnh trở thành đàn ông mất rồi. Nàng vắng nhà thường xuyên.

Người đàn ông của thời “ngụ”, hầu như chẳng còn làm được việc gì ra hồn ngoài loại công việc chẻ củi xách nước, nhìn một cách bất lực sự bất lực của mình bên cạnh cái tháo vát, quyết đoán của vợ, sinh ra đủ thứ mặc cảm như những mạch nước ngầm rò rỉ bào mòn dần dần niềm tin yêu và cái tâm lý che chở bảo bọc của một đấng “trượng phu” trước kia. Người vợ cũng thế, càng bượng chải khó khăn nơi dặm trường thì càng bản lĩnh trong cách nhìn đời và giải quyết công việc, không thể không dần dần nhận ra cái vô tích sự cộng thêm những mặc cảm vô lý nơi ông chồng. Những chuyển biến tâm lý ấy là tất nhiên và nạn nhân đầu tiên sẽ là những đứa con. Chúng nhớ mẹ, chúng hứng chịu những cơn nóng giận vô cớ không biết trút vào đâu của cha, và

dần dần một cá tính mới thành hình nơi chúng, chúng phải trở nên chai lì bướng bỉnh để tự bảo vệ.

Qua thân phận một người và một gia đình, với vô số nhân vật phụ và tình huống xoay quanh, Trần Doãn Nho mô tả được một phần lớn đặc tính xã hội một thời. Trước hết là guồng máy nhà nước liên quan đến mậu dịch và thuế vụ, cách thu mua hàng, cách điều hành các trạm kiểm soát, những chiến dịch quy mô truy quét buôn lậu... Chi tiết về những chuyến đi buôn thì mới là thiên hình vạn trạng, có đủ ai, nộ, hỷ, ái, ố, là phản ảnh các mảng đời sống thực và cả những “quy luật” của cuộc sống quái lạ ấy mà phải là người lăn lộn trong ấy mới có thể lần mò tìm hiểu ra.

- Hạnh đúng là ngây thơ. Sống giữa thời đại xã hội chủ nghĩa mà không hiểu gì về cơ chế xã hội chủ nghĩa, làm sao mà sống. Nhà nước có cách tính lời lỗ riêng, không giống như mình. Bọn mình buôn lời lỗ thường tính trên giá vàng, có đúng không nào? Còn nhà nước, họ chỉ dựa trên tiền mà thôi. Nếu đầu năm, họ bỏ vốn ra 10 triệu, đến cuối năm tổng kết, họ thu vào được 15 triệu, thế là họ lời 5 triệu, đúng không? Trong lúc đối với mình, đầu năm mình bán, anh giá sử như thế, 20 cây được 10 triệu, đến cuối năm mình thu vào được 15 triệu, nhưng vì vàng cao, mua lại chỉ được 15 cây vàng, vậy là mình lỗ, phải không? Em thấy sự khác nhau chưa? Đó là chưa kể cái chuyện người ta luôn luôn tìm cách làm cho nhà nước có lời, ít ra là trên giấy tờ. Người ta biến lỗ thành lời. Cha chung không ai khóc mà, đâu có hệ lụy gì ai.

- Anh có vẻ rành việc nhà nước quá nhỉ?

- Có gì lạ đâu Hạnh. Mình phải tìm hiểu để làm ăn Hạnh ạ. Biết cách nhà nước làm ăn, mình bám vào đó, dễ khá lắm. Bám được rồi, mình sẽ chẳng còn sợ công an, thuế vụ hay thẳng cha căn chú kiết nào cả. Có khi, họ phải lo bảo vệ cho mình nữa. Buôn lậu mà vẫn hợp pháp. Cán bộ có ăn mình cũng có ăn. Nhà nước có thể lỗ. Nhưng nhà nước lỗ, em thấy không, nghĩa là không ai lỗ cả. Thành thử cái quan trọng là mình phải biết cách làm ăn thế nào, nghĩa là cách cùng chia chác với cán bộ. Em hiểu chưa?

Xã hội cộng sản là một xã hội khép kín và bưng bít. Bộ máy truyền thông nhà nước chỉ loan truyền những gì có lợi cho mục tiêu tuyên truyền, và giấu tiết những gì cho là có hại. Tai nạn xe lửa rất lớn ở Xuân Lộc vào năm 1984 khiến hàng trăm người chết mà người dân trong nước chỉ biết được qua loan báo của đài BBC, Luân Đôn. May thay, tác giả Dặm Trường đã đem tai nạn ấy vào tác phẩm của mình để thêm một chứng cứ xác thực về các thực tế khổ ải của những người đi buôn chuyến. Hạnh cũng đi trong chuyến ấy, nhưng may thoát chết để biết được cái cảnh có người đi lên con tàu đổ để vợ vét tiền bạc nữ trang của người chết, biết được rằng việc cứu trợ tức thời chỉ là do dân chúng chung quanh vùng tự động làm chứ chính quyền thì bất động, và chính Hạnh khi rời một bệnh viện ở Sài Gòn đã bị bắt làm kiểm điểm vì đã trót kể sự thật mà mình đã trải qua cho những người chung quanh nghe.

... Bọn xấu lợi dụng dịp này để tung tin đồn làm hoang mang dư luận, phá hoại uy tín của Đảng và Nhà nước. (...) chúng tôi yêu cầu chị không nên gặp gỡ, kể chuyện linh tinh và nhất là có những lời lẽ phê phán vô trách nhiệm. Tốt nhất là chị không nên để cho người ta biết là chị vừa bị nạn để tránh sự tò mò của người khác.

Không một lời bình luận, Trần Doãn Nho qua mô tả tai nạn xe lửa này đã cho thấy rõ một điều: điều quan tâm hàng đầu - và có lẽ duy nhất - của một chính quyền cộng sản là giữ gìn quyền lực của họ, ngoài ra mọi việc khác chỉ là thứ yếu. Phúc lợi của dân chúng là một thứ ưu tiên quá xa, hầu như không bao giờ họ thực tâm nghĩ đến, ngay trong những hoạn nạn ghê gớm nhất. Giữa đồng người chết trong tai nạn xe lửa do nhân viên chính quyền gây ra, điều họ lo đầu tiên là “uy tín của Đảng và Nhà nước” chứ không phải bất cứ một thứ gì khác.

Câu chuyện dài đi buồn chuyển của Hạnh không ngờ lại đi vào một kết cuộc quá bi thảm. Trong một chuyến buôn ra Bắc, nàng mất sạch vốn liếng trong một trận tổng càn quét, trong khi tại Huế, Lục, chồng nàng, vì hay giao du nhậu nhẹt với đám bạn bè cũ, lại bị bắt ra tòa vì “âm mưu chống chính quyền cách mạng,” bị kết án và tống vào trại cải tạo.

Chương cuối, cảnh Lục đi lao động tự giác ở trong rừng, gặp gỡ và làm tình với một người nữ tù mà sau đó mới khám phá ra đó là vợ của mình, là một chương mang không khí siêu thực. Sự việc diễn ra như một tượng trưng, một cô kết thoát khỏi mọi thực tế tàn nhẫn của cả một bi kịch dài, khi thân thể một người nam và một người nữ quấn lấy nhau giữa chốn rừng sâu. Ngay đối thoại của họ sau đó cũng như những lời vang vọng từ đầu đó của hoang dã.

Thế giới bỗng mở ra toang hoác, tan nát. Cả hai người bay từ *cõi tiền sử về trần gian khốn khổ*.
(...) *Lục đẩy nhẹ Hạnh ra, hỏi:*

- Vào tù khi nào?
- à... *mấy năm rồi nhĩ... em không nhớ...*
- Sao lại ở tù?
- *chắc... là tại vì... vượt biên...*
- Ở đâu?
- *không nhớ... in thử như là... Quảng Ninh*
- Sao lại về đây?
- *họ... họ... chuyển về... ai mà biết*
- Có án không?
- *có... à mà... mấy năm... quên mất rồi*
- Vì sao?
- *buôn bán tem phiếu... bị truy nã... cướp tàu vượt biên... rồi...*
- Con đâu?
- *không biết...*

Trại cải tạo khóa lại mọi chuyện. Từ đó trở về trước là ngộ nguậy để sống. Từ đó trở về sau là tù tội. Tất cả đều tan nát. Và chấm dứt truyện.

Với tư cách một người trong cuộc, tác giả đã mô tả lại xã hội miền Nam sau 1975, đặc biệt những cách kiếm sống phát sinh do hoàn cảnh mới. Điều này không lạ đối với những ai đã đọc Trần Doãn Nho trước đây, những bài đăng trên Thế Kỷ 21 và các tạp chí văn học khác, nói về những chuyến đi buôn dây thép gai, những người đi tìm trầm, về hệ thống buôn bán vé số... bài nào

cũng cho thấy tác giả là người hiểu biết rất tường tận vô số cách “làm ăn” tại Việt Nam sau năm 1975. Với Dặm Trường, mọi chuyện được đặt trong một lớp lang dài hơi, cho phép tác giả đi sâu hơn và rộng hơn vào những số phận cụ thể, mà chỉ dưới dạng truyện dài mới lột tả hết cái hãi hùng lẫn cái bi đát của một thời. Chúng ta sẽ được tiếp xúc với rất nhiều hiểu biết của một người có tham dự vào cuộc chơi với vô số cái được lẫn cái mất, nhưng cuối cùng cái được lớn nhất vẫn là những gì ông ghi nhận được từ cuộc sống ấy với một ý thức rất cao và chuyển giao lại cho mọi người bây giờ và mai sau, dưới dạng văn học.

Dặm Trường là một kinh nghiệm. Đó là giai đoạn Việt Nam “tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội” sau 1975. Thời đó đã qua, như chủ nghĩa cộng sản rồi cũng bị xóa sạch trên thế giới, như tất cả mọi thứ đi ngược với con người từ trước tới nay đều phải cáo chung. Nhưng dấu vết vẫn còn lại. *Dặm Trường* đóng góp thêm một lưu giữ, cho riêng Việt Nam, cho riêng miền Nam Việt Nam, về những năm tháng kinh hoàng ấy.

*Viết và đăng trên tạp chí Thế Kỷ 21 tháng 10 năm 2001.
Đọc lại và chỉnh đốn tháng 9-2017.*

Về

Cứ mỗi lần gần đến Tết, thì tôi lại nghĩ đến chuyện về.

Về, tức là trở lại. Trái nghĩa với đi. Khi nói về, ta phải hiểu là ta đã đi, đã lìa xa một nơi chốn thân yêu nào đó. Khi nói về là nói đến một hạnh phúc, một thú vui, một ước ao. Về, do thế, trở thành một sức lôi kéo mạnh mẽ, đôi khi không cưỡng lại được. Đi, có thể là bắt buộc dĩ. Mà về, thường thì không. Chữ về bao giờ cũng gợi nên một cảm giác thân thiết, một cái gì ấm cúng: mẹ đi chợ về, tha về (*trả tự do*), trở về, xuân về, hè về, về làng, về nước, về nhà, về quê. Ít ra là về mặt chữ nghĩa.



*Ngày trở về, anh bước lê trên quãng đường đê đến bên lũy tre
Nắng vàng hoe, vườn rau trước hè, chào đón người về (Ngày trở về/ Phạm Duy)*

Để mô tả ngày trở về của một người thương binh, Phạm Duy đã sử dụng âm "ề" ở cuối câu, dựa vào chữ về, khiến cho bản nhạc hát lên nghe êm đềm, nao nức. Khung cảnh của một làng quê với lũy tre, với đường đê với vườn rau thân thuộc trong nắng, tất cả hiện ra y như thể để chào đón một người. Cảnh đoàn tụ thật vô cùng cảm động:

*Mẹ lần mò, ra trước ao nắm áo người xưa ngỡ trong giấc mơ
Tiếc rằng ta đôi mắt đã lòa vì quá đợi chờ.*

Người lính đã trở về và sung sướng tìm thấy lại những gì thân yêu nhất trong đời mình và an nhiên thụ hưởng cảnh sống êm đềm xưa cũ. Về ở đây là hội ngộ, gặp gỡ, là hàn gắn những vết thương gây ra do hậu quả của thời gian và chia cách.

Cũng là trở về, nhưng cách về của một người tù cải tạo sau 1975 hoàn toàn khác hẳn:

Ta về một bóng trên đường lớn

Thơ chẳng ai để vạt áo phai...

Sao vẫn nghe đau mềm phé phủ?

Mười năm, đá cũng ngậm ngùi thay. (Ta về/Tô Thùy Yên)

Cái về này thật lạ. Không lũy tre, không có nắng vườn rau, chẳng có bà mẹ nào lần mò ra trước ao để đón. Về mà như đi. Một cái về lạnh lùng, tức tưởi. Về, đơn thuần chỉ là một chuyển động vật lý: trở lại ngôi nhà của mình. Mặc dù khác với anh thương binh, người tù được trả về chốn cũ với thân thể nguyên vẹn, không phải bước lê vì bị thương, nhưng lòng hoang mang thất tán. Mọi thứ hoàn toàn khác xưa:

Mọi thứ không còn ngăn nắp cũ

Nhà thương khó quá, sống thờ ơ

Giậu nghiêng, cổng đổ, thêm um cỏ

Khách cũ không còn, khách mới thưa... (Ta về)

Thôi thì vậy cũng được. Cũng bình thường. Nhưng cái này mới kinh khiếp:

Ta về như bóng ma hồn tử

Lục lại thời gian, kiếm chính mình.

Ta nhạt mà thương từng phé liệu

Như từng hài cốt sắp vô danh (Ta về)

Một trở về mất mát. Một trở về tuyệt vọng. Về, không còn mang ý nghĩa uyên nguyên của nó. Nó giống và khác với cái về của một nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn Mộng Giác.

"Thấy khuôn mặt chàng không có gì khác thường, nàng tiếp:

- Em van anh, cho em được đến đây thăm con. Cho em...

Chàng ngắt lời nàng:

- Chỉ sợ đến lúc nó không chịu gặp cô nữa thôi!

Nàng lịm người vì sợ hãi bất chợt. Lần đầu tiên nàng nghĩ đến cảnh hưởng đau xót ấy. Tưởng nàng không tin vì quá tự tín, chàng nói dối:

- Vả lại, cần gì cô phải xin. Cô là chủ hộ. Cô muốn làm gì trong nhà này mà chẳng được.

Nàng mím môi lại. Không nói năng, nàng chụp lấy cây bút bi, ký vào phần ý kiến của chủ hộ.

Cây bút bi để lâu ngày không ra mực, nàng phải dí đầu bút lên lòng bàn tay nhiều lần. Chữ ký của nàng run rẩy, nét gạch bên dưới không được ngay, trông giống như một chữ ký giả mạo.

Chàng lấy giọng khách sáo:

- Nhờ cô mà tôi được tạm trú trong nhà của mình. Cảm ơn cô.

Phần nàng, nàng trở lại van lơn:

- Em van anh, cho em được ở tạm đây với con cho đến sáng mai. Em ao ước được ôm con ngủ trọn một đêm. Em van anh!

Giọng nàng rạn vỡ, pha lẫn nước mắt. Chàng cảm động nhưng vẫn cố cứng cõi:

- Tại sao lại xin tôi? Xin một người tạm trú để được tạm trú? Có ai xin phép một khách qua đường để ngủ tạm trong cái quán trọ?"

(truyện ngắn Ngày về không nắng, "Xuôi dòng", tập truyện, trang 68)

Tô Thùy Yên trở về thấy mất mình, nhân vật trong truyện trở về thấy mất vợ, mất nhà (*tạm trú trong nhà của mình mà vợ - tuy đã bỏ đi lấy chồng khác - là chủ hộ*).

Tôi nhớ một chuyện khác thời xưa: chuyện Tô Tần. Tần là người thời chiến quốc bên Tàu, giỏi biện thuyết, có tham vọng dùng miệng lưỡi của mình để kiếm công danh. Không có tiền, ông xin mẹ già bán gia tài để làm lộ phí đi các nơi du thuyết. Cả nhà ai cũng can ngăn, nói rằng: *"Tại sao không chịu cày cấy, buôn bán làm ăn mà chỉ muốn đem mấy tactic lưỡi để kiếm giàu sang, bỏ cái nghiệp đã thành cầu cái lợi chưa được, sau này nghèo túng còn hỏi sao được?"*

Tần không nghe, cứ đi. Và đúng như lời khuyên can, sau nhiều năm tháng đi đây đi đó không được gì, nghèo đói phải trở về nhà. Thấy vậy, mẹ già mắng nhiếc, vợ đang dệt cửi ngồi yên, không thèm nhìn cũng chẳng thèm chạy ra chào hỏi. Đói quá, Tần xin chị dâu cho ăn cơm, chị dâu không cho. Tần chảy nước mắt tự trách mình. Đó là cái về của một người thất bại.

Nhưng Tần không chịu. Lại ra đi. Và lần này thành công lớn. Khi về, có võng lọng, có lính hầu, tiền rủng rập. Mẹ già chống gậy ra đường xem. Chị dâu và vợ hổ thẹn không dám nhìn lên, phủ phục ở ngoài ngõ đón. Tần ngậm ngùi than: *"Tình đời xem ấm lạnh, giá người thành thấp cao."* Hai lần về, hai khung cảnh, hai tình cảm, hai vờ kịch. Thì thế. Và phải như thế. Nếu không như thế thì thành chuyện thần tiên mất rồi. Thời nào cũng có những Tô Tần, tuy mức độ có khác nhau. Giá của một Việt kiều trở về tất cao hơn nhiều so với giá của một người tù trở về. Hàng năm, Tết đến là có hàng trăm ngàn Việt kiều về lại quê hương. Trở về theo kiểu *"vinh quy bái tổ," "áo gấm về làng."* Nói tất cả thì không hẳn đúng. Nhưng đa số đều về với tâm thức của những người *"được"* chứ không phải là của những người *"mất."* Họ không trở về để *"lục lại thời gian kiếm chính mình"* như Tô Thùy Yên, cũng không như người thương binh của Phạm Duy muốn trở về với đời sống bình dị. Mà về với tâm thế của một Tô Tần thành đạt. Dù để được như thế, họ phải đánh đổi bằng cách cật lực làm ngày làm đêm, làm ca hai, ca ba, làm overtime, làm 2, 3 job.

"Về", đôi khi, là một gánh nặng. Bỏ phận, danh dự, thể diện vân vân. Có lẽ vì thế mà có người không dám về. Hay chưa thể về. Tôi có một người bạn qua đây từ tháng 4/1975. Cho đến giờ này, anh chưa về lại Việt Nam lần nào. Vì sợ Cộng Sản? Không. Vì không có tiền, anh cho biết. Tại sao lại không có tiền, anh qua đây đến gần 30 năm mà? Đúng ra là không đủ tiền. Vậy thì bao nhiêu mới đủ? Anh ngần ngừ một lát rồi trả lời: *"Tôi cũng chẳng biết bao nhiêu thì đủ. Nào phải xây lăng, đắp mộ bên nội rồi bên ngoại, xây nhà từ đường rồi biếu tiền cho ông chú, bà di, bà o, rồi em út cháu chắt, rồi bà con xa bà con gần rồi bạn bè, đàn em cũ. Rồi du hí, chơi bời, vân vân và vân vân. Chẳng lẽ đi Mỹ mấy chục năm trở về để bị mang tiếng keo kiệt."* Đại loại anh lý luận như vậy. Rốt cuộc, loay hoay mãi, hết hạn năm này về rồi sang năm, chưa bao giờ anh "về" được.

Tôi chẳng dám khuyên gì anh bạn. Vì từ ngày sang đây, tôi cũng chưa có dịp về. Tiền là một lẽ. Sợ hãi vu vơ là một lẽ khác. Nhưng lý do chính là tôi biết tôi chẳng tìm thấy gì vui trong việc về. Tôi đã từng kinh qua việc *"về nhà"* từ trại cải tạo độ nào. Được ra khỏi nhà tù thì mừng, tất nhiên. Nhưng về nhà rồi chẳng thấy gì vui. Gia đình tôi còn nguyên vẹn, không trở thành bị kịch như nhân vật trong truyện của Nguyễn Mộng Giác ở trên. Nhưng không khác mấy với *"ta về"* của Tô Thùy Yên. Cảnh còn đó, người còn đây, nhưng mọi tương quan đã khác. Phải tập làm quen với mọi thứ, kể cả với người thân trong nhà. Một anh bạn tôi, ra đi từ tháng 4/1975. Sau gần hai chục năm, anh trở về với tâm trạng hăm hở muốn tìm lại những kỷ niệm cũ. Anh đi thăm nơi này nơi nọ, những chỗ đã từng ghi dấu những ngày vui xưa của anh. Những tưởng sẽ tìm lại nguyên vẹn những gì xưa cũ. Nhưng tất cả đã mất, mất hẳn. Anh không tìm thấy gì hết ngoài một cảm giác lạ hoắc y như thể anh tới một nơi xa lạ. Cảnh, người và anh đều lạ lẫm nhau. Thế rồi cuối cùng, anh ngong ngóng ngày về lại Mỹ, nơi mà trước đây khi ra đi với tâm trạng của một kẻ bị lưu đày. "Về" Mỹ! Về Mỹ, chứ không "đi" Mỹ. Và cảm giác "về" Việt Nam trở thành "đi" Việt Nam.

Có lẽ cũng chẳng phải một mình anh bạn có cảm giác như vậy. Nhiều người "về" Việt Nam rồi "về" lại Mỹ. Không về Mỹ sao được? Con đó, cháu đó, công ăn việc làm ở đó, tương lai ở đó, tiền hưu bổng ở đó. Đi, đăm ra cũng là về. Và về, đăm ra cũng là đi. Viết đến đây, tôi nhớ một câu chuyện kể của thầy Nhất Hạnh. Có hai vợ chồng nọ lấy nhau vì tình. Như mọi cặp vợ chồng khác, lúc đầu họ sống rất hạnh phúc. Nhưng sau một thời gian, người vợ mất hết vẻ tươi mát và người chồng mất hết sự dịu dàng và ngọt ngào. Họ phải sống với nhau như một điều bắt buộc. Vì sợ tai tiếng. Vì sợ làm hai gia đình buồn... Ông chồng chẳng cảm thấy hứng thú gì khi về nhà thấy mặt vợ. Và ngược lại, bà vợ cũng chẳng thấy vui vẻ gì khi đợi chồng về. Hai người bắt đầu đi tìm niềm vui riêng. Bà dành nhiều thì giờ lo việc chùa chiền. Còn ông thì lấy cớ cần phải học thêm về ngành chuyên môn nên hết giờ làm nấn ná tìm cách ở lại sở. Tóm lại, chẳng ai muốn về nhà. Hai chữ "về nhà" thân thương mất hết ý nghĩa. Nhà vốn được hiểu như là một "tổ ấm," bây giờ là "tổ lạnh." Về nhà thành ra "đi" nhà.

Hay nói theo cách diễn đạt của Albert Camus, thì quê nhà (*le royaume*)^(*) trở thành chốn lưu đày (*l'exile*). Truyện ngắn "*La femme adultère*" (trong tập truyện *L'Exil et le Royaume*) mô tả tâm trạng phức tạp của một người đàn bà tên là Janine. Janine theo chồng đi bán hàng ở một thành phố Á Rập nằm trong sa mạc. Nhìn thấy sa mạc lần đầu, nàng bị cuốn hút ngay vào cái lạ lùng, hoang vắng và yên lặng của nó. "*Bên trên sa mạc, sự yên lặng mênh mông như không gian.*" Nàng cảm thấy như đó là một vương quốc mơ ước vĩnh cửu của nàng. Đêm đó, trong phòng khách sạn, nằm bên người chồng đang say sưa ngủ, nàng ray rứt xót xa. Bao nhiêu năm sống với người đàn ông gọi là chồng dường như chẳng có mấy ý nghĩa. Nàng đi theo chồng, Marcel, giản dị chỉ "*để làm vui lòng người đã cần nàng. Niềm vui duy nhất mà anh ta cho nàng là sự nhận biết nàng là cần thiết. Có lẽ anh ta chẳng hề yêu nàng*" (...) Hai người làm tình với nhau chỉ bằng cảm giác trong bóng tối, chẳng hề nhìn thấy mặt nhau (...). "*Nàng biết rằng Marcel cần nàng và nàng thì nàng cần cái cần đó của anh ta.*" Tim nàng như thắt lại khi khám phá ra rằng nàng đã kéo lê đời sống như thế trong cả hai mươi năm trời. Nàng cảm thấy như mình bị lưu đày. Và bỗng nhiên nàng muốn được giải thoát. Ý nghĩ đó khiến nàng ngồi bật dậy, mặc áo quần, lặng lẽ trốn chồng đi ra ngoài. Trong bóng đêm, bất chấp gió lạnh, bất chấp nỗi sợ hãi, bất chấp tất cả, nàng chạy như điên như cuồng về phía sa mạc. Đến một cái pháo đài bỏ hoang, nàng leo lên đứng dựa vào góc tường, đắm đuối nhìn vào sa mạc - vương quốc yêu dấu của nàng. Nàng tự do thường thức cái yên lặng, cái mênh mông và đủ thứ ảo tượng thực trộn cùng hư dấy lên từ trời từ đất và từ cõi lòng nàng. Nhưng rốt cuộc, nàng phải trở về. Và rồi nàng khóc, khóc nức nở. "*Không có gì đâu, anh yêu. Không có gì đâu,*" Janine nói với chồng. (*Trích đoạn lấy từ "The Adulterous Woman," Exile and the Kingdom, Albert Camus, bản tiếng Anh của Justin O'Brien, Random House, NY, Hoa Kỳ, 1991*)

Trong ý niệm của Camus, lưu đày và quê nhà không phải là không gian vật lý của một nơi chốn nào hết, mà là tâm thức con người. "Nhà" hay "không nhà" là tâm giới chứ không là cảnh giới. Trong cuộc sống, không thiếu người xem "nhà" là nơi tù ngục, tù không có án, là nơi để người ta "*giết đời nhau.*" Nhưng có lúc, chỗ lưu đày lại được xem là nhà. Nhớ khi còn ở tù, mỗi lần xuất trại đi ra ngoài lao động, lòng cứ ngong ngóng "về" lảng. Về cái chỗ nằm chật hẹp vừa đủ để đặt lưng của mình, về trong một không gian hạn hẹp, bị canh phòng, giám sát đêm ngày. Cũng là "về" vậy. Điều mỉa mai là, trong hoàn cảnh tù đày, chỗ nằm đăm ra trở thành "*tổ ấm.*"

Vậy, đâu là đi, đâu là về? Thật khó nói một lần cho xong.

Đẩy ý niệm đi và về xa hơn, thì ta đụng với khái niệm về cõi trần hay cõi thế, trần gian, cõi tục lụy, cõi ta bà. Đụng với hình ảnh mà Trịnh Công Sơn cho là "tin buồn." *Tin buồn từ ngày mẹ cho mang nặng kiếp người.* Trần gian trở thành nơi tạm bợ, là một chỗ đi:

Tôi nay ở trọ trần gian

Trăm năm về chốn xa xăm cuối trời (Ở trọ)

Mà trần gian chẳng có gì vui, nên anh kêu gọi:
Thôi về đi, đường trần đâu có gì

Tóc xanh mấy mùa

*Có nhiều khi, từ vườn khuya bước về
Bàn chân ai rất nhẹ, tưởng hồn những năm xưa (Phôi pha)*

Ít có nhạc sĩ (và cả thi sĩ) nào đề cập đến chuyện đi và về nhiều như Trịnh Công Sơn. Nhạc của anh, rất cuộc, có thể tóm gọn trong hai chữ "đi" và "về." Ra đời là "đi" và chết là "về." Anh cho ta thêm một hình ảnh mới tượng trưng cho cuộc đời: một cõi đi về.

*Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi
Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi một*

Trên hai vai ta đôi vàng nhạt nguyệt

Rọi suốt trăm năm một cõi đi về (Một cõi đi về)

Cũng trong cõi đó, Du Tử Lê diễn đạt một cách khác:
Đi và về cùng một nghĩa như nhau

Người đông phương định nghĩa: Sinh ký tử quy. Sống gửi thác về.

Gửi! Đi hay về cũng chỉ là gửi, tạm gửi (*hay gửi tạm*). Thầy Nhất Hạnh dùng chữ "gửi" trong một ví von khá độc đáo:

*Tôi gửi tôi nơi đất
Đất gửi đất nơi tôi*

Tôi mượn phép quảng diễn ra một cách khác: Tôi gửi tôi nơi Mỹ, Mỹ gửi Mỹ nơi tôi. Tôi gửi tôi nơi em, em gửi em nơi tôi. Tôi gửi tôi nơi đời, đời gửi đời nơi tôi...

Đất gửi đất nơi tôi = hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi.
Tôi gửi tôi nơi đất = để một mai tôi về làm cát bụi / đất ôm anh đi về cõi nguồn.

Thực ra, ví von trên của thầy Nhất Hạnh được đẩy xa hơn, thâm trầm hơn:
*Tôi gửi tôi nơi Bụt
Bụt gửi Bụt nơi tôi.*

Đất và tôi, Bụt và tôi, đi và về, sống và chết, Mỹ và Việt Nam, ... và...và... *Còn biết nơi nao là chốn quê nhà. (TCS)*

(12/2002)
(Nguồn: diendanthekey.net)

(*) "L'Exil et le Royaume" (*Lưu đày và quê nhà*) của Albert Camus. Tôi dùng lại chữ "quê nhà" mà một dịch giả (tôi quên tên) trước 1975 ở miền Nam đã dịch thoát từ tiếng Pháp "royaume" (vương quốc). Bản dịch tiếng Anh của Justin O'Brien là "Exile and the Kingdom."

Thử đọc lại vài trang sách của Trần Doãn Nho Lương Thư Trung



Nhà văn Trần Doãn Nho

Tôi nhớ vào khoảng mùa Thu năm 1996, lúc sáu giờ chiều, trời lơ mờ tối, có một người khách có vẻ trung niên đến dự buổi ra mắt sách, tập Thơ Tuyển của thi sĩ Tô Thùý Yên, tại Dorchester House, Boston. Nhà văn Trần Hoài Thư giới thiệu với tôi người khách đó là nhà văn Trần Doãn Nho, tác giả nhiều bài viết trên các tạp chí văn học ở Sài Gòn trước năm 1975.

Khi được giới thiệu như vậy thì tôi hay vậy và tôi gật đầu chào ông. Đặc biệt tôi không bắt tay ông, một phần bản chất tôi là người nhà quê, ít khi nào bắt tay ai và thứ nữa là do lòng tự trọng cố hữu của tôi là không bao giờ dám làm quen với nhà văn, nhà thơ vì mình chỉ là một người đọc bình thường, chỉ biết các trang sách mình thích mà thôi, không dám đến gần các tác giả đến độ tay bắt mặt mừng. Tôi không nghĩ đó là một thứ tự ti mặc cảm, mà chỉ là thói quen trong cách ứng xử của một người đọc bình thường có lòng tự trọng tối thiểu.

Rồi buổi giới thiệu Thơ Tuyển của Tô Thùý Yên cũng chấm dứt ngay trong đêm hôm ấy và mọi người nhà ai nấy về. Tôi không có dịp gặp lại các khách dự nữa, một phần vùng Đông Bắc Hoa Kỳ đang vào mùa lạnh tháng 10, tháng 11 và rồi mùa Đông tràn về, tuyết rơi đây; một phần vì tôi không phải là người trong giới viết văn nên chẳng quen biết ai ở đây, nên không bận tâm giao tiếp qua lại vào những năm đầu mới tới định cư nơi này.

Thế nhưng, ở Boston có cái vui là vài ba tháng giới văn nghệ ở đây thường tổ chức các buổi giới thiệu tác phẩm mới của các tác giả, không những cho các tác giả sống trong thành phố Boston này, mà còn nhằm giới thiệu các tác giả các tiểu bang xa xôi khác và cả Canada nữa như Texas, California, Georgia, Louisiana, Minnesota, Montréal, Toronto. Ngoài ra, các nhạc sĩ Nguyễn Trọng Khôi, Hoàng Long, Bùi Thạch Trường Sơn... còn tổ chức “Quán Văn” với những buổi văn nghệ thính phòng, nhạc chủ đề vào mỗi cuối tháng, nên thỉnh thoảng tôi có đến nghe nhạc và một đôi lần gặp lại Trần Doãn Nho và được nghe ông hát bản “Tôi đã đi”, do chính ông sáng tác sau khi từ giả Huế đến định cư tại Massachusetts, Hoa Kỳ vào năm 1993:

Tôi đã đi
(nhạc và lời: Trần Doãn Nho)

Tôi đã đi, đi rất xa
Xin gửi lại những tháng ngày qua
Xin gửi lại con sông hiền hòa
Cuộc phù sinh sớm nắng chiều mưa

Tôi đã xa qua khứ tôi
Xa bạn nghèo rượu chén buồn vui
Xa ngôi trường, xa dốc cầu đợi
Hẹn thề xưa năm tháng đầy vơi

ĐK: Đâu còn, đâu còn đường xưa dấu bướm
Đâu còn, những chiều nắng thấp bên sông
Dáng hồng em qua, trời mây cúi xuống
Bước về ngõ vắng phân vân
Giã từ, giã từ người thương kẻ ghét
Giã từ những ngày dâu bể tang thương
Giã từ quá khứ một thời rong ruổi
Giã từ đất nước quê hương

Tôi đã đi, bao xót thương
Xin gửi lại những ngóng cùng trông
Xin gửi lại hoa niên tuổi hồng
Mộng ngày xanh lấp bể đời non
Tôi đã đi nhưng vẫn mong
Mong một ngày đất nước tự do
Khắp phố phường anh em hội ngộ
Người gặp người hát khúc trùng tu
Tôi đã xa... nhưng vẫn mong
Tôi vẫn mong... tôi sẽ về

Ngồi nhìn ông vừa ôm đàn, vừa hát, người nghe nhạc mới thấy hết cái chất lãng mạn trong hồn một nhà văn mà ta thường nghe mọi người ở đây thường nhắc đến tên ông mỗi khi nói về các tác giả vùng Boston. Thế rồi, sau những lần đi xem văn nghệ như vậy, tôi lần mò tìm đọc các trang sách của Trần Doãn Nho như một tính tò mò xem ông đã nghĩ gì và viết gì.

Trước nhất, vào năm 1995, ông cho ra đời tập truyện *Vết Xước Đầu Đời* dày 252 trang, do nhà Thanh Văn (Hoa Kỳ) xuất bản, mà tựa sách là tên một trong số 13 truyện ngắn của toàn tập. Mười hai truyện ngắn còn lại là *"Cái giá của mùa xuân"*, *"Lặng lẽ ánh trăng"*, *"Người chú"*, *"Bạn cũ"*, *"Cuộc đời ở một phía khác"*, *"Kỷ niệm"*, *"Một chút Việt Nam"*, *"Dùng dằng"*, *"Vương viú"*, *"Người đi kẻ ở"*, *"Good stuff"* và *"Nắng trên đời"*.

Như một thói quen, mỗi lần đọc sách, tôi hay đọc truyện nào tác giả lấy làm tên cho cuốn sách, vì tôi nghĩ, dù nhiều khi ý nghĩ này không được đúng lắm, tác giả chắc ửng ý truyện này nhứt hay ít ra tác giả cũng gởi gắm điều gì đó qua truyện ngắn tiêu biểu này... Quả tình, khi đọc lại, tôi mới thấy cái nét rất ư là truyện của Trần Doãn Nho. Ở đó, nó cho người đọc nhận ra cái trớ trêu của một cuộc tình cũ mà nhân vật chính là Tâm, và người yêu cũ là Ánh. Hai người yêu nhau nhưng họ lại xa nhau. Rồi Tâm lấy vợ ở Vĩnh Long. Và Ánh lại có chồng là Tuấn như một cách trả thù Tâm đã phụ bạc và chẳng may chồng nàng bị cánh quạt máy bay trực thăng đụng phải khi đi hành quân và tử nạn. Sau năm 1975, Tâm bị vợ bỏ, về lại Huế tìm lại Ánh và hai người lại có những trách móc sau khi Tâm dẫn Lan, con gái của Ánh "đi dạo loanh quanh ngoài đồng". Ánh thì lo con gái mình không khéo lại bị chú Tâm du dỗ; còn Tâm thì khẳng định đời nào có chuyện tài trời như vậy. Và dưới mắt Ánh, khi rầy con với giọng chua chát: "Đời mẹ đã khổ vì đàn ông. Đàn ông không có gì đáng tin hết. Họ luôn luôn phỉnh phờ, lường gạt. Họ không hề biết yêu như người đàn bà. Có họ mình cũng khổ, mắt họ mình cũng khổ. Mẹ không muốn con gần đàn ông, vì không muốn con khổ, con hiểu chưa?"⁽¹⁾ Và ngay trong đêm khuya hôm ấy, Lan nghe lời qua tiếng lại giữa mẹ và chú Tâm về chuyện đi dạo buổi chiều giữa Lan và chú ấy, và Lan "cảm thấy

có chút gì tái tê, một chút gì dằng dẳng, nghèn nghẹn của mùi vị cuộc đời. Như một vết xước đầu đời, nhưng cô cảm thấy buốt.”⁽²⁾

Theo dõi câu chuyện như vậy người đọc mới thấy cách dựng truyện của Trần Doãn Nho có pha trộn giữa thực và ảo, giữa cái có và cái hư cấu khá lôi cuốn. Câu chuyện tình của những chàng trai cô gái ngày ấy, của những năm thập niên 1960, 1970, là cho dù chiến tranh đang ngùn ngụt khói súng nhưng những chàng trai cô gái ở thành thị họ vẫn tha thiết yêu nhau và rồi họ lại xa rời nhau là một điều có thật giữa lòng xã hội lúc bấy giờ. Và rồi sau chiến tranh, Trần Doãn Nho cho hai người tình cũ gặp lại nhau vì “bồ cũ không rủ cũng tới” với hy vọng họ sẽ làm lại cuộc đời. Đó cũng là một chút gì của tính chất hư cấu trong cách dựng truyện. Nhưng truyện nếu chỉ có vậy thì còn gì là truyện. Thế nên tác giả lại cho họ dằng co với nhau qua chuyện Tâm dẫn con gái của Ánh đi dạo và họ lại một lần nữa chia tay vì lòng tự ái của Tâm sau khi Ánh nghi ngờ tình ý của người bồ cũ muốn rủ rê con gái của mình. Câu chuyện chỉ đơn giản vậy mà làm trở người đọc về số phận của những mảnh đời của các nhân vật trong đó.

Nhưng tại sao lại là người vợ Vĩnh Long mà không phải một nơi nào khác? Đành rằng ai cũng có thể bỏ chồng khi gặp những nghịch cảnh nhưng chắc không riêng gì người vợ Vĩnh Long trong truyện. Điều đặc biệt về Vĩnh Long này làm người đọc nghĩ ngợi mông lung rằng có thể đây là một tình cờ khi dựng truyện hay cũng có thể là giây phút bất chợt nhớ về một dấu tích, một địa danh của một thời chẳng?

Qua các truyện còn lại của tập truyện này, các nhân vật của Trần Doãn Nho là những nhân vật sống đời thường, không có ai là anh hùng, hay địa vị cao trọng. Họ có những suy nghĩ và hành động rất bình thường của một hạng người bình thường trong xã hội nhưng cách đối đáp của họ lại có chút gì khá thông minh, tinh tế. Trong truyện, điều khó nhất có lẽ là văn đối thoại, vì đối thoại mà không giống những câu nói ngoài đời thì cốt truyện dù hay nhưng người đọc vẫn thấy chút gì đó không thật, không giống ngoài đời và truyện trở nên ít hấp dẫn và nó có gì hơi gượng ép, giả tạo. Nhà văn có tài, họ viết đối thoại như thật. Về phần này, các mẫu đối thoại trong văn Trần Doãn Nho khá thành công bởi ông có sống thật và chạm trán thật với những nghịch cảnh ngoài đời và khi viết truyện, các mẫu đối thoại của Trần Doãn Nho như một bản sao lại của những câu chuyện trao đổi ngoài đời.

Trần Doãn Nho viết nhiều về những dấu tích một thời ấy, những dấu tích do ông thấy và do chính nơi cuộc sống đời ông đã trải qua và làm nên chất liệu cho truyện của ông tràn đầy sự kiện, mà sự kiện nào cũng có cái hấp lực riêng, cái lôi cuốn riêng của nó. Chẳng hạn như nhân vật Điền trong “*Căn phòng thao thức*”⁽³⁾ là một tiêu biểu. Hoặc như “*Một ngày hơi khác mọi ngày*”, “*Dáng buồn mệnh phụ*”⁽⁴⁾, “*Cái giá của mùa Xuân*”⁽⁵⁾ là những chất liệu mà ông có được qua những chuyến đi buôn đường dài với những nét nhìn sắc sảo của một nhà văn từng trải nghiệm. Với “*Người chú*”, tác giả cho hay liên hệ huyết tộc chẳng giúp được gì cho đứa cháu bị kết án tử hình trong hoàn cảnh sau cuộc chiến tranh khốc liệt vừa tàn; với “*Bạn cũ*”, “*Kỷ niệm*” là những xung khắc giữa các tình cảm cũ và hoàn cảnh mới của những người có một thời hoà điệu chung nhau về lý tưởng nhưng khi thực tế đời sống có mặt, thì mọi liên đới xưa trở thành những bi kịch của cuộc đời.

Trong tập ký *Loanh quanh những nẻo đường*⁽⁶⁾, là một tập hợp các ký sự về những đoạn đời mà tác giả đã đi qua và ghi lại, từ những ngày cuối tháng Tư năm 1975 ở Sài Gòn, ở Huế, cho chí đến những cảnh mùa Thu vùng New England ở Hoa Kỳ. “Chiều 29 tháng 4 trên đường Công Lý” là một bài ký dưới dạng một bài thơ tự do, đã vẽ lại một buổi chiều âm đạm của Sài Gòn của 22 năm về trước, thật ngắn mà bao quát, đầy đủ:

thành phố thất thần
bóng tối đến sớm

mây thấp và cửa đóng, đường run
năm giờ chiều, chiếc đồng hồ bút rút
tôi đi trong bóng của mình
dinh độc Lập úa
như phế tích âm thầm
góc đường Hồng thập Tự-Công Lý
toán lính nhảy dù ngồi ăn cơm
lá rơi trên tấm poncho
lá rơi trên ga-men
lá rơi thẳng thốt
chiếc áo trận nhòe
ngậm ngùi lịch sử
lá rơi, rơi
mãi miết như đùa
như trò chơi
như mơ như thực
cuộc phế hưng bunn rùn phận người
lính nhảy dù, người ngồi kẻ đứng
sung nghiêng
nhắm vào thành phố vô hồn
những góc đường bối rối
dấu chân chìm
đêm xuống nhanh
cho một ngày mai khác
ngày mai mặt trời vẫn sẽ lên
thành phố khép chặt
lạnh
và quên.
(tháng 4/1997)

Đúng vào những giờ khắc ấy, là một nhân viên thừa hành lệnh thượng cấp một cách tuyệt đối, chúng tôi phải túc trực nơi đơn vị ở tại trung tâm Sài Gòn, nên không có dịp nhìn ngắm Sài Gòn vào những giờ khắc bồn chồn với “những góc đường bối rối” ấy ; mà cho dù có được nhìn ngắm Sài Gòn như tác giả đã nhìn, cũng không làm sao ghi lại được vài dòng chữ chứ nói gì làm thơ khắc họa lại một “buổi chiều” ...

Trần Doãn Nho viết truyện với tài dựng truyện, sắp xếp tình tiết làm cho truyện nào cũng có những xung đột, gây căng mà hấp dẫn, lôi cuốn với cách dùng chữ vừa vặn, không dư không thiếu như cốt cách của một nhà mô phạm, mà ông lại là nhà mô phạm, nên truyện của Trần Doãn Nho không chuyên chở những thù hằn, những xung tụng như một tiếng nói mang giá trị tuyệt đối đúng, mà là một phơi bày ra một hoàn cảnh, một tâm cảm rằng đời sống là một bất gặp không phải tình cờ mà do một sắp đặt sẵn của trời đất, con người chỉ còn biết sống sao cho phải lẽ của một con người. Chính vì vậy truyện của Trần Doãn Nho dù có nhiều xung khắc, những bi kịch đầy nhưng rồi cũng được hóa giải, nhưng không phải do tác giả làm sẵn cho người đọc, mà tác giả cần người đọc làm tiếp giùm cái phần hạ hồi phân giải này.

Đọc phiếm của Song Thao và đọc truyện của Trần Doãn Nho nó thú vị là ở chỗ tác giả bỏ lửng nửa chừng đó của những trang đời. Như cái kết của truyện “*Căn Phòng Thao Thức*” giữa bà Phượng và ông Điền:

Ông nhìn đồng hồ:

- Bốn giờ rồi. Tôi chắc tụi nó cũng sắp về.

Ngừng một lát, ông nói thêm một câu, ngoài ý muốn:

- Chị nên đi ngủ cho khỏe. Đừng lo lắng vu vơ nữa.

Bà Phượng miễn cưỡng đứng dậy, không nói gì, lẳng lặng bước đi. Chiếc rốp ngủ phát phơ với những đường nhăn vô tình, ý nhị. Bà vào phòng, khép cửa. Then cài. Đèn tắt. Im lặng. Ông nhìn đăm đăm. Đường sang trên cánh cửa không còn. Ông thở dài, nằm xuống, tự hỏi chẳng biết một lúc nào đó, cánh cửa sẽ mở ra, bạo dạn đón ông vào, rồi khép lại, khép chặt lại⁽⁷⁾.

Có hay không “cánh cửa sẽ mở ra,..., rồi khép chặt lại”? Nào ai biết được! Làm sao biết được những “thao thức” của “căn phòng” với hai con người luôn “thao thức” trong nhau !?!

Nhưng có lẽ trong tập ký Loanh Quanh Những Nẻo Đường với “*Mùa Thu New England*” là một bút ký tuyệt bích; ở đây nó tuyệt bích không phải chỉ vì màu sắc mà còn do cái tài tả cảnh mùa thu là đổi màu của tác giả. Chúng ta thử nghe tác giả tả cảnh lá mùa thu:

Lá. Lá. Lá. Nhìn đâu cũng thấy lá. Lá nhuộm cả trời mây. Lá làm quên mất nắng và gió. Cả một vùng bao la chìm hẳn đi.... Nếu nó không tím được như lời thơ của Đoàn Phú Tứ, thì cũng thấp thoáng tím bên cạnh vô số màu sắc khác: đỏ tươi, đỏ rực, đỏ cháy, đỏ tía, đỏ hung, vàng tươi, vàng đậm, hoàng yến, nâu sẫm, nâu cháy, cam, san hô, cà rốt... Màu vàng hình như là nền, là “phông” với đủ mọi sắc độ. Nổi bật lên giữa màu vàng đó là màu đỏ. Màu đỏ rực lên, mời mọc, kêu gọi. Nhất là màu đỏ đặc biệt của lá phong, maple.⁽⁸⁾

Không những chỉ có lá phong, mà rừng còn nhiều cây mọc hoang dã, cây lạ cũng háo hức bước vào thu. Tác giả tả lá mùa thu nơi này đổi màu mà như tác giả cũng chìm vào biển màu của lá, không làm sao lột la khỏi rừng thu đang rực rỡ giữa một biển màu rực rỡ. Thêm một lần nữa xin mời quý vị nghe tác giả tả cảnh cây lạ đổi màu:

Lạ, vì không biết tên. Mà lạ cũng vì lá đổi màu “tuyệt” quá khiến ta chỉ còn có một cảm giác duy nhất: ngẩn ngơ! Có cây đỏ một bên, lại vàng một bên. Có cây nhuộm trong một màu đỏ đậm hay nâu sậm – quá đậm, quá sậm làm nặng trĩu cả một không gian. Có cây vươn cao trong bầu trời với màu lá vàng nhạt ngả sang màu xanh lơ lơ như lá chuối non, lấm tấm thêm những vết đỏ không đều như tranh màu nước, nên trông có vẻ như mơ hơn là thực. Đôi lúc gặp một dãy cây, màu huyết dụ phía dưới rồi đỏ dần lên và trên cùng lại đỏ tươi một cách bất thường. Có những đoạn đường vàng hẳn đi như bị bao phủ bởi những cây phượng vàng đương độ ra hoa. Thỉnh thoảng lại gặp một bụi dây leo chằng chịt, cành nhánh bừa bộn, mà cũng rực rỡ khoe sắc lá...⁽⁹⁾

Ai có qua vùng New England vào mùa thu, dọc theo các con đường xa lộ xuyên bang 90, 93, 95, sẽ thấy bức tranh màu mà tác giả tả trong những trang sách của ông là một điều không hư cấu chút nào... Ở đây, chúng tôi muốn lưu ý đến óc quan sát và cách dùng chữ rất chính xác của tác giả cho từng sắc màu của từng loại lá giữa rừng thu, hòa cùng với bầu trời xanh lơ lửng trên cao và gió mát nơi này làm thành một bức tranh thiên nhiên tuyệt diệu biết bao!

Ở vùng Boston có ba nhà văn mà nhiều người biết tên và cả ba đều có ba bài bút ký tuyệt diệu. Đó là nhà văn Lâm Chương với “*Thượng du, niềm thương nhớ*”⁽¹⁰⁾, Trần Trung Đạo với “*Tim sông*”⁽¹¹⁾ và Trần Doãn Nho với “*Mùa Thu New England*”. Một hội tụ của ba cây bút với ba bài bút ký vừa kể quả là một điều quý báu cho người đọc vùng Boston vô cùng. Vì với nội dung nào, qua ba bài bút ký ấy, cái phần gần như có một mẫu số chung của ba tác giả là đều tả cảnh thiên nhiên, thiên nhiên nơi Hoàng Liên Sơn hay thiên nhiên nơi New England, tất cả đều có khả năng “miêu tả thiên nhiên mà làm lạnh được nhiều vết thương tinh thần” giống như thơ văn Trung Hoa mà Lâm Ngữ Đường có lần đã nhận xét như vậy.⁽¹²⁾

Trở lại với các trang văn của Trần Doãn Nho, có lẽ cũng nên nhắc đến tác phẩm gần đây nhất của tác giả là quyển tạp bút *Từ ảo đến thực*⁽¹³⁾ với lời “mở” tác giả chỉ ghi vồn vện một câu: “Đời là một tạp bút” và phần “khép”, tức là mấy dòng cuối sách, tác giả cũng chỉ ghi thật ngắn gọn:

Đọc xong, bạn hỏi tôi: viết gì vậy,

chính trị
tùy bút
tâm bút
triết lý
văn chương
tôn giáo
phê bình
ký
dịch
?
xin thưa
tôi viết chữ ⁽¹⁴⁾

Thật ra, Trần Doãn Nho nói thế không có gì lạ. Bởi lẽ, “chữ” tự nó đã có nghĩa; và khi nhà văn “viết chữ” là viết những điều có nghĩa. Người đọc khó tính có thể không chịu cách trả lời câu hỏi quá ngắn mà ông tưởng tượng và đặt ra như vậy. Nhưng ông có liệt kê ra khá đầy đủ những điều ông đã viết, và dường như trong văn của Trần Doãn Nho nó hàm chứa khá chi ly về các thể loại mà ông đã dùng tới nhằm chuyên chở những ý tưởng của mình.. Do vậy, khi viết lời “khép” cho cuốn *Từ ảo đến thực*, thật ra văn chương cũng chỉ là sự pha trộn giữa “ảo” và “thực”, nên dù thể loại nào chẳng nữa, hình thức không quan trọng, mà cái nó chứa bên trong những “chữ” giống như tác giả nói: “tôi viết chữ”, mới là điều đáng quan tâm và đó cũng là tâm ý của tác giả.

Có lần tôi hỏi ông “*Văn chương có cần cho đời sống không? Nếu cần, sao ngày nay người ta ít đọc sách quá vậy?*” Tôi được ông trả lời là: “Về văn chương tôi chẳng băn khoăn gì hết. Còn viết được thì cứ viết. Có ai đọc không tôi không quan tâm. Mình chấp nhận thời buổi này là thời buổi Internet. Mọi thứ đều trở thành ‘thông tin’. Mình cứ thông tin, còn ai đọc được thì cứ đọc mà không đọc thì ... thôi. Cũng giống như chúng ta vẫn đọc hằng ngày trên Net”.

Điều này cũng phù hợp với lời “Tựa” trong cuốn *Tác giả, Tác phẩm và Sự kiện*, tác giả viết: “Theo tôi, trong thời đại toàn cầu hóa và bùng nổ thông tin khó thể đảo ngược hiện nay, thông tin càng ngày càng quan trọng hơn bản thân một lý thuyết hay một lập trường có sẵn..... Trong ý hướng đó, mục đích cuốn sách này khá đơn giản: mang lại cho các độc giả yêu văn chương càng nhiều thông tin càng tốt về một số tác giả và tác phẩm nổi tiếng của Việt Nam cũng như trên thế giới, từ Á Châu (Ấn Độ, Trung Quốc) đến Âu Châu (Pháp, Anh, Ai Nhĩ Lan), từ Phi Châu (Nam Phi), và Trung Đông (Ai Cập, Syria) đến Mỹ Châu (Hoa Kỳ, Chile)” ⁽¹⁵⁾

Thế cho nên, với các cuốn truyện, tạp bút, và ký mà tôi vừa nhắc qua và kể cả cuốn truyện dài *Dặm Trường* dày hơn 600 trang ⁽¹⁶⁾ và hai cuốn tiểu luận *Viết và Đọc* ⁽¹⁷⁾, *Tác giả, Tác phẩm và Sự kiện* ký tên Trần Hữu Thực, tổng cộng là bảy cuốn sách của Trần Doãn Nho, là một tập hợp do tác giả “viết chữ” mà có. Những tác phẩm ấy dù là dưới bất kỳ thể loại nào, nó cũng là khối óc, là những suy nghĩ, là những chất liệu sống một đời của tác giả qua những ngày tháng còn là sinh viên, rồi vào đời, rồi đứng trước bảng đen phấn trắng, rồi vào quân ngũ, rồi đi cải tạo về, đi buôn đường dài, đi tìm trầm, ra hải ngoại cặm cụi đi làm, nuôi con khôn lớn và đọc sách, viết văn. Với chừng ấy vốn sống được tác giả chắt lọc qua khoảng gần 2,500 trang sách quả là một công khó giữa thời buổi mà sách vở quá ít người đọc này.

Và sẽ còn thiếu, nếu chúng tôi không nhắc đến bút hiệu khác của Trần Doãn Nho là Thế Quân, khi ông tổng kết các sự kiện văn học trên thế giới cho tạp chí Văn Học thời nhà văn Nguyễn Mộng Giác còn là Chủ nhiệm kiêm Chủ bút. Những trang tổng kết tình hình văn chương thế giới ấy là cách cập nhật các thông tin mà tác giả hằng ấp ủ mang đến cho người đọc những chuyển động, những sinh hoạt cùng những biến đổi của các tác giả và tác phẩm văn chương trên thế giới

mà ông đã đọc được và cô đọng lại.

Khi có dịp ngồi đọc lại những trang sách của Trần Doãn Nho, và đặc biệt với cuốn *Tác giả, Tác phẩm và Sự kiện* gồm 352 trang sách lý luận, với gần 140 tài liệu, sách báo tham cứu⁽¹⁸⁾, tôi tin ông đã hội đủ ba điều căn bản của một tác giả cần có là “đọc sách, trước thuật và nghị luận” như trong sách *Thuyết Uyển* nói: “Học giả nên có ba sự nhiều: đọc sách nhiều, lý luận nhiều, trước thuật nhiều. Trong ba điều ấy, thì nghị luận là khó nhất”⁽¹⁹⁾.

Đọc lại Trần Doãn Nho, mới thấy được niềm đam mê “viết chữ” của ông và phải thành tâm nhận ra rằng tác giả với bảy tác phẩm đã có mặt như một gia tài của một nhà văn, dù chưa nhiều, nhưng đó là cả một công trình tim óc mà ông hằng ấp ủ mang lại cho đời. Có lẽ với mấy mươi năm miệt mài viết văn, tôi nghĩ ông không nhằm lấy việc “viết chữ” để làm giàu làm có gì, và chắc ông cũng không nhằm mục đích viết để nổi danh hay lấy tiếng, hoặc vì bất cứ điều gì khác, mà ông chỉ mê “viết chữ” là trên hết, một niềm đam mê rất dễ thương nhưng cũng trần ai khổ nhọc giữa cõi nhân sinh đầy bắt bực này vậy!

Houston, ngày 06 tháng 6 năm 2008
thatsonchaudoc.com

Phụ chú:

- 1/ “Vết xước đầu đời”, tập truyện, của Trần Doãn Nho, Thanh Văn xuất bản, Hoa Kỳ, năm 1995, trang 171.
- 2/ “vết xước đầu đời”, sđd, trang 175
- 3/ “Căn phòng thao thức”, tập truyện, của Trần Doãn Nho, Thanh Văn xuất bản, Hoa Kỳ, năm 1977, trang 55.
- 4/ “Căn phòng thao thức”, sđd, trang 31 và trang 71.
- 5/ “Vết xước đầu đời”, sđd, trang 13.
- 6/ “Loanh quanh những nẻo đường”, tập ký, của Trần Doãn Nho, Văn Mới xuất bản, Hoa Kỳ, 1999.
- 7/ “Căn phòng thao thức”, sđd, trang 70
- 8/ “Loanh quanh những nẻo đường”, sđd, trang 178.
- 9/ “Loanh quanh những nẻo đường”, sđd, trang 179.
- 10/ “Thương du, niềm thương nhớ” in trong cuốn “Đoạn đường Hốt Tất Liệt”, tập truyện, của Lâm Chương, nhà xuất bản Văn Mới, Hoa Kỳ, năm 1998, trang 77.
- 11/ “Tìm sông” của Trần Trung Đạo, trang nhà Talawas, ngày 12-11-2004
- 12/ “Nhân sinh quan và thơ văn Trung hoa” của Lâm Ngữ Đường, do Nguyễn Hiến Lê dịch, Ca Dao xuất bản, Sài Gòn, năm 1970, nhà Xuân Thu tái bản, Hoa Kỳ, năm 1991, trang 88.
- 13/ “Từ ảo đến thực”, tạp bút, Trần Doãn Nho, Văn Mới xuất bản, Hoa Kỳ, năm 2005
- 14/ “Từ ảo đến thực”, sđd, trang 259
- 15/ “Tác giả, tác phẩm và sự kiện”, tiểu luận văn học, của Trần Hữu Thục, Văn Mới xuất bản, Hoa Kỳ, 2005, trang 10.
- 16/ “Dặm trường”, truyện dài, của Trần Doãn Nho, Văn Mới xuất bản, Hoa Kỳ, năm 2001.
- 17/ “Viết và Đọc”, tiểu luận, của Trần Hữu Thục, Văn Học xuất bản, Hoa Kỳ, năm 1999.
- 18/ “Tác giả, Tác phẩm và Sự kiện”, sđd, mục “Tài liệu tham khảo”, từ trang 347 đến trang 352.
- 19/ “Vân Đài Loại Ngữ” của Lê Quý Đôn, do Trần Văn Giáp biên dịch và khảo thích; Trần Văn Khang làm sách dẫn; Cao Xuân Hạo hiệu đính và giới thiệu, Nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội, năm 2006, mục Văn Nghệ, điều 19, trang 240.

Vài kỷ niệm về Trần Phong Giao



Trước hết, xin đọc một đoạn văn, trích từ tiểu thuyết “Mùa Biển Động” của Nguyễn Mộng Giác:
Giữa hai đồng giấy cao ngất cạnh lối hẹp đi ra sau là cái bàn gỗ nhỏ. Một người đàn ông tóc cắt ngắn mặc sơ mi trắng cụt tay đang chăm chú đánh máy. Ông đánh chậm bằng hai ngón trỏ, mắt đăm đăm nhìn vào từng chữ một. Ngữ đến trước bàn mà người đàn ông chăm chỉ vẫn không hay biết. Chàng lúng túng, gắng chờ cho ông ta đánh máy xong một hàng, đẩy cần máy chữ sang hàng khác, mới lên tiếng:

-Anh cho tôi hỏi thăm, ông chủ bút đã tới chưa?

Người đàn ông nghe được câu Ngữ hỏi, nhưng vẫn chăm chú tiếp tục công việc. Ngữ không thể đoán được ông ta có khó chịu vì bị quấy rầy hay không. Chỉ thấy ông hỏi:

-Có việc gì gấp không? Bài vở hay trị sự quản lý?

-Cũng không có việc gì gấp. Tôi vừa ở Pleiku xuống. Ông chủ bút có viết thư nhắc là có dịp về Sài Gòn, nhớ ghé chơi. Thế thôi!

Người đàn ông ngừng đánh máy, ngừng lên. Đôi mắt ông nhìn thẳng cố làm ra vẻ nghiêm trọng, nhưng Ngữ lại nhìn thấy ở đó sự mệt mỏi, thờ ơ. Ông hỏi:

-Anh tên gì?

Ngữ khó chịu như đang bị tra vấn. Chàng đáp cộc lốc:

-Ngữ.

-Cái gì Ngữ?

Ngữ không chịu đựng thêm được nữa. Giọng chàng run lên vì giận:

-Anh cho tôi gặp ông chủ bút!

-Tôi là chủ bút đây!

Ngữ bị bất ngờ, khựng lại.

(“Mùa Biển Động,” tập 4, trang 859-860)

Nhân vật “người đàn ông” trong đoạn văn trên, tuy là hoàn toàn hư cấu, nhưng qua đó, tôi lại nhìn thấy phản ảnh một nét khá điển hình của nhà văn Trần Phong Giao. Chả là vì, tôi cũng đã từng có cùng một kinh nghiệm khi lần đầu tiên gặp người tổng thư ký tòa soạn này của tờ tạp chí Văn ngày nào.

Đó là năm 1969. Tôi từ Huế vào đi học và đi làm ở Sài Gòn, trọ ở đường Phát Diệm, cách tòa soạn Văn khoảng chừng hơn cây số. Hôm đó, lần đầu tiên đến tòa soạn báo Văn – thực ra, chỉ là một cái phòng nhỏ nằm sát lề đường Phạm Ngũ Lão, bệ bộn giấy tờ, sách báo – trong tâm trạng hồi hộp, tôi gặp một người đàn ông đang chăm chú nhìn lên cái bàn máy chữ nhỏ, gõ lọc cọc.

Nghe tiếng tôi chào, người đàn ông vẫn cắm cúi làm việc, dường như chẳng hề biết có người đang đứng sát bên. Khi nghe tôi hỏi xin được gặp ông thư ký tòa soạn, thì người đàn ông đáp, trong lúc vẫn không rời bàn máy chữ, “Cậu cần gặp có việc gì?” Tôi nói tên, tưởng là ông sẽ ngừng đánh máy, quay đầu lui, chào hỏi, nhưng không, ông chỉ nói: “Thế à!” một cách dửng dưng và... vẫn tiếp tục làm việc.

Chán nản và bối rối, tôi chào ra về. Lúc này, ông ta mới ngẩng mặt lên nói: “Khi nào rảnh, nhớ ghé chơi.” Tôi rời tòa soạn báo Văn và người chủ bút Trần Phong Giao trong một cảm giác hụt hẫng đến gần như tuyệt vọng.

Bực thì bực, nhưng vẫn ghé, vì tòa soạn nằm trên đường đi về hàng ngày. Dần dà rồi cũng quen thân. Biết tính anh, tôi chỉ ghé khi nào thật cần và thường là vào buổi chiều khi anh sắp nghỉ việc. Thỉnh thoảng, ít việc, anh rủ tôi ra chợ Thái Bình nằm ngày trước tòa soạn, uống nước, chuyện gẫu.

Có lần anh rủ tôi về căn nhà nhỏ ở dưới chân cầu Kiệu, đường Hai Bà Trưng để uống rượu. Tóm lại, tôi được gặp một Trần Phong Giao hoàn toàn khác, thân tình, chu đáo, và đầy thiện chí.

Chính Trần Phong Giao này là người đã tạo cơ hội cho tôi bước vào làng văn.

Tôi thích viết từ nhỏ. Gửi hết báo này đến báo nọ, chẳng ai thèm đăng. Cho đến lần đó, khoảng giữa năm 1968, tôi được toại nguyện... hụt. Số là trong một số báo Văn, phần nhấn tin cho tôi, tòa soạn cho biết: Ban Tuyển Đọc đã chọn truyện “Dấu Tích Đồi” để đăng, nhưng đáng tiếc là truyện có nhiều chi tiết không thể lọt qua được lưới kéo kiểm duyệt, những chi tiết mà nếu bỏ đi thì truyện sẽ không còn đứng vững, tòa soạn mong bạn gửi cho sáng tác khác.

Một lời nhấn tin rất ngắn, nhưng rất dài đối với tôi. Tôi vừa cảm thấy sung sướng vừa thất vọng và ảm ức. Trong lúc tôi cặm cụi cố viết một truyện khác, thì bất ngờ làm sao, chừng hai tuần sau đó, tôi nhận được thư từ tòa soạn Văn, một lá thư đánh máy rất cẩn thận với cái “logo” báo Văn ở đầu trang. Thư ký tòa soạn Trần Phong Giao “vui mừng” báo cho biết là, bằng một cố gắng riêng, ông đã được sở kiểm duyệt cho “đi” truyện ngắn “Dấu Tích Đồi.”

Không lâu sau đó, “Dấu Tích Đồi” – kể chuyện một bà mẹ tưởng con gái mình đi làm ăn lương thiện để nuôi mình, cuối cùng khám phá ra là cô dối mẹ, hành nghề mại dâm với lính Mỹ – xuất hiện trên Văn 121, số kỷ niệm Đệ Ngũ Chu Niên, phát hành vào đầu năm 1969.

Với truyện ngắn đó, tôi bắt đầu được anh xếp vào hàng ngũ “những cây bút trẻ,” nhóm từ mà cho đến bây giờ nghe lại, vẫn cảm thấy nao lòng, vì nó nhắc nhở đến những buồn vui thời tuổi trẻ. Nếu không có sự quan tâm của anh, có lẽ nó sẽ không được đăng. Và nếu không được đăng, không biết tôi còn đủ tự tin tiếp tục viết và gửi để chỉ thấy tên mình nằm dài dài trong hộp thư tòa soạn! Sau đó, thì hầu như truyện nào tôi gửi cho Văn cũng được “qua cầu.” Và (tôi nghĩ, biết đâu) nhờ có mặt trên Văn, truyện và các bài viết khác của tôi cũng đã dễ dàng xuất hiện trên một số báo văn học khác như Văn Đền, Bách Khoa, Khởi Hành và cả tạp chí Đối Diện. Tóm lại, “Dấu Tích Đồi,” hiểu theo một nghĩa nào đó, thì như một cái vé vào cửa “văn giới” đối với tôi.

Như Trần Hoài Thư nhận xét, ít có tờ báo văn học nào ở Sài Gòn thời đó mà quan tâm nhiều đến những cây bút trẻ đang cầm súng chiến đấu trên các chiến trường như Trần Phong Giao.

Tôi còn nhớ, có lần anh cho biết là đã nhờ người quen trong Tổng Tham Mưu kéo Y Uyên – lúc đó đang ở một đơn vị chiến đấu ngoài mặt trận ở Tuy Hòa – về Sài Gòn hay về một hậu cứ an toàn nào đó. Nhưng đáng tiếc là, một thời gian ngắn trước khi nhận được giấy chuyển, Y Uyên đã tử trận đầu năm 1969.

Để tưởng niệm nhà văn tài hoa bạc mệnh này, Trần Phong Giao thực hiện ngay một số tưởng niệm Y Uyên, số 129, ấn hành vào Tháng Ba, 1969. Đó là một số báo khá dày, với sự đóng góp của nhiều bạn văn và nhà biên khảo. Với sự động viên của Trần Phong Giao, tôi viết bài “Khuôn mặt chiến tranh trong tác phẩm Y Uyên,” phân tích cách mô tả chiến tranh trong các truyện ngắn của anh. Tất cả tiền nhuận bút của số báo này đều được các tác giả đồng ý gửi về cho gia đình Y Uyên để làm tấm bia mộ cho anh, gọi là chút tấm lòng của những bạn văn đối với người quá cố.

Ngoài việc trông coi tờ Văn, Trần Phong Giao còn là chủ biên của một tập san khác: Tân Văn, nguyệt san nghiên cứu, phê bình và sáng tác, phát hành đồng thời với tờ Văn, chủ yếu nghiêng về biên khảo. Biết tôi cũng thích viết tiểu luận, anh mời tôi viết bài thường xuyên cho tập san này. Tôi cảm thấy vinh hạnh vì được tin cậy, nên nhận lời. Và viết ngay bài điểm sách “Một Cách Buồn Phiền,” tác phẩm đầu tay của Lê Văn Thiện, bút hiệu là Văn Lệ Thiên), in trên Tân Văn số 13, Tháng Năm, 1969. Văn Lệ Thiên là một cây bút trẻ (cũng là lính) thường xuất hiện trên Văn, do tạp chí Văn vừa xuất bản lúc đó. Anh giục tôi viết thêm, nhưng tôi ham sáng tác, lại bận bịu việc học, việc làm nên hứa hoài hứa mãi mà không có thêm bài nào. Sau đó, tôi phải trở về Huế dạy học, rồi nhập ngũ. Đến năm 1971, Trần Phong Giao chia tay với nhà xuất bản Nguyễn Đình Vương, tờ Văn chuyển qua Nguyễn Xuân Hoàng và Tân Văn thì đình bản. Đành thôi!

Từ đó, tôi không gặp lại Trần Phong Giao cho đến năm 1985. Vào thời gian này, sau khi đi ở tù về, tôi thường hay ra vào Sài Gòn chạy vạy kiếm sống. Hôm đó, trong khi đi lang thang trong khu chợ trời Huỳnh Thúc Kháng, tôi tình cờ gặp anh ở một quán cà phê vỉa hè. Cùng đi với anh là ông Lê Ngộ Châu của tạp chí Bách Khoa. Trông anh buồn bã và chán nản. Chúng tôi chỉ trao đổi dăm ba chuyện mưa nắng thời tiết, rồi thôi.

Đó là lần cuối tôi gặp Trần Phong Giao. Theo lời anh Nguyễn Khiêm, trong một bài báo trên Người Việt, “Tưởng nhớ Trần Phong Giao,” anh mất Tháng Tư, 2005, ở Sài Gòn vì ung thư đại tràng.

Tham khảo:

-Nguyễn Khiêm, “Tưởng nhớ Trần Phong Giao,” Người Việt, ngày 3 Tháng Tư, 2017

Trần Doãn Nho người dẫn nắng đi chơi Nguyễn Lệ Uyên



Photo: Nguyễn Huệ Chi

“Chạy: biết bao thăm cảnh, nhất là thăm cảnh thuyền nhân rúng động thể giới.

Chạy: một cuộc “bỏ phiếu bằng chân” vô tiền khoáng hậu.”

(Trần Doãn Nho)

Trần Doãn Nho, tôi không biết gì nhiều về anh, ngoại trừ những truyện ngắn trên Văn đọc được trước năm 75. Và chỉ biết mang máng anh đã từng là nhà giáo như chúng tôi.

Nhưng có lẽ, ấn tượng nhất phải kể đến bài viết của anh, có tựa *Khuôn mặt chiến tranh trong tác phẩm Y Uyên* ký tên Trần Hữu Thực (Văn số đặc biệt *Thương nhớ Y Uyên*, số 129 ra ngày 1.5.1969). Nói ấn tượng, bởi trước cái chết của một nhà văn trẻ đã để lại niềm thương tiếc cho nhiều người nhất là những người cầm súng viết văn.

Cùng với những “tên tuổi lớn” như Nguyễn Mạnh Côn, Thanh Tâm Tuyền, Châu Hải Kỳ, Trùng Dương...trong số báo này; khi phân tích các tác phẩm của Y Uyên, anh có cách nhìn khác hơn, gần và thật hơn khi phơi bích bối cảnh và các nhân vật trong truyện (YU) theo độ sáng tối rõ ràng

và chân thật như người trong cuộc, so với cách nhìn “phán xét” của các cây bút đàn anh; bởi anh cũng đang nhìn thấy rõ ràng khuôn mặt ấy, tay chân cũng sắp rờ chạm vào cây súng và đôi giày bot.

Chính vì anh đã sống với nên có phần hiểu rất rõ những nhân vật trong các tác phẩm của người vừa ngã xuống khi đặt bút lên trang giấy, như anh đã thú nhận: “...*Trước mặt Y Uyên có lửa, sau lưng anh cũng có lửa, chung quanh đầy máu, chúng ta ở giữa ngáy ngất, tê dại. Tôi viết để tưởng niệm Y Uyên trong khung cảnh hùng hực đó. Tôi không viết những lời phê bình anh. Tôi chỉ viết lên những xúc động về chính tôi, một người như bao người khác, đang chấp chới giữa thực trạng chiến tranh*” (Văn số 129, trg 39).

Trần Doãn Nho cuốn hút tôi từ đó, chỉ vì anh viết phê bình văn học mà như đang làm thơ, mỗi câu chữ đều xoáy động tâm can người đọc (là tôi): một chút thâm thiết, một chút hờn tủi về thân phận con người trong cõi nhân gian khi anh khẳng định “*Y Uyên chắc không buồn, nhưng dòng suối, những đám cỏ lơ thơ, xơ xác ở đó buồn*” ở đoạn mở đầu bài viết về tác phẩm của một nhà văn cùng thế hệ! Anh không đẩy niềm uất hận đau thương lên cao như Lê Văn Chính, sướt mướt như Mang Viên Long, Trần Huyền Ân hay Cao Thoại Châu... (Văn cùng số); anh cũng không đổ lỗi cho ai và đặt những câu hỏi tại sao; chỉ vừa đủ, chừng mực. Thoạt đọc tưởng anh đứng ngoài những rung cảm đau thương, nhưng kỳ thực len xoáy đến cả những vật vô tri là ngọn cỏ dòng suối. Thời đó, còn là sinh viên bậc cao học, tôi nghĩ anh có cách phê bình lạ, mới mẻ, có vẻ dửng dưng lạnh lùng khi chỉ mới lướt qua, nhưng kỳ thực mang tính “ẩn dụ” rất cao trong cách diễn đạt. Xin dẫn lại phần mở đầu bài viết của anh: “*Lúc bây giờ, cái chết nào cũng đột ngột như đóm lửa tàn thuốc chọt tắt ngúm khi vút vào vũng nước trong bóng đêm. Vừa sáng lóe lên đó và hết. Bốn viên đạn, và Y Uyên đã chết như thế. Chết bên một dòng suối. Y Uyên chắc không buồn, nhưng dòng suối, những đám cỏ lơ thơ, xơ xác ở đó buồn. Những người quen anh buồn. Những người không quen anh cũng buồn...*” (Văn, 129, trg 30).

Chỉ chừng đó thôi về một Trần Doãn Nho trong tôi, không có gì để nhớ đến sau những biến cố đau thương, dồn dập đổ ập xuống xứ sở này.

Mãi cho đến khi tạp chí Thư Quán Bản Thảo thực hiện số chủ đề 20 năm Văn Học Miền Nam (số 63), ông chủ bút Trần Hoài Thư giao cho tôi điều hợp *Những Ý Kiến Chung Quanh 20 Năm VHMN* với sự tham dự của Luân Hoán, Trần Văn Nam (đã bước qua Bờ Bên Kia), Trần Doãn Nho, Trần Hoài Thư, NguyễnVy Khanh, Lữ Quỳnh, Phạm Văn Nhân, Trần Thị Nguyệt Mai... tôi mới có dịp liên lạc với anh và trò chuyện qua email.

Đến lúc này tôi mới “tá hỏa” khi anh tiết lộ rằng “tôi bị động viên khóa 6/70 Thủ Đức”! Đó là khóa dài nhất (hơn 10 tháng) tại quân trường Thủ Đức. Trong khóa có rất nhiều các “cây bút trẻ” thụ huấn: Tôi cùng Cao Huy Khanh, Viêm Tịnh, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Thanh Trịnh (tức Đoàn Thạch Biền), Vũ Đức Sao Biển và nhiều anh em khác... Chúng tôi hay gặp nhau ở bãi tập, khu Dân sinh... Nhưng tuyệt nhiên chẳng ai biết có một Trần Hữu Thục cùng khóa?

Trong thư mới nhất, Trần Doãn Nho cho tôi biết thêm vài chi tiết: “*Tôi vào Sài Gòn ghi danh Cao Học đầu niên học 1968-1969. Viết lảng nhãng ở vài báo hàng ngày (Chính Luận, Điện Tín, Công Luận) kiếm tiền ăn. Đầu năm 1969, được tuyển vào VOF(Voice of Freedom) qua một kỳ thi do Dương Nghiễm Mậu giới thiệu; trong ban biên tập, có Nhã Ca, Dương Nghiễm Mậu, chị Tâm (vợ VĐSB)...Cuối năm 1969, được Đại Học Văn Khoa Huế gọi về làm Phụ Khảo Triết một thời gian. Khi hết hạn hoãn dịch, thay vì chọn gia hạn, tôi chọn nhập ngũ để rời biệt phái. Vì thế mà đi khóa 6/70. Ra trường, vì trực trực giấy tờ, họ chuyển về Hành Chánh Quân Y một thời gian (3 tháng), sau đó biệt phái về Đại Học Văn Khoa Huế dạy học cho đến tháng 4/75. Tóm lại, đời quân ngũ ngắn.*”

Tuy nhiên, nhờ qua trường Bộ Binh và trở thành sĩ quan, mùa hè đỏ lửa năm 1972, tôi tự nguyện ở lại Huế, đóng góp một phần với chính quyền Huế trong công tác dân vận và sinh viên trong khi cả thành phố di tản vào Đà Nẵng. (thư ngày 22/9/2018).

Cuộc đời lăm “gian truân” của Trần Doãn Nho lôi kéo theo một Trần Hữu Thục xơ xác sau ngày 30/4 bi thảm, như bao triệu con người khác ở miền Nam. Không còn hơi sức với chữ nghĩa. Cho đến khi anh an cư trên đất khách (năm 1993), không còn bị theo dõi, dòm ngó canh chừng của đám công an mật; có công ăn việc làm, Trần Doãn Nho mới kéo Trần Hữu Thục ra trên các trang mạng, trên báo giấy...

Anh cầm bút trở lại. Viết đều và khỏe. Đủ các thể loại, từ tản văn, truyện ngắn, truyện dài, tùy bút chí đến biên khảo, phê bình văn học. Và thể loại nào cũng đậm về tài hoa; đặc biệt là phê bình, sắc nét và bén như *thanh quát* trong tay Bát Lê ở truyện Chém Treo Ngành của Nguyễn Tuân. Sau khi Trung Niên Thi Sĩ Bùi Giáng Gửi *rong chơi* ở xứ sở Đười Ươi (*Sài Gòn Chợ Lớn rong chơi/ Đi lên đi xuống đã đời du côn*), ông Đoàn Tử Huyền mới gom nhặt tất cả các bài viết của các ông nhà văn nhà báo phe ta lẫn phe địch, nhét vào tập Bùi Giáng Trong Cõi Người Ta (1) dày gần 700 trang giấy, phần đầu trích thơ Bùi Giáng, phần sau là nhận định, phê bình của 44 vị cầm bút có tên tuổi hẳn hoi; và thấy đều vận dụng tất cả các mỹ từ có và không có trong tiếng Việt, hết lời ca ngợi cõi thơ của riêng Bùi Giáng “*làm thơ chỉ là một cách điu ba đào về chân trời khác*” thì duy chỉ có Thụy Khuê và Trần Hữu Thục là có đủ tinh táo để đánh giá cõi thơ Bùi Giáng một cách đúng đắn của một nhà phê bình văn học.

Trần Hữu Thục vẽ chân dung Bùi Giáng qua các nhân vật Kim Dung: “*Bùi Giáng thân xác đã tiêu tán, nhưng Bùi-Giáng-như-một-hiện-sinh vẫn còn đâu đó, ngêu ngao ca hát, làm thơ và sống hồn nhiên trên các đường phố Sài Gòn. Một Sài Gòn có Bùi Giáng và một Bùi Giáng có Sài Gòn... Ngẫm mà xem, ta có thể tìm thấy ở Bùi Giáng khi thì một chút cuồng ngạo nghịch thường hoàngduc, khi thì lém lỉnh hoàngdung, khi thì ngờ nghệch quáchtinh, khi thì đầy cả trào lộng lãongoanđông, khi thì chân chính, hào sảng, trượng phu hồngthấtcông, khi thì quái đản kiêu mấy quái nhân luyện võ trong hang động, khi thì điên tàn, thống hận tatón... Ngẫm mà xem, ông sống đó cũng như ông mất đi. Ông như có đó mà như không hề có đó. Kể sĩ hay người điên. Nhà thơ hay triết nhân. Ông sống giữa thế kỷ này hay một ngàn, hai ngàn năm trước....*” (Bùi Giáng giữa chúng ta – <http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=344&rb=0103>).

Anh cũng không ngần ngại chỉ ra: “*Nói cho rõ ràng ra, thơ của Bùi Giáng dở. Trừ một số câu thơ hay – chưa hẳn là rất hay -, còn lại hầu hết thơ ông đều dở. Tôi có cảm tưởng rất nhiều câu thơ ông làm chẳng khác gì những câu thơ ngây ngô của mình khi mới bắt đầu tập tễnh làm thơ hồi còn học trò. Thậm chí có nhiều câu hết như các em “ma-ri-sén” làm thơ tặng tình nhân. Vấn đề rập nổi tùy tiện, ý tứ lại tầm thường. Chúng ta thử đọc lại một vài câu:*

ngô nghệ:

Giật mình lúc chợt nghĩ ra

Rằng toàn thân thuộc đã qua đời rồi.

quơng ép chữ cho có vần:

Thưa em ngôn ngữ quặt què

Làm sao nói được nghiệp nghệ người điên

lập lại (vần):

Non nửa thế kỷ xa quê

Mà chưa có dịp về quê một lần

nói nhăng nói cuội:

Một hôm gẫu quốc gẫu ghi

hai hôm gẫu gẫu cũng vì ba hôm

Nhưng Bùi Giáng có cái dở riêng, phải nói là rất riêng, của Bùi Giáng. Và ông không che dấu cái dở của mình. Không bao giờ. Chẳng những thế, ông lại còn cố ý phô bày nó ra, phô bày một cách

chân tình, hồn nhiên, toàn diện” (đường dẫn trên). Điều này Trần Doãn Nho có lý, nếu như chúng ta thử đưa ra so sánh giữa 2 câu thơ của Bùi Giáng và Thu Bồn đều viết về Huế; nhưng rung cảm với Huế, mỗi người mỗi vẻ khác nhau:

Dạ thưa xứ Huế bây giờ

Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương

(Bùi Giáng)

Con sông dùng dằng con sông không chảy

Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu

(Thu Bồn – Tạm Biệt)

Trên trang Diễn Đàn Thế Kỷ, số 29/9/2018 kỷ niệm 3 năm ngày mất của Võ Phiến, anh có những nhận xét khá chính xác về văn phong của “nhà văn lớn” này, mà trước đây nhiều người đều nói Võ Phiến ngồi “chè văn thành sợi tóc làm tu”. Dĩ nhiên, có người không đồng ý về lối nhìn nhận như trên, nhưng đa phần, từ truyện, đến viết ngắn, dài của Võ Phiến cứ nha nhả không đầu đuôi, như cuộn rơm ngồi tháo ra từng sợi, thấy đầu này còn hạt lúa, chỗ kia cái gié bị dập, chỗ nọ dính chút bùn... Ông dắt người đọc lơ lửng đi trong sáng sớm dày sương, qua giữa trưa bốc khói đến tận chiều tối... có khi chưa thấy đường ngõ!

Và Trần Hữu Thục đã chỉ ra: “*Thế giới trong tác phẩm của Võ Phiến là thế giới bề bộn chi tiết: việc có, sự việc có, vật có, sự vật có, rồi những ý nghĩ thoáng qua, những nhớ, những tiếc, những trạng thái tâm lý tẩn mẩn tỉ mỉ, chợt buồn chợt vui, chợt bắn khoả, chợt xao xuyên. Đọc văn ông, chúng ta sốt ruột đợi một chuyện gì đó đáng đồng tiền bát gạo xảy ra: một cuộc tình, một tấn thảm kịch hay ít nhất cũng là một biến cố có ý nghĩa nào đó. Nhưng không. Ông nhả nha, nhả nha kể chuyện “trong nhà ngoài phố” y như thế giới này cứ thế, chẳng có gì quan trọng lắm, ghé góp lắm. Võ Phiến bắt ta nhìn vào vật này, rồi nghe thứ âm thanh gì ở một xô xĩnh nọ. Ông bắt ta rời cái này, thoát cái, nhớ đến chuyện khác. Chuyện con kiến, tiếng thờ, cái hắt hơi, tờ báo nằm trên đỉnh mùng, bàn tay đê trên sống mũi, mấy cái hủ mắm, vãn vãn...”*

(<https://www.diendanthekey.net/2018/09/tran-huu-thuc-vo-phien-tam-va-canh.html>).

Rồi thì, để chứng minh có cái gọi là “bề bộn, nhả nha”, chuyện nọ xọ chuyện kia là có thật, anh bắt đầu dẫn một số đoạn trong các văn bản của Võ Phiến để chứng minh. Đó là cách làm việc cẩn thận của anh, chứ thật ra, những ai đã từng đọc Võ Phiến đều dễ dàng nhận ra sự “con cà, con kê” của ông, vì ông cũng tự nhận “*tiếc là không chế được làm tám*”. Mới chỉ làm tư thôi mà đã làm mệt nhọc ngồi bút phê bình của Trần Hữu Thục rồi, huống chi là tám hay mười?

Đọc những bài phê bình của anh, tôi mừng tượng anh cần mẫn, làm việc rất khoa học: đọc, ghi chép, đánh số vào thẻ, xếp loại... cẩn trọng, để khi cần, chỉ thò tay vào ngăn là có ngay.

Tôi cũng có dịp đọc loạt bài phỏng vấn Phạm Phú Minh và Trần Hoài Thư về văn học miền Nam và hải ngoại. Các câu hỏi anh đặt ra cho hai nhà văn trên, tôi cứ tưởng tượng như tôi đang được cùng ông nội dẫn đi gát cu hồi nhỏ. Con cu mỗi là anh, đứng trên cầu nó cứ túc, gáy lúc khoan lúc nhặt; khi thách đồ khi như khuấy phục, làm như vấn đề đó anh hoàn toàn mù tịt, hỏi lại cho rõ nhưng kỳ thực anh muốn biết rõ hơn về thái độ của hai ông nhà văn kia trước những vấn đề có liên quan, buộc họ phải nói ra trên giấy trắng mực đen. Tôi gọi cách phỏng vấn của anh thuộc loại “tra khảo văn học”, hỏi cho đến nơi đến chốn, cho ra chuyện mới thôi!

Rồi, trong những thư từ qua lại, Trần Doãn Nho cho hay, trong những năm ngắn sông cấm chợ bo bo sẩn mì... anh buộc phải đi buôn chuyến từ Huế vào Sài Gòn để nuôi vợ con (Nói tới buôn chuyến trên tàu hỏa thời bao cấp khiến tôi rùng mình: mua được tấm vé, mồ hôi như tắm, áo quần tả tơi, và thể thảm hơn là cảnh chen chúc trên tàu, chỉ có chỗ để đứng một chân, chân kia co lại như con cò già giữa muôn vàn mùi xú uế; lúc xuống được ga mình biến thành kẻ khác, như tên tù biệt giam, rách bươm, hôi hám). Anh nói, lướt ra, tàu ngừng rất lâu ở ga Tuy Hòa, anh

thường xuống tàu giã chân tay, ăn cơm đĩa ở ga này, cơm trắng thơm ngon, thịt gà vàng ruộm và nói “đâu có biết anh cũng ở Tuy Hòa!”.

Điều anh nói khiến tôi nhớ, lại có một sự trùng hợp: Một người có thật là anh, nhà văn Trần Hữu Thục nhiều lần ăn cơm ở ga xép Tuy Hòa trong thời kỳ gạo châu củi quế, và nhân vật nữ xưng tôi trong truyện ngắn Thư Từ Tuy Hòa của Cảnh Cừu giữa thời chiến tranh (1964), cũng có đoạn: “Anh có nói hồi đi ngang đó (ga Tuy Hòa – ghi chú của người viết) thấy người ta bán cục cơm vắt và cái đùi gà to tướng mười đồng. Sự thật cũng có như vậy anh à. Nếu anh muốn tôi ra ga mua gửi cho anh. Cục cơm đó không biết có ích dụng chi cho anh không, chứ ít ra nó cũng tố giác với anh vài điều về quê hương tôi... Sự nghèo khó đến gõ cửa thường xuyên, cơm thì gạo ít mà ngô khoai nhiều. Đậu mè, đậu phụng trộn với muối ran là món ăn đắt giá... Chắc khi đọc thư này anh có ăn cục cơm và miếng thịt gà tôi gửi theo thì dù cho cơm đã thiêu thiu, thịt gà đã dai nhách cắn không bẻ nhưng chắc cũng đỡ hơn cái sống ở đây nhiều. Nó là cái tinh hoa của xứ sở tôi đi du khách đấy” (Văn số 45).

Có lẽ, chính những năm tháng khổ khó, phải bấm bụng nhét bút giấy vào một xó để “chạy chợ” nuôi vợ con nên anh có thừa chất liệu để viết Dặm Trường (2). Chỉ mới chương đầu, đọc cảnh nhân vật Hạnh phải chịu để cho thằng tài xế đê ngựa trên cabin cũng đủ nhìn thấy cảnh đời ngang trái và tàn nhẫn, về thái độ của nhà văn trước thực tế xã hội đương thời mà nước mắt dâng cay nhiều như sông suối: “Trong bóng tối nhờ nhờ của buồng lái, nàng thấy bàn tay anh tài xế đặt lên bụng nàng. Bàn tay kia luồn vào ngực. Nàng lấy tay đè lên tay anh ta, giữ lại. Nhưng anh ta dùng một tay giữ chặt tay nàng, còn tay kia tiếp tục sờ soạn. Tay chân anh tài xế bây giờ như những gọng kềm siết lấy nàng. Hàng nút áo bung ra. Sức nàng yếu dần, ý chí chống cự tan biến. Nàng loay tay, người mềm đi, phó mặc... Nàng đột ngột cắn vào vai anh tài xế. Nụ cắn sâu, sâu thắm... Trong ái ân, Lục điệu nghệ, nhẹ nhàng, tỉ mỉ. Như một bài học thuộc lòng, bao giờ anh cũng đi từng bước một, cẩn thận, cố gắng không bỏ sót một chi tiết nào. Dù có nhẹ nhợt, quá chén hoặc có xa vắng nhau lâu ngày, anh vẫn thế, từ đầu chí cuối. Người đàn ông này khác hẳn. Hấn hập tấp, cuồng bạo. Nàng khẽ thở dài, than thẳm, mình hư quá, hư thật rồi. Trong thoáng chốc, mọi chuyện lật qua một trang khác...” (Dặm Trường, trg 22).

Đọc lướt Dặm Trường của Trần Doãn Nho, tôi mãi ám ảnh về đoạn này. Anh không nói về sex, về dục tính như Nguyễn Mạnh Côn đã viết trong Tình Cao Thượng: “Vi, như em đã nói với anh, Tư Giản làm cho em hoàn toàn thỏa mãn. Cũng in hệt như đối với anh, lúc rung động của y lên đến tột độ thì rung động của em cũng lên đến tột độ... trong mọi cuộc giao hoan, chính người đàn ông mới là phương tiện!” (Tình Cao Thượng, trg 88 và 104) mà mặt nào đó, anh muốn dựng lại thực trạng xã hội thời đốn mạt và bi thương nhất của con người (VN). Những người dân vốn lương thiện đã bị “lịch sử” biến thành những tên lưu manh về phẩm giá, đạo đức, cách sống... mọi mặt. Không viết trực tiếp, nhưng qua các nhân vật, những cảnh đời một thời đã bị phủ bóng đen u ám, anh đã vẽ nên một phần “đồ vỡ” dưới chế độ hoang dã và hoang tưởng. Và, chữ nghĩa buộc phải “mửa” lên mặt chúng, là theo cách tôi nghĩ, cảm!

Sau khi phát hành Thư Quán Bản Thảo số 63, Trần Doãn Nho có thư hỏi tôi có còn Văn số 129, nếu còn giữ được sao cho anh 1 tập. Tôi hứa sẽ cố gắng, vì trong tủ sách không còn số này. Tôi chạy xuống thị xã, hỏi vài người bạn, ai cũng lắc đầu. Nhưng rồi cuối cùng cũng tìm ra được nơi người bạn vong niên. Tôi vội vã mang đi photo rồi tìm cách gửi qua cho anh. Khi nhận được anh viết thư cảm ơn rối rít, vì theo anh, bài viết về Y Uyên là bài đầu tiên anh viết về phê bình văn học, nó là kỷ niệm khó quên, bởi sau khi đăng bài viết này, ông Thư ký tòa soạn Văn Trần Phong Giao có nhã ý mời anh cộng tác thường xuyên về phê bình, biên khảo... cho Văn và Tân Văn. Cách đây mấy tháng, tình cờ tôi đọc ở đâu đó trên một trang mạng, có đoạn anh viết về tờ Văn photo này, đại ý nhờ NgLu photo gửi qua, nó còn đẹp hơn bản gốc.

Nửa năm 2015, Trần Doãn Nho về thăm quê nhà, từ Huế, anh gửi nhờ Viêm Tịnh tặng tôi quyển biên khảo *Ấn Dụ, Cuộc Phiêu Lưu Của Chữ* do Người Việt ấn hành. Thú thật, tôi phải mất đến 5

ngày vừa căng mắt vừa căng đầu mà đọc nhưng không “thấm” nổi. Sau Văn Việt post lại từng kỳ, tôi nhẩn nha đọc mới rõ được đôi phần, mở ra lắm điều thú vị mà bấy lâu cứ ù lì trong đống sách giáo khoa của các thầy bên Văn Khoa thời xa xưa. Tôi và Trần Doãn Nho, Trần Hữu Thực chỉ chừng ấy, không hơn.

Những năm gần đây, sức khỏe giảm. Hai ông bạn đốc tờ khuyên phải thuốc thang đều đặn, nghỉ ngơi, chớ suy nghĩ, chớ viết, đọc vừa vừa... tóm lại là phải tĩnh dưỡng, phải an nhiên, tự tại, tốt nữa là thiên định, quán niệm hơi thở... phải và phải... đủ thứ. Nghe thì nghe vậy, nhưng không bỏ được, vẫn cứ dòm ngó với chữ nghĩa, vẫn cứ mở máy và đọc. Và, tôi đọc văn chương của bạn quen, bạn dựng theo cách đó.

Với Trần Doãn Nho, Trần Hữu Thực cũng “nhẹ” như vậy. Mà kiểu đọc này, lại có nhiều cái hay khi ta từ từ không vội, để có thể nhận ra lắm điều bất ngờ. Ví như trong tùy bút *Nắng* trên trang mạng Da Màu. Chỉ có nắng thôi, một hiện tượng tự nhiên của thời tiết; vậy mà anh khéo léo và duyên dáng dẫn cái nắng ấy rong chơi khắp chốn: từ chỗ nhà quê qua thị thành phồn hoa, ngoài ngõ nhà anh phú nông đến sân nương nương quý tộc, từ âm nhạc qua thơ, qua cầu, qua sông suối, ruộng đồng, sa mạc... dẫn từ các ông nhà thơ, nhạc sĩ tên tuổi để tổng kết lại thành một thứ *Nắng* đa màu sắc, hương vị, biết đi đứng, biết hỉ nộ ái ố, có hình dạng mập ốm nghiêng thẳng điệu đà, là người yêu, kẻ thù, biết đi biết nằm, biết hờn dỗi... nghĩa là trên cõi đời này có bao nhiêu nguồn cơn có sự thì *Nắng* của anh đều có mặt, khi dịu dàng lúc hung tợn. Thích chí và đồng cảm, tôi gọi bà vợ nằm toong teeng trên chiếc võng gai đang đọc Già Sao Cho Sướng của ông đốc tờ Đỗ Hồng Ngọc. Dừng lại, nghe cái này. Tôi đọc hết tùy bút *Nắng*, cả hai vợ chồng già đều bật cười như được gãi ngứa: “*Vẫn còn đủ thời gian để nhà văn nhà thơ sáng tạo ra thêm hàng triệu thứ nắng khác nhau nữa để làm vui cuộc đời. Đây nhé: nắng trào, nắng tươi, nắng xanh, bẻ nắng, chôm nắng, bừa nắng, bắt nắng, trông nắng, gạt nắng, hái nắng, gọt nắng và thậm chí...liếm nắng. Đã có sân nắng, vườn nắng, rừng nắng thì chắc cũng phải có: ao nắng, hồ nắng, phố nắng và vũng nắng, hồ nắng. Đã có “nắng xiên vào nỗi nhớ” thì cũng sẽ có: nắng đêm, nắng chọc, nắng cắt hay nắng cứa...vào nỗi buồn. Đã có hạt nắng, vệt nắng sao lại không: viên nắng, hòn nắng, miếng nắng và ...cục nắng*” (<https://damau.org/archives/44610>).

Với truyện ngắn, tính ẩn dụ cao hơn; thường gây cho người đọc những ảo giác trên bề mặt văn bản, nghĩa là điều anh muốn nói đến không phải là những hàng chữ sắp hàng ngay ngắn trên trang giấy như hàng quân mà, phải tự lật ra phía sau, nó ẩn sâu bên dưới mới tìm ra “nhân dạng”.

Hầu hết những truyện tôi đọc được của anh luôn là những bất toàn, xung đột, mâu thuẫn, mắt mắt... xoáy sâu vào những “niềm đau nhức” về thân phận, quê hương phải đành đoạn bỏ lại phía sau cùng những giọt nước mắt chảy thắm (truyện nào cũng thấp thoáng, dẫu không có hình hài rõ ràng).

Một Chút Việt Nam như một điển hình cho cách phơi bày tâm trạng u uẩn của những con người “bị biệt xứ”. Từ đầu tới gần cuối truyện là cuộc gặp gỡ, trò chuyện qua lại giữa chàng thanh niên tên Hưng và cô gái tên Miên Tâm trên đất khách. Cô vượt biên theo dạng gửi kèm khi mới lên tám. Sống trên đất Mỹ cho tới lúc có chồng, cô không có một khái niệm nào rõ rệt về quê nhà. Cô bị những người thân, những bạn học đối xử khá tệ. Miên Tâm cô đơn và lạc lõng giữa những người không cùng màu da, ngôn ngữ, văn hóa...đến cuối cùng anh chàng người Honduras trở thành bạn rồi thành chồng cô. Cuộc hôn nhân với Garcia chỉ là cách trả ơn, cô giải thích: “*Em biết anh giận. Nhưng em nói thật, anh có quyền tin hay không tin. Em muốn yêu một người Việt Nam, nhưng em lại chẳng quen một người Việt Nam nào cả... Em đã trải qua tuổi thơ, mà người ta cho là đẹp nhất đời, không cha, không mẹ, không bà con, không bạn trai, không bạn gái. Em không biết yêu. Có ai đâu để em yêu!*”.

Gặp Hưng, cô như người chấp chới dưới làn nước lạnh ngắt, với được khúc gỗ mục. Cô thoát hiện thoát biến trước Hưng như một cái cờ để có thể người được chút mùi, *mùi Việt Nam!*

Đỉnh điểm của “chút mùi” ấy là cái đêm trước khi vợ chồng cô chuyển đi nơi khác. Cô đến phòng Hưng với những tâm trạng rối bời, những khao khát cháy bỏng “muốn yêu một người Việt Nam nhưng không quen ai là người Việt Nam cả”. Đích thị là cô chơi vui với tuổi thơ đã mất như cô đã mất quê hương, gia đình, người thân yêu từ tuổi ấu thơ. Và Hưng là hiện thân của sự mất mát-đang-được-nhìn-thấy. Hành động của cô là muốn kiếm tìm cái đã mất, *một chút, một chút* thôi : “*Anh chưa kịp phản ứng gì thì nàng đã vật anh xuống giường, hôn tới tấp. Nàng cắn. Nàng liếm. Nàng rờ rẫm. Hơi thở nàng nóng hổi. Anh nghe mùi tóc, mùi nước hoa, mùi da thịt nàng tràn trề trên người. Những nụ hôn và những ngón tay. Nàng thành thạo. Dữ dội. Cuồng nhiệt. Đắm đuối. Anh đỡ đỡ, run rẩy, bàng hoàng, không biết phải làm gì. Tóc nàng rối tung. Cái áo ngủ gần như tuột hẳn xuống...Hưng, em muốn một kỷ niệm Việt Nam. Đừng trách em, tội nghiệp. Em muốn ... em muốn ... một chút mùi ... mùi Việt Nam. Em muốn ... enjoy a little taste of Vietnamese ... Một chút hương ... Việt Nam, một chút ... một chút ...Anh chồm lên người nàng. Như một con thú hoang. Không còn là một Hưng e dè, thận trọng nữa. Không còn Miên Tâm. Không còn Garcia. Không còn trời. Không còn đất. Hai sức trẻ quần vào nhau như chưa từng. Một lần. Chỉ một lần thôi. Căn phòng rung rinh. Chao đảo. Từng hồi. Và rồi tất cả lắng xuống. Hai người nằm lặng lẽ nghe hơi thở của nhau”*. (http://www.hocxa.com/Truyen/MotChutVietNam_TranDoanNho.html).

Truyện khép lại ở đây. Có thể người đọc sẽ lầm tưởng dực tính là có thật ở truyện này, vì trước đó ít phút, Miên Tâm đã tâm sự với Hưng: “*cái kiểu make love của Garcia ... ghê quá!... Ghê quá là dữ dội ... là ... Garcia đêm nào, ngày nào cũng bắt em xem phim sex, rồi thì là ... dày vò em, bắt em chiều ... đủ kiểu. Em sợ ...*”. Nhưng tôi nghĩ rằng, Trần Doãn Nho không hề viết về dực tính. Giây phút “hai sức trẻ quần vào nhau như chưa từng” chỉ là cái có. Bởi truyện này anh viết năm 1995, chỉ hơn hai năm, sau khi anh phải rời bỏ Việt Nam, mang theo quê nhà trong nỗi nhớ ngất ngỏi. Vậy thì anh nhắm tới điều gì? Phải chăng những hoan lạc và rung động mà họ tìm thấy của nhau, chính xác là với Miên Tâm nhiều hơn, là những cảm xúc thông qua thân xác để chụp nắm về một quê hương đã mất? Cô đã nắm giữ được hình ảnh quê hương trong thoáng chốc với người bạn trai trên giường...Quanh không gian hẹp đó là cánh cửa mở rộng để có thể nhìn thấy những góc rạ vừa gặt, là mùi khói đốt đồng, mùi cá lóc nướng trui, là hương vị ngọt chát của trái bần quệt mắm tép rong, cá tràu kho nằm cong trong om đất...? “*Nghe hơi thở của nhau*” có lẽ là nghe lại hương vị quê hương đã mất sau cuộc “*bỏ phiếu bằng chân*” của hơn 2 triệu dân miền Nam!

Trong Vết Xước Đầu Đồi trên Da Màu và Diễn Đàn Thế Kỷ số tháng 7/2017 được Văn Việt đăng lại trong chuyên mục Văn Hải Ngoại sau 1975 (kỳ 68), với nội dung khá đơn giản: Tâm bị tù cải tạo được thả về, đến ở nhà mẹ con Ánh trên dưới 1 tháng, bởi trước khi là “lính ngục” hai người đã yêu nhau, nhưng không lấy được nhau. Ánh lấy chồng để trả thù Tâm, chồng chết do tai nạn máy bay. Bữa nọ hai chú cháu đi chơi, về trễ (tối), Ánh “tra hỏi” với con gái và với Tâm, người yêu cũ. Cú “tra gạn” kia hình như làm tổn thương khá nhiều đến người gạn hỏi là Ánh. Motif truyện không mới, chủ đề không lạ. Trước năm 1975, chuyện chú cháu, rung động đầu đời yêu thương, nhớ nhung sương khói... đã được các nhà văn khai thác đến tột đa, nơi đón nhận và tập trung là tuần báo Tuổi Ngọc của Duyên Anh. Và tiêu biểu cho loại truyện này là Hoàng Ngọc Tuấn với Ở Một Nơi Ai Cũng Quen Nhau, Cô Bé Treo Mùng, Buổi Chiều Hạ Lan, Hình Như Là Tình Yêu... trở thành loại sách luôn nằm trong cặp sách vở của các cô cậu lứa tuổi “Ô Mai”. Nếu như Vết Xước Đầu Đồi bị “rơi” vào tay các nhà văn theo trường phái lãng mạn hay feuilleton trước 75, chắc chắn sẽ mùi mẫn như Bên Dòng Sông Trẹm của Dương Hà, Chú Tư Cầu của Lê Xuyên hay hàng loạt tiểu thuyết của bà Tùng Long...Nhưng với Trần Doãn Nho thì khác hẳn, bởi tầm vóc của truyện “to lớn” hơn theo cấu trúc ngôn ngữ bình dị với những ẩn dụ vừa đủ để người đọc không dụng công suy nghĩ, mò đoán nhiều; cũng không đưa đẩy đến suốt mướt, éo le... nhưng có cái gì đó nhột nhạt, ngứa ngứa tận chân tóc như khi ta nhai phải trái ớt hiểm cay xè; không chảy nước mắt, nhưng mọi chân tóc đều từng từng dựng lên!

Ngay ở đoạn hai chú cháu quay về, nhà văn đã khéo léo phối một gam màu hoàn hảo lúc hoàng hôn, tạo thành vẻ hư hư thực thực trong thứ ánh sáng nhập nhoạng, để độc giả có thể hiểu được cái “nhập nhoạng” ấy ở cô bé và mẹ cô. Trước hết là vật thể có thật: bóng tối vừa đủ, ánh sáng vừa đủ để có thể nhìn ra “*dáng cao lớn, chênh vênh như muốn ngã về phía trước*” của chú Tâm và cảm giác “*cả một khoảng trời chao đảo theo bước chân chú*” của Lan. Bức tranh này là của cô bé vẽ nên bằng những cảm nhận từ đáy lòng qua bàn tay nhào nặn của nhà văn. Toàn cảnh trong bức tranh là sự so sánh có cảm giác của Lan tưởng có thể cầm nắm được trong tay: “*Nắng tắt. Cả vùng ngoại ô lặng xuống. Cây cối như kết vào nhau thành từng chòm, rải rác. Hai người im lặng bước đi. Lan cố đi chậm lại đằng sau. Tự nhiên, cô cảm thấy bối rối. Chú Tâm bước, dáng cao lớn, chênh vênh như muốn ngã về phía trước. Lan có cảm giác như cả một khoảng trời chao đảo theo bước chân chú. Chú, đàn ông trông vững, lớn và đáng tin cậy. Khác với mẹ. Mẹ bao dung, chu đáo, nhưng có cái gì không ổn. Bao giờ mẹ cũng thu vén, tém tùm, tránh trút. Mẹ ngăn, mẹ chặn. Trước và sau. Mẹ sợ mọi thứ. Mẹ đúng, dĩ nhiên. Nhưng Lan buồn*”.

<http://vanviet.info/van/van-hai-ngoai-sau-1975-ky-65-tran-don-nho-vet-xuoc-dau-doi/>

Sự “giam cầm” tình cảm của mẹ lúc dạy dỗ con gái về người đàn ông, tất cả những người đàn ông khiến cô cảm thấy chơi vơi lúc bên chú Tâm: “*Lan cắn môi. Cô muốn khóc. Trời sẫm. Đường vắng. Cô bỗng muốn ngã vào lòng chú Tâm. Nhưng cô giật mình, nhẹ gỡ bàn tay thô nhám của chú Tâm vừa đặt lên bàn tay nhỏ nhắn của cô. Mùi áo quần từ nơi chú Tâm tỏa ra khiến cô ngáy ngáy. Cái mùi lạ hoắc! Thơm không thơm, hôi không hôi, lại nồng nồng. Cô bồn chồn, lạc dạ, quay mặt đi chỗ khác*”.

Suốt đọc câu chuyện, cứ nghĩ nhà văn tạo ra cô bé và Tâm là hai nhân vật chính. Nhưng thật ra, nhân vật dẫn đến mọi cơ sự lại là Ánh, mẹ cô bé. Đó mới là nhân vật trung tâm, xuất hiện gần cuối để đưa câu chuyện thành cao trào, có kịch tính: “*Đời mẹ đã khổ vì đàn ông, con biết không. Đàn ông không có gì đáng tin hết. Họ luôn luôn phỉnh phờ, lường gạt. Họ không hề biết yêu như đàn bà. Có họ mình cũng khổ, mất họ mình cũng khổ. Mẹ không muốn con gán đàn ông vì không muốn con khổ, con hiểu chưa?*”

Tất nhiên cô bé đã hiểu qua lời mẹ: “*Một chút gì tái tê, một chút gì đắng đắng, nghèn nghẹn của mùi vị cuộc đời lan vào trong cô. Chỉ là một vết xước. Vết xước đầu đời, nhẹ nhưng buốt. Cô chợt nhận ra một mẹ khác, một mẹ lạ hẳn, một mẹ cô chưa hề biết, chưa hề thấy. Và cô, cô cũng khác. Cô trở thành một người khác*”.

Thành một người khác bỗng trở nên đậm hơn lúc nhìn thấy cái áo của chú Tâm bỏ quên, “*Lan chợt nhớ đến mùi đàn ông phảng phất đâu đây*”.

Tâm chỉ là cái cớ cho Ánh nhớ lại 20 năm về trước và cũng là cái cớ cho cô bé Lan ngập ngừng với cái *mùi đàn ông phảng phất đâu đây*. Người đàn ông xuất hiện đúng lúc và ra đi đúng lúc để lại cho hai mẹ con, mỗi người một tâm trạng khác nhau.

Gấp lại truyện, tôi có thêm cảm giác nhồn nhột, cằn cào gai gai trong đầu giống như cảm giác cánh tay vung ra, đụng phải dề gai bàn chải non!

Nhưng đến Bữa Ăn (<http://vanviet.info/van/bua-an/>) thì không còn cảm giác bàn tay chạm phải “dề gai bàn chải non” như các truyện khác mà, tựa như có hàng trăm ngàn mũi kim nhọn xoáy vào tận tim gan. Hơn 10 trang viết hiển hiện tràn đầy nỗi thống khổ, đau đớn, quặn thắt... đến tận cùng của một kiếp người trong một xã hội đốn mạt nhất. Sự đốn mạt ở Lâm Đĩ, Số Đỏ của Vũ Trọng Phụng thời Pháp thuộc, không thấm vào đâu so với thời mạt pháp trong xã hội cùn mạt ở truyện này. Cảnh người cha (từng là ông giáo làng, dẫu là ông giáo Ấp Tân Sinh thời Việt Nam Cộng Hòa) phải ngồi nhìn những đứa con bán tròn nuôi sống cả gia đình với nỗi-hân-hoan-đau-xé, với những tê-điêng-cam-chịu diễn ra hàng ngày trước mắt ông và vợ như những ngọn roi vô hình đập nát những ai còn lại chút lương tri: “*Ông nhấp một hơi rượu, rùng mình. Ông nhìn quanh. Ôi, những rượu, những trà, những đồ ăn, thức uống, những cột kèo, cửa sổ, cửa lớn, bàn ghế, áo quần, và chính cả thân xác ông, tâm hồn ông bây giờ đều xuất phát từ thân xác mấy đứa con gái. Ông cảm thấy lợm giọng, buồn mửa. Hai mắt mờ đi. Trong thoáng chốc, ông bỗng nhìn*

thấy đồ đạc trong nhà, hết thấy đều uốn éo, quần quai, lẩn lộn. Bộ xa lông biến thành con Loan, cái tủ lạnh biến thành con Dục, tủ áo quần biến thành con Lài. Chúng trần truồng, hoang hóa, chịu đựng và thăm thương vô cùng tận. Chúng giương mắt nhìn ông ngỡ ngác, bất lực”.

Cả truyện, từ đầu đến cuối, Trần Doãn Nho không hề có một từ nào đồ lỗi, anh chỉ dựng lên một sân khấu nhỏ (nhưng lại là biểu tượng vô cùng to lớn cho xã hội hiện tại) là vợ chồng cha con ông Tám. Cả 6 người đều nhập vai và vai nào cũng tròn trịa làm “rúng liệt” mọi chân tơ kẽ tóc người đọc! Truyện không kể lể, chỉ thủng thẳng mô tả những sự việc và sự vật từ từ diễn ra trước mắt có lớp lang, thỉnh thoảng chen ngang những suy nghĩ, dẫn vật nội tâm nhân vật. Chừng đó thôi, nhưng từng con chữ làm nhói đau tận xương tủy người đọc. Gia đình gồm 6 con người khốn khổ và khốn nạn đó là bộ mặt xã hội hiện tại được Trần Doãn Nho thu nhỏ lại. Tất cả họ đều phải chịu đựng và chấp nhận, xem như là chuyện bình thường hàng ngày, không có gì ghê gớm khiến phải “nôn mửa”.

Anh phác họa các nhân vật của mình qua vài nét ký họa nguệch ngoạc và những nhân vật đó y như mẫu đất sét bộn trẻ con nặn con trâu, con vịt, chiếc xe... là những chiếc mặt nạ biết đi đứng, nói năng:

Thằng Vụ: “... *tặng sáng là thức dậy đi. Với đôi dép nhựa cái bần, đứt quai, bộ đồ lính bạc màu, chiếc mũ lưỡi trai, hắt lang thang đầu đố suốt ngày trong mấy cái chợ, khu bến xe, trên đường phố, khi thì giả què, khi thì giả bệnh để xin xỏ, và tìm mọi sơ hở của người ta để chụp giựt, chôm chĩa”.*

Còn ba cô con gái: “*suốt ngày chỉ lo chuyện phấn son, lựa là. Các cô tĩa lông mày, nhổ lông nách, hoặc chăm chút hết bộ áo quần này này sang bộ khác. Khi áo dài, khi áo đầm, khi đồ bộ. Đủ dạng, đủ loại. Khách vào, khách ra. Những ông ọ, gạ gẫm, trả giá, vỗ mông, sờ ngực, cưỡi cọt”.*

Ông Tám, người chủ gia đình như một khán giả (bà vợ chỉ là cái bóng, thui thủi, cam phận “*ăn nhẩn, nhịn nhục*”), hàng ngày phải nhìn các hoạt cảnh trên bằng những tâm trạng khác nhau: “*Người cựu giáo viên áp tân sinh cứ thế, nhìn mọi sự diễn ra trong nhà mình hàng ngày như xem những màn biểu diễn trên sân khấu*”. Đôi lúc ông lại cay đắng, chua chát: “*Biết thế này, để thêm chực đũa nửa để đáp ứng nhu cầu... Những căng thẳng, đau khổ lúc đầu, chịu riết rồi cũng nguôi ngoai. Dẫu vậy, không có khách thì thôi, hễ có khách mang đi một cô, lòng ông lại nhói lên một chút. Ông cảm thấy đau tê tê ở một nơi nào đó trong người, khi ở bụng, khi ở ngực, khi ở trong đầu”.*

Để cho màn kịch có thêm mùi vị đắng cay, Trần Doãn Nho thêm vào hai vai phụ, không lờ mờ mà sáng lóa thời đại ma quỷ, ngay ở tầng-sâu-địa-ngục-dương-gian: Một anh công an khu vực đến “*thu hụi chết*” và một ông cán bộ tập kết đương chức trưởng phòng thương nghiệp huyện tuổi bằng cha ba cô gái. Một người thì hàng tháng *thu giá* bán thân của ba cô, người kia thì gạ tình. Bữa Ăn chính là những tan nát của bộ mặt xã hội hôm nay. Bộ mặt ấy không như chapeau của Văn Việt: “*Khi người chủ gia đình/người cha, đã không thể bảo vệ và che chở con cái, phải để chúng lao ra đường kiếm tiền theo cách đó mà không còn thấy đau khổ, nó bộc lộ một sự thật: khi gia đình rã tan, xã hội cũng sẽ rã tan...*”, bởi gia đình rã tan chỉ là hiện tượng phơi trần bản chất xã hội đã mục ruỗng, rã tan!

*

Trong bài Tạp Ghi Tháng Tư: Vết Thương, Trần Doãn Nho viết: “*Trong đời tôi, tính ra, tôi trải qua ...bốn lần chạy. Mỗi lần chạy là một kinh nghiệm rất riêng*”. Rồi anh kể lại kinh nghiệm bốn lần chạy đó, lần lượt từ thời bé con khi Việt Minh nổi lên tổng khởi nghĩa năm 45-46, chạy Mậu Thân, chạy Mùa Hè Đỏ Lửa và chạy dài... theo chiều dài trên phần đất bên này vĩ tuyến 17, lần cuối cùng, 30/4. Bốn lần chạy là chạy trốn cộng sản, những con quái vật hình người!

Cảnh chạy lần đầu khi còn là bé con: “*Thay vì chạy và đi, thì tôi được gánh. Tôi một đầu, ngồi trong thúng. Đầu kia là một ít gạo và đồ đạc. Cứ thế, mẹ, chị và anh tôi thay nhau gánh, theo đoàn người, tản cư về một nơi vô định*”.

Cảnh chạy tết Mậu Thân: “*Cả gia đình tôi dắt díu nhau, không chỉ chạy, mà là chui, rúc, lẩn, trốn từ vùng bộ đội Cộng Sản chiếm đóng về vùng quốc gia. Đoạn đường không dài, chỉ 5,7 cây số nhưng là một biên giới sinh tử*”.

Rồi đến Mùa hè đỏ lửa: “*Kinh nghiệm Mậu Thân đã mang cả Huế ra đi. Ngay lập tức. Không chần chừ. Không đắn đo. Không tiếc nuối. Khi nghe tin bộ đội Cộng Sản vượt sông Bến Hải, là Huế đã bắt đầu chạy. Hối hả chạy, bằng mọi cách, mọi giá. Mang được gì thì mang, không mang được thì bỏ lại*”.

Và 3 năm sau, khi miền Nam bị xoá sổ: “*Chạy. Hết còn chạy được là chạy. Đi bộ, đi xe, đi thuyền, đi tàu, đi máy bay, đi, đi, đi, đi đâu, miễn là thoát khỏi Cộng Sản. Chạy: biết bao thảm cảnh, nhất là thảm cảnh thuyền nhân rúng động thế giới. Chạy: một cuộc “bỏ phiếu bằng chân” vô tiền khoáng hậu*”.

Lần chạy nào cũng có nước mắt thậm chí cả máu... của những người dân vô tội. Anh lợn tợn kè, độc giả vừa đọc vừa ngấm lại bản thân và cả thể hệ của mình phải gánh chịu quá nhiều đau thương tang tóc qua những biến cố trên. Ở lần chạy “*bỏ phiếu bằng chân*” cuối cùng: “*Lần này, ra đi, trong thâm tâm, ai cũng đau đớn nghĩ rằng: Huế sẽ mất vào tay Cộng Sản. Thành thử, chạy là chạy...luôn, không bao giờ trở lại. Là bỏ Huế. Bỏ Huế! Chao ôi, hai chữ “bỏ Huế” nghe như nhát dao đâm ngay giữa trái tim. Nhưng làm sao được. Đành thôi, Huế ơi*”.

(<https://damau.org/archives/49337>)

Anh ghi lại từng chi tiết nhỏ của những lần “chạy” nó trung thực đến độ tàn khốc, đến nỗi người đọc cảm thấy tim như bị bóp nghẹt, bầm nát: “*Chao ôi, những người lính! Trong lúc cả nước miền Nam chạy thực mạng, chạy hốt hải, chạy trốn chết...thì nơi đây, vào những giây phút cuối cùng của cuộc chiến, những người lính nhảy dù này vẫn cứ làm nhiệm vụ, sẵn sàng chiến đấu, như...bình thường. Cũng như tôi, nhất định họ biết rằng Sài Gòn sắp mất. Nhưng họ vẫn ở đó, cảm sung canh gác. Tôi bước tới, muốn làm một cử chỉ biết ơn, nhưng anh bạn tôi cản lại. Tôi vẫy tay. Một người lính vẫy tay lại. Trong nháy nhem tối, nhìn nhau ngậm ngùi. Đọc lịch sử, những tướng chuyện phé hưng chỉ là của ai đó, thế mà bây giờ, mình ở trong cuộc!*”.

Những ngày cuối cùng này, anh đang ở trong cuộc... Tất cả mọi người dân miền Nam đều ở trong cuộc. Và thầy đều đều nát tan sau cái ngày khốn nạn nhất của lịch sử! Dân tộc Việt Nam tiếp tục chạy kể từ buổi bình minh lịch sử; chạy từ bờ nam sông Dương Tử dạt mãi xuống phương Nam... mà chưa hết! Sẽ còn những “Thủy Mộ Quan” cho dân tộc này sao? Đọc đoạn cuối anh viết về cái vẫy tay của mình với người lính nhảy dù đang trong tư thế chiến đấu ở giờ phút cuối cùng trên đường phố Sài Gòn, tôi bật khóc thầm, bởi những ngày cuối cùng đó tôi cũng dáo dạt trên các ngã đường Sài Gòn hy vọng tìm thấy cha mẹ và hai đứa em bắt đầu lưu tán từ Tuy Hòa trước đó! Còn gì bi thảm hơn không? Và có lúc nào đó, những người dân chạy giặc kia tự hỏi: Tại sao khi chỉ mới nhắc đến hai chữ cộng sản thôi là mọi người đều phải bỏ chạy, chạy bán sống bán chết; biết chạy là chết mà vẫn cứ chạy. Ôi, họ mỉm cười chọn cái chết thay vì chọn cộng sản! Anh gọi cuộc chạy cuối cùng của dân miền Nam là cuộc “*bỏ phiếu bằng chân*”, một cụm từ đã lột tả đầy đủ và chính xác mà từ trước tới giờ tôi mới thấy, tuy có nhiều nhà văn nhà báo cũng viết về cuộc tháo chạy này, nhưng chưa có từ nào nói lên tính chất bi thảm của dân tộc Việt Nam như *một cuộc bỏ phiếu bằng chân* của anh!

Từ những gì đọc được, tôi trở thành “bạn” trên từng trang viết của anh lúc nào không hay, chẳng qua vì cách viết của anh rất đời thường, gần gũi mùi khoai sắn trên từng góc phố, ngọn gió, giữa đẹp và xấu, giữa những giằng xé nội tâm, giữa những xô đẩy té nhào và đứng lên. Cách viết ấy, với nhiều thể loại khác nhau, tôi ví anh như người dẫn nắng đi chơi khiến ai cũng ngấm nhìn cái sự lạ lùng này: hân hoan và đắng cay, hạnh phúc và đau khổ, thiên đường và địa ngục, lấp ló những thống hận. Vậy đó, như Nguyễn Mộng Giác từng viết về anh: “*anh thích đặt nhân vật vào những cảnh ngộ thử thách, và cách nhân vật ứng xử với những thử thách ấy rất “người”, nghĩa là chệnh vênh giữa tốt và xấu, yếu đuối mâu thuẫn nhưng vẫn có đủ nghị lực để chấp nhận bất*

hạnh và thích nghi với đời sống". (<https://nguyenmonggiac.com/phe-binh/508-vet-xuoc-dau-doi-cua-tran-doan-nho.html>)

(Quê nhà tháng 9/2018)

*Ghi chú: bài viết theo yêu cầu của tạp chí Thư Quán Bản Thảo số 82 chủ đề nhà văn Trần Doãn Nho, đã được nhuận sắc tháng 10/2018.

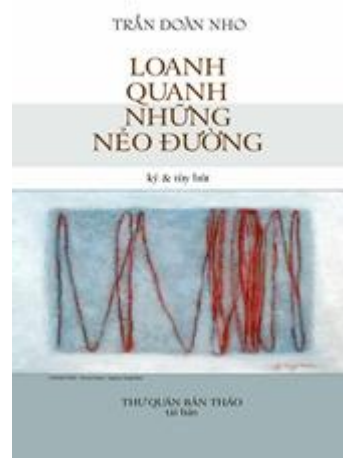
(1) NXB Lao Động & TT VH Ngôn Ngữ Đông Tây, HN, 2012)

(2) Dặm trường, TÂQ, HK, 2018

Nguyễn Lệ Uyên

©T.Vấn 2018

Phụ đính:



Ngút ngàn

Qua khỏi khu phố chợ khá rộn rịp của vùng ngoại ô, và cái đồn lính có thép gai rào chằng chịt, xe dò bắt đầu đổ dốc. Hai bên đường, nhà cửa đã bắt đầu thưa thớt. Những đồi thông xanh xuất hiện trong tầm mắt. Xuống hết dốc, xe lại nặng nề lên dốc. Buổi chiều không nắng, rơi mênh mang trên cây lá, trên con đường vắng lặng. Phía xa, rừng núi xanh um, mập mờ, ẩn dấu. Nguyên ngồi thật im, trí nhớ thả lỏng, bay đầy những hình ảnh mơ hồ. Ngày tháng dồn lại trong một quá khứ chơi vơi, nhạt nhòa. Tỉnh thoảng, Nguyên kéo cổ áo lên túm lại ở đằng trước. Mấy ngày trở lại đây, trời không mưa, mặt trời có lúc lấp ló, nhưng cái lạnh cắt da cắt thịt vẫn còn thấp thoáng đâu đó, ngầy ngấy. Những người ngồi trong xe chừng như đều muốn ngồi khít bên nhau, lặng lẽ. Bên ngoài cũng lặng lẽ. Con đường về vùng núi lên dốc xuống dốc chập chùng. Buồn. Những ngày cuối năm dễ mang lại thứ cảm giác xao xuyến kỳ quặc. Nguyên cúi xuống, tần mẩn lấy guốc chà nát mấy cái vỏ đậu phụng dưới sàn xe. Lúc ngẩng lên, Nguyên bắt gặp nụ cười của người đàn bà ngồi ở hàng đối diện. Tự dưng, Nguyên cũng mỉm cười. Xe đến một ngã ba, xe queo về phía mặt. Đàn Nam Dao quanh quẽ. Con đường ở bên kia dẫn về dòng Thiên An, vắng thật vắng. Những cây thông xanh ngát đã xuất hiện hai bên đường. Những người trong xe thò đầu nhìn ra ngoài, chỉ trừ người đàn bà trước mặt Nguyên vẫn ngồi im. Khi bà ta đưa tay sửa lại đầu tóc, Nguyên mới để ý thấy vành khăn tang trắng quấn trên đầu, ẩn sau chiếc khăn choàng ấm. Thấy Nguyên nhìn chăm chú, người đàn bà lại cười, nụ cười nửa như có vẻ tự nhiên nửa như muốn tạo một thân mật. Chợt Nguyên thấy thông cảm sâu xa nụ cười là lạ đó. Nguyên muốn

hỏi người đàn bà một câu, nhưng lại thôi. Nguyên kéo cổ áo lên nhìn ra ngoài. Sương mù loang loáng ở đám thông xa. Những con đường mòn đất đỏ ngoằn ngoèo, lạnh tanh, dẫn xuống những căn nhà đầu ở phía dưới, khuất sau cây lá. Sao buồn quá thế này!

Xe bắt đầu đến một khoảng đường bằng. Mấy căn nhà ở bên đường mới sơn phết lại. Sửa soạn làm gì ở những vùng vắng vẻ như thế này nhỉ? Người tài xế chột nói lớn:

- Gần đến cầu Lim rồi. Có ai xuống cầu Lim không?

Nguyên hơi giật mình, đưa tay vuốt lại mái tóc và cầm cái xách ny lông, nhìn phía trước. Người đàn bà lại nhìn Nguyên cười lặng lẽ. Nguyên nói:

- Cho tôi xuống đây.

Nói xong, Nguyên hấp tấp đứng dậy, nhìn người đàn bà cười nhẹ tỏ ý chào. Khi Nguyên bước đến gần, người đàn bà hỏi:

- Cô đi thăm mộ ở đây à?

Nguyên dạ thật nhỏ. Xe ngừng. Nguyên quay lại hỏi người đàn bà:

- Rửa bác cũng đi thăm mộ?

Người đàn bà gật đầu, nói nhanh như thể đã muốn nói từ đầu:

- Thăm mộ đưa con tui. Hấn chết năm ngoái, chết mồng ba Tết.

Âm thanh nặng nề của chữ “chết” thoát ra từ miệng người đàn bà làm Nguyên chột rùng mình. Nguyên gật đầu chào một lần nữa rồi hấp tấp bước xuống xe. Xe từ từ chạy. Nguyên nhìn theo, thấy người đàn bà vẫn hướng về phía Nguyên. Nguyên ghé vào cái quán nhỏ bên đường mua mấy thẻ nhang. Bà cụ già nhìn chằm Nguyên:

- Đến bữa ni cô mới đi thăm mộ lặn?

- Dạ, mấy bữa trước cháu định đi, nhưng mà nghĩ phải lên đây, cháu thấy buồn quá mẹ à!

- Cô đi thăm mộ ai rửa?

Nguyên đáp nhanh như thật:- Dạ, cháu thăm mộ người anh bà con.

Bà cụ chép miệng nói tội nghiệp. Nguyên chào bà cụ rồi đi. Đến con đường mòn chạy sâu vào trong, Nguyên tần ngần bước chậm lại. Đến lúc này, Nguyên mới thấy lòng mình xao động mạnh. Lối mòn hoang vu này dẫn Nguyên vào nơi yên nghỉ của Xuân đó sao? Lối mòn quanh năm chắc chỉ ghi dấu những bước chân lạnh lùng, thẫm lặng. Lối mòn đưa mỗi người đến những gặp gỡ không hình không dáng, đến những thổn thức ú trào. Có ai rình rập quanh đây không? Có biến cố nào chột xảy ra làm nổ bùng cái khung cảnh câm nín vô lý này? Nguyên hoang mang nhìn quanh. Cây lá lay động. Một tiếng súng có thể bắt chột nổ lên hay một bóng người lạ hoắc có thể xuất hiện bất thần sau đó với đôi mắt dọa nạt? Nguyên bản khoăn nghĩ tại sao không rủ thằng Thắng đi, tại sao Nguyên lại nhất định đi một mình. Buổi hẹn hò này đâu ngại sự có mặt của người thứ ba! Vì người thứ hai vốn chỉ là một đôi đất nhỏ bé, tròn trĩnh và những hòn sỏi cọng với một hoài vọng mù mờ. Đôi mắt cay cay, Nguyên đưa tay chạm mắt, bước nhanh. Người đàn ông già đang quét sân, nhìn thấy Nguyên, vội bỏ chổi đi ra. Ông ta lên tiếng:- Cô bữa ni mới lên thăm mộ há? Tưởng cô đi ở xứ mô rồi chớ. Cái mộ đó tui mới vun thêm đất hôm qua. Chà, mấy bữa trời mưa dầm, đất nó trôi hết. Cách đây chín mươi hôm, người nhà có lên thăm, thấy không có cô tui tính hỏi, mà quên mất.

- Dạ, cháu cảm ơn chú. Chút nữa, cháu ra nói chuyện với chú sau.

Nguyên bước đi. Qua khỏi cổng tre, Nguyên đã nhìn thấy ngôi mộ của Xuân nằm đó. Nguyên bàng hoàng. Những nắm mộ khác lạnh lùng, quanh quế, có nắm đã được vun quén lại, có nắm cỏ mọc xanh, chứng tích của sự bỏ quên, một bỏ quên tầm thường, vô tội mà buồn bã. Những ngọn cỏ nhỏ bé lay động ngu ngơ. Những sự sống nằm trên sự chết. Những khai sinh nằm trên cái tàn rữa, tiêu hủy. Những hiện diện vây phủ những vắng mặt muôn thuở. Sự nối tiếp tình cờ, hợp lý và khó hiểu. Nguyên dừng lại, đứng yên, mắt như mờ đi. Một lát, Nguyên mở ví xách lấy cái khăn tang trắng buộc quanh đầu. Em tầm thường như thế này đây Xuân. Em chỉ quấn khăn tang tại đây, với anh trong chiều nay. Trước khi đến đây, em đã giấu nó, vì em không muốn người ta biết là em đang nhớ anh. Và em sẽ bỏ vào trong ví khi em trở về. Nhưng khăn tang là gì

Xuân nhỉ? Nguyên bước về phía mộ Xuân, ngẫm nghĩ lang bang và lại gỡ vội chiếc khăn tang bỏ lại vào trong ví xách.

Đến trước mộ Xuân, Nguyên đặt ví xuống đất, ngồi trên tảng đá cạnh đó. Ngôi mộ chắc đã được người đàn ông đắp thêm đất, sửa sang lại. Ngôi mộ tròn trĩnh với những hòn đá nhỏ lẫn lộn trong đất. Trước đây nửa tháng chắc hẳn cỏ cũng mọc đầy trên đây như mấy nắm mộ đằng kia. Hôm trước, bên nhà Xuân có cho gọi Nguyên cùng đi thăm Xuân và “chạp mả” luôn, nhưng Nguyên từ chối, viện cớ bận. Nguyên chỉ thích đi một mình như thế này. Một mình để ray rứt nhớ tiếc. Một mình để tưởng tượng về một cuộc hẹn hò, dù là thứ hẹn hò mù mịt, quạnh quẽ.

Nguyên vuốt tóc ra sau gáy, nhìn sừng tấm một bia: Trần Văn Xuân. Trần Văn Xuân, tên anh đó hả? Anh đã mất hết, chỉ còn một cái tên cộng thêm vài giòng chữ ngày tháng sinh khắc sâu trong đá có tô thêm màu đỏ. Thế này sao? Trong trí tưởng Nguyên, Trần Văn Xuân trở về bằng một hình tượng nhòe nhoẹt. Nguyên cúi mặt úp trong lòng bàn tay, mơ hồ nhớ từng dáng nét của Xuân. Bàn tay Xuân cầm chặt tay Nguyên trong đêm tỏ tình đầu tiên gây cho Nguyên một cảm giác xôn xao kỳ quặc. Cảm giác đó giờ như trở lại trong Nguyên thật đầy. Bàn tay Xuân nóng ấm, có những đường gân xanh. Bàn tay đã thận trọng, dò dẫm trước khi nắm chặt bàn tay Nguyên đưa Nguyên đến tuyệt đỉnh xúc động. Sau giây phút đó, trên chiếc ghế đá mát rượi của công viên trước trường Đồng Khánh, Nguyên đã thực sự cảm thấy cuộc đời vừa bắt đầu, kỳ tuyệt như những vì sao run rẩy trong sâu thẳm của bầu trời đêm. Giờ còn gì nữa. Bàn tay đã rã rời thành những đốt xương khô vô nghĩa trong lòng đất. Cả những ngón chân, cả khuôn mặt, cả dáng nét, cả nụ cười, cả vòng tay ngọt ngào, thân thiết.

Hôm đào xác Xuân, Nguyên đã đứng lặng người chứng kiến sự rã rời đó. Ba người lính vừa xới một khoảng cỏ, Nguyên đã thấy một đôi giày ló lên. Có phải Xuân không hay một ai khác?

Nguyên vừa hy vọng vừa khản cầu hy vọng đó không là sự thật. Đến khi tấm thẻ căn cước, tấm khăn thuê có hai chữ XN, tấm hình Nguyên vàng vọt được lục từ trong túi áo của xác chết, Nguyên mới sững sờ, ngây ngất. Sợ Nguyên xỉu, người ta đã kéo Nguyên đi chỗ khác. Nhưng Nguyên không chịu. Nguyên đứng bên móng cầu tình bơ nhìn người ta đào xới. Mắt Nguyên mở thao láo nhìn người ta moi xác Xuân lên. Bên chiếc giày và bộ đồ lính, không có Xuân. Chỉ có cái đầu lâu với những lỗ hồng, những xương tay, xương chân, xương sườn... Người ta lần lượt rũ trong bộ đồ lính ra những khúc xương lì lợm, đen đũi rồi gói từng cái một vào trong những tấm giấy trắng. Nguyên lạnh lùng, bình thản đến mất cả cảm giác. Nguyên nghe như có những âm vang xa xăm vọng lại trong đầu. Trời ơi, Xuân đó sao? Xuân vụn rời, tàn rữa, rụng rời. Nguyên đứng vòng tay lại. Tâm hồn Nguyên như bay chơi vơi ở một không gian mù mịt nào. Mắt Nguyên ráo hoảnh như chưa hề có nước mắt. Có tiếng réo gọi thảng thốt xa xăm từ một nơi nào vọng lại. Nguyên choáng váng cả người. Đốt xương của Xuân được bọc lại bỏ vào hòm và được khiêng lên chiếc xe quân sự. Một lá cờ phủ lên. Nguyên thần thờ leo lên xe, mắt đăm đăm nhìn về một phía và không thấy gì hết.

Nguyên ngẩng mặt lên. Nước mắt đã nhòe. Hai bàn tay đã ướt. Nguyên lấy khăn chấm nước mắt. Chiếc bia mộ với những giòng chữ son đỏ nhẩy múa, buồn thiu. Nguyên lấy mấy cây nhang đốt lên cắm trước một Xuân. Mùi hương thoang thoảng và làn khói quyện tròn làm Nguyên bình tĩnh lại. Nguyên nhìn quanh. Trong đám lau sậy bên kia, có khuôn mặt nào đang ẩn dấu nhìn Nguyên không? Buổi chiều thật lạnh trên khu nghĩa trang. Nguyên kéo cổ áo lên lên và chột rùng mình. Nguyên lấy tấm ảnh chụp bán thân Xuân ra nhìn ngắm. Nhìn ảnh, nước mắt chảy dài trên má Nguyên. Đôi môi của Xuân có vẻ như muốn cười với Nguyên. Đôi mắt Xuân tinh nghịch. Tường Nguyên. Tường Nguyên... Nguyên nhắm mắt lại, úp hình Xuân giữa ngực. Âm thanh réo gọi trong Nguyên, chập chùng, thảm thiết. Âm thanh như toát ra từ một cõi im vắng, khô cằn. Buổi sáng trông anh trên đường. Buổi chiều chờ anh trước cổng trường. Hôm nào giận anh, em bỏ đi trước. Tiếng gọi của anh ở sau buồn rầu, ân hận. Nguyên. Tường Nguyên. Không, em không nghe đâu, anh phải đến năn nỉ, van lơn em mới chịu. Tối mùng một Tết, anh còn đến nhà năn nỉ gọi Tường Nguyên, Tường Nguyên đừng giận anh nữa. Phải chi tối đó, anh khoan về! Phải chi anh đừng vội vã nghe lời kêu gọi của họ mà mặc áo quần đi trình diện!

Nguyên buông lỏng tay. Tấm hình Xuân rơi xuống đất. Nguyên lượm lên bỏ vào trong ví. Những cây nhang đã cháy gần hết. Nguyên đứng trước mộ Xuân chấp tay vái, rồi yên lặng. Bộ quần áo đen của Nguyên hiện rõ trong khu nghĩa trang im vắng, quanh quẽ. Có tiếng con chim sẻ đậu đó kêu chiêm chiếp thật gần. Nguyên xách ví bước đi. Nguyên vào nhà người đàn ông nói vài câu cảm ơn. Người đàn ông xuýt xoa nói:

- Tội nghiệp! Cô chừng ấy tuổi mà đã góa chồng.

Nguyên nói nhỏ:

- Dạ, tui con mới làm lễ hỏi.

- Ủ! Làm lễ hỏi rồi cũng như đã nên vợ nên chồng.

Nguyên đưa cho người đàn ông trăm bạc rồi chào ông ta, bước đi. Con đường mòn lạnh tanh, buồn bã dẫn Nguyên rời một cuộc hẹn hò đơn độc. Ra đến đường, Nguyên đón xe về Từ Đàm, rồi sau đó, lên xe lam về phố. Những đồi thông xanh, những im lìm hoang vắng đã lùi lại đằng sau cùng với nắm mộ Xuân tẻ lạnh. Dốc Nam Dao thật dài. Nguyên ngồi chụm hai chân, hai bàn tay đặt lên đầu gối trong một dáng co ro buồn. Trí óc Nguyên vẫn còn đọng lại những dòng chữ son đỏ trên tấm mộ bia nhảy múa. Nghe xe sắp xuống hết dốc, Nguyên ngẩng đầu lên, dăm dăm nhìn chiếc cầu gãy đổ hiện dần trước mặt. Xuân đã từng nằm đó với bộ đồ lính và những đốt xương tro trụi. Một cảm giác tê tái đột ngột làm Nguyên run lên. Nguyên quay mặt nhìn đi phía khác, cố tưởng tượng ra một hình ảnh nào đó không rõ nét. Tuấn!

Đúng là Tuấn. Tuấn với nỗi khao khát kỳ lạ hiện rõ trên khuôn mặt. Tuấn đó, sự thực đó Nguyên. Còn gì mà cứ phải mãi miết hoài vọng về một dĩ vãng mù mờ! Nguyên nhìn những người đi đường và chợt xôn xao. Xe chạy dọc theo bờ sông An Cựu. Giòng nước trong xanh, lững lờ. Giòng nước bình yên êm ả quên bằng ngày tháng. Một năm qua đi như mơ. Một năm rồi, những cái vô nghĩa đã trở thành có nghĩa.

Xe ngừng để khách xuống rồi chạy quẹo qua cầu. Gió lạnh luồn vào xe. Nguyên khép hai đầu gối lại, cố tưởng nghĩ đến một niềm vui. Nỗi ân hận gợn lên, thoáng qua nhanh, Nguyên lấy chiếc “băn-đơ” buộc lại đầu tóc. Đường Lê Lợi thênh thang. Hàng cây bên đường đã rụng hết lá. Những cánh áo len bay lượn bình thản. Đến cầu Trường Tiền, xe ngừng lại đợi đèn xanh. Những đoàn xe từ bên kia cầu nối đuôi chen chúc chạy qua. Đợi một lát, xe lăm rú mạnh leo lên chiếc vòm gỗ tạm bợ nối hai nhịp cầu gãy đổ. Cái vòm gỗ thô kệch, lì lợm đó là chứng tích lộ lộ còn sót lại của những ngày chiến tranh trong thành phố. Cầu Trường Tiền sáu vòm mười hai nhịp bây giờ trông hết sức gàn dở. Một ngày phải đạp xe đạp qua lại cầu vài lần, Nguyên cảm thấy ám ức tiếc nuối. Trong những ngày mưa dầm dề, cầu Trường Tiền nằm im lìm, buồn đến không chịu được. Qua khỏi cầu, xe lam quẹo về phố. Phố xá những ngày cuối năm rộn rã, dập dìu. Một năm đã qua rồi đó. Những vết đổ vỡ, nắm đen của các căn phố vẫn còn, nhưng dường như không đủ để gọi lại đậm đà những tang thương cũ. Tụ dưng, nguyên mỉm cười vu vơ. Xe dừng lại, Nguyên trả tiền, hấp tấp leo xuống. Nguyên lục ví tìm lượm chài đầu. Chiếc khăn tang trắng dón lại một chỗ. Nguyên chợt nghe lòng mình xao động. Còn gì mà phải hoài vọng mãi miết về một dĩ vãng mù mờ!

Nguyên đi dọc theo hè phố. Những nụ cười chào. Những cái vẫy tay thân quen. Nguyên bỗng muốn chào hỏi tất cả mọi người. Họ đó, họ ở trước mặt, họ ở chung quanh. Họ còn mở môi, còn liếc nhìn, còn vẫy tay. Phải chăng nên trở lại với đời sống và quên đi nỗi chết hoang vắng âm u? Khu nghĩa trang quanh hiu với nắm mồ Xuân tròn trĩnh bỗng trở lại đột ngột trong trí tưởng. Nguyên cần môi nghĩ đến sự quên lãng chóng vánh của con người. Mọi người ở đó, đang vui sống, còn ai đang nhớ đến những người đã vĩnh viễn rời bỏ họ, rời rã trong lòng đất? Như Xuân. Còn ai trong giờ này còn nhớ đến Xuân? Nguyên đột ngột cảm thấy ân hận. Bước chân Nguyên chùng lại.

Tường Nguyên Tường Nguyên Tường Nguyên... Tiếng gọi reo vui của một người. Nguyên nhìn về phía tiếng gọi. Tuấn! Tuấn dừng xe lại bên lề đường nhìn Nguyên cười tươi. Nguyên cũng mỉm cười. Một niềm vui vừa chợt trở lại, xóa nhòa nỗi băn khoăn. Tuấn nhìn Nguyên dăm dăm, khuôn mặt rạng rỡ như bình minh. Sự thực đó mà Nguyên, Nguyên nhủ thầm. Tuấn xuýt xoa:-
Chà, nguyên lại mặc áo đen nữa. Đã đẹp đã buồn lại càng đẹp với buồn!

- Gặp anh lúc nào cũng nghe được chừng đó. Bộ Nguyên không biết anh đang mĩa Nguyên sao?

Tuấn dựng xe lại, đến đứng trước mặt Nguyên:

- Ai dám mĩa Nguyên. Anh thấy sao anh nói vậy mà. Nguyên định đi đâu đây?

Nguyên định nói thật là vừa đi thăm mộ Xuân về, nhưng lại thôi. Nguyên cười nhẹ:

- Chẳng định đi đâu cả. Ở nhà buồn buồn, Nguyên mặc áo quần đi xem thiên hạ sắm Tết.

- Nguyên không sắm Tết sao?

- Thôi, Nguyên ngán lắm rồi. Như năm ngoái, sắm được bao nhiêu phải bỏ lại bấy nhiêu mà chạy. Nghĩ lại Tết mà còn rùng mình. Bộ anh chưa ngán Tết hả?

Tuấn nói, giọng quả quyết:- Anh chắc là không thể có thêm một Mậu Thân thứ hai nữa đâu.

Nguyên im lặng sửa lại cái “băn-đô” trên đầu tóc. Có bất trắc nào được biết trước đâu? Mồng Một Tết còn đi chơi với Xuân, tối mồng Một còn nghe Xuân gọi Tường Nguyên Tường Nguyên, thế mà sáng hôm sau là tất cả đều mất hút, vụn nát. Nguyên nhìn Tuấn, cố cười thật tươi:- Thôi, bỏ qua chuyện đó đi. Bây giờ anh đi đâu?

- Đi lang thang như Nguyên vậy. Gặp Nguyên mừng ghê đi.

- Thật không?

- Thật chứ sao không.

- Vậy bây giờ anh đưa Nguyên đi chơi nhé, chịu không?

Một tia vui đã thấy trong mắt Tuấn. Tia vui chạy nhanh trên khuôn mặt và vỡ ra thành nụ cười:

- Nguyên không đùa bỡn với anh chứ?

Giọng Tuấn nửa xôn xao nửa dè dặt. Nhìn thái độ của Tuấn, Nguyên bỗng cảm thấy thích thú. Nguyên đang cố tạo ra một nỗi vui tạm bợ để khóa lấp một hình ảnh hay đang thực sự đón nhận một bắt đầu mới mẻ? Chút băn khoăn vụt tan biến khi Tuấn mời Nguyên ngồi lên xe. Nguyên ngồi sau Tuấn, cố giữ một khoảng cách với thân thể Tuấn. Có ai quen đang trở mắt nhìn Nguyên và nghĩ về Nguyên với những ý tưởng không đẹp? Người ta sẽ cho rằng Nguyên quá vội vã khi bắt đầu một cuộc tình mới? Cũng không sao. Mỗi người có một tư riêng. Trong những giờ phút nào đó, mỗi người có quyền bất chấp tất cả để sống với tư riêng của mình chứ. Nhưng tư riêng của Nguyên như thế nào đây? Là những niềm vui tình cờ khóa lấp dĩ vãng? Hay là nỗi băn khoăn giữa một nắm mồ lạnh và một nụ cười vui? Nguyên vụt bật cười:

- Đi đâu bây giờ anh Tuấn?

- Anh cũng đang định hỏi Nguyên đó.

Nguyên cố làm ra vẻ nghiêm nghị:

- Nguyên cho phép anh đưa Nguyên bất cứ đâu.

Tuấn cười rú xe chạy. Nguyên cố gượng người để luôn có một khoảng cách nhỏ với Tuấn, một khoảng nhỏ cần thiết. Tuấn cho xe chạy nhanh ra khỏi phố. Tuấn quay đầu lui nói:

- Thực tình, anh chẳng biết đi đâu bây giờ.

Đi đâu? Nguyên cũng không hiểu rõ mình đang muốn đi đâu và làm gì. Giữa khuôn mặt khao khát cùng với những bày tỏ nhiệt liệt của Tuấn và nỗi vui tình cờ của Nguyên khi gặp Tuấn vẫn còn một khoảng cách. Từ lâu, Tuấn vẫn chưa dám vượt qua. Còn Nguyên, ngay cả bây giờ, Nguyên không thấy mình nôn nao chờ đợi chi hết. Tuấn, sự thực trước mắt Nguyên đó. Nguyên gặp Tuấn trong ngày đưa đám Xuân. Những an ủi, những săn đón của Tuấn lúc đầu thực vô nghĩa. Nhưng dần dà, chúng làm Nguyên xúc động. Cho đến một lúc nào đó, Nguyên mơ hồ nhận ra sự hiện diện của Tuấn bỗng có một ý nghĩa đối với Nguyên. Có lúc, Nguyên đã quên bằng Xuân để rồi sau đó nghĩ lại, Nguyên ân hận, vùi mình vào những nuối tiếc ray rứt. Nhưng Tuấn vẫn có mặt quanh Nguyên. Những buổi sáng những buổi chiều. Những biểu tỏ nhẹ nhàng nhưng tha thiết. Như hôm nay, Nguyên đã một mình đi tìm kiếm những hình ảnh cũ để được xót xa. Và khi trở về lại gặp Tuấn. Tuấn, em đang lợi dụng anh để quên hay thực sự là em muốn dứt khoát quên hẳn tất cả để lại bắt đầu?

Tuấn chạy xe vào Thành Nội, qua những con đường vắng và buồn, rồi lại chạy ra phố, qua bên kia cầu Tràng Tiền. Buổi chiều lờ đờ, mệnh mang. Những câu chuyện băng quơ, nhập nhằng, đứt khúc. Nguyên cảm thấy mệt mỏi, nhưng không muốn về. Những điều Tuấn nói bỗng không

còn gây cho Nguyên một thích thú nào nữa. Nguyên cảm thấy lạnh. Tâm hồn Nguyên chùng như bay ở một vùng sương khói nào! Một buổi chiều qua đi. Tết sẽ đến. Có gì sẽ xảy ra nữa không? Tuấn im lặng một lúc lâu. Tuấn đang nghĩ gì? Đang trù tính bày tỏ những lời tha thiết mới bạo dạn hơn và rõ ràng hơn? Hay đang chán nản vì thái độ của Nguyên.

Buổi chiều thấp xuống, tàn dần. Qua khỏi Ty Bưu Điện, Tuấn chạy xe chậm, rẽ vào một con đường nhỏ, dừng lại. Tuấn nói:

- Đi đâu nữa Nguyên? Nguyên mệt chưa? Đã muốn về chưa?

Nguyên im lặng, suy nghĩ. Một lát, Nguyên đáp:

- Về cũng được mà đi nữa cũng được.

Tuấn quay mặt nhìn Nguyên cười:

- Tội mình vào quán nước gần đây nhé. Nguyên chịu không?

Nguyên gật đầu. Tuấn dựng xe, đưa Nguyên vào một quán nước vắng người. Tuấn uống cà phê.

Nguyên uống nước ngọt. Tuấn im lặng nhìn vợ vẫn, thỉnh thoảng cảm ly cà phê xoay xoay trên bàn. Nguyên hớp từng ngụm nhỏ nước, nghĩ bâng quơ về những ngày tháng buồn vui, những hạnh phúc đến và mất hút. Những chờ đợi buồn bã. Sao Tuấn không nói gì đi Tuấn?

Tuấn nhìn thẳng vào Nguyên khuôn mặt thấp thoáng những nét buồn. Một lát, Tuấn thở ra, rồi nói:

- Đời sống nhiều khi bị dĩ vãng ám ảnh quá hả Nguyên? Có những điều mình muốn nói lại không nói được. Có những việc muốn làm cũng không làm được. Nguyên có nghĩ như vậy không?

Nguyên cười nhẹ:

- Cũng có thể đó anh.

Khuôn mặt Tuấn chùng như trầm xuống. Nguyên bỗng cảm thấy tội nghiệp cho Tuấn tội nghiệp cho mình. Dĩ vãng thì ích gì mà người ta cứ bị dày vò mãi miết? Tuấn hợp một ngụm cà phê, nói:

- Hồi chiều mới gặp Nguyên thấy vui quá sức. Bây giờ lại thấy buồn.

- Đi với Nguyên anh buồn hả?

- Không. Có lẽ vì thấy Nguyên buồn.

Nguyên cảm thấy xúc động. Buồn thật. Những niềm vui tình cờ qua mau. Mỗi người ưa thích trở lại với chính mình, ray rứt. Một cái thú đau thương. Tuấn đứng dậy trả tiền rồi rủ Nguyên đi. Bóng tối đã phủ xuống. Bây giờ, Nguyên mới chợt cảm thấy mình liêu lĩnh. Hai người đi sát cạnh nhau. Trong một thoáng, Nguyên nghe trong lòng xao động. Một cảm giác lạ hoắc chạy dài trên cơ thể.

Tuấn bỗng nắm bàn tay Nguyên. Nguyên để yên. Bàn tay lạnh đang bóp nhẹ những ngón tay Nguyên. Nguyên nghe hơi thở dồn dập của Tuấn bên tai. Bỗng Nguyên đột ngột nhớ đến bàn tay nóng ấm của Xuân. Bàn tay đã đưa Nguyên bay vút lên cao, kỳ diệu của một buổi hẹn hò nào.

Xuân, Xuân đó sao?

Nguyên giật mình, rút nhẹ bàn tay khỏi Tuấn. Nguyên cúi đầu xuống, bước thật chậm, tâm hồn mênh mang. Tuấn im lặng. Có một cái gì rơi hẫng đâu đó, không hình dáng. Một cái gì tan vỡ thật nhẹ, buồn buồn. Nguyên kéo cổ áo lên lên, rùng mình. Âm thanh một tiếng gọi xa xăm vang vọng. Như một gọi dậy tha thiết. Như một hoài vọng ngút ngàn.

(Nguồn: Tạp chí Văn Đẻ, Sài Gòn, 1969)

Đi cho hết đêm

Lục nao nức muốn gặp Hồng. Anh đạp xe qua lại trước căn nhà của Hồng nhiều lần. Khi thì anh đạp chậm chậm phía bên kia đường, khi thì anh đạp phía bên này đường. Đến ngay trước nhà Hồng, anh dừng lại một chút, làm bộ loay hoay chỉnh một cái gì nơi xe đạp, lăm lét nhìn vào căn nhà. Nhưng Hồng chẳng hề xuất hiện. Căn nhà có những tầng cấp cao, hai lớp cửa, cửa ngoài bằng gỗ thì luôn mở, nhưng cánh cửa kính bên trong thì đóng im ỉm. Chẳng thấy ai ra vào, y như căn nhà không người. Hay là Hồng đã dời đi chỗ khác? Vô lý. Vì anh gặp Hồng mới chưa đầy một tháng, đâu có nghe Hồng nói gì.

Sáng hôm sau, anh đi sớm, quyết tâm chờ đợi. Anh bám sát đoạn đường đi ngang nhà Hồng. Lúc đầu, anh đạp ngang, đi thẳng tới góc đường phía đầu kia, vòng xe lại, đi thật chậm, tới góc đường phía đầu này, quay trở lui. Anh tìm ra một chỗ ở bờ sông, có cái bến giặt nho nhỏ trảng xi măng. Anh dựng xe đạp ở mé bên kia đường, khóa lại, rồi ngồi trên phiến đá nhỏ nhìn ra hướng bờ sông, châm thuốc, phì phào, thản nhiên. Chốc chốc, anh ngoái đầu nhìn về phía nhà Hồng, mong chờ ray rứt. Cả hai cánh cửa vẫn còn đóng kín. Lòng bồn chồn, cổ khô đắng. Tâm trạng anh lúc này chẳng khác gì tâm trạng của chàng thanh niên Lục đứng ngắm cô nữ sinh anh yêu thầm nhớ trộm hồi gần hai mươi năm về trước. Bâng khuâng, xao xuyến, hồi hộp, lo âu, hy vọng. Anh vút tàn thuốc xuống sông, đưa tay bứt những cọng cây dại mọc quanh đó. Anh e dè nhìn vào ngôi nhà trước mặt. Có đôi mắt một ai đó đang theo dõi mình không?

Một người đàn bà bụng cái thau áo quần bước xuống bến, nhìn anh, ánh mắt dò hỏi. Anh cảm thấy khó chịu, quay đi châm thêm điếu thuốc. Xuống đến bến, để thau áo quần xuống đất, chị ta lại ngoái đầu nhìn lui. Anh cảm thấy nhột nhạt, đứng dậy, đạp xe qua một con đường khác. Từ phía kia, anh đạp trở lại chậm chậm, lòng thắc thòm không yên. Mỗi một đoạn đường trước mặt đều trở nên xao xuyến. Anh đi ngang nhà. Cánh cửa vẫn bất động. Ôi chao, dễ dàng biết bao! Cứ dựng xe lại, đường hoàng bước lên tầng cấp, đường hoàng gõ cửa, và đường hoàng hỏi thăm. Sao lại lẩn tránh thế này? Anh lăm la lăm lét nhìn y như một tay tội phạm sợ hãi người ta sẽ bắt quả tang. Thôi, thì về. Lần khác vậy. Nhưng khi tới dưới chân cầu Đông Ba, anh vòng xe lui. Biết đâu! Quả nhiên là đúng. Kia, cánh cửa động dậy rồi mở toang. Đầu chiếc honda ló ra. Anh đạp chậm lại. Một bóng người xuất hiện: Thuận! Thuận cao lớn, sừng sững ở đó như một thiên thần. Anh chới với, đạp nhanh về phía cầu Gia Hội. Tiếng xe nổ dồn đuổi theo phía sau. Bỗng nhiên, vai anh bị túm lại và giọng Thuận ồm ồm vang lên một bên:

- Ông Lục, đi đâu mà sớm vậy?

Lục giật mình nhìn sang, thấy một nửa khuôn mặt râu ria lờm chờm:

- À...đi...có chút việc.

- Lâu nay thế nào? Cũng nhậu đều đều chứ?

- Đâu có!

- Chối làm gì. Máy ông ngày nào chẳng nhậu, phải không nào?

Thuận cười vang, buông vai Lục ra, dọt xe đi.

Anh tự hỏi tại sao khi mình không mong gặp thì gặp hoài mà đến lúc muốn gặp thì nàng lại biến mất. Trước đây, đi đâu cũng gặp Hồng. Bây giờ, Hồng mất biệt. Đi ngang đi lại trước nhà không thấy anh lại tha thẩn đạp quanh thành phố. Anh gặp vô số những người anh chẳng cần gặp. y thế mà bóng Hồng vẫn biệt tăm.

Cuối cùng, anh sực nghĩ: tại sao không lên núi tìm? Rõ lẩn thẩn. Thế là anh đạp xe đi ngay. Trời hè nắng chói chang. Anh đạp lên dốc núi trong cái nóng nồng nực và tiếng ve kêu rền dưới các lùm cây. Đến cổng, anh dựng xe, bạo dạn mở cửa cổng đi vào. Tiếng chó sủa dồn. Người đàn bà xuất hiện, la chó, tỏ vẻ ngạc nhiên, rồi khi nhận ra anh, cười:

- Cậu đó à? Đi mô mà lại lạc loài lên đây?

Anh nói lái:

- Dạ, cháu đi chùa, tiện thể ghé vào thăm vú.
- Rửa thế! Tội nghiệp hí! Rửa khỏe không?
- Dạ, khỏe, vú. Vú có khỏe không?
- Khỏe thì không khỏe, nhưng mà còn nhúc nhích, đi lại được.
- Vú ở một mình hoài như thế này mà chịu được, tài thật.
- Mô có ở một mình.

Lục hụp ngay cơ hội:

- Vậy thì Hồng ở với vú?
- Không, không, nhưng lên luôn.
- Dạ ngày nào cũng lên?
- Không, không. Vú không nhớ, nhưng lên luôn. Lâu nay mô mà không thấy. Răng lâu ni không lên chơi? Rảnh lên chơi cho vui.
- Dạ.
- Vô nhà uống miếng nước.
- Dạ, cảm ơn vú. Con đi bây giờ.

Anh đi loanh quanh sân nhìn cây nhìn cỏ một lát rồi hỏi:

- Chỉ một mình Hồng lên với vú thôi à?
- Thì một mình hấn chứ ai vô đó.

Lục thất vọng chào vú ra về.

Vừa dắt xe xuống con dốc sỏi, nhảy phóc lên yên đạp, thì nghe tiếng gọi mừng rỡ:

- Anh Lục!

Giọng Hồng. Anh luýnh quýnh tông bánh xe trước vào vách núi, chao đảo. Anh gượng giữ thăng bằng. Hồng quành xe đến bên anh. Hồng vừa dừng lại, anh thả chiếc xe ngã chổng chơ, giang hai tay ra chào đón Hồng. Anh lắp bắp:

- Trời, Hồng! Cô Hồng!
- Hồng đây. Anh lên tìm Hồng phải không? Hồng linh tính không sai mà. Hồng biết ngay là hôm nay thế nào cũng gặp anh.

- Lại xạo nữa!

- Hồng nói thật. Chỉ có điều là không biết gặp ở đâu và như thế nào, nhưng Hồng biết chắc trăm phần trăm là sẽ gặp. Tin Hồng đi.

Lục tin. Cuối cùng, anh đã gặp nàng, thế thôi. Hồng ríu rít:

- Mà lâu nay, anh đi đâu mất biệt vậy?

Anh hỏi lại:

- Hồng cũng thế, đi đâu mà mất biệt?

- Vẫn ở trong thành phố này. Không tìm làm sao gặp?

- Không tìm? Vậy ai lên đây?

- hờ! Thôi được. Vào nhà cái đã.

- Không, tôi phải về.

Hồng dứ tay vào trán Lục:

- Ừ, thì về đi. Về và không bao giờ gặp lại nhé.

Lục cười như trẻ thơ.

Tới chỗ gốc cây lần trước, Hồng dừng lại, lấy tấm ni lông ra. Lục thắc mắc:

- Chỗ cũ à? Không còn chỗ nào khác sao?

- Chỗ nào là chỗ nào?

- Có nơi nào còn nguyên sinh, nơi nào không có vết chân người, nơi nào hoàn toàn hoang dã.

Hồng cười:

- Thời buổi này còn chỗ nào là rìn đâu. Chỗ nào con người cũng tìm đến mà mò ráo hết rồi.

Thấy Lục vẫn còn đứng nhìn quanh, Hồng nói:

- Mấy hôm trước, rảnh, Hồng chịu khó đi quanh quanh mấy lần. Trời! Đi rừng một mình sợ muốn chết. Hồng cố tìm một chỗ...một chỗ...tốt hơn, nhưng không có.

Lục cảm thấy thú vị. Tuy thế, anh làm bộ hỏi:

- Tìm một chỗ tốt, để làm gì vậy?

Hồng phụng phịu:

- Thì...chẳng lẽ để Hồng đi chơi...một mình.

Lục véo má Hồng:

- Ai mà biết!

Rồi anh nhìn nàng, tủm tỉm cười. Hồng hỏi:

- Gì mà cứ nhìn người ta cười hoài vậy?

- Anh tưởng tượng một cô Hồng tiểu thư, đi một mình vào rừng để tìm nơi làm tổ.

Hồng đập nhẹ vào ngực Lục:

- Cái anh này! Làm như Hồng là con chim không bằng.

- Không chim thì là gì nữa. Tìm chỗ tốt trong rừng để làm gì nếu không để đẻ trứng.

Hồng ngẫm nghĩ một lát rồi cười buồn:

- Ừ. Nghe nói thì như đùa, mà đôi khi cũng thế thật đấy, Lục à! Nếu được đi đâu thật xa, thật sâu, không có ai, không dính líu với ai...

- Vậy thì đi.

- Thì đi!

Hồng xếp đồ lại vào xách. Lục nắm tay Hồng, kéo đi. Anh không theo những lối mòn, mà băng ngang những vùng cây cỏ um tùm. Hồng cười khúc khích:

- Anh dẫn Hồng đi mô?

- Cứ đi. Cần gì biết đi đâu.

- Không khéo quên mất đường về.

- Cũng tốt! Hồng sợ thành Lưu Nguyễn lạc thiên thai hay sao?

- Trời, được thành Lưu Nguyễn thì còn gì bằng, phải không Lục.

Mùi lá mùi cây, mùi gỗ mục phảng phất. Hương rừng làm Lục ngây ngất. Anh băng băng kéo Hồng đi. Thỉnh thoảng anh dừng lại, đợi Hồng. Hồng kêu nhỏ, rên rĩ vì lá cứa, gai xóc, nhưng nàng vẫn im lặng theo anh. Đến một vạt cỏ tranh um tùm, Lục dừng lại, nhìn Hồng:

- Hồng mệt chưa?

- Mệt! Hay ta dừng lại đây?

Lục nghi ngại nhìn quanh:

- Vẫn chưa phải là nơi mình muốn đến. Hồng xem, đây cả dấu chân người: gỗ bị cưa, cây bị

chặt. đây vẫn còn loài người.

- Thì đi!

Hồng bước tới, suýt ngã vì ông quần vướng phải một cành cây. Mồ hôi tươm trên khuôn mặt Hồng. Tóc rối. Những sợi tóc dài lòa xòa trên trán, có sợi vắt ngang sống mũi nhỏ, có sợi dính vào khóe môi. Hồng mệt nhọc và hớn hờ bước theo Lục. Anh mê muội kéo Hồng đi miết. Anh lòn, đạp, níu, nháy, đu, bươn bả vượt qua những khoảng rừng, những lùm cây, những mảng cỏ tranh, những con suối cạn. Rừng bất tận. Không sao. Rừng che dấu. Rừng bao vây, che chở. Rừng hoang dã, thơ thới. Rừng mịt mù, ngoài cõi. Rừng đăm đúi, hồn nhiên. Mỗi một bước tiến tới, thế nhân lùi xa tầm tắp. Hai người trở thành hai con thú hoang sống chùng, về với cây lá, đất đai.

Và đêm ập xuống, nhanh chóng và êm đềm y như ai vừa buông một tấm màn nhung trùm cả trời đất. Hồng đi sát vào người Lục, run rẩy:

- Hồng sợ!

- Có người đâu mà sợ. Lục thì thảm

Anh mày mò bước trong đêm, kéo Hồng đến một gốc cây. Anh ôm Hồng. Nàng nép mình vào ngực anh, thờ. Hai người im lặng lắng nghe. Rừng đêm yên tĩnh kỳ lạ. Không có âm thanh nào ngoài tiếng lá va chạm nhau ào ào.

- Hồng nghe tiếng cây thờ, Lục ơi.

- Không phải, chúng nói chuyện tình đấy.

Hồng cười rúc rích. Anh nhìn thấy vết sáng của đường răng khép mở. Anh hỏi:

- Hết sợ chưa?

Hồng nép sâu thêm vào khoảng ngực:

- Hết. Nhưng trời tối quá, chẳng lẽ...

Anh quả quyết:

- Đợi. Mình sẽ đi tiếp.

- Đi mô nữa hè?

- Đi cho hết đêm.

- Chẳng lẽ đi hoài?

- Ừ.

- Trời tối thế này...

- Hồng biết, trời sẽ sáng.

Và trời sáng thật. Trăng lên nhanh, tuôn ánh sáng vương vãi. Những âm thanh đua nhau vang lên: tiếng leo trèo lên cây, tiếng bò dưới lá, tiếng rít, tiếng kêu the thé, man dại, tiếng lục cục. Rừng thức dậy, mơ màng trong sương đục. Lục cầm tay Hồng:

- Ta đi.

Hai người men theo những vết ánh sáng để đi. Rừng bây giờ yên ắng trở lại. Trong vắng lặng, rừng trở nên huyền hoặc. Mọi thứ dường như bất động. Chỉ có bóng trăng chuyển dịch. Thình thoảng có tiếng rơi của một giọt sương, nghe lẻ loi, mơ hồ như từ một cõi nào xa rớt vào hư ảo. Lục cảm thấy người nhẹ tênh. Anh dắt Hồng đi như dắt một cái bóng. Hai người di chuyển thênh thang giữa ngàn cây giăng mắt. Qua khỏi bóng của một cụm rừng già, cây cao, tàn rậm, họ bắt đầu xuống dốc. Trước mặt, một mảng sáng mờ mờ hiện ra. Trăng loang loáng trên một thảm cỏ ngập sương. Hồng chỉ tay xuống dưới, reo lên:

- Kia, suối, Lục. Xuống đó đi.

Lục gật. Đúng là suối. Âm thanh reo rào rạt. Nước tuôn tràn, bất tận. Anh hân hoan nhìn một đường nước trắng xóa loang loáng ánh trăng, chạy vòng vèo theo triền đồi và biến mất sau khu rừng phía xa. Anh kéo Hồng dẫm lên cỏ, lướt xuống. Tiếng suối reo nhỏ dần. Dòng nước nhỏ dần. Khi cả hai xuống hết dốc, vừa đến nơi thì lạ chưa, tiếng suối không còn nữa, chỉ nghe vọng âm vắng vắng rồi tan biến. Trước mắt, dưới ánh trăng vàng vọt, chỉ còn trơ ra một con lạch nhỏ khô cạn. Hồng thất vọng nhìn quanh:

- Vậy thì con suối đâu?

Lục ngần ngại, đứng nhìn. Áo giặc chẳng? Anh nắm tay Hồng, cẩn thận bước xuống những tảng đá nhọn nằm cheo leo bên bờ khe. Lòng khe đầy đá sỏi to nhỏ không đều. Một giòng nước nhỏ nhoi ri rỉ chảy qua giữa những khe hở của các tảng đá. Hai bên bờ lau lách, cỏ dại um tùm. Lục cảm thấy thấm mệt. Anh dừng lại:

- Mình nghỉ ở đây.

Hồng ngần ngại nhìn cây cỏ um tùm chung quanh. Lục lấy tấm ni lông ra. Anh lùa một đám cỏ tranh xuống, trải tấm ni lông lên trên. Anh bảo Hồng ngồi. Hồng ngần ngại.

- Hồng sợ gì vậy? Lục hỏi.

- Sợ rắn.

Anh quả quyết:

- Đừng sợ. Rắn phải sợ mình.

Chẳng nói gì thêm, anh ôm xốc Hồng lên, rồi ôm nàng lăn xuống tấm ni lông. Anh nghe tiếng lạo xạo bên dưới. Vật cỏ tranh nằm rạp. Cả hai lún sâu xuống. Anh lăn qua lăn lại để cho chỗ nằm được bằng phẳng hơn. Rồi anh ôm Hồng, im lặng nhìn lên. Phía trên, khoảng trời bao la hiện ra. Trăng cao tít. Chung quanh núi rừng chen chúc. Trong một thoáng, anh có cảm tưởng mình thoát khỏi mọi ràng buộc với cái xã hội nhiễu nhương, kỳ quặc dưới kia, bỏ lại đằng sau bao nỗi lạc loài. Anh ôm chặt thân hình nhỏ nhắn của Hồng và cảm thấy hứng khởi. Một hứng khởi tươi mới như sau thời kỳ phục sinh. Tâm hồn anh như được thanh tẩy khỏi mọi ràng buộc. Anh thì thầm:

- Anh cảm thấy tự do.

Hồng nhòm người dậy:

- Tự do? Không. Hồng cảm thấy sợ. Sợ anh. Anh liều thật.

Lại cười khúc khích. Nàng bày rượu ra. Lục say đắm nhìn nàng. Dưới trăng khuya, nàng mỏng mảnh, thơ thới như khói.

Rượu nồng, tình thắm. Lục hỏi:

- Ta đi tiếp nhé?

Hồng nép vào anh, ngần ngại:

- Anh còn nhớ đường về không?

Lục ngoái nhìn ngọn đồi phía sau:

- Sao không. Chỉ cần leo ngược dốc này, là có đường về nhà Hồng thôi.

- Đâu có đơn giản vậy. Mình đã đi qua bao nhiêu cánh rừng rồi, anh nhớ không?

- Cần gì nhớ. Trăng nó dẫn mình đi, lo gì.

Hồng hỏi, giọng chột băng khuâng:

- Có khi nào về thì mọi chuyện đã thay đổi không nhỉ?

- Thì sao?

Hồng im lặng. Lục chỉ về phía trước:

- Thử vượt thêm cánh rừng nữa đi. Xem thử bên kia có gì?

Hồng gật. Hai người băng qua khe, đi vòng theo triền dốc. Rừng rậm, thấp. Cỏ cây chẳng chặt. Vừa hết khu rừng, Hồng chỉ mé bên phải:

- Dường như có nhà ở, Lục ơi.

Lục nhìn theo tay chỉ. Đúng là có nhà. Một ngôi nhà nằm đơn độc dưới một chòm cây. Hồng hào hứng nói:

- Sao lại có nhà giữa rừng thế này, Lục nhỉ? Hay là mình thử đến đó xem sao?

Lục ngần ngại:

- Đừng nữa. Anh ngại. Biết đâu đó là công an biên phòng.

Hồng quả quyết:

- Không đâu. Đây là nhà chứ không phải là đồn đâu. Để Hồng tới thử xem.

Lục lần chần bước chậm theo sau Hồng. Đi một quãng ngắn, cả hai thấy một lối mòn nhỏ dẫn đến ngôi nhà. Hồng dừng lại, nhìn lui nhìn tới, ngạc nhiên:

- Lạ thật! Sao Hồng thấy chỗ này quen quá, Lục à?

Nói xong, nàng chạy nhanh tới phía trước. Lục rảo bước theo. Được một đoạn, Hồng reo lên:

- Lục ơi, nhà Hồng! Kia, anh xem, khu mộ của ba má Hồng nhé, hàng dương liễu vây quanh nhé, còn xem kia, cái sân, cái cổng. Còn kia, phòng của Hồng.

Hồng vừa nói vừa kéo Lục chạy băng qua hàng rào, đến khoảng sân. Hồng dừng lại, ôm chặt lấy Lục, lấp bắp:

- Sao nhà Hồng lại ở đây, anh?

Lục rùng mình, ngẩn ngơ. Cho đến khi nghe tiếng chó sủa và bà vú của Hồng lụm cụm bước ra, anh mới tin là Hồng nói thật.

Đêm đó, Lục ngủ lại thư phòng của Hồng. Anh nằm ôm nàng, nghe nàng kể những câu chuyện mà nàng đọc từ hồi còn nhỏ. Hồng nói:

- Anh có biết chuyện Mai ăn khỏi trả tiền không? Chuyện thế này: có một người khách ghé vào một quán ăn nọ ở dọc đường. Anh ta định gọi đồ ăn thì chợt thấy ngay trên cửa quán có treo một tấm bảng đề: Mai ăn khỏi trả tiền. Anh nghĩ bụng: tội gì mà mình ăn hôm nay. Đợi đến mai lại ăn. Nghĩ thế, nên anh nhịn đói, rời quán. Hôm sau, anh lại đến. Anh gọi đồ ăn, ăn uống phủ phê, xong thung dung bước ra. Chủ quán chặn anh lại, bảo: Sao anh không trả tiền mà bỏ đi?. Anh sùng sộ: Hôm nay ăn khỏi trả tiền mà. Chủ quán hỏi: Ai nói với anh vậy?. Anh chỉ vào tấm bảng: Thì chẳng phải anh cho treo tấm bảng này à?. Chủ quán trả lời: Đúng. Anh nói: Thì tại sao lại còn đòi tiền tôi. Chủ quán nói: Tấm bảng nói sao, anh nhắc lại cho tôi nghe. Anh nhìn tấm bảng, đọc: Mai ăn khỏi trả tiền. Chủ quán bảo: Vậy thì mai anh lại ăn hẵn hay. Bây giờ mới có hôm nay chứ đã ngày mai đâu. Anh ngẩn ngơ, móc túi trả tiền và bẽn lễn bỏ đi.

Trong mơ, anh nhìn thấy mãi tấm bảng Mai ăn khỏi trả tiền.

Một đêm

Tôi về đến Huế vào ngày 15 tháng 5 năm 1975. Thế là tôi đi giáp một con đường vòng. Rời Huế ngày 21 tháng 3 vào Đà Nẵng. Rời Đà Nẵng khuya 29/3 vào Cam Ranh. Rời Cam Ranh ngày 5/4 đi Phú Quốc. Rời Phú Quốc ngày 18/4 trở lại Vũng Tàu. Rời Vũng Tàu về Sài Gòn ngày 23/4. Rời Sài Gòn ngày 12/5 để trở lại Huế Đó là một cuộc trốn chạy bước tiến quân của Cộng Sản gian nan, kinh khiếp, hãi hùng, phẫn khích và tuyệt vọng.

Tôi trở về Huế trong tâm trạng của một người phương xa bị dẫn dắt vào nơi hiểm địa. Cảnh vẫn còn đó, người vẫn còn đây, nhưng mỗi một nụ cười, mỗi một ánh mắt đều khác lạ. Bạn bè biến mất. Bà con lơ láo nhìn nhau. Hàng xóm nghi kű. Trở lại thăm ngôi trường, tôi bắt gặp những cái nhìn tóe lửa, thù nghịch từ một số học trò cũ, mới ngày nào đây vẫn còn thầy thầy em em

trong quán cà phê Thành phố lặng đi, buồn bã, bồn chồn như đang trong tình trạng giới nghiêm, chờ đợi một cái gì ghê gớm lắm sắp xảy ra. Đưa con đầu lòng ra đời. Mẹ tròn con vuông. Ấy thế mà chẳng mấy vui, lại cũng không buồn. Mọi cảm giác lắng đi, chai lì.

Đúng một tuần sau khi đưa con ra đời, chiều hôm đó, trong khi đang loay hoay nựng con trong phòng thì có tiếng gọi cửa. Tôi nhìn ra, thấy thấp thoáng bóng người đội mũ cối đứng sau cánh cổng. Lòng tôi hồi hộp. Tôi ra mở cửa. Đang loay hoay tháo chiếc then gài, tôi nghe có giọng ai đó nói nhỏ nhẹ:

- Thưa thầy.

Tôi hơi giật mình nhìn lên, bắt gặp một khuôn mặt quen quen, nhưng nhất thời chưa nhận rõ ra là ai. Cửa mở. Người đàn ông đội mũ cối chìa tay ra. Tôi cũng chìa tay bắt. Người đàn ông tuổi cỡ trung niên, mặc áo quần bộ đội, nhưng áo bỏ ra ngoài, chân đi dép bình trị thiên. Ông ta nhìn thẳng vào tôi:

- Anh là T.

Giọng Nghệ An đặc sệt kèm theo một nụ cười thật khó diễn tả. Dường như vui. Dường như ngạc nhiên. Dường như đe dọa. Cười mà vẫn không có vẻ gì là cười. Tôi gật đầu đáp vâng. Ông ta chưa kịp nói gì thì người thanh niên lập lại:

- Thưa thầy

Tôi nhìn người thanh niên, phân vân. Anh ta giở chiếc mũ bê rê đen ra. Tôi ngạc nhiên:

- Hưng. Phải Hưng không?

- Dạ, em đây thầy.

Đúng là Hưng, người học trò hiện đang học với tôi. Định hỏi Hưng tiếp vài câu, thì người đàn ông lên tiếng:

- Ta vào nhà cái đã. Tôi tìm anh cả tháng nay

Tôi lặng lẽ đi trước. Tôi mời vào thẳng nhà trên, nhưng người đàn ông dừng lại ngay trước hàng hiên

- Khỏi, anh T. à. Tôi bận lắm. Gặp anh tí chút để giải quyết mấy chuyện rồi đi ngay

Không đợi mời, người đàn ông ngồi ngay vào chiếc ghế để kê cây cột trụ mái hiên, rồi nói như ra lệnh:

- Anh kiếm ghế ngồi đây, ta nói chuyện cho tiện. Đây thoáng mát.

Tôi lấy chiếc ghế cho Hưng và tôi, rồi ngồi xuống. Người đàn ông nhìn quanh. Khi tia nhìn dừng lại ở bàn thờ, ông ta hỏi:

- Anh Phật giáo à. Thế mà tôi lại tưởng anh là Công giáo kia.

Lại nhìn quanh, sẫm soi. Rồi nhìn chăm tôi:

- Anh còn trẻ quá nhỉ. Đáng tiếc thật!

Cái gì mà đáng tiếc, tôi nhủ thầm. Ông ta lại nhìn quanh nữa. Rồi bỗng nhiên, ông ta đứng dậy vỗ vai tôi:

- Nào, dẫn tôi đi thăm chị và cháu một chút đi. Nghe chị vừa sinh cháu gái phải không? Thăm một chút, trở ra, ta nói chuyện sau. Cái anh chàng này lắm chuyện, tôi rửa thềm. Không đợi tôi dẫn đường, anh ta đứng dậy đi ngay xuống nhà dưới. Đến ngay cửa chính của nhà dưới, anh ta đứng đợi tôi:

- Phòng chị chỗ nào?

Tôi bước đến gần anh ta, tần ngần:

- Để tôi gọi vợ tôi ra...

Anh ta xua tay:

- Tôi muốn thăm chị ấy một chút. Anh cứ để tôi đi.

Lại cái giọng ra lệnh. Không biết làm sao hơn, tôi dẫn anh ta vào phòng. Vợ tôi vô cùng bối rối, cố gượng ngồi dậy chào. Anh ta ra dấu cho vợ tôi nằm xuống, rồi nhìn quanh. Cũng lạ, cái tay này! Bước đến đâu, anh ta cũng nhìn quanh, đôi mắt tưởng như muốn ghi nhận hết thấy những gì có mặt. Liếc thật nhanh qua cháu bé mới một tuần tuổi, anh ta nói với vợ tôi:

- Anh phải đi học tập một thời gian. Cũng không lâu đâu. Dăm ngày nửa tháng. Chị yên tâm chăm lo cho cháu, đợi anh về.

Không đợi vợ tôi trả lời, anh ta quỳ quã bước ra khỏi phòng.

Tôi ở lại một lát trong phòng, nói nhỏ với vợ:

- Chuyện gì đến thì phải đến thôi. Em đừng lo lắng gì cho mệt. Anh đi, rồi sẽ về.

Vợ tôi thở dài, kéo đứa con ôm vào lòng, nước mắt lưng tròng. Khi tôi trở ra, chẳng thấy tay bộ đội đâu, chỉ thấy Hưng vẫn còn ngồi đó. Tôi nhìn Hưng, dò hỏi. Hưng im lặng. Một lát sau, tôi thấy ông ta xuất hiện phía đầu kia của căn nhà, kế hàng chia tàu. Thì ra, ông ta đi quanh sau vườn. Tôi nhìn ông ta chờ đợi một câu giải thích. Đoán chừng tôi thắc mắc, ông ta nói ngay:

- Tôi muốn xem cái vườn nhà anh một chút. Vườn rộng nhưng có vẻ như thiếu người chăm sóc, phải không?

Tôi cười gượng, không trả lời. Ông ta đến ngồi lại trên ghế, bảo tôi:

- Anh ngồi xuống đó đi, ta nói chuyện. Tôi là Lam, công tác tại Ty Công An Thừa Thiên. Bọn tôi biết anh từ lâu, khi còn ở trên rừng kia, giờ mới gặp. Theo chính sách của trên, anh nằm trong diện phải đi học tập cải tạo. Chúng tôi có ý chờ anh trình diện, nhưng mãi không thấy. Anh không định đi trình diện sao?

Tôi đáp:

- Có chứ. Nhưng ông biết đấy, vợ tôi sanh.

- Tôi biết. Lẽ ra, anh không nên để chúng tôi phải tới đây. Nhưng không sao, sớm muộn gì ta cũng gặp nhau thôi. Sớm thì hay hơn. Anh chuẩn bị áo quần, giấy bút, mai đi học tập. Chúng tôi sẽ trở lại đón anh ngày mai.

- Đón tôi?

- Vâng. Anh cứ ở nhà. Chúng tôi sẽ đến.

Nói xong, Lam đứng dậy, vỗ vai tôi:

- Nhớ ở nhà, không nên đi đâu hết.

Tôi tiễn hai người ra cửa. Hưng đi chậm lại, nói nhỏ với tôi:

- Em xin lỗi thầy. Thực tình em không muốn làm như thế này tí nào. Nhưng bên Ty họ tìm thầy mãi. Vào nhà cũ, không có. Đến nhà thầy thuê, cũng không có. Thầy thông cảm cho em. Dù gì em cũng là học trò của thầy. Thầy nhớ đem theo mền, chiếu và rán... giữ mình.

Tôi vỗ vai Hưng, cười:

- Em không có lỗi gì. Trước sau gì họ cũng tìm ra tôi thôi. Mà nào tôi có định trốn đâu. Đã trốn thì về lại Huế làm gì, phải không?

Không phải đợi đến ngày mai như tay công an tên Lam (sau này tôi mới biết đó là một công an chứ không phải bộ đội) nói với tôi, mà chỉ mười lăm phút sau khi Lam bước chân khỏi nhà, một chiếc xe jeep Liên Xô (người ta vẫn quen gọi là xe con Liên Xô) đến đỗ ngay trước cổng nhà. Bốn công an nhảy vội xuống, vào nhà, buộc tôi lên xe. Tôi chỉ kịp lấy một bộ áo quần cùng cây bút, tập vở nhét vào xách, và lấy đại một chiếc chiếu rách cầm tay, leo lên xe. Vợ tôi nghe tiếng, chạy theo, đưa cho tôi thêm hai ổ bánh mì và hai gói thuốc. Xe chạy ngay Ra khỏi thành phố, xe chạy về hướng Kim Long. Lúc này, trời đã sấm sấm tối. Mặt trời khuất hẳn sau đồi. Đường Kim Long vắng hoẹ Giòng sông Hương đang chìm dần vào tối trong một nỗi ngậm ngùi lặng lẽ. Xe vòng qua dốc chùa Linh Mục, đi thẳng một đoạn rồi rẽ phải vào một lối đi ngang qua một khoảng tường thành đổ nát. Xe dừng lại ngay dưới một bức thành cao, kế tầng cấp đi lên. Xuống xe, nhìn quanh, bất giác tôi rợn người. Trong cái nhá nhem tối, khung cảnh ở đây đã hoang phế lại càng hoang phế thêm, trông rất ma quái. Im lặng hoàn toàn. Mới có đầu hôm mà sông vắng, đường vắng. Cả cái làng nhỏ ven sông cũng im lìm y như đã đi ngủ từ lâu lắm. Chung quanh, cỏ dại mọc đầy, từ bờ thành lan ra khắp nơi, che lấp hết cả khoảng đất trống lót gạch. Dù đã từng qua lại con đường này, tôi băng khuâng tự hỏi đây là nơi đâu, và sao người ta lại đưa tôi lên đây.

Trời tối hẳn. Bốn người áp tải thúc tôi đi. Hai người đi trước dẫn đường. Hai người còn lại đi kèm sát bên tôi, súng ngắn rút ra khỏi vỏ, cầm lăm lăm trên tay. Tôi mảy mò bước lên từng tầng cấp, lòng hoang mang, nặng trĩu. Không ai nói với ai một tiếng nào. Lên khỏi hàng chục tầng cấp, tôi nhìn ra phía sông, nhận ra cái cổng chính quen quen, với ba lối vào. Đây là loại kiến trúc kiểu cổ thời vua chúa. À, thì ra đây là khu vực đền Văn Thánh. Tôi đã từng đi ngang đây một đôi lần đầu hồi thời trước. Chỉ trừ cái cổng tương đối nguyên vẹn, còn thì tất cả đều đầy dấu vết đổ nát. Một

dãy nhà dài lợp tôn nằm dọc theo bờ thành thấp, hiện ra nhò nhò. Có ánh đèn dầu lay lắt ở một nơi nào đó trong dãy nhà. Bốn người dẫn tôi đi về cuối khu đất, nơi có một căn nhà. Thực ra, đó là một góc của khu đền Văn Thánh. Trời tối đậm. Một tay công an bấm đèn "pin" soi lối đi. Sỏi, đá, gạch, ngói vụn nằm rải rác trên lối đi. Cỏ dại, dây leo và tranh mọc đầy. Những thanh gỗ mục, thiếu đầu thiếu đuôi và các mảnh gỗ nằm lẫn lộn với ngói vỡ. Căn nhà - đúng ra là cái đền lớn - hầu như không còn gì nguyên vẹn. Cột, kèo, mái, tường cho đến nền, cửa... tất cả đều xiêu vẹo, đổ nát. Chỉ còn một căn nhỏ nằm ngay góc. Mọi người lần mò từng bước tìm vào căn phòng. Lòng tôi hoang mang bất định. Tôi cố gắng không nghĩ đến một điều gì đặc biệt. Nhưng những hình ảnh đen tối, ghê rợn cứ tràn vào trong đầu óc tôi.

Một người nâng nhẹ tấm cửa rời chắn ngang cửa phòng, đặt sang một bên, rồi bảo tôi:

- Vào đây.

Tôi bước vào. Anh ta rọi đèn khắp phòng, dừng ngang một góc, ở đó có một tấm ván dài kê trên mấy cục gạch. Anh ta nói:

- Đó là chỗ ngủ.

Nói xong, anh ta lẳng lặng bước ra ngoài. Tôi nghe tiếng thì thầm to nhỏ một lát. Anh ta lại trở vào:

- Chúng tôi được lệnh trên dẫn anh tới đây. Đây là chỗ ngủ của anh.

"Chỗ của tôi"? Tôi sửng sốt, môi lập bập muốn la lên như thế, nhưng kịp thời dằn lại. Anh ta nói tiếp, giọng bây giờ trở nên nặng nề:

- Anh chỉ được di chuyển nội trong phòng này. Cánh cửa kia không đóng, nhưng không được vượt qua. Có việc gì cần, đi tiêu đi tiểu chẳng hạn thì phải nói lớn, có người đến dẫn đi. Nên nhớ đây là lệnh trên, phải thi hành.

Tôi im lặng, gật đầu trong bóng tối. Anh ta rọi đèn khắp phòng một lần nữa rồi bước ra. Chợt nhớ điều gì, anh ta quay lại:

- Sẽ có người mang thức ăn lại.

Anh ta cẩn thận lấy tấm cửa rời, chắn lại. Bên ngoài nghe có tiếng lách cách của đạn lên nòng. Tôi đứng như trời trồng giữa phòng, toàn thân tê điếng hẳn đi. Tôi cố nuốt nước bọt, nhưng miệng mòm giờ khô khốc. Trong đầu vang vang một câu hỏi không được trả lời: "Chỗ của tôi. Chỗ của tôi?". Tại sao lại chỗ của tôi ở một nơi như thế này? Đã nghe vo ve tiếng muỗi. Một lát sau, đám muỗi háu đói bay quanh, vò vập bám vào thân thể tôi, châm chích loạn xạ. Tôi hờ hững lấy tay đập vài con, rồi buông thõng, mặc kệ để chúng tự do hành sự. Nhưng có lẽ nhờ thế, tôi thấy mình có hơi tỉnh táo lại. Tôi nhìn căn phòng. Mắt đã quen với bóng tối, nên bây giờ, tôi có thể thấy mọi vật rõ ràng hơn. Đúng là một phòng với tường bao quanh. Tường nứt nhiều chỗ, các lớp xi măng bóc từng mảng lớn. Nền nhà cũng thế, hư hỏng, chỗ lồi chỗ lõm. Tôi lấy chân chà qua sát lại, không thấy có ngói gạch gì ở dưới. Như thế ở đây sạch sẽ hơn phía ngoài. Chắc người ta cũng có dọn dẹp đôi chút trước khi đưa tôi lên đây. Tuy vậy, mùi ẩm mốc xông lên nồng nặc. Phòng có một cửa lớn, hai cửa sổ. Cửa sổ phía trong thì đóng chặt, có một tấm gỗ nẹp thêm cho chắc. Cửa sổ kia hướng ra phía ngoài, còn một sổ chắn song ngang, dọc, cái thẳng, cái cong không đều. Có song trượt ra khỏi tường. Bên ngoài là một khoảng đồng trống. Tôi vịn chân song, nhìn ra, mắt cố điều tiết để nhìn cho rõ. Cách một khoảng ngắn từ cửa sổ trở ra là một hàng rào thép gai dày, cao quá đầu người. Cỏ vươn cao, tự do xen giữa các ô thép gai. Xa hơn là một khoảng đất trống với nhiều gò đồng lờ mờ nhấp nhô trong màn đêm. Cố gắng nhìn, tôi phát hiện ra những gò đồng kia là những ngôi mộ. Hóa ra, đó là một bãi tha ma.

Điều này một lần nữa khiến tôi thốt nhiên lạnh toát cả người. Một ý nghĩ kinh khiếp mọc nhanh trong đầu. Tôi buông tay khỏi khung cửa sổ, run rẩy. Tôi bước vào, thả mình xuống tấm ván kê sẵn, hai tay ôm đầu trong một trạng thái kích xúc lạ lùng. Muỗi tấn công ào ạt. Tôi sờ soạng chung quanh, tay đụng cái túi xách. Tôi mở túi lấy hai gói thuốc bastos xanh. Tôi bật lửa đốt thuốc, hút. Tôi hít hà liên tục. Khói thuốc dường như làm cho tôi bình tĩnh đôi chút. Trong bóng tối, thỉnh thoảng đóm lửa lại lóe sáng như đốt lên một niềm hy vọng mong manh nào đó. Tôi lắng tai nghe động tĩnh bên ngoài. Hoàn toàn im lặng. Bọn họ đi đâu cả? Tôi nhìn ra phía cửa chính. Tuy tối, nhưng tôi cũng lờ mờ nhận ra ngay trước căn phòng là một khoảng trống đổ nát, cây cỏ

um tùm trông như một vạt rừng hoang mà lúc mới vào, vì quá bối rối tôi không để ý. Hoang liêu, vắng lặng hoàn toàn. Rõ ràng, phải từ lâu lắm, chỗ này chẳng có ai lui tới. Có tiếng động. Tôi hồi hộp lắng nghe. Tiếng bước chân lại gần. Một lát, tôi thấy khoảng không gian bên ngoài sáng lên. Có ánh đèn. Hai cô gái bước đến trước cửa. Một cô bưng chiếc đèn dầu nhỏ, giơ cao, tay nâng tấm chắn cửa, giữ cho cô kia bước vào phòng. Cô gái nhìn quanh, rồi đặt xuống chỗ nằm một mâm cơm. Cô bưng đèn đặt cây đèn kế bên mâm cơm. Xong, cả hai cô đồng bước ra. Một cô nói, giọng cọc lốc:

- Ăn xong, để mâm và đèn ở ngoài này.

Nhìn mâm cơm, một lần nữa, tôi bất giác rung mình, thảng thốt. Một tô canh còn bốc hơi nóng. Một đĩa đồ xào. Một tô thịt heo kho. Một đĩa cá. Chén, dĩa, muỗng, muỗng, muỗng. Bữa ăn dành cho tôi!? Một bữa ăn thịnh soạn dường ấy cho một tên tù trong nhà tù Cộng sản?! Tôi nhìn mâm cơm và không thể ngăn chặn được ý nghĩ về một bữa cơm ân huệ cuối cùng dành cho tử tội. Thoạt đầu, đó chỉ là một cảm giác bất thường. Nhưng hàng bao câu hỏi mọc lên trong đầu không trả lời được khiến cho ý nghĩ đó hình thành và càng lúc càng củng cố. Căn nhà đổ nát, tối tăm, xa cách nhà dân, bãi tha ma một bên, một bữa cơm đặc biệt, bốn tay công an áp tải. Không nghi ngờ gì nữa, tôi sẽ bị giết đêm nay. Chết! Ý nghĩ dứt khoát này khiến tôi đứng sững bất động giữa căn phòng, mắt không rời khỏi miếng thịt, con cá, cái muỗng... Đó là những điều bình thường trong một bữa ăn bình thường. Nhưng trong tình huống này, bữa ăn lại có vẻ thịnh soạn và vì thế, rõ ràng nó không bình thường một chút nào. Những kẻ chiến thắng vẫn tự hào về cái bản chất nghèo của họ. Không những thế, họ yêu cái nghèo và ghét tất cả cái gì sang cả, ngon lành. Đó là chưa nói đến sự trả thù. Vậy thì tại sao trong lúc người ta đi "học tập" chỉ được ăn cơm với muối và phải lao động cực nhọc để gọi là "cải tạo", thì tôi lại được cho ăn một bữa ăn thơm tất như thế này? Tôi nhìn đồ ăn. Đồ ăn nhìn tôi. Con cá, những miếng thịt, muỗng, dĩa... thảy đều nhìn tôi trừng trừng, thách thức. Tôi đảo mắt xuống đất. Mọi nghị lực bỗng nhiên tiêu tán. Tôi chơi vơi vịn tấm ván ở chỗ nằm, đứng lên, rồi lại nằm vật xuống. Tôi chìm sâu trong một nỗi tuyệt vọng mênh mang. Và lịm người đi.

- Này anh kia, ăn đi để còn phải bưng xuống.

Tôi giật mình nhìn ra. Không thấy ai. Một người nào đó chồm miệng vào ném một câu nói, xong đi mất. Tôi cố ngồi dậy. Bụng đói thật, nhưng nhìn mâm cơm, tôi kinh hãi. Cái cảm giác của một bữa cơm ân huệ của người tử tội khiến tôi lợm giọng. Nhìn còn không muốn, nói gì đến chuyện ăn! Tôi nhìn trong bóng tối. Gặp cái gì, tôi nhìn trừng trừng vào cái đó. Thanh gỗ, mảng tường, chần song, khuôn cửa, góc phòng, trần nhà... Tất cả đều toát lên một vẻ thê thiết đến cùng cực. Tôi nhìn thân thể tôi. Thừa thãi. Vô nghĩa. Cảm giác về một cái chết thấy trước khiến tôi cảm thấy chán cái thân thể buồn nản này. Y như thể nó không còn là của tôi nữa. Không gian bên ngoài bây giờ vang động lời ca và giọng nói. Từ Kim Long. Từ Long Thọ. Từ Hương Hồ. Từ phố. Xuyên qua các loa phát thanh đặt cùng khắp, các điệu nhạc chiến đấu và những chuỗi từ ngữ nối nhau tuôn ra trong bóng đêm.

... quê em miền trung du, đồng tươi lúa xanh màu.

... hành quân trên đồi cao, nhìn vô trong Huế

... trung tá Đính, một sĩ quan ngục đầu hàng quân giải phóng, hôm nay đã nói chuyện cùng các trại viên trại cải tạo tại Ái Tử

... phát biểu của đồng chí sinh viên Hoàng thị Thọ, thành đoàn sinh viên học sinh giải phóng.

... ba giọng thác cách mạng tiến công như vũ bão vào thành lũy của tập đoàn tư bản

... Đêm và nỗi sợ vây lấy tôi. Âm thanh vây lấy đêm. Âm thanh vò nát, cày xới đêm bằng những chuỗi từ ngữ lạ tai, chắc nịch, cao vút phát ra từ tứ phía. Bên kia sông. Bên này sông. Dưới phố. Từ chân núi. Bùng bùng. Vô tận. Âm thanh và ngôn ngữ như muốn nuốt sống cả đất trời. Người con gái từ đâu bên ngoài bước vào:

- Này, anh kia, ăn xong chưa?

Đa... chưa.

- Ăn mau đi. Không ai công mô đợi mãi.

Mẹ kiếp, ăn thì ăn! Tôi lấy chén dĩa, xúc cơm gấp vội mấy miếng thịt, lùa đại vào miệng, cố nuốt.

Nhưng không được. Nghẹn. Lại vọt ra. Không cách gì nuốt nổi. Tôi nói vói ra bên ngoài:

- Xong rồi.

Người con gái bước vào, nhìn mâm cơm rồi hỏi:

- Không ăn sao? Bộ chê cơm cách mạng há?

- No rồi.

Tôi lấp lửng cố không nói chữ dạ đầu câu. Cô gái bưng mâm cơm và đèn, bước ra ngoài. Căn phòng tối lại. Bỗng nhiên, tôi cảm thấy tiếc. Tại sao lại phải làm ma đói, nếu bị chết? Nghĩ thế, tôi lục xách, lấy ra hai ổ bánh mì mang theo, nhai. Cố nuốt. Và nuốt được. Tôi nuốt những miếng bánh mì như nuốt những ý tưởng chết chóc lớn dần lên đến độ bão hòa. ừ, thì chết. Có sao đâu!

... sóc bẫm bô rộn rã tiếng chày khua

... giã gạo đêm đêm vì ngày bận làm mùa

... cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền bắc nước ta

... cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở miền nam

... bác hồ dạy

... đây cầu chống mỹ xe qua đập diu

... cùng mắc võng trên rừng trường sơn

... Tiếng hát và tiếng đọc không ngớt tuôn ra. Còn tôi, nổi chết không rời. Tôi bắt đầu làm quen

với ý nghĩ mình sẽ chết. Tôi bước trở lại khuôn cửa sổ, nhìn ra bãi tha ma Những nắm mộ,

những tấm bia cất thanh những đường nét mơ hồ ngoài kia. Thỉnh thoảng, những đốm lửa đỏ

nhờ nhờ bắn lên không trung. Tôi tưởng tượng một lúc nào đó trong đêm, tôi sẽ bị dẫn ra ngoài

đó, bị trói lại, bị bắn bỏ và đập xuống một cái hố đào sẵn. Hết. Cuộc đời tôi sẽ chấm dứt đơn giản

như thế. Như những xác người hồi Tết Mậu Thân. Chết là một im lặng bất tuyệt. Thế thôi. Tôi sẽ

ra ngoài đó, sẽ vĩnh viễn nằm xuống ở đó. Vĩnh viễn. Có gì đâu! Chết là rơi vào vĩnh viễn. Trút

sạch hơn thua Không ai thắng, không ai thua Bên kia sông, những giọng hát vang lên, bắt đầu

cho một hội diễn văn nghệ nào đó, do sinh viên học sinh phụ trách. Bên này sông, những giọng

nói. Từ dưới phố, những giọng nói. Cách mạng, làm chủ tập thể, công trình thủy lợi, nguy quân

ngụy quyền, tiến công, dấy chết, chủ nghĩa anh hùng cách mạng...

Giọng hát cương lên. Giọng nói cũng cương lên. Nhạc ào ạt. Tất cả như muốn nghiêng ngấu

những mảnh đời nhỏ bé, những thân phận đón hèn đang âu lo trước cuộc phé hưng. Nào bạn.

Nào thầy. Nào học trò. Nào hàng xóm... Rụp một cái, mọi quan hệ thay đổi tận gốc. Người ta hăm

hở ủa theo kẻ thắng. Kể cả cây cỏ, giòng sông. Giả có thật có. Một kẻ mới hôm qua đây còn chửi

rủa Việt cộng, thì hôm nay cầm cờ đỏ, cổ chường mặt ra cho moi. người nhìn thấy. Còn những

người thua cuộc thì bé lại, đột nhiên mất tầm giữa giòng cuồng lưu. Giữa đất trời chỉ còn một thứ,

một loại, một âm thanh. Lạnh lót. Kiêu hãnh. Ngông nghênh. Nghiêng đồng đỏ nước ra sông. Vắt

đất ra nước thay trời làm mưa. Người ta xem đó là điều có thật. Và mọi người cố tin đó là sự thật.

Chỉ vì, ngoài thứ âm thanh đó, chỉ còn là một im lặng. Im lặng thẳng thốt. Im lặng như hàng hàng

lớp lớp mồ mả ngoài kia. Như tôi. Một mình giữa căn phòng tối tăm, u uất này. Tôi bước lui bước

tới, gậm nhấm nổi bất lực của chính mình.

... từ thành phố này người đã ra đi

... tư tưởng tiến công cách mạng

... đi thông đường để những chuyến xe băng băng qua

Trong không gian đầy cả những tạp âm ấy, bỗng nhiên một âm thanh khác lạ vang lên.

Bò... Ò... Oò... Oò... n... g .

Tôi cố lắng nghe. Tiếng chuông! Vâng, tiếng chuông phát ra từ chùa Linh Mục, nơi chỉ cách chỗ tôi

khoảng chừng một cây số. Tôi để hết tâm trí mình lắng nghe. Âm thanh tiếng chuông cao dần lên,

tan loãng ra, tưởng như biến mất, bỗng dội lại từng chút, rồi cuối cùng chan hoà trong không

gian. Từ đó, chốc chốc, tiếng chuông lại đều đặn vang lên. Giữa những chuỗi từ ngữ sắc mạnh

ào ạt ném vào không gian, tiếng chuông lúc đầu trông khá lạc điệu. Có cái gì như ngập ngừng,

ẩn nhẫn, chịu đựng khiến tôi liên tưởng đến thái độ dè dặt của người đánh chuông. Đánh mà

lòng không yên. Đánh mà không muốn đánh. Vừa đánh vừa dè chừng. Vừa đánh vừa dò dẫm.

Bò... Ò... Ò... Òng.

..năm anh em trên một chiếc xe tăng...

... bò... Ồ... Ồ... ng

... từ thành phố này

... bò... Ồ... Ồ... Ồ... ng

Tôi lắng mình vào tiếng chuông. Càng về sau, tiếng chuông càng tròn trĩnh, đầy đủ, trầm lắng. Nó từ tốn vang lên, từ tốn truyền dần vào không gian, xuyên qua cây lá, thành quách, nhà cửa, nhỏ dần và biến mất. Cứ thế. Không cần người nghe. Không cần khua rộn.

bò... Ồ... Ồ... Ông

Tiếng chuông hiền hòa, không lấn át nổi tiếng hát và những âm thanh chát chúa hùng hổ vang vọng trong đêm. Nhưng may thay, nó còn đó. Ít ra là nó còn đó giữa một đất nước đang bị bức bách thay đổi theo một chiều hướng vô định. Trong cái âm thanh nghe bình thường đó, tôi tự dựng linh cảm một sự cố gắng phi thường để tồn tại. Phải cố gắng lắm để cho nó bình thường. Vì mọi thứ đã trở thành bất trắc. Mọi thứ trở thành không bình thường. Như mâm cơm mà người ta vừa dọn cho tôi chẳng hạn.

Như tôi, hôm nay, tại đây, trong căn phòng đồ nát, ẩm thấp, tối tăm này. Một nhà tù không cửa khóa, không tường cao hào sâu, không kẽm gai. Người ta nhốt tôi. Tôi nhốt tôi. Sự tan vỡ của một đất nước đột ngột, ghê gớm quá đến nỗi mọi phản ứng như tê liệt đi.

bò... Ồ... Ồ... Ồ... ng

Tôi bước lui bước tới, nhìn ra bãi tha ma, nhìn quanh phòng, đốt hết điều thuốc này sang điều thuốc khác. Đêm trôi qua nặng nề, chậm chạp. Tôi chờ đợi. Một lúc nào đó, tôi thiếp đi và giật mình tỉnh lại. Thì ra tôi ngủ khi đang đứng giữa phòng đắm mình theo tiếng chuông. Tiếng nói và âm thanh nghe đã ngớt.

Chỉ còn tiếng hát vang lại từ bên kia sông, phía Long Thọ. Các giọng hát cố cương lên nhưng không nổi. Có lẽ vì đêm đã khuya. Tôi cố ý chờ đợi tiếng chuông, nhưng không còn nghe gì nữa. Bên ngoài bây giờ im lìm. Tôi bước gần cửa nhìn ra, xem thử có ai canh gác gì bên ngoài không. Chẳng thấy ai. Im lặng nặng nề, đe dọa. Đốt thuốc tiếp. Cứ thế, trong đêm tối, tôi lặng lẽ chờ đợi một cái chết. Những hoảng hốt đã qua nỗi sợ hãi cũng lịm dần. Tôi chờ đợi một bước chân, một tiếng lách cách của đạn lên nòng, một tiếng gọi. Không. Từng giờ, từng phút trôi qua trong vắng lặng hoàn toàn. Không hẳn thế. Còn có tiếng dế và tiếng muỗi. Nhưng trong tâm tưởng của một chờ đợi ngột ngạt, những âm thanh đó trở thành vô nghĩa. Với tử tội, mọi thứ đều vô nghĩa, kể cả niềm hy vọng. Đêm khuya khoắc, sâu dần. Tôi đi lui, đi tới, bóng dáng nghiêng ngả. Cho đến một lúc, tôi có một cảm giác thật lạ lùng: tôi chết rồi. Bỗng nhiên, tôi cảm thấy tôi nhẹ hẫng, không trọng lượng, không vướng víu, không buồn phiền. Nhìn ra không gian bên ngoài, tôi thấy mình thoát, thoát khỏi cái xã hội đang bị kềm thúc ngoài kia, cái xã hội đang bị buộc, bị gói, bị nhốt ngoài kia, cái xã hội đang bị tiêu chuẩn hóa ngoài kia. Tôi sẽ được tự do Dưới một cái hồ nào đó ngoài bãi tha ma thâm lặng ngoài kia. Vâng, tự do Tôi sẽ hoàn toàn tự do, ướt đẫm tự do Bỗng nhiên, có tiếng động. Tôi giật mình, lắng nghe. Vâng, tiếng động. Tiếng bước chân nhẹ nhàng đó bên ngoài. Tóc tôi dựng ngược. Đã đến lúc rồi! Đến rồi! Người tôi căng cứng. Tôi hít thật sâu thêm một hơi thuốc, vút phần còn lại xuống đất, dí tắt, nhìn ra chờ đợi. Không có gì. Chưa có gì. Tôi đốt một điều thuốc khác, lập bập từng hơi. Và cảm thấy mình vừa thoát chết. Mình còn tồn tại đây. Khói thuốc chát ngát trong lòng ngực, sáng khoái.

Đêm trôi. Tôi trôi. Bồng bênh, lấp lửng giữa bờ vực tử sinh. Giữa cảm giác, tưởng tượng và hình dung, suy đoán. Bên ngoài, lâu lâu lại có tiếng động. Hình như đổi phiên gác.

Tôi chiến đấu với những cảm giác và suy luận của mình. Tôi không nằm xuống được, chỉ bước lui bước tới, bước ngang bước dọc và đứng. Tôi không thể nào ngủ được, dù chỉ là một chợp mắt. Đêm lơ lơ, chậm chạp trôi.

Bò... Ồ... Ồ... n..g

Tôi giật mình. Tiếng chuông! Lại là tiếng chuông. Tiếng chuông bỗng nhiên vang lên giữa một không gian vô cùng tịch lặng. Chuông sáng. Khác với đầu hôm, tiếng chuông lần này có vẻ tự chủ hơn, chắc hơn, tự tin hơn.

Bò... Ồ... Ồ... ng

Tiếng chuông đều đặn vang lên trong không khí trong lành sau thời gian lắng dịu của đêm. Một mình. Cả bộ máy tuyên truyền vẫn còn ngái ngủ, chưa kịp thức dậy, vì thế, tiếng chuông khoan hòa êm ái truyền đi. Qua không khí, qua gió, qua sương, qua cây, qua cỏ. Chuông nối tiếp chuông cho đến lúc trời hửng sáng. Chỉ có tiếng chuông. Khi hồi chuông cuối cùng đánh dồn dập để kết thúc, thì tôi tìm lại được chính tôi. Một tôi nhếch nhác, đờ đẫn giữa một căn phòng nhếch nhác, đờ đẫn. Tiếng chuông đã đưa tôi qua một đêm khắc khoải, hoang tưởng. Tôi ngồi ngẫm nghĩ về những sai khác trong tiếng chuông. Suy cho cùng, có lẽ tiếng chuông vẫn thế từ mấy trăm năm nay ở ngôi chùa cổ kính này. Có khác chăng là khác ở người đánh chuông và kẻ nghe chuông. Tiếng chuông làm gì có hưng phế. Chỉ có hưng phế trong phận người.

Đó là đêm đầu tiên trong 176 đêm tôi bị biệt giam nơi căn phòng đồ nát này của đền Văn Thánh để "tẩy não" trước khi được chính thức chuyển sang trại tù khổ sai, nhiều năm tháng sau.

Đây có lẽ là đêm dài nhất trong cuộc đời tôi. Rồi sau đó thì đêm nối đêm, trong bóng tối, tôi chờ đợi tiếng chuông để lấy lại thăng bằng sau khi trải qua những ngày nối ngày căng thẳng đương đầu với những cuộc thẩm vấn liên tu bất tận của hết toán công an này đến toán khác. Có một khoảng thời gian, tiếng chuông biến mất. Tôi buồn ray rứt. Rồi tiếng chuông xuất hiện trở lại. Tôi vui. Rồi biến mất hẳn cho đến ngày người ta chuyển tôi đi. Có và không có tiếng chuông vào thời đó là một tranh chấp thâm lặng giữa quyền lực và lòng người.

Sau này tôi nghe lại được nhiều tiếng chuông chùa, chuông nhà thờ nhưng có lẽ tiếng chuông nghe được trong những ngày bị biệt giam để lại trong tôi ấn tượng êm ái nhất trong suốt những năm tháng tủi nhục của đời mình.

Quán tính

1.

Cô đến Mỹ như một kẻ bị lưu đày. Trong lúc mọi người vui mừng tíu tít vì được đặt chân đến vùng đất lạ với biết bao điều mới mẻ, cô lại đứng đưng, lạnh lùng, gằn như vô cảm. Cô cũng đi, đứng, nằm ngò, sờ, mó, ngẫm ngía mọi thứ, nhưng tâm hồn cô rỗng không. Tất cả đều chẳng dính dáng gì đến cô.

Ban ngày, cô theo mọi người đi đó đi đây, ăn uống, mua sắm ... như một cái máy. Ban đêm, khi mọi người đã đi ngủ, cô một mình mở cửa bước ra sân sau, nhìn lên khoảng không gian vô tận. Trời đất mênh mông quá. Ngày tháng cũ vời xa thăm thẳm, mắt hút đầu dưới khoảng chân trời mờ mịt.

Ngà cứ chập chờn thoáng hiện vây quanh. Đôi mắt to, lưỡng quyền cao, những nốt mụn đỏ quanh mũi, những chiếc răng cửa lộn xộn, không đều, miệng rộng, chiếc cổ cao có nốt ruồi nằm gần vai, tiếng cười giọng nói rồn rần, hơi thuốc lá và thỉnh thoảng mùi rượu ... À, cái áo chim cò, hai túi có bách gài, cái hộp quẹt màu xanh lục, những ngón tay dài, nhám, sục sạo như con rắn bò.

Còn nữa, chiếc nhẫn Mỹ to, có chữ N nổi ở phía trên. Bữa đó, Ngà hôn lần đầu. Cái miệng thờ phỉ phò, nóng hôi bên tai, áp vào má, rồi lên môi. Cô luống cuống, người nóng như lửa đốt. Lần cuối cùng trước khi chia tay, cô kéo đầu Ngà xuống hôn lấy hôn để, nhưng Ngà thụ động, buồn bã, ngẩn ngơ.

Đến lúc giã từ, Ngà không nói gì, tuyệt không nói gì. Ngà đứng như cái cột trụ xi măng, mắt nhìn cô không chớp. Giờ nhớ lại, cô không hiểu tại sao lúc đó cô đủ can đảm bước đi, để Ngà đứng đó một mình. Vào Sài Gòn, gần ngày đi, cô buồn, nhớ, khóc nhưng không đủ can đảm quay trở ra như Ngà đề nghị. Cô cắn răng ra đi với gia đình trong một trái tim tan nát và một hy vọng gặp lại hảo huyền. Cô một mình, một mình, nổi sầu trĩu nặng.

2.

Mẹ cô nói: *"Mẹ biết con buồn. Nhưng rồi con sẽ quên. Mẹ đã từng yêu, nên mẹ biết. Tình yêu đầu lúc nào cũng da diết, sôi nổi tưởng như mất đi, mình không sống nổi. Nhưng thường thì tình yêu đầu bao giờ cũng nông nổi. Ngà không xứng với con đâu. Mà rồi hẳn cũng quên con thôi."* Cô im lặng. Mẹ bao giờ cũng có lý. Đúng là giữa Ngà và cô có một khoảng cách lớn. Bây giờ cô ăn đồ Mỹ, mặc quần áo Mỹ, đi học trường Mỹ, lái xe hơi Mỹ. Cô có những thứ mà hồi ở Việt Nam cô vô cùng ao ước, nhưng không thể nào có được. Trong những lá thư đầu cô dấu mẹ gửi cho Ngà, cô nói đến nỗi buồn mênh mông của cô trên xứ lạ quê người, tình cảm nhớ thương da diết của cô đối với Ngà và mong muốn được mãi mãi sống bên Ngà.

Bù lại, cô nhận được thư của Ngà với những lời yêu đương nồng thắm, những nhớ nhung chất ngất. Ngà nhắc nhở lại từng kỷ niệm. Góc phố, hàng chè tàu, đồi núi, đền đài, quán nước, chợ, tấm hình, chiếc xe đạp, bà mẹ, tấm phan ... Cô như được sống lại hết thảy cả một quãng đời thơ mộng. Cô bồn chồn, rạo rức với những ngày vui không còn nữa.

Cứ nhắc lại mãi niềm thương nỗi nhớ rồi cũng chán, cô đổi đề tài. Cô bắt đầu viết cho Ngà về đời sống ở Mỹ. Cô lái xe như thế nào, đi chợ như thế nào, đi học như thế nào... Kèm theo, cô gửi về cho Ngà tấm hình cô chụp trước nhà với ba chiếc xe hơi bóng loáng. Cô mặc đồ đầm, mặt mày không lấy gì làm vui lắm. Cô nôn nóng trông thư. Lần này, thư Ngà đến chậm. Thư ngắn, chỉ viết chưa đầy một trang giấy. Lại giấy học trò. Toàn những lời trách móc, than thân trách phận. Cô viết thư về thanh minh cho hoàn cảnh của cô, đồng thời với những lời hứa hẹn. Không hồi âm. Cô viết nữa. Lại không hồi âm. Cô giận, cô hờn, nhưng chẳng biết làm sao được. Cô tưởng tượng nếu gặp Ngà đâu đây, cô sẽ cắn vào tay anh chàng cho chảy máu mới hả.

3.

Và rồi, cô bắt đầu quên. Mỗi ngày quên một ít. Cho đến một hôm, cô thức giấc nửa đêm, bước ra ngoài trời, nhìn bầu trời sao và ánh sáng rực rỡ muôn màu của thành phố, lòng cô bỗng hân hoan, phơi phới. Như một phép lạ, cô đã được đến đây, ở đây. Cô đã được hóa kiếp. Nhìn về chân trời, nơi cô ở, sao bây giờ xa xăm quá, nghèo nàn quá, buồn quá. Ngà bỗng xuất hiện trong cô bằng một hình ảnh tầm thường, ngớ ngẩn. Áo quần quê mùa, xấu xí. Ăn nói vô duyên. Đã thế, học hành chẳng ra gì. Tiếng Anh không biết. Nhà cửa nhộp nhúa. Bà mẹ Ngà lại cứ bồm bồm nhai trầu, bập bẹ điều thuốc vắn, trông đến khiếp. Chưa kể muỗi cắn và mùi gì cứ bốc lên hôi hám trong nhà Ngà.

Hôm sau, cô lục thư Ngà ra, xem lại. Những chiếc phong bì nhỏ, xấu xí, những hàng chữ nguệch ngoạc, viết cái địa chỉ Mỹ trật lên trật xuống, chỗ thiếu chữ t chỗ thừa chữ s. Đã thế, viết qua Mỹ mà trên bì thư lại đề họ trước tên sau, lại còn đủ thứ dấu sắc huyền nặng hồi ngã. Tên người ta bây giờ là *Phuong Thao Ngo*, anh chàng lại cứ đề *Ngô Thị Phương Thảo*, nghe quê một cục. Nhất là có đoạn Ngà nhắc đến cái quán may đầu đường của cô. Qua đây, người ta đâu có còn là con bé thợ may tầm thường, trình độ lớp tám nữa. Bây giờ ta đi học high school cả! Lại có trợ cấp. Ta nói được tiếng Mỹ và biết nhảy nữa. Ta văn minh hơn bên đó nhiều. Mai mốt có tiền ta sẽ về thăm, ta ăn mặc đồ Việt kiều, ta tiêu tiền như nước cho bà con xóm giềng lé mắt chơi. Đâu có như xưa.

Cầm lui cầm tới, ngần ngừ một hồi, cô ném từ từ những lá thư của Ngà vào giỏ rác, gần bàn học. Còn cái ảnh, cô cũng định ném luôn, nhưng tự dưng, thấy Ngà tội nghiệp. Dù sao, anh ta cũng yêu nàng. Suốt đời, anh ta sẽ bị nhốt trong cái mảnh đất nghèo nàn, buồn bã đó. Thôi, giữ chiếc ảnh để trong album như một kỷ niệm thuở thiếu thời, cũng vui.

4.

Mẹ cười, nói với cô:

"Con thấy không, mẹ mấy khi nói sai. Bây giờ con đã thấy rõ chưa. Thằng Ngà tội nghiệp thật, nhưng chỉ là một thằng nhà quê, sao mà cân xứng với con cho được. Ở đây, con xem, khối người, cho con mặc tình lựa chọn. Bạn bè của ba đồng, con cái họ cả bầy, đứa kỹ sư, đứa dợc

sĩ, đưa thầy giáo, đưa chuyên viên ... Con thích loại nào? Theo mẹ thấy, cứ từ từ. Con giao du rộng rãi vào, tìm hiểu đứa này đứa nọ, thế nào chẳng dính được một đứa tài đức vẹn toàn cho ấm tấm thân."

Ừ, thì mẹ đã nói là đúng. Mẹ là mẹ mà.

Thế rồi, cô đi học, cô đi làm thêm, cô đi chơi. Mặt mày cô càng ngày càng trắng ra, hồng hào, đẹp đẽ. Cô mặt váy ngắn, váy dài. Cuối tuần, cô đi dự "pa-đi", nhảy nhót tưng bừng. Sinh nhật cô, cô xin ba mẹ tổ chức thật lớn, mời cả trăm người, có giàn nhạc sống, có quay phim, có karaoke, có nhảy đầm.

Không mấy chốc, cô cảm thấy mình biến thành tiểu thư. Nhớ lại mấy con bạn nhà giàu ở Việt Nam - cái mặt cứ dương dương dễ ghét - đâu có thắm gì với cô bây giờ. Bọn chúng làm gì có xe hơi, có computer, có TV cái lớn cái nhỏ, cái để trong phòng khách, cái để trong phòng ngủ ... Cô tự nhủ, mình cứ ăn cứ chơi, không tội gì mà yêu vội.

5.

Trong số nhiều thanh niên thường hay lui tới nhà cô, có một người để ý cô nhiều nhất. Anh ta chẳng có gì đặc biệt, mặt mày thường thường, thậm chí hơi xấu trai. Anh ta có nghề nghiệp, chịu khó làm ăn, nhưng không có gì gọi là giàu có. Khi gia đình cô vừa sang, anh là một trong những người đầu tiên tình nguyện giúp đỡ. Anh bưng ghế, khiêng bàn, chở đi chợ, đi làm giấy tờ, đi xin trợ cấp. Nhờ đâu làm đó, việc gì cũng chu đáo. Hầu như một hai bữa, anh ghé nhà một lần, ngồi con cà con kê, kể đủ thứ chuyện về nước Mỹ. Mẹ, chị và các em cô ngồi quanh, say sưa lắng nghe.

Nhiều lúc, anh ta mang đến một thùng bia, ở lại uống với ba cô đến nửa đêm mới về. Anh biếu nhà cô một cái VCR mới toanh. Rồi thì, khi đồ ăn, khi tiền bill, khi đi shopping..., anh tìm cách trả giùm và không bao giờ lấy lại. Đặc biệt, anh chiều cô hết sức. Cô muốn gì được đó, kể cả những lúc cô nói đùa.

Mẹ cô bảo:

"Người ta có tình, người ta giúp mình, thì mình cứ nhận cho người ta vui, đâu có sao. Mình mới sang, ai cũng có bổn phận phải giúp đỡ mình. Sau này, có điều kiện, mình trả ơn lại chứ vội gì. Còn nếu người ta có ý định lợi dụng thì cho 'de' luôn, cho đỡ phiền hà."

Cô cũng nghĩ như mẹ. Vì thế, cô tiếp tục giao du với Ân - tên chàng trai - một cách vui vẻ, bình thản, không băn khoăn, thắc mắc, đề phòng.

6.

Cho đến một hôm. Lần đó, Ân mời cô đi ăn và mua tặng cô một chiếc áo ấm đắt tiền. Trên đường về nhà, Ân dừng xe ở một đoạn đường vắng, xin cầm tay cô. Cô chịu. Ân bảo Ân yêu cô, cô nói lửng lơ. Về nhà nghĩ bụng, đâu có dễ yêu thế, anh chàng cho một món quà, rồi tưởng bỏ!

Lần sau, rồi lần sau và lần sau nữa, Ân tiếp tục mua quà tặng cô, tặng mẹ cô và tiếp tục tỏ tình. Cô tiếp tục lửng lơ. Nhưng rồi, dùng một cái, cô đâm ra yêu Ân thật. Cô để cho Ân hôn và cô cũng hôn Ân cuồng nhiệt. Cái anh chàng xấu xí này mà sao đáng yêu thế!

Mẹ nói: "Thằng Ân này không xứng chút nào với con cả. Hắn ở đây lâu thật, có tiền thật, có ơn với gia đình mình thật, nhưng dù gì đi nữa hắn cũng chỉ là thằng thợ sửa xe. Sang tới Mỹ mà lấy một thằng sửa xe làm chồng à!"

Nghe mẹ nói thế, cô lại thao thức, băn khoăn. Cuối cùng, như đã từng bỏ Ngà để ra đi, cô quyết định không yêu Ân nữa. So với lần trước, lần này cô quyết định mau chóng hơn, nhẹ nhàng hơn và ít vướng mắc hơn.

7.

Mẹ cô dặn: "Con đừng cắt đứt vội, vừa tội nghiệp, lại vừa mất nờ. Dù sao, hắn cũng có tình hơn mấy đứa khác. Con cứ từ từ mà xa hắn."

Cô nghe lời mẹ dặn. Từ đó, cô không còn biết yêu nữa!

Phố núi

Mỗi lần Tụng thả bộ xuống con dốc khá dài vòng theo ngọn đồi, không hiểu sao câu hát trong bài “Phố núi” lại vang vang trong đầu anh: “Phố núi cao, phố núi trời gần, phố núi không xa nên phố tình thân, đi năm phút trở về chốn cũ...”. Anh chẳng biết cái phố núi trong bài hát là gì, ở đâu, như thế nào. Nhưng rõ ràng anh cảm thấy có vẻ như ở đây có một phố núi như thế. Có vẻ thôi. Thành phố ở trên một khu đồi hơn là núi. Đồi nhỏ, thấp. Dốc thường ngắn, thoải thoải, có thể đi tản bộ lên xuống mà không cảm thấy mỏi chân. Băng ngang qua công viên và một bãi đất trống nữa là đến trường đại học. Đường dốc lên dốc xuống, dù người ta đã cố gắng san phẳng nhiều khu vực. Trừ những đường lớn luôn luôn được chăm sóc tử tế, giữ chúng trong tình trạng tốt, còn thì phần lớn những con đường nhỏ đều xấu. Nhiều con đường trông như những lối đi với nhiều ổ gà. Cứ mỗi một mùa tuyết chầm dứt, đường lại càng tệ hơn.

Nhưng Tụng thích chúng. Ở cái xứ sở mà mọi thứ đều văn minh, sạch sẽ, tân tiến thì những khuyết điểm đôi lúc lại biến thành đẹp. Chẳng hạn như những đoạn đường loang lổ, một vài căn nhà bỏ hoang, nhưng khu đất trống đầy đồ phế thải cả thời gian dài chẳng ai ngó ngang đến, và cả cái nhà vệ sinh ngay trước Tòa Thị Chính rất bẩn thỉu, đầy rác rưởi, nào là vỏ chai, lon bia, bình nhựa, giấy vệ sinh... Nhiều lần anh đi ngang qua những phố hẹp, nhà cửa cũ xi, mùa hè, đường đầy bụi nhóc con đủ loại đen, trắng, nâu, vàng chạy nhảy. Những người lớn thì bắt ghế ngồi trên vệ đường hoặc dưới mái hiên hút thuốc, trò chuyện vu vơ. Anh tưởng như đang đi trên một vùng quê nào đó ở Phi Châu hay Á châu. Người ta thích sạch sẽ, văn minh, hiện đại, nhưng cái tồi tàn, nghèo khổ hình như vẫn có cái gì thân thương hơn. Tại sao? Anh chẳng hiểu tại sao.

“ Phố núi không xa nên phố tình thân. Đi năm phút đã về chốn cũ”. Cái phố núi nào lạ nhỉ? Năm phút để đi vòng cả một con phố? Chắc người ta chỉ nói tượng trưng thế thôi! Phố núi ở đây tuy nhỏ – nhỏ so với hàng ngàn thành phố ở xứ này – nhưng cũng phải tốn hết hàng giờ đi bộ. Tuy thế, tình thân thì anh cảm nhận được khi đi đi về về con dốc này. Chỉ ở con dốc này thôi. Nhà anh ở bên kia ngọn đồi nhỏ, kẻ đường rầy xe lửa. Con đường duy nhất để anh xuống phố, đi học, đi shopping là con đường cong cong theo ngọn đồi. Trên đỉnh đồi là trụ sở của một công ty bảo hiểm sức khỏe. Dọc hai bên đường là những căn nhà single nhỏ nhắn, phần đông đều cũ. Những khu vườn nhỏ kề nhau. Mỗi nhà mỗi kiểu. Nét chung chung duy nhất là: nhà nào cũng sơn màu sẫm. Một số nhà kẻ từng ô chữ nhật trông như những viên gạch trên phần tường phía ngoài. Chúng gọi cho anh dáng nét của những ngôi đình cũ đâu đó ở quê anh. Mùa đông, màu sẫm buồn bã này chìm trong màu tuyết trắng thê lương.

Tuy thế, mùa hè, núp dưới bóng các tàn cây xanh, phía trước là những thảm cỏ mượt mà cắt xén cẩn thận, chúng đâm ra trông rất có duyên. Mùa thu lại càng tuyệt đẹp. Tất cả nhà cửa chìm hẳn vào biển màu mùa thu tím, đỏ, vàng, nâu, tía. Màu lá, màu tường, màu mái nhà hòa hợp vào nhau một cách sống động. Suốt mùa thu, anh đi bộ hàng ngày qua con đường, chân bước trên lối đi ngập lá, nghe tiếng lao xao của hàng ngàn, hàng ngàn chiếc lá rơi lòa xòa khắp cả không gian. Lá, trời ơi, lá! Những chiếc lá đủ màu - có lá có khía răng cưa, có lá giống như ngôi sao - tưởng như trùm cả trời đất, cả cuộc sống. Cầm chiếc lá lên, mới thấy hết cái kỳ diệu của thiên nhiên. Từ ngoài rìa vào đến cuống lá, màu sắc đậm hoặc nhạt dần: đỏ, vàng, tím, hồng... Đã thế cùng một cây, mà mỗi lá lại có màu khác nhau. Những ngọn lá trông như những cánh hoa. Mỗi cây là một cây hoa nở rộ. Nhìn lá rơi, Tụng vẫn tưởng như hoa rơi. Mỗi một ngày qua đi, con đường, bãi cỏ, mái nhà đầy lên những lá trong lúc những tàn cây mỏng dần, để lộ ra những cành khẳng khiu đan thành vô số ô trên bầu trời màu đục, báo hiệu một mùa thu nữa sắp chầm dứt.

Thực ra, tình thân mà Tụng cảm nhận được là từ cảnh chứ không phải từ người. Con dốc, tuy không bao nhiêu nhà, nhưng thiếu vẻ thân mật. Nhà nhà thường đóng cửa. Họa hoàn lắm, về mùa hè, mới thấy một đôi người ra hóng mát, chơi đùa, trò chuyện ở sân trước. Tuy thế, đi qua đi lại nhiều lần, rồi khi thì gặp người này, khi thì gặp người kia, rốt cuộc hầu như nhà nào anh cũng biết. Lúc đầu, nhiều người gặp anh trông bộ chẳng muốn chào, có lẽ vì thấy anh là người châu Á. Nhưng rồi, có lúc người ta cũng chào, có lẽ vì lịch sự. Có khi có người còn dừng lại trao đổi năm ba câu về mưa nắng, thời tiết. Gặp riết, chào riết cũng thành quen.

Ở đầu con dốc là một cặp vợ chồng trẻ, hình như không có con, vì lúc nào anh cũng chỉ gặp có hai người. Kế đó là một cặp vợ chồng già, sáng nào cũng dắt nhau đi bộ. Rồi đến một gia đình đông con. Tiếp đó là một cặp vợ chồng và một đứa con. Vân vân. Nhà kế nhà, tất cả có đến trên hai mươi ngôi, ở cả hai bên đường, anh đều biết rõ. Cuối con dốc, trước khi đến một cái *minimarket* có tên *Honeyfarm*, là một gia đình Mỹ đen. Gia đình này sinh hoạt rộn rịp, vì trẻ con đông, bạn bè lui tới thường xuyên. Nói chung thì, tuy gặp nhau, chào nhau như thế, họ vẫn là một thế giới khác, khó hiểu. Thì cũng buồn, cũng vui đấy, cô độc đấy - anh nghĩ đến ông lão lưng khòm vẫn thường chống gậy một mình đi vào đi ra ở một căn nhà âm u ở chính giữa con dốc - nhưng nói chung thì cái vẻ xa lạ, dửng dưng, lạnh lùng cứ như lơ lửng đâu đó, không thể tẩy xóa đi được.

*

Lưng chừng dốc, chênh chéch phía đối diện với một cơ sở địa ốc là trạm xe bus học sinh. Nói trạm cho vui, chứ thực ra, nơi đó chỉ có một tấm bảng nhỏ đề chữ *School Bus Stop*. Hàng ngày, chiếc xe bus màu vàng của trường dừng ngang dăm ba phút, vào buổi sáng và buổi chiều, để bốc học sinh đến trường và trả học sinh về nhà. Đi lại hàng bao nhiêu lần ngang đó, anh chẳng để ý gì đến cái địa điểm bình thường, quá bình thường này. Cho đến một hôm, hết giờ học, thay vì vào thư viện như thường lệ, anh lững thững đi tản bộ về nhà.

Tháng mười, mùa thu nhuộm chín núi rừng. Lúc này là giờ bãi học. Từ dưới con dốc, anh nhìn thấy chiếc xe buýt ngừng ở trạm, đỗ học sinh xuống rồi chạy đi. Đám trẻ con xuống xe, đứa thì tung tăng chạy đùa với lá, đuổi nhau lên đường đồi, đứa thì trottin ôm cặp về nhà. Khi anh đi ngang trạm, đám học sinh đã về hết, chỉ còn một học sinh đứng đó. Một cô bé. Cô đứng dựa vào thân cây sồi khá lớn nằm sát chân đồi, ngay dưới tấm bảng quảng cáo thuốc trị mập "mất 30 pounds trong 30 ngày". Túi đựng sách, cô để dưới chân. Hai chân cô vắt chéo lại. Hai tay vòng lên trên đầu. Anh đi ngang, nhìn cô, mỉm cười chào. Dường như cô bé hơi mím môi, muốn cười hoặc muốn nói một câu gì đáp lại lời chào của anh, nhưng rồi cô không làm gì cả, đôi mắt nhìn về hướng khác. Đâu có sao, anh nghĩ. Một cô bé, lại là cô bé Mỹ. Với cô, chắc chắn anh hoàn toàn xa lạ. Anh là người lớn, là đàn ông. Lại thuộc một sắc dân khác. Anh quá quen thuộc với sự lạnh lùng, dửng dưng của đám sinh viên da trắng trong trường đối với sinh viên da màu như anh. Khoảng cách chủng tộc lớn lắm, mênh mông lắm, chỉ thu hẹp hoặc lấp đầy trong rất hiếm trường hợp.

Anh đi một đoạn ngắn, quay nhìn lui. Cô bé vẫn trong tư thế cũ, dường như bất động. Khi lên tới khoảng đường cong gần đỉnh đồi, anh đứng lại, ngoái nhìn một lần nữa. Anh thấy cô bé đã rời chỗ cũ, băng qua đường, cặp đeo trẻ tràng bên vai, cái áo khoát cột ngang thắt lưng, hai tay áo đu đưa theo nhịp bước. Cô đi theo một lối mòn nhỏ trên đồi, hòa dần vào màu lá, biến mất sau rừng cây. Anh ngẩn ngơ nhìn hun hút vào mảng rừng phía trước, tưởng tượng bóng cô bé bước đi dưới mùa thu. Cô bé và lá. Không, khuôn mặt cô bé và lá.

*

Khuôn mặt trẻ con thường giống nhau ở cái nét ngây thơ, hồn hậu. Má phình phính. Tóc lựa thưa. Nụ cười rạng ngời. Đôi mắt mở lớn như sẵn sàng thu nhận hết cả thế giới vào hai ô cửa nhỏ của mình. Nhưng cô bé này trông khác hẳn. Cô bé tên gì nhỉ? Cứ cho là Cynthia đi. Bao nhiêu tuổi. Cỡ 13, 14 tuổi. Cô ắt phải học *middle*, hoặc không thì cũng phải là năm cuối *elementary*. Chắc là *middle*, vì hầu hết đám học sinh trên xe buýt cô đi đều khá lớn, loại *young adult*. Nhìn cách cô bé đứng dựa vào gốc cây, nhìn đôi mắt tối, như có lần quất đầu đó những hoài nghi và đôi môi như muốn cười, nhưng cố gượng gạo khép lại, anh bắt giác rung mình. '*Anything's wrong with her?*' anh mơ hồ tự hỏi.

Vài ngày sau, khi đi ngang vào giờ xe buýt đỗ, anh lại bắt gặp cô bé. Hầu như vẫn cùng một thế đứng. Lần này, anh không chào nhưng nhìn cô dò hỏi. Cô bé, có lẽ đoán biết anh nhìn từ trước, nên quay mặt đi nơi khác. Khuôn mặt cô xa vắng, lạnh lùng, trông bộ dửng dưng trước mọi sự đang diễn ra chung quanh. Anh bước đi một đoạn, rồi dừng lại, nhìn lui. Cô bé vẫn còn đó. Anh lặng lẽ đi dọc theo con dốc. Lên đến đỉnh dốc, ngang trước ngôi nhà của ông cụ lưng khòm, anh nhìn lui lần nữa. Cô bé vẫn còn đứng đó. Từ xa, trông cô gái hoàn toàn bất động. Chiếc áo đầm xòe cùng với chiếc áo khoát mùa thu sẫm màu như đầy nhân dáng cô bé chìm hẳn vào đủ loại màu sắc chung quanh. Một bức tranh, anh nghĩ. Bây giờ, cô bé di động. Băng qua đường. Lại leo lên lối mòn nhỏ. Một cơn gió tới. Lá rụng dào dạt. Lá xoắn xuýt đeo theo cô bé đến khi, một lần nữa, cô bé khuất khỏi tầm nhìn của anh.

Từ đó, suốt những ngày mùa thu còn lại, anh áng chừng giờ xe buýt đỗ để trở về. Thịnh thoảng, anh đi vào lúc tảng sáng, khi xe buýt đến đón học sinh. Buổi sáng, học sinh tụ lại một chỗ. Riêng cô bé vẫn đứng riêng ra khỏi đám đông. Vài lần đầu, anh đoán cô bé vẫn nghĩ là anh chỉ tình cờ đi ngang. Nhưng có lẽ sự chính xác về giờ giấc, và hơn hết thảy, cái nhìn, rồi những cái ngoái nhìn của anh, dần dà khiến cô bé biết rằng, anh muốn gặp cô, nhìn ngắm cô. Hình như cô hơi khó chịu. Vì anh bắt gặp một vài lần, cô liếc nhìn anh, nhíu mày lại, vẻ bực bội. Nhưng chỉ một thoáng thôi, khuôn mặt cô trở lại y như cũ, lạnh lùng, xa vắng. Có lẽ cô bé quên anh liền ngay lập tức, dù biết anh đang đi ngang trước mặt cô, đang quan sát cô, và có thể đang toan tính một điều gì đó. Riêng với anh, cô bé bỗng dưng trở thành một chút gì của anh, một cái gì chui vào đời sống của anh, một cái gì như ngọn lá vừa nảy mầm, như búp măng non vừa lú. Những ngày tháng trước mặt trở thành thúc dục băng quơ. Yêu? Chắc không. Cô bé còn nhỏ quá. Vả lại, nếu đó là cô bé Việt Nam thì sự tình có khác. Đàng này, cô bé là Mỹ. Mọi thứ đều cách xa vời vợi. Vậy thì là gì? Chẳng là gì cả. Anh thấy thích cô bé, thế thôi.

Một hôm, anh chợt có ý nghĩ đi theo cô bé. Nghĩ là làm ngay. Khi cô bé rời gốc cây, băng qua đường, thì từ trên lưng dốc, anh chậm rãi quay lại. Thay vì theo cùng lối đi với cô bé, anh leo hẳn lên ngọn đồi, rồi từ phía trên, lần bước theo một lối đi khác. Cô bé lững thững bước trên lối mòn đầy những viên đá nhỏ. Thịnh thoảng cô trượt chân, vịn tay vào một nhánh cây, rồi tiếp tục bước. Xuống hết đồi, bắt đầu ra đường lộ, không hiểu sao, cô đứng lại, quay lui nhìn ra phía con dốc. Có lẽ cô ta muốn xem thử anh còn ở đó không. À, thì ra, cô bé có nghĩ đến mình. Anh định làm một tiếng động gì đó để gọi sự chú ý của cô, nhưng thôi. Anh đứng tựa vào gốc cây, im lặng nhìn. Cô bé đi dọc theo lối đi một đoạn, đợi đèn giao thông, băng ngang đường trở về nhà cô, chắc là ở một nơi nào đó dưới *downtown*.

Hôm sau, theo lối cũ, anh lại đi theo cô bé. Lần này, khi xuống hết đồi, cô bé quay lui và nhìn thấy anh. Làm như không để ý, cô vẫn tiếp tục bước. Nhưng không hiểu sao, cô dừng lại, quay về hướng anh, đưa một bàn tay lên, dứ dứ trong không trung. Cô bé muốn nói gì, ai mà biết. Anh im lặng quay về. Rồi cứ thế, ngày lại ngày, anh tiếp tục đi ngang con dốc, đợi nhìn cô bé mà anh yên trí có cái tên Cynthia. Có lẽ cô bé không còn cái bối rối, bực bội của những ngày đầu khi biết có người chú ý đến mình. Từ chỗ có vài phản ứng, cô đi đến chỗ xem thường sự có mặt của anh. Nghĩa là, mặc cho anh nhìn, anh đợi, anh đi theo, cô bé làm như không biết. Cô sống trong thế

giới rất riêng nào đó của cô, với vẻ mặt như càng ngày càng rời xa mọi tình huống chung quanh. Cô bé bước đi, hoang đường, mộng mị. Anh cũng thế. Anh đi qua con dốc của anh trong hoang đường mộng mị. Hình ảnh cô bé đứng dựa gốc cây, hai tay vòng trên đầu, chân đứng tréo lại bây giờ trông như một bức tranh. Anh ngắm cô như ngắm một bức tranh đăm đuối trong rừng thu.

Cứ thế, mùa thu qua đi rất nhanh. Khi những rừng cây trụi lá, lập tức cái lạnh vùn vụt quay về. Tuyết đầu mùa rơi sớm hơn mọi năm, ngay vào giữa tháng mười một. Suốt tháng mười hai và đầu tháng giêng, tháng hai, tuyết dồn dập đổ xuống. Anh buộc phải dùng xe đi học. Con dốc của anh, tuyết un đồng hai bên. Trạm xe buýt học sinh phải dời xuống đường lộ chính. Cây chơ vơ. Người chơ vơ. Núi đồi chơ vơ. Phố núi hoang vắng khốc liệt. Nhất là con dốc. Những ông cụ bà cụ biến mất sau những ngôi nhà tuyết phủ trắng xóa như những ngôi mộ. Ai đã chết đi? Ai còn sống? Con dốc thân thương của anh hầu như biến mất. Anh sống trong một mùa đông bàng hoàng vì cô bé biến mất y như thể tuyết đã chôn vùi cô ở một chỗ nào đó. Gốc cây sồi vô hồn. Như đã hóa thạch ngàn năm.

Đến tháng ba, các đợt tuyết cách quãng dần. Những cụm tuyết bên đường tan đi, thắp xuống, rồi biến mất. Mùa xuân trở lại. Có nghĩa là cô bé trở lại.

*

Và cô bé trở lại thật!

Sau mùa tuyết, trạm xe buýt dời về chỗ cũ. Ở đó, dưới ánh nắng tươi mới, anh lại nhìn thấy cô bé. Cái áo choàng nhiều màu khiến cô bé có vẻ vui lên. Mà cô dường như vui thật. Khác hẳn dung nhan hồi mùa thu. Nét mặt cô sáng lên trong nắng, mất đi cái vẻ ủ dột bất thường ngày nào. Đồi má phúng phính hồng. Tia nhìn reo vui. Khi anh đi ngang, cô ném về anh một cái nhìn, như chào. Anh lầm bầm "How are you doing, little girl?". Lên một đoạn, anh dừng lại nhìn lui. Thay vì đứng dựa gốc sồi, lần này, cô bé tung tăng chạy theo đám bạn học đi xuống, biến mất dưới con dốc. Hôm sau, rồi hôm sau nữa, cũng thế. Xuống xe buýt, cô bé hòa nhập vào đám bạn, đi về. À, thì ra, cô bé không còn thích đứng dưới cây sồi nữa. Cô đã thay đổi. Và anh ngẩn ngơ. Anh tưởng như mình vừa mất đi một cái gì vô cùng quý giá, vô cùng trọng đại. Đúng rồi, cô không còn là của anh nữa. Anh mất cô. Dù vậy, ngày lại ngày, anh vẫn gắng gượng trở về đúng giờ để nhìn cô bé với hy vọng cô sẽ trở lại đứng dưới gốc cây sồi như cũ.

Một hôm, anh không trông thấy cô bé.

Hôm sau, anh không trông thấy cô bé.

Hôm sau nữa, cũng thế.

Cô bé biến mất. Đứng trên con dốc nhìn xuống đám học trò tung tăng ra về, Tụng băng khuâng, bối rối với ý nghĩ rằng anh sẽ không bao giờ tìm thấy lại cô bé nữa. Đợi cho đám học trò biến hẳn dưới chân dốc, anh lững thững quay về nhà, lòng trống vắng. Khi vừa đến cổng, anh ngạc nhiên khi nhìn thấy ba chiếc xe cảnh sát đậu kế nhau, bịt hắt lối vào nhà anh trọ. Thấy anh về, một viên cảnh sát cao to ra dấu cho anh dừng lại, hỏi giấy tờ, rồi báo cho anh biết anh bị bắt. Một viên cảnh sát khác nhanh nhẹn còng tay anh lại, dẫn anh vào nhà. Anh ta buộc anh ngồi im trên ghế sofa trong lúc những người kia lục lọi khắp nhà. Tất cả sách vở, đồ đạc bị xáo tung lên. Mọi góc ngách trong nhà đều bị rọi đèn xem xét. Họ chẳng tìm thấy gì. Cuối cùng, họ dẫn anh ra xe, chở về sở cảnh sát. Anh hoang mang, không hiểu vì sao mình bị bắt, cho đến khi cuộc thẩm vấn bắt đầu. Thì ra, anh bị tình nghi dính líu đến một cô bé học sinh 13 tuổi bị mất tích mấy ngày nay. Đúng là Cynthia của anh! Không, cô bé không phải tên Cynthia như anh tưởng tượng. Cô ta tên Maria Zone. Anh bị trực tiếp hỏi cung cũng như khai báo hai ngày liên tiếp.

Tảng sáng ngày thứ ba, anh được thả ra với lời xin lỗi của viên cảnh sát trưởng toán thẩm vấn. Anh ngạc nhiên. Thay vì giải thích lý do cho anh, người cảnh sát chìa cho anh tờ nhật báo mới nhất, chỉ cho anh bản tin quan trọng in ngay trang đầu: *Một Vụ Dụ Dỗ Gái Vị Thành Niên Qua Internet. Cô Bé Maria Zone Đã Bỏ Nhà Trốn Đi Với Một Người Đàn Ông.* Anh giật thót người. Thế là cô bé đã bỏ đi. Bản tin cho hay: Maria Zone, học sinh lớp 8 trường Stoneland, sau khi rời xe buýt nhà trường, thay vì về nhà như thường lệ, đã đi thẳng luôn. Sau ba ngày điều tra, cảnh sát đã xác định được tung tích của người đàn ông dụ dỗ cô bé có tên là James Clark, 25 tuổi, mà Maria quen qua Internet hơn một năm qua. Mẹ của Clark cho biết anh ta là một tay ghiền computer hạng nặng. Hầu hết thì giờ rảnh rang trong ngày, anh ta cúi mũi vào màn hình. Gia đình Maria cho biết, cô bé cũng cúi cúi trên màn hình hằng đêm. Hiện mọi ngã đường, trạm xăng, khách sạn, motel, quán ăn... đều được thông báo về nhân dáng của cả hai để mọi người dễ nhận diện. Một đường dây điện thoại ưu tiên được thiết lập riêng cho việc tìm kiếm tung tích cặp tình nhân.

Đọc xong mẫu tin, Tụng xếp tờ báo lại, nhìn vọng về khu núi đồi, nơi có con dốc băng ngang, kêu lên nho nhỏ với chính anh: Cynthia, Cynthia! Rồi anh lặng lẽ leo lên chiếc xe cảnh sát dành riêng để đưa anh về nhà. Đến đoạn đường bắt đầu lên dốc, anh xin xuống xe. Viên cảnh sát nhắc lại lời xin lỗi. Anh chỉ con dốc, cười: "chỉ tại con dốc này". Người cảnh sát cười mà không chắc đã hiểu hết ý anh. Đợi cho chiếc xe chạy đi, anh lặng lẽ leo dốc. Nắng mùa xuân rực rỡ đổ xuống núi đồi. Chỉ toàn nắng là nắng, vì mới đầu xuân, cây cối chưa kịp trở lá. Con dốc trống hoang, trống hoác và vô tình một cách lạ thường. Đến gốc cây sồi, anh dừng lại. Anh bắt chước cô bé, đứng dựa vào gốc cây, hai chân bắt chéo, hai tay vòng lên đầu, nhìn quanh.

Có lẽ, từ nơi này, cô bé đã tưởng tượng, đã mơ mộng, đã vẽ vờ ra những hình ảnh ước mơ của riêng cô. Có lẽ từ nơi này, cô đã buồn, đã vui, đã xao xuyến, đã lo lắng, đã chờ đợi. Cũng có lẽ từ nơi này, cô đã toan tính, một toan tính người lớn nhiễm đầy chất trẻ con. Từ nơi này, cô bé đã gặp anh, có lẽ cũng chẳng khác gì bắt gặp một chiếc lá trong hàng ngàn chiếc lá vô tình rơi ngang trước mặt cô. Bây giờ, cô bé đang sống cái thế giới của cô. Anh cố tưởng tượng là cô đang hạnh phúc – hạnh phúc của đứa trẻ con được cầm trong tay một món đồ chơi mới toanh, mà mò mò tìm cách xử dụng nó. Riêng anh, món đồ chơi đó khiến anh bùi ngùi. Rất vô cớ.

*

Ngày 10/4

Cư dân nhiều khu vực trong tiểu bang gọi về cảnh sát cho biết đã tìm thấy dấu vết của đôi tình nhân ở nhiều nơi khác nhau. Một người đàn ông ở Parson cho biết đã nhìn thấy họ rời một quán ăn Tàu trên đường 18. Một người khác ở Holden cho hay họ đã nhìn thấy chiếc xe thể thao màu đỏ ở trên có đôi tình nhân, chạy ngang qua khu rừng Tourine lúc chập tối hôm qua. Một người khác nữa quả quyết thấy tận mặt đôi tình nhân đi dạo ở downtown, thị trấn Eden.

*

Ngày 11/4

Cảnh sát tìm thấy trong khu rừng thưa gần hồ Webster một cái lều nhỏ với một số đồ vật vương vãi chứng tỏ có người vừa rời đi một vài giờ trước đó. Có thể là cặp tình nhân Zone-Clark đã ở đây. Cuộc tìm kiếm vẫn tiếp tục trên nhiều khu vực khác nhau.

*

Ngày 12/4

Xác một bé gái tìm thấy ở một hồ bơi công cộng kế khu nghỉ mát Wachusett. Cư dân địa phương không ai nhận đó là thân nhân của mình. Cảnh sát đang giao nhiệm để xác định lai lịch nạn nhân xem thử đó có phải là Maria Zone không?

*

Ngày 13/4

Tung tích cặp tình nhân vẫn bật tằm.

*

Ngày 14/4

Phỏng vấn bố mẹ của Maria Zone. Bà mẹ cho biết Zone là một cô bé rất ngoan, học hành chăm chỉ, không mấy khi trái lời cha mẹ. Điểm học khá tốt. Zone mới bắt đầu sử dụng Internet chừng một năm trở lại. Trước đó, cô ít khi đụng tới computer. Những ngày trước khi cô bỏ đi, cô trông vẫn bình thường, không có dấu hiệu rối loạn tâm lý nào. Sáng sớm ngày cô bỏ đi, trước khi đi học, cô còn chạy lại hôn bố mẹ một cách vui vẻ.

Cuộc điều tra tổng hợp của cảnh sát, nhân viên sở xã hội cũng như giáo viên lớp cho thấy không có dấu hiệu child abuse, hay domestic violence trong gia đình Maria Zone.

*

Ngày 15/4

Lai lịch của James Clark, người đàn ông đang bị truy nã vì tội dụ dỗ gái vị thành niên. Anh ta tốt nghiệp college ngành kế toán, nhưng không chịu kiếm việc làm. Không có dấu hiệu nào khác thường, ngoài tật nghiện computer. Suốt ngày đêm, anh ta ôm cái computer, quên cả ăn. Rất ít bạn bè. Hiếm có bạn đến nhà. Mọi liên lạc đều trao đổi qua Internet. Không thấy có bạn gái.

*

Ngày 16/4

Cuộc tìm kiếm cặp tình nhân diễn ra nhiều nơi. Cảnh sát tiểu bang yêu cầu hai bang láng giềng giúp đỡ bằng cách tuần tiểu thường xuyên trên đường ranh tiểu bang.

*

Ngày 16/4

Không có dấu hiệu lạc quan nào. Cặp tình nhân vẫn biệt mù tằm cá.

*

Đến ngày 17/4, các báo địa phương ngưng loan tin về Maria Zone. Thay vào đó là các hot news khác: hai anh em vị thành niên đồng lõa giết chết cả cha lẫn mẹ; một đường giây buôn lậu ma túy bị khám phá; một đại úy hải quân bị bắt vì tội oa trử vũ khí cho bọn buôn lậu vũ khí bất hợp pháp; hai ông bà già bị cháu nội tố cáo quấy nhiễu tình dục ...

Mãi cho đến ngày 28 tháng 7, mới có thêm một mẩu tin về Maria Zone:

Cảnh sát vừa bắt giữ một chiếc xe thể thao màu đỏ, trên đó có một người đàn ông và một cô gái vị thành niên. Xe chạy trên một lối đi băng ngang khu rừng Grove vắng vẻ lúc chập tối. Người ta

tưởng rằng đã tìm thấy cặp tình nhân Clark-Zone. Nhưng hóa ra không phải. Đó là hai anh em ruột, cư ngụ ở bang kế bên.

*

Từ đó về sau, tin tức về vụ Maria Zone biến mất hẳn trên các báo địa phương. Cặp tình nhân ở đâu, không ai biết. Cảnh sát có tiếp tục tìm kiếm hay không, không ai hay. Gia đình cô bé bây giờ ra sao, không ai rõ. Xã hội luôn luôn có những tin tức mới nóng sốt hàng ngày, chôn vùi đi – có khi chôn vùi vĩnh viễn – những tin tức đã trở thành cũ, nhàm chán.

Riêng Tụng, mùa hè năm đó, hình như anh cũng quên hẳn cô bé Cynthia của anh. Anh vẫn đi lại trên con dốc, cái dốc núi thân yêu, mà có phần chắc sẽ là một chặng êm đềm hiếm có trong cuộc đời anh.

Cứ thế, sau mùa hè sẽ là mùa thu.

Và Tụng đợi mùa thu đến!

Không phải chỗ của bọn mình

Anh hào hứng đạp lên dốc Nam Giao, quẹo về hướng lăng Tự Đức. “Nhà Hồng dễ kiếm lắm vào thẳng khi nào gặp khúc quẹo dừng lại ngôi nhà ở bên phải bên ngoài có cái cổng gỗ bọc bằng thép gai khi rảnh anh cứ lên chơi nhà vắng lắm.”

Anh tìm ngay ra con đường Hồng chỉ. Đường núi ngoằn ngoèo. Những con dốc nhỏ đầy đá sỏi. Rừng cây thưa. Núi rừng vào xuân nghe thơm mùi hoa và mùi lá mới. Buổi chiều, chim hót hiếm, mệt mỏi và lạc lõng. Anh tìm ra ngay ngôi nhà. Phải dắt xe lên bốn, năm tầng cấp đá bằng đá núi. Đẩy nhẹ, chiếc cổng gỗ mở ra ngay.

Nghe tiếng động, một chú chó nhỏ từ góc sân chạy ào ra sủa inh ỏi. Anh dừng lại, nhìn vào trong chờ đợi, lòng áy náy không yên. Một bà già lưng còng bước ra khỏi cửa nhà, đưa tay lên ngang mắt để nhìn cho rõ, dậm chân bước. Bỗng tiếng Hồng reo lên:

- Kia, anh Lục.

Nàng chạy vội ra cổng, hai tay vịn vào chiếc ghi đông:

- Hồng biết mà, thế nào anh cũng lên. Vào đây, vào đây. Anh để xe đâu đó cũng được. À, mà dắt vào đây đi. Chẳng có ai thềm lầy của anh đâu, nhưng dắt vào đây cho yên trí.

Lục dắt xe vào. Dừng lại trước khoảng sân nhỏ, anh hỏi:

- Thuận đâu?

Hồng cười:

- Đừng nhắc Thuận ở đây. Hồng rủ anh lên đây là anh biết rồi. Thuận không thích nơi này. Mà này, vào đây, vào đây. Hồng chỉ cho xem cái này.

Lục cúi đầu chào bà già đang đứng ở cửa nhìn anh. Hồng nói:

- Bà vú của tụi Hồng đó. Bà ở với tụi Hồng từ thời còn con gái. Giờ nghểng ngãng nặng rồi.

Vừa bước qua ngưỡng cửa, Lục đã cảm nhận ngay không khí hoang vắng của căn nhà. Mọi vật đều nằm ở vị trí của chúng y như thể chúng đã ở đó từ rất lâu và cứ mãi như thế, không thay đổi. Chúng sạch sẽ, thứ tự. Từ cái tủ thờ rất xưa cho đến bộ bàn gỗ khá mới. Từ chiếc ngựa bóng láng nằm ở góc nhà cho đến cây đàn ghi ta cũ kỹ treo trên tường. Chỗ kia là cặp “găng” quyền anh, cái mũ “phớt”, chỗ nó là chiếc khăn vành màu vàng, cái tủ “két” thấp. Thấy Lục ngẩn ngơ quan sát, Hồng cười:

- Có gì lạ mà anh nhìn dữ vậy?

- Mọi thứ như trong viện bảo tàng.

Hồng cười:

- Không sai. Đây là viện bảo tàng gia đình Hồng đấy. Mọi thứ ở đây đều là di vật của ba mẹ Hồng.

Lục rùng mình. Anh hỏi:

- Không có ai ở đây cả sao?

- Chỉ có bà vú với Hồng thôi. Còn ai nữa đâu. Mỗi người một phương cả rồi. Vú, vú, coi đóng cửa lại đi vú. Hôm nay vú đã nhớ tưới vòng cải chưa? Anh bạn của “miu” chỉ nhìn thôi chứ không đụng đến vật gì của vú mô, đừng có sợ, vú. Có gì “miu” đền cho vú.

Lục ngạc nhiên:

- Miu?

- Miu là tên ở nhà của Hồng. Bà vú chỉ nhớ tên “miu” thôi. Gian nhà này là do bà giữ gìn, nên thấy có ai lạ vào là bà sợ. Vú muốn tất cả vẫn để nguyên như thế, không ai được sờ mó, di chuyển. Thôi vú đi đi, để Miu đóng cửa cho.

Hồng kéo tay Lục đi qua một căn phòng khác nằm phía sau. Căn phòng nhỏ nhắn, tươm tất có khuôn cửa sổ trông ra một vùng cây cỏ um tùm mọc dọc theo sườn một con đồi. Phòng có một kệ sách nhỏ, toàn là sách học. Tường treo đầy hình Hồng, hầu hết đều trong bộ đồ áo dài trắng học trò. Một vài tranh tĩnh vật rất cũ, chỉ còn nước sơn mà không nhìn rõ hình.

- Một thư phòng, Lục nhận xét.

Hồng nói:

- Anh thấy sao? Đây có phải là một nơi ẩn dật tốt không?

Lục không trả lời. Anh hỏi lại:

- Vậy thực sự Hồng ở đâu?

- Cả hai nơi. Dưới phố chỉ là nhà thuê, cho mấy cháu đi học và chạy các chuyện linh tinh. Lúc nào rảnh, Hồng về ở đây. Đây mới là nhà.

Hồng chỉ một số bánh trái, thức ăn bày trên chiếc bàn nhỏ để ngang chính giữa phòng:

- Hồng có linh tính là thế nào anh cũng sẽ lên, nên anh xem, Hồng sửa soạn một số thức ăn để mời anh. Có cả rượu nữa đấy nhé. Rượu trắng đảng hoàng. Hồng nhờ mua dưới Truồi đấy. Hồng nghe nói rượu Truồi nguyên chất rất ngon, phải không anh?

- Có lẽ vậy. Nhưng cái gì mà Hồng linh tính ghê vậy?

- Hồng không nói láo anh mô. Anh xem, ở đây, đâu có ai lên. Ai quen Hồng, cần gặp Hồng thì đến nhà dưới phố. Không ai biết chỗ này. Mà lạ lắm anh, hôm kia hay hôm qua gì đó, tự nhiên, con mắt Hồng nó giật giật. Hồng nhủ thầm mai một thế nào cũng có khách. Hồng chắc mẫm rằng khách nhất định là anh.

Lục ngạc nhiên:

- Ngày nào Hồng cũng lên đây sao?

- Hồng ở đây cả tuần rồi.

- Không về lại dưới đó sao?

- Ừ.

- Thế mấy đứa nhỏ?

- Mấy đứa về bên nội.

Lục nhìn Hồng, bỡ ngỡ nhận thấy người đàn bà này dường như có cái gì khác hẳn những điều anh thường nghĩ về. Nàng có quá nhiều nét tương phản. Tiểu thư và dân dã. Ngông nghênh và nhu mì. Liếng thoảng và nghiêm túc. Lang bạt và gia giáo.

Loay hoay làm một số việc gì đó xong, Hồng trở lại, kéo chiếc ghế nhỏ, ngồi đối diện với Lục. Hồng nhỏ nhắn hơn trong bộ đồ lụa hồng với hàng nút gài bên hông, có cặp tua bằng vải thắt lại với nhau, phần còn lại thông dài xuống quá thắt lưng. Cổ áo tròn, khoét rộng, để hở một khoảng ngực nhỏ, trắng trắng hồng hồng, gợi cảm. Anh dừng cái nhìn lại hơi lâu trên khoảng ngực đó. Nhưng chợt bất gặp cái nhìn trên cột của Hồng, anh lên tiếng cho đỡ ngỡ ngàng:

- Hồng trông chẳng khác gì con mèo nhỏ.

Hồng reo lên:

- Trời ơi, anh nói sao không khác câu nói của một người bạn à...một người quen Hồng. Sao, ngọn gió nào đưa anh tới chiều nay?

- Tình cờ. Lúc đầu, không có ý định gì hết. Rồi không hiểu sao, tôi quyết định lên đây. Không, có lẽ lúc đi ngang trường Đồng Khánh, chợt nhớ hôm nọ, Hồng rủ tôi vào trường. Tóm lại, tình cờ.

- Ừ, tình cờ. đời, người ta hay gặp những chuyện tình cờ như thế.

- Có những tình cờ làm thành lịch sử đó, Hồng ơi.

Vượt qua khỏi đám ngầy chằng chịt lẫn nhiều cây hoang mọc quanh khu mộ, cả hai bắt đầu leo lên ngọn đồi bên cạnh. Rừng rậm dần. Cây thấp, mọc san sát. Mùi lá ẩm mùa đông còn lại trộn lẫn với mùi hoa dại mùa xuân tạo nên một mùi tổng hợp là lạ. Lục khoái, hít hà liên tục. Hồng đi trước, leo dốc một cách khó khăn, nhưng có vẻ thích thú. Thỉnh thoảng anh phải đỡ nàng hoặc cầm tay nàng kéo lên một đoạn dốc đầy sỏi và đá vụn. Đến một con đường mòn chạy vòng vèo quanh đồi, Hồng dừng lại, chỉ khu rừng trước mặt:

- Nếu băng qua hết khu này, ta sẽ đến lăng Tự Đức.

- Hồng đi đường này đến đó rồi sao?

- Chưa hề, nhưng Hồng đoán thế.

- Cô định rủ tôi băng rừng đến đó không?

Hồng cười:

- Ừ. Đi suốt đêm nay.

Qua khỏi con đường, hai người đi vào một khu rừng khác. Trên đỉnh đồi, mặt đất trông bằng phẳng hơn. Khỏi cần phải leo dốc, vịn cây. Hồng bắt đầu kể:

- Ba Hồng mất lúc Hồng còn quá nhỏ. Chết vì lý do gì, Hồng lờ mờ lắm. Mẹ Hồng chỉ nhắc sơ sài, khi tụi Hồng hỏi. Đại loại thì vì chính trị cũng có, mà kinh tế cũng có. Ba Hồng là thầu khoán. anh nói gì à...thì thầu khoán đương nhiên là giàu rồi. Chẳng biết ba Hồng có tham gia hoạt động chính trị gì không, nhưng người ta vu vạ chuyện chính trị để bắt giữ ông. Một thời gian sau, người ta thông báo về nhà là ba Hồng tự tử chết. Nghe nói ba Hồng bị bức tử. Sau khi ông chết, dần dần tài sản của ông lần lượt bị tịch thu hoặc phá hoại. Cuối cùng, gia đình Hồng chẳng còn gì ngoài một căn nhà nhỏ để ở. Mẹ Hồng buồn, mang trọng bệnh. Bà quyết định bán căn nhà dưới phố, lên mua khu vườn này, hy vọng vận rủi không còn đuổi theo gia đình nữa. Nhưng rồi bà buồn, đau và chết. Tụi Hồng chôn cất bà ở đó, đồng thời dời mộ ba Hồng về luôn. Để hai ông bà được ở gần nhau. Bà mất rồi, tưởng yên. Thế mà vận rủi vẫn cứ đuổi theo gia đình Hồng. Anh chị em Hồng tứ tán, người chết trận, kẻ mắc bệnh nan y, người bị điên, ôi thôi đủ thứ. Nghiệp nặng. Còn Hồng, như anh thấy, dở dang, bất định...

Giọng Hồng nghe bình thản như kể lại chuyện buồn của một ai đó. Chỉ có hơi trầm xuống khi chấm dứt. Anh vừa lắng nghe vừa nhìn khoảng rừng trước mặt với khoảng trời và chòm cây chen nhau dưới ánh nắng chiều vương vất mệt nhọc. Đã nghe tiếng chim gọi nhau về tổ. Thỉnh thoảng có tiếng chạy đuổi nhau của con sóc hay một loài thú leo trèo nào đó. Anh tưởng Hồng sẽ kể tiếp câu chuyện, nhưng nàng yên lặng bước, khuôn mặt chùng xuống, tối đi. Đôi mắt long lanh như thể sắp khóc. Mà khóc thật! Hồng nhấp nháy mắt. Hai vệt nước lăn dài xuống má. Bất giác, anh đi sát với Hồng hơn. Anh nói:

- Cũng buồn nhỉ. Nghe như truyện.

- Ừ, thì buồn, tất nhiên thôi. Hồng nghĩ đến nghiệp báo. Nhưng anh xem, thời buổi này, khối chuyện còn thâm hơn nhiều.

Không khí lặng đi.

Nhưng rồi, Hồng trở lại vui vẻ, nhí nhảnh như thường lệ. Giọng vẫn trong veo như bao giờ:

- Anh có nhớ hôm tụi mình đi xem văn nghệ ở Tổng Hội không? Sau khi anh bỏ về, tụi Hồng cũng bỏ về. Vì sao anh biết không? Không có anh Hồng mất hứng. Vậy đó. Có ai mô mà chia sẻ. Phải có người mà chia sẻ mới vui chứ. Mà anh biết sao không, ngày hôm sau, nghe Thanh nói ở trường Đại Học Sư Phạm họ làm vui lắm. Hội thảo, đốt sách, hát. Không, họ không dám hát bài “Dậy mà đi” nữa. Họ hát mấy bài như “Ai đi mô cũng nhớ về Hà Tĩnh”, “Công trường Kẻ Gỗ”. Anh có biết bài “Ai đi mô cũng nhớ về Hà Tĩnh” của ai không? Không biết phải không? Mà anh có nghe bản đó bao giờ chưa? Thì hát ra rả trên đài phát thanh mà. Đoán thử xem? Chịu há? Của ông Trần Văn Tý đấy. Trần Văn Tý Dư âm ấy mà. Hai bài hát khác nhau một trời một vực, phải không? Này, mà vợ chồng Thanh sắp vào Nam ở rồi đó. Có nơi có chốn đàng hoàng thế mà đi mới lạ. Sao ai cũng thích vào Nam cả thế nhỉ? Đi hết rồi ai ở đây nữa. Này nhé, Thắng đi, không Thắng vượt biên, à thì vượt biên cũng là bỏ Huế mà đi vậy. Rồi hai vợ chồng Phúc này...

Thấy sắp băng qua một con đồi nữa, Lục ngắt ngang hỏi:

- Đi đâu Hồng?

- Chẳng biết đi đâu nữa. Thì cứ đi. Đi đại. Đến đâu thì đến vậy. Nếu đến được nơi nào chưa có dấu vết con người thì tốt.

- Không có đâu. Thế giới này bị tục hóa cả rồi. Không còn nơi nào an lành cả. “Không nơi ẩn nấp”.

Hồng chỉ một khoảng rừng trống phía trước:

- Hay đến đàng kia đi.

Hai người im lặng bước. Đến nơi, nàng trải tấm ni lông và bày biện đủ thứ lấy từ túi xách: bánh bọc lọc, bánh ít, bánh ngọt, chả và chai rượu.

- Ngồi xuống đi anh. Hồng nói.

- Hồng làm y như bữa tiệc vậy.

- Vâng. Một bữa tiệc. Tiệc của những kẻ lạc loài.

Thấy Lục dè dặt ngồi ở mé ngoài tấm ni lông, Hồng nói:

- Lại đây với Hồng. Hồng chẳng còn gì để ngại. Cũng chẳng còn gì để đề phòng cả. Cũng không còn gì để giữ. Mọi thứ tuênh toang cả rồi.

Nghe Hồng nói, anh nhìn Hồng lạ lẫm.

- Anh ngại sao? Hồng hỏi lại.

- Không. Hồng không ngại thì tôi ngại gì.

Anh ngồi xuống bên cạnh Hồng. Hai người dựa lưng vào gốc cây lớn, da xù xì. Chung quanh đầy cỏ dại, dây leo, xác lá nằm chen chúc nhau. Mặt trời âm thầm lặn đâu đó, khuất sau những vòm cây rậm. Phía trước mặt là dốc đồi thoải chạy về phía đồng bằng. Qua những kẽ hở hiếm hoi giữa các tàn lá, Lục có thể nhìn thấy con đường nhựa và một đôi mái nhà tranh thấp thoáng phía dưới xa. Hoàng hôn.

Hồng rót rượu vào hai chiếc ly nhỏ:

- Nào, uống đi Lục.

- Sợ gì, Hồng. Nào, Hồng cùng uống chứ?

- Dư sức. Không uống thì dẫn Lục lên đây làm gì. Nào!

Lục nốc ngay một hơi, cạn ly. Hồng uống từng hớp một, nhắm mắt, rồi ráng sức nốc một hơi, hai mắt nhắm lại. Nàng để ly xuống, dụi mắt. Mắt nàng đỏ hoe. Đôi vai run rẩy. Hồng úp mặt vào hai lòng bàn tay, nấc lên. Lục táo bạo choàng tay qua vai nàng. Dường như chỉ đợi có thế, Hồng gục mặt vào anh. Anh vớ tay, rót thêm cốc rượu nữa, uống cạn. Người hưng phấn, anh siết nhẹ Hồng vào lòng. Nàng nhỏ nhoi biết bao. Hồng, cô tiểu thư Hồng của ngày nào mơ mộng. Con chim nhỏ của thành phố Huế hồn nhiên. Thuở còn đi học, mỗi lần đi ngang cửa tiệm, thấy cô bé Hồng ngồi bên trong, đẹp đẽ, tươi mới, sáng rỡ, anh liếc nhìn để rồi lủi thủi bước đi, lòng loáng thoáng nhen nhúm một ao ước mơ hồ. Cô bé Hồng lớn lên, lấy chồng, kiêu hãnh và hạnh phúc. Rồi cô giáo Hồng bỏ chồng. Rồi cô Hồng đạp trên dư luận sống với một tay du đãng. Rồi một cô Hồng lang bạt nằm trong vòng tay anh. Yếu đuối, nhỏ nhoi, buông thả. Từ cô tiểu thư Hồng mà anh sẽ sàng nhìn qua khuôn cửa độ nào và cô Hồng giữa núi rừng hoang vắng là một khoảng trời mệnh mông dâu biển, với bao nhiêu vinh nhục và tình cờ. Anh cúi xuống đặt nhẹ trên Hồng một nụ hôn, ngẩn ngơ sợ như thể là không thực. Hồng thì thào trong đôi mắt ướt:

- Đừng nghĩ gì hết, Lục. Nghĩ gì cũng vô ích thôi. Mình chẳng có gì dính dáng đến nhau, Lục có cuộc đời của Lục. Hồng có cuộc đời của Hồng. Đứng ra, mình chẳng có gì để san sẻ cho nhau cả. Nhưng lạ là, cứ mỗi lần nghĩ đến Lục là Hồng thấy có Hồng ở trong. Lạ thế! Còn Lục?

Lục lúng túng:

- Hồng làm tôi ngộp thở, không kịp nghĩ gì hết. Tôi ngộp thở vì...

- Vì sao?

- Vì...thế này này...

Anh kéo khuôn mặt Hồng lên, hôn đắm đuối. Hồng ôm lưng anh, hôn trả. Xác lá kêu lào xào dưới chỗ ngồi. Cơn gió hoang hôn tinh nghịch luồn qua rừng, thổi tấp những cánh hoa nhỏ rơi lòa xòa. Hồng nép vào anh:

- Mỗi lần nhìn Lục, Hồng thấy có nhiều thứ của mình trong đó.

Lục bật cười:

- Thứ gì vậy?

- Nhiều nhất có lẽ là cái ngơ ngác lạc loài. Của Hồng. Của Lục. Mình cứ đi, cứ đứng, cứ nằm, cứ ngồi, cứ ăn, cứ sống, nhưng vẫn chẳng thấy mình dính dáng gì đến cái cuộc sống kỳ quặc chung quanh mình. Như mình không phải sống ở đây. Như mình nằm mơ. Khiếp thật! Mỗi lần nhìn người, nhìn cảnh, không hiểu sao hai câu thơ mà Hồng chẳng còn nhớ của ai: lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đũa, bị quê hương ruộng bỏ, giống nòi khinh. Không, Hồng không chính trị chính em gì hết. Nhưng mà thế. Mỗi lần cố hình dung mình, cách hay nhất là hình dung Lục.

Nghe Hồng nói, Lục nghĩ đến một người khác, không phải Hồng. Anh đẩy Hồng ra xa, ngắm nghía. Có chút gì nhân dáng mình trong người đàn bà nhỏ nhắn, kỳ lạ này không? Ai mà biết. Trước mắt anh, đơn giản chỉ là một cô Hồng nhỏ bé, kỳ lạ. Một Hồng bỗng dưng thuộc về anh.

Anh rót rượu vào cốc của mình. Hồng xô ra:

- Anh không có quyền uống một mình.

Nàng rót đầy ly nàng. Lục nhìn nàng, ái ngại. Hồng nâng ly lên chạm vào ly anh:

- Nào, trăm phần trăm!

Cả hai cạn ly. Lại rót vào. Cạn ly. Rượu vào, tình nồng quay quắc. Lục ngỡ ngác nhìn quanh. Núi rừng vắng vẻ, âm thầm. Từng mảng bóng tối đã xuất hiện đâu đó dưới những tàn cây rậm khiến thân cây và mặt đất trở thành những khối đen thẫm. Xa dưới kia, không còn thấy gì ngoài những mảng tối sáng không đều. Tất cả những khối, những nhánh, những tảng chuẩn bị hòa vào nhau, tan vào nhau. Anh rùng mình. Chợt cảm thấy mình quá liều lĩnh. Hồng nhòm dậy, nhìn anh:

- Trông anh đột nhiên ngỡ ngác như con nai.

- Không.

- Anh sợ à?

- Không sợ. Nhưng Hồng nghĩ coi, thời buổi này...

Hồng nhấp một hớp rượu nữa, cười vang. Tiếng cười đột ngột phá vỡ cái yên lặng núi rừng chiều thần bí, rơi tuột vào khoảng mênh mông dưới kia, tan biến. Hồng níu Lục:

- Dưới kia, không phải chỗ của bọn mình. Dưới kia, sao Hồng sợ quá. Đâu có chỗ nào cho bọn mình, phải không?

Anh ừ, ngồi xuống ôm Hồng, lòng mênh mang. Anh rót rượu, uống vui. Hồng cũng rót rượu, uống vui.

Đêm âm thầm rơi xuống, hoang và sâu.

Một chút

Đêm rồi, Hưng ngủ muộn, vì cố gắng làm xong mấy bài *homework* cho tuần sau. Anh muốn có một chủ nhật hoàn toàn không bận bịu. Nửa đêm, có cơn mưa nhỏ bên ngoài. Gió tạt vào những hạt mưa qua khoảng hở của cánh cửa sổ quên kéo xuống. Anh lười biếng nằm im, để vậy, lắng nghe tiếng mưa tạt, tiếng cửa gương lay động lách tách. Trong giấc ngủ chờn vờn, trí tưởng anh bay về những vùng trời xa xôi, nửa thực nửa hư. Mưa sa, bão táp, lụt lội, ghe đò bập bênh sóng nước bên hiên nhà. Chợt búa bồi hồi mùa nước lũ. Đám con trai, con gái xắn quần cao lội nước. Thời gian không đầu không đuôi, như kéo dài ra vô tận. Cứ thế, anh nằm, anh đứng, anh ngồi, anh chơi. Chậm chạp và lười biếng. Và những mộng tưởng xa vời. Mộng cứ là mộng, chẳng cần phải thành sự thực. Cứ thế...

Và thức dậy sớm. Làm vệ sinh xong, Hưng đứng tựa cửa sổ nhìn ra. Chứa nhật đã ở bên ngoài với bãi đậu xe ngân hàng trần trụi, phơi ra những ô, những lần vạch, những mũi tên vô hồn. Đường phố nằm yên, y như đang ngủ giấc ngủ ngày. Chứa nhật, thời gian dẫu đi, hiền lành, đáng yêu. Như con mèo nhỏ gói đầu trên chiếc dếp ở góc phòng, lim dim ngủ. Anh mặc tình sờ mó, vuốt ve, sờ hữu. Suốt tuần, nó giục anh chạy, nó ném anh vào dòng sông phiêu linh không bến không bờ. Nó chiếm lấy anh, sử dụng anh như một tên nô lệ. Bây giờ, ở đây, lúc này, anh có cảm giác cầm được nó và thả ra từng chút, từng chút. Rất tùy nghi.

Định pha một cốc cà phê, rồi chuẩn bị một tô mì ăn liền với đầy đủ gia vị, thịt thà (mà ngày thường không kịp làm), nhưng thấy bình cà phê sạch nhẵn, anh tự nhủ thôi tới tiệm Mỹ nhâm nhi một cốc cho khỏe. Anh thay áo quần, rồi "lốc" cửa, ra đi. Khác với khu ngân hàng ở bên kia đường, khu chung cư anh ở, ngày chứa nhật ồn ào hơn thường. Đám trẻ con đen, trắng, nâu, vàng chạy nhảy, la hét. Các cánh cửa phòng vốn đóng im ỉm giờ mở toang. Đi ngang qua các căn phòng dân Nam Mỹ, chàng nghe phảng phất cái mùi đặc biệt mà dân Việt Nam ở đây vẫn gọi là mùi "xi" với vẻ mỉa mai. Chữ "xi" bắt nguồn từ chữ "Spanish", dân nói tiếng Tây Ban Nha. Người Việt xem những ai không phải Mỹ chính gốc đều là "xi" và xem thường, thậm chí khinh bỉ họ. Kể ra thì khinh bỉ sắc dân khác cũng là một cách thể tự vệ trong một xứ đa chủng như thế này. Anh nghiệm như thế.

Đúng lúc anh bấm nút "close" để đóng cửa thang máy, thì một cô gái chạy bổ vào, giọng Mỹ sôi:

- Xin lỗi, cho tôi vào với, tôi có chuyện gấp.

Anh đưa tay chặn cánh cửa tự động. Cô gái lách vào qua một khoảng nhỏ còn lại vừa đủ cho thân hình nhỏ nhắn của cô. Nàng thở gấp, nhìn anh:

- Cám ơn, cám ơn.

Vừa nói theo quán tính "không có gì", anh vừa nhìn kỹ nàng và ngạc nhiên thấy cô ta là một người châu Á. Nàng nói tiếng Anh hay thật. Nếu không nhìn nàng mà chỉ nghe, chắc anh vẫn cho nàng là dân Mỹ thứ thiệt. Nàng mặc cái *jupe* xòe dài màu hồng nhạt, điểm những bông hoa tím nhỏ, áo T-shirt màu đỏ tươi, trước ngực có hàng chữ "Take back the night" nằm trong một ô tròn màu đen. Thắt lưng to bản. Tóc bó cao kiểu đuôi ngựa. Phần tóc phía trán được đánh thành hai tua nhỏ kiểu con nít, thả xuống hai bên má, trông thật ngộ nghĩnh, y như kiểu tóc của loại dân Nam Mỹ nào đó. Nàng còn trẻ lắm. Việt Nam, Tàu, Singapore, Nhật hay Lào?

Cô gái đứng yên, nhưng lộ vẻ bồn chồn. Khi thang máy dừng hẳn, nàng phóng ra trước, chạy đi. Anh nhìn theo, tự hỏi cô ta từ đâu đến, đến thăm ai hay mới đến thuê ở. Anh nhìn theo đến khi bóng nàng khuất sau góc phố.

Anh đi uống cà phê, đi giặt, đi chợ. Khi trở về, vừa đậu xe xong, anh chợt thấy bóng chiếc áo đỏ thấp thoáng trong lối đi chính vào khu chung cư. Như có một sức hút, anh rảo bước theo với hy vọng sẽ gặp cô ta. Quả không bỏ công, anh đến đúng lúc thang máy vừa xuống. Cửa mở. Cô gái nhìn anh cười và ra dấu cho anh vào trước. Anh lịch sự nhường lại.

Khi thang máy từ từ chạy lên, anh định hỏi nàng, thì nàng lại bắt chuyện trước:

- Ông ở đây?

- Vâng.

- Tầng mấy?

- Tầng năm. Còn cô, cô đến thăm ai?

- Không, tôi cũng ở đây, tầng bảy.

- Tôi không hề gặp cô lần nào ở đây. Chắc cô mới đến?

- Vâng. Chừng hai tháng.

Hai tháng. Cũng khá lâu, sao anh không hề gặp?

Cuộc đối thoại chấm dứt khi thang máy dừng ở tầng năm. Khi anh chào từ giã đi ra cửa thì cô gái cũng bước ra. Anh dừng lại nhìn nàng:

- Cô không đi tiếp?

- Không, tôi muốn hỏi ông một việc. Ông người Tàu hay người Nhật?

- Cô đoán thử.

- Chắc là người Hồng Kông?

- Sai, Việt Nam.

Cô gái ồ lên một tiếng, tia mắt rực sáng. Nàng đột ngột dang hai tay ra như muốn ôm lấy anh, nhưng kịp buông xuống. Nàng thấp giọng, nói bằng tiếng Việt:

- Tôi cũng là người Việt.

Anh cười:

- Thế thì tôi đoán không sai. Tôi cũng ngờ ngờ cô là người Việt từ khi gặp cô hồi sáng.

- Ngờ ngờ? Tôi không hiểu.

- Ngờ ngờ là phỏng chừng, đoán chừng, là guess.

Nàng cười:

- Tôi kém tiếng Việt lắm.

- Cô nói sành đấy chứ, à... nói giỏi đấy chứ.

Nàng đứng ngẫm nghĩ một lát, rồi nói, giọng ngập ngừng:

- Gặp được anh là người Việt, tôi ...vui lắm. Tôi muốn nhờ...Xin lỗi, nói thế này có hơi, hơi...bất ngờ, anh thông cảm. Có thể nào, tôi ghé thăm anh được không? Không phải bây giờ mà.. mà một lúc nào đó...khi anh không bận...

Anh ngạc nhiên:

- Đến thăm tôi, ờ, ờ...tất nhiên là được. Nhưng... có việc gì không cô?

- Cũng chẳng có việc gì, tôi chỉ muốn có bạn...cho vui.

- Nhưng...nhưng khi nào cô đến?

- Tôi không biết. Khi nào đến, tôi sẽ gọi điện thoại báo cho anh. Mà...mà anh không có gì phiền chứ? Lúc nào thì anh có nhà?

- Chúa nhật, còn ngày thường, tôi chỉ rảnh một chút buổi trưa và sau tám giờ tối.

Cô gái vội vã quay đi. Chợt nhớ ra điều gì, cô dừng lại:

- Vội quá, tôi quên hỏi. Anh có thể cho tôi số điện thoại và số phòng anh không?

Anh ghi số điện thoại và số phòng trên một mảnh giấy nhỏ đưa cho nàng. Nàng vừa quay gót, anh gọi giật:

- Này, cô, tôi chưa có số điện thoại cô.

Nàng quay lại, đến gần anh, nói nhỏ:

- Tôi xin lỗi. Điện thoại tôi gọi ra thì được, nhưng không gọi vào được. Anh thông cảm. Cảm ơn anh.

Nàng đi bộ lên lầu.

Hưng trở về phòng, lòng ngờ ngờ vực vực, không yên. Gặp bất ngờ. Quen bất ngờ. Thêm một cái hẹn bất ngờ. Đã thế, lại hẹn gặp ngay tại phòng mình. Cô ta là ai? Điểm? Dân bụi đời, băng đảng? Gái bất mãn gia đình, trốn nhà ra đi? Nhưng nhớ lại dáng dấp, cử chỉ của cô gái, không có vẻ gì bất thường. Thậm chí, rất là gái nhà lành. Nghĩ thế, anh cảm thấy yên tâm. Và vui. Một niềm vui thật mới. Từ ngày qua Mỹ, sống tách khỏi gia đình, tự lập, anh sống như kẻ chạy đua với thời gian. Cái gì cũng mới lạ, đòi hỏi sự phấn đấu. Không buồn. Chẳng vui. Luôn luôn bận rộn. Bây giờ, tự dưng quen một cô gái. Tự dưng lại được hẹn hò. Anh phấn chấn. Nổi hưng phấn rất thanh niên bấy lâu bị dồn nén bỗng tràn ra, dạt dào. Bùng bùng. Sôi sục. Suốt cả tuần, hể xong việc là anh về nhà. Hể nghe điện thoại reo là có bận việc gì, anh cũng chạy vội đến bốc máy ngay. Nhưng không có điện thoại của cô gái. Sốt ruột, anh lên tầng bảy, đi dọc theo hành lang, mong được tình cờ gặp nàng đâu đó. Chẳng có ai. Hành lang lúc nào cũng vắng tanh. Các cửa phòng đóng im ỉm. Anh có cảm giác như thế giới không có mặt ở đây trong suốt những ngày làm việc. Cô ta ở phòng nào?

Nổi đợi chờ vu vơ khiến nhịp sống bình thường anh bị chao đảo. Anh cố ý kéo dài những giây phút thư giãn, cố ý giảm bớt những bận bịu, cố ý về sớm và tìm cách đi muộn. Thời gian giãn ra, chậm chạp, bứt rứt và buồn nản. Anh bần thần.

Mãi đến tối thứ bảy, cô gái mới điện thoại cho anh. Nàng nói một hơi:

- May quá, anh có ở nhà. Hôm trước, muốn ghé anh, nhưng tìm không ra mảnh giấy anh cho hôm trước. Tôi mới tìm lại được hồi trưa nay trong đồng sách vở. Tôi tên Miên Tâm. Gặp được người Việt Nam ở đây tôi rất vui. Tôi rất ít khi có dịp đi ra ngoài. Chắc anh bận lắm phải không? Chiều

mai, anh có rảnh không, tôi sẽ ghé xuống anh, khoảng hai giờ đến ba giờ. Anh cứ để cửa vậy, tôi vào, khỏi ra đón. À, số phòng anh là 508 phải không... Tôi sẽ xuống. Nhớ để cửa, đừng đóng. Từ hai đến ba giờ chiều mai.

Nói xong, không đợi anh trả lời, nàng đã cúp máy. Anh gác điện thoại, thở phào nhẹ nhõm. Thế là anh đã có một hẹn hò. Ngày chúa nhật sẽ được lấp đầy. Anh sẽ được bận bịu. Anh sẽ có thêm những điều mới mẻ. Thế giới chán ngắt của anh với những màu sắc vụn rời, chấp vá sẽ được điểm xuyết thêm màu tím hay màu hồng của một bông hoa nhỏ. Anh cảm thấy hân hoan, phơi phới. Đầu óc anh đột nhiên đầy những ấn tượng về nàng. Đôi môi đỏ chót, nốt ruồi chệnh chênh bên cánh mũi, đôi bông tai to tròn đu đưa, ngực thấp nhỏ, nụ cười thân thiện, dáng đi hấp tấp, giọng nói tiếng Việt chen lẫn tiếng Anh với những âm nhấn rất Mỹ. À, mà lạ thật, cô gái này đâu có gì đặc biệt, sao lại làm anh xao xuyến như thế! Anh đã từng có bạn gái. Anh đã từng yêu, từng hò hẹn. Thế thì tại sao anh lại băng khuâng như thế này!

Đã khuya. Anh nằm xuống sàn nhà, chấp chờn trôi vào giấc ngủ. Chiếc áo đồ tràn vào giấc mơ.

Từ một giờ, Hưng đã bồn chồn nghe ngóng, lòng thấp thỏm không yên.

Cô gái đến thật. Quá hai giờ một chút, Hưng nghe tiếng bước chân ngoài hành lang. Tiếng gõ cửa thật nhẹ. Cánh cửa nhẹ nhẹ di động. Cô gái đưa đầu vào, nhìn quanh. Thấy anh, nàng cười, nhanh nhẹn lách vào, khép cửa lại. Anh đứng dậy chào nàng, mời nàng ngồi. Cô gái nhìn anh nói:

- Phòng hơi hẹp, anh há.

Anh cười:

- Sinh viên nghèo mà cô.

Nàng bước lui, bước tới ngắm nghía mấy bức tranh, xem mấy cuốn sách anh học. Anh đứng vòng tay nhìn nàng và cố hình dung nàng thuộc loại người nào. Hôm nay, nàng mặc một bộ đồ lụa, may theo kiểu Việt Nam, màu vàng nhạt, có thêu những nhánh hoa hồng ở hai tà trước. Cổ đeo dây chuyền vàng, tóc xõa xuống hai vai. Trông nàng không khác gì những cô gái buôn bán đồ xa xỉ ở chợ Bến Thành. Nàng ngồi xuống, nhìn anh, giọng trở nên thân mật:

- Em tên Miên Tâm. Còn anh?

- Hưng.

- Gia đình anh cũng ở đây?

- Vùng này, nhưng "town" khác.

- Vượt biên hay bảo lãnh?

- H.O.

Nàng cười:

- H.O. qua nhiều thật. Đi đâu em cũng gặp H.O.

- Cô đi đâu mà nhiều thế?

- Em ở nhiều bang lắm. Ở miền Nam có, ở vùng giữa có, giờ lại lên miền Bắc. Em "move" lung tung.

- Để làm gì?

- Đi chơi, đi làm ăn. Mỹ mà, tự do. Còn anh, có đi đâu chưa?

Hưng cười:

- Tôi mới qua, lu bu đủ thứ, đâu có điều kiện để đi. Phải vừa đi học, vừa đi làm.

- Anh học gì?

- Computer.

Cô gái nhìn ra ngoài, qua khung cửa sổ:

- Nghe nói vùng này, mùa đông lạnh lắm. Sao anh không về các bang miền Nam nắng ấm, ở gì đây mà chịu tuyết suốt mùa đông.

Anh cười:

- Lúc mới qua cũng ngán. Nhưng hai mùa tuyết rồi, đâu có sao. Cô uống cà phê nhé?

Nàng nhìn lên:

- Em không thích cà phê. Anh có bia không?

Anh hỏi, giọng ngạc nhiên:

- Cô uống bia được à?

- Sao lại không! Một hai chai thôi. Anh ngồi đi, em tự lấy cũng được.
 Cô gái đứng dậy, đến tủ lạnh, mở cửa. Nàng nói:

- Budweiser. Không có Heineken. Em khoái Heineken. Nhưng Budweiser cũng OK.
 Nàng lấy một lon đến ngồi ở bàn, khui uống. Nàng uống bia tự nhiên, thành thật, ngon lành. Nhìn cung cách nàng, anh hãi. Nàng hỏi:

- Anh không uống?

- Tôi ít khi uống bia ban ngày. Uống vào mặt đỏ gay, kỳ lắm. Chỉ thỉnh thoảng uống một lon trước khi đi ngủ. Cô vẫn uống thường như thế à?

- Không thường lắm. Nhưng giờ này, ngồi ở đây, tự nhiên em thích một chút gì đắng đắng. Uống nước ngọt hoài, chán lắm.

Nàng gác chân lên chiếc ghế thấp đặt kế bàn học. Anh thoải mái ngắm nàng. Những móng chân sơn đỏ chói, cắt tỉa cẩn thận. Đôi bàn tay nhỏ nhắn, móng để dài, cũng sơn đỏ. Bộ đồ lụa trơn láng, mỏng mảnh, thêu hoa cầu kỳ khiến anh nghĩ đến những bà chủ tiệm vàng hay tiệm mỹ phẩm anh thường thấy ở các đường phố bên Việt Nam. Chỉ thiếu cái nét phương phi, bệ vệ. Dáng nàng mảnh khảnh, khuôn mặt nhỏ, đôi lông mày hơi xếch, trông ngổ ngáo khi ngược nhìn lên. Im lặng trầm ngâm, khuôn mặt nàng như tối hẳn đi. Nhưng lúc cười, nàng trở nên đôn hậu, chơn chất. Anh có cảm giác như khi cười và khi im lặng, nàng có hai khuôn mặt hoàn toàn khác nhau. Hẳn nàng có một cuộc sống thoải mái, anh nghĩ. Ít ra thì nàng cũng không phải lao động vất vả trong các hãng xưởng như anh.

Anh hỏi:

- Cô không đi làm?

- Có, nhưng thỉnh thoảng.

- Part-time à?

- Không hẳn thế.

Nàng trả lời ngắn gọn, bằng một thứ tiếng Việt khá chuẩn xác. Tiếng Anh hay, tiếng Việt nàng cũng khá. Anh hỏi:

- Cô sang Mỹ lâu chưa?

- Từ khi em tám tuổi.

- Hèn gì!

Cô gái ngược mắt lên:

- "Hèn gì"?

Anh giải thích:

- Hèn gì cô nói tiếng Anh như...Mỹ. Lớn tuổi như tôi học chậm lắm.

- Anh mà lớn gì! Trẻ măng à, trẻ hơn cả...Garcia...à quên, anh trẻ, ...trẻ lắm.

Không để ý đến lời khen, anh hỏi:

- Cô vượt biên à?

- Vâng.

- Với gia đình?

- Không, một mình em.

Anh sửng sốt:

- Tám tuổi sao cô đi một mình?

Cô gái trầm ngâm một chút rồi trả lời:

- Cha mẹ em gửi em cho một người quen.

À, ra thế! Trước đây, anh không hình dung nổi tại sao người ta có thể gửi đứa con mới mấy tuổi đầu của mình trên những chuyến vượt biên vô cùng nguy hiểm như thế. Có khác gì bỏ con. Dần dà về sau, anh hiểu. Người ta không bỏ con, mà không còn chọn lựa nào khác. Cuộc sống lúc đó đen tối quá, chỉ còn một cách: đánh cuộc với định mệnh. Một đánh cuộc đau đớn. Hơn thế nữa, một đầu tư.

Miền Tâm cúi xuống bàn xoay xoay ly bia, khuôn mặt chùng xuống. Về già dặn toát ra không dấu kín được hết đường nét ngây thơ loáng thoáng đầu đó. Cái vui lẫn quất trong cái buồn. Nàng còn

trẻ. Trẻ và nhỏ. Tự nhiên, anh cảm thấy ngậm ngùi với hình ảnh một cô bé còn măng sữa, trải qua hết tuổi thơ của mình trong một hoàn cảnh lạc loài, cô đơn, xa lạ. Nàng phải trả giá cho một ước mơ lớn của hai đấng sinh thành. Họ có toại nguyện không? Anh nhìn nàng, hỏi:

- Ba mẹ cô vẫn còn sống?

- Vâng.

- Vẫn ở Việt Nam?

- Vâng.

- Cô không bảo lãnh qua à?

Nàng thờ dãi:

- Qua làm gì cho thêm khổ.

Lại kêu khổ, lạ thật! Chẳng khác gì cách nói của cha mẹ anh. Cày ngày cày đêm. Con hư. Mỹ đều. Tình người không có. Vân vân và vân vân.

Cô gái đứng dậy, đi quanh phòng. Nàng ngắm nghía, sờ mó mọi thứ. Đến ngăn có sách báo Việt Nam, nàng lôi ra một tờ tạp chí, mang đến bàn, lật từng trang xem. Hưng chăm chú nhìn. Anh hỏi:

- Cô thích đọc báo Việt Nam không?

Nàng ngẩng nhìn lên:

- Thích. Nhưng... nhưng mà, em không biết đọc tiếng Việt.

Cô gái nhìn đồng hồ trong lúc vẫn lật tới lật lui tờ báo tiếng Việt. Anh hỏi:

- Ai dạy cô nói tiếng Việt?

Nàng nhìn anh:

- Không ai dạy cả. Chỉ bắt chước. Bắt chước người này người nọ. Nhưng nhiều nhất là bắt chước phim bộ.

- Hèn gì!

Anh trầm ngâm nghĩ ngợi, chợt nhớ đến những lần anh than phiền với ba mẹ anh về việc máy đưa em nhỏ của anh xem riết phim Hồng Kông, chẳng mấy khi chịu xem phim Mỹ. Anh bảo cứ xem phim nói tiếng Việt mãi thì bao giờ chúng biết tiếng Anh để theo kịp người ta. Anh chợt bật cười. Cô gái hỏi:

- Anh cười em?

- Không, tôi cười tôi. Nghe cô nói, tôi chợt thấy mình sai. Tôi vẫn cho xem phim bộ Hồng Kông là hư, không ngờ chính nó lại giúp người ta trau dồi tiếng Việt một cách hữu hiệu.

- Hữu hiệu?

- Là tốt, hay, là good.

Cô gái lại xem đồng hồ. Nàng có vẻ bồn chồn. Nàng uống cạn bia, tay cầm cái lon không bóp lên bóp xuống. Nàng nhìn anh, ngập ngừng:

- Em phải về. Em muốn nhờ anh một chuyện.

Chắc bắt đầu ra chiều đây, anh nhủ thầm. Để thử xem.

Giọng nàng thành khẩn:

- Em muốn học tiếng Việt. Anh có thể giúp em được không?

Anh chưng hửng. Anh không thể nghĩ ra một loại đề nghị như vậy. Anh cười:

- Tôi vẫn tưởng cô cần tôi việc gì ghê gớm lắm.

Không đoán được lời nói đùa của anh, cô gái tiếp:

- Thú thật với anh, điều làm em đau khổ nhất là em không đọc được thư nhà và cũng không viết được thư về nhà.

Lời thú nhận bất ngờ giúp anh chợt hiểu một cách sâu sắc nỗi buồn của cô gái. Những giới hạn về ngôn ngữ khiến cô bị cắt lìa khỏi nguồn cội. Nàng có thể nói tiếng Việt, cũng như anh có thể nói tiếng Anh, nhưng thiếu hẳn sự gắn bó giữa những âm, những chữ với cuộc đời. Nàng đầy những kỷ niệm Mỹ, nhưng không cảm thấy mình là người Mỹ. Nàng muốn mình là người Việt Nam, nhưng thiếu hẳn một quá khứ Việt Nam. Tự dưng, anh nhìn Miên Tâm khác đi. Anh hỏi:

- Cô còn nhớ gì về Việt Nam không?

- Không. Lúc đi, em còn nhỏ.

- Quê cô ở đâu?

- Kien Hoa hay Kien Phong, em không nhớ rõ.
- Cô về thăm ba mẹ chưa?
- Chưa. Em định sẽ về, nhưng chỉ khi nào em đọc và viết được tiếng Việt.
Cô gái lại xem đồng hồ. Nàng nhấp nhòm trên ghế ngồi.
- Đến lúc em phải về. Em có việc bận. Anh liệu có thể giúp em được không? Yes hay No
Anh phân vân:
- Giúp thì dễ dàng. Có điều, thì giờ tôi eo hẹp lắm. Như cô biết, tôi vừa đi học, vừa đi làm...
- Em biết. Anh suy nghĩ, em sẽ gọi lại anh tối nay. Dù thế nào, anh cũng rán giúp em. Hy vọng là anh sẽ nói Yes.
Nàng đứng dậy:
- Em về.
Nói xong, nàng rời phòng ngay, dáng hấp tấp. Anh đóng cửa lại, im lặng cảm nhận chút hơi hướm của cô gái như còn thoang thoảng đâu đây.

Hưng đồng ý dạy tiếng Việt cho Miên Tâm. Dù đôi lúc anh hoài nghi ý định thực sự của cô gái, nhưng trong thâm tâm, anh tin rằng nàng thực tình đối với anh. Anh rút bớt những giờ nghỉ ngơi và đi chơi với bạn bè để chỉ dẫn cho cô gái. Chỉ phiền một nỗi: giờ giấc nàng rất tùy tiện. Khi anh rảnh thì nàng không xuống. Khi đang bận thì nàng đòi xuống. Đôi lúc, đang học nửa chừng, nàng đột ngột bỏ về. Anh bực. Biết thế, nàng năn nỉ anh thông cảm cho hoàn cảnh đặc biệt của nàng. Nàng nhắc đi nhắc lại nhiều lần: my special circumstance!

Hoàn cảnh đặc biệt! Bây giờ thì dù không hoàn cảnh đặc biệt đi nữa, anh cũng chiều theo ý nàng. Làm sao mà từ chối cho được. Anh bị nàng hớp hồn rồi! Thờì khóa biểu không cần nữa. Lúc nàng muốn đến, nàng gọi. Anh rảnh, anh dạy. Không thì thôi. Lúc nào nàng muốn đến anh cũng cố thu vén bài vở, công việc để dạy nàng. Điều duy nhất làm anh khó hiểu là điện thoại nàng không gọi vào được. Hỏi tại sao nàng làm vậy, nàng chỉ nói gọn lỏn: "Em thích thế". Đã thế, nàng còn yêu cầu anh đừng bao giờ tìm nàng, dù chỗ nàng ở hay bất cứ ở đâu. Có lần, nghe nàng nhắc mãi lời yêu cầu đó, anh bực mình nói: "Em cần anh, em tìm. Còn anh, anh có việc gì mà phải tìm em nào?" Nàng bịt miệng anh lại: "Đừng nói nữa".

Nàng cư xử tự nhiên như một người tình lâu ngày. Thỉnh thoảng, anh cầm tay nàng. Thỉnh thoảng, anh thở vào tai nàng. Thỉnh thoảng, nàng vịn vai anh. Có lúc nàng mệt mỏi nằm vật xuống chiếc giường đơn nhỏ bé của anh. Có điều, mọi cử chỉ của nàng đối với anh dường như luôn luôn vừa đủ, để không quá xa cách, mà cũng không quá thân mật. Riêng anh, anh vừa dạy nàng học, tỉ mỉ, kiên nhẫn, đầy thiện chí, lại vừa vật vã tranh đấu với bản thân anh. Đôi trai gái trẻ trong một căn phòng nhỏ ấm cúng, thân tình, mời gọi, thế mà cái biên giới mỏng mảnh nằm giữa vẫn còn. Chỉ cần anh cúi sát thêm vào đôi vai nàng. Chỉ cần vòng tay anh khép lại thêm. Chỉ cần nàng ngả đầu thêm vào vai anh. Chỉ cần nàng nằm yên trên giường thêm. Thêm một tí nữa, một tí nữa thôi, tất cả sẽ bị phá vỡ. Ban đêm nằm ngủ, trần trọc với mùi hương hoa phảng phất, với những ý nghĩ vẫn vơ, với sự thúc dục của một cơ thể đang hồi sung mãn, anh định vượt qua mọi giới hạn ngày hôm sau. Nhưng lạ thật, anh yếu bóng vía, vẫn không làm được, vẫn đứng yên bên này lần ranh.

Có lần, tập đánh vần xong một đoạn báo, nàng nằm xuống giường nhắm mắt, áo quần hở hênh, để lộ khoảng bụng trắng ngần. Tự nhủ đó là một tín hiệu mời gọi tích cực, anh lân la đến ngồi xuống gần bên, tay anh bóp cánh tay nàng lần lên phía vai, đầu cúi xuống chiếc ngực phập phồng. Anh cúi xuống, cúi xuống, trái tim anh đập thình thịch trong lồng ngực như muốn vỡ tung. Đúng lúc đó, nàng mở mắt, tay đỡ nhẹ đầu anh, rồi ngồi dậy mỉm cười, bước đến bàn tiếp tục đánh vần. Nàng ít đề cập đến đời sống của nàng hiện tại. Anh có hỏi han chuyện này, chuyện nọ, nàng chỉ cười buồn, khuôn mặt như chùng xuống, tối đi. Gần nàng, thay vì hiểu rõ nàng, thì anh lại thấy nàng bí ẩn và khó hiểu thêm. Càng ngày nàng càng thu mình vào trong cái vỏ bọc. Càng ngày càng tự nhiên nhưng nghiêm trang, đứng đắn hơn. Anh sốt ruột muốn chấm dứt kiểu thầy trò bất đắc dĩ này. Các buổi học dần dần đâm ra đơn điệu, lạnh lùng. Hưng thấy chán nản. Những ý tưởng háo hức ban đầu cơ hồ như tan biến.

Một hôm, nàng điện thoại báo nàng sẽ xuống, anh lạnh lùng:

- Anh mệt.
- Anh đau à?
- Không, mệt.

Anh gác máy đột ngột. Một lát, anh nghe tiếng gõ cửa. Anh uể oải đứng dậy mở cửa. Miên Tâm xuất hiện trong cái "rộp" ngủ, bên ngoài thêm chiếc áo khoác. Nàng nhìn anh chăm chú:

- Anh đau hay giận em?

Anh trả lời hồ hững:

- Anh nói rồi. Mệt!
- Anh không muốn em vào à?
- Anh muốn nằm nghỉ một lát.

Khuôn mặt nàng đột nhiên tối lại, đôi mắt nhìn xuống, tay vịn vê tà áo khoác. Nàng bước đến gần anh, đưa tay đặt lên vai anh, cười buồn:

- Thì thôi, em về.

Nàng quay ra, khép nhẹ cửa phòng. Anh nhìn theo, muốn gọi nàng một tiếng, nhưng lại thôi.

Lần học kế, Miên Tâm không đến. Anh tự nhủ thôi thế cho xong. Chấm dứt là vừa. Anh cũng đã có lòng với nàng lắm rồi. Vả lại, anh bận bịu quá. Thì giờ anh dành cho nàng, thực ra là cắt xén từ cuộc sống tất bật của anh. Để đổi lấy được gì? Chẳng có gì.

Nhưng hai ba ngày sau, đột nhiên anh thấy trống rỗng. Anh ngờ rằng mình mệt thật. Không phải. Ngẫm nghĩ một hồi, anh mới chợt nhận ra một cách sâu sắc rằng, tất cả chỉ vì thiếu tiếng gọi của Miên Tâm, thiếu bóng của nàng. Những giờ rảnh rỗi chợt vô duyên lạ lùng. Có nàng: hơi thở, nụ cười, bước chân, tiếng mở cửa, tiếng đánh vắn, dáng nằm dài trên nệm, mùi hương phấn... Có nàng, anh quá bận bịu. Vắng nàng, anh thấy giờ giấc thừa ra, dằng dặc. Anh đã khước từ, đã đuổi nàng, đã mệt mỏi, chán nản. Anh tham lam, ích kỷ. Thiện chí lúc đầu của anh đã biến thành một thứ ham muốn khác. Anh muốn ôm nàng, hôn nàng, anh muốn, anh muốn...

Nhiều lần, anh ngồi bật dậy, mở cửa, leo lên tầng bảy, bước dọc theo hành lang. Các cửa phòng đóng kín. Anh chẳng biết nàng ở đâu. Anh quả tệ thật. Nàng lâu bảy, anh lâu năm. Chỉ có mấy phút đi bộ. Thế mà chẳng biết tìm nàng ở đâu, khi cần. Chán nản, anh vào thang máy, xuống tầng một, vẫn vợ đứng nhìn con đường, bãi đậu xe, khu ngân hàng tấp nập. Mùa thu, lá rụng đầy. Gió thổi rào rào, dồn những đám lá vàng lại từng chòm rồi đẩy chúng tung ra khắp nơi. Anh buồn bã trở về phòng nằm xuống, bâng khuâng nhớ tiếc bồi hồi. Anh mong tiếng reo điện thoại. Anh mong nàng đến.

Chừng một tuần sau, Miên Tâm gọi:

- Thế nào, hết giận chưa anh?

Anh hấp tấp:

- Có giận gì đâu. Em xuống liền chứ?

Giọng nàng ngập ngừng:

- Chưa được...
- Giờ anh đang rảnh. Em xuống nhé?
- Không... Mà này, anh nghỉ làm một bữa được không?
- Để làm gì?
- Anh đưa em đi chơi, được không?

Anh ngạc nhiên:

- Đi chơi?
- Thì đi chơi. Đi ra ngoài chơi cho vui. OK?
- Ờ...ờ, tất nhiên là OK. Em xuống đây rồi đi hay sao?
- Hiện em không ở nhà. Anh đến đón em ở góc đường Queen và King, Family Health Hospital. Lúc hai giờ. OK? Em mặc áo màu đỏ. Như lần đầu gặp nhau.
- OK.

Anh mừng quýnh.

Anh đến chỗ hẹn đúng hai giờ. Một lát sau, anh thấy chiếc áo đỏ xuất hiện trong sân Family Health Hospital. Đúng là Miên Tâm. Anh ngạc nhiên khi nhìn thấy nàng đẩy chiếc xe chở trẻ con. Đến bên xe, nàng cười chào rồi lẳng lặng mở cửa sau, xếp gọn chiếc xe lại, mang xe và một đứa bé nằm trong đó lên xe anh. Anh tắt máy, quay lui nhìn. Đứa bé khoảng một, hai tuổi, tóc hoe, lãn quăn, da nâu phơn phớt. Không đợi hỏi, Miên Tâm nói ngay:

- Con em.

Anh giật thót mình, sững sờ nhìn chăm nàng, không chớp mắt. Nàng cúi xuống đắp chiếc chăn nhỏ lên ngực, lấy bình sữa đút nuốm vào miệng đứa bé. Âu yếm và thành thạo. Đứa bé vừa bú vừa cựa quậy, mắt nhìn láo liêng. Anh có cảm giác ngộp thở, muốn hỏi một câu, nhưng không thốt lên được. Phải vài ba phút sau, anh mới lên tiếng, giọng run run:

- Con em! Em không đùa chứ. Trai hay gái vậy?

- Gái.

- Mấy tuổi rồi?

- Mười bốn tháng.

Anh im lặng. Nàng cũng im lặng. Một lát, nàng gài *seat-belt* cho đứa bé, giọng:

- Thôi đi, anh.

Anh nhìn nàng, bối rối không biết phải xử sự thế nào.

- Đi đâu? Anh hỏi, giọng khô khốc.

Nàng nhìn ra ngoài cửa xe:

- Một nơi nào ngoài thành phố. Em muốn tâm sự đôi điều với anh.

Anh muốn từ chối, đi về. Nhưng nghĩ lui nghĩ tới thấy không ổn, anh gài số, lái xe đi. Anh chạy vòng vèo bất định, đầu óc lang bang với những ý nghĩ không đầu. Cảm giác muộn phiền, tấm tức cấu xé trong lòng. Miên Tâm ngồi bất động, mặt nhìn thẳng phía trước. Ra khỏi thành phố, anh hỏi:

- Đi đâu?

- Tùy anh, em chẳng biết chỗ nào ở vùng này cả.

Anh lái về hướng Green Hill. Đó là một công viên lớn ở ngoại ô, nằm kế bìa rừng. Chung quanh là những ngọn đồi nhỏ và khu rừng thưa. Mùa thu, các thứ lá đổi màu khiến tất cả trở thành một rừng màu sắc trông như hoa nở mùa xuân. Lá tím, lá vàng, lá đỏ, lá nâu, lá hồng... Mỗi lá là một bông hoa. Gió từ phương Bắc ào về từng đợt, len lỏi qua các khu rừng, khua động không gian bằng một thứ âm thanh rào rào bất tận, dấy lên trong lòng người cảm giác u hoài, mệnh mang khó tả. Lá rụng từng đợt. Lá phủ kín bãi cỏ, mặt đất. Thịnh thoảng, gió thổi tới, rồi như chạm phải một bức tường cản đầu đó, xoay ngược trở lại cuốn thốc từng khối lá trên mặt đất bay tung tóe lên các cành cây rồi la đà rơi xuống.

Anh đậu xe, mở cửa đứng nhìn sững các khu rừng. Gió phơn phớt lạnh. Bầu trời thấp hẳn, tưởng chừng như chạm phải các ngọn cây qua một lớp mây màu tro nhạt phủ kín. Anh chợt nhớ câu thơ của Nguyễn Du: "Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san". "Màu quan san" là màu gì anh không hiểu, nhưng âm thanh của nó gợi lên một cái gì băng khuâng, man mác. Anh chợt thâm cảm hết ý nghĩa của chữ "rừng". Rừng là nhiều, nhiều quá, bất tận. Mùa thu đậm nét bởi rừng cây đổi màu. Không, rừng lá. Đúng ra, phải nói là rừng hoa muôn màu muôn vẻ. Tháng sau, có thể là vài tuần sau, lá sẽ rụng. Rụng sạch. Bién mất. Y như thể chưa bao giờ có lá, để lại những cành cây trơ trụi, chơ vơ hứng chịu mùa đông tuyết giá.

Miên Tâm đung khẽ vào vai anh. Anh quay lại, thấy nàng run rẩy sau chiếc áo khoác. Anh nói bằng giọng:

- Gió nhiều quá.

Anh nhìn vào xe. Đứa bé đã ngủ say, hồn nhiên. Con nàng đó sao! Nhìn nó, anh thấy khó chịu.

- Ngủ rồi à? Nhanh thế.

- Vâng. Nó dễ tính lắm.

- Không ẵm theo sao?

- Sao mà ấm được. Gió lạnh thế này mà. Nó vẫn quen ngủ thế, hai ba tiếng đồng hồ mới thức dậy. Để nó đó, ta đi chơi một lát đi anh. À, sao anh không mặc áo khoác. Một lát lạnh, cảm chết! Anh có mang theo không?

- Không.

- Thôi được, khoác chung với em.

Nàng mở rộng áo, khoác một nửa lên vai anh, cầm tay, giục:

- Thôi đi.

Anh im lặng, thọc hai tay vào túi quần, bước đi. Hai người đi qua một bãi cỏ rộng có những cụm hoa hồng trồng cách quãng đều đặn. Lá từ trong rừng bay ra, vùn vủ quanh hai người, đuổi nhau trên những ngọn cỏ. Đi ngang bức tượng đặt chính giữa khu công viên, nàng hỏi:

- Em thấy có hai chữ Việt Nam, phải không anh?

- Ừ, đài kỷ niệm các chiến binh Mỹ trong tiểu bang đã chết ở Việt Nam.

Miên Tâm bùi ngùi:

- Ở đây yên lành thế, lại sang Việt Nam mà chết!

Anh bật cười:

- Còn mình đang ở Việt Nam thì lại tới đây mà sống.

Đến một cái hồ nằm gần chính giữa khu công viên, anh dẫn nàng lên chiếc cầu nhỏ nối với cụm kiến trúc ở giữa hồ. Chính giữa là ngôi nhà có mái ngói cong cong, chung quanh là các tảng đá lớn, vài khóm hoa, một tượng phụ nữ khỏa thân. Loáng thoáng có đôi ba nét đồng phương ẩn khuất đâu đó. Hồ rộng, bờ nước tiếp giáp với các ngọn đồi và rừng ở xa xa. Nước trong vắt, lặng lẽ. Anh và Miên Tâm ngồi ở chiếc ghế khuất sau một tảng đá lớn, tránh gió. Anh gỡ áo khoác ra, nhìn nàng, đổi cách xưng hô:

- Cô kể chuyện đi.

Nàng choàng áo trùm kín hai vai, hay tay thu vào lớp áo trước ngực, ngược nhìn anh:

- Em xin lỗi đã không nói trước với anh là em đã có chồng.

Đã biết từ nãy giờ, nhưng khi nghe nàng nói hai chữ "có chồng", anh cảm thấy khó chịu. Anh hỏi, không giấu vẻ mỉa mai:

- Lại là chồng ngoại quốc. Mỹ hay "xì" vậy?

- Anh ấy người Jamaica.

- Vẫn còn ở với cô chứ?

- Vâng, tụi em vẫn ở với nhau.

- Nghĩa là thời gian vừa qua, khi cô xuống gọi là học với tôi, anh ta ở đó với cô, tàng bầy.

- Vâng.

- Trời!

Chữ "vâng" của nàng làm anh ngọt thờ. Nghĩ lại những lần hai người ở chung trong phòng, anh rùng mình. Anh nhìn nàng, gằn giọng:

- Cô liệu lĩnh thật. Cô muốn hại tôi. Lỡ ra anh ta biết thì có phải là họa cho tôi không?

Miên Tâm cúi đầu:

- Em biết. Nhưng em với anh đâu có làm gì không tốt.

- Ừ, thì đúng là không có gì! Nhưng ai mà tin được. Nếu thằng chồng cô mà biết thì...thì...tốt hay không tốt, anh ta cũng...

Anh ngừng lại, không dám nói tiếp. Miên Tâm im lặng, nét mặt bần thần. Một lát, nàng phân bua:

- Không phải em liều. Em chỉ xuống anh khi nào anh ấy đi làm. Nhưng... nhưng mà, nghĩ lại, đúng là liều thật. Nhưng biết làm sao được. Em thích học tiếng Việt. Em thích chơi người Việt. Em thích...

Anh nhìn thẳng vào mắt nàng:

- Thiếu gì người Việt ở Mỹ. Vậy trước đây hai người ở đâu?

- Thú thật với anh, anh ấy không muốn cho em tiếp xúc với người Việt. Anh ấy sợ... sợ... mất em.

Anh hỏi:

- Ghen à?

- Vâng, anh ấy ghen với người Việt, vì cho rằng nếu em quan hệ nhiều với người Việt Nam, em sẽ bỏ anh ấy.

Anh gục gặc đầu tỏ ý hiểu. Nàng tiếp:

- Mấy năm rồi, từ khi lấy nhau, anh ấy cứ đem em đi loanh quanh, hết bang này đến bang khác, vừa để tìm việc làm, vừa để em không có cơ hội quen biết thân mật với người Việt.

Nhớ đến những lúc Miên Tâm nói vòng vo khi trả lời những câu hỏi của anh, anh ngó ra, chép miệng:

- À, ra thế. Đúng là special circumstance! Hoàn cảnh đặc biệt.

Nàng cúi đầu, rút tay ra khỏi ngực, vắn vè tà áo. Một cử chỉ rất là Việt Nam, anh nghĩ. Nàng vẫn thường ăn nói, cử động tự nhiên như con gái Mỹ, nhưng giờ này, nàng có hơi khác. Ngượng nghịu, e ấp như một buổi hẹn hò đầu đời. Anh hỏi:

- Cô yêu anh ta?

- Không, em không yêu.

- Không yêu sao lại lấy nhau, lại có con. Bị cưỡng ép?

- Không.

Nàng chột thồn thức:

- Em nói rồi, em cô đơn. Hồi đó, chẳng có ai ngoài anh ấy đến với em...

Nàng lấy giấy chậm đôi mắt, đứng dậy, bước quanh, rồi trở lại. Nàng nhìn anh, khuôn mặt bình tĩnh lại:

- Em sang đây lúc mới tám tuổi, như anh biết. Lúc đầu, em ở chung với gia đình mà cha mẹ em gửi em theo, rồi sau ở chung với một người bà con xa. Không ai tử tế với em cả. Họ chỉ muốn lợi dụng em. Họ ăn bớt tiền trợ cấp. Họ dọa nạt em. Họ bắt em làm việc. Nhiều lần, em trốn đi nhưng không biết ở đâu, đành phải về lại với những người mà em hết sức căm ghét.

Nàng ngừng nói, đôi mắt nhìn xa như cố hình dung lại những gì trong quá khứ. Một lát, nàng tiếp:

- Ở trong trường, em không có bạn. Em là người Á châu duy nhất. Bọn học sinh trong trường chẳng cần biết em là ai, chúng chỉ gọi em là Asian và khinh ghét em ra mặt. Chỉ có Garcia là đến với em, giúp đỡ em.

- Garcia?

- Vâng, Garcia là chồng em.

Nàng gỡ mấy ngọn lá rơi vương trên tóc, ném ra xa. Anh hỏi:

- Anh ta yêu cô lắm?

Miên Tâm cười gượng:

- Hình như thế.

Anh có cảm giác bực tức:

- Hình như? Đến giờ mà cô vẫn ỡm ờ với tôi. Hai người yêu nhau, lấy nhau, có con với nhau. Anh ta đi đâu, cô theo đó. Vậy cô tìm đến tôi để làm gì? Chỉ có một câu trả lời: cô muốn hại tôi.

Miên Tâm bối rối nhìn anh, nét mặt tràn đầy ân hận. Nàng cầm tay anh, bấm nhẹ vào lòng bàn tay, nói:

- Em biết anh giận. Nhưng em nói thật, anh có quyền tin hay không tin. Em muốn yêu một người Việt Nam, nhưng em lại chẳng quen một người Việt Nam nào cả.

Khuôn mặt nàng trở nên u ám:

- Em đã trải qua tuổi thơ, mà người ta cho là đẹp nhất đời, không cha, không mẹ, không bà con, không bạn trai, không bạn gái. Em không biết yêu. Có ai đâu để em yêu!

Anh hỏi:

- Garcia yêu cô thế, sao cô bảo không có ai?

Nàng nhìn vào mắt anh:

- Vâng, Garcia yêu. Nhưng nói anh đừng cười, Garcia rất kém tiếng Anh. Tụi em trò chuyện với nhau rất ít, vì Garcia không hiểu hết những gì em nói. Tụi em chỉ trao đổi vài ba câu thông thường trong đời sống hàng ngày, chứ chẳng có tâm sự gì được với nhau. Em nghĩ gì, thích gì Garcia chẳng hề biết. Tụi em ở với nhau như hai con thú...

Anh ngạc nhiên với cách dùng chữ khác thường của Miên Tâm:

- Hai con thú. Tôi không hiểu.
- Vâng, hai con thú. Chỉ có ăn, ngủ, nói chuyện trời mưa trời nắng vu vơ. Còn cái kiểu yêu của Garcia, em muốn nói, cái kiểu make love của Garcia... ghê quá!
- Ghê quá?

Nàng quay mặt đi. Hưng nhắc lại câu hỏi. Nàng áp úng:

- Ghê quá là dữ dội... là... Garcia đêm nào, ngày nào cũng bắt em xem phim sex, rồi thì là... dày vò em, bắt em chịu ...đủ kiểu. Em sợ...

Nàng ôm mặt. Đột nhiên, anh thấy Miên Tâm nhỏ bé, tội nghiệp quá. Anh hỏi, giọng nhẹ nhàng:

- Sao cô không bỏ đi?
- Đâu có dễ. Anh ấy ghen dữ dội. Nhiều lần, anh ấy dọa giết em nếu em bỏ anh ấy. Anh ấy khóa số điện thoại, không muốn cho ai gọi vào với em. Em như người tù.

Anh rùng mình. Anh nhớ lại cảnh Miên Tâm và anh ở với nhau trong căn phòng chỉ cách chỗ anh ta có hai tầng lầu. Nếu anh ta biết được, chắc cả hai không khỏi bị anh ta cho ăn đạn. Nghĩ đến đó, anh nổi da gà. Anh đứng dậy, lồng ngực ngọt ngào. Anh vươn vai, cố hít một hơi dài, nhìn quanh. Nếu anh ta đột nhiên xuất hiện đâu đây, anh chạy đâu cho thoát. Miên Tâm đứng dậy theo, bước đến bên anh. Anh tránh xa, nghiêm nét mặt:

- Đủ rồi. Tôi đưa mẹ con cô về.

Nàng ngược mắt nhìn anh:

- Còn sớm mà.

Anh gằn giọng:

- Cô còn muốn đẩy tôi vào tình cảnh kỳ quặc, nguy hiểm như thế này à?
- Cái gì nguy hiểm?
- Chồng cô chứ ai vào đây nữa.

Nàng chột hiểu nỗi sợ hãi của Hưng. Nàng nói:

- Anh ấy đi New Hampshire rồi.
- Ai mà biết anh ta ở đâu. Vấn đề là tôi đã chờ vợ anh ta đi chơi.
- Em biết chắc. Anh ấy đang ở New Hampshire.

Anh quay đi, không nói gì. Miên Tâm im lặng bước theo, cố nắm tay anh:

- Gió lạnh, Hưng à.

Nàng gọi tên anh, dằm thắm lạ lùng. Anh muốn rút tay ra, nhưng cuối cùng để yên. Anh rùng mình. Cơn gió tốc mạnh về phía anh. Miên Tâm xoay chiếc áo về một hướng, che kín hai người. Lá đổ rào rào chung quanh. Dưới tấm áo, nàng ôm vai anh, nép vào ngực anh. Hưng nghe hơi thở nàng ấm áp một bên. Hai người im lặng bước đi. Công viên chiều vắng ngắt. Mọi người có lẽ ở đâu trong các nhà máy, công sở. Chỉ đôi ba kẻ vô công rồi nghề, bỏ học như anh, hoặc bỏ chồng như nàng lang thang ở đây.

Đến xe, mở cửa, anh thấy đứa bé vẫn còn nằm yên, ngủ ngon lành. Giờ nhìn nó, anh thấy tội nghiệp. Chẳng biết lớn lên, nó sẽ phải qua những nỗi bất hạnh nào.

Trên đường về, cả hai đều im lặng, mỗi người theo đuổi những ý nghĩ riêng. Trả hai mẹ con trước cổng Family Health Center, anh phóng xe rời xa như chạy trốn.

Như để bù lại số thì giờ đã phung phí một cách vô ích với Miên Tâm, Hưng lao đầu vào việc học và việc làm. Anh không ân hận, không phiền trách, nhưng cảm thấy như có cái gì hụt hẫng, có cái gì như chột mất đi, mất hẳn. Nàng có lẽ vẫn còn ở tầng bảy, có lẽ hàng ngày vẫn đi vào thang máy, vẫn thỉnh thoảng mặc chiếc áo đỏ, nhưng anh có cảm tưởng như nàng đã đi xa, đã rời bỏ nơi này. Anh mở cửa phòng, bước vào thang máy, chẳng hề ngoái nhìn lui. Nàng chỉ còn là một kỷ niệm nhỏ trong đời anh, một vết mực chột vương trên tờ giấy trắng. Thỉnh thoảng anh tự hỏi có thể nào nàng còn gọi điện thoại cho anh? Máy chữ Việt Nam anh dạy nàng có còn nhớ? Một tuần, hai tuần, ba tuần trôi qua kể từ ngày anh chở mẹ con nàng đi Green Hill.

Một hôm, nàng chột gọi. Lúc ấy, đã khuya. Đang thiu thiu gần ngủ, anh ngồi bật dậy bắt điện thoại. Tiếng nàng hấp tấp:

- Anh vẫn còn đó. Em xuống bây giờ được không?

Anh cương quyết:

- Không. Xin để cho tôi yên. Đừng quấy phá tôi nữa.

Giọng nàng gấp rút qua tiếng thở hổn hển:

- Garcia đi rồi. Em muốn gặp anh một lần, trước khi... trước khi...

Anh hỏi vội:

- Trước khi gì?

- Trước khi em đi.

Anh giật mình:

- Đi? Đi luôn?

- Vâng, Anh Hưng à. Không còn thì giờ nữa, em xuống nhé?

Nàng gác máy. Anh bâng khuâng giữ chiếc điện thoại trên tay, chẳng biết có nên mở cửa cho nàng vào hay không. Một lát, anh bỏ điện thoại xuống, đứng dậy, bật đèn. Tiếng chân nàng đã nghe loáng thoáng. Anh bước đến cầm nắm cửa, lòng trù trừ không dứt khoát. Nàng gõ cửa. Anh vặn chốt cửa, hồi hộp. Nàng lách vào, nhìn anh cười buồn:

- Tưởng anh không mở.

Nàng bước đến ngồi trên giường anh. Anh gài cửa cẩn thận, ngồi cạnh bàn, nhìn nàng. Nàng mặc "rốp" ngủ màu xanh, hờ hênh, tóc dài xõa đầy hai vai và một phần khuôn mặt nhỏ nhắn. Hai tay nàng vòng trước ngực, bất động, buồn bã. Anh muốn nói một câu trách móc, than phiền nào đó, nhưng không được. Một lát, nàng ngẩng lên nhìn anh:

- Em đi, trong vài giờ nữa. Chẳng biết có còn gặp lại anh nữa không...

Anh hỏi:

- Chồng em đâu?

Nàng bật cười, nụ cười khô, gượng gạo:

- Anh đừng lo, anh ấy không có mặt ở đây. Anh đến hăng lo thu xếp một số công việc gì đó. Em chẳng muốn đem thêm rắc rối đến cho anh đâu. Nhưng...

Giọng nàng nghe khác đi:

- Nhưng... em buồn quá. Em sắp xa anh.

Nàng nhìn anh chới với:

- Anh đến với em đi...

Hai tay nàng dang ra, nước mắt long lanh. Anh bần thần đứng dậy, im lặng bước đến bên nàng. Nàng vùi cổ anh xuống, ôm chặt lấy anh, đầu gục vào ngực anh, nức nở. Nước mắt thấm vào da anh, lạnh lạnh. Nàng ngẩng đầu lên, tay níu hai vai anh:

- Hôn em đi.

Anh chưa kịp phản ứng gì thì nàng đã vật anh xuống giường, hôn tới tấp. Nàng cắn. Nàng liếm. Nàng rờ rẫm. Hơi thở nàng nóng hổi. Anh nghe mùi tóc, mùi nước hoa, mùi da thịt nàng tràn trề trên người. Nhưng nụ hôn và những ngón tay. Nàng thành thạo. Dữ dội. Cuồng nhiệt. Đắm đuối. Anh đỡ đỡ, run rẩy, bàng hoàng, không biết phải làm gì. Tóc nàng rối tung. Cái áo ngủ gần như tuột hẳn xuống. Nàng thực quá quắc, anh nghĩ.

Một lát, chừng như thấy anh thụ động quá, nàng ngừng lại, hỏi anh qua hơi thở gấp:

- Anh không thích em?

Anh không trả lời, xoay người ôm chặt lấy nàng. Nàng đưa hai tay giữ lấy đầu anh, thì thào:

- Hưng, em muốn một kỷ niệm Việt Nam. Đừng trách em, tội nghiệp. Em muốn... em muốn... một chút mùi... mùi Việt Nam. Em muốn... enjoy a little taste of Vietnamese... Một chút hương... Việt Nam, một chút... một chút...

Hưng không để cho nàng nói nữa. Anh chồm lên người nàng. Như một con thú hoang. Không còn là một Hưng e dè, thận trọng nữa. Không còn Miên Tâm. Không còn Garcia. Không còn trời. Không còn đất. Hai sức trẻ quán vào nhau như chưa từng. Một lần. Chỉ một lần thôi.

Căn phòng rung rinh. Chao đảo. Từng hồi.

Và rồi tất cả lắng xuống. Hai người nằm lặng lẽ nghe hơi thở của nhau.

Chợt nhìn đồng hồ, Miên Tâm ngồi dậy. Nàng mặc vội áo quần, kéo anh dậy, hôn nhẹ lên má anh, nói:

- Cảm ơn anh. Em phải về. Bye bye.

Nàng bước đi, dứt khoát. Khi đến cửa, nàng dừng lại, nhìn lui:

- Em không có gì đáng trách chứ?

Nàng mở cửa bước ra. Tiếng chân nàng xa dần.

Hưng nhìn xuống thân thể mình, ngẩn ngơ. Và chợt nhớ ra, anh chưa kịp nói gì với Miên Tâm cả.

Di lụy

Ký nhận xong ba đồng tiền lệ phí về quê quán, Thử chưa muốn ra vội. Anh đứng nán lại trong phòng, vợ vẫn nhìn những bạn tù khác đang làm thủ tục xuất trại. Mọi người đều có vẻ phần chán, nôn nóng. Riêng anh, mọi điều hầu như đã lắng xuống. Anh chỉ hơi bị kích động một chút khi nghe viên quản đốc trại đọc lên danh sách những người được phóng thích. Có thể chứ, anh nhủ thầm. Sau đó, anh lặng lẽ tách khỏi hàng, không nhìn ai, trở về lán, sắp sửa đồ đạc. Khác với mọi người, anh cảm thấy không mấy vui.

Một người quen hỏi:

- Chưa chịu về à? Vợ đợi, con mong ở dưới đó. Hay còn muốn ở lại để đi bồi?

Thấy có người hỏi, anh hơi vui, nhưng đáp hờ hững:

- Gấp gì. Có điều, hơi mệt.

Đợi cho mọi người ra hết, anh mới chậm rãi ra sau. Qua khỏi cổng trại, anh dừng lại, quay nhìn lui. Cả khu trại chợt lạ hoắc, tựa như từ bao giờ chẳng hề dính dáng gì tới anh. Kia, cái lán anh ở, hai mái nhà dài ra như muốn úp xuống mãi những số phận. Vài ba người tù đang quét sân. Anh nhận ra hình dáng Tiến, người bạn tù đã từng ở chung. Thân hình anh ta gầy gò, lỏng lẻo. Anh vừa ra khỏi nhà kiên giam không lâu, sau gần năm năm bị cùm vì tội tổ chức trốn trại. Lòng Thử nhói lên, xa xót. Nhưng nghĩ đến khuôn mặt lạnh lùng, thù oán của anh ta khi bắt chợt gặp Thử, anh đâm bực dọc. Cho nó chết, anh nghĩ.

Thấy mọi người đã khuất sau con dốc, Thử từ từ cất bước. Những bước chân tự do đầu tiên sau bảy năm tù tội. Nhưng lạ, anh cứ cảm thấy lẩn tránh. Bước đi một bước, lâu lâu lại dừng. Anh muốn kéo dài thời gian thêm tí nữa, tí nữa. Con đường về nhà, hỏi nào, anh tưởng nó thênh thang, hạnh phúc, sao giờ này nó sần sùi, cô độc. Qua khỏi dốc, thấy đoàn người đi trước vẫn còn lẩn quẩn ở lối ra bên đò, anh tìm một tảng đá hơi khuất, ngồi xuống. Anh không mệt, nhưng anh không muốn đi cùng với họ.

Chiều xuống. Thử đưa tay bứt một nắm lá bên đường, rùng mình. Anh cảm thấy bực dọc với chính anh, vì đầu óc chợt vương vấn một ý tưởng kỳ dị: thà cứ ở trong trại, tiếp tục ở tù, e dễ chịu hơn. Giờ phải trở về ngoài đời, anh tưởng tượng ra cái ngọt ngào khi phải gặp, phải chung đụng với những con người tự do với bao nhiêu lời đồn đãi, thành kiến, mặc cảm. Anh mừng rỡ tưởng ra những nụ cười nửa môi, những lời xì xầm, bóng gió, những câu hỏi xiên xỏ, những lời lên án... Mẹ kiếp, thì có sao đâu. Anh đứng lên nhìn về phía đồng bằng, nơi có phố phường, có nhà, có vợ con anh. Bỗng nhiên, một cảm giác sợ hãi dấy lên trong tâm tưởng. Anh quay bước lầm lũi đi. Đi. Trong lòng hoang mang, bất định. Rồi anh đứng lại vì chợt nhận ra cái cổng trại giam. Hóa ra anh đã đi trở lại vào trại tù. Vô lý thật. Chẳng lẽ lại vào xin ở tù lại? Anh thở dài. Đàng nào thì cũng phải về thôi. Anh xóc ba lô, trở bước.

Con đường đất dẫn vào khu kinh tế mới trông giống như một vạch sáng hiện lên giữa khu núi

rừng đã sẫm màu hoàng hôn. Rất vắng. Anh yên tâm rảo bước. Bến đò trống trơn. Toán đi trước anh chắc đã lên hết chuyến đò cuối. Xe đò chắc chắn cũng không còn. Tốt thôi. Anh băng qua khu chợ, lội một đoạn khe nhỏ, đi về phía đường cái. Đến đây, anh đã nằm ngoài khu cải tạo. Anh quay nhìn lui một lần cuối. Toàn bộ khu trại mất hút dưới cây lá và bóng hoàng hôn. Thế là hết! Anh tự do! Một người tự do cô độc.

Đường phía trước còn dài. Mọi người hẳn đã về đến nhà họ. Họ đã gặp lại vợ con. Còn anh, một mình, giờ này còn lang thang trên đường với tâm trạng của một kẻ đang chờ những phán quyết khắc nghiệt của cuộc đời.

*

Đến hơn mười giờ đêm, Thử mới về đến nhà. Anh đã đi bộ hơn ba mươi cây số từ trại cải tạo. Điện cúp hầu như trên toàn thành phố, nên con đường nhựa dẫn về nhà anh tối om. Trong bóng tối, mọi thứ đều lạ hẳn. Khi đã đứng trước cửa ngõ nhà anh, anh vẫn còn ngỡ ngàng, tự hỏi chẳng biết mình có đi lầm nhà hay không. Đang lúc đó, có bóng người bước ra, dè dặt lên tiếng:

- Anh đó phải không ?

- Ai vậy ?

Bóng người ào tới:

- Trời, anh. Sao giờ này, anh mới về tới ?

- Thảo há?

- Em đây.

Người đàn bà đổ xuống vào vai anh khóc thút thít. Hương đàn bà tỏa vào anh ngào ngạt. Có tiếng chó sủa. Rồi tiếng bước chân. Hai người đẩy nhau ra. Chị bước nhanh tới trước, lên tiếng:

- Ba về.

Mọi vật trong nhà hình như đều chuyển động. Đèn sáng lên. Tiếng cười nói. Tiếng xô ghế. Tiếng nhạc. Tất cả đều đang chờ đón anh về. Vợ con anh. Mọi người. Anh nhìn quanh, lòng ấm lại. Đôi mắt rưng rưng. Nhà cửa vườn tược không khác gì trước mấy. Chỉ có cái sân tối hẳn vì có giàn bầu ở trên. Ôi, nhà của anh. Anh đã trở về. Trong thoáng chốc, anh thấy mọi sự dường như trở về y như cũ, với hạnh phúc rộn ràng, với tương lai rộng mở, với kiêu hãnh tràn trề. Anh là anh, nguyên vẹn như ngày nào.

- Coi kìa, mọi người đang đợi anh trong nhà, sao anh đứng sững ở đây vậy, chị nói.

Anh sực tỉnh, bước vội vào nhà. Kìa, đầy đủ cả. Vợ. Con. Mẹ. Ba. Ông bà nhạc. Chị vợ. Em con ông chú. Em con bà dì. Mọi người đứng chung quanh một bàn ăn dọn tươm tất. Anh chào ông bà nhạc, chào mọi người, hôn mẹ, hôn mấy đứa con. Mẹ anh mếu máo:

- Cảm ơn trời phật đã cho con về bình an.

Bà đến trước bàn thờ, thắp thêm một tuần nhang. Mọi người xúm vào anh, hỏi thăm ríu rít. Ăn uống trong trại ra sao? Lao động thế nào? Bao nhiêu người được về hôm nay? Có bị đánh đập gì không?

Vợ anh nói:

- Mấy anh về cùng đợt với anh, họ về từ chiều lặn. Sao giờ này anh mới về ?

- Anh đi bộ.

- Trời! Cả nhà đợi muốn chết. Em nói thằng Tùng đạp xe đi kiếm khắp: bến đò, bến xe, bến phà... Đợi hoài không thấy, em nghĩ đại: hay là họ không cho anh về nữa. Có mấy người quả quyết thấy anh ký giấy tờ xuất trại rồi.

Anh hơi giật mình:

- Em gặp ai?

- Nhiều.

- Ở đâu mà nhiều?

- Thì ở ngoài chợ chứ đâu. Ai về mà chả đi ngang chợ. Nghe nói có đợt về, các anh chưa ra khỏi trại là chợ đã đồn ầm lên.

- Có gặp ai quen không?

- Em thấy ai cũng quen quen cả. Có anh xưng tên, nói ngày xưa ở cùng đơn vị với anh. Em chẳng nhớ ai hết. Nhưng mà hỏi anh, ai cũng biết.

Anh lại giật mình, lấp bắp:

- Họ... họ nói gì?

Không để ý đến nỗi hồi hộp của anh, chị tiếp tục:

- Mỗi lần có đợt cải tạo về là chợ xôn xao như sắp có lễ hội. Người ngóng chồng, kẻ mong con. Đến chiều, sau khi chuyển xe và chuyển đồ cuối đống xuống xong, biết ai về ai ở rồi mới yên. Bà nào có chồng có con hay thân nhân về thì đẹp sạp sớm. Bà nào không thì ngồi thở vắn than dài. Anh biết không, suốt cả ngày nay, em như ngồi trên đống lửa. Giờ thì... À, em quên. Mời mẹ, ba mẹ, dì Tâm, chú Đạo, các con, cơm nước nguội cả. Khuya rồi. À, mà anh đi rửa ráy cái đã.

Chị cười vui vẻ, khiến anh cũng vui lây. Anh không vội vàng đi rửa ráy, cứ để nguyên bộ áo quần với bụi đường dơ dáy, ngồi vào bàn. Anh vui. Mọi điều không đến nỗi thê thảm như anh hình dung. Mọi người đều tốt, đều nhớ anh. Anh vẫn còn nguyên vẹn, không đến nỗi nào.

Ngồi xuống rồi, bây giờ anh mới thấy đói bụng. Gần như suốt cả ngày nay, anh chưa ăn một thứ gì. Đồ ăn la liệt. Bảy năm trường bây giờ mới được nhìn thấy lại một mâm cơm đúng nghĩa. Lòng heo. Chả. Gỏi. Canh mướp đắng. Bún xào... Mọi người vừa ăn vừa nhìn anh, hỏi han đủ thứ chuyện. Anh trả lời qua quýt cho xong, vì thực tình, anh muốn tránh đi sâu vào những sinh hoạt trong trại. Anh thấy bất cứ chi tiết nào trình bày ra đều cũng có cái gì vướng víu, không thoải mái. Anh tìm cách tránh trút trả lời bằng cách hỏi thật nhiều về những sinh hoạt ngoài xã hội. Anh cứ có cảm giác bất an, thấp thòm khi một người nào đó mấp máy môi định hỏi một điều gì. Bởi vậy, anh cố giữ mình bận bịu bằng cách khi thì ăn, ăn ngấu nghiến, khi thì tìm cách giải thích một điều gì đó rất dài dòng, bâng quơ, đôi khi rất vô nghĩa.

Cơm nước xong, khi ngồi uống nước trà, ông nhạc anh hỏi:

- Con có nhận xét gì về chính sách thả tù cải tạo của họ?

Anh phân vân trước câu hỏi:

- Con chưa hiểu ý ba.

- Ba nhận thấy cái cách họ thả tù cũng lạ. Không hẳn dựa vào cấp bậc hay tội ác. Đợt nào về cũng đủ thành phần, to có nhỏ có, không nợ máu có mà nợ máu cũng có. Có người gọi là nợ máu ngập đầu mà ba năm là được thả.

Anh cầm ly nước xoay xoay, ngẫm nghĩ. Liếc sang, thấy ông nhạc quay về phía cửa sổ, anh nhìn ông, cố đoán xem thử ông có ý định gì khi hỏi như thế. Và không biết ông sẽ hỏi tiếp câu gì. Anh định lên tiếng thì ông quay lại cười:

- Có tay tính trường mà ba năm đã về.

Anh nói dè dặt:

- Đôi khi có thân nhân cách mạng.

Ông cười khẩy:

- Không hẳn. Tụi này, chúng nó bí hiểm lắm, thâm độc lắm. Chúng làm gì cũng có sách.

Anh cảm thấy chột tai khi nghe ông dùng chữ “tụi này”, “chúng nó” một cách tron tru, thuần thực.

Anh nói:

- Có thể cách mạng muốn ly gián.

Ông nhìn thẳng mặt anh, hạ giọng:

- Đúng. Chúng nó chơi cái trò ly gián. Chúng nó làm cho không ai tin ai cả. Ngoài miệng, chúng nó bảo học tập tốt lao động tốt. Hừ! Đừng hòng! Chúng láo khoét.

Anh giựt mình. Ông cụ gan thật. Quá lâu, anh chưa hề nghe những ngôn ngữ như vậy đối với cách mạng.

Ông hớp một hớp nước trà, đứng dậy:

- Mà thôi. Về được là có phúc rồi. Thấy con Thảo ngày nào cũng đi vô đi ra, người gầy nhom, sốt cả ruột. Thôi, con nghỉ đi cho khỏe. Khối việc phải lo trong những ngày sắp tới. Ra tù chưa phải là xong đâu.

Ông hối thúc mọi người ra về.

Đêm đó, nằm nghe Thảo kể đủ thứ chuyện cay đắng ngọt bùi, đầu óc anh cứ vẩn vơ đâu đâu.

Thình thoảng, thấy anh im lặng quá, chị lại hỏi:

- Anh có nghe em nói không đó?

Anh gật đầu, cố gắng nghe chị nói về những dự tính trong tương lai, về chuyện buôn bán, về việc làm của anh... Nhưng rốt cuộc, anh cứ bị phân tâm bởi những ý nghĩ phiền muộn, hoang mang nào đó đan chéo vào nhau.

*

Sáng hôm sau, đang chìm trong giấc ngủ muộn, thì Sở, đưa em con ông chú, đã đến kéo đầu dậy đi uống cà phê. Một phần vì còn buồn ngủ, một phần vì muốn sửa soạn tinh thần trước khi tiếp xúc với thế giới bên ngoài, anh từ chối. Nhưng Sở không chịu, nhất định buộc anh đi cho được. Thế là anh đành miễn cưỡng dậy đi.

Sở là dân đi xe thô đạp chuyên nghiệp. Đợi Thử ngồi lên xe xong, Sở nói:

- Em chở anh đi vòng vòng tham quan thành phố nhé.

Thành phố hầu như không có gì thay đổi lắm kể từ hồi anh ra đi, nhưng trông vô cùng lạ lẫm. Người lưa thưa, quán xá lưa thưa. Đường phố lạng lẽ. Hầu như rất ít tiếng động. Anh có cảm giác như đang đi trên một phố huyện nào đó trước năm 75. Cũng không bằng phố huyện nữa.

Anh hỏi Sở:

- Hôm nay có chuyện gì không mà trông thành phố vắng vẻ vậy?
- Thì cũng thường như mọi ngày.
- Tôi tưởng như cảnh thành phố hồi có đợt di tản năm 75.
- Đâu có đến nỗi thế.

Đường phố đầy xe đạp và người đi bộ. Hầu như không có xe gắn máy. Có lẽ vì thế mà nhịp độ chung có vẻ chậm rãi, uể oải. Chiếc xe đạp thồ một nhọc leo lên những con dốc nhỏ, dốc cầu, lừng khừng trên những ổ gà đầy đường phố.

Sở hỏi:

- Thế nào? Sau bao năm trở về, thấy thành phố có gì đặc biệt?
- Có lẽ nhiều khẩu hiệu quá!
- Em thì em thấy khẩu hiệu không nhiều, nhưng vì không có gì khác ngoài khẩu hiệu nên trông có vẻ nhiều. Thành phố bây giờ như người ốm ở trần, bày ra toàn xương và khẩu hiệu.

Thử bật cười trước nhận xét ngộ nghĩnh của Sở. Anh nhìn quanh. Mọi nơi đều thân quen, tuyệt không có gì khác lạ, nhưng trông chỗ nào cũng vô hồn một cách đặc biệt. Chúng có thể cũ hơn hoặc mới hơn một chút nhưng lạnh lẽ, ảm đạm. Nắng rực rỡ soi mói vào những căn nhà cũ, những góc phố sứt mẻ, cam phận như có chút gì mỉa mai.

- Rồi anh sẽ thấy, Sở nói. Ở đây cũng chẳng khác gì trên trại cải tạo bao nhiêu đâu. Cũng họp cũng hành, cũng thi đua, cũng kiểm điểm, cũng ăn-ten ăn-tiệc lung tung.

Hai chữ ăn-ten khiến lòng Thử nhói lên. Anh lái câu chuyện sang một hướng khác vì sợ theo đà, Sở sẽ nói tiếp những điều anh chẳng muốn nghe.

- Bây giờ mọi thứ đều quốc doanh cả sao? Anh hỏi.
- Không hẳn. Quốc doanh không thì sống thế nào nổi. Em đưa anh đến quán cà phê con cóc tư nhân, ở đây anh tha hồ gặp người quen.

Thử từ chối ngay:

- Thôi, thôi. Tới chỗ đồng người phiền lắm.

Sở quay lui:

- Anh sợ gì? Mình đừng nói bậy bạ là được rồi.
- Anh không thích.
- Chẳng lẽ lại vào cà phê quốc doanh?

Thử im lặng. Anh chưa có khái niệm gì về quốc doanh với không quốc doanh, nhưng ở đâu thì cũng phải có người. Đã có người thì cũng phải gặp người quen. Mà lúc này, anh chẳng muốn gặp ai quen biết. Anh sợ gặp mọi người, bất cứ ai. Anh có cảm giác là hầu như mọi người đều biết, đều nghe tên anh. Họ sẽ chỉ trỏ, bàn tán, thì thầm to nhỏ. Ý nghĩ này làm anh thẳng thốt.

Anh ôm vai Sở:

- Thôi, cho anh về nhà đi.

Sở sửng sốt:

- Sao lại về?

Anh nói dối:

- Tôi đau bụng quá. Chú cho tôi về đi.

- Tới quán cà phê cũng có nhà vệ sinh mà.

- Không. Anh muốn về nhà thôi. Cho anh về đi. Bữa khác ta hãy đi.

Sau một hồi nần nì, rốt cuộc Sở cũng phải đưa anh về nhà. Trước khi chia tay, Sở nhìn ngay mặt anh, hạ giọng, nửa đùa nửa thật:

- Cộng Sản quả đã làm biến mất ông Đại úy Thử hùng dũng, hào hoa xưa kia rồi. Gì mà tẻ thế, anh Thử?

*

Tẻ thế!

Không biết Sở nghĩ gì khi nói với anh như thế, nhưng riêng anh, anh cảm nhận một cách sâu sắc hai chữ “tẻ thế” đối với mình.

Mọi chuyện bắt đầu từ lần ấy, lúc mà anh chính thức nhận lời viên quản giáo xâm nhập vào một nhóm tù nhân âm mưu trốn trại và báo cáo cho ban Quản đốc biết. Nói theo ngôn ngữ phổ thông, anh nhận lời làm ăn-ten. Mãi cho đến bây giờ, anh không hiểu tại sao anh đã nhận lời. Vì sợ hãi? Vì mong muốn được về sớm? Vì chứng tỏ mình học tập cải tạo tốt? Vì yếu lòng? Vì bị dụ dỗ? Hay vì thứ chính nghĩa mà tay cán bộ quản giáo đã khôn khéo đưa ra thuyết phục anh? Anh chỉ còn nhớ rất rõ, sau khi nhận lời, anh đã làm việc tích cực, quá tích cực nữa là khác. Anh tự sáng tạo nhiều cách, kiểu để tạo ra sự chú ý nơi một số người mà anh nghĩ là đang nằm trong tổ chức trốn trại. Như một kịch sĩ tài ba trên sân khấu, anh đóng vai trò một tù nhân bất mãn, một người sẵn lòng nổi loạn, nhưng làm ra vẻ kín đáo chỉ để những người tinh ý mới nhận thấy. Rốt cuộc, anh trở thành một trong những thành viên của nhóm tổ chức trốn trại. Cái lạ là, anh vừa say sưa, hào hứng với một kế hoạch trốn trại đầy phiêu lưu, lại vừa hãnh diện khi báo cáo sự việc với ban quản giáo trại. Khi nội vụ đổ bể, nghĩa là khi ban quản trại quyết định bắt hết những phần tử ở trong tổ chức, anh đóng vai khổ nhục kế rất xuất sắc, nghĩa là anh cũng bị đánh đập, bị hành hạ đủ mùi. Anh vui vẻ chịu đựng để rồi cuối cùng... mọi người cũng biết ra ai là thủ phạm.

Đến đây thì cuộc đời tù đầy của anh bước qua một ngã rẽ. Anh có một cái tên mới: Thử ăn-ten. Lúc đầu, anh cho cái tên đó chỉ là một sự bộc phát giận dữ tạm thời. Với thời gian, người ta sẽ quên đi, hoặc anh sẽ tìm cách chứng minh là mình không phải như thế. Lại một lần nữa, anh đóng vai một kịch sĩ. Anh không thanh minh, không phân trần. Bằng hành động, bằng thái độ, anh cố chứng minh rằng anh không hề và không thể là ăn-ten. Sự kiên nhẫn, chịu đựng của anh tưởng chừng như sắp đạt được kết quả, thì dùng một cái, nhân một buổi lễ tổng kết, ban quản giáo trại đưa anh ra tuyên dương vì thành tích phá vỡ một tổ chức phản động trong trại. Anh ngẩng đầu nhận bằng khen và cúi đầu nhận những lời nguyện rửa thâm lạng của tất cả mọi người. Kể từ đó, Thử ăn-ten trở thành cái tên chính thức của anh. Anh chọn hay bị bắt buộc chọn một thái độ sống mới: im lặng. Anh sống giữa mọi người như một cái bóng. Không than van, giận dỗi, không phê bình, góp ý, vô thường vô phạt, và trong thâm tâm, anh tự xác định một điều dứt

khoát: không ân hận. Mỗi lần đi ngang qua ca-sô nhốt những bạn tù đã vì anh mà chịu mọi thứ cực hình, anh cố dằn mình xuống, không xúc động. Anh tự nhủ: không có anh báo cáo, họ cũng sẽ chịu một kết quả như thế này thôi.

Nhưng mọi việc không đơn giản như thế, nghĩa là dù hết sức cố gắng, anh cũng không thể thoát khỏi những day dứt, dằn vặt, đau đớn. Anh thường xuyên bị hành hạ bởi những cái nhìn căm ghét, những khuôn mặt lạnh lùng, những cử chỉ khinh bỉ, những câu nói bóng gió, xô xiên hàng ngày từ mọi người. Một sự trả thù tập thể thâm lặng, nhưng vô cùng kinh khiếp. Anh phải sống thêm một trại tù trong trại tù. Anh vừa là tù nhân của cán bộ, vừa là tù nhân của tù nhân. Nếu có một điều gì tích cực trong vụ việc của anh thì đó là nạn ăn-ten trong trại đột nhiên giảm hẳn. Anh trở thành một tấm gương soi cho mọi người. Những lần kiểm điểm bớt đi, vì cán bộ thiếu người cộng tác.

Riêng anh, từ đó, anh biến tính. Anh trở nên trầm ngâm, sợ đám đông và ít nói. Không những ít nói, anh còn không muốn nói, thậm chí không biết nói gì. Anh có cảm giác mọi lời nói của anh bây giờ trở thành vô nghĩa, vì sẽ không ai thừa nhận những lời anh nói. Ngay chính anh, anh cũng hết tin những điều mình nói thì làm sao nói ra cho mọi người tin được.

Về với gia đình vợ con rồi, ít nói, hay đứng ra, không muốn nói hay sợ nói trở thành quán tính. Tuy sống như một người tự do, nhưng tâm thức tù đầy vẫn đeo đẳng trong Thử. Anh có cảm giác như mình là con mồi, luôn luôn bị rình rập, theo dõi. Đối với vợ con, anh cũng dè dặt. Anh ít ra ngoài, chỉ thỉnh thoảng mới đi một vài nơi để thăm bà con. Riêng bạn bè quen biết, anh tránh hẳn. Thỉnh thoảng gặp vài ba người trên đường đi, anh chỉ chào hỏi qua loa.

Thực ra, sau một thời gian, anh nhận thấy mọi việc vẫn bình thường, không có gì ghê gớm như anh tưởng. Chẳng mấy ai để ý, soi mói anh. Ai cũng cặm cụi, tất bật kiếm sống. Ai cũng kín đáo, lặng lẽ. Mọi người đều sợ hãi lẫn nhau. Anh cảm thấy phần chấn hơn lên với ý tưởng rằng có thể những việc làm của anh trong trại không có tiếng vang gì ngoài xã hội. Có thể nhiều người chẳng biết hoặc chẳng quan tâm. Cũng có thể người ta biết nhưng cho là chuyện bình thường. Ở trong một xã hội mà tiêu chuẩn công an đặt lên hàng đầu, thì việc người ta tố cáo nhau, phản bội nhau để tồn tại hay để chạy tội không còn là một biến cố, anh nghĩ. Vợ chồng, cha con còn có thể tố cáo nhau huống hồ gì là bạn bè, người đương. Với ý nghĩ đó, anh tự tin hơn khi gặp mọi người. Anh có thể phát biểu đôi điều mà không sợ chúng trở thành vô nghĩa. Ở trong trại, vì là tù nhân, người ta khó tính, khắc nghiệt. Còn ở ngoài đời, người ta rộng lượng hơn chẳng?

Hôm đó, chừng một tháng sau khi anh trở về, lần đầu tiên, anh nhận lời đi ăn giỗ nơi nhà một người em họ. Ăn uống xong xuôi, sau khi mọi người ra về hết, người em giữ anh ở lại nhậu tiếp. Khi đã ngà ngà, người em đột ngột hỏi anh về những lời đồn đại anh làm ăn-ten trong trại, anh hăng hái cãi chính. Anh đưa ra vô số bằng chứng cho thấy anh không bao giờ có thể làm những điều tồi bại như thế. Anh chỉ cho người em thấy những vết bầm tím trên cơ thể do những ngày bị đánh, bị cùm gông ra. Lần đầu tiên từ bao năm nay, anh cảm thấy hưng phấn với ý tưởng rằng anh đã không hề làm một điều gì sai quấy. Anh bị nghi oan, anh trong sạch, anh chẳng bao giờ làm ăn-ten. Người em họ vỗ vai anh, cười khà khà:

- Em biết chứ, có bao giờ anh Thứ lại làm những chuyện bậy bạ đó. Minh thua thì thua nhưng mình có danh dự của mình chứ. Nghe người ta vu vạ cho anh, em tức anh ách.

Anh ta hạ giọng:

- Cái này chắc tại Việt Cộng tung tin để hạ uy tín của anh đó. Tại có luôn luôn chơi đòn li gián. Độc thật! Ấy, nhưng không sao. Tại nó bôi đen anh sao được.

- Đúng! Thứ la lên sáng khoái, nâng ly rượu nốc một hơi.

Sung sướng với lối lập luận của người em họ, anh uống đến say khướt, đến nỗi người em phải chờ anh về.

**

Tỉnh rượu, anh thấy Thảo, vợ anh, ngồi ở chiếc bàn nhỏ kê sát cửa sổ, đang nhìn vào bóng đêm bên ngoài. Nghe tiếng động, chị quay lại:

- Anh tỉnh rồi à?

Anh không nói gì, nhìn đồng hồ. Một giờ sáng. Anh kêu lên ngạc nhiên:

- Trời, sao em còn thức?

Chị im lặng, chẳng nói chẳng rằng, bước ra khỏi phòng. Khuôn mặt chị nặng nề một cách khác thường. Anh ngạc nhiên bước theo, níu vai chị, nhưng chị gỡ tay anh ra. Anh trở vào phòng trầm ngâm, hai tay ôm đầu. Anh đã thấy khỏe, nhưng đầu còn hơi nặng. Đây là lần đầu tiên sau bảy năm trời, anh say.

Một lát, chị trở vào. Chị khép cửa, gài chốt lại. Thấy anh ngồi tỉnh táo ở đầu giường, chị đứng nhìn anh im lặng, nước mắt lưng tròng. Anh nhìn chị, ngỡ ngác, định đứng dậy đi về phía chị, thì đột nhiên, chị bước tới, bỏ về phía anh, hai đầu gối quy xuống đất. Chị ôm hai chân anh, nấc lên rồi khóc nức nở. Chị cố ghìm tiếng lại, nên người cứ run lên từng chập, nước mắt tuôn trào. Anh nghe những giọt nước mắt nóng hổi thấm qua vải, lan dần trên da thịt. Anh ôm đầu, vuốt tóc chị hỏi:

- Chuyện gì thế em?

Chị vẫn tiếp tục khóc. Anh phân trần:

- Anh đâu có muốn say. Tại thằng Tuấn cứ ép anh uống mãi. Anh uống đâu có nhiều, nhưng có lẽ vì lâu ngày nên bị dị ứng. Em xem, ngày xưa, anh uống hàng mấy chai rượu Mỹ mà có sao đâu.

Chị vẫn khóc. Anh im lặng, nhìn chị, chờ đợi. Một lát, chừng như đã vơi bớt xúc động, chị ngước mắt nhìn anh:

- Anh, anh, em khổ tâm quá.

Anh nâng đầu chị dậy, đưa tay chùi nước mắt trên khuôn mặt chị:

- Em cũng phải cho anh biết chuyện gì chứ. Anh chẳng hiểu gì cả. Nếu em không thích anh uống rượu thì anh sẽ không bao giờ uống nữa .

Chị lau khô nước mắt, đứng dậy nhìn anh, giọng có phần bình tĩnh:

- Là vợ chồng, anh có tin em không?

- Sao không tin?

- Em cũng vậy. Em hoàn toàn tin ở anh. Lâu nay, vì anh mới về, tâm thần chưa ổn định, nên em không dám hỏi. Nhưng giờ đây, em phải hỏi...

Chị cúi xuống, ngập ngừng. Anh nhìn chị hồi hộp. Tự nhiên, anh không dám khuyến khích chị nói tiếp.

- Thế này...Chị lại nói. Em hỏi anh...

Chị lại ngập ngừng. Một lát, thu hết can đảm, chị hỏi:

- Anh có làm gì sai quấy ở trên trại không?

Hỏi xong, chị dăm dăm nhìn anh, đôi mắt chứa đựng một nỗi van vãn thiết tha kỳ lạ. Nhìn đôi mắt chị, bất giác, anh rùng mình, bối rối. Đẳng nào cũng phải đến giờ phút này thôi, anh nghĩ. Anh tưởng mình như đang từng bước bước lên đoạn đầu đài. Dù muốn dù không, anh cũng phải trả lời. Vâng, có. Anh đã sai quấy. Anh đã hại bạn bè. Anh đã làm ăn-ten. Nói. Nói, nói một lần cho xong với vợ, với con, với bạn bè, với mọi người. Nói đi, nói đi. Anh run run, mở miệng, thì thào:
- K..h..ô..n..g!

Anh đã nói một điều khác hẳn.

Chị ôm cứng hai vai anh, lay mạnh, hai mắt nhìn thẳng vào anh, kinh ngạc, rồi thốt lên:
-Không! Dứt khoát là không bao giờ, phải không anh. Lay Trời, lay Phật, em mừng quá. Bấy lâu, em cứ băn khoăn không biết thực hư, định hỏi anh mãi, nhưng sợ... sợ...

Anh nâng chị lên:

- Sợ... sợ gì?

- Sợ... sợ anh sẽ nói khác đi. Anh còn say không?

- Không.

- Vậy anh nói lại một lần nữa đi. Anh có làm ăn-ten không?

- Kh..ô..n..g. Không bao giờ. Lần này anh nói, giọng quả quyết.

Chị buông vai anh ra, đi quanh phòng:

- Tức thật là tức. Anh biết không, hôm nay, em và con Cúc cãi nhau. Anh biết con Cúc chạy mảnh vàng ngoài chợ chứ. Cái con ăn gian nói dối. Hấn đã giành giật mối của em, rồi còn đổ hồ đổ thừa cho em gian. Cãi một hồi, loài cái gian ra, hấn không biết làm sao, bèn gọi em là vợ cái thằng ăn -ten. Rồi hấn kể lung tung, đủ thứ...

Anh im lặng lắng nghe, tim từng hồi nhức buốt.

- Em tức ơ là tức, nhưng đành phải nhịn vì hấn mồm năm miệng mười, em nói không lại. Với lại, với lại...

Chị hạ giọng:

- Em đâu có rõ anh như thế nào. Ngày mai, gặp nó, em sẽ nói, em sẽ nói. Em sẽ nói với mọi người rằng anh không hề làm gì sai quấy.

Chị đến bên cửa sổ, nhìn mông lung ra bên ngoài, im lặng. Một lát, chị quay lại, nhìn anh, rơm rớm nước mắt:

- Nhưng nói làm sao cho hết với tất cả mọi người hả anh? Mà biết họ có tin không?

Chị bước trở lại, gục đầu vào vai anh, khóc thút thít. Anh không biết nói gì, ôm đầu chị, lòng đắng xót ngổn ngang. Anh chợt thấm cảm hết tấm lòng người vợ, những tủi hờn chị phải chịu đựng về anh. Biết làm sao để đỡ dần cho chị đây?! Anh cúi xuống, thì thào, giọng chắc nịch:

- Tụi nó tung tin để hạ uy tín anh. Dần dần người ta sẽ hiểu thôi, em bực bội làm gì?

Chị thỏn thức:

- Nhưng khó bịt miệng thế gian quá anh ơi. Người ta nói này nói nọ, thì thào thì thào cả mấy năm

này rồi. Em cứ mặc kệ, coi như không có, lo làm lo ăn, bới xách cho anh. Từ ngày anh về, người ta còn nói tợn hơn nữa.

Mấy đứa con anh cũng đau khổ vì bạn bè nó mĩa mai...

- Anh có nghe ai nói gì đâu?

Chị ngẩng mặt lên:

- Thì họ cần gì phải nói với anh. Họ nói với vợ con anh là quá đủ.

Chị đứng dậy, lau nước mắt, vuốt tóc nói:

- Em tính rồi, đằng nào cũng phải đi thôi.

Anh ngạc nhiên:

- Đi? Đi đâu?

- Đi đâu cũng được, miễn là rời khỏi thành phố này. Dù anh đúng hay sai thì sự thể đã như thế rồi, có muốn thay đổi cũng không được.

Anh nói cứng:

- Anh không đi đâu hết. Để xem người ta làm gì anh nào. Cứ cho người ta vu khống, nhục mạ anh đi. Anh, đầu đội trời, chân đạp đất, anh...anh...

Anh muốn nói, muốn nói thật nhiều nữa, nhưng đột nhiên, anh cảm thấy mình hụt hơi. Anh ngừng lại, nhìn chị, im lặng. Khuôn mặt chị sững sờ, buồn bã. Anh bước tới, ôm lấy chị và bắt đầu khóc. Khóc lặng lẽ.

(1996)

Dáng buồn mệnh phụ

Chiếc xe tốc hành Sài Gòn-Đà Nẵng ngừng lại ở khu nghỉ mát Sa Huỳnh vào lúc hai giờ sáng để cho tài xế ngủ một vài tiếng lấy sức. Bằng xuồng xe, mang theo tám ni lông và chiếc túi xách đựng giấy tờ, tiền bạc. Anh ghé vào chiếc quán nhỏ bên đường gọi một tô mì ăn liền và một cốc cà phê. Anh dặn cô chủ quán:

- Cho tôi ít con tôm sống và cái trứng gà, chỉ lấy lòng đỏ thôi. Đợi sợi mì mềm sắp mang xuồng rồi hãy bỏ tôm và trứng vào. Đừng để chín quá.

Chàng châm thuốc hút, ngồi đợi. Đây là món ăn nửa đêm quen thuộc của chàng trong mỗi chuyến đi buôn. Ăn lấy sức mà thức đêm và đối phó với những bất trắc không ngờ được trên đường đi.

Quán thưa khách. Chỉ có chàng với hai người nữa ngồi trong quán. Ở khu nghỉ mát này, quán xá mở ra khá nhiều, khách bị chia manh chia mún, không tập trung, nên thường quán nào cũng vắng vẻ. Cô chủ quán, mặt mày buồn bã, có lẽ vì thức đêm và ế khách. Chàng đùa:

- Cười lên đi cô chủ. Cô có cười thì tôi ăn mới ngon.

Cô cười gượng gạo. Chàng hỏi:

- Bán đêm có khá không cô chủ?

- Lúc được lúc không. Khách xe tốc hành ít ăn uống lắm.

Cô chủ quán bưng tô mì ra, hơi nóng bốc ngùn ngụt. Không đợi nguội, Bằng vừa hít hà vừa ăn ngon lành. Ăn xong, chàng hớp một miếng nước trà loãng, lấy cây tăm, rồi bưng cốc cà phê đi ra ngoài. Đêm không trăng. Bầu trời sao nhấp nháy, phản chiếu lấp lánh trên mặt biển ngoài khơi xa. Gió khuya thổi nhẹ, mơn man trên da thịt chàng như một lời ru êm đềm không tiếng. Chàng bước xuống bờ cát, lặn ra mé nước. Sóng vỗ nhẹ thì thầm tâm sự. Sa Huỳnh, địa danh một thời nổi tiếng với những trận đánh đẫm máu chiếm đất dành dân sau hiệp định Paris. Sa Huỳnh bây giờ là địa điểm nghỉ mát với một đoạn bãi biển dài nằm dọc theo đường quốc lộ Một. Bằng nhìn cụm nhà nghỉ quốc doanh nằm im lìm trong bóng đêm. Những góc cạnh, đường nét hình học nổi lên nhờ nhờ, không gọi nên một cảm giác nào rõ nét. Biển xa hun hút.

Chàng bước lui, để cốc cà phê xuống, trải tấm ni lông trên cát. Chàng cẩn thận nhét hai chiếc dép Lào xuống phần cát nằm dưới tấm ni lông. Chàng nằm xuống, đầu kê trên chiếc túi xách, dây quai quấn chặt vào tay. Kinh nghiệm qua những chuyến đi buôn đường dài cho biết không bao giờ nên lơ là việc cảnh giác. Kẻ bắt lương có mặt khắp nơi, triệt để khai thác những sơ hở của khách đi đường. Chàng nhìn lên bầu trời thăm thẳm xa. Không biết hôm nay là ngày mấy mà trăng không có. Đi riết rồi tháng ngày quên mất. Những chuyến hàng xuôi Nam ngược Bắc kéo chàng đi như kẻ lạng lách. Mỗi tháng, chàng chỉ ngủ nhà đâu năm, bảy ngày. Còn lại thì ngủ đường, ngủ sá và không thiếu lúc, ngủ bờ, ngủ bụi. Còn nhớ lần chạy lên đèo Ngang, xe khách chết máy ở lưng chừng dốc vì hư con heo dầu. Xe nằm vạ hai ngày hai đêm. Thế là, ngày xuống khe trốn, đêm đục bụi ngủ. Được nằm trên bãi cát thế này cũng đã là một hạnh phúc. Một hạnh phúc nho nhỏ. Tuy không bù đắp được với những lo lắng, bòn chòn, khắc khoải trong cuộc mưu sinh, nhưng thôi thì cũng được. Bao năm, bao tháng, cuộc đời đầy chàng chạy như con ngựa bắt kham. Trong cái thế cùng tất biến, chàng bỗng chốc trở thành một con buôn, con buôn thứ thiệt. Chàng để ý từ giá vàng đến giá bột ngọt, từ bì bong bóng cho tới bịch ni lông. Đầu óc lúc nào cũng cộng trừ nhân chia. Tiêu pha thì việc nào có phần nấy, rạch ròi, chi li. Kiến thức cũ bỗng trở thành phù du. Chúng lặng lẽ tan biến hay chôn vùi đâu trong đáy sâu của ký ức.

*

Chàng nhồm dậy, nhấp một hớp cà phê, rồi lại nằm xuống, nhắm mắt cố không nghĩ đến một điều gì rắc rối. Chàng không có ý định ngủ, nhưng tự nhiên thiếp đi lúc nào không biết. Tỉnh dậy, chàng giật mình lục soát lại khắp người để xem có gì thất thoát không. May thật! Tất cả đều còn nguyên. Chàng nhìn quanh. Chiếc xe vẫn còn đó. Hành khách nằm, ngồi rải rác. Chàng đứng hẳn dậy, xếp tấm ni lông lại, ngồi xuống. Tiếp tục nằm, e lại ngủ nữa. Chàng cầm cốc cà phê lên uống một hơi, rồi lấy thuốc châm hút. Vừa ném cây diêm sang một bên, chàng chợt phát hiện ra một người ngồi chênh chếch phía bên trái chàng, không xa mé nước bao nhiêu. Người đó ngồi bất động, hai tay ôm đầu gối, khuôn mặt quay ra phía biển. Định thần nhìn, chàng mới nhận ra đó là một người đàn bà. Với bộ áo quần màu sẫm, người đàn bà xuất hiện trong một nhân dáng ù lì, buồn bã. Chàng tự hỏi không biết người đàn bà ngồi đó từ bao giờ.

Có lẽ nghe tiếng động, nên người đàn bà quay lại, dè dặt lên tiếng:

- Ông dậy rồi à?

Chàng đáp:

- Vâng, tôi thiếp đi lúc nào không hay.

Trong bóng tối, khuôn mặt người đàn bà như sáng hẳn lên, so với khoảng tối chung quanh.

- Cô... à... chị ra đây từ lúc nào? Chàng hỏi.

- Cũng khá lâu. Khi nãy ông ngủ, tôi thấy có người lảng vảng đi quanh chỗ ông.

Giọng người đàn bà nghe dịu dàng, thân thiện. Chàng giật mình:

- Thế à? Tôi thật mất cảnh giác.

Người đàn bà tiếp:

- Thấy tôi đi xuống, người ta bỏ đi.

- Người trong xe hay người nào lạ vậy chị?

- Tôi không rõ lắm.

Người đàn bà lại quay mặt ra phía biển, im lặng.

Chàng tiếp tục hút thuốc. Hết điếu thuốc, chàng đứng dậy, bước ra mé nước, ném mạnh tàn thuốc xuống nước, hỏi người đàn bà:

- Chị không ngủ được à?

- Không thể nào ngủ, ông à. Tôi chưa hề quen ngủ ngáy kiểu này.

Chàng cười:

- Máy ai ngủ được đâu chị.

- Tôi thấy ông ngủ thật ngon.

- Thỉnh thoảng thôi. Và lại, ngoài ý muốn.

- Chắc ông là dân buôn?

Chàng lửng lơ:

- Có thể nói như thế.

Người đàn bà cười thoải mái. Rồi như bỗng thấy tiếng cười của mình có thể làm phiền những người chung quanh trong đêm vắng, nên nàng đột ngột dừng lại, đưa tay che miệng. Tiếng cười nghe trong veo, chàng nghĩ. Nàng giải thích:

- Xin lỗi ông. Nhưng tại vì ông nói lửng lơ quá. Tôi đoán chừng ông là dân buôn thứ thiệt.

Thấy người đàn bà vui vẻ, chàng đổi cách xưng hô:

- Sao cô tài thế?

- Không phải tài đâu. Tôi chỉ đoán thôi. Nhìn cách đi đứng nằm ngồi của ông thoải mái, tôi... tôi đoán là ông quá quen với cảnh này rồi. Tôi thì tôi chịu.

- Có nghĩa là cô không phải là dân buôn?

- Dạ.

Chàng cười:

- Tôi không tin thế. Cô không nghe người ta nói: cả nước đi buôn toàn dân đánh bạc sao? Người người đi buôn, nhà nhà đi buôn, thuê nhất định đánh, dân nhất định gian. Hiếm người đi không.

Chín mươi, chín mươi lăm phần trăm đều là con buôn, hình thức này hay hình thức khác.

Người đàn bà phì cười:

- Ông có cả một lý thuyết về đi buôn.

- Tôi lấy từ thực tế thôi cô à. Tôi cá với cô là nếu mang hết xách hành khách ra khám xét thì không có xách nào là không có hàng. Hiếm người đi không lắm.

Chàng dừng lại, nhìn nàng chờ đợi một câu hỏi hay một câu góp ý tiếp theo. Nhưng nàng im lặng, quay mặt ra biển. Không nhận rõ lắm, nhưng nhìn cử chỉ và nghe giọng nói, chàng nghĩ là nàng vẫn còn trẻ. Cung cách trông bộ còn tiểu thư. Hay ít ra, nàng cũng không có vẻ gì là con người mới xã hội chủ nghĩa, theo cách hiểu có vẻ hài hước của chàng. Sau 1975, hàng triệu bà, hàng triệu tiểu thư và vô số mệnh phụ đã lột xác, biến tính, lao vào một cuộc đấu tranh kiên trì, vất vả để tồn tại trong lúc hàng triệu ông chồng đang nằm trong các trại giam. Họ khác trước hoàn toàn. Họ mới hẳn. Người đàn bà này hình như không như thế. Nàng có vẻ lỗi thời, chàng nghĩ.

Chàng định quay đi, thì người đàn bà lên tiếng:

- Ông à..., ông xuống Đà Nẵng chứ?

- Vâng.

Nàng ngập ngừng:

- Tôi có chút việc muốn nhờ ông giúp, không biết có được hay không?

- Sẵn sàng, nếu không ngoài khả năng tôi.

Nàng đứng dậy, phủi những hạt cát vương vào áo quần:

- Thế này...

Nàng lại im lặng. Chàng đề nghị:

- Hay là ta vào trong quán kia rồi nói chuyện.

Nàng gật đầu. Hai người đi vào trong quán. Bằng muốn nhìn người đàn bà cho kỹ trước khi có thể chấp nhận bất cứ lời đề nghị nào. Thời buổi này, khó mà tin ai được, dù đó là người thân, bạn bè. Những trò lừa gạt xảy ra như cơm bữa, nên khó mà làm một người chân chính đúng nghĩa.

Khi ngồi xuống ghế xong, chàng nhìn nàng, sửng sốt. Nàng đẹp quá! Nàng đẹp từ mái tóc, khuôn mặt, chiếc cổ, bờ vai. Tất cả đều đẹp, kể cả bộ đồ đen mỏng, lóng lánh hàng nút gài một bên, đôi bàn tay mịn màng, những ngón tay nhỏ nhắn, móng tay sơn màu hồng nhạt. Nàng đã đẹp tự nhiên, lại khéo trang điểm, nên càng đẹp hơn bội phần. Nàng ngược mắt nhìn lên, chàng bối rối nhìn vào phía khác, lòng thốt nhiên hồi hộp. Nàng không khác gì một mệnh phụ của thời nào. Chàng nhìn lại mình, cảm thấy ngượng ngùng. Chiếc áo lính cũ khoác ngoài, chiếc quần jean chợt trời, cái túi vải, tấm ni lông. Một tương phản sắc nét, ngọt ngào.

Thấy chàng cứ ngồi yên, người đàn bà dụi dụi lên tiếng:

- Sao ông ngồi im thế?

Chàng lấp bắp một cách thành thật:

- Cô... đẹp quá!

Chàng chỉ nói được có thế, và bối rối nhìn vào phía khác.

Nàng cười:

- Không dám đâu. Em...

Nàng bỏ lửng câu nói sau tiếng “em” khá hồn nhiên. Chàng châm điếu thuốc hút, lòng bình tĩnh trở lại. Chàng cười:

- Thú thật, cô đẹp quá làm tôi mất bình tĩnh.

Nàng cúi xuống:

- Đâu có!

Nàng bẽn lẽn mỉm cười, để lộ mấy cái răng hơi thưa. Có lẽ đây là nét bất xứng nhất trên toàn con người nàng, chàng nghĩ bụng.

- Thế nào? Cô muốn tôi giúp gì?

Nàng nhìn quanh, hạ giọng:

- Nói thật, em đang tập tễnh đi buôn. Đây là lần đầu em đi như thế này. Có một người quen chỉ vẽ, em mang theo thuốc hút. Người ta bảo đem thuốc ra miền Trung lời lắm.

- Cô mang loại thuốc gì?

- Dạ, thuốc ngoại. Craven A, Jet, Ba Số.

- Cô định bán ở đâu?

- Dạ chợ Cồn hay chợ gì đó, chợ Hàn thì phải.

- Cô có quen ai là bạn hàng ở Đà Nẵng không?

- Không. Mười mấy năm rồi em mới ra lại Đà Nẵng.

- Cô có bà con, bạn bè gì ở đó không ?

- Không có bà con. Em có con bạn ở đó.

- Cô sẽ về đó hay sao? Cô bạn ở đường nào?

- Dạ ở đường Hai Bà Trưng. Nhưng đây là địa chỉ em có trước 75. Không biết giờ cô ta có còn ở đó hay không.

Chàng phì cười :

- Trời ơi, mười mấy năm vật đổi sao dời, làm sao cô dám chắc cô bạn còn ở chỗ cũ. Thế cô không liên lạc gì trước khi đi à?

- Dạ có liên lạc. Em gửi thư hai lần mà không thấy trả lời.

- Cô liệu thật. Cô định đi buôn mà không manh không mối gì cả thì làm sao? Công an, thuế vụ bắt cho sạch vốn.

Nàng ngậm ngừng :

- Em định... em định ở khách sạn rồi đi tìm cô bạn.

Chàng sửng sốt:

- Ở khách sạn? Cô dám ở khách sạn một mình à? Đã là đàn bà, đàn bà đẹp, lại mang hàng hóa linh kính như thế này làm sao mà tránh được những con mắt dòm ngó. Không công an thuê vụ thì cái đám ma cô ma cạo đầu có để cho cô yên.

Chàng nhìn thẳng người đàn bà xem thử nàng thuộc loại người nào. Ngây thơ thật hay chỉ là một thứ đòn phép? Nàng cúi mặt, đôi tay đan vào nhau, cựa quậy trên mặt bàn. Khuôn mặt toát ra một vẻ hiền hậu đặc biệt, khiến chàng đâm ra băn khoăn. Nàng có thể sống như thế, nghĩ như thế trong cái xã hội nhiễu nhương này sao. Bằng bằng có cảm giác như nàng đã từng sống trong một thời đại bình yên nào đó, rồi trải qua một giấc đông miên dài và chợt tỉnh dậy, ngu ngơ trước một khung cảnh hoàn toàn khác, nên không phân định được điều gì rõ ràng.

Chàng hỏi một câu thăm dò:

- Tôi có thể tin lời cô được bao nhiêu phần trăm đây?

Nàng ngược mắt, nhìn chàng, dè dặt:

- Những điều em nói đều thật.

- Liệu cô muốn tôi giúp những gì?

- Anh tính giúp em. Giờ em mới thấy mình quá liều.

- Cô mang theo bao nhiêu thuốc lá?

- Dạ, 100 cây đủ loại.

Chàng kinh ngạc la lên:

- Eo ơi! Chừng ấy hàng mà sao cô mang lọt được ra đây, tài thật. Thuế vụ công an nhan nhản.

- Em lên Chợ Lớn mua, rồi thuê xích lô chở đi.

- Không ai hỏi han gì cô dọc đường, hay ở bến xe cả à?

- Không.

Chàng chép miệng:

- Lạ thật! Tụi tôi đi buôn, lên hàng xuống hàng có bài bản, có tiền mãi lộ, giấu lên giấu xuống mà còn bị bắt. Còn cô cứ đi tình bơ lại không bị gì cả. Còn hơn cả phép lạ.

Lúc đó, có tiếng còi xe báo hiệu đã đến giờ lên đường. Bằng nhìn đồng hồ. Đã bốn giờ sáng.

Chàng nói:

- Thôi mình lên xe. Tôi sẽ suy nghĩ xem có thể giúp cô được gì. Lúc nào xe ngừng để ăn sáng, tôi sẽ bàn với cô.

*

Bằng giúp giải quyết mọi việc cho người đàn bà không mấy khó khăn. Chàng cho xuống hàng

nàng cùng với hàng chàng ở ngoại ô thành phố, thuê người chở về nơi an toàn. Còn nàng, chàng gửi nơi nhà của một người bạn ở Thanh Khê, gần Ngã Ba Huế. Nhà người bạn rộng rãi, vợ bạn lại có mối lái buôn bán ngoài chợ Cồn. Thế là nhất cử lưỡng tiện. Chàng trở về yên tâm lo công việc của mình.

Thường thì chàng không mấy rảnh rỗi khi về nhà. Phải lo bán cho hết hàng và chạy đôn chạy đáo mua hàng đóng đi cho chuyển khác. Số thì giờ ít ỏi còn lại thì lo việc phải trái trong họ hàng, hoặc chuyện giao tế linh kinh. Cuộc mưu sinh tất bật luôn luôn đẩy chàng đi tới, nuốt chửng của chàng những thú vui riêng tư. Ngay cả việc hú hí với vợ con đôi khi cũng đành gác lại. Chàng đi đi về về, lo lo lắng lắng. Rốt cuộc, nhà của chàng ở cũng chẳng khác gì lắm với một nơi ở trọ. Chàng trở về, nghỉ chân, giải quyết một số công việc rồi lại ra đi.

Chính vì thế mà chàng hầu như quên bằng người đàn bà đẹp vừa quen trên chuyến xe. Cho đến chiều ngày thứ năm, kể từ hôm chàng trở về, bạn chàng ghé chợ tìm chàng:

- Ông định bán cái cho tôi sao ông Bằng?

- Ông nói bán cái cái gì?

- Ông lại làm bộ nữa rồi. Cái cô Vân ông gửi hôm trước nơi nhà tôi, giờ ông tính sao? Ông để đó rồi ra đi biệt.

Bằng giả lã:

- Ông thông cảm. Tôi cũng bận quá. Định giải quyết cho xong hàng hóa, tôi sẽ ghé. Cô ta thế nào rồi? Khỏe không? Hàng của cô ta ra sao rồi?

- Dĩ nhiên, nhà tôi đã lo xong cả. Bây giờ đến phiên ông. Chiều nay, bọn tôi ra Huế chụp họ. Bọn tôi bằng lòng cho cô ta tạm ở đó. Nhưng ông phải lo săn sóc cô ấy chứ. Lại phải tính chuyện xe cho cô ấy vào nữa. Chiều mai bọn tôi sẽ về.

Anh ta xuống giọng, nói nhỏ:

- Em xinh thật, ông Bằng ạ. Bỏ thì thương mà thương... thì không dám. Ông liệu sao phải thì thôi nhé! Tôi giao nhà và cô ấy lại cho ông đấy.

Ông bạn nheo mắt cười, rồi bỏ đi.

*

Lời nói đùa của người bạn không biết sao bỗng gợi dậy trong Bằng những háo hức bất thường tưởng đã ngủ yên từ lâu. Chàng cố thu xếp thật nhanh gọn mọi thứ, để thừa ra một khoảng thời gian. Chàng về nhà, thay áo quần, nói dối vợ, rồi rú xe đi.

Đến nhà người bạn, lòng chàng bỗng hồi hộp vô cớ. Nàng đẹp. Nàng ở một mình. Nàng từ đâu đến mà bỗng dưng ở đây. Một đóa hoa lạc. Một kẻ lờng gạt. Hay một gái giang hồ. Phải chăng, chàng đang từng bước sa vào một cái bẫy đang giương sẵn? Bao nhiêu năm, quần quật trong cuộc tranh sống, chàng tránh tất cả những quan hệ lằng nhằng với đàn bà. Tôn thì giờ, tốn tiền, tốn sức mà chẳng được cái gì. Chàng cho rằng những đổ vỡ gia đình thường khởi đầu bằng những chuyện vu vơ, tưởng như hoàn toàn vô hại, ít ra là lúc khởi đầu. Thế mà giờ đây...

Chàng do dự một chút rồi đưa tay gõ cửa.

Cửa mở. Người đàn bà xuất hiện trong một bộ đồ tím, tóc tai vén khéo, mặt mày tươi tắn, rạng rỡ.

Nàng mừng rối rít:

- Trời! Anh. Anh đi đâu mất biệt vậy?

- Xin lỗi cô Vân. Tôi bận quá.

Nàng khép cửa, đứng lại nhìn ngắm chàng, hai tay để trước ngực:

- Em mong anh đến...

Chàng tránh nhìn nàng:

- Vâng, tôi biết. Nhưng cô biết không, mỗi lần mua hàng về, tôi hết sức bận rộn. Chuyển hàng, bán hàng, mua hàng... rồi bao nhiêu việc gia đình khác. Hôm nay vẫn còn lu bu lắm, nhưng tôi tranh thủ ghé thăm cô. Nghe hàng hóa cô xong xuôi cả rồi, phải không?

- Anh bạn của anh tốt quá. Cả chị vợ nữa. Họ thanh toán cho em xong xuôi mọi chuyện, hôm qua kia. Họ coi em như người nhà. Em không ngờ em gặp được nhiều người tốt như thế.

Chàng thành thật:

- Nhìn cô, khó ai mà từ chối giúp cô cho được.

Chàng định nói tiếp, nhưng bỗng có cảm giác hụt hơi. Tim chàng tự nhiên đập mạnh. Cánh cửa khép lại, mở ra một thế giới hoàn toàn mới mẻ đối với chàng. Quanh chàng, mọi thứ như đều trở thành đồng lõa. Chàng vụt có cảm giác như mọi sự đã phải xảy ra như thế, không thể nào khác. Chàng nghe rõ từng nhịp thở của mình, và từng nhịp thở của người đàn bà đứng đó. Nàng hoàn toàn xa lạ, nhưng thuộc về chàng, của chàng.

Chàng im lặng. Một im lặng nồng nàn, ngọt ngào, run rẩy. Y như thể cả hai người đều đã chờ đợi từ lâu cái giây phút này. Đúng lúc chàng tưởng như cả thân hình chàng đổ về phía nàng, thì nàng lên tiếng:

- Mời anh ghé lên chỗ em chơi.

Chàng sực tỉnh, bước theo nàng như cái máy. Hai người lên một căn gác gỗ có lan can hướng ra vườn. Nàng nói:

- Anh chị Thành dành cho em nơi này.

- Cũng tiện cho cô. Nơi này không lạ gì đối với tôi. Bọn tôi vẫn thường ngồi đây, khi thì uống trà, khi thì nhậu nhẹt lai rai mỗi buổi chiều.

Chàng đi tới, đi lui ngắm một dãy phong lan treo lỏng lỏng từ đầu này tới đầu kia. Chẳng có giò nào có hoa, nhưng những rễ, nhánh, vôi bò loăn quăn quanh chậu, quanh những khúc gỗ gây nên những cảm giác kỳ thú. Chiều xuống hẳn. Đây là khu nhà vườn, nên bóng tối đến sớm. Ở ngoài xa, biển mờ mờ. Núi Hải Vân thấp thoáng trong sương chiều.

Vân đứng tần ngần. Bằng kéo chiếc ghế nhỏ ở góc ra ngoài, nói:

- Mình ngồi đây nói chuyện một lát. Trời tối rồi, tôi cũng phải về.

Vân kéo ghế ra ngoài. Chàng chỉ vào phía xa:

- Cô có biết đằng xa đó là gì không?

- Núi.

- Đó là núi Hải Vân. Cô đi đến đó bao giờ chưa?

- Một đôi lần. Em đi thăm Huế hồi nhà em đổi ra Quân Đoàn Một.

- Vậy ông xã cũng ở trong quân đội à?

- Vâng.

Nàng im lặng, hai bàn tay đan vào nhau. Chàng hỏi:

- Lần này vào lại, cô có định đi buôn nữa không?

- Em cũng chưa rõ. Có thể đi mà cũng có thể không.

- Cô đi buôn thật hay đi cho đỡ buồn?

- Em cũng không rõ.

Nàng bóp những ngón tay lại với nhau, cắn môi và đột ngột, nàng buông một tiếng thở dài.

Chàng xao xuyến hỏi:

- Cô có chuyện không vui?

Nàng không trả lời thẳng vào câu hỏi của chàng:

- Thực ra, em trốn nhà đi.

Chàng ngạc nhiên:

- Cô lại phải trốn ai? Chẳng lẽ trốn chồng con?

- Em trốn bà nhạc.

Nàng đứng dậy bước ra, vịn vào lan can, nhìn vợ vẫn, lưng quay lại phía chàng. Chàng nhìn người đàn bà, lòng ngờ ngẩn. Nàng đứng đó, một mời gọi cuống quýt. Bờ vai, chiếc cổ, những đường nét... Nàng như một trái cây chín tới, sẵn sàng nằm trong tay người hái. Chàng đứng lên, bước đến. Như một kẻ mộng du, chàng đưa hai tay đặt lên vai nàng. Nàng run rẩy, quay lại, nhẹ gỡ bàn tay chàng ra:

- Cám ơn anh. Anh đến đây, chị nhà có biết không?

Chàng chợt giật mình, sửng người lại. Nàng tựa lưng vào lan can, nhìn thẳng vào mắt chàng, ngập ngừng :

- Em... không muốn phá hoại hạnh phúc của anh.

Chàng buông thõng tay, bối rối:

- Xin lỗi cô.

Chàng nhìn những chiếc thuyền đánh cá nhỏ như những cái chằm ngoài biển xa mù mù. Những cái chằm nhòe đi, mờ dần. Bóng tối đã bắt ngát chung quanh. Chàng trở lại ghé ngồi. Vân cũng trở lại chỗ của nàng. Chàng hỏi:

- Cô Vân định bao giờ về lại?

- Em muốn vào sớm. Em nói dối bà nhạc em là về quê năm, ba hôm thôi. Nay đã bảy tám ngày rồi.

- Tôi sẽ kiếm xe cho cô vào ngày mai. Bà nhạc cô thế nào mà khó tính thế?

Vân im lặng khá lâu, rồi mới lên tiếng:

- Chuyện thế này: chồng em là con một. Từ ngày anh ấy đi cải tạo, em ở với bà nhạc. Bà lo cho mẹ con em chu đáo mọi việc, kể cả việc bới xách đều đặn cho anh ấy ngoài Bắc. Có điều, bà không muốn cho em giao thiệp với bên ngoài. Bà sợ mất em...

Nàng đưa hai tay đặt lên ngực, nói tiếp:

- Bà thương mẹ con em lắm, nhưng lại canh giữ em như tù nhân. Tám năm rồi đó anh. Em không thiếu thốn thứ gì, nhưng...

Giọng nàng chợt trầm xuống:

- Nhưng... buồn quá.

Chàng hỏi:

- Sao cô không về ở với cha mẹ ruột?

- Ba mẹ em mất hết rồi. Hơn nữa, em không thể bỏ bà được vì bà quá tốt đối với em. Em thích gì bà cũng chịu, em muốn gì bà cũng thỏa mãn. Trong lúc thiên hạ vật vã với cuộc sống bên ngoài, thì em vẫn sống đầy đủ. Nhưng anh biết không, tính bà kỳ lắm. Thương em như thế, mà trước đây, khi anh ấy chưa đi cải tạo, bà cứ tìm cách cản trở cuộc sống vợ chồng của bọn em. Hễ thấy bọn em ở chung phòng với nhau là bà hờn, bà lấy. Ông xã em lại vốn chịu bà.

Chàng im lặng lắng nghe. Giọng tâm sự của người đàn bà nghe loáng thoáng như gió thoảng, nhưng chất chứa buồn ngùi. Chàng đứng dậy:

- Cám ơn cô. Tôi phải về. Có gì mai tôi trở lại. Trời cũng tối rồi.

Vân nói, giọng nghe hốt hoảng:

- Anh về à? Sao... sao vội thế. Em... em...

Nàng đứng vụt dậy, nhìn quanh, rồi nhìn chàng, hai tay chấp chới như muốn tìm một chỗ níu. Nhưng nàng lại ngồi xuống, hai tay buông thõng. Trong bóng tối đã bát ngát, khuôn mặt nàng nhòe nhoẹt. Chàng có cảm giác như nó đang chao đảo, chập chờn, thực thực hư hư. Nàng đứng đó, như chiếc lá, như cọng cỏ ngu ngơ, yếu đuối. Chàng nghe người mình chợt mềm đi. Nghị lực tiêu tán. Chàng bước đến, hai tay đặt nhẹ lên vai nàng, cổ họng khô khốc. Chàng kéo nàng về phía mình. Người đàn bà ngẩng mặt nhìn chàng, ngây dại. Thân thể hai người đổ gập vào nhau.

Chàng nhắm mắt, lắng nghe mùi hương đàn bà nồng nàn.

Bỗng trong đầu chàng lóe lên hình ảnh một người đàn ông gầy gò, mặt mày chai cứng, buồn bã trong bộ đồ tù bạc màu, đôi mắt đăm đăm nhìn chàng, không nói. Như bừng tỉnh, chàng rút tay lại, dụi mắt. Nàng nhìn chàng, ngơ ngác. Bằng thay đổi cách xưng hô:

- Chị vẫn đi thăm anh ấy đều đặn chứ?

- Dạ, nhưng nửa năm mới đi một lần. Ở Hoàng Liên Sơn, xa quá!

- Tôi may mắn hơn anh ấy. Tôi chỉ đi ở tù có bốn năm, lại gần nhà. Kỳ tới, có đi thăm anh ấy, chị cho tôi gửi lời thăm.

Người đàn bà gật đầu. Nàng cúi xuống, hai bàn tay đan chéo vào nhau. Nàng ngồi im, thật im. Như pho tượng. Dáng nàng chùng xuống, nhẫn nhục. Nàng đẹp thật, đẹp như một mệnh phụ, chàng nghĩ.

(12-95)

Không có ai, không có gì cả

Cỡ vào đầu tháng tám là chị bắt đầu thấy thấp thỏm, bồn chồn. Biếng ăn. Ngủ ít khi được ngon giấc. Chị hay chú ý đến từng tiếng động, nhất là những tiếng động từ xa. Thỉnh thoảng chị bước ra sau vườn hay khoảng sân hẹp trước nhà, ngó mông lung, mắt như muốn xuyên thủng những vùng cây trước mặt để được nhìn thấy một vùng trời khác. Đó có thể là một thành phố, một nơi nào xa, một người nào đứng đợi hay một cái gì đó khác hơn.

Gần cuối tháng tám, mưa bão gây nên một cơn lụt. Chị gần như tuyệt vọng. Ban đêm, ngồi co ro bên cửa sổ, nhìn ra ngoài thấy nước mênh mông trắng xóa, chị cảm thấy mình hoàn toàn bất lực. Chị làm bầm than thân trách phận, rồi trách ông trời vô tình. Nửa đêm, chị bưng đèn lên nhà trên, thấp nhang trước bàn thờ, lâm râm khẩn nguyện. Chẳng biết có phải do lòng thành của chị hay không, sáng hôm sau thì nước rút.

Trưa hôm đó, ba mươi mốt tháng tám, bí thư đảng ủy xã đến báo cho chị biết phái đoàn Tỉnh Ủy sẽ về thăm xã và đến ủy lạo chị nhân ngày Quốc Khánh. Có thể chứ, chị nghĩ. Chị loay hoay, chạy từ nhà trên xuống nhà dưới dọn dẹp, hối thúc bà mẹ chuẩn bị trà nước, lau chùi bàn ghế, lau chùi mười mấy tấm huy chương và bằng khen treo ngang dọc khắp phòng. Chị năn nỉ mẹ tạm thời cất bức Phật Bà Quan Âm lồng kính ngay lối cửa ra vào. Thay vào đó, chị treo tấm ảnh Bác Hồ. Chị kê chiếc xe đạp Phượng Hoàng lên hai tấm gỗ, đồng thời cột tấm giấy khen vào ghi-đồng xe. Chiếc xe này, chị được Trung Ương Đảng tặng nhân dịp kỷ niệm tám năm giải phóng miền Nam. Chị sắp mấy chiếc ghế đẩu, ghế dài thành một vòng, lẩm bẩm:

- Cái này dành cho anh Mười Sao, Bí thư Tỉnh Ủy. Nếu không thì để cho thằng Út Sơn, Phó bí thư.

Cái này, con Lài Thương nghiệp. Cái này,thằng Trần Đại Đẹo, Trưởng ban Văn hóa Thông tin. Cái này, thằng Long, Mặt Trận Tổ Quốc. Cái này, anh Hai Hùng, Trưởng Công An Tỉnh. Cái này, thằng ... à ... Cái này dành cho anh ấy...

Anh ấy, tức là Nghĩa, người bạn tình lâu năm của chị. Hai người quen nhau ở trong tù. Trong những ngày tranh đấu căng thẳng, Nghĩa luôn luôn có mặt bên chị, săn sóc động viên, nhường cơm xẻ áo, giúp chị giữ vững tinh thần chiến đấu. Hai người, tuy chưa chính thức thề nguyện gì với nhau, nhưng trong thâm tâm, tự xem nhau như người tình, hoặc hơn thế, như vợ chồng. Ngay cả khi Nghĩa biết chị không còn có thể sinh con được nữa sau nhiều năm tháng tù tội. Sau tháng tư 1975, gặp lại nhau, anh đề nghị làm đám cưới, nhưng chị không nhận lời. Chị khuyên anh nên lấy vợ và xem chị như một người bạn. Nhưng lần nữa đến mấy năm sau, anh mới lấy vợ. Giữ lời hứa với chị, tuy bận bịu gia đình và công tác, thỉnh thoảng, từ trong Nam, anh vẫn ghé về thăm chị, ít ra là mỗi năm một lần. Thường là vào dịp Quốc Khánh.

Dọn dẹp đâu đó xong xuôi, chị đi gội đầu, chải tóc, thay quần áo mới. Mọi năm, chị may một bộ quần áo mới và thường chỉ mặc khi đón phái đoàn và đón anh. Với chị, đây mới thực sự là ngày Tết. Chị được gặp lại đồng chí, bạn bè. Chị được ôn lại những kỷ niệm cũ, những ngày chiến đấu hào hùng. Đó là tất cả cuộc đời. Phần còn lại, kể từ ngày chị được nghỉ hưu non, được hưởng lương theo tiêu chuẩn thương binh, chị xem như không có. Chị sống cho có sống. Mọi điều cứ dần dần xa lạ hẳn với chị. Mọi điều thay đổi đến kỳ quặc. Cảnh đổi, người đổi. Lúc đầu, khi mới về hưu, được mời làm cố vấn Đảng ủy xã, mỗi lần ra họp, chị còn phát biểu, phê bình này nọ. Nhưng nhìn ánh mắt mọi người mỗi ngày một dửng dưng, chị đâm ra sượng sùng. Và rồi, vì tự ái, và cũng vì sức khỏe, chị xin nghỉ hẳn. Chị trở về, sống một mình, cố quên hết chuyện thời sự.

Chị xa lánh mọi người. Mọi người hình như cũng xa lánh chị. Cử chỉ họ khác. Ngôn ngữ họ cũng khác. Ngày trước, họ kính trọng chị. Họ lắng nghe chị nói. Họ nhìn chị, ngưỡng mộ. Bây giờ khác hẳn. Chị cố sống với những tháng ngày hào hùng cũ. Họ lại cố quên. Họ cúng quảy. Họ nhậu nhẹt. Họ xây nhà cao cửa lớn. Họ bàn chuyện đi Pháp, đi Mỹ... Mỗi ngày mỗi tháng qua đi, thế giới chung quanh chị hừng hực thay đổi. Người cũ thay lòng đổi dạ. Lũ trẻ lớn lên nghênh ngang. Đám viên chức ác ôn chế độ cũ ở tù về cứ phây phây ra đây y như chẳng hề có tội lỗi gì cả. Đã thế, đám cán bộ, đảng viên lại bóng gió ca ngợi chế độ cũ nữa mới lạ. Chị không hiểu, không thể hiểu nổi.

Phái đoàn đến lúc hai giờ.

Ba xe hơi dừng lại trước ngõ. Chị bước ra sân đón. Phái đoàn chừng mười người, lạ có quen có. Không thấy có Bí thư Tỉnh Ủy. Chỉ có Phó Bí thư Út Sơn, Trần Đại Đẹo, Hai Hùng. Không thấy con Lài Thương nghiệp, thằng Phương Hải sản. Mọi người đã vào trong nhà hết trong lúc chị còn đứng ở bậc thềm nhìn ra cửa ngõ, chờ đợi. Không có Nghĩa. Chị cảm thấy ngực mình nhói lên. Anh ấy không đến. Mắt chị nhòe đi. Chị phải vịn cột nhà để bước lên bậc thềm. Trong nhà, mọi người đứng ngồi, chỉ trò, cười nói. Chị vào, đến bên Hai Hùng, trưởng Công An, hỏi nhỏ:
- Anh Nghĩa lần này không ra à ?

- Ờ, ờ, giờ này tôi mới để ý. Chẳng biết năm nay sao hắn không ra nhỉ?

Chị rùng mình. Cảm giác lạnh lẽo lan ra khắp cơ thể. Chị bần thần nhìn mọi người, quên cả mời ngồi. Nhưng chừng như đã quen với sự tùy tiện ở những nơi như thế này, các quan chức cũng xem là chuyện bình thường. Phó Bí thư Tỉnh Ủy, mặc vét-tông, cổ không đeo cà vạt, đầu đội chiếc mũ bê rê lệch qua một bên. Ông đang giới thiệu chiếc xe đạp và những bằng khen, huy chương của người nữ đồng chí một thời được tuyên dương là anh hùng, với những người trẻ. Một số người khác nhìn ngấm, chỉ tỏ lầy lẹ. Họ chừng như quá quen với khung cảnh này. Vì hàng năm, họ vẫn thường có những cuộc thăm viếng kiểu này, mỗi nơi một chút, cho đúng chính sách. Và lại, cuộc đời và thành tích của người nữ đồng chí kiên cường này, hầu như ai cũng biết. Thậm chí có người thuộc nằm lòng.

Chị vào, cố trấn tĩnh, giọng run run:

- Cám ơn các đồng chí đã đến. Sao không thấy đồng chí Bí thư?

Phó bí thư cười:

- Đồng chí bận tiếp phái đoàn trung ương, không về được. Xin cáo lỗi cùng đồng chí.

Giọng chị hơi rần lại:

- Ông ấy tề thì thôi. Mời các đồng chí ngồi.

Không ai ngồi. Ghế không đủ. Nhìn thấy một số người lạ mặt chỉ tỏ, bàn tán về những tấm huy chương và ảnh, chị bước lại:

- Chào mấy chú. Toàn cũ cả thôi. Đây là tấm hình chị chụp với Bác hồi ra tham quan miền Bắc. Còn đây, à, đây là bài thơ của đồng chí Xuân Thủy, còn kia là mấy câu của đồng chí Tố Hữu. Mấy chú chắc không biết, chứ nhà này đã tiếp không biết bao nhiêu là đồng chí Trung ương về thăm. Nhưng hồi trước kia. Giờ này thì...

Chị bỏ lửng câu nói, nhìn sang Phó Bí thư:

- Mấy chú này là người mới hả anh? Mấy năm trước, tôi đâu có thấy mấy chú.

- Đúng thế. Chú Tuấn thay Lài thương nghiệp, chú Phòng giờ là Giám đốc Hải sản.

Chị trợn tròn con mắt:

- Thế Phương đi đâu? Lại hạ tầng nữa sao?

Phó Bí thư xuống giọng:

- Đợi ra tòa.

- Còn Lại ?

- Chuyển công tác.

Chị buông một tiếng thở dài:

-Lại tham ô chứ gì! Cán bộ lãnh đạo cứ thay xoèn xoẹt như thay áo. Ôi, tôi như ếch ngồi đáy giếng, chẳng còn hiểu trời đất gì nữa.

Chị định tuôn ra một tràng phê bình, nhưng thấy mọi người trò chuyện ồn ào nên thôi. Chị nghe loáng thoáng có ai hỏi Phó bí thư: “Mình còn đến mười chỗ nữa phải đi, thủ trưởng à”. Chị nghe chạnh lòng. Một cán bộ lãnh đạo có lần gặp chị, chua chát: Bọn mình giờ chỉ như những thứ đồ cổ, người ta cần để trưng bày hơn là sử dụng. Trong chiến đấu, người ta cần thành tích để động viên người khác. Bây giờ thành tích lại biến thành trở ngại. Nhiều cơ quan không nhận các cán bộ có thành tích vì thành tích nhiều sẽ làm cản cái hoạt động của các thủ trưởng. Có cơ quan chỉ tuyển con cái của nhân viên chế độ cũ, vì họ lanh và dễ sai bảo.

Phó Bí thư lên tiếng:

- Các đồng chí im lặng...

Nhìn về phía chị, ông ta nói:

- Hôm nay, thay mặt Trung ương Đảng và Tỉnh Ủy, tôi cùng phái đoàn đến thăm đồng chí. Công lao to lớn của đồng chí trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, Đảng và nhân dân không bao giờ quên...

Và cũng như mọi năm, ông nhắc lại một số chiến tích cũ của chị trong thời kỳ chiến tranh và sự bất khuất của chị trong lao tù. Dù biết rõ đồng chí Bí thư chỉ nhắc lấy lệ, chị vẫn cảm động. Ông vói tay lấy gói quà từ anh cận vệ, trao cho chị. Chị ôm đặt trên bàn, nói lời cảm ơn. Mọi người trao đổi vài ý kiến vu vơ về thời tiết, về đời sống... rồi lục tục ra về.

Còn lại một mình, chị lẩm bẩm:

- Anh ấy không về... anh ấy không về...

Chị ngẩn ngơ nhìn những người đồng chí cũ ra xe, không buồn đưa tiễn. Ai nấy đều hồng hào, mập mạp, khỏe mạnh, hạnh phúc. Những bộ đồ vét, những chiếc cà vạt đỏ, xanh, hồng, giày ngoại, cặp da, thuốc đốt, những tiếng cười lạnh lớt, rộn rã... Tất cả khuất dần sau những cánh cửa xe bóng loáng. Đoàn xe nối đuôi nhau xa dần, xa dần.

Chị trở vào, cô đơn thăm thía. Không còn ai. Chị nhìn quanh. Tường vách mỗi một. Bằng khen vàng ố. Những tấm huân chương cũ kỹ, buồn bã. Chị nhìn bóng mình trong tấm gương vỡ, dựng ở góc bàn. Thân hình gầy gò, mòn mỏi. Bộ quần áo mới trông vô duyên hết sức. Anh ấy đã không về. Cái hạnh phúc nhỏ nhoi chị có thể có trong cuộc đời, cái hạnh phúc đơn giản đó đã vượt mất khỏi tầm tay. Năm ngoái, năm kia, năm trước, anh ấy về. Anh ngồi đây, trên chiếc ghế này. Hai người nhắc nhở những ngày tháng cũ đầy chiến tích. Hăm hở, liêu lĩnh, hào khí. Anh ấy vẫn như ngày nào, chân thành, giản dị. Trong tất cả mọi người, chỉ có anh ấy nhớ đến chị và trân

trọng những kỷ niệm.

Chị nhìn gói quà, không buồn mở. Một xấp vải ngoại, một lá thư của Thủ tướng, một cái ngân phiếu. Có lẽ thế, chị nghĩ. Như mọi lần, mọi năm. Có lẽ người ta nhớ đến mình như nhớ đến một người đã chết trong ngày giỗ. Cứ đúng ngày, đúng tháng, người ta dỡ sỏ ra, chắm tên, mua quà, rồi kéo nhau đi một vòng. Hoàn thành xong công tác, về lại cơ quan, bia bọt bày sẵn, ngồi xuống, hễ há ăn uống và chẳng nhớ đến ai. Có thể người ta nhắc đến chị trong một đôi bài diễn văn, giọng rất hùng hồn, nhưng không hề nghĩ đến chị như chị hiện đang ngồi đây bằng xương bằng thịt. Đúng ra, người ta nhắc một cái tên. Trước đây, người ta còn mời chị đi dự lễ, còn giới thiệu chị trước đám đông. Nhưng về sau, nhân một lần chị than đau vì vết thương cũ hành hạ, người ta làm lơ luôn. Hơn nữa, chị cũng chán chê cái việc phải ngồi làm tượng gỗ để các vị có chức có quyền đọc diễn văn.

Mẹ chị từ nhà bếp, xô cánh cửa gỗ, bước vào hỏi:

- Họ về hết rồi hả con?

- Dạ.

- Cái tượng Quan Âm mô rồi, đưa mạ treo lại.

Chị gất gỏng:

- Mạ làm chi mà vội thế. Trước sau gì con cũng treo lại cho mạ mà.

Bà cụ tàn ngần nhìn gói quà. Hiểu ý, chị lại gất:

- Cũng như mọi năm. Tượng trưng thôi. Biết bao anh hùng liệt sĩ, đâu chỉ có một mình con.

Bà dịu dàng:

- Thì mạ có nói chi mô.

Nói xong, bà vội vàng khép nhẹ cánh cửa, bước xuống.

*

Trong đêm, chị tỉnh giấc, kinh hoàng vì một ý tưởng hoàn toàn mới lạ xuất hiện trong đầu: cuối cùng, đến anh ấy cũng rời xa chị. Nhớ lại những lần anh ấy đến đây, chị nhận ra một điều là anh đến vì thương hại hơn là vì tình yêu. Mỗi năm, hình như anh ăn nói hoa mỹ hơn, chứa chan tình cảm hơn, nhưng chỉ toàn là những lời động viên sáo rỗng. Anh hôn chị hờ hững. Anh cầm tay chị lơ là. Anh than phiền công tác bận bịu, than phiền vợ đại con thơ. Phải rồi, anh có vợ con phải lo. Anh còn phải vun bồi cho con đường thăng quan tiến chức của anh. Chẳng thế mà có lần anh bảo: "Anh đến thăm em như thế này cũng liều lắm, nếu ai muốn phá hoại hạnh phúc gia đình hay con đường thăng tiến của anh, họ rất dễ có cơ."

Chị mở cửa bước ra. Trời cao mù mịt. Chị chợt thấy mình nhỏ bé quá, yếu đuối quá. Chả bù với ngày nào! Hồi đó, chị luôn luôn cảm thấy mình mạnh như thiên thần. Trước mắt là kẻ thù, sau lưng là nhân dân. Chị sẵn sàng xóc tới. Như lời thơ của Tố Hữu, chị đứng trên đỉnh cao muôn trượng. Chị là Thánh Gióng, là thành đồng. Thế giới hướng về chị. Nhân dân hướng về chị. Còn nhớ, sau ngày ba mươi tháng tư bẩy lăm, chị được vinh dự đứng trên lễ đài cao ngất. Dù những vết thương hành hạ, chị gắng cao đầu, hưởng cái thú vinh quang giữa rừng người và cờ. Khi trở về nhà, xem lại cuốn phim quay buổi lễ, chị càng cảm thấy hứng khởi hơn với cái nhân dáng anh hùng đặc biệt của chị: thân hình gầy, khuôn mặt thon nhọn tiết ra một vẻ gan lì đặc biệt, chiếc quần lãnh đen, ống rộng cao lên khỏi mắt cá, áo sơ mi bó sát người, cụt ngắn, chân mang

đôi dép bình trị thiên, đầu đội mũ tai bèo, tóc đánh con rít vắt ngang qua vai, thòng xuống trước ngực. Ôi, được làm anh hùng, xiết bao hạnh phúc! Nhưng đã qua rồi, ngày ấy. Giờ đây, kẻ thù không còn nữa. Nhân dân thì mãi bận bịu với việc của nhân dân. Mỗi ngày qua đi, chị thấy mình nhỏ lại. Chết anh hùng trong chị phai dần, phai dần. Anh hùng xưa, xem như đã biệt dấu sương mù! (*)

Chị bước vào bếp. Trong ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn dầu leo lét ở góc nhà, chị nhìn thấy bà cụ đang ngủ, thân hình gầy gò thu tóm đằng sau chiếc mùng vá chằng vá đụp. Chị thờ dài. Bà mẹ chiến sĩ khét tiếng của một thời, bây giờ nằm yên phận như thế! Tính bà vậy mà khỏe, chị nghĩ. Bà ít quan tâm đến vinh quang. Bà khác chị. Sau chiến tranh, bà âm thầm lui về sống với vườn rau gốc mía, an phận thủ thường. Bà không đòi hỏi, dù rằng bà đã có chồng và hai con hy sinh trên chiến trường. Hai mẹ con, hai cái bóng. Bà ngậm ngùi chịu đựng. Chị bứt rứt xót xa. Làm anh hùng khó. Anh hùng rồi, muốn trở về làm người bình thường cũng không dễ.

Chị về lại phòng, mở mắt thao láo nhìn lên. Trong bóng tối, chị thấy những tấm huân chương trắng nhờ nhờ, chập chờn, như có như không. Và đột nhiên, chị cảm thấy tất cả đều vô nghĩa. Không có gì. Không còn gì. Hết thấy chỉ là một trò đùa dai dẳng trên định mệnh con người, trên định mệnh mọi người.

Chị mê mẩn thiếp vào giấc ngủ cho đến lúc chị nghe có tiếng nói chuyện lào xào, rì rào đâu đó. Chị nhòe dậy, lắng nghe. Họ đã đến? Anh ấy đã đến. Chị tung mình, lao xuống giường, định mở cửa thì sực nhớ ra là họ đã đến rồi và không hề có anh ấy. Họ đã đến và đã đi mất. Chị bàn thần đứng nhìn qua khuôn cửa.

Trời đã sáng tự khi nào. Cửa hé mở, bà cụ thò đầu vào nói nhỏ:

- Con Hải nó đến tìm con.

Chị ngạc nhiên:

- Con Hải?

- Ừ!

Bà cụ vội vàng khép cửa đi ra. Con Hải? Con Hải nào? Chị thay áo quần, rửa mặt, súc miệng.

Bà cụ lại thò đầu vào:

- Có để cho hắn lên không?

- Mà Hải nào, con không nhớ. Đến có chuyện gì?

- Ai mà biết.

Chị mở cửa, nhìn xuống. Cô gái đứng bên chiếc xe đạp, thấy chị, cúi đầu chào, rồi nhìn lảng ra phía khác. Bà cụ nói thêm, giọng nhỏ xuống:

- Con của Tuy, cháu dì Tuất đó!

Chị khựng lại, người sửng ra. Chị vịn tay vào song cửa sổ kế đó, hơi lão đảo. Mãi một lúc sau, chị mới nhìn cô gái, nói:

- Vào đây, cháu.

Cô gái dựng xe đạp, bước vào, tay ôm cặp giấy. Đến trước mặt chị, cô hơi ngẩng đầu lên nhìn, giọng lí nhí:

- Thưa dì.

Chị cố giữ giọng cho thật dịu dàng:

- Cháu lớn thật, lại đẹp nữa. Cháu đến thăm hay có việc gì?

Cô gái tần ngần. Chị mở cửa:

- Cháu vào chờ đi, rồi ta nói chuyện.

Cô gái bước lên bậc thềm, đi vào. Nhưng vừa nhìn quanh gian phòng, cô bỗng dừng lại. Chị giục:

- Vào đi cháu.

Cô gái dậm dự bước đi. Chị hỏi:

- Cháu không muốn vào phòng dì à? Cháu sợ gì?

Cô gái liếc nhìn chị:

- Cháu sợ, cháu sợ... mấy tấm huy chương.

Chị cảm thấy cổ nghèn nghẹn. Chị cố giữ cho giọng mình đừng run:

- Thôi được. Nếu cháu không thích vào phòng dì, thì ta xuống nhà dưới nói chuyện vậy.

Cô gái bước đi. Đến gần bà cụ, cô ngập ngừng:

- Thôi bà à, chắc cháu về.

Bà cụ hốt hoảng:

- Sao vậy? Có cần gì cháu cứ nói cho dì Đọt biết, sao lại về vội. Hay nếu cháu ngại, thì để bà nói vậy.

Cô gái xua tay, định cản, nhưng bà cụ đã lên tiếng:

- Cháu nó định xin vào làm thương nghiệp, nhưng họ đòi phải có cán bộ có thành tích bảo lãnh.

Chị nhìn cô cháu gái, giọng tha thiết:

- Dì sẵn sàng ký bất cứ giấy tờ gì để bảo lãnh cho cháu.

Cô gái vẫn đứng lặng, tần ngần. Chị nhìn chăm cô. Trông nghiêng, cô giống hệt nét của mẹ cô, người em họ của chị. Cả một vùng ký ức động đậy, kéo tuốt chị về một thời tuổi nhỏ xa xưa: chị và Tuy tắm sông, đánh thẻ, nhảy dây, chơi buồn bán... Rồi lớn lên, lớn lên. Đến đây, chị cảm thấy ngọt thờ. Giọng ký ức bỗng nhập nhòa như một đoạn phim bị rối, hình ảnh nhảy múa lung tung, không hình dáng rõ nét.

Cô gái đến bên chiếc xe đạp. Chị bước theo. Cô gái nói:

- Cám ơn dì. Nhưng cháu... cháu...t hời... Người ta bảo cha mẹ cháu bị cách mạng xử lý. Thực ra...

Chị bối rối, nhưng trấn tĩnh lại, dịu dàng nhìn đứa cháu:

- Có những lỗi lầm không thể nào sửa chữa được. Bao năm rồi, dì biết, cháu đã không đến với dì. Hôm nay cháu đến, dì sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì, miễn giúp được cháu.

Chị ôm vai đứa cháu, muốn gục đầu vào đó, khóc vùi. Cô gái đẩy nhẹ người dì ra, nói:

- Cháu cám ơn dì. Nhưng thôi..., cháu sẽ đi tìm việc khác.

Cô dắt xe, cương quyết đi ra. Chị đứng nhìn theo, lòng bàng hoàng, ngơ ngẩn. Hai mắt chị nhòe đi.

*

Chị trở vào phòng trong một tâm trạng hụt hẫng, mệnh mang khó tả. Chị ngẫm nghĩ về những cái giá mà mọi người phải trả trong cuộc đời. Vụ nổ bom plastic ngoạn mục tại một khách sạn thành phố năm nào, giết chết viên cố vấn Mỹ và người quận trưởng, đã đưa chị lên đài vinh quang: chị trở thành anh hùng, anh hùng Bùi Thị Đọt. Nhưng đồng thời, chị lại nhận lấy một vết thương không bao giờ lành nổi: giết luôn vợ chồng người em họ trong số cả chục người khác.

Nhìn thấy bức tượng Quan Âm dựng ở một góc tường, chị lên tiếng gọi mẹ:
- Mẹ ơi, lên treo tượng Quan Âm lại đi mẹ.

Nghe có tiếng động đầu đó, chị giật mình quay lại.

Không có ai. Không có gì cả.

(*) *Thơ HPNT*

Phụ đính II :

Viết chữ

Viết là vẽ trên giấy những con chữ.

Nhớ lại lúc mới bắt đầu đi học, phải cầm cây viết, chấm mực, móc lên kéo xuống, vòng bên phải queo bên trái...chẳng giống cái gì ra cái gì. Vẽ con mắt, lỗ tai, bàn tay còn vui, vì ít ra chúng cũng dính dáng đến những cái nhìn thấy hàng ngày. Đàng này, phải vẽ những đường, nét vô nghĩa, chẳng ăn nhập gì với một cậu bé chỉ biết ăn và chơi.

O tròn như quả trứng gà

Ô thì đội mũ, ơ là thêm râu.

Bị la bị rầy bị ép mãi rồi cũng phải viết được. *Xê-hát-o-cho-sắc-chó, em-mờ-e-me-e-o-eo-là-meo-huyền-mèo, anh-nờ-hát-a-nha-huyền-nhà, đờ-i-đi-xê-hát-ơ-chơ-nặng-chợ...*

Khi viết trơn tru được chữ này chữ nọ để chỉ những vật dụng hay con vật quen thuộc, cậu bé bắt đầu hiểu ra mối liên hệ giữa nói, viết và sự vật chung quanh. Nói "mèo", viết xuống chữ "mèo" và thấy con mèo. Thì ra vậy! Chữ mèo là con mèo. Khi nhìn thấy hay khi nghe ai nói về con mèo, là chữ M-È-O tự nhiên đến ngay trong đầu cậu.

Đến khi viết ra được câu kéo, và diễn tả được ý mình, cậu bé bắt đầu khám phá ra chữ dường như không chỉ có thể. Không cần hình minh họa kề bên, không cần vật nằm trước mặt, chữ vẫn có thể nói về chúng y như thể chúng có đó. Chữ không phải là vật, mà *thay* cho vật.

Đọc chữ người ta viết sẵn lại càng thú hơn. Chúng cho cậu bé biết vô số điều cậu không thể tìm thấy quanh cậu, là những việc, những chuyện ở nhiều nơi xa xôi, trên trời, dưới đất, hay là những gì xưa thật xưa. Chữ không những thay cho vật mà dường như còn *làm* ra vật.

Từ đó, thế giới chữ thay thế thế giới bên ngoài. Con mèo, con chó, con gà vẫn còn đó; cái cây cái nhà, cái chén, đôi đũa vẫn còn đó, nhưng cậu mất dần sự quan tâm. Cậu ít thích viết chữ gà, chữ chó đã đành, mà ngay khi viết ra, chữ "gà" không còn là con gà hay chữ "chó" không còn là con chó như trước đây. Chữ bây giờ có ý, có *nghĩa* thay vì là một thứ bù nhìn của vật. Chữ thoát khỏi vật mất rồi!

Đó là lúc cậu bắt đầu thích sự, thích chuyện. Tập làm văn, cậu bắt chước những câu kéo hay ho trong sách để nói ra ý mình. Nhưng thú nhất là với chữ, cậu có thể chế tạo ra hay thêm thắt những điều không có hoặc có khi chẳng hề dính dáng gì đến thực cảnh. Như chiếc đĩa thần, chữ giúp cậu biến không thành có, biến có thành không. Tóm lại, bịa. Bịa, nói trắng ra là nói láo. Nói láo thì bị mẹ đánh đòn ngay. Nhưng bịa chuyện trời trăng mây nước, bịa chuyện của ai đó, có lớp có lang, có câu có kéo thì nghe ra...chẳng bịa tí nào. Chả là, ngay từ lúc còn thơ ấu, khi chưa biết viết biết đọc, cậu đã sống trong không khí của chuyện bịa rồi: thần, tiên, ma, cô Tấm cô Cám, hoàng tử nhái, cô bé lọ lem, Lâm Sanh – Xuân Nương, Thạch Sanh – Lý Thông...Toàn là chuyện và chuyện. Chuyện mang cậu bé vào một thế giới hoàn toàn khác, hư thực nhập nhằng. Chuyện? Chẳng qua là ghép chữ thành câu, ghép câu thành sự, kết sự này qua sự kia thành một chuỗi, kể lại, viết ra nghe như thực.

*Thoại Khanh công mẹ băng rừng
Bồng đầu gặp cọp giữa đường đón ngang*

Hai câu thơ kể chuyện Thoại Khanh Châu Tuấn hồi còn bé thơ mà đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ như in vào trong trí. Thương quá là thương người vợ hiền, cô dâu thảo Thoại Khanh! Nhưng tìm ra đâu Thoại Khanh, tìm ra đâu Châu Tuấn, tìm ra đâu cái cảnh công mẹ băng rừng rồi gặp cọp giữa cuộc sống chỉ toàn là thực và thực này!

Thế mới hay, chữ không còn chỉ là o tròn, ô đội nón, ơ thêm râu hay nét móc, nét thẳng. Không còn viết mực, viết máy, viết chì; có khi, cũng chẳng còn hành động ‘viết’ nữa, mà là đánh (máy), là gõ (bàn phím), là sao chép và dán (copy & paste). Từ chữ thủ công lên đến chữ công nghiệp. Từ chữ thực đến chữ ... ảo. Ảo hay thực thì chúng cũng đều có thể tạo ra chuyện.

Kinh nghiệm chữ thú vị nhất, mang chút ít sáng tạo đầu tiên trong đời tôi là ...viết thư tình. Bị một cô hàng xóm ám ảnh, tôi sử dụng số vốn chữ ít ỏi của mình để bịa tình bịa cảnh. Và cho thêm nhiều gia vị. Có khi còn pha chút nước mắt. Gửi tới nàng. Chữ như cái hộp chứa đồ, tôi bỏ món tình tôi vào đó. Nàng mở hộp, lấy món tình ra và ... đọc. Đọc nhiều lần quá, nàng (có lẽ) cảm động bèn gửi biểu lại tôi món tình nàng, cũng bằng ... chữ. Cuối cùng, bịa mà thành thực. *Nàng yêu tôi*. Ba chữ.

Sau này, nghiện văn thơ, tôi sa hẳn vào thế giới chữ. Đọc chữ, viết chữ. Không còn là vẽ từng con chữ một, mà là từng loạt chữ, nói cho văn hoa là ... sáng tác. Lúc đầu, tôi cố viết, à quên, cố để chữ, chế chữ, vắn vẹo câu kéo với mục đích rất chân chính là đưa vào trong chữ của mình những điều có thực. Tôi dùng chữ để phản ánh những điều diễn ra chung quanh. Tôi tìm cách gói ghém những gì tôi trải nghiệm trong đời sống vào chữ. Nhưng chữ không chiều người. Chữ có hạn, mà chuyện thì muôn màu muôn vẻ. Chúng không kham nổi khối lượng bề bộn, ngổn ngang của hiện thực. Nếu ví chữ như một loại bao bì, thì kích cỡ của chúng quá nhỏ so với hiện thực. Bọc được đầu này thì lòi đầu nọ, túm phía bên này thì hở phía bên kia. Mà chớ nặng quá, chữ không bay được lên trời, không bơi được ra biển lớn. Không...văn chương.

Vả, chữ cột với nghĩa. Mà nghĩa thì chao ôi, mông lung, bất định. Lắm khi, chữ một đằng mà nghĩa thì một nẻo! Văn dĩ tải thực đã khó, nói gì đến chuyện *văn dĩ tải đạo*. Tải đạo? Nội chữ “đạo” không thôi cũng đã tốn giấy tốn mực tốn thời gian cãi vả để rốt cuộc chỉ có mấy chữ *văn/dĩ/tải/đạo* nằm tênh hênh trên giấy!

Thôi thì chỉ còn cách là đùa chơi với chữ. Có chứa chút nào hiện thực thì tốt, không có cũng chẳng sao. Nghiệm lại, những áng văn hay thường bịa nhiều hơn thực. Trong văn, chữ còn gói được dăm điều ba chuyện bên ngoài. Thơ đi xa hơn. Trong thơ, chỉ có chữ gói lấy chữ.

Cái *hay* khó tách lia khỏi cái *bịa*!

Nói bịa, nghe bồi bác.

Xin nói lại: hư cấu.

Hư cấu chẳng phải là bịa hay sao, nhưng nghe lọt lỗ tai hơn nhiều! Vì sao? Có lẽ vì chúng là...chữ.

Hàng ngày, chúng ta sống với chữ. Mọi chuyện trên đời đến với ta đều phải băng qua ngưỡng chữ. Chữ vây hãm chúng ta. Tới trường, học chữ. Tới sở, đọc chữ. Ra phố, nhìn chữ. Vặn máy thu thanh, nghe chữ. Gặp bạn, nói chữ. Tỏ tình, chữ. Chia tay, chữ. Xin việc, chữ. Suy gẫm chuyện đời, chữ. Sáng tác, tìm chữ. Viết tiểu luận, nghĩ chữ. Lên mạng, chạm ngay từng rưng chữ. Trùng trùng điệp điệp chữ, mênh mông chữ!

Chữ có lẽ là món hàng thừa mứa và rẻ nhất mà chúng ta có. Tuy thế, nói như N. A. Berdyaev: “Chữ có một quyền năng lớn lao trên đời sống chúng ta, đó là một quyền năng huyền bí. Chúng ta bị chữ quyến rũ và với một mức độ đáng kể, chúng ta sống trong vương quốc của chúng. Chữ hành động, giống như những quyền năng độc lập, và độc lập với chính nội dung của chúng.” (1) Chữ không phản ảnh hiện thực (bịa mà!), nhưng lại có tác động vô cùng to lớn vào hiện thực. Làm biến dạng, thay đổi hay thậm chí tạo ra hiện thực.

Một lý thuyết hay có thể chuyển đổi khuôn mặt xã hội và nếp sống hàng ngày.

Một cuốn sách, một bản tuyên ngôn, đôi khi một câu khẩu hiệu có thể huy động người ta lao vào chỗ chết.

Trong cuộc đời thường, chữ làm vui nhau mà cũng làm đau nhau.

Giận, lấy chữ mà giận. Thù, lấy chữ mà thù. Yêu, cần chữ để yêu. Nhớ nhưng cũng phải có chữ mà nhớ. Lắm lúc, thêm một chữ thì chia lìa, bớt một chữ mà đoàn tụ.

Đôi khi tôi hoang mang tự hỏi: khi làm một việc gì, tôi làm vì *chữ* hay vì *việc*. Viết chẳng hạn. Cứ mỗi khi viết một bài gì đó, ngoài chuyện lấp đầy trang giấy, loanh quanh trong đầu óc tôi là những chữ: *hay, cách tân, độc đáo, tuyệt, sâu sắc, nổi tiếng, khen, ngưỡng mộ...* Cứ mỗi lần định làm một điều gì cho thỏa mãn ước vọng sâu kín của mình, thì ngay lập tức trong đầu hiện ra một loạt chữ: *danh dự, tiếng tăm, trách nhiệm, chê cười, xa lánh, lên án, chỉ trích, đạo đức, gia thế.* Vân vân và vân vân. Chữ quán quýt quanh ta không rời. Như hình với bóng. Như mặt trái mặt phải của một đồng tiền. Quay phía nào cũng đụng bức tường chữ. Bên kia bờ chữ là gì, ai mà biết. Có cách gì chúng ta có thể bước ra ngoài ngôn ngữ để tiếp cận một thế giới thực sự? Câu trả lời là: không!

Biết thế, các nhà nước toàn trị trị dân bằng chữ. Họ bắt người dân xài một số chữ và cấm xài một số chữ khác. Ở Trung Quốc, theo tin cho biết, người ta không thể *google* hai chữ “dân chủ” hay “nhân quyền.” Và nhất là ba chữ “Thiên An Môn.” Ở Việt Nam, chữ phải xếp hàng về một phía. Bước qua phía bên kia thì sẽ nhận ngay một chữ: tù.

Tôi, khi viết lách, cũng tự cấm mình không dùng một số chữ (tục). Vì sao? Vì bị kẹt vào một số chữ khác: danh dự, tiếng tăm, nhân cách...Kẻ không lại bị gán cho một số chữ khác nữa: già mà không nên nét. Nhưng chữ (tục) đâu có chịu thua: chúng vẫn cứ hồn nhiên mọc lên trong trí. Lạ thật!

Chữ, nói như I.A. Richards, tự bản chất là không xấu không tốt không đúng hay sai (2). Chữ “dữ” không có gì là ác hết; chữ “hiền” chẳng có gì là “không ác”, chữ “cách mạng” không có gì là thay đổi, chữ “phản động” không có gì là chống nhà nước, hay chữ “nhân quyền” không có gì là quyền con người... vân vân và vân vân. Nhưng do cách dùng, chúng đến với chúng ta y như mỗi chữ đều có cá tính riêng, nội dung riêng, có thể quy định tính cách, trạng huống của sự vật, và lắm khi quy định cả nhân cách, bản sắc và số phận của từng người.

Tên chẳng hạn: mỗi người chịu đựng một cái tên; đôi khi mỗi tên đeo theo một nhãn hiệu. Khi thấy tên mình xuất hiện trên mặt báo kèm theo những lời chê bai, chỉ trích chẳng hạn, ta cảm thấy y như ai đó lấy tay véo vào da thịt đau nhói. Vậy cho nên, nhái theo TCS,

Làm sao em biết con chữ không đau!

Đến đoạn này, là tôi đã “viết” được đúng 2028 chữ rồi đó. Độc giả nào chịu khó đọc hết, thế nào cũng xuất hiện trong đầu một trong những chữ: hay, dở, tệ, nhằm, xuất sắc, khá, láo, kém, dốt, lũng củng, lắm cảm...

Lưới chữ tuy thưa nhưng xem ra khó thoát!

Nghĩ lại, lúc đánh vật với những *xê-hát-a-cha em-mờ-e-me-nặng-mẹ i-ê-u-yêu anh-nờ-hát-a-nha-a-u-au-là-nhau...*

...hồi xưa hồi xưa mà buồn cười!

(4/2010)

(1) Nikolai Alexandrovich Berdyaev (1874-1948), *Words and Reality in Societal Life*

(2) Xem I.A. Richards, *The Philosophy of Rhetoric*, Oxford University Press, New York 1965.

Hơi chữ

Chữ chỉ là một ký hiệu, giống như bao ký hiệu khác bên ngoài. Mũi tên thì chỉ đường đi, đèn đỏ thì xe ngừng lại, trái tim thì chỉ tình yêu... Mỗi một chữ tự nó không có nghĩa gì hết. Nó ám chỉ một cái gì khác hơn chính nó. Nhưng khi chúng kết hợp với nhau bằng một cách nào đó, thì tính cách ký hiệu của chúng dường như thay đổi. Hành vi đọc, không còn là đọc những ký hiệu, mà là đắm mình vào trong một thế giới khác cái thế giới mà ta đang hiện diện. Nhìn một bức tranh, ta còn thấy những chi tiết của nó: màu đỏ, màu xanh, màu đen, đường cong, đường tròn, chỗ đậm, chỗ nhạt. Đọc – thì cũng là nhìn -, nhưng dường như ta chẳng hề thấy chữ “a”, chữ “b”, chữ “u”, chữ “ơ”, hay chữ “chàng”, chữ “em”, hay câu ngắn câu dài, hay chữ đẹp, chữ xấu, mà thấy từng chuỗi chữ kết nối nhau. Mà dường như ta không hề *thấy*. Ngược lại, ta nghe, ta cảm, ta ngửi. Y như những con chữ có thể bốc lên, tỏa ra. Nghe có hơi. Tôi gọi là hơi văn, hơi thơ. Nói chung là hơi chữ. Với tôi, đọc là một lặng lẽ tỏa đầy hơi!

Hơi thơ thường dễ nhận biết. Có lẽ nhờ có vần có điệu. Trong những bài thơ cách tân, vần điệu không còn đóng vai trò chính, và cấu trúc thơ khác đi. Cấu trúc khác, hơi thơ cũng khác.

Ở đây, chỉ xin nói chuyện văn.

1.

Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường.

Tôi không thể nào quên được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường, lòng tôi lại tung bừng rộn rã.

Buổi sáng mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên tôi thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học.

(...) Một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Trông hình gì treo trên tường tôi cũng thấy lạ và hay hay. Tôi nhìn bàn ghế chỗ tôi ngồi rất cẩn thận rồi tự nhiên nhận là vật riêng của mình. Tôi nhìn người bạn tí hon ngồi bên tôi, một người bạn tôi chưa hề biết, nhưng lòng tôi vẫn không cảm thấy sự xa lạ chút nào. Sự quyến luyến ấy tự nhiên và bất ngờ quá đến tôi cũng không dám tin là có thật. Một con chim con liệng đến đứng trên bờ cửa sổ, hót mấy tiếng rụt rè rồi vỗ cánh bay cao. Tôi đưa mắt thòm thòm nhìn theo cánh chim. Một kỷ niệm cũ đi bầy chim giữa cánh đồng lúa bay trên bờ sông Viêm sống lại đầy dẫy trong trí tôi. (Thanh Tịnh/ Tôi đi học) [1]

Đoạn văn mở đầu và đoạn kết của *Tôi đi học* mà ai hầu như ai cũng thế hệ tôi cũng còn nhớ này, sở dĩ nó tồn tại lâu dài trong ta, dĩ nhiên, là do nó nhắc nhở một thứ kinh nghiệm đầu đời đầy xúc

cảm. Cũng có thể là do nhịp điệu, có thể là do các chữ dùng dung dị và cụ thể, có thể là do hình ảnh mà nó gợi nên. Thì sao cũng được. Nhưng theo tôi, còn do cái hơi văn mềm mại, vuốt ve rất riêng của nó. Khi đọc, tôi có cảm tưởng như mình nhìn thấy những sợi khói toát ra từ chữ nhẹ bay mỏng lung trong một ngày vắng gió.

Tất nhiên, không phải hơi văn nào cũng mềm mại, vuốt ve. Hơi văn khác từ tác giả này đến tác giả khác. Đôi khi cùng một tác giả, mà mỗi bài, mỗi truyện hay thậm chí mỗi đoạn lại có một hơi khác nhau. Cũng có bài, ta không thấy có hơi. Trong lúc đó, có một số tác giả, văn của họ tỏa ra một hơi hướm riêng biệt vì có cách hành văn khác thường, độc sáng. Có khi, cách viết làm cho ta say mê đến nỗi quên cả cốt truyện và nhân vật. Hơi văn, hơi chữ có thể không quyết định chuyện hay, dở của một tác phẩm nhưng nhất định nó đóng góp phần riêng của nó vào đó.

2.

Năm bảy mươi tuổi, cha tôi về hưu với hàm thiếu tướng.

(...)Cha tôi về nhà, đồ đạc đơn sơ. Cha tôi khỏe. Ông bảo: “Việc lớn trong đời cha làm xong rồi!” Tôi bảo: “Vâng”. Cha tôi cười. Tâm trạng xúc động lây sang cả nhà, mọi người chúi chúi choáng đến nửa tháng trời, sinh hoạt tùy tiện, có hôm mười hai giờ đêm mới ăn cơm chiều. Khách khứa đến chơi nườm nượp. Vợ tôi bảo: “Không để thế được”. Tôi cho mỗ lợn, đi mời họ hàng làng nước đến để chia vui. Làng tôi tuy gần thành phố nhưng mà tập tục nông thôn còn giữ. Đúng một tháng sau, tôi mới có dịp ngồi với cha tôi bàn chuyện gia đình.

Trên đây là trích đoạn mở đầu của truyện ngắn *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp. Cách viết có nét khác lạ. Ngắn, gọn, tưng tửng. Đọc tiếp một đoạn khác:

Hôm thứ bảy, mẹ tôi bỗng ngồi dậy được. Đi lững thững một mình ra vườn. Ăn được cơm. Tôi bảo: “Mừng rồi”. Vợ tôi không nói năng gì, chiều hôm ấy thấy mang về chục mét vải trắng, lại gọi cả thợ mộc. Tôi hỏi: “Chuẩn bị à?” Vợ tôi bảo: “Không”. Hai hôm sau, mẹ tôi nằm liệt, lại bỏ ăn, lại đi ngoài như cũ. Người dốc nhanh, thải ra thứ nước nâu sền sệt rất khắm. Tôi đổ sấm. Vợ tôi bảo: “Đừng đổ sấm, khổ cho mẹ”. Tôi òa khóc. Rất lâu tôi mới òa khóc như thế. Vợ tôi nín lặng, rồi lại bảo: “Tùy anh”. Ông Bồng sang thăm. Ông nói: “Bà ấy cứ xoay ngang, xoay dọc trên giường như thế này là gay go lắm đấy!” Lại hỏi: “Chị ơi, chị có nhận ra em không?”. Mẹ tôi bảo: “Có”. Lại hỏi: “Thế em là ai?” Mẹ tôi bảo: “Là người”. Ông Bồng khóc òa lên: “Thế là chị thương em nhất. Cả làng cả họ gọi em là đồ chó. Vợ em gọi em là đồ đểu. Thành Tuấn gọi em là đồ khốn nạn. Chỉ có chị gọi em là người”. Lần đầu tiên, cái ông chú đánh xe bò, lỗ mãng, táo tợn, làm đủ mọi điều phi nhân bất nghĩa hóa thành đứa trẻ ngay trước mắt tôi.

(Nguyễn Huy Thiệp/*Tướng về hưu*)

Những con chữ nghe khô khô. Các diễn tả đều tiết giảm đến mức tối đa. Câu kéo trúc trắc y như thiêu thiêu cái gì. Cụt. Lỗi chửi. Đã thế, lại “tôi bảo”, “tôi nói”, “mẹ tôi bảo”, “mẹ tôi nói”. Hết “nói” lại đến “bảo”, hết “bảo” lại đến “nói”, khiến cho mạch văn cứ như gãy, bể, co cụm lại. Ở một nhà văn khác, tả cái cảnh mẹ đau ốm sắp chết như thế có thể kéo dài ra ít nhất là một trang hay hơn.

Đọc tiếp:

Một tối, tôi đang đọc Sputnhich, cha tôi lặng lẽ đi vào. Ông bảo: Cha muốn nói chuyện với con”.

Tôi pha cà phê, cha tôi không uống. Ông hỏi: “Con có để ý công việc của Thủy không con? Cha cứ rờn rợn”.

Vợ tôi làm việc ở bệnh viện sản, công việc là nạo phá thai. Hàng ngày các rau thai nhi bỏ đi, Thủy cho vào phích đá đem về. Ông Cơ nấu lên cho chó, cho lợn. Thực ra điều này tôi biết nhưng cũng bỏ qua, chẳng quan trọng gì. Cha tôi dắt tôi xuống bếp, chỉ vào nồi cám, trong đó có các mẩu thai nhi bé xíu. Tôi lặng đi. Cha tôi khóc. Ông cầm phích đá ném vào đàn chó béc giê: “Khốn nạn! Tao không cần sự giàu có này.” Đàn chó sủa vang. Ông bỏ lên nhà. Vợ tôi đi vào nói với ông Cơ: “Sao không cho vào máy xát? Sao để ông biết?!” Ông Cơ bảo: Cháu quên, cháu xin lỗi mẹ”.^[ii]

Không có “chuyện”, chỉ thấy “sự”, hết trang này đến trang khác. Mà “sự” cũng bị tuột bỏ hết cả râu ria, cành nhánh. Câu, chữ quánh, nén, tạo ra một thế giới đơn giản, rất ít lời, lại nhiều việc. Hơi chữ bốc lên hăng hăng và cay không kém gì mùi ớt (hiếm). Nguyễn Huy Thiệp đã tạo ra một cách sắp xếp chữ khác lạ. Bản thân cấu trúc góp phần tăng thêm độ đậm cho ý nghĩa. Chẳng lạ gì, ông đã thổi một luồng gió mới vào văn chương Việt Nam trong nước, và cả ngoài nước.

3.

Tay thầy nhờ sao được. Tay ấy vé ngón tay tôi, vuốt mu bàn chân tôi, không quên một ly; tay ấy chẳng bao giờ chạm cái nốt ruồi, lần nào cũng quây gọn nó rồi lại thả nó, như vừa đánh vảy vừa như; tay ấy nhổ tóc tôi tí tách, mỗi bụi tóc đủ hai mươi chín chiếc vừa bằng tuổi tôi; tay ấy kéo tai tôi ròn tan, bảy mươi tám chỗ kêu trên người tôi chẳng làm chỗ nào; tay ấy mỗi lần trườn ngang nách tôi đều dùng tuyệt khéo sát chân triền ngực. Mắt người mù là ở ta. Tay ấy mười con mắt. Bây giờ tay ấy ôm ngang eo tôi, lùa trên bụng tôi, tủa xuống ngang hông, chập chờn, thăm dò. Rồi quả quyết chườm quanh rốn. Rồi xoa, mỗi vòng một rộng, tay này đuổi tay kia, một quanh xuống bụng dưới và một lộn qua vùng ngực. Rồi ngọt ngào miết dọc những đé xương sườn. Rồi miết đi miết lại từ cổ xuống ức, lách giữa hai bầu ngực. Chồng tôi thấy chúng khít e vướng, nên khẽ nhón hai chòm, rẽ ra cho rộng chỗ. Rồi tôi chẳng biết tay ai là tay ai nữa. (Phạm Thị Hoài/Ám thị)[iii]

Đề tài của Phạm Thị Hoài rất mới[iv]: một ông chồng học nghề tầm quất bằng cách để cho ông thầy mù dùng thân thể vợ mình làm chỗ chỉ dẫn và thực tập. Nếu Nguyễn Huy Thiệp đơn giản hóa đến cùng các chi tiết, các sự kiện, thì Phạm Thị Hoài, ngược lại, đi đến cùng các chi tiết. Và cũng khác với Nguyễn Huy Thiệp tập trung phần lớn vào đối thoại, thì Phạm Thị Hoài tập trung hoàn toàn vào diễn tả. Truyện chẳng có “biến cố” nào ngoài tâm cảm của người đàn bà nghe ngóng chuyển động của “tay ấy” trên thân thể mình. Riêng hai chữ “tay ấy” thôi cũng đã nói lên nhiều điều. Tác giả sẫm soi từng chi tiết chuyển động của “tay ấy”. “Tay ấy” thông minh, rành rọt mọi góc ngách trên thân thể nhạy cảm của thân xác phụ nữ. Nó “vé”, nó “vuốt mu”, nó “quây gọn”, nó “nhổ ...tí tách”, nó “trườn ngang”, nó “lùa trên”, nó “chườm quanh”, nó “lộn qua ngực”, nó “miết dọc”, nó “lách giữa”...Chừng như nó nắm rất vững mọi cảm giác của nhân vật vợ. Những chi tiết gợi hình được diễn tả bằng những câu văn gọn gàng, chuẩn. Chữ dùng chọn lọc, đầy dụng công. Tác giả nỗ lực lột tả những cảm giác hết sức tinh tế và đặc thù của người phụ nữ trong một tình huống cũng hết sức đặc thù. Ta có cảm giác như những con chữ xoắn xít, chen chúc, dồn đẩy nhau. Hơi chữ toát lên vẻ trong ngóng tinh nghịch và ...erotic!

Trong lúc truyện dường như chẳng erotic chút nào cả. Chỉ là ám thị!

Tám giờ thầy không tới. Chín giờ cũng không tới. Bóng tối căng thẳng. Chồng tôi im lìm. Nhà tôi hôm nay không dọn, bàn ghế lại kê rất trắc trở, vấp là ngã vào đám chai lọ bày sẵn trên sàn. Tôi nằm bồn chồn như thuở nhỏ rình ma trong đêm. Lần này tôi sẽ không ngủ quên. Tháng mười một trời còn lâu mới sáng. Chín mù rớm kệ chín, cốt ở người thứ mười mù chân chính. Sao chồng tôi ưa tin ở thiếu số sáng suốt bỗng nản lòng sớm thế vì số đông? Đêm còn dài lắm và tôi còn đủ kiên nhẫn tin vào một cặp mắt xứng đáng tàn tật. Cầu cho thầy mù. Mù trong sáng, tinh tường, kiêu hãnh. Mù mà dễ cho thầy và đỡ phiền ai thì hãy mù hết lòng. Mù toét. Mù đặc. Mù hẫng. Mù vô vọng. Mù như khoét mắt bỏ đi. Mù cho chồng tôi ghi ơn tri kỉ. Mù làm khách quý trong nhà tôi mãi mãi. Mù từ hôm nay cũng chưa muộn. Tôi sẽ dẫn tay thầy đến những chỗ cần tới. Tôi thuộc lắm đường đi lối lại. Tôi chờ chiều chuộng đã chín nẫu. Sao thầy không ung dung bước qua bóng tối đến đây như bao ngày cho tôi rơi vào lòng?

Ròng rã bao nhiêu chờ đợi, tôi không đếm nổi. Không đếm những cú đấm cú véo và chà đạp, những vết bầm tím, máu me, sưng húp, rách nát, mỗi lần chồng tôi nọc vợ ra tầm quất. Khi không chỗ nào trên cái bị thịt méo mó là tôi còn lành lặn, anh chẳng dụng tới nữa. Rồi cũng bỏ đi, không nhắn lại lời nào, như thầy tầm quất.

4.

Khí hậu trong nhạc tình Từ Công Phụng, theo cảm nhận của tôi, là cái khí hậu ẩm đục những cơn mưa. Đầm đìa những lệ mặn, chát đắng những quá khứ. La đà những cây, trái thối lạc tương lai. Đồng thời, người nghe cũng có thể cảm được những tay ôm, vỗ về của biển. Những chân đi chập chùng của gió. Những rét mướt của rừng. Những bơ vơ của núi. Những ngơ ngác phố cũ. Những rữa nát thêm xưa. Những cỏ cây. Chim muông. Hình bóng. Kỷ niệm... Tất cả, dường đã cùng thức dậy, đứng lên, buồn bã, chông chênh bước vào tâm hồn người thưởng ngoạn. Vì trong rất nhiều tình khúc của Phụng, hạnh phúc đã tựa như lời nói dối; nếu hiểu, tình yêu, vốn là điều không thật! Nói tới tình ca, tôi nhớ, tình cờ đọc được ở đâu đó, trước Tháng Tư, 1975, một câu của nhạc sĩ Phạm Duy, in trang trọng nơi trang đầu một tuyển tập nhạc tình của ông. Đại ý ông tỏ dấu tiếc đã không dành hết quãng đời viết nhạc của mình, cho sự ngợi ca tình yêu. Tôi thú vị lắm, phải nói thế, khi đọc lời tâm sự buồn bã nhưng rất thực của người viết nhạc lớp trước. Tình yêu, cách nào khác, tôi nghĩ, chính là khuôn mặt chập lại, sáng lên cùng lúc: Sự sống và lẽ chết. (Du Tử Lê, Từ Công Phụng, Hạnh phúc tựa những lời nói dối)[v]

Đó là trích đoạn một bài viết của Du Tử Lê viết về nhạc Từ Công Phụng. Bài viết là tiểu luận, nhưng hơi hướm tùy bút và thơ. Du Tử Lê ở đây không đưa một chi tiết cụ thể nào, mà lan man đi từ hình ảnh ẩn dụ này đến ẩn dụ khác. Mưa thì “ẩm đục”, lệ thì “mặn” và “đầm đìa”, quá khứ thì “chát đắng” Ông đổi cách sử dụng chữ: biến hình dung từ thành danh từ, đảo ngữ, đảo cú. Câu tuy ngắn, nhưng nhịp chữ đều đặn, cân đối khiến hơi chữ chừng như kéo dài, nghe lướt thướt. Đoạn sau đây lại càng *du-tử-lê* hơn:

Trong lúc chờ T.Q.C. chúng tôi cùng hút thuốc. Tôi nói với X.T. về niềm hạnh phúc, mỗi ngày được sống, thêm. Thấy cây, cỏ, hờn hờ. Thấy nắng, gió, khoan thai. Thấy thiên nhiên, căng bầu vú, cho vạ vật bú, mơn. Thấy bằng hữu mát, còn, cũ, mới, vẫn lênh đênh xao xuyên tìm nhau. [vi]

Ông cắt câu, tách chữ, tạo thêm nhiều nhịp chỏi bất ngờ. Hơi chữ bỗng nghe lạ lẫm hẳn. Thấm thía hơn, có lẽ.

5.

Sự lặp lại chữ, nhiều lần cùng một chữ (“những”, “thấy”) của Du Tử Lê, gợi cho tôi văn phong của một nhà văn khác, Mai Thảo:

Tôi muốn bảo Luân, tôi muốn bảo Luân: Anh xót thương em những đêm dài trong núi, dưới mái nhà sàn cơ quan, trên những con đường hầm hố vết thương, những xóm làng hủy phá, trên những thềm nhà cỏ hoang phủ kín, trên những vì tường đổ gục, trên những thân cây chặt đứt, qua những chân cầu đổ nghiêng, trong hầm trú ẩn máy bay. Tôi muốn bảo Luân, anh xót thương em đêm giã từ Hà-nội ra đi nhìn về Hà-hội cái rừng lửa cháy, buổi chiều đứng trên con đê Hồng Hà, buổi trưa về thăm lại Hưng Yên, buổi ra đi bãi ấy còn xanh biếc ngô non, buổi về chỉ thấy mênh mông phủ sa kín nhòa bãi cũ. Tôi muốn bảo Luân, anh xót thương em trên những đầu ngón chân anh đi, cái hình ảnh xót thương lăn theo sỏi đá dọc đường, nằm trên từng cột cây số từng nền lũy tre xanh, chày theo mặt nước lúc xuống đò qua sông, khuôn theo lòng đường lúc xuống đò lên bộ, từng buổi sớm xuống suối rửa mặt, cái hình ảnh xót thương trong veo trên nền sỏi trắng, từng buổi chiều không biết đi đâu, cái hình ảnh xót thương bát ngát đầy chiều.

Tôi muốn bảo Luân, anh nhớ đến em trong tiếng súng ban đêm, những vết lửa dài cháy vào bóng tối, lúc bỏ núi sau lưng cái hình ảnh xót thương còn mang hình trái núi, lúc xuống đồng bằng trước mặt cái hình ảnh xót thương đã mang hình những ngọn lửa dài, lúc anh muốn chết, lúc anh muốn sống, lúc tuyệt vọng tối đen vực thẳm, khi tin yêu sáng chói mặt trời, lúc nhìn xa cái hình ảnh lớn theo ngút mắt, lúc tưởng gần cái hình ảnh thu cũng nhỏ vào một góc trái tim như một tấm hình kỷ niệm. (Mai Thảo, Luân)[vii]

Chữ níu chữ, câu kéo câu, xô đẩy, chông chát, đuổi rượt nhau. Xen giữa là “những”, “cái”, “khi”, “lúc”, “từng”...

Văn phong của Du Tử Lê và Mai Thảo có nét chung là cầu kỳ, trau chuốt. Cái khác nhau là trong lúc Du Tử Lê tiết chế, chọn lọc thì Mai Thảo phóng túng. Những con chữ óng chuốt, mượt mà được Mai Thảo thả rong trên trang giấy. Chúng uốn, lượn, vươn lên, quanh xuồng như một vũ điệu. Vũ điệu chữ. Đọc Mai Thảo, tôi tưởng như chữ đẩy mình trôi, trôi mãi trôi hoài, không biết sẽ đến đâu. Đôi lúc tưởng như từng hơi từng hơi phả vào mặt, choáng váng!

6.

Con đường dốc dài đầy cát và cỏ nom như một dòng sông cạn. Bên kia đường trên một mái công sở có bức tường cao, một chùm hoa còi hụ nhận tầm ánh sáng cuối cùng của mấy cột đèn rải rác hắt lên. Cao hơn là bầu trời tối với cảm giác gió trên đó thật hung dữ. Mừng toan rủ Ngử về làng ăn cưới đưa em nhưng lại thôi. Những khó chịu, nếu có, nên giữ lấy riêng mình. Ngử dừng lại trước một tiệm tối đen gỗ cửa hời có còn nem nướng. Không có tiếng trả lời, hai người rẽ vào một hẻm tối, ra lộ. Đường phố vắng. Rạp chớp bóng duy nhất của thị xã đã vắng. Từ đầu đại lộ, người đi coi về đi xuống từng đám hầu hết là lính và vợ con. Khu phố có những quán ăn cho lính ngoại quốc còn ồn. Hai người vào một cái quán quen đã hạ cửa nửa chừng che gió. Bọn Nại, Hồng, Ngạc, Kinh... đã ngồi ở đó như mọi khi. Nại ra dấu kêu Mừng lại cùng ngồi. Ngử kêu hai tô cháo lòng và cà phê sữa. Mọi người cười nói ồn ào. Một bản twist mở muộn dành cho đám trẻ nhỏ khom gối, lắc hông trên những đồng giấy vụn lau bát đĩa. Người đàn ông tân cư cuồng trí quen cả thành phố trong tấm mền rách ngoài hiên thỉnh thoảng lại cất giọng ngâm mấy câu thơ nghe đã nhàm tai. Tối nay, Nại có vẻ ít nói. Hấn ngồi nhìn các bạn và cười góp. Tấm áo len cũ trùng, cổ rộng tới ngực nom lụng thụng. Đôi mắt dài của hấn lẩn khuất” (Y Uyên/Gió cuối năm)[viii]

Văn của Y Uyên đơn giản, yên tĩnh, chậm rãi, từ tốn. Nó như một cái máy quay phim của một người đi tìm tài liệu. Không có chi tiết nào hơn chi tiết nào. Nó ghi nhận mọi thứ, không cuống cuống vội vã, không ép uống, chọn lọc. Cứ thế. Truyện của Y Uyên viết về những vùng đất sỏi bồng chiến tranh. Bản thân anh là một người cầm súng ngoài chiến trường (trước 1975). Nhưng ta ít khi thấy bóng dáng của chiến tranh. Chỉ thấy những nét phác thảo đơn giản, hiện thực về cuộc sống của những con người bình thường, rất đời bình thường đang bám lấy đất mà sống, mà tồn tại.

Những cây phượng cao hơn tầm tay trụi hết lá, cành cong đầy mắt, trông những cái đuôi khô khô đốt xương. Bụi tre xác xơ vàng óng cuối dãy trường vật vờ phản ngọn loáng thoáng ánh nắng. Thăng học trò trường lớp vẫn co ro trước cửa văn phòng hiệu trưởng đợi Ngưỡng. Đầu nó chum hụp một cái mũ nhà binh đã cũ. Ngưỡng không hiểu nó thiếu khôn ngoan hơn mình hay bạo dạn hơn. Ngưỡng không bao giờ vút một cái võ quân tiếp vụ ở trường như trước kia vẫn vút những võ ruby. Chắc thằng bé lại muốn xin thôi học. Buổi nào Ngưỡng cũng vỗ về chúng như một thông lệ cầu nguyện “các em cứ gắng đi học, cuối năm thầy cho đậu hết” nhưng số điểm danh ngày nào cũng chạy dọc một cột dấu chữ thập. Có đứa vừa ra khỏi lớp học vừa mếu máo, lẩn quẩn bên cửa sổ nhìn vào cả buổi, có đứa Ngưỡng nghe tin bị bắt lên núi cả tháng trời mới thấy người nhà đến xin lại hồ sơ, có đứa nghĩ hôm trước, hôm sau gửi cho thầy một lá thư đầy lỗi chính tả hẹn ngày “giải phóng” cho thầy. (Y Uyên/Những ngày cuối năm trên miền núi)[ix]

Y Uyên là một nghịch đảo của Mai Thảo. Đọc Mai Thảo ta cảm thấy các trạng thái tình cảm dồn dập, nối tiếp nhau. Đọc Y Uyên, nghe văn có chút gì nhàn nhạt, đơn điệu, tạo nên hiệu ứng về một thế giới hiu hắt, trống vắng. Mai Thảo nhô người ra phía trước, thay sự vật nói, nói hết, nói đến cạn lời. Y Uyên thì đứng khuất đằng sau, từ tốn ghi nhận. Hơi chữ anh không rạo rục, bức xúc, không nôn nao, uất nghẹn. Ngược lại, điềm tĩnh như chính những sự vật nằm đó. Không lý giải. Giống như người ta đem hết đồ đạc ra ngoài, bày biện ra đó và để tự chúng ... bày tỏ chính mình.

7.

Tôi đã chờ nó đến khi mùa mưa đổ xuống cánh đồng Chia Cắt (tôi tạm gọi vậy) một trời sao. Chờ chơi vậy, chứ tôi biết Điền chẳng quay về. Tôi nhớ nó (và nhớ chị) không thôi. Những lần dọn cơm tôi hay lấy chén đũa cho cả bốn người. Cha tôi rất khó chịu, ông ngán ngẩm đứng dậy. Tôi ngồi một mình, chan nước vào chén cơm như chan nổi trống trải khủng khiếp. Đi qua những xóm kinh chộn rộn ánh đèn, tôi thường ngóng lên bờ mong có thể gặp được thằng Điền và chị. Không biết em tôi có đuổi kịp chị, hay vẫn tiếp tục kiếm tìm. Không biết nó đã đánh thức được bản năng, đã tìm thấy nhục cảm, đã biết thêm muốn chưa. Không biết tối nay thằng Điền có được một nhòai úp lên chị, hay vạ vật ở đâu đó, bên vách buồng (hay một tấm ghi-đô bằng vải), đau vật đau vẫ nghe hoan lạc chảy thành những dòng rên xiết, kêu thét. Không biết nước mắt của nó đã khô chưa hay vẫn rỉ từng giọt như máu tươi.

Tôi nhớ Điền, bao gồm nhớ một đồng – loại (và tôi là đồng – loại còn lại), nhớ một cách trò chuyện (đọc thấu lòng nhau), nhớ một người nghe được tiếng tim mình (điều này thì con vịt mù làm được, nhưng nó đã chết rồi), và nhớ một người che chở (công việc này, đáng lẽ là của cha, má tôi). Tôi biết ơn Điền, từ một gói băng trắng mà Điền mang về hôm tôi mười bốn tuổi, bảo thứ này dùng khi có kinh nguyệt, nó sẽ ngăn không vấy máu ra quần. Điền đi hỏi ai đó, nó nói, máu không cầm được cho đến khi nào tự nó ngưng chảy. Điền xót xa khi thấy tôi trở mã con gái, “Đẹp làm chi dữ vậy, Hai ? Ở cái xó quê này, có đẹp mai mốt cũng phải lấy chồng, để một bầy con nheo nhóc, cũng ra ruộng ra vườn làm lụng đến hết đời, xẹp lép như xác ve. Đẹp, mắc công giữ...”. Điền dặn tôi đừng xoắn quần quá cao, đừng mặc áo quá rộng cổ... Với bọn đám thanh niên lúc nào cũng kiểng có lẳng vẳng, Điền giang tay bọc lấy tôi, nó giễu cợt, “Anh kia, lượm con mắt lên, anh nhìn vậy, chị tôi mòn còn gì”. Đám người cụt ngòi, tên tò dạt ra. Ngay cả khi Điền bỏ đi cùng chị, nó cũng để lại cho tôi một món quà lớn.

(Nguyễn Ngọc Tư/Cánh đồng bất tận)[x]

Cánh đồng bất tận, một bất ngờ của văn học Việt Nam thời gian gần đây, viết về cuộc sống long đong bất tận của những người không đất đứng. Nhân vật nào cũng bị đẩy đến tận cùng của sự chịu đựng. Mà vẫn tiếp tục chịu đựng. Vẫn bám chặt vào bất hạnh, đôi khi như một cái phao, để tồn tại. Những con chữ của Nguyễn Ngọc Tư đơn giản, bình dị, chơn chất, đầy tính cách sông nước miền Nam. Câu, chữ viết ra tưởng như không cần một cố gắng nào. Những diễn tả về cái nghèo, cái thiếu, cái khổ, cái thèm, cái buồn, kể cả các quan hệ thân xác kiểng này kiểng nọ (rải rác trong truyện)...đều có tính cách tự nhiên như nhiên, không bí hiểm, không lên gân, không chải chuốt, không bi thảm hóa. Bằng một nhịp văn chậm rãi, từ tốn, những con chữ Nguyễn Ngọc Tư bóc dần từng lớp, từng lớp mỏng hiện thực, để đi đến tận cùng mỗi số phận, mỗi cá tính, mỗi đờn đau, mỗi khao khát. Đọc đoạn nào cũng nghe hơi chữ xao xác, ngậm ngùi.

Nhiều lúc tôi hơi nhớ con – người. Họ ở trong cái xóm nhỏ kia, chỉ cách chỗ chúng tôi dựng trại vài ba công đất. Họ lúc nhúc trên thị trấn kia, nơi chúng tôi vẫn thường ghé lại mua gạo, cám, mắm muối... dự trữ cho những chuyến chạy đồng xa. Và họ ở gần ngay đây, họ vừa gặt lúa vừa nói chuyện tục tĩu rồi cười vang bên bầy vịt đang rúc rích tìm thức ăn, nhưng tôi vẫn nhớ...

Có lẽ vì cuộc sống của họ ngày càng xa lạ, với chúng tôi. Họ có nhà để về, chúng tôi thì không.

Họ sống giữa chòm xóm đông đúc, chúng tôi thì không. Họ ngủ với những giấc mơ đẹp, chúng tôi thì không. Nằm chèo queo, co rúm, chen chúc nhau trên sạp ghe, chúng tôi đánh mất thói quen chiêm bao.

(...) Cũng theo lối này, vài hôm sau, ông trưởng ấp dẫn theo một cán bộ xã xồng xộc đến chỗ chúng tôi.

Tôi vừa sợ, vừa biết ơn những người như thế này. Họ làm cho chúng tôi cảm thấy bớt hoang dã, làm chúng tôi hiểu rằng, ngay cả trên những cánh đồng hoang liêu nhất thì chúng tôi vẫn bị ràng buộc bằng hàng vạn luật lệ. Nhưng đồng thời họ luôn mang tai họa đến.

8.

Một bên tôi là Đức Giáo Chủ và bên kia là bóng ma của Mary. Chúng tôi ba người mà chỉ có hai chiếc bóng. Bóng hai chúng tôi đôi lúc nhập vào nhau lúc giữa trưa, khó tách biệt như lời thề và bội phản. Nhưng sự phản bội không đến đột ngột như tôi sợ. Nó đến từ từ, mỗi ngày nó tiến lại gần hơn. Sự phản bội biết cách nguy trang, nó đến như một chiếc hôn bí nhiệm yêu dấu nhất. Chúng tôi ngồi nghỉ chân trên tảng đá phẳng nằm khuất dưới những vòm cây góc vườn. Nơi đây Giêsu đã khóc và cầu nguyện trong cơn thống khổ. Chúng tôi gọi nó là tảng đá hấp hối. Ánh nắng trưa Gethsemane nhuộm màu xanh lợt của lá ô-liu, màu đen dịu của chùm trái chín, hòa thành một màu vàng ngọt óng của mật ong. Ánh sáng thiên thần đổ xuống mái tóc bạch kim của Giáo Chủ lấp lánh như tơ, rủ xuống vàng trán khắc khoải của Ngài. Bằng một giọng cực kỳ triu mến, ngài âu yếm gọi tên tôi rồi khẽ bảo:

“Lại đây nào.”

Hơi thở ngài gấp rút.

Tôi đến gần, quỳ xuống, úp mặt vào vạt áo ngài. Một hồi lâu, úp mặt xuống nhưng tôi vẫn thấy màu nắng sáng lóa đang sau, ánh nắng ràn rụa khắp thế gian và chày khắp người tôi nóng ran. Tôi biết đây là lần cuối. Một cơn gió mát thoáng qua, rất nhẹ mà làm lay chuyển những cây cỏ thụ ngàn năm. Những thân cây đã từng chứng kiến cảnh tượng rợn người, bây giờ chúng lên cơn giận dữ, nhấc khỏi mặt đất, đòi tự tróc gốc rễ mình. Mồ hôi tôi chảy đầm đìa lớp áo chùng. Tôi chăm chỉ hơn và tận tình hơn bao giờ, tôi hiểu ý ngài, và phục vụ ngài với tất cả nỗi tận tụy của một tên nô lệ. Ngài cũng đang yếu đuối. Bàn tay ngài uể oải lùa nhẹ vào tóc tôi, mơn man da đầu tôi. Giây phút này chúng tôi sẽ nhớ mãi, dù không ghi vào sách, cũng không ghi vào đời. Nó chỉ tồn tại giữa hai chúng tôi. Nó là gạch nối. Nó như lời thề. Những cơn co giật của Giáo Chủ cũng dữ dội như những cây cỏ thụ ngoài sân. Người tôi cũng nóng hực run rẩy. Tôi nhớ Mary, nhớ những lần chúng tôi vụng trộm, tôi khao khát nàng với nỗi khát ngang hàng sự chết. Giáo chủ lần tay vào áo tôi, ngài rà soát thân thể tôi, nhưng điều ngài tìm kiếm không còn thuộc về tôi nữa. Nó đã bị âm hộ Mary giam giữ. Bàn tay Giáo chủ đè nặng, uy quyền ngài bấu nghiến bả vai tôi. Tôi cứng người, cảm nhận lưỡi kiếm mỏng tang, hơi lạnh sắc mỏng tang, sự vô hình mỏng tang đang lướt dọc theo gáy. Ngài chỉ cần buông tay...

(Đặng Thơ Thơ/ Đi tìm bản thánh kinh cuối)[xi]

Đi tìm bản thánh kinh cuối được viết bằng một kỹ thuật khá mới mẻ, vừa về cấu trúc, lẫn ý nghĩa và cách sử dụng con chữ. Tôi gọi là một “tân truyện”. Chất liệu không dựa trên một hiện thực nào. Tất cả khung cảnh nhuộm mùi hồng hoang, thần thoại. Vận dụng tính đa dạng của con chữ, Đặng Thơ Thơ đã tạo dựng nên một thế giới *lai*: khái niệm tan vào thơ, ám ảnh trộn cùng suy tưởng. Đặng Thơ Thơ ẩn dụ hóa mọi thứ: tôn giáo, hiện thực, lịch sử, người, vật, dục tính. Cái tưởng là thực, không thực đã đành; cái tưởng là hư, cũng chẳng là hư. “*Bóng hai chúng tôi nhập vào nhau... như lời thề và bội phản*”, “*Những thân cây ...nhấc khỏi mặt đất, đòi tự tróc gốc rễ mình*”; “*hơi lạnh sắc mỏng tang, sự vô hình mỏng tang*”. Đọc mà như lênh đênh bơi trên bờ ảo. Ảo của vật, ảo của ý. Ảo của ảo. Tất cả đều loáng thoáng, mơ hồ, chợt có chợt không. Gọi nên cái *mỏng tang* của không gian, của thời gian, và của cả...chân lý!

Cũng có khi tôi đi tất cả mọi nơi cùng lúc và sống mọi cách sống cùng lúc trong cái đầu hỗn loạn của tôi. Nhiều người cũng làm như vậy và thế giới trở nên chằng chịt những con đường cho đến khi những con đường tràn vào nhau và biến trái đất thành nhẵn thín như không có đường (như khi chúng ta dùng bút chì tô đậm một hình tròn). Tôi đi lang thang trên các nẻo đường, chờ đón thanh gươm vô hình của Giáo chủ đang bay đi tìm tôi. Thanh gươm ấy ở khắp nơi. Nó có mắt. Nó đã làm thế gian này điên đảo. Nhưng khi nó tìm thấy tôi, nó sẽ dừng lại, nó sẽ ghim vào đầu tôi và ở đó mãi mãi. Tôi sẽ sống để mà chờ nó.

Giáo chủ là g/i/á/o/c/h/ủ. Thanh gươm là t/h/a/n/h/g/ư/ơ/m. Vân vân. Còn “t/ô/i”? Là ai?
Hơi chữ nghe có vẻ chắc. Nhưng xem ra đây nghi hoặc!

9.

Nhà cô Thiên Pha nằm trên một con đường phố trung tâm Hồ Chí Minh City. Tôi nhấn mạnh HCM city. Mới lắm chuyện huyền ảo.

(...) Đêm nay trời đẹp. Trăng sáng rõ. Thiên Pha ngồi trên lầu nhìn xuống quảng phố rộng. Phía cuối đường một tòa cao ốc đèn từng ô nổi trôi trong khoảng trăng mờ mênh. Cô mơ mộng.

Trong mơ, một cơn lốc xoáy, thành tiếng gầm rú. Một tiếng ầm khô khốc ngay dưới đường. Rồi một thân cây bốc lên cao. Thân cây đập xuống mặt đường quay lòng lốc.

Mùi xăng từ thùng xăng bị vỡ làm cô tỉnh lại. Đúng là cảnh sát, người bao quanh, xe cộ đông vầy. Một chiếc xe gắn máy gãy làm đôi. Hai xác người đâm máu văng ra hai nơi rất xa nhau. Cây trụ điện gãy bể một mảng. Người ta không thể không rung mình vì sao hai cậu trai trẻ mà máu nhiều trên mặt đường đến vậy.

Rất khuya, trời đổ cơn mưa lớn. Lớn nhất từ đầu mùa. Thiên Pha không sao ngủ được. Cô cứ thấy cái đầu máu me đập sọ não lẫn lộn trong chấn. Sờ đâu cô tuồng như chạm phải thịt vụn bầy nhầy.

Gần về sáng, nhìn từ ban công, đại lộ sau cơn mưa cuồng, đã biến ra một con sông ngập vàng ánh trăng.

Có một hồi trống và tiếng kinh mõ vắng lại từ ngôi chùa Phật gần nhà.

Con sông trắng về sáng vắng lặng. Sông không trôi. Như mặt hồ chỗ thiên thai. Phía xa kia có một người dắt và một người đẩy một chiếc xe hai bánh chết máy, lội qua. Một chiếc thuyền lạ lắm. Trong một thành phố tưởng như thân quen. Một thành phố sạch trơn. Như ai nấy chết troi rồi.

Bọn chúng, là bọn trụ điện lẻ loi, bọn thừa ra, bọn lỗi thời vẫn đứng giữa dòng chảy. Cái bóng nó nghiêng. Nó gầy lắm.

Thiên Pha buồn nghĩ:

“Làm sao hai chàng trai trẻ có thể treo linh hồn mình nơi một thân cây không lá chẳng cành như vậy nhỉ”

(Cung Tích Biền/Chỗ treo linh hồn)[xii]

Truyện của Cung Tích Biền mang dấu ấn nặng nề của hiện thực. Đọc ông, ta tìm thấy ngay những mảnh cuộc sống đâu đó, rất gần gũi, rất chân xác, ai cũng có thể tự mình nhận ra. Có điều, hiện thực đó thường được che chắn bởi một lớp sương mỏng, khiến nó bỗng trở nên lung linh, hư ảo. Truyện của ông đứng dạng chân giữa hai bờ hư/thực. Ông điều động con chữ nhuần nhuyễn và thông minh. Rất dụng công mà lại tưởng chừng như không hề sử dụng nội lực. Khéo biến chúng thành những hình ảnh chờn vờn, lập lờ, đa nghĩa. Thoát bên này, thoát bên kia. Tưởng như đang nghe chuyện thực, bỗng hơi văn đột ngột lung linh, chập chờn đưa ta vào cơn mơ. Có lúc, tưởng đang mơ, thì những con chữ nhảy chồm ra ngoài đụng vào người, va vào vật, trở nên hiện thực một cách bất ngờ.

Có lẽ cũng nên đọc thêm một đoạn văn khác của Cung Tích Biền:

Đêm hôm ấy, Lùng không ngủ được, trăng mười sáu sáng lòa trời đất, mây sao bàng bạc, bao nhiêu kỷ niệm cha con họ hàng tưởng như chai lỳ nay vỡ ra lênh láng. Nỗi thương cảm vô hình rục rịch như đám lân tinh xa vắng nơi rừng tre trúc. Thế là cha tôi đã qua đời, người đã vào cõi vĩnh hằng, đã thực sự bất tử. Lùng thức với một nỗi niềm riêng, chân bước chậm rãi trên khoảng sân nhỏ trước nhà, sau tới ngôi trên chiếc ghế xích đu, mắt nhìn lung ra phố khuya, tâm cảm trôi giạt giữa một vùng màu sắc kỳ bí khó giải thích. Anh nghe đâu đó hình hài thoáng hiện, bước chân ai đó động hờ rồi tan biến, nụ cười vỡ vụn không âm sắc, rồi một tia sáng rõ của sao băng ngắn ngủi trong bầu trời lụa bạch. Một vở kịch đã biết nửa chừng hồi kết thúc, một đau thương được chờ đợi từ lâu, một cái gì trờ tới như điều hiển nhiên, hiềm hoi và muộn màng, thế nhưng Lùng vẫn man man niềm đau nhức. Cha tôi – con người cường tráng hiền hòa, lòng dạ một nông dân đậm chất người, một cây sồi tiêu biểu cho những cây sồi cổ tích nhất – cái tuồng như thiên thu ấy

nay không còn. Nói khác đi, ông phải chết để hòa mình với thiên thu. (Cung Tích Biền/Dị mộng)[xiii]

Chữ, trong Cung Tích Biền, phải chăng là hồn ma bóng quế giữa cuộc đời vô cùng nghịch đảo?

10.

Tôi đã đi như thế trong bao nhiêu buổi sáng của đời mình, không biết bao nhiêu lần, không nhớ rõ rệt những chỗ mình đã đi, ở thành phố nào xa lắc xa lơ. Trong mấy chục năm làm người đã bao lần rời đổi, mỗi nơi một cảnh vật, những dòng sông, những dãy núi, những ngôi nhà, những hàng rào, những hàng cây cao, những bụi hoa thấp, tất cả khác nhau và chắc chắn đời sống khác nhau. Nhưng hình như cái cảm giác đi trong buổi sáng tinh mơ lại rất giống nhau. Có một cái gì tinh khôi, trong trẻo, lạ lẫm và quyến rũ của đầu ngày. Như khuôn mặt vừa thức dậy, còn lơ mơ giữa tỉnh thức, môi chưa chạm son, tóc chưa chạm lược, như một khúc lụa chưa cắt thành áo, cứ giữ tung ra rồi lại cuộn vào, như một mối tình chưa đi đến hôn nhân, cứ ửng đỏ dần dần. (...). Những hàng cây hai bên không còn là những mảng màu tối của một bức tranh, chúng bắt đầu khoe những đường gân lá, như một thanh niên mới lớn nhìn xuống cánh tay mình. Những bụi hoa nhỏ như những đứa bé vừa ngủ dậy, chúng mở từng cánh, như những con mắt trẻ thơ sau một giấc ngủ ngon. Những cánh cửa cũng lần lượt theo nhau mở ra. Trẻ con, người lớn mỗi người đem một mảnh đời ra khỏi ngôi nhà thả vào con đường trước mặt. Bao nhiêu hy vọng trải dưới ánh mặt trời, tiếng cười, tiếng khóc cùng theo nhau vỡ òa. Trái tim chưa biết yêu, đẩy cánh cửa bước ra, đi tìm tình yêu trong vũng ánh sáng đầu ngày lấp lánh. Ngày bắt đầu rất nồng nàn như cô thiếu nữ vội tô son, chải tóc, mang khúc lụa thời gian ra may cắt, sợ buổi chiều sẽ ập đến xóa mất tuổi xuân.

(Trần Mộng Tú/Tinh sương)[xiv]

Văn của Trần Mộng Tú phát phơ, nhẹ nhàng – kể cả khi chi nói về nỗi đau, về bất hạnh, về tuyệt vọng. Những con chữ của chị bao giờ cũng mềm mại, uyển chuyển và mở, dẫn đến những hình ảnh hồn nhiên, linh hoạt của cuộc sống. Chị có những ví von tinh tế, đậm nét hồn nhiên, tươi tắn, đôi khi đượm chút trẻ thơ. Những ‘*bụi hoa nhỏ*’ buổi sáng được ví với những “*đôi mắt trẻ thơ*” mở ra sau giấc ngủ ngon; người ta mở cửa đi ra ngoài được hình dung là đem “*mảnh đời*” mình “*thả vào*” con đường trước mặt. Đọc chị, thấy chữ có khi nhẩy nhót, reo vui, nghịch ngợm. Có khi mang mang thế sự. Có khi sâu lắng. Nhưng hơi văn luôn đầm ấm, thân tình, tràn trề tình yêu và tình người. Nhiều trang chữ của chị nghe trong, thơm, và ngọt. Có khi ngọt lịm!

Erik nằm thờ từng hơi rất nhẹ, rất nhẹ! Âm thanh êm ái đổ dặt anh vào vườn hoa, những câu hát thân quen này Tuệ Quân vẫn hay hát cho anh nghe trong những khi hai người ngồi dưới ánh trăng, tiếng hát khe khẽ của Tuệ Quân thường làm rung cả ánh trăng đang chấy trên mặt trên vai hai người. Erik nuốt vào thanh quản của mình những câu hát như những cánh hoa trắng đó, anh thả nó trôi bồng bềnh trong lồng ngực của mình, lồng ngực sũng nước của anh như một chiếc hồ nhỏ đang nhận từng cánh hoa trắng nhẹ nhàng rắc xuống.

(Trần Mộng Tú/Tuệ Quân)[xv]

11.

Cuối cùng, xin đọc vài đoạn trong một bài thơ:

*Mông bốn Tết năm 2002 tôi trở lại Đà Lạt
sau 15 năm. Tôi không thấy Đà Lạt nữa
tôi thấy một con bừa củi lật ngửa những cái chân
thông xơ xác chĩa lên trời ngọ nguậy.
Tôi quây quả lên đồi Cù nhưng nó đã thành một cái vú
cho thương gia Đài Loan trèo lên bóp mỗi ngày.
(...) Đà Lạt bây giờ phát phì kiêu một người ăn tạp
Các con đường giã giây thun, nhà xây*

*theo bản nháp. Xe gắn máy ăn cắp yên tĩnh ban mai
ngày đầy bọt đàn ông thô bạo đến từ xứ sở
đói nghèo trần lột than thê xấp thiếu nữ,
trần lột ngôn ngữ dịu dàng, trần lột đất.
Thế giới đầy những con tốt bị xua qua sông bởi khẩu hiệu và súng.
Tôi uống nước đóng chai tôi trú trong khách sạn tên
Global Trek kẻ dinh Bảo Đại. Qua cửa sổ mờ sương tôi thấy người
đàn bà gánh hai chiếc thùng.
Tôi không biết bà gánh gì nhưng
tôi biết sức nặng cuộc đời không ra khỏi thung lũng.
(Phan Nhiên Hạo/Đà Lạt: 1989-2002)[xvi]*

Đây là một bài thơ xuôi với một cấu trúc chữ hoàn toàn mới. Không có vần đã đành, mà cách sử dụng chữ cũng khác lạ. Những con chữ chắc, khỏe, cụ thể, trực tiếp. Nhiều nhịp chỏi. Cách mô tả sự vật cực kỳ hình tượng. Hiện thực là ẩn dụ. Mà ẩn dụ cũng chính là hiện thực. Bài thơ cho ta hình ảnh của một Đà Lạt mới đầy “bể dâu”, một Đà Lạt đã bị vật hết lông hết cánh, chỉ còn trơ ra một thành phố trần truồng, vô hồn và tuyệt vọng. Vẫn là Đà Lạt nhưng không là Đà Lạt. Hơi thơ nặng nề, bức bối. Và bỗng trầm xuống bất ngờ ở cuối:

Tôi không biết bà gánh gì nhưng/Tôi biết sức nặng cuộc đời không ra khỏi thung lũng.

!!! 😞

Nghe cay cay như khói chữ xông tràn vào mắt.

Đã tạm dài. Đành ngưng nơi đây. Thế giới văn chương mênh mông, người viết tiếc là không thể đưa thêm nhiều trích đoạn nữa!

Cũng là những con chữ đó – những ký hiệu vô tội vạ – ai cũng có thể viết, có thể sắp xuôi, sắp ngược theo ý mình (miễn làm sao cho chúng có nghĩa), ấy thế mà, mỗi cách hành văn lại có một lối sắp xếp khác nhau, đưa đến những cấu trúc khác nhau và toát ra hơi chữ khác nhau. Nhiều cách sắp xếp mới mẻ, bất ngờ khiến cho khi đọc tưởng mình lạc vào một vùng đất nguyên sinh. Và bỗng nhiên chạm đến một cái gì tinh khôi, tươi mới y như chưa từng biết đến bao giờ.

Văn chương, lạ thật!

(10/2009)

Ghi chú:

Bài viết này đã được đưa lên trang mạng của đài VOA, blog Nguyễn Xuân Hoàng và bằng hữu:
_ Khi đưa lại lên Da Màu, tác giả có thêm một số trích đoạn và nhuận sắc đôi chỗ.

[i] Thanh Tịnh, http://www.saigononline.com/truc_huy/tdh_tt.htm

[ii] Nguyễn Huy Thiệp,

<http://www.dactrung.net/truyen/noidung.aspx?BailD=HZ4ewCpL2B4VukPqgOwrAQ%3d%3d>

[iii] Phạm Thị Hoài,

<http://www.dactrung.net/truyen/noidung.aspx?BailD=vYpB9ISp72U8XkU7ha0hIQ%3d%3d>

[iv] Đề tài “tầm quát” cũng có một tác giả khác sử dụng: Trần Mộng Tú, *Phát phơ bay*, Da Màu <http://damau.org/archives/1948>

[v] Du Tử Lê, <http://www.nguoi-viet.com/absolutenm/anmviewer.asp?a=102369&z=193>

[vi] Du Tử Lê, <http://www.nguoi-viet.com/absolutenm/anmviewer.asp?a=103336&z=97>

[vii] Mai Thảo, *Luân*, tạp chí Hợp Lưu (California) số 100, tháng 5 & 6/2008

[viii] Y Uyên, *Tuyển truyện thời chiến*, nxb Thư Ấn Quán, New Jersey, Hoa Kỳ

[ix] Y Uyên, sđd như trên

- [x] Nguyễn Ngọc Tư, http://www.viet-studies.info/NNTu/NNTu_CanhDongBatTan.htm
[xi] Đặng Thơ Thơ, <http://damau.org/archives/1948>
[xii] Cung Tích Biền, <http://damau.org/archives/376>
[xiii] Cung Tích Biền, <http://krfilm.net/f/viewthread.php?tid=20002>
[xiv] Trần Mộng Tú, <http://www.voanews.com/vietnamese/2009-10-21-voa30.cfm>
[xv] Trần Mộng Tú, *Tuệ Quân*, Vườn Măng Cụt, tập truyện, nxb Văn Mới, California, 2009
[xvi] Phan Nhiên Hạo, “*Chế tạo thơ ca 99-04*”, tập thơ, nxb Văn, San Jose, Hoa Kỳ 2004.

Tính “văn học” trong văn học miền Nam

(LTG: Đây là bản chính bài thuyết trình trong buổi hội thảo về VHMN tổ chức tại tòa soạn nhật báo Người Việt vào ngày 6/12/2014. Do giới hạn về thời gian, nhiều chi tiết trong bài viết đã không được trình bày tại buổi hội thảo; và ngược lại, một số chi tiết được triển khai khi phát biểu vốn không có trong bài viết.)

Đề tài tôi trình bày trong buổi hội thảo hôm nay là “Tính văn học trong văn học miền Nam”.

Chắc có người cho rằng chữ dùng nghe có vẻ không mấy thích hợp. Và thưa. Đã nói về một nền văn học, sao còn đặt vấn đề “tính văn học”?

Xin thưa ngay: lý do khiến tôi sử dụng nhóm từ “tính văn học” là vì văn học miền Nam trước đây được nhà cầm quyền nhìn với một nhãn quan chật hẹp và độc đoán. Họ gọi văn học miền Nam là “văn học thực dân mới”, “văn học đòi trụ”, “văn học phản động” hay sau này, gọi một cách nghe lịch sự hơn nhưng có vẻ xách mé, là “văn học đô thị”.^[1] Toàn là những nhóm từ tiêu cực. Văn học thực dân mới là gì? Là thứ văn học chỉ dành để phục vụ chế độ thực dân. Văn học phản động là gì? Là chống lại đất nước, chống lại dân tộc. Văn học đòi trụ là gì? Là hư hỏng, xấu xa. Vì thế, văn học miền Nam được xem là “nọc độc”. Và những người viết lách được gọi là “những tên biệt kích văn nghệ.” Nghĩa là gì? Nghĩa là phi-văn học. Là một nghịch đảo với văn học xã hội chủ nghĩa, văn học yêu nước và văn học tiến bộ. Do cách hiểu hạn chế đó, nhà nước Cộng Sản đã tìm cách tiêu diệt văn học nền văn học này sau chiến thắng tháng 4/1975.

Cách nhìn văn học miền Nam kể trên là một hình thức định nghĩa văn học dựa vào lập trường chính trị của đảng Cộng Sản Việt Nam. Tôi xin được bàn về văn học miền Nam bằng một cái nhìn khác, chung hơn, “văn học” hơn, nghĩa là rộng rãi hơn, đa dạng hơn và tách ra khỏi cái nhìn phiến diện, một chiều. Đó là tính cách văn học của một nền văn học.

Văn chương vốn là, nói như Hàn Dũ, “đại phạm vật bất đắc kỳ bình, tắc minh” (vật nào cũng vậy, khi không được bình yên nên kêu).^[2] Văn chương là tiếng kêu của con người. Kêu là một cách bày tỏ cảm xúc trước sự vật, trước hoàn cảnh và trước các biến cố nhân sinh. Nó gắn liền vừa với cá nhân, vừa với xã hội và vừa với lịch sử. Nó mở. Văn học hiểu như tổng thể các sáng tác văn chương của các nhà văn, nhà thơ diễn ra trong một giai đoạn hay thời kỳ nào đó, cũng thế, nó mở. Có thể so sánh văn học với một khu rừng: rừng có nhiều loại cây khác nhau với tính cách và số phận khác nhau. Chúng mọc, chúng ra lá, trổ hoa muôn màu muôn vẻ. Tính văn học, do thế, muôn màu muôn vẻ. Nó được thể hiện qua những đặc điểm sau:

- Về tác giả: tính tự do, tính khu biệt giữa tác giả và tác phẩm.
- Về hình thức: tính kế tục, tính hiện đại và tính đa dạng
- Về nội dung: tính nhân bản, tính hiện thực và tính bi kịch.

Văn học miền Nam bao gồm tất cả những đặc điểm trên. Trong phần khai triển sau đây, có một số điểm tôi chỉ nói sơ qua, vì đó là những điều mà hầu như ai cũng đã rõ trong khi ở một số điểm khác, tôi sẽ bàn kỹ. Mặt khác, do đề tài quá rộng, nên những chi tiết điển hình nêu ra trong bài thuyết trình hầu hết chỉ đề cập đến phần sáng tác. Xin được đi từng điểm một.

I. Về tác giả:

1. Viết là một hành vi tự do: Làm nhà văn, nhà thơ là một chọn lựa tự do. Không ai bị buộc phải làm nhà văn, nhà thơ; không ai phải học để trở thành nhà văn, nhà thơ. Viết là một hành vi tự đối diện với mình và với công chúng. Từ kinh nghiệm bản thân, tôi nhận thấy không có tự do thì không có cảm hứng để sáng tác, dù nhìn dưới góc độ nào.

Với tư cách là những người viết tự do, những nhà văn, nhà thơ miền Nam đã sáng tác không qua một sự chỉ đạo nào. Họ không ăn lương nhà nước để viết và do đó, không sáng tác chỉ để phục vụ các nghị quyết chính trị. Miền Nam không có “Hội nhà văn” với tư cách là một thứ quyền lực tối cao chi phối mọi hoạt động sáng tác. Cũng không có trường viết văn và làm thơ. Mỗi nhà văn, nhà thơ hay nhà biên khảo tự chọn lựa cách viết, chọn lựa xu hướng, lựa đề tài cũng như chọn lựa tạp chí văn học để cộng tác. Một người có thể viết, xin lấy một ví dụ, vừa cho tạp chí *Khởi Hành* (một tạp chí chống Cộng) hay *Văn*, một tạp chí thuần túy văn học, nhưng đồng thời vẫn có thể viết cho *Trình Bày* hay *Đối Diện* là những tạp chí tả khuynh. Chính vì thế và nhờ thế mà văn đàn miền Nam luôn luôn sôi động. Nhiều hiện tượng văn học bất ngờ xuất hiện làm ngạc nhiên văn giới và có trường hợp, làm rúng động cả văn đàn. Trước chính biến năm 1963 lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, do chính sách kiểm duyệt khá nghiêm khắc, nên văn giới còn phần nào dè dặt; nhưng sau năm 1963, toàn xã hội như bùng vỡ. Cùng với những cuộc đảo chánh, xuống đường đòi hỏi tự do, dân chủ, trên văn đàn, thơ, văn xuất hiện ồ ạt. Nói chung, hiện tượng đó có cái gì xô bồ, đôi khi đi quá đà, nhưng mở ra một không gian rộng cho sự sáng tạo văn chương, nghệ thuật.

Do viết là một hành vi tự do, nên văn học miền Nam, tự bản thân, không nhằm bảo vệ chế độ, lại càng không làm công cụ cho chế độ nơi nó được nuôi dưỡng. Một cây bút, trong hoàn cảnh và từ vị thế của mình, nhìn hiện thực xã hội qua những lăng kính khác nhau, không ai giống ai. Mai Thảo hồi tưởng về Hà Nội trước khi di cư vào Nam; Nguyễn Vỹ viết về “Tuấn, chàng trai nước Việt”, một hồi ức về thanh niên thời thuộc địa; Nguyễn Thị Hoàng đột ngột xuất hiện với “Vòng tay học trò” làm ngẩn ngơ cả một thế hệ; Nguyễn Đức Sơn đọc đáo và táo bạo với những bài thơ lạ trong “Đêm nguyệt động”; Bùi Giáng trêu cợt cuộc đời bằng những câu lục bát “không giống ai”; Dương Nghiễm Mậu viết về nỗi bất an của hiện sinh con người, chẳng hạn như một nhân vật trong “Niềm đau nhức của khoảng trống”; Hoàng Ngọc Tuấn lại quay trở lại với thời nhỏ tuổi mơ mộng với “Cô bé treo mừng”; Vũ Hạnh phê phán chế độ VNCH qua hình ảnh ẩn dụ của một “Ngôi trường đi xuống”; Trịnh Công Sơn phản chiến với “Ca khúc Da Vàng”; Phan Nhật Nam viết về đời lính nhọc nhằn qua những bút ký ngập ngụa khói lửa chiến trường; Phạm Thiên Thư làm thơ ca ngợi tình yêu thời trẻ dại với hình ảnh nhẹ nhàng của “em tan trường về/đường mưa nhỏ nhỏ.” Văn vân và văn vân. Mỗi nhà văn, nhà thơ tự chọn cho mình một cách thể hiện riêng, đôi khi rất riêng, về thời cuộc, về cuộc sống.

Họ có thể là công chức làm việc cho nhà nước hay khoác áo nhà binh. Trong công sở, họ có thể làm công tác tuyên truyền hay ngoài chiến trường, họ đánh nhau với quân Cộng Sản, nhưng khi sáng tác thì sáng tác như những nghệ sĩ tự do. Có thể tìm thấy trường hợp điển hình qua các tác phẩm của những người lính. Những nhà văn, nhà thơ lính viết như những nhân chứng sống trong chiến tranh. Đó không chỉ là những hồi tưởng muộn màng hay loại nỗi buồn làm dáng như kiểu “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh. Nhiều truyện ngắn hay thơ xuất hiện trên tạp chí Văn hay Bách Khoa hồi đó của những người lính chiến như Trần Hoài Thư, Lê Bá Lăng, Y Uyên, Văn Lệ Thiên, Trần Dạ Lý, Luân Hoán... như những bản tin chiến sự nóng bỏng. Có người viết ngay, viết thẳng trên ba lô trong một trận hành quân hay trong lúc chiến trường mà họ dự phần hãy còn nóng hổi mùi thuốc súng và tanh mùi máu của đồng loại. Viết xong, họ gửi ngay về tòa soạn để đăng trong thời gian sớm nhất. Trong hành vi viết, họ vừa ở trong chiến tranh lại vừa đứng ngoài nó. Vừa tham dự chiến tranh vừa đặt vấn đề và thao thức về chiến tranh. Dù trực tiếp cảm hứng, ngày đêm đối diện với quân thù, nhưng tác phẩm của họ không viết ra để gây thêm căm thù mà bao giờ cũng là một dấu hỏi về thân phận con người trong cuộc chiến. Hãy đọc thử một trích đoạn trong “Nhật ký hành quân” của Trần Hoài Thư:

“Xin tha lỗi cho tôi, các bạn. Tôi không còn đủ sáng suốt để sáng tạo câu văn ý lạ. Tôi đang nằm trong quân y viện đây. Đêm buồn lắm. Đêm buồn lắm. Lính của tôi nằm nhiều trong đó. Hai thằng nằm tại nhà vĩnh biệt. Hai thằng mất tích. Và những thằng bị thương đang nằm ở đây. Đêm buồn lắm. Đêm buồn lắm. Ngày hôm đó, ngày 9 tháng 5 thì phải. Mặt trời thì hùng hục lửa. Chỉ có mặt trời mới thấy bọn tôi. Tôi nằm trong bụi, mặt dầm dề máu và đùi găm đầy miếng lựu đạn, cả mông tôi cũng vậy. Tôi nhìn lên cao cầu khỉ Tổ Tiên Ông Bà, Nam Mô Quan Thế Âm Lạy Trời Lạy Chúa. Nhìn mặt trời, cho con sống. Sống. Tôi vùng dậy chạy. Đạn rít dưới chân. Đạn xẹt trên đầu. Tôi lộn nhào. Lê lét. Bò trườn. Tôi nhào xuống bờ suối. Đạn đuổi theo. Nó canh kỹ. Ló đầu ra. Tắc bùm. Thụt đầu vào. Chạy. Lăn. Tội nghiệp thân thể mày chưa, Thu. Gãy ốm thế kia. Cha mẹ nưng niu bông ẵm nuôi con bây giờ ẵm ẵm, tạch đùng, bập bập bập, bò, hai cùi tay vấy máu, bò ngửa, bò sấp, bò hai chân, bò hai tay. Bụi gai vừa xê dịch. Tắc bùm. Đ.M, quân chó đẻ. Mày giết tao mày hả dạ lắm sao. Tao để dành viên đạn cuối cùng. Tụ sát.”^[3] Văn của người lính Trần Hoài Thư tươi, sống, đầy cá tính!

Nói như Jean-Paul Sartre, văn chương “là hành vi, qua đó, trong từng khoảnh khắc, nhà văn tự giải thoát ra khỏi lịch sử, nghĩa là hành xử sự tự do.”^[4] Con người nhà văn lệ thuộc vào hoàn cảnh nhưng viết là một hành vi giải thoát khỏi hoàn cảnh. Họ thể hiện cái “tôi” tự do khi sáng tác. Bởi thế, những nhà văn, nhà thơ miền Nam không đánh mất cái “tôi” khi viết. Họ không chờ đến khi biết mình sắp từ giã cõi đời, mới cố gắng tìm lại “cái tôi đã mất” như Nguyễn Khải, một trong những nhà văn nổi tiếng miền Bắc.^[5] Chẳng thế mà Nguyễn Minh Châu cay đắng vẽ ra chân dung điển hình của người cầm bút miền Bắc như sau: “Cũng trong một người cầm bút, cái phần bất tài nhảy lên bực tao đàn để múa may, còn cái phần tài năng thì trùm chần chờ ngày xuống mồ! Con đường của một cây bút trẻ hăm hở phấn đấu để trở thành nhà văn cũng là con đường phải giết đi cái phần nhà văn trong con người mình, con đường tự mài mòn đi mọi cá tính và tính trung thực trong ngòi bút.”^[6]

2. Khu biệt tác giả ra khỏi tác phẩm: Xem viết là một hành vi tự do, nên những tác phẩm xuất phát từ sự tự do đều được văn học miền Nam trân trọng. Ngay từ thời Đế Nhất Cộng Hòa, người ta đã tách tác phẩm ra khỏi tác giả. Nghĩa là tác phẩm, một khi thành hình, luôn luôn có số phận riêng của nó, không lệ thuộc vào người sáng tác. Do đó, giá trị văn chương của nó không dựa trên lý lịch của tác giả. Tác giả chỉ là một yếu tố và không phải là yếu tố chính trong nghiên cứu văn học. Xuất phát từ quan điểm đó mà hầu hết các tác giả tiền chiến đều được nghiên cứu và giảng dạy trong học đường, ngay cả khi họ là những đảng viên Cộng Sản và đang hết mình tâm sức cho lý tưởng Cộng Sản ở miền Bắc. Các tác phẩm của Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Quang Dũng... đều được bảo tồn, quý trọng và thậm chí, vinh danh. Chúng vẫn được nghiên cứu và giảng dạy một cách bình thường y như những nhà văn, nhà thơ khác, không có bất cứ một sự phân biệt đối xử nào. Ngoài ra, một số sáng tác của các nhà văn, nhà thơ trong thời kháng chiến – nhất là trong giai đoạn trước năm 1951, khi người Cộng Sản chưa dùng phong trào chỉnh huấn để loại bỏ những người không ủng hộ chủ nghĩa Cộng Sản – cũng được giới thiệu trong các tạp chí văn học. Hai tác phẩm biên khảo về văn học “Nhà văn hiện đại” của Vũ Ngọc Phan và “Thi nhân Việt Nam” của Hoài Thanh được sử dụng và giảng dạy trong chương trình trung học. Bởi vì, như đã nói ở trên, những tác phẩm này được viết ra trong khi họ là những con người tự do. Thú thật, đến bây giờ, khi nhìn lại giai đoạn này, tôi vẫn ngạc nhiên về chính sách rộng rãi này. Theo tôi, đây là một điểm son của văn học miền Nam.

Không những miền Nam bảo tồn các tác phẩm văn chương tiền chiến mà còn lưu giữ và bảo tồn các tác phẩm của những nhà văn, nhà thơ trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm miền Bắc. Văn, thơ của Trần Dần, Phùng Quán, Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi, Lê Đạt, Phùng Cung, Đặng Đình Hưng... bị đánh phá và tiêu hủy ở miền Bắc, đã tìm thấy cuộc sống ở miền Nam. Xin nhấn mạnh, Miền Nam chấp nhận chúng, không phải vì chúng chống Cộng – thực ra như chúng ta đều biết, các tác phẩm của họ không hề chống Cộng – mà vì chúng là văn học. Chúng là sản phẩm của hành vi viết tự do. Và lại, độc giả miền Nam nói chung, chỉ thích đọc những tác phẩm mang tính văn học và không thích hoặc khước từ đọc những tác phẩm văn học có tính cách tuyên truyền, nhất là tuyên truyền chính trị.

II. Về hình thức:

1. Tính đa dạng: Một nền văn học không chỉ là một bông hoa, cũng không chỉ là vườn hoa, mà phải là một rừng hoa. Nói đến rừng cũng là nói đến một cái gì dị tính. Văn chương, trong bản chất, là dị tính. Nó không thể là một cái gì đồng nhất, đơn điệu. Văn chương phải phản ánh nhiều mặt của cuộc nhân sinh. Hiện thực phải được nhìn từ nhiều góc độ, nhiều khía cạnh và nhiều nhãn quan khác nhau. Người ta không là “nhà văn để chọn lựa nói về một số sự vật nào đó, nhưng chọn lựa nói về chúng bằng một cách nào đó,”^[7] theo Sartre. Thành thử, cùng một sự vật nhưng qua ngòi bút của mỗi nhà văn, nó xuất hiện khác nhau. Mỗi một tác phẩm chỉ nhật nhạnh một chi tiết nào đó, một khía cạnh nào đó của nó.

Văn học miền Nam hình thành trên tính cách đó. Vì vậy, có thể nói, văn học miền Nam như một cánh rừng bạt ngàn. Nó dung chứa hết thảy hình thức văn chương, từ bình dân đến cao cấp, từ hữu khuynh đến tả khuynh, từ cổ điển đến hiện đại. Nhiều trào lưu, khuynh hướng chống đối nhau vẫn cùng hiện diện. Trào lưu nào, khuynh hướng nào có độc giả của trào lưu và khuynh hướng đó.^[8] Mai Thảo có độc giả của Mai Thảo, Lê Xuyên có độc giả của Lê Xuyên, Nguyễn Vỹ có độc giả của Nguyễn Vỹ, Nhất Linh có độc giả của Nhất Linh, Nguyễn Thị Thụy Vũ có độc giả của Nguyễn Thị Thụy Vũ, Lê Hằng có độc giả của Lê Hằng, Võ Hồng có độc giả của Võ Hồng, Duyên Anh có độc giả của Duyên Anh, bà Tùng Long có độc giả của bà Tùng Long... Nội dung và đề tài hết sức phong phú từ tình yêu, thân phận, những thao thức, dẫn vật cá nhân, ám ảnh tình dục cho đến tệ nạn xã hội, hiện tượng tham nhũng, sự suy đồi đạo đức, sự khao khát hòa bình, niềm mơ ước thống nhất. Sự đa dạng và mở khiến văn học miền Nam xuất hiện nhiều hiện tượng văn học độc đáo, vẫn còn ảnh hưởng lâu dài về sau. Hiện tượng thơ: thơ Nguyên Sa, thơ Thanh Tâm Tuyền, thơ Bùi Giáng, thơ Nguyễn Đức Sơn, thơ Phạm Thiên Thư...; hiện tượng văn: văn Mai Thảo, văn Dương Nghiễm Mậu, văn Lê Xuyên...; hiện tượng biên khảo: các tác phẩm của Phạm Công Thiện, Bùi Giáng, Nguyễn Văn Trung, Nhất Hạnh...; hiện tượng nhà văn nữ: Nhã Ca, Túy Hồng, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Trần Thị Ngh. Các nhà văn nữ không chỉ táo bạo trong đề tài, cách xử lý cốt truyện và nhân vật, mà còn trong việc cách tân ngôn ngữ. Họ mở ra một cánh cửa để nhìn vào thế giới nội tâm tuy đơn giản bên ngoài nhưng lại vô cùng phức tạp, tinh tế bên trong của nữ giới, nhất là nữ giới trong thời hiện đại.

Nói chung, không thời nào trong văn học nước nhà mà tính cách riêng biệt của tác giả được thể hiện một cách sắc nét và độc đáo như thời kỳ hai mươi năm văn học miền Nam. Thật khó mà lẫn lộn giữa thơ tình Nguyên Sa mềm mại, bộc trực nhưng duyên dáng với thơ tình Phạm Thiên Thư mang mang, tinh tế và trong suốt; giữa văn Võ Phiến chi li với văn Lê Xuyên dân dã, tươi sống; hay giữa biên khảo văn học và triết lý Nguyễn Văn Trung mạch lạc, khúc chiết với biên khảo văn học và triết lý của Tam Ích phong phú, lang mang và đầy cá tính.

Tính đa dạng đó còn tìm thấy ở thành phần tác giả. Nhà biên khảo Trần Thiện Đạo nhận xét về tờ Văn, một trong những tạp chí văn học hàng đầu của miền Nam trước 1975, như sau: “...tạp chí Văn và đặc san Tân văn qui tụ quanh mình hầu hết các văn gia và thức giả ở miền Nam, kể cả những cán bộ nằm vùng. Đầy đủ mọi lập trường, khuynh hữu có, lừng khừng có, khuynh tả có; đầy đủ mọi thế hệ, trẻ có, già có; đầy đủ mọi tài năng, nghiệp dư có, chuyên nghiệp có; đầy đủ mọi chiều hướng, cổ điển, lãng mạn, tả chơn, siêu thực, hiện thực, hiện sinh, hiện đại và nhiều thứ khác nữa.”^[9] Tính cách này không chỉ ở Văn và Tân Văn mà cũng ở nhiều tạp chí văn học khác như Văn Học, Nghệ Thuật, Vấn Đề, Khởi Hành..., qua đó, những Trần Hoài Thư, Hồ Minh Dũng, Lương Thái Sỹ, Y Uyên, Huỳnh Hữu Ủy, Nguyễn Chí Kham, Trần Doãn Nho, Phạm Ngọc Lưu... là những cây bút ở phía bên này cùng xuất hiện cùng với những Yên My (tức Trần Hữu Lục), Thái Ngọc San, Mùng Mán, Ngụy Ngử, Tần Hoài Dạ Vũ hay Lê Văn Ngẩn là những cây bút (thân hay trực tiếp hoạt động cho) phía bên kia. Riêng về tạp chí Bách Khoa, Nguyễn Hiến Lê ghi lại trong hồi ký của mình: “Tư tưởng chính trị của những cây viết nòng cốt của Bách Khoa có khi trái ngược nhau: Vũ Hạnh thiên cộng, sau theo cộng. Võ Phiến chống cộng. Đoàn Thêm, Phan Văn Tạo, không ưa cộng nhưng cũng không đả; không thích Mỹ nhưng cũng không nói ra [...] Tôi, có lẽ cả Nguyễn Ngu Ý và Lê Ngộ Châu có cảm tình với kháng chiến [...] Mặc dầu vậy, các anh em trong tòa soạn vẫn giữ tình hoà hảo với nhau. Xu hướng phản nhau như Vũ

Hạnh và Võ Phiến mà vẫn trọng tư tưởng của nhau, ít nhất trong 10 năm đầu. Đó là điểm tôi quý nhất.”^[10]

Nói đến sự đa dạng không thể không nói đến sự xuất hiện của những tạp chí “tả khuynh”, nổi bật nhất là Đối Diện, Trình Bày, Hành Trình và Đất Nước. Điều đáng lưu ý, cộng tác cho những tờ báo này không chỉ là những người tả khuynh mà có đủ những khuôn mặt văn chương miền Nam khác, kể cả những nhà văn có xu hướng chống Cộng. Theo Nguyễn Văn Lục, “Giữa Hành Trình và Đất Nước, cộng sản như thể đang ở ngoài nhà, nay đã vào đến trong nhà, vào buồng ngủ..của tờ báo. Nó lộ liễu và công khai quá. Nó không cần đeo mặt nạ. Tôi ngạc nhiên khi nhìn thấy tên tuổi những Nguyên Sa, Luân Hoán, Du Tử Lê, Nguyễn Tử Quý, Thảo Trường bên cạnh Ngô Kha, Ngụy Ngữ. Với cung cách lộn sòng như thế này – không phân biệt tả-ngụy – cùng đứng chung, xếp hàng. Miền Nam đang trải qua một mùa gió chướng và những cơn thử thách cuối cùng của một dòng lũ triều cường có thể cuốn trôi và phá sạch tất cả.”

Là tả khuynh, nên một số sáng tác và bài biên khảo trong đó gần như công khai chống Mỹ, chống chính quyền, chống chiến tranh. Chẳng thế mà khi viết về các tạp chí này, Nguyễn Văn Lục viết: “Ở giai đoạn chót của miền Nam, Trình Bày ngang nhiên xuất hiện, in ấn đảng hoàng, bắt chấp kiểm duyệt, bắt chấp tịch thu báo.” (...) “Ở trong tình trạng này, thật khó xếp hạng, thật khó biết ai là người quốc gia, ai là người bị cộng sản lợi dụng và ai là người cộng sản thứ thiệt? Nếu cần tố cáo thì tố cáo ai nhỉ? Ai là người anh em của ta, ai là kẻ thù?”^[11]

Sự hiện diện của những tạp chí tả khuynh này nói lên cái gì? Theo tôi, nó nói lên tính cách mở của văn học miền Nam. Chỉ có trong khung cảnh của một xã hội mở mới có thể có những sản phẩm văn hóa “ngược dòng” như thế. Về phương diện chính trị, sự hiện diện của chúng có cái gì như trái chựa, nhưng hoàn toàn tự nhiên. Tuy có chính sách kiểm duyệt, nhưng nói chung, chế độ miền Nam dành một số tự do tương đối rộng rãi, nên tiếng nói tả khuynh vẫn có chỗ đứng.^[12](Và lại, tả khuynh hiểu như một xu hướng cải cách xã hội theo hướng tiến bộ của nhân loại chẳng phải là độc quyền của riêng chỉ những người Cộng Sản hay thân Cộng). Không lạ gì, những người Cộng Sản lợi dụng chúng để lũng đoạn chính quyền quốc gia. Dù chống Mỹ hay chống chính quyền VNCH đến đâu mà không tuân phục đường lối duy nhất của đảng Cộng Sản thì cũng đều không được chấp nhận. Vì thế, sau khi Cộng Sản chiếm được chính quyền, tất cả các tạp chí nói trên đều bị đình bản và những người chủ trương cũng như một số cây bút cộng tác chẳng những không được trọng dụng, mà thậm chí có người còn bị làm khó dễ như Nguyễn Văn Trung, chủ bút tạp chí Hành Trình. Riêng về tạp chí Đối Diện thì người chủ trương là linh mục Chân Tín và người cộng tác mật thiết là giáo sư Nguyễn Ngọc Lan sau này trở thành những người bất đồng chính kiến với chế độ.

Dẫu sao, xét riêng về khía cạnh văn chương, thì sự hiện diện của các tạp chí này vẫn là nét đặc thù, nêu lên tính đa dạng trong văn học miền Nam.

2. Tính kế tục: Văn học như một dòng sông, có nguồn có ngọn, có trước có sau. Khác với văn học miền Bắc chỉ thu hẹp trong dòng văn học được họ gọi là “cách mạng”, “tiến bộ” và “yêu nước” hiểu theo cách riêng của họ, văn học miền Nam kế tục văn học truyền thống, qua văn học tiền chiến và kéo dài cho đến văn học phát triển trong vùng quốc gia thời chiến tranh. Theo một nhận xét khá xác đáng của Vương Trí Nhàn, trong lúc “Văn học miền Bắc trước năm 1975 đi theo luật riêng”, “phủ nhận những kinh nghiệm của thời tiền chiến”, “gần như cô lập”, chỉ biết có văn học Nga và Trung Hoa (mà ngay hai nước này lúc đó “cũng đứng cô lập với thế giới”), thì văn học miền Nam “có sự nối tiếp những di sản cũ” và “tiếp nhận một cách bình thường đối với ảnh hưởng nước ngoài.”^[13] Tóm lại, miền Nam bảo lưu tất cả sản phẩm văn học thuộc về mọi thời kỳ trước đó. Thử tưởng tượng: nếu không có văn học miền Nam, văn học đất nước rất cuộc sẽ chỉ thu tóm trong nền văn học xã hội chủ nghĩa đơn điệu, thì thật là một thiệt hại lớn lao cho văn học Việt Nam.

3. Tính hiện đại: Tính hiện đại biểu hiện trên hai mặt, một là, đáp ứng với những nhu cầu mới của thời đại và hai là, tiếp nhận và sử dụng các thành tựu về tư tưởng, văn hóa và văn chương của thế giới.

- Sau 1954, sau một thời gian ngắn ngủi tạm sống trong không khí văn học tiền chiến, văn học miền Nam trở nên sôi động và càng ngày càng sôi động với trào lưu đổi mới. Khởi bằng Sáng Tạo, văn chương đột ngột chuyển hướng để như hòa nhập với thời đại. Sự ra đời của Sáng Tạo, một mặt, là nỗ lực đáp ứng với nhu cầu chuyển đổi của xã hội và cuộc sống và mặt khác là một vượt thoát khỏi cái cũ, tìm ra cái mới nhằm mục đích đẩy nền văn học đi tới. Tiếp sau Sáng Tạo, văn chương miền Nam như được đà, nở bung ra với nhiều cây bút mới và những thử nghiệm mới. Đặc biệt là những cây bút trẻ. Họ đột ngột xuất hiện trên vòm trời nghệ thuật với một nhân dáng mới, một bản lĩnh mới, tự tin vào táo bạo. Văn đàn luôn luôn chuyển động và sôi động. Cái mới, cái lạ trên mọi lãnh vực văn chương hầu như luôn sẵn sàng đâu đó, chỉ chờ cơ hội là bung ra.

- Mặt khác, nhờ sự tiếp cận với các trào lưu và tư tưởng văn chương Tây Phương, văn học miền Nam được quốc tế hóa. Sự tiếp nhận ảnh hưởng của văn chương quốc tế là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự đổi mới của văn học miền Nam. Các tư tưởng triết học mới tràn vào và được thể nhập vào các sáng tác văn chương. Những bản thảo siêu hình tìm thấy không những trong các bài biên khảo mà còn tìm thấy trong thơ và trong văn. Thơ Tô Thùy Yên chẳng hạn:

Ta gắng về sâu lòng quá vắng

Truy tầm mê mỗi lý sơ nguyên

Hỡi ôi, dọc dọc thấy cam cứng

Mặt tròn trùng chưa dứt ngục nhiên

Hay các nhân vật trong truyện của Dương Nghiễm Mậu hay Duy Thanh chẳng hạn.

Các trào lưu triết học mới đã giúp các nhà văn, nhà thơ tạo nên những nhân vật mới, mới toanh so với thời kỳ trước. Chúng ta tìm thấy những nhân vật nổi loạn chống các định chế xã hội, chống lại số phận, chống lại chính mình hay những nhân vật bị ám ảnh và bị thúc đẩy bởi những động lực vô thức. Trong tác phẩm của các nhà văn nữ, ta cũng tìm thấy tính cách nổi loạn như thế, nhưng ở một chiều hướng khác: bày tỏ mình và chống lại những định kiến khắc nghiệt về thân phận phụ nữ trong xã hội Á đông. Nhân vật không chỉ là một ai đó sống trong một khung cảnh nào đó, gặp những chuyện đời éo le nào đó, mà còn là một con vật suy tưởng. Nó đặt vấn đề. Nó thao thức. Nó tra vấn về mình. Thanh Tâm Tuyền phát biểu về nhân vật tiểu thuyết như sau:

“Phân biệt một tiểu thuyết cổ điển với tiểu thuyết mới, người ta thường gán cho tiểu thuyết mới một tính chất phi lý, các nhân vật bây giờ là phi lý. Sự thật, tiểu thuyết xưa mới phi lý, vì nhân vật tiểu thuyết xưa thường sống trong một đam mê nào đó (passion). Mà đam mê là dẫn đến phi lý. Nhân vật tiểu thuyết bây giờ sáng suốt quá, ý thức quá, không còn đam mê. Người đọc gán cho chúng là phi lý vì sợ sự sáng suốt đó. (...) Tác giả nhập vào ý thức nhân vật và sống trong đó. Nhân vật thì cô đơn, khắc khoải giữa cuộc đời chưa thành hình. Nhân vật dần dần chỉ còn là hình bóng, hình bóng chỉ là tiếng nói. Thí dụ: La Chute của Camus.”^[14]

Chưa hết. Trong những truyện ngắn tiêu biểu như “Người đạp xe vào thành phố buổi sáng”, “Thành phố dốc đồi”... của Hoàng Ngọc Biên, nhân vật không những chỉ là hình bóng mà còn...biến mất. Chẳng những thế, cốt truyện cũng biến mất theo. Hoàng Ngọc Biên là nhà văn đầu tiên thử nghiệm lối viết mới của trào lưu “tân tiểu thuyết” (neuveveau roman) xuất hiện ở Pháp với những Alain Robbe-Grillet, Nathalie Sarraute, Michel Butor.

Tóm lại, những nỗ lực không ngừng của các tài năng của văn học miền Nam đã đưa văn học đất nước hòa nhập vào thời đại. Nó biến văn học thành một dòng chảy liên tục, đi tới, đi tới... Nhưng, biến cố lịch sử 1975 đã chặn đứng nó lại, phũ phàng. Tiếc thay!

III. Về nội dung:

1. Tính nhân bản: Tính nhân bản ở đây phải hiểu bằng một khái niệm rộng hơn là khái niệm về đạo đức hay tình người. Với sự giúp đỡ của những trào lưu triết học mới, nhà văn, nhà thơ có thể đi sâu hơn vào những khía cạnh ẩn dấu của con người, về mặt ý thức, tâm lý cũng như về mặt tương quan xã hội. Văn học miền Nam nói chung, trong quá trình phát triển của nó, đề cập đến con người như một hiện sinh, một thân phận chứ không chỉ như một hữu thể chính trị và cũng không chỉ như một hữu thể đạo đức, hiểu theo nghĩa cổ điển. Do đó, ngoài những tác phẩm

đề cao tình người, đề cao tình gia đình, một số tác phẩm cũng đề cập đến những ám ảnh tình dục, những ray rứt về phận người hay những vấn nạn triết lý về đời người và người đời. Chẳng hạn như diễn tả nỗi cô đơn của con người khi chỉ đối diện với chính mình trong “Một mình” của Võ Phiến; hay phân tích chi li cái “chất đàn ông” chứa đựng trong một tay đàn ông chơi gái qua cái nhìn của một gái điếm, trong “Đàn ông”, cũng của Võ Phiến; hay những dẫn vật về tình yêu và tình dục trong một số các tác phẩm của Túy Hồng. Tóm lại, là sẫm soi con người qua những tình huống và hoàn cảnh khác nhau.

Ngoài ra, trong những tác phẩm viết về chiến tranh, tác giả không đề cập đến người lính như những kẻ chỉ biết “nhắm thẳng quân thù mà bắn”. Ngược lại, hầu hết đều viết về những gian khổ của người lính và những ray rứt của họ khi phải cầm súng bắn vào những người cùng máu mủ. Dù chống Cộng, không có một tác phẩm văn chương nào kêu gào giết cho đến người Cộng Sản cuối cùng. Chẳng những thế, có tác giả như nhà thơ Trang Châu, còn kêu gọi một cuộc “chiến đấu không hận thù”:

*trong cuộc chiến hôm nay
cho tôi xin chiến đấu không hận thù
xin những vết thương bình đẳng
cho tôi đổi một trăm chiến thắng
lấy một giọt nước mắt kẻ thù.* [15]

Có thể nói, không giai đoạn nào mà văn học mang đầy đủ tính cách “người” như hai mươi năm văn học Miền Nam. Có khóc, có cười, có đau thương, có thống khổ, có vui mừng, phấn khởi, có lo âu, dằn vặt, thậm chí có dâm, có loạn. Một nền văn học thể hiện con người trong tất cả cái phức tạp của kiếp nhân sinh. Thay vì chỉ đề cập đến cái thiện, cái đẹp, người ta đề cập đến cả cái ác, cái xấu. Thay vì dùng văn chương chỉ để “tả đạo”, người ta dùng văn chương để lột trần những bề trái, những khía cạnh giấu ẩn, tăm tối, xấu xa của con người. Có người bảo đó là một nền văn nghệ viễn mơ; có người cho là một nền văn học đòi trụ. Tùy. Văn học là sản phẩm của tự do thì phê phán văn học cũng tự do. Tùy cách thưởng thức, cách đọc, cách tiếp cận. Và cũng tùy điểm dừng, tùy cách đánh giá về mặt đạo đức và cũng tùy quan điểm về văn học. “Tùy” cũng còn ở chỗ: dở và hay.

2. Tính hiện thực: Tác phẩm văn chương, dù bản chất là hư cấu, không thể thoát khỏi sự ràng buộc vào hiện thực. Phản ánh hiện thực vào tác phẩm mức độ nào tùy thuộc vào nghệ thuật của từng tác giả. Văn chương miền Nam dường như không giấu giếm điều gì. Nó hiện ra cách này hay cách khác qua những tác giả và tác phẩm khác nhau. Nói cách khác, hiện thực được phản ánh khác nhau qua từng tác giả và từng tác phẩm. Ta có thể tìm thấy những ẩn ức tâm lý trong Võ Phiến, những dẫn vật trong Dương Nghiễm Mậu thì cũng có thể tìm thấy những trang văn dịu dàng về tình yêu tuổi nhỏ của Hoàng Ngọc Tuấn. Nếu ta có thể tìm thấy khung cảnh thanh bình của một Sài Gòn vắng lửa đạn “Con đường Duy Tân cây dài bóng mát”, “uống ly chanh đường, uống môi em ngọt” thì đồng thời cũng tìm thấy dấu vết của một xã hội đang phân rã, ly tán:

*Năm đọa đầy những đêm giới nghiêm
Năm đàng đẵng những ngày tuyết thực
Năm máu chảy và năm ruột mềm
Năm bom đạn và năm bão lụt (Trần Dạ Từ)*

Hiện thực chiến tranh được diễn tả vô cùng sống động ở nhiều tác giả, nhất là các tác giả khoát áo nhà binh. Khác với hình ảnh “đường ra trận mùa này đẹp lắm” của những anh lính bộ đội, với người lính miền Nam, chiến tranh mang một hình ảnh khác: tàn khốc.

*Mùi tử khí theo khói đưa, lửa quỳện
Xác phơi mình chờ đêm xuống mang đi
Bài vọng cổ. Trời ơi! Ai cất tiếng!
Xuống cầu Xê nghe nã nuốt, lâm ly ! (Huy Văn)*

Một đoạn của Văn Lệ Thiên trích từ “Trong lớp khói màu” về cái chết của một người bạn cùng đơn vị:

“Thói thả cây súng xuống đất. Người đứng sau lưng kêu “trời”. Anh ta quăng một trái khói. Khói tỏa xanh đặc một khoảng, che khuất Khắc, cái thùng rác và phần dưới cái cây bên đường. Chúng nó lại bắn vào đám khói. Khắc được lòi vào, chỉ còn là cái xác. Nhưng cái xác đã bị thêm hai viên đạn nữa. Trên lưng Khắc đóng rõ ba lỗ máu. Người can đảm từng từng nhìn xác bạn, rồi tự vuốt mặt mình.”

Và buồn, rất buồn như ở Trần Dza Lữ:
*Chiều Mai Lộc không mưa không nắng
lửa cháy trong hồn những kẻ đi xa
này anh lính nhỏ nơi miền Bắc
giữa sương mù anh có nhận ra ta?*

Đó là ngoài chiến trường. Còn ở chốn dân dã thì sao? Đây là khung cảnh của một trường học ở vùng “xôi đậu” trong “Ngày về của bọn họ” của Y Uyên:

“Thằng học trò trường lớp vẫn co ro trước cửa văn phòng hiệu trưởng đợi Ngưỡng. Đầu nó chùm hụp một cái mũ nhà binh đã cũ. Ngưỡng không hiểu nó thiếu khôn ngoan hơn mình hay bạo dạn hơn. Ngưỡng không bao giờ vút cái vỏ Quân tiếp vụ ở trường như trước kia vẫn vút những vỏ Ruby. Chắc thằng bé lại muốn xin thôi học. Buổi nào Ngưỡng cũng võ về chúng như một thông lệ cầu nguyện: “Các em cứ gắng đi học, cuối năm thầy cho đậu hết”. Nhưng số điểm danh ngày nào cũng chạy dọc một cột dấu chữ thập. Có đũa vừa ra khỏi lớp học vừa mếu máo, luẩn quẩn bên cửa sổ nhìn vào cả buổi, có đũa Ngưỡng nghe tin bị bắt lên núi cả tháng mới thấy người nhà đến xin lại hồ sơ, có đũa nghỉ hôm trước, hôm sau gửi cho thầy một lá thư đầy lỗi chính tả hẹn ngày “giải phóng” cho thầy. Ngưỡng thay vì soạn bài đã lục trí nhớ chép lại những bản nhạc của Phạm Duy đem dạy học trò. “Ngày trở về có anh thương binh chống nạng cày bừa...”; “Từ ngày chinh chiến mùa thu...”; “Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời...”. Lúc này, chỉ còn Phạm Duy mới dạy được chúng nó. Nhưng chỉ dạy một bài ca, một câu nói về Phạm Duy, những đũa trẻ lại thấy mình tách khỏi khối Việt Nam thảm họa, thấy mình một mình lo lắng trên đường về, một mình thao thức chờ tiếng trống tựu để biết đã qua đêm. Không còn ai để cất lời than chung với nó, chỉ có từng người hoang mang lẫn trốn.”

Trong truyện, tuy không có súng đạn, nhưng đầy cả chiến tranh!

Xuất phát từ hiện thực, bây giờ đọc lại những truyện ngắn hay thơ thời đó, dù cũ và dù cảm giác khác đi – cuộc sống hiện lên vẫn rõ ràng, mồn một, sống động. Văn chương miền Nam ở đó, có quần quai, đau đớn, dằn vặt. Và cũng có cả hưởng thụ, vui chơi. Cuộc sống là thế, hiện thực là thế. Đọc lại các tác phẩm miền Nam, Vương Trí Nhàn nhận xét: “Thì bức tranh về xã hội chiến tranh như thế, tôi thấy rất nhiều trong các tác phẩm của các nhà văn miền Nam, ở phần tốt nhất của họ, ở phần họ đúng là nhà văn, thì họ đã nói lên được thực trạng xã hội, ở đây, đọc thấy rõ hơn, và có cảm tưởng như trở lại không khí của một đất nước, đã trải qua ba mươi năm quá đặc biệt.”

3. Tính bi kịch: Một trong những thuộc tính của văn chương là tính bi kịch. Không có tác phẩm văn chương nào không nói lên, đề cập đến hay xây dựng bi kịch. Nói một cách khác, phải bi kịch hóa mới thành văn chương. Sáng tạo văn chương là gì nếu không phải là sáng tạo bi kịch. Như chúng ta đều biết, những tác phẩm văn chương lớn trong văn học nhân loại bao giờ cũng chứa đựng tính chất bi kịch. Trong một xã hội bình thường thì bi kịch diễn ra nhẹ nhàng, đơn giản và do đó, tính bi kịch trong văn chương cũng diễn ra nhẹ nhàng, đơn giản. Như cái dừng dừng, buồn nản về quan hệ nam-nữ trong “Bonjour tristesse” (Buồn ơi chào mi) của Francois Sagan chẳng hạn. Trong một xã hội nhiễu nhương, bi kịch xã hội càng nhiều, càng lớn và do đó, bi kịch văn chương càng đa dạng và càng sâu sắc.

Nói bi kịch, nghe trầm trọng. Thực ra, tính bi kịch trong văn chương chẳng qua là đào xới và phân tích những mâu thuẫn, xung đột, va chạm cũng như những nghịch lý phô bày hay tiềm ẩn trong con người và trong cuộc sống. Tính bi kịch trong trào lưu văn chương đổi mới không phải chỉ là những tình cảnh éo le, gay cấn hay ngang trái đời thường mà tìm thấy ở những cái vốn chẳng có gì là gay cấn. Nhã Ca tìm thấy bi kịch ngay ở những chỗ trông ra ít bi kịch nhất: nỗi buồn thời mới lớn.

*Đời sống ôi buồn như cỏ khô
Này anh, em cũng tựa sương mù
Khi về tay nhỏ che trời rét
Nghe giá băng mòn hết tuổi thơ.*

Trong “Vòng tay học trò”, Nguyễn Thị Hoàng viết về một điều “ngang trái”: tình yêu giữa cô giáo và cậu học trò. Trong “Yêu”, Chu Tử cũng mô tả một điều “ngang trái” khác: tình yêu của “cô cháu” với “ông chú” là bạn của ba. Trong “Tôi nhìn tôi trên vách”, Túy Hồng viết về sự xung đột cá tính, địa phương, cũ-mới diễn ra trong gia đình.

Cơn khóc khởi đầu bằng những cái chớp mắt nhỏ, nỗi buồn khởi đầu bằng tiếng thờ dài âm ứot, cơn điên khởi đầu bằng những sợi thần kinh hư, tôi thẳng thốt nghĩ rằng tôi đang ở trong một cái ống, mở thoáng hai đầu trông ra cuối trời mơ ước, cuối trời kỷ niệm. Tôi trông ra và tôi thúc thủ bó tay.

Thảo rướm giọng:

“Lấy chồng đôi khi là một sự lỡ tay.” Trâm ngừng viết ngừng đầu lên khô hài:

“Lấy chồng là tự sát...” (Túy Hồng)

Túy Hồng đẩy những va chạm lật vạt, thường ngày thành bi kịch, bi kịch của cá tính và qua đó, bi kịch gia đình.

Đi sâu hơn và xa hơn, trong “Niềm đau nhức của khoảng trống”, Dương Nghiễm Mậu đề cập đến nỗi khắc khoải của một người khi bị mất đi một phần cơ thể, dù phần bị mất đi là cái bước đi cần phải cất bỏ:

“Thân thể anh còn đây, cái bước đã mất. Anh khước từ sự hiện diện vô ích của nó nên anh đã trở thành một sự không thực. Anh chẳng còn gì ngoài cái thân thể đang dần dần nhiễm độc, ung thối ra cho những sinh vật khác sinh sống. Anh là một sự không thực nằm đây – Sự quá gở bắt đầu bay hơi âm mốc. Nhưng từ đó anh biết rằng anh là gì. Anh hơn đám đông vây quanh, bởi anh ý thức được sự có anh, mọi người coi họ có mặt- nhưng là một sự có mặt hư ảo, không thấy mình.”

Dương Nghiễm Mậu đã biến một điều bình thường, thậm chí vô nghĩa, thành bi kịch; ở đây là bi kịch thân phận, bi kịch hiện sinh. Hay nói cho đúng, đây là một loại “bi kịch ý thức” vì trong truyện, “Tác giả nhập vào ý thức nhân vật và sống trong đó,” theo cách phân tích của Thanh Tâm Tuyền ở trên.

Bi kịch lớn nhất là bi kịch chiến tranh. Trong 20 năm, cuộc chiến trở thành bi kịch mẹ kéo theo vô vàn bi kịch con, tác động trên cả chiều dài lịch sử và toàn thể xã hội và đi vào từng mảnh rời của số phận cá nhân. Bi kịch hiện thực biến thành bi kịch văn chương. Khuôn mặt chiến tranh được phản ánh một cách sống động qua rất nhiều tác giả, nhất là những cây bút nhà binh: Hồ Minh Dũng, Văn Lệ Thiên, Thế Uyên, Nguyễn Vũ, Vương Thanh, Lê Bá Lăng, Luân Hoán, Nguyễn Nho Sa Mạc, Nguyễn Bắc Sơn, Mang Viên Long, Lữ Quỳnh, Kinh Dương Vương... Nhiều, rất nhiều. Hầu hết đều mô tả sự tàn phá, đau khổ gây ra bởi cuộc chiến nhưng mỗi tác giả có một cách nhìn khác nhau. Trần Hoài Thư, Lê Bá Lăng, Vương Thanh dữ dội, sống động; Y Uyên điềm tĩnh, nhưng cay đắng; Văn Lệ Thiên chùng mịch, buồn bã. Nhiều truyện ngắn về chiến tranh khá độc đáo, đọc đã lâu lắm rồi, vẫn còn đọng lại trong đầu óc, chẳng hạn như “Khu rừng mùa xuân” của Vương Thanh hay “Đường kiến” của Kinh Dương Vương. Ngoài ra, một số tác phẩm mô tả những bi kịch do sự hiện diện của quân đội nước ngoài. “Vành đai xanh”, bút ký của Ngô Thế Vinh chẳng hạn, vừa bày tỏ thái độ không Cộng Sản, lại vừa bức xúc về sự hiện diện của lính Mỹ ở đất nước.

Có lẽ truyện ngắn “Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp” của Thảo Trường biểu trưng cho cái bi kịch chiến tranh, hay nói đúng hơn, bi kịch Quốc Cộng ở mức độ đáng xem là “bi kịch” nhất.

“Thời gian này chị Tư quên đi mất hình ảnh anh Tư, vì chị Tư đã được sống lại những cảm giác khoái lạc đến hỗn độn với anh binh sĩ truyền tin và “chú” em trai cán bộ. Chị giẫy giụa trong những niềm hoan lạc tràn ngập đó. Cuối cùng, đến một hôm, cái thai trong bụng chị máy động. Cái máy động thứ nhất làm chị bàng hoàng. Chị tự hỏi “nó” là của ai? Của anh cán bộ hay anh binh sĩ truyền tin? Chị thần thờ cả người và chị muốn rời ngay cái chốn đó. Chị tự hỏi của ai? Chị

muốn biết của ai? Cái thai của ai cũng được nhưng chị phải biết chắc là của người nào. Lúc này chị lại nghĩ tới anh Tư dữ dội. Và chị Tư bỏ dở công tác bình vận. Chị trở về căn nhà xiêu vẹo ở ven bờ kinh. Chị khóc ròng vì không biết cái thai của ai.”

Của ai? Thật khó có câu trả lời rõ ràng. Mà ngay có câu trả lời, bị kịch ở đây vẫn nguyên vẹn là bị kịch. Tóm lại, bị kịch của một cuộc chiến tranh tương tàn. Của một bé tắc. Một cùng đường. Nhưng xin lưu ý: nêu lên bị kịch không phải là chấp nhận bị kịch. Ngược lại, bị kịch ở đây chính là sự thao thức, một thao thức lớn. Tuy thu tóm trong hình ảnh của một người phụ nữ, câu hỏi “của ai?” hàm chứa một thao thức về phận người, phận nước, về vận người, vận nước, về chiến tranh và hòa bình. Và về tương lai.

Người Cộng Sản không cho phép có cái “bi” trong sáng tác văn chương. Tuy nhiên, một nhà văn Cộng Sản, Hoàng Phủ Ngọc Tường, sau bao nhiêu năm chỉ biết ca ngợi những niềm vui, thú nhận: “Ba chục năm nay ta chỉ ủng hộ niềm vui, chỉ cho phép in thơ nói niềm vui. Nhưng nỗi buồn là cả một tài sản tâm hồn của con người mà ta hãy còn đóng cửa đối với nó.”^[16]

Văn học miền Nam là một nền văn học được nói lên nỗi buồn, được dựng nên bị kịch. Xoáy sâu vào bị kịch là một cách vượt qua bị kịch, theo tôi.

Phần kết

Theo thời gian, một số nhà văn, nhà phê bình văn học trong nước có cái nhìn tinh táo hơn. Xét về khía cạnh lịch sử, văn học miền Nam “là một phần không thể tách rời của văn học dân tộc,” theo Nguyễn thị Thu Trang. Cũng theo nhà nghiên cứu này, “Diễn trình văn xuôi đô thị miền Nam trong hai mươi năm không thẳng một đường, hướng tới một đích như văn học Cách mạng mà quanh co, biến hóa khác thường...”^[17] Trong tất cả những ý kiến phát biểu công khai về văn học miền Nam, theo tôi, Vương Trí Nhàn có một cái nhìn bộc trực nhất về nền văn học mà một thời bị nhà cầm quyền tìm cách tiêu diệt. Vương Trí Nhàn nhận xét: “Văn học miền Nam nối tiếp truyền thống văn học của Nguyễn Du, của Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm, của Hồ Xuân Hương, Tú Xương, mắng nói về những đau khổ của con người và sự bơ vơ, khó khăn, bất lực, không biết đi lối nào trong đời sống này và cả tính bi thương, đau đớn của con người. Mắng đó tôi thấy rõ ở Văn học miền Nam đầy đủ hơn.” Nhưng tại sao văn học miền Nam vẫn bị phân biệt đối xử? Trả lời cho câu hỏi này, nhà phê bình Vương Trí Nhàn nói thẳng: “Sở dĩ đôi lúc người ta khó công nhận Văn học miền Nam là hình như họ nghĩ như thế này: tức là nếu công nhận Văn học miền Nam thì [văn học] miền Bắc coi như là thua, là kém, là không ra gì cả, thậm chí là hỏng, là vụt đi. Tôi nghĩ “cách nghĩ chỉ có một [nền văn học] thôi” là không phải, vì như vậy sẽ gây ra nhiều rắc rối trong việc tiếp cận nhau. Tôi cho rằng chúng ta có cả hai [nền văn học], và hai bên bổ sung cho nhau. Tôi nghĩ độ một trăm năm sau, nếu muốn nhìn lại xã hội Việt Nam nửa sau thế kỷ XX, muốn hiểu con người sống như thế nào thì cần phải đọc cả hai. Nền văn học miền Bắc, tôi tạm gọi là văn học của chiến công, nền văn học lời cuốn người ta đi vào cuộc chiến tranh, còn nếu nói có những trang sách nào diễn tả được con người trong chiến tranh thì tôi thấy nó rõ trong phần văn học miền Nam.”^[18]

Tôi ghi nhận một hiện tượng khá đặc thù: sự biến mất một số các sách biên khảo phê phán một chiều văn học miền Nam trước đây. Trên mạng, hầu như không còn một bài viết nào của Trần Trọng Đăng Đàn, Lữ Phương, Phong Hiền – những tác giả một thời phê phán và lên án một cách mạnh mẽ văn chương miền Nam. Trong khi đi tìm tài liệu để viết bài thuyết trình này, tôi vào Google, gõ các nhóm chữ như “văn chương thực dân mới” hay “văn học đòi trụ, phản động... để chỉ thấy một số đường kết nối vào tên tác giả hay tên tác phẩm, nhưng không tìm thấy gì. Chúng như những ngôi nhà bỏ hoang. Tóm lại, tôi không thể tìm thấy bất cứ một bài viết nào, dù ngắn, dù dài lên quan đến “văn học thực dân mới” hay “văn học phản động” vốn là những đề tài thời danh ngày nào. Tất cả dường như đã bị rút xuống.

Nhà phê bình Thụy Khuê đưa ra những điều cụ thể hơn: “Cuốn sách của Lê Đình Kỵ được viết với chủ đích “lột trần bộ mặt của nền văn hóa Mỹ Ngụy” tương tự như trường hợp Đỗ Đức Hiểu viết cuốn “Phê phán văn học hiện sinh chủ nghĩa” (nxb Văn học Hà Nội, 1978). Điểm chung của hai cuốn sách này là trình bày, phân tích, và đả phá đối tượng giới thiệu; nhưng về sau, cả hai tác giả đều gạt chúng ra khỏi danh sách những tác phẩm của mình. Trong câu chuyện riêng với

chúng tôi năm 1993, nhà phê bình Đỗ Đức Hiểu không muốn nhắc đến cuốn “Phê phán văn học hiện sinh chủ nghĩa”. Nhà nghiên cứu Lê Đình Kỵ cũng không đưa cuốn “Nhìn lại tư tưởng văn nghệ thời Mỹ Ngụy” vào phần tác phẩm đã in của mình, trong các bộ “Nhà văn Việt Nam hiện đại” và “Từ điển văn học”. Có thể nói đó là một sự từ chối tác phẩm rất đặc biệt, không do lệnh trên mà phát xuất tự lương tâm người trí thức.”^[19]

Nhìn chung, văn học miền Nam tồn tại, hiện hữu và phát triển theo một quy cách chẳng khác gì văn học ở những quốc gia tiên tiến trên thế giới. Đó là một nền văn học chứa đựng rất nhiều cái “có”: có bi, có hài, có tả, có hữu, có cổ điển, có hiện đại, có giải trí, có nhận thức, có cao, có thấp, có cá nhân, có xã hội, có truyền thống, có quốc tế. Cũng như mọi nền văn học khác, nó có mặt tích cực, có mặt tiêu cực. Dù phải sống trong chiến tranh, phải chiến đấu để bảo vệ phần đất tự do, văn học miền Nam phát triển. Đó là một nền văn học không kêu gọi căm thù, không kêu gọi bạo động. Nền văn học miền Nam, vì tính chân thực của nó, không cần, không có gì phải đặt lại. Nó là thế. Nó không thể khác.

Nếu văn học miền Bắc là đơn nhất, là một khối, một tảng và là một công cụ hữu hiệu bảo vệ chế độ thì ngược lại, văn học miền Nam là một thứ kính vạn hoa. Nó soi rọi từng chân dung, từng góc ngách của cuộc sống, của từng số phận, từng hoàn cảnh. Do đó, nó không – hoặc khó – trở thành công cụ của nhà cầm quyền; không những thế, trong rất nhiều trường hợp, lại là một đối trọng với nhà cầm quyền. Cũng như giòng sông, nó chảy; cũng như cánh rừng, nó mọc, nó ra lá, nó nở hoa. Đó là một nền văn học mà sau lưng không có nghị quyết và trước mặt không có kẻ thù. Nó tự nhiên như nhiên. Như một con chim thả bay ngoài trời hay những bông hoa nở ngoài đồng nội.

Có lẽ không ai trong chúng ta không khỏi cảm thấy ngậm ngùi khi cho rằng miền Nam đã thất bại một phần chỉ vì đã sản sinh và thủ đắc một nền văn học phong phú và đa dạng như thế. Nhưng mặt khác, nhờ thế mà hôm nay, dù bị trù dập cách này hay cách khác, nó vẫn cứ tồn tại. Tồn tại bởi từ chính nội lực của nó, chứ không bởi một ngoại lực nào. Nhờ vào đâu? Dạ thưa, nhờ vào “tính văn học”. Nó văn học nên nó dính liền với cuộc sống. Hay nói cách khác, vì dính liền với đời sống nên nó là văn học. Nó văn học nên nó tồn tại. Và phải tồn tại.

Xin được kết luận: Văn học miền Nam là văn học Việt Nam. Vì nó không những phát triển theo chiều hướng riêng của nó, mà còn bảo lưu văn học cổ điển, văn học tiền chiến, những tác phẩm văn học khác trước 1954 cũng như các tác phẩm của Nhân Văn Giai Phẩm!

Có quý vị ngờ rằng tôi nói quá. Một cách nói thậm xưng. Không. Chỉ xin vận dụng một chút tưởng tượng, một chút thôi: giả sử như bây giờ đột nhiên văn học miền Nam biến mất, tất cả đều bốc thành khói bay vào hư không, thì sự nghiên cứu văn học Việt Nam nói chung sẽ gặp khó khăn như thế nào.

Xin cảm ơn quý vị.

(12/2014)

Ghi Chú:

[1] Văn học các đô thị miền Nam (1954–1975), tên gọi một giáo trình về khoa ngữ văn, Đại học Đà Lạt

[2] Đại phàm vật bất đắc kỳ bình tắc minh, thảo mộc chi vô thanh, phong nhiểu chi minh, thủy chi vô thanh, phong đặng chi minh...(Đại phàm vật nào cũng vậy, không được bình yên thì kêu. Cỏ cây vốn không có âm thanh, gió thổi mới kêu; nước kia không có âm thanh, gió xô nên kêu...) Hàn Dũ (đời Đường) Tống Mạnh Đông Dã tự. (Trích từ Khâu Chấn Thanh/Lý luận văn học nghệ thuật cổ điển Trung Quốc. NXB Văn Học, 1992, Mai Xuân Hải dịch.)

[3] Trích *Nhật Ký Hành Quân*, Trần Hoài Thư, Văn số 114, tháng 9 năm 1968

[4] Jean-Paul Sartre, *Qu'est ce que la littérature?*, Éditions Gallimard, Paris, 1948, tr. 111, 112. “La littérature (...) est le mouvement par lequel, à chaque instant, l'homme se libère de l'histoire : en un mot, c'est l'exercice de la liberté.” Bản điện tử:

http://disciplinas.stoa.usp.br/pluginfile.php/67143/mod_resource/content/1/Sartre%20-%20Quest-ce%20que%20la%20litterature.pdf

[5] Nguyễn Khải, *Đi tìm cái tôi đã mất*, tùy bút chính trị. Có thể xem ở: http://www.viet-studies.info/NguyenKhai_DiTimCaiToiDaMat.htm

[6] Dẫn theo Nguyễn Hưng Quốc, *Văn học Việt Nam dưới chế độ Cộng Sản 1954-1990*, nxb Văn Nghệ, California, 1996, NHQ, tr. 50,51.

[7] Jean-Paul Sartre, sđd, tr. 30.

[8] Xin ghi lại đây một nhận xét của Nguyễn Thị Thu Trang: “Đi qua những thành kiến cực đoan cá nhân, những xung đột về chính trị, những cuộc tranh luận sôi nổi về vấn đề truyền thống và hiện đại, những biến hóa nhiều chiều của văn chương đương thời..., tác phẩm của nhiều nhà văn như Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Võ Hồng, Trang Thế Hy, Nguyễn Văn Xuân, Minh Quân... viết ở thập niên 50, 60 trong lòng đô thị miền Nam vẫn còn được nhiều người yêu thích. Điểm chung nhất và là chỗ dựa vững bền của nó là hướng đến những giá trị văn hóa dân tộc, là bản sắc văn hóa mỗi vùng miền và tình yêu quê hương chân thành, tha thiết. Họ làm thành một dòng chảy riêng, không tách biệt nhưng cũng không nhập cuộc vào những trào lưu khác vẫn thường được coi là thịnh hành đương thời như "hiện sinh", "phân tâm", "ý thức"... Từ tác phẩm của những nhà văn có kiểu viết rất "truyền thống" và "cổ điển" này, người đọc có thể nhìn thấy bức tranh đa dạng của văn hóa miền Nam những năm trước 1975, những sự kiện làm đổi thay đời sống văn hóa, đặc biệt là đời sống tinh thần của người dân.” (*Vài nét về văn xuôi đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975*/Tạp chí Nghiên cứu văn học số 5/2007- vienvanhoc.org.vn)

[9] Trần Thiện Đạo, *Chúng tôi tạp chí Văn trong lòng độc giả*, Văn chương Việt. Xem ở: <http://www.vanchuongviet.org/index.php?comp=tacpham&action=detail&id=15139>

[10] Nguyễn Hiến Lê, *Đời viết văn của tôi*, nxb Văn Nghệ, Cali 1986, trang 143.

[11] Nguyễn Văn Lục, *Diện mạo văn hóa, văn học miền Nam trong những tình thế cực đoan lại là nơi hội tụ của bốn dòng chảy văn hóa-văn học*, Đàn Chim Việt, 3/11/2013. Xem ở: <http://www.danchimviet.info/archives/81032/dien-mao-van-hoa-van-hoc-mien-nam-trong-nhung-tinh-the-cuc-doan-lai-la-noi-hoi-tu-cua-bon-dong-chay-van-hoa-van-hoc-ket/2013/11>

[12] Theo Nguyễn Văn Trung, dưới chế độ VNCH, “Báo thì không phải kiểm duyệt nhưng có thể bị tịch thu đưa ra tòa. Trong khuôn khổ chính sách hạn chế tự do chính trị như vậy, nếu không xuất bản công khai, hợp pháp, vẫn có thể in ronéo, phổ biến, bày bán ngay cả trên các sạp báo và có thể bị tịch thu... Người cầm bút viết những điều cấm kỵ, phê phán chính sách này, chính sách kia của nhà nước, thậm chí họp nhau viết kháng thư phản đối, đăng trên báo mà không lo ngại về an ninh chính trị của bản thân gia đình bạn bè. Nói cách khác, viết phê phán mà không sợ nhà nước.” (Trích từ *Hướng về Miền Nam Việt Nam*, Khởi Hành số 92, tháng 6/2004). Dẫn theo Thụy Khuê, *Văn Học miền Nam 1954-1975*. Xem ở: <http://vanviet.info/van-hoc-mien-nam/van-hoc-mien-nam/>

[13] Vương Trí Nhàn, *Văn học miền Nam trong cách nhìn của Vương Trí Nhàn hôm nay*, phòng vấn của Thụy Khuê. Blog Vương Trí Nhàn. Xem ở:

<http://vuongtrinhan.blogspot.com/2009/04/van-hoc-mien-nam-54-75-trong-cach-nhin.html>

[14] Nxb Sáng Tạo, Tủ sách Ý Thức, 95B Gia Long, Sài Gòn. Bìa của Duy Thanh. Ấn vụ Lam Giang Ấn Quán Sài Gòn. Bản quyền của nhà xuất bản Sáng Tạo, Sài Gòn, 1965.

Xem ở: <http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9064&rb=08>

[15] Trang Châu, *Bên bờ Kinh Sáng 17-2-67*, trong tập “*Dấu vết chiến tranh*”

[16] Hoàng Phủ Ngọc Tường, Tạp chí “*Văn Nghệ*” số tháng 12/1988. Dẫn theo Nguyễn Hưng Quốc, sđd, tr. 251.

[17] Nguyễn Thị Thu Trang, bài đã dẫn.

[18] Vương Trí Nhàn, bđd.

[19] Thụy Khuê, *Văn Học miền Nam 1954-1975*. Xem ở: <http://vanviet.info/van-hoc-mien-nam/van-hoc-mien-nam/>

Trò chuyện cùng Trần Hoài Thư về thư ấn quán & thư quán bản thảo



Tôi quen với Trần Hoài Thư từ trước năm 1975. Trước hết, đọc nhau qua tờ Văn, Bách Khoa. Sau, gặp nhau ở Huế đôi lần, khi anh về phép. Cà phê, cà pháo, đấu láo chuyện nước chuyện nhà, chuyện văn nghệ văn gừng linh tinh. Rồi anh ra đi, trở lại chiến trường máu lửa. Còn tôi vẫn ở thành phố học hành, rong chơi. Văn chương của anh là văn chương của chiến trận, của con người nằm giữa cái chết và cái sống. Văn chương tôi là văn chương thành phố, văn chương của một người suy gẫm...chuyện đời.



(từ trái sang phải): Phạm Ngọc Lữ, Trần Hoài Thư, Nguyễn Lệ Uyên, Phạm Văn Nhân.
(nguồn: phụ bản trong tuyển thơ *Ở CỬA* của Trần Hoài Thư – Thư Ấn Quán 2004)

Hai mươi mấy năm sau, chúng tôi gặp nhau lại tại Mỹ. Nhiều lần, qua các sinh hoạt văn chương. Thỉnh thoảng, anh ghé nhà tôi chơi. Tôi cũng đôi lần ghé thăm anh, ở một nơi khá yên tĩnh của thành phố Plainfield, tiểu bang New Jersey. Nhà chỉ có hai vợ chồng. Hiện nay, cả hai anh chị đều đã về hưu. Ngoài những sinh hoạt bình thường hàng ngày và chăm sóc hai đứa cháu nội, anh, với sự tiếp tay vô cùng nhiệt tình của chị, đều dành hết thì giờ để lo chuyện văn chương.

Khác với nhiều người khác, ngoài chuyện góp mặt bằng những sáng tác mới, anh dành hết thời gian, cặm cụi làm một công việc mà không ít người cho là ... vô ích và lỗi thời: lục tìm, in lại những tác phẩm đã xuất hiện ở miền Nam trước năm 1975. Bất chấp những lời đàm tiếu, anh vẫn ... đường ta ta cứ đi. Kết quả là cho đến nay, anh đã xuất bản được:

- Bộ Văn miền Nam (4 tập, tổng cộng 2200 trang)
- Bộ Thơ miền Nam (5 tập, tổng cộng khoảng 3000 trang) gồm: *Thơ miền Nam thời chiến* (tập I & II), *Thơ tình miền Nam*, *Lục bát miền Nam*, *Thơ tự do miền Nam*.
- *Chiến tranh Việt Nam & Tôi* (thơ Nguyễn Bắc Sơn)
- *Thơ Vũ Hữu Định toàn tập*
- *Kỷ vật cho em* (thơ Linh Phương)
- *Túy ca* (thơ Hoàng Hương Trang)
- Bốn tập thơ của Hoài Khanh
- *Những tháng năm cuồng nộ* (truyện dài của Khuất Đầu)
- *Tuyển truyện Sáng Tạo*
- *Văn các số 121, 132, và số chủ đề Thanh Tâm Tuyền*.
- *Tuyển truyện Một Thời Ý Thức*
- *Cúi mặt* (truyện dài của Bùi Đăng, do Thái Phương xuất bản năm 1969)
- *Đốt tuổi* (thơ Phan Nhự Thức)
- *Điệp khúc tình yêu & trái phá* (thơ Kiệt Tấn)
- *Tuyển truyện Y Uyên*
- *Lẻo đẻo một phương qui* (thơ Từ Thế Mộng)
- *Đan tâm* (thơ Phạm Ngọc Lư)
- *Vũ trụ thơ I & II* (tiểu luận của Đặng Tiến)

và:

- Tạp chí Thư Quán Bản Thảo. Tạp chí ra 2 tháng ra một số, hiện nay đã vào năm thứ 10. Số mới nhất là 41 phát hành tháng 2-2010, có chủ đề liên quan đến di sản văn chương miền Nam. Theo tôi, đó là một công trình lớn, nếu không nói là lớn nhất, ở Hải Ngoại về mặt bảo tồn một nền văn học đã bị bức tử.

*

Nhân một buổi gặp gỡ bạn bè đầu năm Canh Dần, hai chúng tôi trò chuyện với nhau về công việc làm đầy ý nghĩa của anh trong thời gian qua. Xin ghi lại để chia sẻ cùng bạn đọc.

Trần Doãn Nho (TDN): Ta hãy bắt đầu bằng cái tên. Theo tôi biết, hiện có hai cái tên, một là Thư Quán Bản Thảo (TQBT) và một là Thư Ấn Quán (TAQ). Đó là hai cách gọi của cùng một công việc hay là để chỉ hai việc khác nhau?

Trần Hoài Thư (THT): Hai tên để chỉ hai công việc khác nhau, anh à. Chúng tôi có hai cơ sở. Một là Thư Quán Bản Thảo, tạp chí văn học nghệ thuật. Và một là Thư Ấn Quán, cơ sở xuất bản. Thư Quán Bản Thảo là một tạp chí. Số 1 được thực hiện xong vào tháng 10-2000, dày khoảng 100 trang. Ban chủ trương gồm 4 người, mà ba người đều tuổi ngựa (sinh năm 1942). Khi báo chuẩn bị gửi thì biến cố 9/11 xảy ra. Tôi phải tháo bìa làm lại, thêm trang phụ bản về hai tòa nhà "TWIN TOWERS" đang ngùn ngụt trong lửa khói. Thư Quán Bản Thảo số ra mắt, như thế, mang một dấu ấn lịch sử rất đặc biệt. Từ 100 trang cho số 1,2, tăng lên 200 trang cho số 3, và số mới nhất (41): 255 trang !

TDN: Anh là một trong bốn người. Vậy ba người kia là ai, thưa anh?

THT: Phạm Văn Nhân, Trần Bang Thạch và Cao Vị Khanh.

TDN: Tại sao lại là Thư Quán/Bản Thảo?

THT: Bây giờ, không giấu gì anh. "Bản thảo" tôi lấy từ Ý Thức Bản Thảo, tên một tạp chí bất định kỳ trong nước ra một năm một số, mục đích là phổ biến văn chương nghệ thuật rất hạn chế trong

vòng anh em thân hữu từng cộng tác với tạp chí Ý Thức trước 1975. Nó nói lên một điều: những người cầm bút trẻ thời trước 1975, vẫn tiếp tục viết, vẫn còn say mê với chữ nghĩa. Tôi đã tìm qua hai chữ Bản Thảo một ý nghĩa bi tráng hơn: *văn chương bộ lạc*. Và tôi đã dùng tiếng “bản thảo” này như một sự cảm thông, chia sẻ với anh em cầm bút trong nước. Còn Thư Quán thì anh chắc hiểu rồi. Thư là tên tôi. Vậy thôi.

TDN: Văn chương bộ lạc! Nghe ngồ ngộ. Anh nói rõ hơn ý nghĩa của cụm từ này được không?

THT: Anh hãy nghĩ đến một nhóm người mất hết ruộng bản, đất diu nhau giữa một thế giới không thuộc về của họ. Ở Mỹ chúng ta vẫn hằng nghe về bộ lạc da đỏ. Họ tụ tập với nhau, nhảy múa và hát những bài hát cổ truyền quanh lửa trại. Ở đây, không phải nhảy múa mà là sáng tác, văn chương...

TDN: Thì ra thế. Vậy ta có thể nói, anh thành lập Thư Quán Bản Thảo và Thư Ấn Quán là để cho cái bộ lạc thời đại này khỏi bị tiêu diệt, đúng không? Bằng cách in lại những tác phẩm cũ trước 1975, mà anh gọi là “Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam.”

THT: Đúng mà không đúng, anh à. Tạp chí Thư Quán Bản Thảo không nhất thiết chủ trương sưu tập để đăng lại những tác phẩm của các tác giả cũ. Với khoảng 230 trang, chúng tôi thường dành 100 trang cho một chủ đề nào đó. Ví dụ chủ đề Nguyễn Bắc Sơn (số 20), Nguyễn Nho Sa Mạc (số 26), Hoài Khanh (24), Phan Nhựt Thức (số 27), Từ Thế Mộng (số 29), Lê văn Trung (số 34) hay Vũ Hữu Định, Trần Dạ Lý, “Thơ văn khói lửa” hay Y Uyên v v... Phần còn lại dành cho những bài vở mới sáng tác do thân hữu gửi về đóng góp. Tạp chí dự trù ba tháng ra một số, nhưng vì sự đón nhận cũng như lòng thương mến của người đọc quá nồng nhiệt nên đổi thành hai tháng. Sau gần hai năm, vì điều kiện sức khỏe không cho phép, nên đổi thành tạp chí bất định kỳ. Chỉ một mình tôi lo từ A-Z nên cho dù muốn duy trì liên tục, cũng không được anh à. Ngoài phần chủ đề, tạp chí cũng có những ấn bản đặc biệt gồm những tác phẩm sưu tầm nhằm giúp người đọc có cái nhìn toàn bộ về sự nghiệp của tác giả. Ví dụ chủ đề Hoài Khanh, tôi in thêm 3 tập thơ của ông trước 75 làm phụ bản : 1) *Thân phận* 2) *Lục bát* 3) *Gió bắc, trẻ nhỏ, đóa hồng và đế* để tặng độc giả khi có yêu cầu.

Riêng cơ sở Thư Ấn Quán không nhất thiết xuất bản sách trong Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam. Chúng tôi còn xuất bản những tác phẩm mới của bạn bè ở trong nước, những người không có điều kiện để xuất bản. Chúng tôi thay mặt họ tặng biếu độc giả Thư Quán Bản Thảo và thân hữu của tác giả. Ngoài ra chúng tôi tìm cách chuyển về họ chừng 5, 10 tập để làm quà.

TDN: Như thế thì, Thư Quán Bản Thảo theo đúng chủ trương “chỉ biếu, không bán”, theo như lời giới thiệu? Mà nếu không bán, thì anh có nguồn tài trợ nào không?

THT: Mọi việc đều miễn phí. (Cười) Cứ hy sinh đừng đi du lịch bằng *cruise* sẽ có đủ tiền in hai tác phẩm cho bạn bè. Dễ lắm mà! Nói đùa với anh cho vui.

Đúng như anh nói, tạp chí Thư Quán Bản Thảo và hầu hết các tác phẩm do Thư Ấn Quán xuất bản đều được rao: “Chỉ tặng khi có yêu cầu”. Có nghĩa là chúng tôi chỉ gửi đến quý vị nào muốn đọc, chứ không tặng bừa bãi. Đổi lại, họ cho chúng tôi tấm lòng ưu ái ân cần. Chính cái tình giữa người đọc và tác giả mới quan trọng. Có những người đọc ở Mỹ về nước, tìm đến tác giả mà thăm hỏi. Khi bão lụt, những người đọc hỏi thăm qua chúng tôi về tình trạng người viết trong nước ra sao. Họ giúp người cầm bút cũ miền Nam trong nước hiểu được là họ không bị bỏ rơi, sáng tác của họ vẫn được đón nhận ở hải ngoại.

Tôi kể ra đây một trường hợp để nói lên cái tình sâu đậm này. Một người cựu sĩ quan nhảy dù gửi thư đến chúng tôi cần tìm tác giả bài “*Biên cương hành*” là nhà thơ Phạm Ngọc Lư để tỏ lòng cảm ơn, vì năm 1972, khi anh bị thương trên đồi Thường Đức ở Quảng Nam, trong lúc chờ trực thăng tới bốc, anh đã đọc bài thơ này trên Văn, và có ý nghĩ viết thư tỏ lòng cảm ơn sau khi về hậu cứ vì bài thơ đã diễn tả đúng với tâm trạng anh lúc ấy. Giờ đây, được đọc lại trên TQBT, anh muốn nhờ chúng tôi tạo dịp cầu.

Và mới đây, hôm 11 tháng 3/2010, thêm một người đọc nữa hỏi thăm về nhà thơ Lê Văn Trung. Anh ấy kể đã thuộc những câu thơ của Lê Văn Trung trong tù và mang trong tâm trí đến bây giờ. Nói tóm lại, TQBT ít ra cũng là một mái nhà còn lại cho anh em cầm bút cũ tìm đến, nương tựa, gìn giữ nhau.

Riêng câu hỏi: Nguồn tài trợ ở đâu? Xin trả lời: người đọc. Họ tiếp trợ tạp chí qua tem thư hay những món quà lì xì vô điều kiện. Và nhất là chúng tôi có thể in số lượng tùy theo nhu cầu của người đọc từ phương pháp "*Print-On-Demand*" (In theo yêu cầu), cộng thêm cái nhà in mà tôi tự lập, từ những *program* mà tôi tự viết, với những sáng kiến mà tôi tự nghĩ hầu in ấn được mau chóng, tự động hóa. Đó là lối đánh giặc nhà nghèo anh à.

Nói thì nói thế, chúng tôi cũng có bán. Các sách bán là các bộ sách dày, in ấn rất tốn kém, lại đòi hỏi công sức rất nhiều như bộ Văn Miền Nam, bộ Thơ Miền Nam. À quên nữa, có một cuốn rao bán là "Tuyển truyện Y Uyên", mục đích để lấy tiền làm quỹ cho việc tu bổ tượng đồng nhà văn Y Uyên. Khi số tiền ấn định đã đạt, chúng tôi ngưng bán ngay.

TDN: Anh cho biết qua cách làm việc của anh trong việc in ấn và phát hành.

THT: Sau mười năm kinh nghiệm, tôi đã thu thập hiểu biết khá nhiều trong lãnh vực in ấn. Về keo, về giấy, về bìa, về cách dàn trang (*layout*), về nhu liệu (*software*) nào nên dùng hay không nên dùng, về những cơ phận của máy in... Tất cả đều tự học qua biết bao nhiêu lần thất bại. May mắn tôi có ít nhiều kinh nghiệm về điện toán nên áp dụng nó tối đa trong việc in ấn. Giờ đây, nếu anh đưa tôi một CD hay gởi tôi một hồ sơ (*file*), thì bảo đảm chỉ hai giờ sau là anh có tối thiểu bốn tập đảng hoàng (từ khi bắt đầu dàn trang, trình bày bìa, in trang ruột, đóng và cắt). Tất cả đều có khuôn mẫu (*template*) sẵn. Sau đó, tôi gởi sách tặng, hay rao trên trang mạng Thư Quán Bản Thảo. Vì không đặt nặng lợi nhuận nên không bận tâm mấy đến việc phát hành. Ai thích, hỏi, thì tôi in. Có sẵn trong máy. Chỉ việc bấm nút rồi chờ 10 phút là xong ngay. Vậy thôi. Bà xã tôi hay đùa với bạn: Anh Thư nhà tôi "lấy công làm lỗ"!

TDN: Không lỗ đâu, mà còn lời nữa. Lời tình bạn, lời văn chương.

Bây giờ hãy trở lại chuyện in ấn. Như vậy, để tự làm, anh phải sắm một cái máy in, đúng không? Anh dùng loại máy in gì? Nếu là "bí mật nghề nghiệp" thì...

THT: Chẳng có bí mật nghề nghiệp gì ở đây hết. Hiện tại tôi có 4 máy in loại HP 5SI để in trang ruột. Loại máy in này là loại máy in dùng trong văn phòng khác với loại máy in trong xưởng. Nó rất phổ thông cách đây chừng 10 năm, vận tốc 24 trang/ một phút. Có thể in *duplex* (hai mặt). Bây giờ nó đã lỗi thời. Kỹ thuật đã chế các loại máy có thể in trên 100 trang /một phút. Vì lỗi thời nên nó được bán rất rẻ. Trên trang mạng Ebay, tôi mua khoảng 100 đô la một máy, cộng thêm cước phí chuyên chở khoảng 100 đô la nữa. Sau đó tháo ra, tha từng cơ phận xuống dưới tầng hầm rồi lắp lại. Anh nghĩ xem, mỗi cái máy nặng hơn trăm *pounds*, tức là cả 50 ki-lô, làm sao mà khiêng, trong khi tôi một thân một bóng, chẳng có ai tiếp trợ và nhất là với cái thân hình "kinh tế mới" của tôi! Phải dùng trí óc anh à.

Riêng máy in màu để làm bìa, tôi đã thử rất nhiều loại máy, và tốn tiền khá nhiều cho mực màu *laser*. Cuối cùng tôi chọn máy HP CP1215. Rẻ lắm. Nhưng mực bột rất mắc. Chính vì thế, tôi mới mua những "chip" *made in china*, khoảng 2 đô la để dùng lại (*refill*). Đúng là Cộng Sản chơi tư bản. Công ty Mỹ muốn ăn tiền ở việc bán mực bột *laser*, nên làm "tiêu nhanh", "tiêu lẹ" mực, còn Cộng Sản Tàu thì chế loại *chip* mới thế vào *chip*cũ, ta cứ tha hồ mặc sức in!

Ngoài máy in ra, còn những kỹ thuật khác cũng rất quan trọng không kém. Ví dụ: *nhu liệu* (*software*) chạy máy in loại HP thì khác với máy in loại Dell. Ví dụ: vì không dùng dây nối (*wireless*), đôi khi các dữ liệu (*data*) bị nghẽn, ngừng một lúc rồi in lại, do đó trang in cũng bị hỏng. Nhất là tôi có sáng kiến dùng loại giấy dán tường (*wallpaper*) để thế *bookcloth* (vải bọc dán bìa cứng) vì giấy dán tường là loại giấy không thấm nước. Hơn nữa nó đã là một tác phẩm nghệ thuật để ta khỏi mất công nhờ họa sĩ vẽ tranh bìa. Có điều, làm sao để in khổ lớn (khổ tabloid, 11×17) bằng một loại máy in nhỏ hơn (khổ 8.5×11) trong khi một mặt là keo khi chạy qua máy in rất dễ bị cuốn vào trục? Tôi đã nghĩ đến nát óc mới tìm ra cách. Tôi cũng mua nhiều sách

về *bookbinding* (đóng sách) để học hỏi. Nhưng thú thật sách chỉ giúp về phương diện tiêu khiển thì giờ chứ không phải cho một mạng lưới (network) nhiều máy in, không dây nối (wireless), phải kiểm soát chặt chẽ dữ liệu (data) vì có khi chúng bị tắt nghẽn trên đường đến máy in đặt ở xa. Với hệ thống 4 máy in này, tôi có thể in được chừng 50 tập (mỗi tập 200 trang) mỗi ngày. Tuy nhiên cái quan trọng nhất là đóng, dán, cắt. Tôi phải tự làm từng tập. Hơi keo bốc nồng nặc, thêm cái máy cắt cỡ cỡ cỡ. Rồi bìa phải xếp (folding) trước khi dán vào gáy sách. Riêng Bộ Thơ Miền Nam thì vất vả bội phần. Anh có tin là trong những chuyến đi xa, nhà tôi làm tài xế và tôi ngồi ở băng sau, khâu những tập dày gần cả ngàn trang không? Nhiều khi tôi ao ước được trúng số để có tiền in bên Hồng Kông. Nhưng vì không thể đợi trúng số, nên đành phải gắng làm. Vì nếu mình không làm thì ai làm. Nghĩ lại, tôi không hiểu tại sao mình có thể chịu đựng được...

TDN: Chỉ trong vòng có mấy năm mà thực hiện hai bộ Thơ và Văn hàng ngàn trang, từ sưu tầm đến đánh máy, dò đọc chính tả, dàn trang, làm bìa, rồi in, đóng, dán, cắt... và mang ra bưu điện! Khiếp thật!

THT: Hai năm và tổng cộng gần 5000 trang, anh à.

TDN: Đó là chuyện in ấn. Còn chuyện sưu tầm, tìm kiếm lại tác phẩm của những tác giả trước 1975, và một số tác phẩm sau này của các tác giả còn ở trong nước, anh phải làm sao?

THT: Những tác phẩm trong tủ sách Di Sản Văn Chương Miền Nam phần lớn là chúng tôi sưu tầm, và tác giả không còn giữ. Trước khi in, chúng tôi cố gắng liên lạc với tác giả hoặc thân nhân tác giả. Có người đồng ý, có người không. Ví dụ chúng tôi đã có dự án sưu tầm thơ Nguyễn Tất Nhiên sau khi hoàn tất dự án sưu tầm thơ Vũ Hữu Định nhưng cuối cùng không thể thực hiện được, mặc dù tôi có sưu tập thêm một số bài thơ thất lạc của ông. Cũng như muốn tái bản tập thơ *Mất cổ* của Hoài Lữ, nhà thơ đã tử trận ở Bình Chánh vào năm 20 tuổi, nhưng niềm mong ước cũng không thành.

Tưởng cũng cần nói với anh là những tác phẩm in lại này chúng tôi đều không bán, in để tặng, hoặc cố tìm cách chuyển về nước để người nhà có dịp để trên bàn thờ trong ngày giỗ kỵ, ví dụ thi phẩm *Vàng lạnh* của Nguyễn Nho Sa Mạc hay tác phẩm *Tuyển truyện thời chiến* của Y Uyên.

Còn những sách sau 1975, đối với anh em trong nước, không có phương tiện, tôi in giúp, thay mặt họ tặng thân hữu ở hải ngoại. Tính đến nay, tôi đã in 20 tác phẩm như vậy.

Riêng đối với Bộ Văn/Thơ Miền Nam, chúng tôi bán vì quá tốn công, tốn sức. Sách nào cũng gần 800 trang. Tôi chỉ chú trọng vào sáng tác đăng trên các tạp chí thay vì tác phẩm của tác giả. Tôi muốn đưa người đọc có cái nhìn thực tế hơn về vai trò của các tạp chí văn học miền Nam trong việc bồi dưỡng nền văn chương thời chiến. Tôi nghĩ vai trò của tạp chí cũng quan trọng lắm chứ.

TDN: Như thế là anh khác với Talawas. Talawas đã đưa lên mạng khác nhiều tác phẩm của văn chương miền Nam trước 1975, tất cả đều là sách.

THT: Đúng thế. Anh hẳn biết, thời chúng ta, những người mang bộ đồng phục lính như tôi, phải viết văn làm thơ trong những điều kiện khó khăn nghiệt ngã, luôn luôn ở ngoài tiền tuyến. Khi nào được về một thị trấn quận lỵ mà nhìn cô hàng quán là hạnh phúc rồi, hướng chi là được về ngồi ở quán Kim Sơn, La Pagode của Sài Gòn. Tiền đâu, phương tiện đâu, ai quen biết để thay mặt mình mà xuất bản sách? Trường hợp bản thân tôi, tập truyện đầu tay "*Nỗi bơ vơ của bầy ngựa hoang*" do Ý Thức xuất bản, tôi phải lấy địa chỉ ở hậu cứ của đại đội 405 thám kích sư đoàn 22 Bộ binh!

Hơn nữa, không phải nhìn vào số lượng tác phẩm hay bài vở đăng báo mà đánh giá. Có tác giả chỉ xuất hiện một hay hai bài, nhưng để đời. Đó là trường hợp của Chinh Ba với truyện ngắn "*Bài thơ trên chiếc xương cụt*" đã đi trên Da Màu cách đây vài tháng. Có tác giả gởi bài thơ khóc bạn mình tử trận ở Pleime chưa kịp thấy bài thơ đăng trên báo, thì đã theo bạn về bên kia thế giới! Đó là nhà thơ Phan Huy Mộng với bài "*Người chết ở Pleime*" trên tạp chí Văn. Làm việc này chúng tôi muốn trả lại danh dự cho họ, không thể để họ bị chìm trong quên lãng trong khi tên họ xứng đáng được để ở ngoài bìa tạp chí!

TDN: Anh sưu tầm và chọn lựa bài vở và tác giả theo tiêu chuẩn nào? Làm sao tìm và tìm ở đâu?

THT: Đây không phải là cuộc tuyển chọn theo đúng ý nghĩa của nó. Đây chỉ là sưu tập những sáng tác có nguy cơ bị mai một trên các tạp chí văn học miền Nam, như chủ trương của chúng tôi: phục hồi nền di sản văn chương miền Nam. Còn việc tuyển chọn, thì ít ra, các sáng tác trên cũng hơn một lần được sàng lọc từ những ban tuyển đọc, hay các vị chủ bút đầy kinh nghiệm. Chúng tôi chỉ đọc lại thêm một lần nữa.

Còn câu hỏi làm sao mà tìm được? Xin thưa trước khi thực hiện dự án, tôi gửi điện thư đến nhiều bạn hữu, nhờ họ giúp đóng góp tài liệu, và nếu có thể cho chúng tôi biết những tác giả xứng đáng. Một "bồ" thư viện sống là nhà thơ Thành Tôn. Anh đã giúp chúng tôi rất nhiều trong việc đề nghị, giới thiệu, và đóng góp bài vở. Ít khi thấy một người lại có một tầm hiểu biết về văn học miền Nam như thế. Ngoài ra còn có một vài bạn ở trong nước nữa. Họ giới thiệu giùm chúng tôi qua những tạp chí mà họ lưu giữ. Hoặc đề nghị những tên tuổi mà họ đã mang dấu ấn trong tâm trí để chúng tôi sưu tầm. Cuối cùng là nguồn thư viện.

Hễ rảnh là tôi lái xe đến thư viện. Mưa, nắng tuyết giá gì cũng đi. Thư viện đây là thư viện đại học Cornell ở vùng thượng tiểu bang New York (Upper New York) cách chỗ tôi ở khoảng 5 giờ lái xe. Thư viện có hai tòa nhà riêng biệt lưu trữ sách báo Á Châu nói chung và Việt Nam nói riêng. Đó là thư viện Krock, nằm phía sau thư viện chánh Olin, giờ mở cửa tùy theo chu kỳ học của sinh viên. Gần đến kỳ thi giữa khóa hay thi cuối khóa, thư viện mở cửa 24/24. Trong số sách báo miền Nam được lưu trữ ở đây, tạp chí Bách Khoa là đủ bộ nhất. Còn đa số các tạp chí, báo hằng ngày thì được lưu trữ ở thư viện Annex, tọa lạc ngoài vòng đai của trường. Giờ mở cửa từ 9 AM- 4PM. Ở thư viện này, không thể vào trong để lục sách, khác với thư viện Krock, có thể tự do vào.

Vào đây mới hiểu thế nào là sự trân quý của dân tộc bản xứ đối với văn hóa nhân loại. Không thể tưởng tượng nổi ở đây lại lưu trữ những nội san, giai phẩm như Trưng Vương, Gia Long, Chu Văn An, Quốc Gia Nghĩa Tử. Ngay cả tờ truyền đơn chiêu hồi dạo nào, vẫn được lưu trữ! Thật không thể tưởng tượng được, phải không anh. Cám ơn đất nước này, vì ít ra, nó giữ giùm văn học miền Nam mình sau đại nạn 30-4-1975. Cũng cần nói thêm, thư viện không chỉ lưu trữ sách báo miền Nam, mà của cả miền Bắc trước 1975 nữa. Sách vở nằm bên nhau, tác giả nằm bên nhau, không phân biệt, kỳ thị.

Ngoài Cornell ra, tôi còn tìm đến đại học Yale ở tiểu bang Connecticut cách nhà khoảng ba tiếng lái xe. Ở đây dù không dồi dào như Cornell nhưng Bách Khoa, Văn, Văn Đề, Văn Học, Trình Bày, Tiểu thuyết thứ Tư xem như đầy đủ. Khác Cornell, muốn vào thư viện phải đóng tiền (26 đô la/tháng). Thư viện là một ngôi lầu rất cao. Có lần tôi đang ở tầng cao nhất thì chuông cứu hỏa báo động. Thang máy ngừng chạy. Chỉ một mình tôi chạy bộ xuống lầu. Và khi xuất hiện, bà xã tôi đứng đợi ở đó, khóc vì quá mừng!

Thường tôi rời nhà đi Cornell vào lúc 4 giờ sáng. Vì đường phần lớn là đường núi, mùa tuyết có khi cách một, hai feet cũng không thấy mặt nhau, lại thêm sương mù dày đặc nữa. Đền pha thì bắt lỵc. Đã thế lại thêm chứng buồn ngủ khi lái xe. Tuy nhiên, (cười), mình nguyên là lính thám kích mà. Đêm còn lội nước lỵc cả mấy cây số để xâm nhập mật khu, và quả chiến thắng là nồi cơm nấu lờ dờ của lính Bắc: *Cơm nóng thầy trò ăn đỡ đói/ Ha hả cười cơm của nhân dân...* thì cái chuyện này chỉ là chuyện lẻ tẻ (cười). Khi buồn ngủ quá, ghé quán bên đường, nhìn cô bán hàng Mỹ mặc áo hở ngực mà "mần" thơ: (rung đùi đọc)

*Tôi mang châu thổ về gieo giống
Trông lấy trường sơn ở khắp nhà
Lập chiếc am thờ nơi đất mới
Cho những người đã chết hôm qua
Cô hàng đứng cúi. Tôi đâm dục
Nơi này ta phải biết phòng thân
How much, nhìn lên phần vú ngực
Cà phê này tính cả tà dâm...*

Còn nữa, như khi trở lại nhà, bên mình là hành trang gồm những bài văn, bài thơ của bạn bè mà mình tìm lại thì lòng vui lắm. Anh hãy tưởng tượng, trở về trong đêm, qua những thị trấn vào mùa Lễ, đèn đuốc được trang hoàng, có lẽ bếp sưởi đang cháy đỏ, tôi không hiểu trong nhà, và ngoài xe, ai ấm cúng hơn ai?

TDN: Nghe anh nói khiến tôi đâm ra thèm làm Thư Quán Bản Thảo và Thư Án Quán với anh. Nhất là cái phần *How much, nhìn lên phần vú ngực* của anh.

THT: À, anh có hỏi tôi về cách sưu tầm. Tôi dùng *scanner* và *laptop*. Scanner tuy chậm nhưng đỡ tốn tiền *copy*. Đọc. Scan. Rồi đọc. Rồi scan.... Còn cái màn tìm người xứng đáng để bỏ vào sách thì cũng mất rất nhiều thời giờ. Ví dụ, khi nghe một người nữ độc giả bảo ngày xưa chị có đọc một bài rất hay, đến nỗi bây giờ chị vẫn còn nhớ, là tôi ghi nhận, cố tìm mọi cách sưu tầm cho bằng được. Đó là nhà văn Đào Trường Phúc với bài *Tạ từ* trên Bách Khoa! Và khi tìm được tôi mới hiểu tác giả sáng tác bài văn tuyệt vời này khi ông mới 19 tuổi! Một trường hợp khác là nhà thơ Hoài Lữ với tác phẩm *Mắc cổ*. Ông tử trận vào năm 20 tuổi tại Bình Chánh, Gia Định. Nhà phê bình Đặng Tiến đã nhắc giùm và tôi đã tốn biết bao thì giờ để tìm tòi cho bằng được. Sau đó, đến màn đánh máy thì còn gay go gấp bội. May mà có các bạn bè độc giả của Thư Quán Bản Thảo. Họ giúp đỡ chúng tôi tối đa. Anh thử tưởng tượng, với bộ Văn Miền Nam bốn tập trên 2200 trang, nếu một mình tôi mà đánh máy chắc sẽ còn khuya mới xong, vậy mà rốt cuộc, chỉ bốn tháng là hoàn tất nhờ bạn đọc nghe lời kêu gọi của tôi mà tiếp sức. Có sáu người đánh máy, bốn người ở hải ngoại, hai người trong nước!

Riêng về thơ, tôi và anh Phạm văn Nhân chia nhau đánh máy. Tưởng tượng hai ông lão đều sinh năm 1942, phải ngồi lọc cọc gõ trên 2000 trang cũng phải khủng khiếp lắm chứ !!!

TDN: Đúng là khủng khiếp! Tôi thì lâu lâu mới tự đánh bài viết của mình, mà cũng muốn khủng luôn, hưởng chi anh. Nếu không có một tấm lòng đối với văn chương, với bạn bè thì quả không làm nổi.

Bây giờ, ta thử quay sang một đề tài khác. Anh vốn là một người lính, đa phần sáng tác của anh đều dính dáng đến đời lính và người lính. Mặt khác, anh cũng giành cho những đồng đội cũ rất nhiều ưu ái. Phải chăng, với anh, chỉ có người lính và đời lính mới đáng cho anh quan tâm trong sinh hoạt văn chương?

THT: Tôi viết về lính, thứ nhất, vì thời chúng tôi – thế hệ chiến tranh- lính là nhân vật chính. Thứ hai, người lính miền Nam bị guồng máy của chế độ Cộng Sản bắt bớ, giam cầm, cho đến đám nhà văn tự hào là ngồi viết trung thực cũng tìm cách bôi nhọ đến độ ghê tởm. Thứ ba, tôi là người lính đánh giặc thật sự, nên cố gắng phơi bày những kinh nghiệm có thật để những người không có dịp tiếp cận chiến trường, thật sự biết thế nào là nỗi lòng của người lính. Sự thật dù là sự thật, nhưng nếu không có ai nói lên sự thật ấy, thì sự thật cũng khó thành sự thật. Trong thời chiến tranh, tiếng nói của người lính chúng tôi đã bị át bởi kỷ luật, lệnh lạc, bởi tiếng nổ, lửa khói, còn trong thời hòa bình, thì bị dập tắt, nếu không nói là bị đè ra, khóa miệng bởi sự trả thù, bôi nhọ một cách hèn hạ. Tôi là nhà văn ở trong cuộc được may mắn, nên dù muốn dù không, phải dùng ngòi bút mình để viết lên tiếng nói ấy.

TDN: Có nghĩa là, đối với anh, chỉ có văn chương trước 1975 của miền Nam Việt Nam, đặc biệt là văn chương về chiến tranh và đời lính, mới đáng được nghiên cứu? Anh đã từng phát biểu ở trang mạng Talawas rằng “Thảm kịch về chiến tranh ở trên quả đất này chỉ bằng một góc của thảm kịch Việt Nam.”

THT: Thừa anh, đáng nghiên cứu lắm chứ. Bởi vì sau 1975, văn chương về người lính miền Nam đã bị tận diệt. Sách vở tạp chí bị đốt hủy thì lấy chứng cứ đâu để nói lên tính cách nhân bản của nền văn học thời chiến. Đáng nghiên cứu, vì bộ máy nhà nước cũng như mấy ông nhà văn nhà thơ trong hàng ngũ thắng trận luôn luôn trắng trợn vu cáo văn chương chúng tôi là văn chương thực dân kiểu mới, là văn chương đòi trụ, nọc độc văn hóa, vùn vùn để những khối óc ngây thơ luôn luôn bị tiêm nhiễm. Tôi biết có người sẽ bảo chuyện cũ mấy mươi năm rồi vẫn còn nhắc lại,

mất thì giờ. Nhưng sự thật ai trả lại cho chúng tôi đây, hở? Ai biện hộ giùm cho những lời vu cáo người lính thám báo được viết trong *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh hay trong *Cõi người rung chuông tận thế* của Hồ Anh Thái? Ai?

Chẳng hạn đoạn sau đây của Hồ Anh Thái trong truyện ngắn vừa nói:

“Cuối cùng, điều Hoa không ngờ đã tới. Cô chỉ nghĩ rằng bọn thám báo sẽ lôi Hùng đi làm tù binh để tiếp tục lấy khẩu cung. Nhưng thằng cầm con dao găm của anh đã cúi xuống rạch một đường thành thạo trên bụng Hùng. Anh quằn quại hét lên một tiếng rùng rợn. Ở trên cao, Hoa nghiêng chặt răng gần như ngất đi. Hai thằng kia đè chặt chân tay Hùng cho thằng mổ bụng moi tim gan ra. Chúng nỏ lửa nướng tim gan ăn ngay tại chỗ. Hai hột tinh hoàn thì được phân chia cho hai thằng chắc là cấp cao hơn.”

Vai trò thám báo là tuyệt đối giữ bí mật để làm nhiệm vụ săn tin hay chỉ điểm máy bay oanh tạc đơn vị địch. Họ bị đẩy vào những chỗ mà có lẽ mỗi lần ra đi là ít khi có ngày về. Bởi không ai có thể bảo vệ họ được trừ họ. Vậy mà ở đây, cảnh năm tên thám báo bắt một tù binh loại chính qui, nhõn nhõn với một bữa yến tiệc ăn tim gan và tinh hoàn người, giữa thanh thiên bạch nhật, đầy ồ kiến lửa (chúng tôi hay dùng cụm từ này để chỉ một mục tiêu khó nuốt, thường ám chỉ nơi có sự xuất hiện đơn vị chính qui Bắc Việt). Lại tính bơ nỏ lửa đốt cho khói bốc lên để "lạ ông tôi ở bụi này"! Biết viết văn là bịa, nhưng bịa vừa vừa thôi chứ, ông Hồ Anh Thái ơi. Và thiên chức nhà văn ở đâu? Bịa trắng trợn như thế ai mà tin được!

Tôi bỗng liên tưởng đến những giọt nước mắt chảy trên má của người tù binh nào đó của chiến trường Bình Định vào những năm cuối của thập niên 60, như qua bài thơ của Trang Châu sau đây:

*Nước mắt kẻ thù
nó bị thương
bị bắt sống
mọi người đòi giết nó:
nó núp trong hầm
với một khẩu tiểu liên
cầm chân cả trung đội:
nó bắn ngã chúng tôi một người
bắn bị thương hai người khác
tôi đọc nét căm hờn
trên những khuôn mặt đồng đội
mọi người đòi giết nó
tên du kích vùng khốn nạn
gài lựu đạn lùm cây bờ ruộng
giết những người bắt cá mò tôm
nó nằm đó
mình bết bùn
máu cánh tay nhầy nhựa
tránh những tia nhìn nỏ lửa
những bóng súng gờm gờm
nó nằm chờ
một phát súng vào đầu
một lưới dao rạch bụng
một cái đạp xuống hố sâu
nó nằm chờ nằm chờ
tử thần
nhưng
chỉ có bàn tay vuốt dịu căm hờn
bàn tay băng bó vết thương
bàn tay vỗ về an ủi*

*nó nằm chờ tử thân
sững sờ bất gặp tình thương
đồng loại
đôi mắt sát nhân vụt bỗng hiền từ
nhen hai dòng lệ nhỏ
trong cuộc chiến hôm nay
cho tôi xin chiến đấu không hận thù
xin những vết thương bình đẳng
cho tôi đổi một trăm chiến thắng
lấy một giọt nước mắt kẻ thù*
Trang Châu (Bên bờ Kinh Sáng 17-2-67)
(trong *Dấu vết chiến tranh*)

Ôi cho tôi đổi một trăm chiến thắng lấy một giọt nước mắt kẻ thù! Còn gì là nhân bản hơn, còn gì tình người hơn. Không phải lời ước ao trên phát xuất từ một y sĩ tiền tuyến là Trang Châu, nhưng nó phát xuất trái tim của miền Nam. Đó là bản chất của con người. Đó là cõi lòng thấm đầy Chúa và Phật. Không phải như từ trái tim đen từ những kẻ sống chỉ biết căm thù! Và căm thù mãi mãi!

TDN: Đọc một số bài viết ngắn của anh (trên Talawas), tôi có cảm tưởng là anh không có mấy thiện cảm đối với việc phê bình. Lý do chính, theo anh, là người phê bình có khi không hề biết đến hiện thực mà tác giả mô tả. Anh viết: "Phê bình, trước hết anh phải đặt mình vào không gian và thời gian của tác phẩm. Và thứ hai anh phải có ít nhiều kinh nghiệm." Ở một bài khác, anh viết: "Như vậy, kinh nghiệm là một yếu tố rất cần trong việc phê bình, hay đánh giá một tác phẩm. Có lẽ, nếu nhà phê bình đã từng lội qua những con suối đen và lạnh buốt của Trường Sơn, đã ném vi trùng sốt rét, buổi xế trưa..."

Rất dễ dàng đồng ý với nhận xét đó của anh. Tuy nhiên, nếu vậy, liệu ta có thể phê bình một tác phẩm ra đời rất lâu trong quá khứ? Liệu có thể phê bình một tác phẩm mà tác giả ở một xứ khác, một thời điểm khác? Và liệu một người trẻ lớn lên sau chiến tranh có thể viết phê bình về các tác phẩm của chính Trần Hoài Thư? Vì làm gì họ có kinh nghiệm về những gì anh đã kinh qua.

THT: Khi tôi nêu ý kiến này là tôi chỉ đề cập đến các tác phẩm viết về chiến tranh VN. Có một vị phê bình, cho *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh là tác phẩm hay nhất viết về chiến tranh Việt Nam. Tôi nghĩ nếu vị ấy biết rõ về vai trò thám báo của quân đội VNCH, chắc sẽ không bao giờ cho vào danh sách "hay nhất" ấy.

Vì không có kinh nghiệm, mới cho là hay nhất, mới dịch ra tiếng Tây, tiếng Mỹ, mới được dựng thành phim, mới là sách gối đầu giường cho những nhà biên khảo. Tôi nhớ đến một lần, tôi bị một thanh niên Mỹ trẻ cùng làm việc chung, hỏi rất ngây thơ: "Tại sao lính miền Nam lại tàn bạo như vậy?". Tôi hỏi: "Tại sao mày biết?" "Tôi đọc trong *Nỗi buồn chiến tranh* (Sorrow of war)," anh ta trả lời.

Với anh ta, tôi còn giải thích vai trò thám báo để anh ta hiểu. Còn biết bao nhiêu người khác cũng mang câu hỏi như anh ta sau khi đọc *Sorrow of war*? Còn con cháu tôi? Liệu chúng có cúi đầu mặc cảm là con cháu của những kẻ sát nhân tàn tâm như đã mô tả trong tác phẩm của Bảo Ninh hay Hồ Anh Thái ?

Ông bà chúng ta có câu, nghĩ rất có lý: Không biết thì dựa cột mà nghe. Phải không, thưa anh.

TDN: Tôi đồng ý với nhận xét đó, nhưng dù sao, cũng cần có những nhà phê bình chuyên nghiệp, những người không biết gì ngoài sách vở và chữ nghĩa chứ!

THT: Theo tôi, người phê bình là nhíp cầu mang độc giả đến tác phẩm, hơn nữa là người thay mặt độc giả. Người phê bình là cần thiết, như anh thấy rồi. Chính vì cái lỗ hổng to lớn về tác phẩm nhận định phê bình, mà sau chiến tranh, người đọc cũng như người tha thiết muốn tìm hiểu về nền văn học thời chiến trước 1975 rất khó khăn trong việc tham khảo, để cho những Lữ Phương, Thạch Phương, Vũ Hạnh, Trần Trọng Đăng Đàn hay những bài viết về nhận định, phê

bình trên Văn Học Hà Nội làm mưa làm gió... Hở sách ra là "giòng văn học yêu nước cách mạng", là "nọc độc văn hóa", "văn chương thực dân kiểu mới"... Điều này không phải là không có lý vì sách báo tạp chí miền Nam trở thành tro bụi thì lấy gì mà tham khảo! Bởi vậy, khi tìm được bài điểm sách của Trần Hữu Thục viết về tập truyện của Văn Lệ Thiên (Lê văn Thiện) trên tạp chí Tân Văn trước 1975, tôi mừng lắm anh ơi. Mừng là ít ra cũng có một người còn viết về một tác giả trẻ ngoài vòng đai, nhưng buồn là nó rơi vào trong cõi mệnh mông quên lãng. Anh biết không, Lê văn Thiện bây giờ là nông dân 100% ở Việt Nam, và anh ấy vẫn còn viết. Mặc dù sau này, ở hải ngoại, có những người cố gắng tìm đến nền văn học thời chiến như Đặng Tiến với những bài nhận định về Nguyễn Bắc Sơn, Vũ Hữu Định, Nguyễn Xuân Thiệp, Từ Thế Mộng, Thơ Miền Nam trong thời chiến v.v..hay Trần văn Nam, Nguyễn Vy Khanh với những nhận định về nền văn học chiến tranh ... và ở trong nước có Nguyễn Lê Uyên với những bài viết về Linh Phương, Phạm Ngọc Lữ, Y Uyên, Vũ Hữu Định v.v... Tuy nhiên, họ phải viết trong nỗi khó khăn vì tài liệu, bài vở, báo chí để tham khảo rất hạn chế. Có điều, qua các bài, hay tác phẩm nhận định ấy, nếu người đọc muốn biết về văn chương và tác giả trước 1975, thì sách báo đâu mà đọc? Lấy gì để chứng minh trong khi sách báo bị tận diệt?

Đó cũng là lý do chúng tôi cố gắng sưu tập những bộ Văn và Thơ Miền Nam. Dù muộn nhưng mà có còn hơn không.

TDN: Trng một bài viết trên Talawas, anh cho rằng "Sự thành công của tác phẩm không phải chỉ tùy thuộc vào năng khiếu ngôn ngữ. Còn có những yếu tố khác tạo thành. (...) trong đồng chất liệu bề bộn, người viết văn phải biết cách tuyển lựa những chất liệu thích hợp nhất, giá trị nhất, và phổ quát nhất (...). Sau đó mới nghĩ đến chuyện sử dụng bút pháp." Tôi hoàn toàn đồng ý với anh. Tuy nhiên, anh lại nói thêm: "Như vậy, chữ nghĩa chỉ là phụ. Cái chánh là viết thật, viết đúng, viết bằng hơi thở của mình." Làm sao ta có thể viết đúng, viết thật khi mà ta không biết cách viết? Nghĩa là câu kéo lung củng, chữ dùng không chính xác, viết sai chính tả...hay không biết cách diễn đạt.

THT: Như vậy anh "chê" các ông Lê Ngọc Châu (Bách Khoa), Trần Phong Giao (Văn) chọn bài à? Đây là ví dụ cho "bút-pháp-hơi-thở" chẳng văn phạm gì ráo của tôi viết khi đang hành quân:

Xin tha lỗi cho tôi, các bạn. Tôi không còn đủ sáng suốt để sáng tạo câu văn ý lạ. Tôi đang nằm trong quân y viện đây. Đêm buồn lắm. Đêm buồn lắm. Lính của tôi nằm nhiều trong đó. Hai thằng nằm tại nhà vĩnh biệt. Hai thằng mất tích. Và những thằng bị thương đang nằm ở đây. Đêm buồn lắm. Đêm buồn lắm. Ngày hôm đó, ngày 9 tháng 5 thì phải. Mặt trời thì hùng hực lửa. Chỉ có mặt trời mới thấy bọn tôi. Tôi nằm trong bụi, mặt dầm dề máu và đùi găm đầy miếng lựu đạn, cả mông tôi cũng vậy. Tôi nhìn lên cao cầu khỉ Tô Tiên Ông Bà, Nam Mô Quan Thế Âm Lạy Trời Lạy Chúa. Nhìn mặt trời, cho con sống. Sống. Tôi vùng dậy chạy. Đạn rít dưới chân. Đạn xẹt trên đầu. Tôi lộn nhào. Lê lét. Bò trườn. Tôi nhào xuống bờ suối. Đạn đuổi theo. Nó canh kỹ. Ló đầu ra. Tắc bùm. Thụt đầu vào. Chạy. Lăn. Tội nghiệp thân thể mày chưa, Thu. Gãy ốm thế kia. Cha mẹ nưng niu bông ằm nuôi con bây giờ ằm ằm, tạch đùng, bập bập bập, bò, hai cùi tay vấy máu, bò ngửa, bò sấp, bò hai chân, bò hai tay. Bụi gai vừa xê dịch. Tắc bùm. Đ.M, quân chó đẻ. Mày giết tao mày hả dạ lắm sao. Tao để dành viên đạn cuối cùng. Tụ sát.

(Trích Nhật Ký Hành Quân, Trần Hoài Thư, Văn số 114, tháng 9 năm 1968)

TDN: Một đoạn văn như thế không thể bảo chữ nghĩa là phụ được. Nếu chỉ có kinh nghiệm sống không thôi mà không có kinh nghiệm đầy mình về chữ nghĩa, không thể diễn tả chiến trường một cách sống động như vậy. Tôi đã đọc bài viết này của anh hồi đó, trên Văn. Đối với một người được may mắn ở thành phố như tôi, những trang văn nóng hổi như thế của anh, hay của Y Uyên, Phan Nhật Nam, Lê Bá Lăng... viết từ chiến trường quả là một món ăn tinh thần quý giá. Chúng giúp bọn sinh viên chúng tôi biết thế nào là chiến tranh thật sự, là sự gian khổ thật sự của những người chiến đấu, nhờ đó, mà chúng tôi có thể học hành và ...đấu láo chuyện trên trời dưới đất.

THT: Cám ơn anh.

TDN: Chiến tranh Việt Nam chấm dứt đã 35 năm. Tất cả đều thay đổi: đất nước, con người, hoàn cảnh. Thế hệ của chúng ta già đi và một thế hệ trẻ, mới toanh lớn lên. Bao nhiêu nước chảy qua cầu. Có những người vẫn viết, vẫn suy nghĩ như cũ. Có những người thay đổi cách viết theo thời gian, theo sự vật và sự việc. Anh suy nghĩ gì về sự đổi mới trong văn chương: cách viết, cách tiếp nhận, cách suy nghĩ...?

THT: Sáng tạo là một việc làm rất cần thiết cho nhà văn/thơ của mọi thời. Dù là ý tưởng hay dù là hình thức. Những bài thơ của Thành Tôn, Cung Trầm Tưởng, Du Tử Lê, Tô Thủy Yên, Viên Linh cách đây 40, 50 năm đã nói lên sự không ngừng làm mới thể thơ lục bát. Và bây giờ, nhờ vào *word*, *unicode*, hay *photoshop*, hình thức cũng uyển chuyển và linh động bội phần. Tuy nhiên, nếu nói rằng cái chủ đích của tác phẩm là truyền đạt ý nghĩ, tư tưởng mà tác giả cố gắng gửi gắm đến với người đọc, thì theo tôi, trước hết, đừng nên buộc người đọc phải lao tâm khổ trí mà tìm hiểu. Tôi lấy ví dụ qua một bài tản mạn của tác giả Nguyễn Anh Khiêm về những từ tân... văn hóa:

Sao người ta say mê từ "là" quá trốn trong khi từ này cấm kỵ trong tiếng Việt ngày trước, nhất là không được đặt trước tính từ làm vị ngữ, bỏ ngữ vi nó thừa thãi, dở tệ. Cũng không thiếu hài hước khi nghe các từ ngữ phát sinh theo nhu cầu bé quẹo tin tức như "nói rộng biên độ giá xăng" tức "xăng tăng giá", "điều chỉnh chỉ số giá tiêu dùng" tức "tăng vật giá", "kiểu kiện đồng người" là "biểu tình", "ngưng việc tập thể" là "đình công", "nông dân có khó khăn" là "nông dân điều đúng", "chi tiền chưa đúng đối tượng" là "ăn chặn tiền tết của người nghèo..."

Tôi không hiểu những từ này thuộc loại tân từ hay tân hình thức không, sao mà tôi thỉnh thoảng lại gặp trong những bài thơ mới bây giờ. Cố hiểu nhưng thật khó làm sao !!!

TDN: Thế hệ mới lớn hoàn toàn khác chúng ta trong suy nghĩ, trong đời sống lẫn trong cách viết. Chúng ta có nên để lại cho lớp trẻ gánh nặng quá khứ hay để cho họ sống và viết với hoàn cảnh và thời đại và tâm tình của họ hiện nay y như chúng ta đã từng sống và viết với thời đại và tâm tình của chúng ta trước đây?

THT: Đối với những người viết trẻ, đặc biệt những người viết ở hải ngoại, tôi rất ngưỡng phục. Không ngưỡng phục sao được, khi mỗi ngày 8 tiếng đồng hồ môi miệng họ phải dành cho tiếng Anh, tiếng Mỹ. Họ là những người mang sức sống cho chữ nghĩa, qua kiến thức mà họ du nhập, và qua tấm lòng thiết tha với tiếng mẹ mà họ có lẽ rất khó khăn để gìn giữ. Thơ văn của họ bây giờ là sự chia xẻ kiến thức, và niềm vui, lẫn học hỏi như môi trường mà họ có mặt, không tháp ngà, không chiếu trên, chiếu dưới... Với lớp già như tôi có vẻ chịu thua, lép vế trước sự không ngừng sáng tạo, đổi mới trên hành trình văn chương chữ nghĩa của họ.

Có điều, đôi khi kinh nghiệm cũng cần thiết lắm chứ. Nếu không cần thiết thì tại sao các công ty kiếm người cần tìm những người có kinh nghiệm hay trong các *resume*, kinh nghiệm được tô vẽ hàng đầu!

Tâm sự quá nhiều. Anh đã đặt cho tôi những câu hỏi quá gai góc, mà trả lời có khi bị hiểu lầm. Nhưng mà tôi chỉ biết bấy nhiêu, trả lời trong tầm hiểu biết giới hạn của mình. Xin anh và bạn đọc có gì đừng chấp trách là tôi dạy khôn. Xin thành thật cảm ơn trước.

TDN: Chưa xong đâu, anh Thư. Tôi còn một câu hỏi cuối cùng: dự tính của anh trong những tháng ngày sắp tới?

THT: Sẽ cố tiếp tục sưu tầm và xuất bản các tác phẩm và tác giả sống và viết ngoài vòng đai. Và dĩ nhiên, vẫn viết văn, làm thơ, vẫn in sách của bằng hữu, và của mình, vẫn xúc tiến tạp chí Thư Quán Bản Thảo mặc dù không còn thường xuyên như trước. Tuy nhiên, còn tùy thuộc vào điều kiện sức khỏe nữa. Mấy tháng nay tôi bị "gout", khi bót, khi phát làm ngăn trở không ít những điều mình mong ước....

(Thực hiện tháng 3/2010)

Nhà văn Trần Hoài Thư và tác phẩm "Văn Miền Nam Thời Chiến"

Chương trình Văn Học - Nghệ Thuật tuần này Mặc Lâm xin giới thiệu nhà văn Trần Hoài Thư, một cây bút quân đội quen thuộc với độc giả từ nhiều năm qua. Ông cũng là người âm thầm thực hiện một tác phẩm tập trung các cây bút Miền Nam trong thời chiến tranh Việt Nam.

Trần Hoài Thư tên thật Trần Quý Sách, sinh năm 1942 tại Đà Lạt. Ông khởi viết từ năm 1960 về nhiều thể loại, trong đó có cả thơ. Những tác phẩm đã xuất bản gồm: Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang, Những Vì Sao Vĩnh Biệt, Ngọn Cỏ Ngậm Ngùi, Một Nơi Nào Để Nhớ, Ra Biển Gọi Thầm, Về Hướng Mặt Trời Lặn, cũng như tập Thơ Trần Hoài Thư....

Nhà văn quân đội

Người đọc hải ngoại biết đến Trần Hoài Thư qua nhiều tác phẩm nói về đời sống quân ngũ cũng như những va đập mạnh bạo của chiến tranh khiến nhiều mảnh đời trôi nổi trong dòng chảy của cuộc chiến. Sau ngày từ trại giam trở về với đời sống, Trần Hoài Thư diễn tả tâm trạng của ông trong hoàn cảnh lúc đó qua bài thơ "Ta Bán Cà Rem, Hề!". Ông lắc chuông ngoài phố như lắc nỗi buồn của thời đại mình và khắc khoải thông báo với nhân quần rằng ông đã trở về đời sống...

Sau 30 tháng 4, văn chương Miền Nam coi như bị bức tử, bị truy diệt, và coi như bị xóa tên, anh cũng biết rồi. Sách vở, có nhiều tác giả coi như là không còn thấy mặt đứa con tinh thần của mình nữa.

Nhà văn Trần Hoài Thư

Ta Bán Cà Rem, Hề!

*Ta đã về ôm những nhánh tang thương
Cúi đầu bước đi giữa lòng phố cũ
Con phố của ta, ruột rà trăm ngõ
Sao bây giờ mỗi khúc mỗi đau*

*Ta đã trở về, bốn năm phù du
Hồn hóa đá, người thành dã thú
Ta đổ dành ta tai trời ách nước
Thôi đã hết rồi, món nợ tiền khiên*

*Thì tại sao xin một chỗ chung thân
Cổ xứ ơi, cây đào trước ngõ
Ngôi nhà ta, trời ơi bỗng lạ
Con đường xưa, thay đổi nẻo nùng*

*Ngày xưa Từ Thức trở về, hương bưởi băng khuâng
Đất trời quê hương để thương thế đó
Hôm nay ta trở về, đóng vai ông lão
Đi giữa lòng âm phủ trần gian*

*Ông lão buồn trong tuổi thanh niên
Ngày tháng lửa binh, già hơn quả đất
Sau cuộc chiến tranh làm tên sống sót
Sau cuộc tội tù đi bán cà rem*

*Ta bán cà rem hề, ta bán cà rem!
Lắc chiếc chuông đồng, khua vang thành phố
Ồi những hồi chuông lâu rồi đã ngủ
Bỗng hôm nay, choàng dậy, ngõ ngàng*

Quý vị vừa thưởng thức vài đoạn trong bài thơ *Ta Bán Cà Rem, Hề!* của Trần Hoài Thư qua giọng đọc của Việt Long.

Nhà văn Trần Hoài Thư: Tại sao tôi lại được đi vô đời văn chương này, thứ nhất tôi bắt đầu viết văn, truyện đầu tiên của tôi là truyện "Nước mắt tuổi thơ" tôi gửi cho tạp chí Bách Khoa, tôi nhớ vào năm 1966. Đó là truyện đầu tay của tôi, bởi vì khi đó tôi đã là một sinh viên Đại Học Huế, vào học tôi thấy tấm hình chụp trận Bình Giã, trong đó có hình ảnh một em bé mà chiến tranh làm cho em mất cha mất mẹ, em đã khóc giữa bãi chiến trường như vậy đó, thành ra tôi xúc động quá và tôi viết truyện "Nước mắt tuổi thơ". Lúc đó tôi gửi ngay cho Bách Khoa mà sau đó tôi không ngờ tờ Bách Khoa lại in truyện đó. Kể từ đó tôi bắt đầu viết và sau đó thì tôi bị đi động viên. Tôi đi vào Đại Đội Thám Kịch 405 của Sư Đoàn 22 Bộ Binh ở tại Bình Định. Qua những kinh nghiệm chiến trường, qua những gì mắt thấy tai nghe, sống thực trong chiến tranh, tôi đã cầm viết lại và vào khoảng năm 1969-1970 tôi mới bắt đầu in tác phẩm "Anh em ... thức" tại Phan Rang, in tác phẩm đầu tay của tôi là "Nỗi buồn bơ vơ" tại Hòa Vang. Cuốn đó là cuốn hoàn toàn quay roneo nhưng mà in như typo rất là đẹp. Và tôi nhớ không lầm thì cuốn đó in khoảng từ 1.000 đến 2.000 cuốn. Lần đầu tiên một cuốn sách ở tình lẻ mà in như vậy mà bán hết thì đó là một hiện tượng lạ.

Những tác giả thời thế hệ chúng tôi họ viết một bài rồi có thể sau đó họ ngã gục trên chiến trường, không ai biết được. Có người mới gửi bản thảo về tòa soạn thì tòa soạn nghe tin tác giả đã không còn nữa và bản thảo trở thành bản di chúc cuối cùng.

Nhà văn Trần Hoài Thư

Trò chuyện với nhà văn Phạm Phú Minh

Lời Giới thiệu của Trần Doãn Nho (TDN): Tôi quen nhà văn Phạm Phú Minh (PPM – bút hiệu Phạm Xuân Đài) qua Thế Kỷ 21, tờ tạp chí tôi cộng tác từ lúc anh làm chủ bút cho đến số cuối cùng. Có một khoảng thời gian, anh mời tôi vào Ban Biên Tập cùng với một số nhà văn nhà thơ khác. Ngoài việc đóng góp bài vở khá thường xuyên, trong một vài số đặc biệt, tôi cộng tác với anh Minh để thực hiện. Như số về Hồ Hữu Tường, tôi là người trực tiếp đến nhà người con gái của Hồ Hữu Tường, chị Hồ Huệ Tâm, đang dạy ở đại học Harvard, để thu thập một số tài liệu và thực hiện cuộc phỏng vấn. Hay số đặc biệt về Trần Văn Tuyên. Vị cựu phó thủ tướng này có cô con gái ở cùng thành phố với tôi, tôi liên lạc với cô để tìm thêm tài liệu. Hà Nội trong mắt tôi, tác phẩm đầu tay của anh do nhà văn Nguyễn Mộng Giác biểu tôi, là một trong những tác phẩm đầu tiên mà tôi được đọc khi ra hải ngoại. Cái tựa đề khá nhạy cảm này cộng với bút danh Phạm Xuân Đài mới mẻ khiến cho tạp bút ký này trở thành "vấn đề" lúc mới phát hành, gây xôn xao trong cộng đồng người Việt tại một vài nơi, kể cả ở Boston, nơi tôi định cư, khi tác giả đến đây trong một lần ra mắt sách. Nhưng rồi mọi chuyện ổn thỏa khi người ta biết về tác giả và đọc nội dung tác phẩm.



Tại buổi Hội thảo Văn Học Miền Nam (Quận Cam, California, ngày 6 & 7 tháng 12/2014) (từ trái sang phải): Trần Doãn Nho, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Hoàng Nam, chị Nguyễn Đức Tùng, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Đức Tùng, Phạm Phú Minh, Phùng Nguyễn

Bài viết mới nhất của Phạm Phú Minh, “Vang bóng của một thời sắp qua”^[1] (tháng 4, 2016), lược qua sinh hoạt của giới cầm bút hải ngoại và sự ra đi của những cây bút trong vòng vài năm vừa qua. Bài viết ngắn nhưng gây cho tôi một nỗi băng khuâng lạ lùng. Chỉ trong một thời gian ngắn, hải ngoại mất đi một số khuôn mặt văn học nghệ thuật quan trọng. Nguyễn Mộng Giác (7/12) vừa ra đi chưa người niềm nuối tiếc thì đến Nguyễn Xuân Hoàng (9/14). Rồi Võ Phiến (9/15). Rồi đột ngột Phùng Nguyễn (11/15). Rồi Đinh Cường (8/1/16). Và gần đây nhất, Tạ Chí Đại Trường (3/16). Đọc xong bài viết, tôi email ngay cho Phạm Phú Minh.

Trần Doãn Nho (TDN): Anh Minh, tôi vừa đọc bài viết “Vang bóng của một thời sắp qua.” Cảm thấy thấm thía. “*Những mát mát dồn dập mấy năm gần đây nhắc nhở chúng ta rằng mỗi lớp người đều đóng vai trò trong thời của mình. Một thời đại đi qua bao giờ cũng với những bước chân tiệm tiến, và trong cái cảm thức mát mát, chuyển giao, chuyển tiếp từ từ ấy, hình như ai cũng thấy nhu cầu bắt chước Nguyễn Tuân để vẽ nên cái “vang bóng một thời.” Một thời Việt Nam Cộng Hòa nổi dài trong giới văn nghệ đã để lại cái gì đáng kể nhất? Đó chính là văn hóa hành xử: tự trọng, tử tế và rất mực thương yêu tương kính nhau.*”

Chao ơi, vang bóng một thời? Anh Minh ơi, có thật là thế hệ chúng ta sắp “vang bóng một thời”?

Phạm Phú Minh (PPM): Quả là tôi có cảm khái ngậm ngùi về tình trạng giới văn nghệ hải ngoại rơi rụng liên tục. Nhưng mình cũng thấy một thời đại có trôi qua thì cũng một cách từ từ thôi, với số lượng sáng tác của lớp già xem như đã ngừng, lớp trẻ hơn thì lai rai... Trong khi đó lớp thế hệ thứ hai ngày càng vững vàng. Kể ra thì chính thế hệ này coi như đang thay thế hẳn lớp trước rồi chứ còn gì nữa. Măng đã mọc và lớn rồi, thì tre già đến lúc nói lời từ già thôi.

TDN: Ở quận Cam, còn những ai thuộc thế hệ cũ, anh Minh? Đỗ Quý Toàn, Du Tử Lê, Viên Linh, Trúc Chi, Doãn Quốc Sỹ, Nhã Ca, Trần Dạ Từ ...? Và ở các nơi khác? Tô Thùy Yên, Trần Thanh Hiệp, Túy Hồng, Trùng Dương ...? Còn thế hệ hai, theo anh, là những ai? Mới đây, đọc đoạn văn “Áo khăn ngày cũ” của Trần Mộng Tú. Nhà thơ soạn lại áo khăn những người đã khuất và nhớ những kỷ niệm ngày xưa của người thân, thật bồi ngùi. Văn chương của người đã khuất cũng là một loại áo khăn ngày cũ, đọc lại biết bao cảm khái!

PPM: Tháng 5/2016 vừa rồi, anh chị Đặng Tiến từ Pháp qua Hoa Kỳ chơi, chúng tôi có gặp nhau trong mấy lần hội họp bạn bè. Như Nho biết, Đặng Tiến cũng là một người cầm bút thuộc lớp “cũ”, nhưng vẫn háng hái đề cập một số việc muốn làm, mặc dù sức khỏe coi bộ cũng không

tốt lắm. Lớp tuổi sinh cuối thập niên 1930, đầu 40 thì một số vẫn còn viết, như Đỗ Quý Toàn, Du Tử Lê, Viên Linh.... Anh chị Trần Dạ Từ – Nhã Ca vẫn bận rộn với tờ nhật báo Việt Báo của họ. Trùng Dương thỉnh thoảng vẫn tự lái xe từ Oregon xuống Orange County thăm anh em, và vẫn còn viết những bài tường trình kèm hình ảnh về một số sinh hoạt đặc biệt về văn hóa, chính trị của cộng đồng người Việt Nam tại Mỹ. Anh Trúc Chi còn khỏe mạnh lắm, vẫn ngao du sơn thủy, nhưng viết rất ít. Anh Doãn Quốc Sỹ đang ở với con cái tại vùng này, so với hồi thuyết trình trong hội thảo Tự Lực Văn Đoàn thì nay yếu đi nhiều, nhất là không còn sáng suốt nữa. Lớp trẻ như Đặng Thơ Thơ, Đinh Từ Bích Thúy, Lê Đình Nhất Lang vân vân, nói chung là nhóm Da Màu, thì tôi nghĩ là họ đang tự khẳng định một cách chắc chắn. Lớp này thì thuộc hẳn thế hệ thứ hai rồi.

TDN: Mới đây, gặp Trần Trung Đạo, nghe nói anh vừa quy y?

PPM: Thầy Thích Như Điền làm lễ quy y cho tôi hồi cuối tháng 3/2016, đặt pháp danh cho tôi là Thiện Văn 善聞. Tôi nói đùa sau buổi lễ rằng tôi vừa được cấp passport cho chuyến ra đi dài sẽ tới. Nhưng tôi cảm nhận một điều rất rõ là tôi đổi khác rất nhiều sau khi quy y, có một sự chuyển hóa sâu trong tâm thức mà chính mình cũng không ngờ.

TDN: Pháp danh anh là “Thiện Văn”. Nghĩa là gì?

PPM: Là lắng nghe điều thiện. “Văn” đây có nghĩa là nghe. Thoạt đầu tôi tưởng “Văn” là văn chương, sau được thầy giảng “Thiện Văn” là lắng nghe điều Thiện. Ngẫm lại cũng đúng, pháp danh đâu phải là một lời chúc nghề nghiệp, mà là một lời khuyên, lời nhắc nhở cách sống hợp với đạo lý. Phải biết lắng nghe, thu thập, tích lũy những gì tốt đẹp.

TDN: Tôi tưởng anh đã phải quy y từ lâu rồi chứ! Dù sao, cũng mừng anh ngộ được đạo. Cũng hơi trễ đó nhé.

PPM: Nói "ngộ được đạo" thì không biết đâu là sớm đâu là trễ. Trên con đường thăm thẳm trải nhiều kiếp, có thể có lúc mình đã ngộ rồi, có thể cũng có lúc mình đã đọa xuống một tầng rất thấp, rồi ngoi từ từ lên. Cứ nhìn kiếp này thì thấy quá khứ của mình cũng trùng trùng nghiệp quả, tốt xấu lẫn lộn. Và khi cái duyên đã tới, thì bước lên được một bậc thang — là lễ quy y vừa rồi. Cứ hãy cho đó là một bước tích cực, còn lại mọi chuyện tiến hay lui, là do mình.

TDN: Nghe như một sư ông giảng đạo! Mà thôi, ta hãy trở lại chuyện đời.

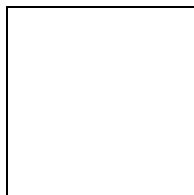
Theo tôi nghe thì hồi trước, hình như anh Minh học Triết, sau đó lại học Quốc Gia Hành Chánh, vì muốn làm quan. Thế mà sau này, sang đây lại là nhà văn kiêm nhà hoạt động văn hóa, lại còn là chủ báo, giám đốc đài truyền hình. Do thời thế hay do yêu thích văn hóa, văn chương? Tôi cũng lạ, nhưng không lạ như anh. Tôi học ban B, khá toán. Thế mà lên đại học, lại thích triết. Xong triết lại không theo triết, chỉ dùng triết mà bàn về văn chương. Trước 1975, hoạt động chính trị chuyên nghiệp, là thành viên tích cực của một đảng phái quốc gia, có tham vọng làm “lớn” (!) Nhưng sau khi qua đây rồi, bỏ hẳn sinh hoạt chính trị, chỉ chuyên chú văn chương. Có những điều chính mình thay đổi mà mình không ngờ được. Riêng anh thì sao?

PPM: Hóa ra Trần Doãn Nho hiểu "tiểu sử" của tôi rắc rối hơn chính nó rất nhiều. Tôi là dân ban C, sau khi đậu tú tài thì đi đâu bây giờ? Sự phạm là gần nhất, thi thử vài môn, tôi nhớ là Triết và Anh văn, đậu cái nào thì đi cái nấy. Sau đó, đậu vào Triết. Tốt nghiệp, ra đi dạy, thì có cơ hội hoạt động với đám bạn cũ mới trong chương trình Hè 1965 như Đỗ Ngọc Yến, Lê Đình Điều, Đoàn Viết Hoạt, Đỗ Quý Toàn, Hà Tường Cát, Trần Đại Lộc, Phan Văn Phùng.... rồi khẳng định luôn hoạt động thanh niên như một phương cách của giáo dục. Tổng Trưởng Văn Hóa Giáo Dục Trần Ngọc Ninh của thời ấy đồng ý quan niệm giáo dục này, mở rộng cửa cho sinh hoạt thanh niên vào trường học. Tôi không học Quốc Gia Hành Chánh. Sở dĩ tôi về làm cho Dân Vận là do biệt phái từ Giáo Dục, khi Lê Đình Điều thỏa thuận với Hoàng Đức Nhã nắm Dân vận quốc nội (*Nguyễn Ngọc Bích nắm quốc ngoại*). Vụ biệt phái này đưa mình vào tù sau biến cố 75.

Trong biến cố 1975 một số bạn bè trong nhóm chúng tôi đã kịp di tản ra nước ngoài, trong đó có Đỗ Ngọc Yến, sang Mỹ thành lập báo *Người Việt* từ năm 1978. Một số anh em trong nhóm đi nước ngoài, dù có cư ngụ tại Nam California hay không, đều dưới hình thức này hay hình thức khác góp sức với Yến xây dựng tờ báo này. Từ đó mỗi khi có người trong nhóm từ Việt Nam thoát ra được đều có khuynh hướng gia nhập tập thể *Người Việt*. Đến lượt tôi cũng vậy, qua Mỹ định cư theo diện H.O. thì tập vô báo *Người Việt* như là một chuyện đương nhiên. Thậm chí khi tôi còn ở tù, anh em đã cho tôi một số cổ phần trong công ty đó rồi. Nói vậy để Nho thấy cái nhóm anh em kết lại từ 1965 vẫn coi như có sợi giây vô hình ràng buộc nhau, như trong cùng một đảng vậy, dù chưa bao giờ lập đảng. Cái “đảng” ấy, có tên là Anh Em, nghe nặng tình cảm.

Và tập vô *Người Việt* thì còn con đường nào khác ngoài việc làm báo? Cứ vậy, nghề dạy nghề, nhưng tôi cũng thấy cái căn bản triết học từ những năm sơ phạm là nền tảng cho mọi hoạt động, kể cả viết lách của tôi.

Nhưng ảnh hưởng lớn nhất cả đời tôi là tư tưởng Phật giáo, mặc dầu cuối đời mới làm lễ quy.



Phạm Phú Minh cắt bánh sinh nhật khi báo Thế Kỷ 21 bước vào năm thứ chín,
tổ chức vào ngày 12 tháng Mười năm 1997

TDN: Anh thuộc loại đa tài. Viết văn, làm báo, tổ chức các sinh hoạt văn hóa. Có lẽ sinh hoạt văn chương, văn hóa quận Cam mà thiếu anh thì thiếu nhiều lắm. Làm chủ hai tờ báo, đứng ra tổ chức trực tiếp hay gián tiếp hàng chục buổi ra mắt sách và các sinh hoạt văn hóa như hội thảo về *Tự Lực Văn Đoàn*, về *Văn học Miền Nam*, về *Võ Phiến*, về *Nguyễn Mộng Giác* Anh dám đoạt giải là một trong những người năng động nhất trong các sinh hoạt văn hóa ở quận Cam. Cuộc đời anh quả là đầy những hữu ích. Tôi đoán là anh yêu thích văn hóa hơn là sinh kế.

PPM: "*Anh thuộc loại đa tài*," câu của Nho làm tôi rất thích thú nhưng cũng rất ngạc nhiên. Vì chưa bao giờ tôi nghĩ mình là người "có tài" thôi, chứ khoan nói là nhiều tài. Bây giờ tâm sự một chút với Nho. Thờì còn trẻ tham gia hoạt động với anh em, cái món tôi dốt nhất, sợ nhất là tổ chức. Bày ra một việc gì, tôi không biết phải bắt đầu từ đâu, ăn nói trước công chúng thì không sung sướng, hay sợ hãi vu vơ. May là tôi ở giữa một đám bạn rất giỏi, những Lê Đình Điều, Trần Đại Lộc, Đỗ Quý Toàn, Phan Văn Phùng, Hà Tường Cát đều là những tay mà sinh hoạt nào họ cũng có thể tổ chức dễ dàng.

Khi mở ra *Chương Trình Phát Triển Thanh Niên Học Đường (CPS)* mùa hè 1966, anh em đặt tôi phụ trách việc gì Nho biết không? Trưởng ban Tài chánh! Một người tốt nghiệp ban Triết lo về tài chánh! Tôi phải vừa học vừa làm, cuối cùng chi tiêu 20 triệu cho trại công tác năm ấy cũng hoàn tất tốt đẹp. Đó là cái "tài" đầu tiên của tôi: không có ai làm thì mình làm, rồi cuối cùng cũng tạm coi là hoàn thành nhiệm vụ. Nhưng cũng phải nhớ ơn chị Nguyễn Thị Cẩm Hương, một giáo sư Anh văn, lúc đó là Tổng Thủ quỹ đã góp công rất lớn điều hành tốt đẹp quỹ này.

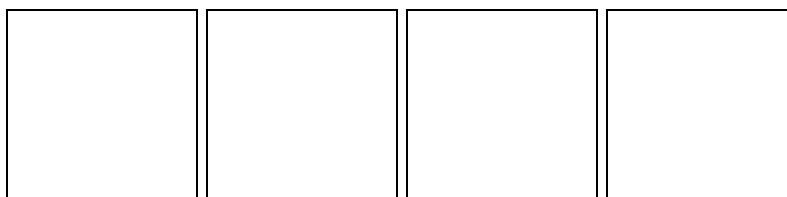
Khi ra nước ngoài năm 1992 cũng vậy, anh em giao cho tôi điều hành tờ *Thế Kỷ 21* xuất bản từ năm 1989, một tờ báo đã ổn định, sáng lập bởi Đỗ Ngọc Yến, Lê Đình Điều, Đỗ Quý Toàn Tôi chỉ là người thừa hưởng những thành tựu của bạn bè, phát triển tờ báo theo đường hướng đã định từ trước. Chính trong việc làm báo *Thế Kỷ 21* mà tôi dần dần thoát ra khỏi trạng thái thụ động vốn là bản chất của tôi. Tôi bắt đầu có những sáng kiến và sự quyết định của riêng tôi, mở những mục mới cho báo, làm những số báo đặc biệt, tổ chức hội thảo với nhiều loại đề tài Chính tôi cũng ngạc nhiên về khả năng mới mẻ này của mình, nhưng nhìn lại thì tôi hiểu là phải như thế thôi. Bạn rất thân của tôi, chuyên viên tổ chức trại và các sinh hoạt từ trước đến nay là Trần Đại Lộc qua đời năm 1997, rồi đến Lê Đình Điều 1999, một cách vô thức tôi tự thay thế họ tổ chức các sinh hoạt văn hóa cho nhóm *Người Việt*.

Với hội thảo và triển lãm về Phạm Quỳnh mà tôi phối hợp với chị Thụy Giao, một nhà báo từ San Jose, tổ chức năm 1999, tôi tự tin hẳn, và không sợ về vấn đề tổ chức nữa. Sự biến chuyển ngay từ bản thân đó khiến tôi phải hiểu thế này: tôi là một người dự trữ của nhóm *Người Việt*, để thay thế cho những tay chuyên về hoạt động tổ chức sẽ mất sớm. Sẵn cái trớn đó, tôi tổ chức các sinh hoạt khác mà Nho đã biết, tương đối thoải mái dễ dàng, khiến chính tôi cũng lấy làm ngạc nhiên.

Thành ra tôi không bao giờ nghĩ mình có tài, là một ý nghĩ rất thành thật. Tôi là người bị (hay được) ép buộc hay đào luyện bởi tình thế với một ý thức trách nhiệm rõ rệt, chứ bản chất của mình thì không có một khả năng, hoặc một thiên hướng tự thân. Đi sâu vào mỗi sinh hoạt thì "ở trong còn lăm điều hay" nhưng tổng quát thì như thế.

TDN: Khi nói tài, theo tôi, là nói đến những gì người ta đã thực hiện được, đã thể hiện ra bằng công việc. Để có một thành tích nào đó, ai mà chẳng trải qua những cái "đốt", cái "sợ"... Điều hành một tờ báo như *Thế Kỷ 21* trong cả 10 năm, để lại một số lượng bài vở đủ mọi mặt, từ văn hóa, văn học, chính trị, xã hội, tôn giáo, thông tin sinh hoạt.... Đó là một tờ báo bách khoa, một dấu ấn lớn của sinh hoạt văn hóa hải ngoại. Đó còn là nơi xuất hiện biết bao nhiêu khuôn mặt cũ, mới.

Đọc lại *Thế Kỷ 21* có thể nói là nhìn lại diện mạo của cái "vang bóng" khá lạ lùng của một VNCH nổi dài. Tôi chỉ mong có được một chút "ép buộc" như anh mà đâu có được. Anh có còn nhớ anh lo cho tờ báo bao nhiêu năm? Bao nhiêu số báo? Đã tạo ra bao nhiêu tên tuổi?



Các bìa báo *Thế Kỷ 21*: Số Ra Mắt; Tranh bìa Thái Tuấn (2000);
Tranh bìa Nguyễn Đồng cho số đặc biệt Phan Thanh Giản;
số đặc biệt Hoàng Đạo với tranh bìa của Đặng Thơ Thơ

PPM: Tờ *Thế Kỷ 21* ra đời vào tháng 5 năm 1989, lúc bấy giờ tôi còn ở Việt Nam. Tôi đến Mỹ vào cuối năm 1992, và bắt đầu vào làm báo này đầu năm 1993, lúc đó chủ nhiệm là Lê Đình Điều, chủ bút là Vương Hữu Bột (*tức Đỗ Quý Toàn*), tổng thư ký là Nguyễn Xuân Hoàng. Trong thực tế, chỉ một mình Lê Đình Điều lo mọi chuyện, vì Nguyễn Xuân Hoàng bận làm tổng thư ký cho nhật báo *Người Việt*, còn Đỗ Quý Toàn ở tuốt bên Canada. Thời gian này tôi tập sự với Lê Đình Điều. Cho đến số tháng 9/1993 thì tôi được phong làm phụ tá cho chủ bút Đỗ Quý Toàn. Tháng 11, 1995 lên chức Tổng thư ký tòa soạn (*thay cho Nguyễn Xuân Hoàng*). Từ năm 1997,

làm chủ nhiệm, với chủ bút vẫn là Đỗ Quý Toàn. Rồi từ khoảng đầu thế kỷ 21, Đỗ Quý Toàn thôi làm chủ bút, tôi thay thế mãi cho đến khi tôi nghỉ sau khi làm xong số 223, tháng 11 năm 2007, và tờ báo cũng không còn là của *Người Việt* nữa, nhưng sau mấy số cũng đóng cửa luôn. Trong số cuối này (số 223) có một truyện ngắn của Trần Doãn Nho, *Một chút Việt Nam*. Tuy chức vụ thì lung tung như thế nhưng trong thực tế thì Lê Đình Điều lo mọi chuyện cho tờ báo cho đến cuối năm 1995 thì tôi lo, vì Điều bận điều hành đài phát thanh VNCR từ giữa năm 1995. Như vậy coi như tôi điều hành mọi chuyện cho *Thế Kỷ 21* từ đầu năm 1996 cho đến 2007, tổng cộng là 155 số trên tổng số 223 số.

TDN: Trong trên hai trăm số báo, về mặt xã hội, chính trị, sử, đời sống, khoa học, anh có còn nhớ những ai đã cộng tác và họ thuộc thành phần nào không? Và riêng về mặt văn chương (*biên khảo, sáng tác...*), anh còn nhớ thuộc thành phần, thế hệ nào? Có ai trong nước cộng tác? Có bao nhiêu số có chủ đề đặc biệt?

PPM: Hỏi như vậy là buộc tôi phải nhìn lại “lịch sử” của tờ báo. Cũng là một việc tốt.

Nhìn lại số đầu trước tiên, gọi là Số Ra Mắt, thay vì gọi số 1. Nó có một Hội Đồng Chủ Biên, với Đỗ Ngọc Yến, Lê Đình Điều, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn Xuân Hoàng v.v... Chủ biên là Nguyễn Xuân Hoàng, phụ tá là Hoàng Khởi Phong. Với một nhóm gọi là Biên Tập (*không có chữ Ban*) khá đông người, xin ghi ra một số: Bùi Bích Hà, Bùi Bảo Trúc, Bùi Vĩnh Phúc, Cao Xuân Huy, Đặng Phùng Quân, Lê Tất Điều, Lưu Trung Khảo, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Mộng Giác, Thế Giang, Trần Thanh Hiệp, Phạm Cao Dương v.v...; và một nhóm Cộng Tác: Mai Thảo, Võ Phiến, Phạm Công Thiện, Phạm Duy, Đào Trung Đạo, Nguyễn Tất Nhiên v.v...

Sờ dĩ tôi phải đi lại từ đầu, để cho Nho thấy khi khởi sự, Thế Kỷ 21 đã có một dàn nhân sự viết lách khá hùng hậu. Nó đã khởi đi như thế. Đến số 2 thì thấy Chủ nhiệm kiêm Chủ bút là Đỗ Ngọc Yến. Số 3 lại đổi mới: Chủ nhiệm Đỗ Ngọc Yến, Chủ bút Vương Hữu Bột (*Đỗ Quý Toàn*), Chủ biên Văn học Nguyễn Xuân Hoàng, Chủ biên Biên khảo Lê Đình Điều. Như tôi đã đề cập ở trên, thay đổi vị trí cho hợp lý thôi, thực tế Lê Đình Điều làm mọi việc. Bốn năm sau số ra mắt (*tháng 5, 1989*) tôi mới gia nhập vào làm việc biên tập lẫn trị sự, và sáu năm sau, từ đầu năm 1996, tôi mới thật sự “nắm” tờ báo. Dĩ nhiên sáu năm sau thì người cộng tác bài vở có thêm bớt so với lúc ban đầu. Những vị như Nguyễn Tất Nhiên, Phạm Duy, Mai Thảo, Lưu Trung Khảo, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng v.v... hầu như không còn đóng góp bài vở nữa, một số vì có tờ báo riêng của họ. Một số cây bút cũ tiếp tục, cộng với nhiều cây bút mới đóng góp thường xuyên:

– Về bình luận thời sự kinh tế chính trị: Ngô Nhân Dụng, Tôn Thất Thiện, Nguyễn Quốc Khải, Nguyễn Mạnh Hùng, Lê Mạnh Hùng, Đinh Xuân Quân, Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Minh Cần, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Xuân Nghĩa, Cổ Lũy...

– Về biên khảo (*lịch sử, văn hóa, văn học...*): Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Lê Văn Lân, Trương Bảo Sơn, Trần Gia Phụng (Canada), Trần Anh Tuấn, Trần Kiên Đoàn, Tôn Thất Thiện (Canada), Vũ Thư Hiên (Pháp), Đoàn Thanh Liêm, Trần Hữu Thục, Trần Ngọc Ninh, Nguyễn Hưng Quốc (Úc) Nguyễn Văn Tuấn (Úc), Trần Từ Mai (tức Trần Huy Bích), Trần Ngươn Phiêu, Ngô Thế Vinh, Nguyễn Hoài Vân (Pháp), Nguyễn Duy Chính, Phan Quốc Sơn, Như Phong Lê Văn Tiến, Cung Tiến, Thụy Khuê (Pháp), Trần Đông Phong, Nguyễn Hữu Chi (Canada), Đặng Tiến (Pháp), Vũ Quốc Thúc (Pháp), Trần Minh Tùng, Tiêu Dao Bảo Cự (Việt Nam), Hà Sĩ Phu (Việt Nam), Nguyễn Minh Cần (Nga), Huỳnh Hữu Ủy, Võ Phiến, Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, Lâm Lễ Trinh, Lê Xuân Khoa, Nguyễn Mạnh Hùng, Lê Mạnh Hùng (Luân Đôn), Đoàn Viết Hoạt, Phạm Đỗ Chí, Từ Trì (Pháp), Lưu Văn Vịnh, Phan Thanh Tâm, Nguyễn Hữu Chung (Canada), Nguyễn Gia Tiến (Thụy Sĩ), Nguyễn Quốc Trị, Bùi Hạnh Nghi (Đức), Quỳnh Giao, Lữ Phương (Việt Nam), Trần Trung Đạo, Đào Trung Đạo, Nguyễn Huệ Chi (Việt Nam), Phạm Công Thiện, Thang Ma v.v...

– Về sáng tác (*thơ, văn*): Trần Mộng Tú, Trần Hồng Châu, Tạ Tỵ, Dương Kiên (Na Uy), Võ Phiến, Cung Tích Biền (VN), Trần Doãn Nho, Hồ Minh Dũng, Hồ Phú Bông, Lý Thừa Nghiệp (Úc), Chu Vương Miện, Trần Văn Lệ, Nguyễn Tường Thiết, Đặng Thơ Thơ, Nguyễn Lê Hồng Hưng (Hòa Lan), Kiệt Tấn (Pháp), Trần Yên Hòa, Song Thao (Canada), Hồ Đình Nghiêm (Canada), Hoàng Chiêu Nhân (Canada), Lưu Văn Vịnh, Nguyễn Hiền (Hòa Lan), Vũ Thư Hiền (Pháp), Lê Lô, Từ Thức (tức là Trần Công Sung, Pháp), Trần Bang Thạch, Trang Châu (Canada), Trần Huy Sao, Tôn Nữ Thu Nga, Luân Hoán (Canada), Lê Minh Hà (Đức), Trần Ngọc Tuấn (Tiệp), Phạm Thị Hoài (Đức), Hòa Đa, Lê Tất Điều, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Thị Kim (VN), Phan Lạc Tiếp, Hà Kỳ Lam, Hoàng Khởi Phong, Sơn Diễm Vũ Ngọc Ánh, Hồng Khắc Kim Mai, Trần Quán Niệm, Tường Linh (VN), Mạc Phương Đình, Nguyễn Đức Tường (Canada), Bùi Bích Hà, Xuân Đỗ, Du Tử Lê, Hoàng Quân (Đức), Nguyễn Văn Thực (Nguyễn Văn Thà -NaUy), Tâm Thanh, Khánh Hà (Na Uy)... Còn nhiều, không thể kể hết được.

Nói chung, những người đóng góp bài vở cho *Thế Kỷ 21* (không kể các tác giả đã qua đời mình đăng lại tác phẩm của họ như Nhất Linh, Khái Hưng, Hồ Hữu Tường, Tạ Ký...) mà tôi liệt kê tên ở trên phần lớn đều là những tên tuổi nhiều người biết, đọc qua là biết thành phần xã hội và thành tích của họ. Có thể nói là những tên tuổi nặng ký, không chỉ riêng trong giới cầm bút hải ngoại, mà là của Việt Nam.

Nhưng tôi sẽ rất thiếu sót nếu không nhắc tới các họa sĩ đã đóng góp tài hoa của mình để giúp cho phần mỹ thuật của tờ báo. Trước hết là đôi nghệ sĩ Nguyễn Đồng-Nguyễn Thị Hợp, suốt 18 năm từ số đầu tiên cho đến số cuối cùng của *Thế Kỷ 21* đã giữ công việc trình bày bìa báo và đóng góp các minh họa cho các trang trong. Họa sĩ Ngọc Dũng và Vũ Thái Hòa (Pháp) ngay trong những số đầu tiên đã đóng góp nhiều hình vẽ trang trí (vignette), các năm sau có các họa sĩ Thái Tuấn, Đinh Cường gửi tranh đóng góp rất tích cực lâu dài. Các họa sĩ cũng nhiều lần gửi hình chụp các bức tranh quan trọng của mình để làm bìa báo. Thời đó, thập niên cuối của thế kỷ 20, quý vị họa sĩ đều gửi họa phẩm trên giấy, bằng đường bưu điện. Về hý họa, các số đầu thường có tác phẩm ký tên Gúc và Kúm (cho tới nay tôi cũng chưa được biết quý vị này là ai), rồi đến họa sĩ Hiếu Đệ cộng tác một thời gian. Họa sĩ Babui Mamburao vẽ hý họa cho *Thế Kỷ 21* trong mười mấy năm liền cho đến ngày báo đóng cửa.

Lục báo cũ riết mấy hôm nay tôi cũng thấy thấm mệt rồi. Về những số báo đặc biệt thì tôi nhớ đầu nói đó thôi nhé: Võ Phiến; Khái Hưng; Phạm Quỳnh; Hồ Hữu Tường; Nhất Linh; Hoàng Đạo; Thạch Lam; Phan Thanh Giản; Nguyễn Gia Trí; Thanh Tâm Tuyền; Trần Văn Tuyên; Từ Chung; Vũ Hoàng Chương; Hà Nội; Sài Gòn; Hội thảo Văn Học Hải Ngoại; Thành Tựu và Tiềm Năng; Cải cách ruộng đất; Sông Cửu Long. Có thể còn, nhưng ít và không quan trọng. Muốn xem lại *Thế Kỷ 21* một cách nhanh chóng, Nho có thể vào mục Thư Viện trên *Người Việt Online*, tìm *Thế Kỷ 21* bấm xem là tiện nhất.

TDN: Trong dịp lục tìm lại báo cũ để nói chuyện với anh, tôi tò mò đọc lại nhiều số *Thế Kỷ 21* và với con mắt tương đối khách quan, tôi đã gặp những số báo rất hay. Càng về sau hình như càng hay. Tôi bỗng nhớ đến lời Đỗ Quý Toàn nói hôm tôi tới thăm tháng 7/2016 vừa rồi: “*Công lớn của ông Minh là thời gian làm báo Thế Kỷ 21, cho đến số cuối cùng.*” Theo tôi, đó là một cái nhìn sâu sắc và toàn diện.

PPM: Cám ơn Nho, cám ơn Đỗ Quý Toàn. Nghe lời khen, tôi thực sự ngạc nhiên. Tôi nghĩ là quý vị sẽ nói công của tôi là tổ chức các cuộc triển lãm và hội thảo, với nhiều thành công vang dội trong xã hội nhưng Nho và Toàn chỉ nhắc tới *Thế Kỷ 21*. Mà nghĩ cho cùng, tổ chức triển lãm hội thảo là công tác nổi, chính làm báo mới là công việc âm thầm mà có ảnh hưởng lâu dài.

TDN: Đúng thế, anh Minh. Theo tôi, có thể nói tạp chí *Thế Kỷ 21* là “hoi thờ” của miền Nam thời VNCH. Không chỉ là vì *Thế Kỷ 21* có mặt của nhiều, rất nhiều những nhân vật đã từng góp

phần xây dựng và duy trì chế độ miền Nam về mặt chính quyền cũng như về mặt văn hóa xã hội, mà còn vì cái cách thể hiện, tính chất văn hóa, sự thảo luận nghiêm túc, đứng đắn và lương thiện. Nó cho thấy, những người thua cuộc chỉ “thua cuộc” chứ không thua về chính nghĩa, không thua về văn hóa, về tính nhân bản, về sự tự do cũng như về mặt trí tuệ. Những bài viết trong *Thế Kỷ 21* không có cái ngậm ngùi của những kẻ lưu vong, cũng không có cái hằn học của những kẻ thất cơ lỡ vận, hay đổ lỗi cho “ai đó”, mà tràn đầy niềm tin ở một nước VN sẽ được phục hồi. Là một chủ biên, anh có nhận thấy như thế không?

Thế Kỷ 21 cũng còn là “hơi thở” của hải ngoại, về phương diện văn chương, chính trị, tranh đấu cũng như về phương diện đời sống. Nhiều mặt sinh hoạt phong phú của đồng bào hải ngoại cũng như các sự kiện chính trị, xã hội trên thế giới đã được đưa vào. Từ chuyện lạm dụng tình dục trẻ em của một số cha cố ở Hoa Kỳ, cải cách ruộng đất ở miền Bắc, kỷ niệm 40 năm vụ thảm sát Mậu Thân của Cộng Sản Việt Nam, vụ Khủng Bố 9/11 Hoa Kỳ, những tiết lộ mới về cái chết của tổng thống Ngô Đình Diệm, đại hội điện ảnh Việt Nam quốc tế, những khám phá của khảo cổ học về Thánh kinh, Cộng Sản Việt Nam phá bia tưởng niệm thuyền nhân tỵ nạn ở Galang và Bidong. Văn văn. Cũng ghi nhận phần sách báo trong tháng, nơi Phạm Xuân Đài đã rất công phu và đầy thiện chí giới thiệu những sách mới. Không phải chỉ là những dòng giới thiệu khô khan, mà là những bài điểm sách nho nhỏ, để giúp độc giả có một cái nhìn về tác phẩm, chứng tỏ người đọc đã bỏ ra thì giờ và công sức, chứ không chỉ “làm cho có”. Anh đã làm công việc này như thế nào?

PPM: Hai đoạn viết về “hơi thở” của Nho rất hay, đó là những nhận xét rất sắc sảo của một cái nhìn khách quan và trí tuệ. Các nhận xét vừa rồi của Nho lâu nay tôi chỉ cảm nhận một cách mơ hồ, bây giờ mới có người phân tích một cách rành mạch. Tôi sẽ dựa vào các nhận xét ấy để khai triển thêm, vì mình là người trong cuộc, bây giờ có một cái nhìn vô tư của “người ngoài” thì dễ cho mình nhìn lại mọi chuyện hơn.

Người thực hiện tờ báo cứ lo cấm cú làm, có khi không ý thức hết những điều như Nho nhận xét, nhưng khi đọc thì thấy rất đúng, rất phục. Nếu Nho định gợi ý cho tôi đưa ra những nhận xét tổng quát của mình về tờ *Thế Kỷ 21* thì tôi nghĩ chỉ cần khai triển hai đoạn vừa nói là cũng đủ vinh dự cho *Thế Kỷ 21* lắm rồi. Còn nếu đi sâu vào từng vấn đề của tờ báo, về từng số báo thì lúc đó lại là những công phu khác, phức tạp hơn.

PPM: Buổi sáng nay tôi ngồi xem lại những số báo *Thế Kỷ 21* đầu tiên, bắt đầu từ tháng 5-1989. Thời gian đó tôi mới ra tù được hơn một năm, mùa hè 1989 tôi lần đầu tiên đi Hà Nội, để rồi về viết *Hà Nội Trong Mắt Tôi*. Thời đó anh em ở Mỹ bắt đầu giao động một cách phấn khởi vì những biến chuyển ở Nga và Đông Âu. Những anh em cốt cán của báo Người Việt như Đỗ Ngọc Yến, Lê Đình Điều, Đỗ Quý Toàn, Hoàng Ngọc Tuệ v.v... bàn với nhau: nhật báo *Người Việt* là cơ quan thông tin cho cộng đồng, đồng thời cũng là nơi làm ra tiền để nuôi sống anh em. Cần phải có thêm một tờ tạp chí để nói lên ước vọng, lý tưởng đối với đất nước Việt Nam. Vì thế *Thế Kỷ 21* ra đời đúng vào giữa năm 1989.

Tại sao lấy tên *Thế Kỷ 21*?

Đỗ Ngọc Yến, người đứng đầu nhóm, viết bài mở đầu cho *Số Ra Mắt*, với nhan đề: “Thập niên 90: bước chuyển tiếp đưa Việt Nam vào thế kỷ 21”. Vậy *Thế Kỷ 21* coi như là mục tiêu mà tờ báo nhắm tới. Thập niên 90 là 10 năm rèn dũa, chuẩn bị chào đón thế kỷ mới, mà mọi người coi sẽ là sân khấu chính cho quá trình đổi mới và xây dựng Việt Nam.

TDN: Thì ra thế! Xin anh tiếp...

PPM: Qua những số báo mở đầu, với những cây bút uy tín từ trước 1975 ở Việt Nam: Đỗ Quý Toàn, Phạm Cao Dương, Trần Thanh Hiệp, Võ Phiến, Phạm Duy, Mai Thảo, Nguyễn Mộng Giác, Phạm Công Thiện, Hà Thúc Sinh, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Ngọc Bích, Lê Đình Điều...;

cộng với các cây bút mới nổi ở hải ngoại như Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Bá Trạc, Trần Mộng Tú, Trần Diệu Hằng, Đỗ Kh., Hoàng Mai Đạt... đã tạo ngay tức khắc những số báo nặng ký. Rất trí tuệ. Rất điềm tĩnh. Không hô khẩu hiệu. Không nặng cảm tính. Nghĩa là rất trưởng thành, có trình độ và viễn kiến cao.

Khi tôi bước vào tòa soạn Thế Kỷ 21 trên đường Moran thì tờ báo được ba tuổi rưỡi.

Bây giờ tôi nói qua về việc điểm sách. Lê Đình Diêu là người sáng lập ra mục Sách Báo Trong Tháng, khi tôi vào làm thì đã có mục này, viết khá kỹ. Tôi vốn thích đọc sách, nên xin giữ một chân, mỗi tháng góp nhận xét cho vài ba tác phẩm. Từ đó các bài điểm sách của tôi được nhiều người thích, và dần dần tôi là người duy nhất phụ trách mục đó.

Nhưng làm một mình thì đó là công việc nặng nhọc, trung bình mỗi tháng tôi phải đọc khoảng 10 cuốn sách. Dĩ nhiên không thể đọc hết tất cả các trang của một cuốn sách, nhưng phải tới một mức nào đó để có thể có nhận xét riêng về văn phong, kỹ thuật và câu chuyện trong sách hầu có thể trình bày trong ít chục dòng. Mỗi lần viết điểm một quyển sách tôi như đang sáng tác một cái gì đó, cũng phải động não, rút ruột để nhận định rồi lựa một cách viết cho phù hợp. Nói chung là nặng nhọc, tuy chỉ viết một đoạn ngắn ngắn trong một mục cuối cuốn báo.

Tôi nhớ thời ấy có lần Khánh Trường tới nhà tôi chơi, khen phần điểm sách của Thế Kỷ 21, cho là khá so với một số các tạp chí khác. Cùng trong nghề, Khánh Trường cười cười: Tay nào viết giới thiệu sách cũng vậy, lật sách coi có lời Tựa không, không có thì hơi buồn. Vì có lời Tựa thì công việc rất nhanh, chỉ cần trích vài ba nhận xét (và khen ngợi) của người khác bỏ vào bài là coi như xong (tôi cũng có dùng “phương pháp” này, nhưng ý của tôi mới là ý chính). Một độc giả ở Texas, anh Thiện Ý (thỉnh thoảng cũng có viết bài cho Thế Kỷ 21) đề nghị tôi tập hợp những bài điểm sách để in thành sách. Nhưng tôi thấy chưa tới mức đó, các bài viết tuy có kỹ nhưng chưa đạt đến chỗ phê bình sách. Tôi tự thấy mình chưa có trình độ của một nhà phê bình, chỉ nhận xét với tư cách một người đọc sách bình thường, nói ra cảm nghĩ và một số nhận xét của mình cốt chỉ để giới thiệu sách mới cho độc giả tờ báo của mình thôi. In thành sách phải ở một trình độ khác.

Phạm Công Thiện, vốn từ trước chưa quen biết gì với tôi hết, cũng vì đọc Thế Kỷ 21 mà tìm đến nhà tôi chơi mà thành bạn. Có lần Thiện nói đại ý thấy được tấm lòng của tôi qua những bài điểm sách. (Tôi không nhớ mình có điểm cuốn nào của Phạm Công Thiện không).

Khi viết điểm sách, tôi có một quan điểm chung thế này: phải gắng tìm ra ưu điểm để khen, không đào bới khuyết điểm để chê, trừ một số trường hợp cần thiết. Tôi nghĩ đã bỏ nước ra đi tị nạn xứ người, đã lo làm lụng cực nhọc để sống mà còn chịu khó bỏ công viết lách, in sách thì đã là một việc đáng khen, nên khuyến khích. Nên hầu hết bài nào tôi cũng có ý kiến tích cực. Một hôm có một phụ nữ gọi tôi, xưng là độc giả Thế Kỷ 21, trách tôi đã làm cho bà ta mua lầm một quyển sách quá dở, chỉ vì những lời khen của tôi trong bài điểm sách.

Nhưng cũng có lần vì tôi chê một quyển sách mà ông tác giả gần như mở một cuộc bút chiến với tôi!

TDN: Anh cho biết tiếp cách điều hành tờ báo. Cũng xin hỏi rõ: trong việc điều hành và chọn lựa bài vở, anh hoàn toàn tự quyết định hay phải qua Ban Điều Hành của công ty Người Việt (và nhật báo Người Việt)? Nhân tiện, xin anh ghi lại cho vài chi tiết sau (một cách tổng quát): anh đã tổ chức hay bảo trợ tổ chức bao nhiêu lần ra mắt sách và hội thảo, nói chung là các sinh hoạt văn hóa, xã hội? Và Thế Kỷ 21 đã đứng ra xuất bản bao nhiêu đầu sách?

PPM: Về “khung” tổ chức, chúng ta thấy có in trên báo Thế Kỷ 21 một Hội Đồng Quản Trị khoảng 7, 8 người. Tùy thời gian số người này có thể thay đổi, có khi người này ra, người khác vào, nhưng trong đó luôn luôn có các vị như Đỗ Ngọc Yến, Đỗ Quý Toàn, Hoàng Ngọc Tuệ, Phạm Phú Minh... Đó là một hội đồng có tính cách tượng trưng, để cho thấy Thế Kỷ 21 có một tập thể độc lập coi ngó chứ không phải phụ thuộc vào báo Người Việt. Trong thực tế, hội đồng đó không làm việc thường xuyên, người được chỉ định hoặc bầu ra để làm chủ nhiệm hay chủ bút quyết định mọi việc trong việc điều hành tờ báo.

Riêng tôi từ 1995 bắt đầu sát cánh với Điều trong việc lo bài vở, và từ đầu năm 1997 thì một mình tôi lo cho đến số cuối cùng. “Lo” đây là toàn quyền trong việc chọn lựa bài, thêm mục này, bớt mục kia, tìm ra và quyết định những người hợp tác mới, có sáng kiến làm những số báo có chủ đề đặc biệt. Nói chung, toàn bộ nội dung của tờ báo là do một mình tôi trách nhiệm. Người tham gia sát cánh với tôi nhất là Đỗ Quý Toàn như một cây bút chủ lực về bình luận thời sự chính trị, và giữ một mục nhiều người đọc là Sổ Tay, gom những bài bình luận do Toàn viết đã đăng trên báo Người Việt suốt tháng qua, sửa chữa lại cho gọn và làm nên mục này. Toàn và Điều (mất năm 1999) là những người hay góp ý về nội dung lẫn hình thức của tờ báo.

Trong tất cả các anh em, tôi là người duy nhất làm việc *full time* cho Thế Kỷ 21. Tôi làm việc tại nhà, không có văn phòng tại báo Người Việt. Sau khi Điều mất thì tôi tham gia thêm công việc của đài phát thanh VNCR, viết bài, đọc bài, và vào thời gian cuối, làm Tổng giám đốc.

Điều tích cực nhất cho bản thân tôi từ khi tôi lãnh trách nhiệm làm báo Thế Kỷ 21 là sự quan hệ xã hội. Rất nhanh tôi có được một mạng lưới rất tin cậy từ những người cộng tác, hầu như khắp thế giới. Tôi cho việc này là cái được lớn nhất cho cả cuộc đời tôi, đôi khi làm tôi ngạc nhiên. Từ những vị trí thức mình nghe tiếng đã lâu như Tôn Thất Thiện, Nguyễn Ngọc Bích, Trần Huy Bích, Phạm Cao Dương, Võ Phiến, Phạm Duy, Nguyễn Gia Kiểng, Thụy Khuê ... tự nhiên đến một lúc nào đó bỗng thành những người bạn tâm giao; các người cầm bút cùng lứa với mình, hoặc trẻ hơn như các anh em đi từ Hà Nội đang ở Đông Âu trở nên thân thiết thì rất đông; đặc biệt các gia đình như Phạm Quỳnh, Nguyễn Tường Tam, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Trương Bào Sơn, Le Mur Nguyễn Cát Tường... thì tuy tôi mới quen biết trong thời kỳ làm báo Thế Kỷ 21, nhưng ngay lập tức cảm thấy gần gũi quen biết nhau như từ lâu lắm rồi, đến độ coi nhau gần như bà con; một số các cây bút trẻ như Nguyễn Văn Thục (Na Uy), Tôn Nữ Thu Nga, Hoàng Quân (Đức)... đã đến với Thế Kỷ 21 và coi tôi như một người bạn lớn tuổi.

Trong một chuyến đi du thuyền với bạn bè trên biển Baltic, tôi lên bến Oslo (Na Uy) được hai vợ chồng nhà văn Tâm Thanh-Khánh Hà đón ở bến tàu để đưa đi chơi. Buổi trưa về nhà anh chị thì được gặp các bạn văn cư ngụ ở Oslo Nguyễn Văn Thục, Trương Kim Anh, Song Chi cùng nhau ăn uống. Trong bữa ăn, Nguyễn Văn Thục nói với mọi người một câu khiến tôi sửng sốt: “*Không có anh Phạm Phú Minh thì cũng không có Nguyễn Văn Thục.*” Thục giải thích ngay: “Anh Minh đã đăng các sáng tác của tôi trên báo Thế Kỷ 21, nhà xuất bản Thế Kỷ của anh đã ấn hành hai cuốn sách của tôi.” Lúc đó tôi mới hiểu ảnh hưởng sự phổ biến bài vở của một tác giả trẻ trên Thế Kỷ 21 có tầm quan trọng như thế nào. Tối hôm đó trở lại tàu tôi kể lại với các bạn cùng đi câu nói của Nguyễn Văn Thục, thì anh Nguyễn Tường Thiết lại làm tôi sửng sốt hơn nữa khi thốt ra: “*Tôi cũng thế, không có anh thì không có tôi.*” Các câu nói đó chỉ để khẳng định một điều: tờ báo Thế Kỷ 21 quả là có ảnh hưởng khá quan trọng đối với uy tín của các cây bút cộng tác.

Không có mạng lưới quen biết được thành hình một cách rất tự nhiên do việc làm báo thì coi như tôi không thể nào làm thành công trong việc làm báo nói chung, hoặc khi thực hiện những số báo đặc biệt, hay lớn lao hơn, tổ chức các buổi tưởng niệm, triển lãm, hội thảo Cái mà tôi gọi là “mạng lưới” đó thật ra là một khối tinh thần, một tình thân thiết, tin cậy xuất hiện giữa tôi và một

số rất đông người trong giới văn hóa. Dĩ nhiên là qua tờ báo, nhưng đôi khi tôi thấy tờ Thế Kỷ 21 chỉ là một cái có, một chất xúc tác trực tiếp, còn cái duyên chữ nghĩa, duyên văn nghệ, văn hóa giữa mình và họ dường như đã tồn tại sẵn đâu tự bao giờ...

Trở lại mấy câu hỏi của Nho về các buổi ra mắt sách, các chương trình hội thảo, triển lãm, các số báo đặc biệt và việc xuất bản sách của Thế Kỷ 21. Đó là các mảng khác nhau về tính chất và tầm cỡ tổ chức.

Về sinh hoạt ra mắt sách, thực ra tôi rất ít khi tổ chức. Người khác tổ chức và mời mình phát biểu thì nhiều. Có thời gian anh em ta viết sách rất hăng, và trong chỗ bạn bè mình phải nhận lời mời phát biểu cũng hơi dồn dập. Cũng có trường hợp họ đưa sách đọc trước, mình thấy không thích hợp để phát biểu, phải từ chối. Các buổi ra mắt sách là loại sinh hoạt nhỏ, gọn, ảnh hưởng trong xã hội không lớn, nhưng nó hâm nóng hoạt động văn học nghệ thuật trong cộng đồng.

Không thể nhớ hết đã phát biểu bao nhiêu lần ra mắt sách, nhưng nhớ một số bài phát biểu mà chính mình và tác giả cuốn sách đều hài lòng. Ví dụ bài nói về cuốn *Thơ Tuyển Bốn Mươi Năm 1969-2009* của Trần Mộng Tú; bài điểm cuốn *Hồi ký* của Vũ Quốc Thúc (tác giả ở Pháp nhưng nhờ nhà xuất bản tổ chức ra mắt sách tại báo Người Việt, Nam California, Hoa Kỳ. Xong việc, tôi gửi bài phát biểu qua Pháp cho tác giả đọc, được trả lời: *Tôi đang bệnh, nhưng đọc bài của anh tôi hết bệnh*)...

TDN: Trong số nhiều sinh hoạt mà anh đứng ra, trực tiếp hay gián tiếp, tôi có tham dự và làm thuyết trình viên vài lần. Gây ấn tượng cho tôi nhiều nhất là cuộc hội thảo về Tự Lực Văn Đoàn và Văn Học Miền Nam. Riêng anh, (những) lần sinh hoạt nào khiến cho anh mãn nguyện nhất?

PPM: Hai cuộc hội thảo sau đây để lại cho tôi nhiều ấn tượng tích cực nhất:

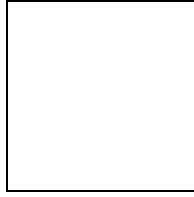
– Ngày Phạm Quỳnh: Đối với tôi, Phạm Quỳnh gần như là một nhân vật huyền thoại. Tổ chức Ngày Phạm Quỳnh (tháng 5, 1999) và làm số báo Thế Kỷ 21 về Phạm Quỳnh là những việc tôi cho là cần thiết để chiếu rọi ánh sáng vào nhiều nơi còn khuất lấp trong cuộc đời cũng như trong cái chết của ông.

Trước ngày hội thảo tôi có một buổi gặp gỡ các người con của học giả Phạm Quỳnh là chị Phạm Thị Hảo (con gái thứ năm của học giả, đến từ Maryland), chị Phạm Thị Hoàn (con gái thứ tám, đến từ Paris), anh Phạm Tuân (con trai út, cũng đến từ Maryland). Buổi trò chuyện này được công ty điện toán Kicon quay phim và đưa lên mạng lưới Internet toàn cầu. Ngoài những kỷ niệm êm đềm trong gia đình do bà Hoàn và ông Tuân gợi lại, bà Phạm Thị Hảo đã kể chuyện đi tìm hài cốt của cha vào năm 1956 do chính bà thực hiện. Lần đầu tiên sự việc này được người trong gia đình thuật lại, khiến nhiều người rất xúc động.

Tôi xin trích một đoạn thư của anh Phạm Tuân gửi ban tổ chức sau khi Ngày Phạm Quỳnh kết thúc:

“Là người con của gia đình, sau khi dự Ngày Phạm Quỳnh về lại Maryland, tôi còn cảm thấy bàng hoàng, xúc động trước những sự việc xảy ra, với những gì các anh chị bên ấy đã làm... Ngày 8 tháng Năm 1999 là một ngày khó quên, ngày mà chúng tôi, những hậu duệ của cố học giả Phạm Quỳnh mong mỏi, chờ đợi từ hơn một nửa thế kỷ! Với ‘Ngày Phạm Quỳnh’ cha tôi đã sống lại trước lịch sử! (...)

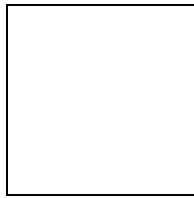
Chẳng nói nhiều, các anh chị cũng thừa hiểu chúng tôi cảm kích, tri ơn công việc của các anh chị sâu xa đến chừng nào.” (*Phạm Tuân – Silver Spring, MD*).



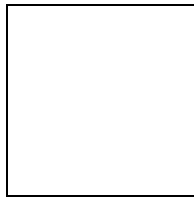
Từ trái: Phạm Tuân, Phạm Thị Hoàn, Phạm Phú Minh,
Phạm Thị Hảo và Tôn Nữ An (cháu ngoại Phạm Quỳnh)
trong buổi trao đổi tại Kicon, 5.1999.

– Triển lãm và Hội thảo về báo Phong Hóa Ngày Nay và Tự Lực Văn Đoàn: Đã diễn ra trong hai ngày 6 và 7 tháng 7 năm 2013 tại báo Người Việt, Nam California. Từ mười năm trước tôi đã làm số báo Thế Kỷ 21 đặc biệt và xuất bản một cuốn sách về Nhất Linh. Rồi đến năm 2011 cùng với một số anh chị em sưu tầm và số hóa xong báo Phong Hóa và Ngày Nay. Vào mùa hè năm 2012 anh Nguyễn Tường Thiết cho tôi biết vào tháng 7 năm 2013 bà con Nguyễn Tường sẽ tề tựu về Little Saigon để làm đám giỗ kỷ niệm 50 năm Nhất Linh qua đời (7/7/1963 – 7/7/2013), tôi bỗng nảy ra ý “phải làm một cái gì đó” nhân dịp này. Đây là lần đầu tiên sáng kiến tổ chức do một mình tôi nghĩ ra, những lần khác là do gợi ý và cùng bàn bạc với một số bạn bè.

Hậu duệ của thế hệ Tự Lực Văn Đoàn trong ngày hội thảo tại Nhật Báo Người Việt.

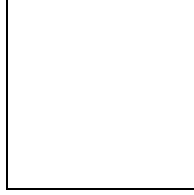


Từ trái: Bác Sĩ Nguyễn Tường Giang (con trai nhà văn Thạch Lam), nhà văn Doãn Quốc Sĩ (con rể nhà thơ Tú Mỡ), ông Trần Khánh Triệu (con nuôi nhà văn Khái Hưng), nhà văn Phạm Thảo Nguyên (con dâu nhà văn Thế Lữ), nhà văn Nguyễn Tường Thiết (con trai nhà văn Nhất Linh), bà Minh Thu (con gái nhà văn Hoàng Đạo). (Hình: Triết Trần/Người Việt)



Kỷ Yếu Triển Lãm Và Hội Thảo Về Báo
Phong Hóa Ngày Nay Và Tự Lực Văn Đoàn

Như mọi người đã thấy, đây là một công cuộc sinh hoạt triển lãm và hội thảo về văn học có quy mô lớn nhất từ trước đến nay tại hải ngoại. Cuốn Kỷ Yếu và bộ DVD về cuộc hội thảo đã ghi lại diễn tiến suốt hai ngày. Tôi nghĩ tầm vóc cuộc triển lãm và hội thảo cùng số người tham dự đông đảo một cách khác thường xứng đáng với tầm quan trọng của Tự Lực Văn Đoàn và ảnh hưởng của nó đã tạo được trong xã hội.



Hội Thảo Về Văn Học Miền Nam 1954-1975

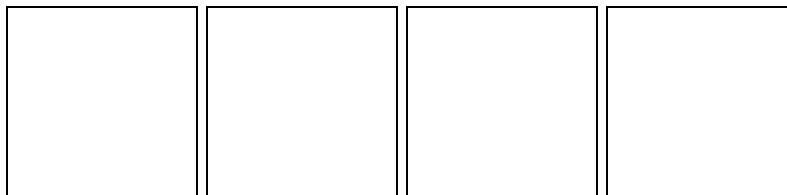
Cuộc hội thảo Văn học Miền Nam do anh Nguyễn Hưng Quốc đứng ra tổ chức năm 2014 tôi cũng rất tâm đắc, vì cũng là mảng văn học bị cộng sản vùi dập, chúng ta cùng ngồi lại đặt để lại giá trị tự thân của nó.

TDN: Ngoài phần làm báo, tổ chức sinh hoạt văn học nghệ thuật, anh còn đứng ra xuất bản một số tác phẩm có tính chất đặc biệt, chẳng hạn như tuyển tập *Võ Phiến*, truyện của Nguyễn Bình Phương và một vài tác giả khác. Tập *kỷ yếu Tự Lực Văn Đoàn* cũng rất công phu, sẽ trở thành một tài liệu văn học quý giá sau này. Với riêng cá nhân tôi, tác phẩm gây nhiều ấn tượng nhất là *Nghệ Thuật tạo hình Việt Nam* của Huỳnh Hữu Ủy. Một, đó là công trình biên khảo hội họa duy nhất tính cho đến nay về hội họa Việt Nam; và hai, Ủy là bạn thân của tôi, chúng tôi đã sống qua cả một thời nhiễu nhương từ khi còn mài đũa quần trong lớp đệ thất cho đến nay khi ra hải ngoại và theo dõi rất sát, rất kỹ con đường viết lách của Ủy. Trong lời đề tựa cho cuốn sách, anh cho biết “chi phí in ấn khá cao” khiến cho việc in tác phẩm này mất nhiều thời gian và cần sự giúp đỡ của nhiều người có thiện chí với nghệ thuật. Cho nên, khi cầm cuốn sách trên tay, độc giả “cảm thấy được sức nặng của bao khó nhọc, bao quyết tâm và bao tấm lòng.”

Nhưng nói chung, dù là làm gì và làm cho ai, tôi thấy trong đó có tấm lòng của anh đối với văn học nghệ thuật Việt Nam, đúng không? Đó có phải là động lực thúc đẩy anh làm việc? Hay có yếu tố nào khác?

PPM: Đang làm báo, sao lại nhảy vào việc xuất bản?

Mọi chuyện tình cờ thôi. Tháng 7 năm 2002 tôi thực hiện số đặc biệt về Nhất Linh, khá tốt, với sự yểm trợ tài liệu của cô Kim Anh con ông Trương Bảo Sơn từ Canada, và Nguyễn Tường Thiết từ Seattle mà tôi mới quen biết. Số báo đó bán chạy, một thời gian ngắn là tuyệt bản, đó là một hiện tượng hiếm có trong làng báo. Nhiều người gửi thư về tòa soạn hỏi mua, vì địa phương của họ không còn số nào. Đến một lúc tòa soạn cũng hết luôn, tôi nghĩ phải làm một cuốn sách, chứ có ai đi “tái bản” một số báo bao giờ. Thế là tôi bắt tay làm cuốn *Nhất Linh Người Nghệ Sĩ Người Chiến Sĩ*, với bài vở lấy từ số báo cũ cộng thêm một số bài viết mới. Vì tài liệu về Nhất Linh phong phú và thú vị quá nên tôi quyết định làm một cuốn sách thật đẹp, in màu trên giấy láng. Được cái, tuy nhà xuất bản là Thế Kỷ (do Điều sáng lập, đã xuất bản một số sách), nhưng tất cả kinh phí in ấn lần này đều do Người Việt đài thọ hết.



Đến *Tuyển Tập Võ Phiến* cũng thế, tôi đứng ra chủ trương nhưng nhật báo Người Việt lo chuyện in ấn bên Đài Loan, theo chỉ dẫn của chị Trương Anh Thụy in tại nhà in quen, do một người Tàu Chợ Lớn quản lý. Tôi giới thiệu nhà in này cho một số bạn bè, từ đó Song Thao cho đến hôm nay vẫn còn in *Phiếm* với ông Tàu Chợ Lớn này.

Sau vụ này tôi “đỡ đầu” việc xuất bản sách của một tác giả mới của Thế Kỷ 21, là Nguyễn Văn Thực bên Na Uy, quyển *Người Thích Nhìn Vú* và *Bên Giòng Sông Hằng*. Rồi đến sách của Nguyễn Đức Tường, *Tà Áo Văn Quân*.

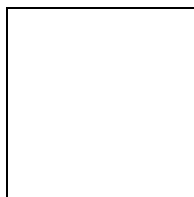
Cuốn *Nghệ thuật tạo hình Việt Nam* của Huỳnh Hữu Ủy thoát đầu tôi cũng có ý định tự mình xuất bản, nhưng sau thấy quy mô cuốn sách lớn quá so với sức của mình, tôi phải chia sẻ công việc và trách nhiệm cho nhiều người mới thành được. Nhờ sự tháo vát của lớp trẻ thuộc hội VAALA (Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ) mà Y Sa, con của Lê Đình Điều, là người đứng đầu, từ sắp xếp lại nội dung, tìm nhà in bên Đại Hàn, vận động tài chánh cho đầy đủ sách mới xong (phải có số tiền 20 ngàn đô la mới bắt đầu được, trong đó tôi kiếm được 10 ngàn). Hội VAALA cũng do anh em Người Việt thành lập vào đầu thập niên 1990, sau khi Điều lâm bệnh nặng và qua đời thì Hội được chuyển lại cho lớp người trẻ.

Riêng cuốn *Xe Lên Xe Xuống* của Nguyễn Bình Phương tôi in năm 2011 khi không còn tạp chí *Thế Kỷ 21* nữa, mà đã bắt đầu thời kỳ *Diễn Đàn Thế Kỷ* (một tờ báo mạng do tôi phụ trách từ năm 2010). Một người quen với tôi ở Hà Nội trình bày với tôi Nguyễn Bình Phương vừa viết một cuốn sách rất đặc biệt, có nhu cầu xuất bản ở hải ngoại vì trong nước chắc chắn bị cấm. Thời gian này tôi không có ý định làm xuất bản nữa, nhưng khi nghe như vậy, tôi bảo gửi bản thảo cho tôi, đọc xong tôi quyết định xuất bản ngay. Cũng hơi liều, lần này in sách phải lấy tiền nhà mà trả chứ *Diễn Đàn Thế Kỷ* không có đồng xu nào. May mà cũng thu được vốn, và gửi sách thay nhuận bút cho tác giả đầy đủ.

Quyển cuối là *Kỷ Yếu hội thảo Tự Lực Văn Đoàn*, lấy tiền bá tánh mà in (mượn, hoặc tặng), rồi cũng in được đàng hoàng và trả hết nợ.

Tôi in một quyển sách khi nào tôi thấy cuốn đó cần in hay đáng in, chỉ có hai tiêu chuẩn đó thôi. Khi lời khi lỗ, khi vận động người khác yểm trợ chi phí, nhưng hình như không lúc nào tôi có cảm giác được “lời” về tiền bạc. Ví dụ cuốn *Kỷ Yếu* sau khi thu hồi được vốn, có ai hỏi, tôi tặng chứ không bán nữa (trừ các nhà sách).

Nhân đây tôi xin nói thêm về một sinh hoạt văn hóa khác do tôi sáng lập năm 2003 còn hoạt động tới ngày nay, đó là cuộc *Thi Vẽ Thiếu Nhi* nhân dịp Tết Trung Thu. Năm đó ngoài việc làm báo *Thế Kỷ 21*, tôi còn lo đài phát thanh VNCR, có lẽ vì công việc hằng ngày nhộn nhịp mà tôi nảy ra ý tổ chức cuộc thi vẽ này. Ngay lần tổ chức đầu tiên tại báo *Người Việt* vào dịp Tết Trung Thu năm 2003, cuộc thi vẽ đã đạt quy mô lớn với khoảng 300 thí sinh thiếu nhi và thiếu niên, và có tiếng vang rất tốt về phẩm chất cũng như là một sinh hoạt có ý nghĩa trong cộng đồng. Các năm tiếp theo thì hội VAALA đều đặn phụ trách tổ chức tổng cộng đã được 12 lần, chỉ có Trung Thu năm nay 2016 thì tạm nghỉ một năm vì Hội bận quá nhiều việc khác.



TDN: *Hà Nội trong mắt tôi*, một bút ký nhẹ nhàng nhưng sâu lắng và thấm thía. Tôi cũng đã từng ra Hà Nội nhiều lần và viết về Hà Nội như anh, qua bài *“Lô Sơn Yên Tỏa.”* Tôi tìm thấy rất nhiều điều tương đắc. Mấy chục năm sau, tuy bây giờ Hà Nội đã thay đổi nhiều, nhưng những nét chính, sản phẩm của một chế độ chính trị hà khắc, dường như vẫn thế. Tôi ghi lại vài đoạn:

– “Chỉ tiếc khi nhìn ngôi sao trên đỉnh tháp Rùa thì trí tưởng tượng của tôi về câu chuyện con rùa đòi thanh gươm của Lê Lợi không thể nào hoạt động được, nó tê cứng như con chuột bị con rắn thối miên vậy. Tôi tự hỏi có phải trong trường hợp nào cũng cần phải đem cái hiện tại đề lên trên cái cổ truyền như thế không. Thỏa mãn một nhu cầu nhất thời có khi lại làm hại một sự thành tựu đã lâu đời.”

– “Công thức sống tại thành phố này là: tôi là trung tâm, cái gì không phải tôi chỉ là phụ. Mọi cái xoay chung quanh là để phục vụ cho tôi, tôi tìm mọi cách khai thác cho mình tất cả những gì có thể khai thác được trong tâm tay. (...) Còn nếu cố tìm một chữ để diễn tả chung lối sinh hoạt của dân Hà Nội thì tôi thấy không chữ nào hơn là chữ “tùy tiện.” Từ việc lưu thông trên đường, đến mua bán, đến lấy nước, tắm giặt... tất cả đều theo một nguyên tắc: làm theo cách nào tiện lợi cho mình nhất thì làm.”

Một đoạn trong bài “*Chùa là cái Thiện của làng*”:

– “Tức là người dân trong xã hội miền Bắc không những bị ngăn chặn thông tin với thế giới bên ngoài mà còn bị ngăn chặn với thế giới bên trong của họ: họ thiếu tôn giáo, thiếu hẳn sự thể nghiệm, sinh hoạt cái tâm thức vô cùng sâu thẳm và phong phú vốn con người ai cũng có.”

PPM: Không ngờ Nho đọc lại “Hà Nội trong mắt tôi,” tôi rất cảm động...

TDN: Tôi đọc cuốn này lâu lắm rồi, từ khi mới qua Mỹ, sách do Nguyễn Mộng Giác gửi tặng. Và mới đọc lại đây.

PPM: Tôi viết bài *Hà Nội trong mắt tôi* tại Sài Gòn sau khi đi Hà Nội chơi trong một tháng mùa hè năm 1989. Một tháng ở nhà ông anh ruột, đảng viên, trung tá, nhưng thời anh tôi còn đi học tại trường Lê Khiết, Quảng Ngãi (1948-52) vẫn còn chịu ảnh hưởng của hai ông anh rể đều là Quốc Dân Đảng, nên cái nhìn của ông anh về mọi sự khá quân bình và hiểu biết chứ không giáo điều như những kẻ ít học hoặc bị bùng bít. Ngay cả bà chị dâu, tốt nghiệp kỹ sư dệt tại Liên Xô, cũng có cái nhìn thoáng, và đặc biệt bà ấy ghét Tố Hữu thậm tệ.

Chính hai ông bà rủ tôi đi xem vở kịch *Trái Tim Chó* tại nhà hát lớn Hà Nội, xem xong bà có vẻ bị sốc có lẽ vì không hiểu hết ý nghĩa sâu xa của kịch bản, cho mãi khi đọc bài *Hà Nội trong mắt tôi* thì thắc mắc của bà mới được giải tỏa. Bây giờ cả hai ông bà đều đã quy tiên, và tôi thấy cảm tình của tôi đối với ông anh tập kết và chị dâu rất sâu đậm.

Nhờ ở Hà Nội một thời gian lâu và được gặp gỡ tương đối nhiều giới qua vợ chồng ông anh, tôi đã quan sát được những điều như Nho mới trích dẫn. Hà Nội bây giờ thì chắc bề ngoài thay đổi nhiều lắm rồi, những cái ngô nghê như ngôi sao trên đỉnh tháp Rùa hẳn là đã được dẹp bỏ, nhưng lắm điều đã gắn chặt vào tâm tính, tâm hồn người dân miền Bắc của thời xã hội chủ nghĩa khắc nghiệt bây giờ cũng không cách nào gột rửa một cách nhanh chóng được. Những thứ mà tôi gọi là “gắn chặt” ấy không nằm trong ý thức hệ cộng sản đâu, tôi nghĩ hầu hết dân miền Bắc giờ này, với nhiều mức độ khác nhau tùy trình độ, đều đã ngộ ra lý thuyết cộng sản là thứ dỏm. Cái còn dính mãi trong tâm trí họ là hậu quả của cuộc sống kinh tế chỉ huy, là một cuộc sống vừa bị đè nén vừa nghèo đói của thời xã hội chủ nghĩa. Nó đã tạo nên trong con người sống thời đó một loại bản tính thứ hai, và mãi đến ngày hôm nay vẫn còn phảng phất nơi họ như một thứ bản năng. Nếu so sánh thì thấy người miền Nam khác hẳn, không hề có những đặc tính như vậy, mà tôi nghĩ phải trải qua những năm tháng cực khổ thiếu thốn và bị đè nén như thế nào những dấu vết như thế mới hẳn đậm nét lên tâm tính của con người. Dĩ nhiên đây chỉ là nhận định tổng quát của tôi, nhưng có nguồn gốc từ những quan sát cụ thể từ nhiều cá nhân mà tôi tiếp xúc. Ít nhiều ai trong xã hội đó đều bị vướng vào cái mà tôi tạm gọi là bản tính thứ hai ấy. Dĩ nhiên không phải là lỗi ở họ, mà ở chỗ chế độ khắc nghiệt mà họ đã sống.

Phần tâm linh cũng bị méo mó sau thời gian sống trong xã hội miền Bắc: nó mang tính thực dụng rõ rệt. Chính quyền sau mở cửa càng tiếp sức để làm hư hỏng tín ngưỡng bằng những “lễ hội” đầy mê tín với mục tiêu rõ rệt là kiếm tiền. Trong *Hà Nội trong mắt tôi*, tôi chỉ quan sát lớp người cũ chưa ra khỏi ảnh hưởng của những năm cấm đoán tôn giáo nghiệt ngã, vừa nhân danh xã hội chủ nghĩa vừa lý do chiến tranh. Hồi đó chưa có những hiện tượng lễ hội hoành tráng nhưng rỗng tuếch về ý nghĩa như sau này.

TDN: Tôi ra miền Bắc nhiều lần, bon chen kiếm sống, đi nhiều nơi, nhiều vùng khác nhau (anh có thể đọc thấy qua những bài ký đăng trên Thế Kỷ 21 và in lại trong *Loanh quanh những nẻo đường*) nên nhận thấy cái chế độ chính trị “hà khắc” này thoát thai từ ý thức hệ Cộng Sản, khiến cho nó “hà khắc” còn hơn cái hà khắc của một bạo chúa ngày xưa. Chính cái ý thức hệ này, khi mang ra áp dụng, tạo ra những biến tướng, những dị bản trong tâm lý người dân, lắm khi người ta không tìm thấy sự liên hệ. Hồi đó, khoảng năm 1983, có lần tôi đi tàu lửa, xuống ga Vinh, chứng kiến cảnh hàng chục người vây quanh đánh đập liên tục và không thương tiếc một cậu thiếu niên chỉ vì bắt gặp cậu ta ăn cắp một cái trứng gà, trong lúc những người khác chứng kiến một cách khoái trá. Mới nhìn, ta thấy có vẻ như chứng tỏ những người đó rất ghét cái ác, cái bất lương. Thực ra, tôi nhìn thấy có vẻ như họ thiếu cái “thiện” thông thường, trả thù cái “hà khắc” bằng sự hà khắc với nhau. Một cách giải tỏa tâm lý.

Nhưng thôi, hãy trở lại chuyện văn chương. Hầu như tất cả các hoạt động của anh đều dính líu trực tiếp đến văn chương. Và anh viết văn. Rất văn. Nhưng trông bộ anh không quan tâm đến chuyện sáng tác mấy. Truyện không thấy viết. Thơ không hề thấy. Sau *Hà Nội trong mắt tôi*, tập hợp những bài viết in rải rác đó đây, về sau này, anh viết khá nhiều: giới thiệu sách, những bài bút ký, những bài điểm sách, giới thiệu sách hay những bài tản mạn khác về văn học, văn hóa, chính trị... Nhiều bài đọc rất thấm, chẳng hạn bài “*Vang bóng một thời sắp qua*”.

Anh quan niệm MÌNH như thế nào? Và anh nhìn văn chương như thế nào?

PPM: Chuyện tôi không viết văn thì rất rõ, nhưng Nho là người đầu tiên phát giác là tôi không hề sáng tác. Tôi tự biết điều đó từ lâu. Truyện ngắn đầu tiên và cuối cùng tôi viết là đăng trên báo xuân của trường Chu Văn An niên khóa 1959-60, khi tôi học Đệ Nhất C ở đó. Tôi không bao giờ làm thơ. Nói chung, tôi không có năng khiếu sáng tạo. Những gì tôi viết thiên về nhận xét, bình phẩm một cái gì đó, ngay cả ở các du ký. Khuynh hướng ấy nếu đẩy cao một chút nữa thì có thể là nhà phê bình, nhưng vì tôi không học cao về lý thuyết văn chương, nên chỉ làm người điểm sách. Mình biết cái tầm của mình chỉ ngang đó.

Những bài có chút trình độ “văn” của tôi chính là các tùy bút, vẫn chứa nhiều nhận xét, bình phẩm, ít khi mang được tình cảm của mình vào. Thì cũng có lúc cảm khái, chẳng hạn khi thấy cả một thế hệ của nhà văn miền Nam sắp đi qua, ghi xuống một chút tình cảm xúc động. Chút ít như vậy thôi. Hình như ngòi bút của tôi lý trí nhiều hơn tình cảm, và thiếu chất tài hoa. Trong các bài thi thời trung học không bao giờ tôi chọn luận đề văn chương, mà chỉ viết về “nghị luận luân lý” hoặc cái gì tương tự. Cái “tôi” viết lách tóm lại chỉ có bấy nhiêu.

TDN: Tôi chẳng “phát giác” cái gì cả. Chưa hề đọc được sáng tác nào của anh thì bảo anh chưa hề sáng tác, thế thôi. Một cách hỏi để được trả lời ấy mà.

Ngược lại với nhận xét của anh về mình, tôi nhận thấy những bài viết của anh, chất văn rất nhiều, lại đậm đà hơn nhờ những suy gẫm. Có thể nói là một loại văn-triết. Văn lai triết. Loại văn lai lai này khiến nó trông có vẻ ... nghị luận, nói theo kiểu của anh. Thì tránh sao được. Bao năm lặn sâu vào những suy tư triết học làm sao không “méo mó nghề nghiệp”. Chả thế mà nhìn sự vật bao giờ cũng nhìn qua lăng kính của những cảm nhận của một người suy tư. (Tôi cũng học triết, nên có người chê tôi là cách viết văn của tôi khi nào cũng mang tính lý sự.) Văn triết cũng là văn.

Nhưng nhất định không phải là nghị luận luân lý. Những bài viết của anh đậm đà chất tùy bút. Nó lang bang, nhưng không lang bang ... một cách vô định. Này nhé,

“Nhưng các đám mây tím ấy mang một vẻ đẹp kỳ lạ. Cao mà không ngạo, tím mà thanh thoát, như một lời hẹn hò mà không mong sự tương phùng. Nó là một nỗi băng khuâng. Nó đưa người ta trong một chốc lát vào một tâm cảnh huyền hoặc tựa hồ trong dáng vẻ và màu sắc ấy có chất ma túy nhẹ và loãng nhưng đủ gây một ma lực khiến băng khuâng, tưởng như trong ấy cảnh và người của một kiếp xa xôi nào đấy, nhưng lâng lâng niềm vui chờ mong của một cuộc hẹn hò mãi mãi.” (“Hoa tím băng khuâng,” Phạm Xuân Đài)

PPM: Cám ơn Nho...

TDN: Ngoài việc điều hành trang mạng *Diễn Đàn Thế Kỷ*, anh còn dự tính gì cho những hoạt động tương lai?

PPM: Ngoài chuyện làm báo, hiện nay tôi đang viết hồi ký. Đó không phải là một “dự định” mà là một việc tôi đã bắt đầu làm khá lâu rồi, có thể từ mười năm nay, nhưng còn mịt mù không biết bao giờ thì xong. Vì thế cuốn hồi ký ấy cũng có thể coi là một công việc của tương lai.

Tôi viết không liên tục, thường hay bỏ dở dang khi bận những việc khác. Có dạo Thơ Thơ khuyên tôi một ý rất hay, là đừng viết hồi ký theo lối biên niên, mà theo từng sự việc nổi bật trong đời. Theo lời khuyên ấy tôi đã viết cho Da Màu bài *Tết năm Đinh Hợi-1947*, là cái tết cuối cùng ở làng trước khi gia đình tôi đi tản cư. Tính tôi hay bỏ dở dang công việc lắm, khi qua cơn hào hứng ban đầu tôi xao lãng dần, có khi quên phứt luôn. Một số bài du ký tôi đăng trên *Thế Kỷ 21* trước đây cũng ở trong tình trạng dở dang như vậy. Được cái báo một tháng mới ra một lần nên độc giả cũng chẳng để ý, mà chính tôi cũng chẳng để ý, coi như quên luôn, coi như bài ấy đã kết thúc rồi. Rồi cũng xong.

Vì thế “dự án lớn” hồi ký đời tôi không biết có dấu chấm hết trước khi tôi chết không, dù là viết theo biên niên hay theo sự kiện. Dù năm nay tôi đã 78 rồi tôi cũng không cảm thấy cần phải nhanh với chữ vội vàng lên với chữ chút nào hết. Mọi việc vẫn tà tà theo cái cách của tôi, tới đâu thì tới.

Việc viết hồi ký là thiết thân với mình mà tôi còn cà rề như vậy, huống chi các việc khác liên quan đến những vấn đề như văn học, chính trị, xã hội... thì tôi càng thấy “lông lẻo” lắm, vì cảm nhận rất rõ lực bất tòng tâm rồi. Có lẽ chỉ còn một việc mà tôi cho là rất đáng làm bây giờ, đó là nghiên cứu kinh Phật. Đôi khi tôi tự hỏi, đến khi nào thì trí tuệ và tâm linh mới nhập được làm một đây ?!

TDN: Mừng anh! Hy vọng điều này sẽ giúp anh luôn luôn tìm thấy bình an trong tâm hồn.

Nhưng trước khi chấm dứt câu chuyện, xin hỏi anh một câu hỏi có hơi riêng tư một chút. Tên anh là Phạm Phú Minh, “Phạm Phú” ở đây có liên hệ gì đến nhân vật Phạm Phú Thứ trong lịch sử?

PPM: Tôi là cháu cố trực hệ (ba đời) của ông Phạm Phú Thứ, người làm phó sứ cho phái bộ Phan Thanh Giản đi sứ qua Pháp năm 1863 dưới thời vua Tự Đức.

TDN: Thì ra thế! Là hậu duệ của một nhân vật lịch sử, anh có cảm tưởng gì đặc biệt về ông cụ cố?

PPM: Làm cháu của một danh nhân thì luôn luôn có một niềm vinh dự, nhưng nhiều khi cũng... bút rứt. Tôi có một bà cô ruột (chị của cha tôi), một lần trước 1975, khi ấy cô đã ngoài tám mươi, đã hỏi tôi rằng: “Như anh Hiền của con, qua Pháp đi học đậu được bằng cấp như thế, thì đã bằng ông cố ngày xưa chưa?” Cô của tôi, một bà già không biết chữ suốt đời lo việc tầm tang, tại sao đã hỏi tôi một câu như thế? Rõ ràng là trong tâm hồn cô tôi luôn luôn có sự theo dõi, so sánh và

mong ước đám con cháu được lừng lẫy. Nhưng một mảnh bằng tiến sĩ trên đất Pháp mà đem so sánh với sự nghiệp của ông cố tôi, thì quả thật khó quá!

Theo tôi, ảnh hưởng quan trọng nhất của tổ tiên đối với con cháu là việc tạo lập nên một nề nếp trong đời sống. Nếu một nhân vật trong quá khứ đã đánh dấu được một thành công nổi bật nào đó về nhân cách, về tài năng, về đức độ, về học vấn thì cả gia tộc được hưởng trực tiếp nề nếp tinh thần của một cách sống, cách ứng xử cho hợp với đạo đức và danh dự mà chúng ta gọi là gia phong. Một nhân vật sáng chói của một giòng họ lúc nào cũng như hiện diện để nhắc nhở con cháu một điều gì đấy, luôn luôn khiến mình phải cảnh giác không phạm phải những điều không xứng đáng. Đó là cái tôi cảm thấy rõ rệt nhất trong đời tôi, với tư cách là cháu của cụ Phạm Phú Thứ, một nhân vật lịch sử.

(Thực hiện qua email, từ tháng 6/2016 đến tháng 9/2016)
Nguồn: diendantheky.net